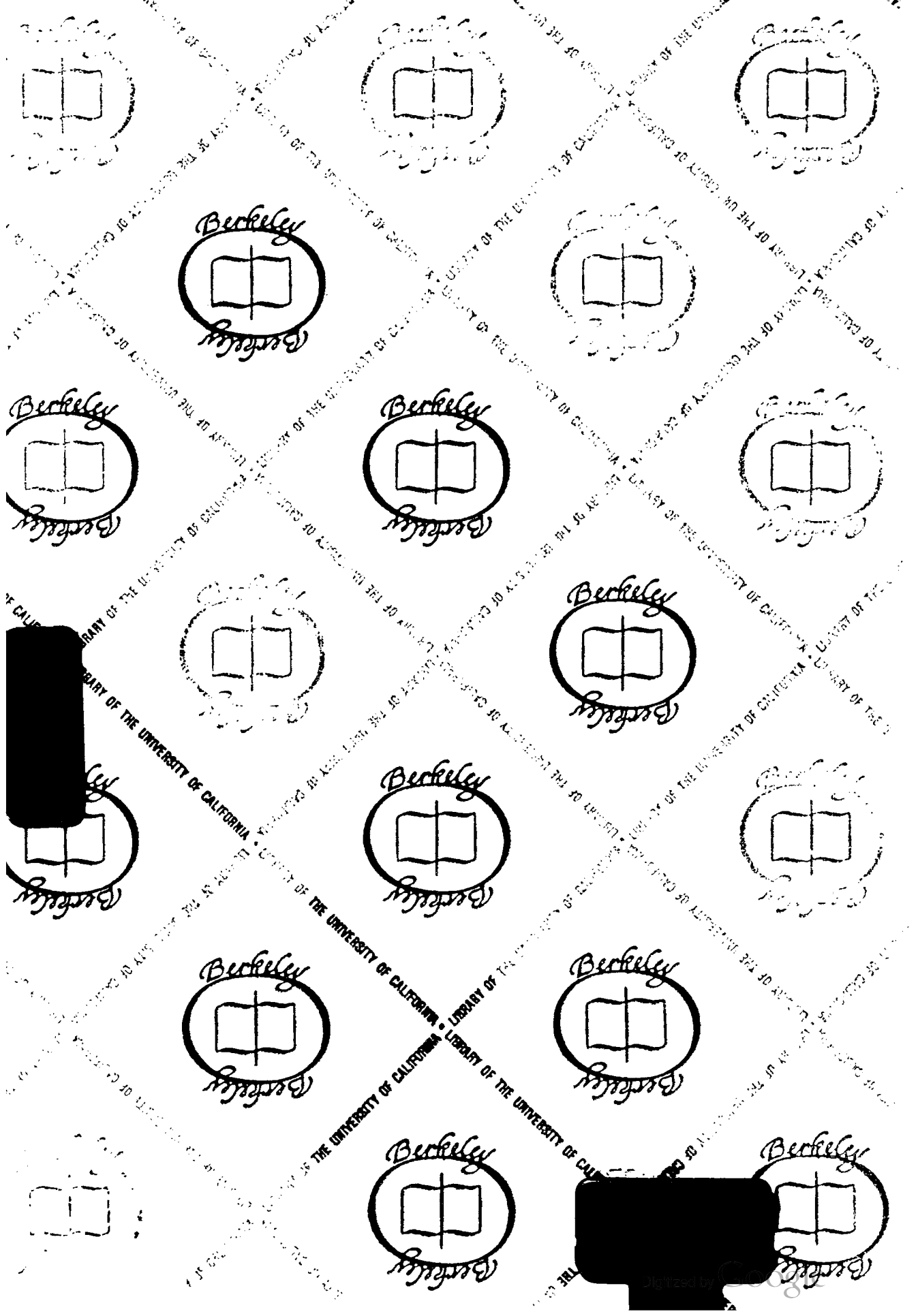
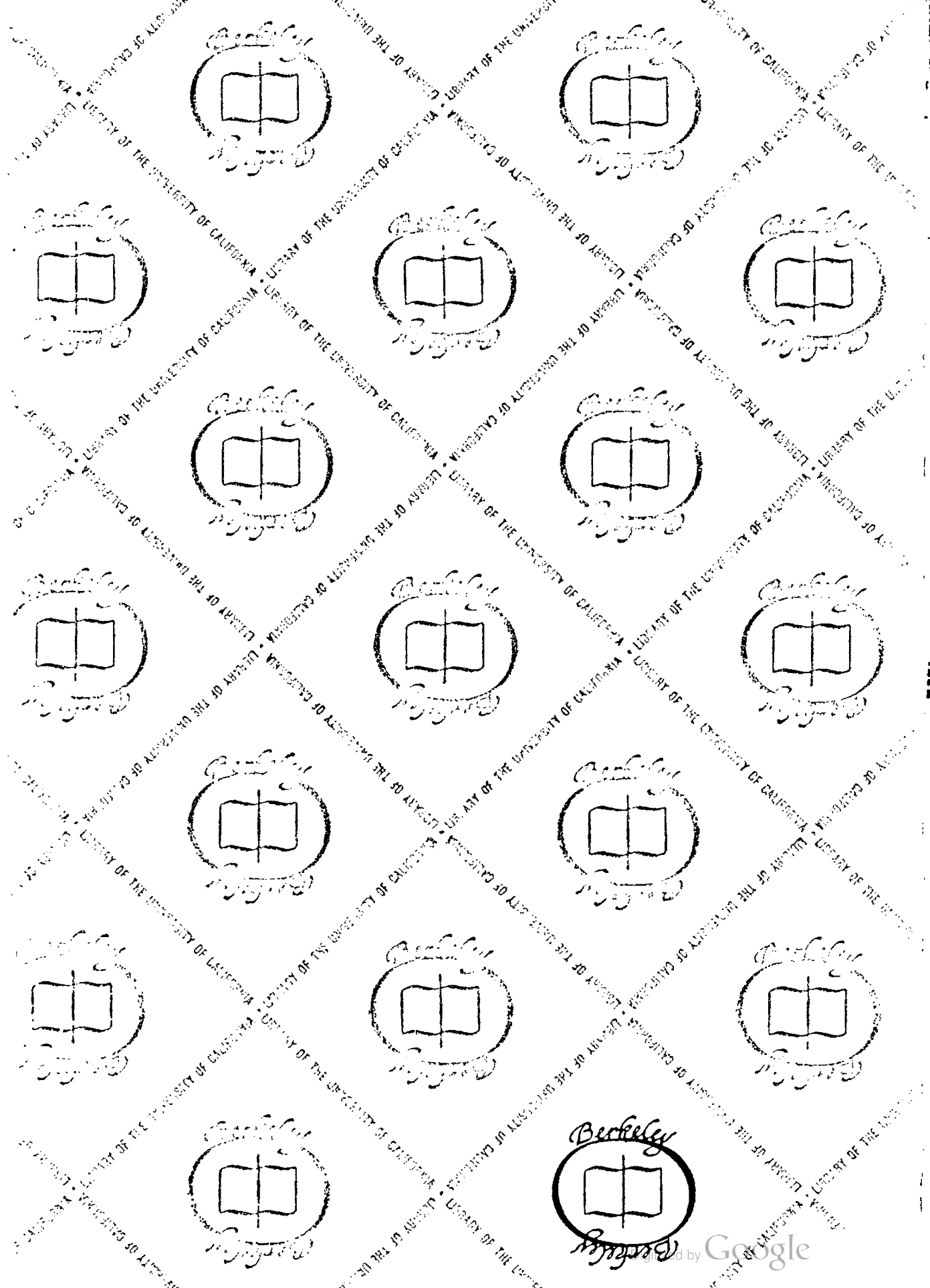


UC-NRLF



B 4 955 645





4/29

Tạp chí Cộng sản



1
1992

QUẢNG CÁO



TAMEXCO

IMPORT - EXPORT - TOURISM - CONSTRUCTION

415 HOÀNG VĂN THỤ STREET
TÂN BÌNH DISTRICT
HOCHIMINH CITY
TEL : 40793 - 41755 - 41666
FAX : 84-8-44627

NHẬP KHẨU :

MÂY MỐC NGUYÊN NHÊN
VẬT LIỆU VÀ CÁC LOẠI HÀNG
TIÊU DÙNG XE NISAN 5 CHỖ
NGỒI VÀ 15 CHỖ NGỒI CÒN
MỚI 100%

- HẠT NHỰA CÁC LOẠI
- XĂNG, DẦU, PHỤ
TÙNG TÀU BIỂN
- PHÂN BÓN CÁC LOẠI



XUẤT KHẨU :

NÔNG SẢN, LÂM SẢN, HẢI SẢN, THỎ SẢN VÀ
DƯỢC LIỆU



DỊCH VỤ :

- Nhà hàng khách sạn,
hướng dẫn thương nhân
nước ngoài đầu tư vào
nước Việt Nam, hợp tác với
các Công ty nước ngoài, xây
dựng, mua bán, cho thuê nhà
ở và trụ sở làm việc.

TAMEXCO

Hân hạnh được đón tiếp và
phục vụ quý khách



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1-1992 . NĂM THỨ XXXVIII (433)

LIBRARY

FEB 27 1992

UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

- Thông báo Hội nghị lần thứ hai BCH TƯ Đảng (khóa VII)	3
XÃ LUÂN - Phần đầu thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1992	6
ĐỖ MUỘI - Cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước	10

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Để góp phần bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	18
	LÊ TRUNG NGUYỆT - Về tính chính thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin	22
	HOÀNG CHÍ BẢO - Con người - vấn đề trung tâm của chính sách xã hội	26

Nghiên cứu - Trao đổi	HỒ NGỌC ĐẠI - Phạm trù cá nhân	30
	PHẠM NGỌC PHONG - Lãi suất ngân hàng và cơ chế thị trường	35

Ý kiến và kinh nghiệm	ĐÀO TRÍ ÚC - Một số vấn đề cơ bản về hiến pháp	39
	MAI TIẾP - Qua đại hội đảng bộ các cấp vòng hai	42
	VŨ NGỌC BÌNH - Vấn đề dân số và giáo dục dân số ở Việt nam	45
	CAO DUY HẠ - Cạnh tranh hàng nội - hàng ngoại ở thị trường nước ta	48

Thư gửi Bộ biên tập	LÊ ĐIỀN - Những vấn đề kinh tế - xã hội ở miền núi	51
---------------------	--	----

Thế giới : vấn đề, sự kiện	PHAN DOÃN NAM - Thế giới năm 1991	54
	Bà NGÔ BÁ THÀNH - Một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến	56

Qua sách báo nước ngoài	MICHIO KAKU - Không có sữa và mật ong trong tương lai của Liên xô	61
----------------------------	---	----

Bìa 1 : Sa pa mùa xuân

Ảnh : Đình Quang Thành

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. **Dây nói :** 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Năm mới

Thân ái chúc bạn đọc

Sức khỏe mới, cố gắng mới

Giành thắng lợi mới

Xuân 1992 (Nhâm Thìn)
TẠP CHÍ CÔNG SẢN



THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII) đã họp từ ngày 25 tháng 11 đến ngày 4 tháng 12 năm 1991, tại Hà Nội. Hội nghị đã thông qua những tư tưởng chỉ đạo nhiệm vụ và giải pháp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992 - 1995; những quan điểm và phương hướng cơ bản trong việc sửa đổi Hiến pháp cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; chương trình toàn khóa và quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương; quy chế Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc diễn văn khai mạc và bế mạc Hội nghị.

1 - Về nhiệm vụ và giải pháp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992 - 1995, Hội nghị nhận định rằng: năm 1991, mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn hết sức gay gắt, nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục có một số chuyển biến tích cực. Trong bối cảnh đầy thử thách của năm 1991, việc giữ vững sự ổn định về chính trị và bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn là kết quả có ý nghĩa rất quan trọng. Nó chứng minh rằng Đảng ta là người khởi xướng công cuộc đổi mới theo đường lối phù hợp với điều kiện thực tế nước ta, hoàn toàn có khả năng lãnh đạo nhân dân ta thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước thực hiện dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế và xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp, có mặt rất gay gắt. Quản lý vĩ mô của Nhà nước có những khuyết điểm và sơ hở, cơ chế quản lý tài chính tiền tệ có nhiều

thiếu sót. Việc ngăn chặn tình trạng tham ô, lãng phí, buôn lậu, đầu cơ ít hiệu quả; chậm sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và đổi mới kinh tế tập thể. Việc sắp xếp tổ chức và giảm biên chế chậm. Tình trạng mất trật tự, kỷ cương còn nghiêm trọng.

Năm 1992 và những năm tiếp theo có những khó khăn mới, nhưng cũng có nhiều thuận lợi mới, là thời điểm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với đất nước ta. Để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và phát triển nhanh hơn, chúng ta phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, mà nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là lập lại trật tự trong kinh tế, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, tạo môi trường và điều kiện phát huy mạnh mẽ các tiềm năng về lao động và trí tuệ, ruộng đất và tài nguyên, vốn và tài sản trong mỗi gia đình, mỗi tập thể và trong cả xã hội, đồng thời tận dụng có hiệu quả những khả năng mới trong việc mở rộng kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường, thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài, tạo chỗ đứng trên thị trường thế giới.

Trong các năm 1992 - 1995 phải thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Phấn đấu đẩy lùi lạm phát, hình thành hệ thống tài chính - tiền tệ ổn định, tạo môi trường cho sản xuất hàng hóa phát triển.

- Nâng dần nhịp độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển những ngành, những địa bàn và cơ sở sớm đưa lại hiệu quả và tạo ra nhiều việc làm. Phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế để phát triển nông nghiệp toàn diện, khai thác đất trồng đồi trọc, phát triển mạnh các cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa ở thành thị và

nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu, mở mang dịch vụ. Tập trung đầu tư của Nhà nước vào xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số công trình then chốt.

- Ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân đi đôi với đẩy mạnh tiết kiệm và tích lũy trong nền kinh tế. Triển khai thực hiện luật bảo vệ sức khỏe, chương trình quốc gia vì trẻ em, chương trình kế hoạch hóa gia đình, giảm nhịp độ tăng dân số và các chương trình về y tế.

- Sử dụng tối lực lượng hiện có và không ngừng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của đất nước, đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất và quản lý. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chú trọng thực hiện việc phổ cập giáo dục tiểu học, mở rộng dạy nghề và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, các nhà kinh doanh.

- Tiếp tục đổi mới và đồng bộ hóa cơ chế quản lý kinh tế, trọng tâm là cơ chế quản lý vĩ mô của Nhà nước và cơ chế quản lý các đơn vị kinh tế quốc doanh. Cải cách bộ máy Nhà nước cả về tổ chức, phương thức hoạt động và cán bộ phù hợp với cơ chế mới, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước. Phát huy dân chủ đi đôi với thiết lập kỷ luật, trật tự theo pháp luật; chống quan liêu, tham nhũng.

- Tăng cường sự ổn định chính trị, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng, đề cao cảnh giác.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng các đảng bộ trong sạch, vững mạnh, gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Các cấp bộ đảng từ trung ương đến cơ sở phải thực sự coi trọng công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng.

Trong việc thực hiện những nhiệm vụ nêu trên, năm 1992 có vị trí quan trọng, phải tạo được bước tiến mới về ổn định kinh tế - xã hội.

Trong những năm tới phải tập trung thực hiện **5 giải pháp lớn** sau đây để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội :

Một là, ổn định tình hình tài chính - tiền tệ, đẩy lùi lạm phát bằng những biện pháp chính là : đẩy

mạnh sản xuất, phấn đấu bảo đảm cân đối cung cầu, cân đối tiền hàng, cân đối xuất nhập khẩu, cân đối thu chi ngân sách. Xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh, chuyển các ngân hàng tín dụng sang kinh doanh thực sự ; đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối, hạ cơ sở vàng, ngoại tệ và ngăn ngừa tái phát ; đổi mới một bước mạnh mẽ phương thức cân đối ngân sách, thực hiện chế độ ngân sách thống nhất và tiến hành phân cấp quản lý ngân sách một cách hợp lý ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý giá.

Hai là, phát huy mạnh mẽ tiềm năng của các thành phần kinh tế là giải pháp quan trọng nhất để khơi dậy các nguồn lực của đất nước. Cùng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt, xử lý dứt điểm những cơ sở không cần duy trì hình thức quốc doanh ; đổi mới các hợp tác xã hiện có theo hướng vừa bảo đảm quyền làm chủ của hộ xã viên vừa đổi mới để nâng cao hiệu quả quản lý của các ban quản trị, phát triển các hình thức hợp tác mới đa dạng, thực hiện chính sách giao ruộng đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài ; tạo môi trường và điều kiện cho kinh tế cá thể, tư nhân phát triển mạnh mẽ, kinh doanh theo pháp luật.

Ba là, mở rộng có hiệu quả kinh tế đối ngoại, xác định chính sách thị trường phù hợp với tình hình mới, thực hiện các chính sách khuyến khích thật mạnh xuất khẩu đi đôi với kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, tiếp tục hoàn chỉnh các chính sách đi đôi với tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, bao gồm vốn, công nghệ...

Bốn là, thực hiện một bước trong năm 1992 về giải quyết việc làm và cải cách chế độ tiền lương, coi đó là những vấn đề xã hội cấp thiết nhất, đồng thời là một khâu nòng cốt để tạo nên chuyển biến cả về kinh tế, xã hội và chính trị. Các vấn đề xã hội khác, đặc biệt là giáo dục, y tế, văn hóa cũng phải đạt được tiến bộ rõ rệt, tạo được không khí mới trong đời sống xã hội, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế.

Năm là, cải cách hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước theo Hiến pháp sửa đổi, làm trong sạch bộ máy quản lý Nhà nước, nâng cao hiệu lực của pháp luật, thiết lập trật tự kỷ cương, trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, chống tham

những, buồn lâu, ức hiếp dân.

2 - Về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1980, cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương cho rằng trong thời gian qua, chúng ta đã từng bước đổi mới hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội. Tình hình hiện nay đòi hỏi và cho phép chúng ta tiến hành đổi mới hệ thống chính trị một bước căn bản hơn, có hệ thống hơn, làm sâu sắc thêm quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện. Trong bước đổi mới này, chúng ta tiến hành sửa đổi Hiến pháp năm 1980, cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đây là những công việc rất hệ trọng, là nội dung lớn của việc đổi mới hệ thống chính trị mà Đại hội VII của Đảng đã đề ra. Việc sửa đổi Hiến pháp, cải cách một bước bộ máy Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực quản lý xã hội của Nhà nước, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho kiến trúc thượng tầng phát huy tốt vai trò thúc đẩy, mở đường cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Công cuộc đổi mới nói chung và cải cách bộ máy Nhà nước nói riêng là một quá trình phải tiến hành tích cực, song phải tính toán bước đi vững chắc, bảo đảm giữ vững và tăng cường ổn định chính trị. Quá trình ấy phải dựa chắc trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn đất nước và những kinh nghiệm xây dựng Nhà nước Việt Nam trong hàng chục năm qua, có tính đến những kiến thức và kinh nghiệm tiên tiến trên thế giới.

Hiến pháp sửa đổi khẳng định mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa; khẳng định bản chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Nguyên tắc tập trung dân chủ được quán triệt trong tổ chức và hoạt động chính quyền từ trung ương tới cơ sở; Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công phân nhiệm rành mạch ba quyền. Hiến

pháp sửa đổi quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; khẳng định vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân là cơ sở chính trị vững chắc của Nhà nước; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh rằng, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của Nhà nước có hiệu lực, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực của Nhà nước là hai mặt thống nhất. Tuy có vai trò và chức năng khác nhau, cần phân định rõ, nhưng cả Đảng và Nhà nước đều là những công cụ thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu vì lợi ích của nhân dân.

Việc sửa đổi Hiến pháp có ý nghĩa rất quan trọng. Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu các cấp ủy đảng và toàn thể đảng viên tích cực tham gia cùng toàn dân thảo luận và đóng góp ý kiến vào bản dự thảo mà Ủy ban sửa đổi Hiến pháp sẽ công bố; lãnh đạo chặt chẽ với tinh thần thực sự dân chủ.

Ban Chấp hành Trung ương tin tưởng rằng, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phát huy quyền thống nhất nước, yêu chủ nghĩa xã hội và quyền làm chủ đất nước thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong các năm 1992-1995, và đóng góp trí tuệ của mình để xây dựng bản Hiến pháp sửa đổi.

3 - Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua chương trình toàn khóa và quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương; thông qua quy chế làm việc của ba đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương: Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công.

4 - Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Lê Văn Kiến và đồng chí Nguyễn Thị Xuân Mỹ làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Xã luận

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN TỐT CÁC NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1992

NĂM 1991 chúng ta phải đương đầu với nhiều khó khăn hết sức gay gắt : thiên tai xảy ra liên tiếp ở hầu khắp các miền đất nước ; sự biến động ở các nước Đông Âu và Liên xô làm cho các hiệp định kinh tế đột ngột mất hiệu lực. Tuy nhiên, chúng ta đã phấn đấu bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn, một số mặt có chuyển biến tích cực.

Sản xuất lương thực tiếp tục phát triển tốt, sản lượng đạt 21,7 triệu tấn, tăng vài chục vạn tấn so với năm 1990. Đáng chú ý là việc lưu thông lương thực có nhiều tiến bộ, do đó đã giảm bớt được tình trạng căng thẳng lương thực ở một số vùng.

Sản xuất công nghiệp tuy có nhiều khó khăn về vốn và nguyên liệu, nhưng nhiều xí nghiệp, đơn vị sản xuất đã phát huy tinh thần chủ động sáng tạo, mở rộng liên doanh liên kết, giữ vững sản xuất và có mặt tiếp tục phát triển. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng 5% so với năm 1990, riêng công nghiệp trung ương tăng 16%. Nhiều sản phẩm quan trọng như dầu thô, điện, than, thiếc, thép, phân lân, xi măng... đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách.

Mặc dù quan hệ với thị trường Liên xô và các nước Đông Âu có những thay đổi đột biến, nhưng kim ngạch xuất khẩu của ta năm 1991 vẫn đạt kế hoạch và đáp ứng nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hóa cần thiết, đánh dấu một bước tiến nổi bật về chuyển hướng thị trường và cân đối xuất - nhập khẩu.

Những cải tiến bước đầu về chính sách và phương thức thu thuế đã góp phần tăng thu cho ngân sách. Hệ thống ngân hàng được tổ chức lại với sự hình thành các ngân hàng kinh doanh, đã bước đầu thúc đẩy lưu thông tiền tệ.

Công tác khoa học kỹ thuật và đổi mới quy trình công nghệ, các mặt hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội có nhiều cố gắng và tiến bộ.

Trong hoàn cảnh đầy khó khăn và phức tạp của năm 1991, cùng với việc giữ vững ổn định chính trị, việc bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn có ý nghĩa rất quan trọng làm tiền đề phát triển cho những năm sau. Điều đó một lần nữa khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là hết sức đúng đắn.

Tuy nhiên, cho đến nay tình hình kinh tế xã hội vẫn chưa ổn định và đang có nhiều diễn biến phức tạp. Lạm phát còn ở mức cao ; giá vàng, đôla liên tục tăng từ nhiều tháng nay ; nạn chảy máu vàng, đôla qua biên giới chưa chặn lại được. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp tiếp tục giảm sút. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế còn thấp, tích lũy không đáng kể. Mức tăng dân số còn cao, số lao động không có việc làm tăng thêm. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là ở vùng bị thiên tai, đồng bào miền núi, những người hưởng lương và trợ cấp qua ngân sách. Tình trạng coi thường pháp luật, phá hoại trật tự kỷ cương xã hội diễn ra nghiêm trọng ; tệ tham nhũng, sách nhiễu, ức hiếp quần chúng, nạn buôn lậu và làm hàng giả đang kìm hãm sản xuất trong nước ; thu nhập phi pháp, bất công cùng với sự lan tràn văn hóa đồi trụy và các tệ nạn xã hội đang là điều nhức nhối, gây bất bình lớn trong nhân dân.

Tình hình trên đây có nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ quan nổi bật là chính sách

quản lý vĩ mô có những thiếu sót và sơ hở, để kéo dài tình trạng bao cấp qua vốn và tín dụng, buông lỏng quản lý ngoại hối, không ngăn chặn được tình trạng buôn lậu, đầu cơ và sử dụng lãng phí ngoại tệ ; chậm sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và đổi mới kinh tế tập thể ; kỷ luật đảng và pháp nước không nghiêm, thậm chí còn nhu nhược. Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyển biến quá chậm, nhiều cơ quan và cán bộ các ngành các cấp kém cả năng lực và phẩm chất.

*

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay đòi hỏi có bước chuyển biến tích cực và mạnh mẽ hơn. Có như vậy mới có thể đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện tốt những nhiệm vụ do Đại hội VII của Đảng đề ra.

Năm 1992 có vị trí hết sức quan trọng. Đó là năm có tính chất quyết định để nền kinh tế thích ứng với những biến động của tình hình quốc tế, giữ vững và phát huy thành tựu đổi mới, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu, tạo dần sự ổn định kinh tế - xã hội.

Trong năm 1992 phải tập trung sức hoàn thành tốt những nhiệm vụ mà Hội nghị lần thứ hai BCH TƯ Đảng (khóa VII) và kỳ họp thứ mười Quốc hội (khóa VIII) đã đề ra. Đặc biệt là những nhiệm vụ sau đây :

Một là, kiên quyết đẩy lùi và không chể lăm phát, nhanh chóng ổn định nền tài chính - tiền tệ quốc gia. Đổi mới một bước căn bản ngân sách nhà nước, bao gồm việc bố trí lại cơ cấu và phương thức cân đối ngân sách, cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách, xây dựng kỷ cương tài chính và tăng cường công tác thanh tra tài chính nhà nước. Đổi mới cơ cấu ngân sách theo hướng nhà nước thống nhất quản lý ngân sách phù hợp với nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường, tiếp tục xóa bao cấp. Thực hiện thu đúng, thu đủ theo các luật thuế, coi thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Tìm thêm các nguồn thu mới, kể cả việc bán bất động sản và các tài sản không sinh lợi, cổ phần hóa một số cơ sở kinh tế có điều kiện, tính đúng tính đủ khấu hao cơ bản... để tăng nguồn thu cho ngân sách.

Mở rộng các loại bảo hiểm và động viên cao hơn nữa sự đóng góp và khả năng lo liệu của nhân dân, của các thành phần kinh tế vào việc phát triển sự nghiệp văn hóa, xã hội. Kiên quyết không phát hành tiền để bù đắp thiếu hụt ngân sách.

Từng bước thực hiện lãi suất dương tạo điều kiện cho ngân hàng thực sự đi vào hạch toán kinh doanh. Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối, hạ cơ sở vàng, ngoại tệ, và ngăn ngừa tái phát. Hình thành các trung tâm mua bán ngoại tệ với tỷ giá hợp lý, từng bước loại trừ thị trường chợ đen về ngoại tệ.

Điều quan trọng là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải kinh doanh theo pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính và các nguyên tắc, thể lệ do Nhà nước quy định... Đây là một điều kiện để chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an toàn cho mọi hoạt động kinh doanh, đồng thời cũng là một tiền đề để chống đầu cơ, buôn lậu, tham nhũng.

Hai là, nâng dần nhịp độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Tập trung vào những ngành then chốt và những sản phẩm quan trọng nhất, phát huy thế mạnh của từng vùng và huy động tối đa khả năng của các thành phần kinh tế vào phát triển sản xuất.

Tiếp tục coi nông nghiệp là một trận hàng đầu. Phấn đấu đưa sản lượng lương thực lên 22 - 22,5 triệu tấn năm 1992, chủ yếu bằng con đường thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng. Phát triển mạnh các cây công nghiệp, nhất là cây công nghiệp ngắn ngày theo nhu cầu của thị trường ; khuyến khích phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Triển khai một bước chương trình trồng rừng phủ xanh đất

trồng, đổi tọc, gắn việc phát triển kinh tế rừng với giải quyết việc làm, định canh định cư, xây dựng vùng kinh tế mới.

Tập trung bảo đảm các điều kiện để phát triển nhanh những sản phẩm công nghiệp trọng yếu của nền kinh tế như dầu khí, điện, xi măng, phân bón, thép, các loại khoáng sản, các sản phẩm công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu và có nguồn thu lớn cho ngân sách. Sắp xếp lại công nghiệp quốc doanh để bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, phát huy vai trò nòng cốt trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, liên kết liên doanh, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển. Hình thành các loại xí nghiệp hỗn hợp bằng hình thức liên doanh, góp cổ phần, bán trái phiếu. Làm thí điểm và mở rộng từng bước vững chắc việc cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh, trước hết là các xí nghiệp làm ăn có lãi, có sức thu hút vốn; khuyến khích phát triển công nghiệp tư nhân.

Đẩy mạnh xuất nhập khẩu và mở rộng kinh tế đối ngoại. Coi xuất khẩu là chìa khóa để phát huy lợi thế của nước ta về lao động, về cây công nghiệp vùng nhiệt đới, về tài nguyên khoáng sản, và là khâu quyết định tăng trưởng của nền kinh tế, tạo thêm việc làm cho người lao động, bảo đảm nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất. Khâu then chốt có ý nghĩa quyết định là phải chấn chỉnh và hoàn thiện cơ chế xuất nhập khẩu, thực hiện đầy đủ Quyết định 337/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng về quản lý ngoại tệ. Củng cố các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu, xóa bỏ các tổ chức trung gian, nâng cao hiệu quả xuất nhập khẩu, bảo đảm thị trường ổn định cho xuất nhập khẩu.

Tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa, đồng bộ hóa những cơ sở sản xuất có điều kiện phát triển, nhất là các cơ sở làm hàng xuất khẩu, đồng thời chuẩn bị xây dựng mới một số công trình then chốt đã được xác định trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995. Điều quan trọng là phải thực sự đổi mới việc quản lý vốn đầu tư và bố trí cơ cấu đầu tư theo hướng xóa bao cấp, tập trung có trọng điểm, có hiệu quả, đồng thời tìm mọi cách khai thác các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Ba là, giải quyết một số vấn đề cấp bách về đời sống và xã hội :

- **Giải quyết việc làm** là một trong những nhiệm vụ bức bách, không chỉ là vấn đề đời sống, mà còn có ý nghĩa chính trị và xã hội rất lớn, cần được thực hiện theo một chương trình đồng bộ, gắn vấn đề giải quyết việc làm với thực hiện các chương trình phát triển kinh tế xã hội.

Kết hợp hài hòa giữa Nhà nước và người lao động trong giải quyết việc làm. Trên cơ sở phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mỗi người lao động tự tạo việc làm cho mình, Nhà nước sẽ sớm ban hành luật lao động để mọi người tự do làm ăn, thuê mướn nhân công và hỗ trợ bằng cách mở trường dạy nghề, cho vay vốn, trợ giúp kỹ thuật, tìm kiếm thị trường, xây dựng cơ sở hạ tầng, v.v..

Hướng chủ yếu để giải quyết việc làm là thu hút lao động tại chỗ vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới bằng khai hoang, tăng vụ, phát triển chăn nuôi, dịch vụ, ... tạo ra nhiều ngành nghề mới trong nông thôn. Phát triển các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, thu hút lao động thành thị. Phát triển các tổ chức thanh niên xung phong làm kinh tế. Tìm thị trường mới để xuất khẩu lao động và chuyên gia. Tổ chức tốt việc thực hiện chương trình EC về tạo việc làm cho những người hồi hương. Tiếp tục phân bố lại dân cư giữa các vùng. Dành một phần vốn ngân sách thích đáng để giải quyết số lao động dôi ra của khu vực nhà nước trong quá trình giảm biên chế.

- Về **tiền lương**, phải xóa dần các khoản bao cấp trong chính sách tiền lương và những sự chênh lệch vô lý trong việc trả lương. Việc cải cách tiền lương phải gắn với chống lạm phát, đổi mới các chính sách xã hội, giảm biên chế và tăng năng suất lao động. Trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn chúng ta chưa

thể cải cách chế độ tiền lương một cách toàn diện cùng một lúc mà phải có bước đi thích hợp. Năm 1992, tiếp tục bù trượt giá để tiền lương thực tế không giảm, đồng thời thực hiện một bước tiền tệ hóa tiền lương; đưa một số khoản phụ cấp, trợ cấp vào lương. Có chính sách điều tiết hợp lý các khoản thu nhập của các tầng lớp dân cư, bảo đảm mức sống tối thiểu của những người ăn lương.

- Đổi mới công tác giáo dục phù hợp với phương hướng đổi mới kinh tế - xã hội nhằm phát triển sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh, chống mê tín dị đoan. Tiếp tục thực hiện chương trình phổ cập bậc tiểu học và xóa mù chữ. Mở thêm các loại trường bán quốc lập, dân lập, tư thục phù hợp với thực tế của từng địa phương. Phát triển mạng lưới dạy nghề trong tất cả các thành phần kinh tế. Nghiên cứu cải cách chương trình đào tạo ở bậc đại học và trung học chuyên nghiệp. Đa dạng hóa hình thức và quy mô đào tạo, chú trọng đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có, nhất là cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh và cán bộ khoa học kỹ thuật. Xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp.

- Thực hiện tốt chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu cho mọi người, đặc biệt đối với phụ nữ, trẻ em và vùng dân tộc thiểu số. Nâng chất lượng khám và chữa bệnh. Phát triển y tế trên cơ sở nhân dân đóng góp và khả năng của Nhà nước, chú trọng y tế cơ sở. Thực hiện chương trình quốc gia về viêm chủng, không chế và giảm dần các bệnh sốt rét và bướu cổ, mở rộng diện thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, cải tiến việc thu viện phí.

*

Để thực hiện có kết quả những nhiệm vụ kinh tế - xã hội nói trên, các cấp ủy đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên phải có đầy đủ quyết tâm và tinh thần trách nhiệm, phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và quyền làm chủ của nhân dân, động viên nhân dân nêu cao ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước. Đặc biệt, các cơ quan nhà nước cần đổi mới và tăng cường công tác quản lý, thực hiện một bước cải cách bộ máy hành chính và cán bộ, đổi mới và bổ sung hệ thống pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát. Nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy nhà nước các cấp, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, nhằm tăng cường hiệu lực điều hành vĩ mô và quản lý kinh tế xã hội của Nhà nước trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường. Coi trọng chức năng quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia, công tác thanh tra, thực hiện đúng các chính sách, chế độ; kiên quyết lập lại trật tự kỷ cương trong sản xuất kinh doanh và trong mọi mặt đời sống xã hội. Cần nhận mạnh rằng trong tình hình hiện nay, lập lại trật tự kỷ cương theo cơ chế mới là một yêu cầu rất bức bách, là khâu mấu chốt quyết định sự thành công của mọi nhiệm vụ, bảo đảm ổn định chính trị cũng như ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Thiết lập trật tự kỷ cương của cơ chế mới là một cuộc đấu tranh phức tạp, khó khăn. Nó không phải chỉ phụ thuộc vào điều kiện vật chất mà còn vào ý chí kiên quyết, bền bỉ của Đảng và Nhà nước. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu, trước hết là ở việc chấp hành pháp luật, trật tự kỷ cương xã hội. Sự lãnh đạo của các cấp phải tập trung nỗ lực cao nhất vào việc thiết lập trật tự kỷ cương.

Thực hiện một cách ráo riết, mạnh mẽ việc chống tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả. Phải có thái độ kiên quyết và những biện pháp cụ thể, xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhân bất kỳ ở cương vị nào mắc phải những tội này, nhằm làm lành mạnh bộ máy nhà nước, trong sạch đội ngũ cán bộ và khôi phục lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

CẢI CÁCH MỘT BƯỚC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư BCH TƯ ĐCSVN

Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

TRONG thời gian qua, chúng ta đã từng bước đổi mới hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội. Tình hình hiện nay đòi hỏi và cho phép chúng ta tiến hành đổi mới hệ thống chính trị một bước căn bản hơn, có hệ thống hơn, vững chắc hơn, làm sâu sắc thêm nội dung của quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Để thực hiện bước đổi mới đó, tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ cho ý kiến về sửa đổi Hiến pháp. Đó là công việc rất hệ trọng. Trước khi Trung ương thảo luận về sửa đổi Hiến pháp, thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin trình bày một số vấn đề về quan điểm và phương hướng cơ bản cải cách một bước bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là hai vấn đề quan trọng nhất trong đổi mới hệ thống chính trị, cần được quán triệt khi sửa đổi Hiến pháp cũng như trong quá trình thực hiện Hiến pháp sửa đổi.

Thưa các đồng chí,

TỪ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, hệ thống chính trị mới ra đời, trong đó Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sau đó là Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đóng vai trò lịch sử hết sức quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Từ đó đến nay và mãi mãi sau này, Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do

nhân dân và vì nhân dân. Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài đầy hy sinh, gian khổ của nhân dân ta, là thành quả cách mạng to lớn của dân tộc mà toàn dân ta phải quyết tâm bảo vệ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã đạt được một số tiến bộ trong đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, đó mới chỉ là bước đầu; còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phải được tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi và dần dần hoàn thiện. Trước yêu cầu đổi mới toàn diện của đất nước, mà trọng tâm là đổi mới về kinh tế, hệ thống chính trị đã bộc lộ nhiều khuyết điểm và nhược điểm; trong đó nhược điểm lớn nhất là bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân chưa thể hiện và thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; chế độ trách nhiệm không rõ ràng, tổ chức rất chồng chéo, cách làm việc thủ công, thiếu trật tự, kỷ cương và kém hiệu lực. Bệnh quan liêu, tể tham nhũng khá phổ biến và nặng nề.

Vì vậy, cải cách bộ máy nhà nước là một yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Sửa đổi hiến pháp, cải cách bộ máy nhà nước hoàn toàn không phải là thay đổi bản chất của hệ thống chính trị, của Nhà nước ta, mà chính là nhằm tăng cường hiệu lực quản lý xã hội của Nhà nước, xây dựng nền

* Bài nói tại Hội nghị lần thứ hai BCH TƯ Đảng (khóa VII) ngày 29-11-1991.

dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho kiến trúc thượng tầng phát huy tốt vai trò thúc đẩy, mở đường cho sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

Công cuộc đổi mới nói chung và cải cách bộ máy nhà nước nói riêng là một quá trình phải tiến hành tích cực, khẩn trương song phải thận trọng, không thể nôn nóng, vội vàng. Phải tính toán từng bước đi vững chắc, bảo đảm giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn, bối cảnh quốc tế rất phức tạp và đầy biến động hiện nay. Quá trình ấy phải dựa chắc trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn đất nước và những kinh nghiệm xây dựng Nhà nước Việt Nam trong hàng chục năm qua, có tính đến những kiến thức và kinh nghiệm tiên tiến trên thế giới.

Cần nhấn mạnh rằng sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện cơ bản và yêu cầu khách quan bảo đảm cho Nhà nước giữ đúng bản chất là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, lấy liên minh công nhân, nông dân, trí thức làm nền tảng; thực hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, động viên, khai thác được tiềm năng mọi mặt của đất nước, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm trước đây, Đảng ta có một số khuyết điểm như lẫn lộn chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước, Đảng bao biện làm thay công việc Nhà nước; thậm chí có nơi, có lúc có cả hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, làm cho cơ quan Nhà nước mang tính hình thức, không phát huy được hiệu lực thực tế. Chúng ta đang sửa và quyết tâm sửa. Nhưng không thể vì thế mà phạm sai lầm

cực đoan khác, dẫn đến buông trôi hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng. Kinh nghiệm các nước cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực chống đối cướp lấy chính quyền, xóa bỏ thành quả cách mạng, đưa đất nước đi theo con đường ngược với lợi ích của nhân dân. Chúng ta quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới, đồng thời kiên quyết bác bỏ những luận điệu mị dân, mượn cớ "đổi mới", "dân chủ" để rêu rao chiêu bài "xóa bỏ độc quyền lãnh đạo", "tất cả chính quyền về tay nhân dân". Thực chất của những luận điệu đó là mưu toan gạt bỏ sự lãnh đạo của Đảng, gạt bỏ nhân dân khỏi chính quyền.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực của Nhà nước là hai mặt thống nhất. Cơ sở của tính thống nhất ấy là tuy Đảng và Nhà nước có vai trò và chức năng khác nhau cần phân định rõ, nhưng đều là những công cụ thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu vì lợi ích của nhân dân. Đảng ta lãnh đạo nhân dân nắm chính quyền, được nhân dân thừa nhận, trước sau như một. Điều đó đòi hỏi Đảng phải hết sức quan tâm, làm cho những nguyên tắc dân chủ không chỉ là khẩu hiệu mà được thực hiện trong thực tế. Nhân dân giao phó quyền lãnh đạo cho Đảng ta, đồng thời yêu cầu Đảng phải nâng cao tính tuần phong về lý luận cũng như về tổ chức thực hiện, cán bộ, đảng viên của Đảng phải nâng cao năng lực, phẩm chất, đạo đức cách mạng. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nói chung và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước chính là nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Sau đây, tôi sẽ trình bày rõ hơn về cải cách bộ máy Nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

I - NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1 - Cải cách bộ máy Nhà nước phải đặt trong tổng thể công cuộc đổi mới hệ thống chính trị nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhân dân là người chủ đất nước. Hiến pháp là đạo luật cơ bản thể chế hóa quyền làm chủ đó. Nhân

dân tổ chức ra Nhà nước của mình, ủy nhiệm quyền lực quản lý xã hội cho Nhà nước. Nhà nước ta thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng Nhà nước, bằng các tổ chức và hoạt động của các đoàn thể, bằng các tập thể lao động, bằng quyền và nghĩa vụ của công dân. Hiến pháp sửa đổi

phải thể hiện tinh thần tôn trọng, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân ; đồng thời, không cho phép ai lợi dụng dân chủ để xâm phạm lợi ích của nhân dân và của đất nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nước ta bao gồm rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp, tạo thành cơ sở chính trị, chỗ dựa vững chắc của Nhà nước. Vai trò, vị trí của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng quan trọng, càng được mở rộng, với nền dân chủ ngày càng phát triển, với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nền văn hóa phát huy những giá trị nhân văn cao quý của dân tộc và của nhân loại. Nhà nước phải dựa vào Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng, quản lý và bảo vệ Nhà nước.

Cải cách bộ máy nhà nước trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi là nhằm nâng cao hiệu lực của Nhà nước, khắc phục chủ nghĩa quan liêu, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, bảo vệ Tổ quốc, chống mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2 - Cải cách bộ máy Nhà nước phải tiến hành theo những nguyên tắc cơ bản sau đây :

- **Quyền lực Nhà nước là thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công rành mạch.** Trên cơ sở thống nhất quyền lực, cần có sự phân công và định rõ mối quan hệ giữa ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp, mà quyền lực Nhà nước cao nhất được tập trung ở Quốc hội. Nguyên tắc này vừa thể hiện tính liên tục, kế thừa và phát triển của Nhà nước Việt Nam, vừa thể hiện sự tiếp thụ có chọn lọc những thành tựu của thế giới về khoa học tổ chức và quản lý Nhà nước, vận dụng chúng một cách thích hợp vào hoàn cảnh thực tế nước ta.

Cải cách bộ máy Nhà nước cũng như sửa đổi Hiến pháp phải bảo đảm tính thống nhất của quyền lực, khắc phục tình trạng lẫn lộn, chồng chéo giữa ba quyền, làm suy yếu quyền lực tập trung cũng như chức năng, quyền hạn của các bộ phận được phân công theo Hiến Pháp.

- **Xác định rõ quan hệ giữa Nhà nước và quản lý nhà nước với tổ chức kinh tế và quản lý kinh doanh.** Sai lầm trước đây mà chúng ta đang

khắc phục là ở chỗ không vận dụng đúng đắn quy luật khách quan nên đã tạo ra sở hữu công cộng tràn lan, kém hiệu quả, và ở chỗ lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh. Chúng ta đã không xác lập quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế, đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế theo kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, không tính đến quan hệ thị trường. Chính sự quản lý yếu kém của Nhà nước đã tạo cơ hội phát triển nhiều hiện tượng tiêu cực như buôn lậu, đầu cơ, tham nhũng, xâm phạm tài sản và vốn của Nhà nước..., gây thiệt hại đến lợi ích chung của đất nước và của nhân dân, làm rối loạn hoạt động kinh tế và xã hội. Khắc phục những sai lầm trên, chúng ta đang xây dựng một cách nhất quán cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới ; thiết lập hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, nâng cao hiệu lực quản lý nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; điều chỉnh, sắp xếp lại để quản lý tốt hơn thành phần kinh tế quốc doanh và tạo điều kiện phát triển đúng hướng các thành phần kinh tế khác. Đồng thời chúng ta kiên quyết chống những quan điểm cực đoan, lệch lạc như từ chỗ quốc doanh hóa tràn lan nay lại chuyển sang tư nhân hóa tràn lan, thả nổi thị trường, buông trôi quản lý Nhà nước.

- **Xây dựng Nhà nước pháp quyền, tổ chức và quản lý theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cả nước là một chỉnh thể, thống nhất quốc gia, thống nhất thị trường.**

Nhà nước ta phải được xây dựng với đầy đủ tính pháp quyền cả trên ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cần sớm khắc phục sự yếu kém về pháp luật hiện hành như tình trạng thiếu hệ thống, không đầy đủ và lạc hậu so với cuộc sống. Đặc biệt là phải kiên quyết xóa bỏ tình trạng vô tổ chức, vô chính phủ, thiếu trật tự, kỷ cương, không chấp hành nghiêm chỉnh và đầy đủ các đạo luật đã ban hành.

Để thể hiện đúng nguyên tắc đó, nhất là trong hệ thống quản lý hành chính Nhà nước, Hiến pháp sửa đổi cần tính đến cơ cấu và hình thức tổ chức hợp lý để vừa giữ vững sự thống nhất quyền lực Nhà nước, vừa phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở và của toàn dân ; vừa chống tập trung quan liêu, vừa chống phân tán, cục bộ, "cát cứ" địa phương và vô chính phủ.

Từ những nguyên tắc trên đây, tôi muốn đề cập

một vài vấn đề về cải cách bộ máy Nhà nước, liên quan đến nội dung Hiến pháp sửa đổi.

Trước hết, Hiến pháp sửa đổi phải định ra được cơ sở cho việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm cho các cơ quan này có thực quyền, hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng do Hiến pháp và pháp luật quy định, khắc phục chủ nghĩa hình thức.

Quốc hội ta là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Thay mặt nhân dân cả nước thực thi quyền lực mà nhân dân giao cho, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước; bầu và bãi miễn những người đứng đầu các cơ quan cao nhất của Nhà nước, giám sát tối cao hoạt động của bộ máy Nhà nước. Với tư cách là cơ quan quyền lực Nhà nước tối cao, Quốc hội vừa quyết định luật, vừa giám sát các cơ quan nhà nước thi hành luật, nhưng không lẫn lộn với quyền hành pháp của Chính phủ, cũng như quyền độc lập xét xử của tòa án.

Để hoàn thành được nhiệm vụ của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, Quốc hội phải gồm những đại biểu có đủ năng lực và phẩm chất, được bầu một cách thực sự dân chủ, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, không nên có nhiều người kiêm nhiệm công tác chủ chốt của ngành hành pháp và tư pháp. Trong điều kiện nước ta hiện nay, tất cả hoặc ít nhất là phần lớn các ủy viên thường trực của Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội phải làm việc chuyên trách, còn các đại biểu khác cũng cần dành nhiều thời gian, tập trung trí tuệ làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội. Hướng lâu dài là Quốc hội chuyển dần sang hoạt động thường xuyên.

Việc cải cách hệ thống hành pháp có ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước. Hiện nay, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực lập pháp cũng như hành pháp, song những tiến bộ đó vẫn còn thấp xa so với yêu cầu của tình hình thực tế. Chỗ yếu nổi bật của hệ thống các cơ quan hành pháp lâu nay vẫn là tình trạng vừa tập trung quan liêu và trì trệ, vừa phân tán, thiếu thống nhất; bộ máy rất cồng kềnh, hoạt động kém hiệu lực và hiệu quả. Phải

nhANH chóng khắc phục chỗ yếu đó trong thời gian tới.

Để tăng cường hệ thống hành pháp, trước hết phải đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của Chính phủ. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, đồng thời là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Điều đó phù hợp với yêu cầu để cao hành pháp mà không vi phạm nguyên tắc thống nhất quyền lực vào Quốc hội; tạo điều kiện để cơ quan hành pháp có đủ thẩm quyền ứng xử linh hoạt và nhanh nhạy trước diễn biến phức tạp của tình hình.

Để tránh sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp của Quốc hội và quyền lập quy của Chính phủ, đòi hỏi Chính phủ phải rất chủ động, năng động thực hiện những quyền hạn của mình. Bản thân Chính phủ và các Bộ phải quản lý Nhà nước về mọi mặt. Trong quản lý Nhà nước về kinh tế, trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, cần xem xét loại bỏ các quy định, quy chế và cách tổ chức không phù hợp, bảo đảm cho Chính phủ thực sự đi vào quản lý vĩ mô, thực hiện quản lý Nhà nước bằng pháp luật, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các tổ chức kinh tế, các đơn vị sản xuất, kinh doanh và quyền tự quản của các cơ sở văn hóa, xã hội.

Theo tinh thần đó, Ủy ban sửa đổi Hiến pháp kiến nghị lập thiết chế Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ thay cho Hội đồng Bộ trưởng. Hiến pháp trao cho Thủ tướng đủ quyền hạn để thực thi nhiệm vụ, trong đó có quyền lựa chọn Bộ trưởng để đề nghị Quốc hội phê chuẩn; bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới trực tiếp theo đề nghị của Hội đồng nhân dân cùng cấp và thống nhất điều hành bộ máy hành chính nhà nước, thông suốt từ trung ương đến cơ sở.

Để khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm, dựa dẫm, chờ đợi nhau, làm giảm hiệu lực và sự nhạy bén trong quản lý, điều hành, các Bộ trưởng vừa phải phát huy cao trách nhiệm cá nhân, tích cực tham gia vào hoạt động của tập thể Chính phủ, vừa chịu sự chỉ huy, điều hòa, phối hợp của Thủ tướng. Trong việc điều hành, Thủ tướng cần lắng nghe, tôn trọng ý kiến của tập thể Hội đồng Chính phủ.

Bộ trưởng có thẩm quyền và có trách nhiệm trong phạm vi cả nước đối với ngành hay lĩnh vực được

phân công. Các quyết định của Bộ trưởng về nội dung quản lý ngành hay lĩnh vực có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với tất cả các Bộ khác, các cơ quan chính quyền địa phương, các đơn vị và công dân trong cả nước.

Cải cách hệ thống tư pháp là một bộ phận rất quan trọng trong cải cách bộ máy Nhà nước. Cải cách hệ thống tư pháp phải tiến hành đồng bộ với cải cách lập pháp và hành pháp. Các cơ quan tư pháp của ta hiện nay còn yếu trên nhiều mặt, từ phòng ngừa, phát hiện, điều tra, đến truy tố, xét xử. Từ tổ chức đến phương pháp hoạt động, trách nhiệm và chất lượng cán bộ ngành tư pháp đều còn những mặt hạn chế, chưa bao quát được các lĩnh vực của xã hội đang phát triển, nhất là về kinh tế và hành chính. Để khắc phục những non yếu và hạn chế đó, chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực tư pháp, là lĩnh vực liên quan mật thiết nhất với việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền.

Quyền tư pháp bao quát một phạm vi rất rộng, trong đó phải bảo đảm nguyên tắc thẩm phán được độc lập, chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử.

Cần làm rõ chức năng kiểm tra, thanh tra, kiểm sát để bảo đảm giữ gìn trật tự, kỷ cương trong toàn xã hội cũng như trong bản thân bộ máy Nhà nước theo đúng Hiến pháp và pháp luật; trong đó có nhiệm vụ kiểm sát chung về tính hợp pháp của các văn bản thuộc quyền hành pháp.

Để thực hiện dân chủ, tăng cường pháp chế, phải tích cực nghiên cứu, sửa đổi, từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chuẩn bị cán bộ, có bước đi và cách làm thích hợp để thực hiện cải cách tư pháp phù hợp với yêu cầu đổi mới kinh tế, xã hội cũng như với yêu cầu mở rộng quan hệ quốc tế.

Việc cải cách các cơ quan chính quyền địa phương phải theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, bảo đảm một hệ thống hành chính nhà nước thống nhất, thông suốt và có hiệu lực cao.

Cải cách bộ máy nhà nước còn bao hàm một nội dung quan trọng là tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Mặt trận và các đoàn thể

tham gia xây dựng quản lý, giám sát và bảo vệ Nhà nước. Nhà nước dựa vào Mặt trận và các đoàn thể để phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có tổ chức của nhân dân. Đó cũng chính là sức mạnh của bản thân Nhà nước.

Mặt trận và các đoàn thể phải vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền làm chủ xây dựng nhà nước, trước hết là bầu ra các cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp), một cách thực sự dân chủ, thông qua việc giới thiệu người ứng cử, tổ chức hiệp thương dân chủ, tuyên truyền vận động bầu cử, kiên quyết khắc phục lối dân chủ hình thức, làm thay nhân dân. Tổ chức và vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia xây dựng pháp luật và chính sách, đóng góp ý kiến với cơ quan Nhà nước các cấp, vận động nhân dân xây dựng các quy chế, quy ước trên địa bàn mà mình cư trú về các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ và lợi ích của công dân phù hợp với pháp luật và chủ trương, chính sách của Nhà nước; tham gia việc phổ biến pháp luật trong nhân dân và tổ chức phong trào hành động của quần chúng, làm cho pháp luật và các quyết định của Nhà nước được thực hiện có hiệu quả.

Mặt trận và các đoàn thể phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống hai tệ nạn, đó là bệnh quan liêu, cửa quyền, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và tệ tham nhũng đang làm giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình ra quyết định và quản lý, điều hành, Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chính phủ và Ủy ban hành chính các cấp cần lắng nghe những kiến nghị của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước cần có quy chế tổ chức và cơ chế hoạt động giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động để có thể làm tròn trách nhiệm của mình, góp phần tăng sức mạnh và hiệu lực quản lý của nhà nước, hết sức tránh cách làm hình thức lâu nay.

II - ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một tất yếu

lịch sử đối với một nước xã hội chủ nghĩa. Đó là

một luận điểm cực kỳ quan trọng của học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo đó bao quát toàn bộ công cuộc cách mạng, với những trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn, phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tế.

Trên sáu mươi năm qua, từ ngày thành lập, Đảng ta đã đảm nhiệm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, động viên sức mạnh của toàn dân trong cuộc chiến tranh giải phóng, giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, tiếp tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó, Đảng ta phải đảm nhiệm vai trò lãnh đạo của mình, động viên nhân dân cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đó là việc vô cùng trọng đại, rất nặng nề, với nhiều phức tạp, khó khăn, đồng thời cũng rất vẻ vang.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình, Đảng ta phải phấn đấu vươn lên ngang tầm với sứ mệnh lịch sử, với đòi hỏi của cách mạng, của nhân dân. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng chính là nhằm đáp ứng đòi hỏi đó.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành cải cách bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của Nhà nước có hiệu lực hơn, pháp luật được tôn trọng hơn, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy hơn. Đảng là người lãnh đạo hệ thống chính trị, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, sao cho cả Đảng, cả Nhà nước đều làm đúng chức năng và phát huy đầy đủ vai trò của mình.

Các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã nêu rõ những quan điểm và nguyên tắc chung về vấn đề này. Ở đây tôi xin nói thêm một số điểm.

1 - Trong việc lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối của Đảng, điều quan trọng nhất là phải bảo đảm sao cho các quá trình lập pháp, lập quy, chuẩn bị các kế hoạch, chính sách của Nhà nước thể hiện đúng tư tưởng, quan điểm của Đảng và bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng. Các cấp, các ngành, nhân dân thực hiện các chính sách, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước cũng tức là thực hiện đường lối của Đảng.

Đối với những công việc thuộc chức năng,

nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội và Chính phủ, Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua việc xác định quan điểm, phương hướng, nguyên tắc giải quyết các vấn đề lớn, có ý kiến chỉ đạo việc giải quyết một số vấn đề cụ thể quan trọng, song không quyết định thay cơ quan nhà nước.

Theo tinh thần đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị chỉ ra những định hướng lớn về chính trị kinh tế, xã hội... xác định những nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản, những cân đối lớn trong kế hoạch phát triển, những giải pháp chính. Căn cứ vào những nguyên tắc, mục tiêu và định hướng lớn đó, Quốc hội, Chính phủ thể chế hóa dưới hình thức các văn bản pháp quy và quyết định những vấn đề về kế hoạch, chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đối với công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đề ra đường lối, chiến lược, chính sách, những vấn đề đặc biệt hệ trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước như chiến tranh và hòa bình, biên giới và lãnh thổ quốc gia, bố trí chiến lược... Chính phủ trình đề Quốc hội quyết định về mặt Nhà nước. Về những vấn đề như xây dựng lực lượng, xây dựng công nghiệp quốc phòng, thực hiện nghĩa vụ quân sự, chính sách hậu phương quân đội, trật tự an toàn xã hội... Chính phủ chỉ đạo các bộ Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao và các ngành có liên quan chuẩn bị đề án để Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong việc xây dựng pháp luật, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nêu những quan điểm tư tưởng, nguyên tắc chỉ đạo, những vấn đề quan trọng và phức tạp, phương hướng và đường lối xét xử để các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn bị trình ra Quốc hội xem xét, quyết định và ban hành các văn bản luật.

Tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước chủ động tổ chức việc chuẩn bị các đề án, đề xuất các chính sách, chủ trương để Trung ương bàn. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị lắng nghe ý kiến của các đại biểu Quốc hội, các thành viên trong hội đồng Chính phủ, các đoàn thể nhân dân để bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của mình.

Các ban của Đảng là cơ quan tham mưu giúp việc cấp ủy, có nhiệm vụ chuẩn bị định hướng, nghiên cứu, theo dõi và tham gia ý kiến trong quá trình chuẩn bị các đề án của các cơ quan nhà nước, phát biểu ý kiến của mình về các đề án đó trước khi

Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận và quyết định.

Ở các địa phương, cấp ủy đảng có trách nhiệm quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương và các quyết định của Nhà nước và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương mình mà xác định các mục tiêu kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng khác của địa phương, không trực tiếp ra lệnh cho chính quyền hoặc quyết định những nhiệm vụ thuộc chức năng của chính quyền; lãnh đạo chính quyền thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và của cơ quan nhà nước cấp trên cũng như của cấp ủy đảng địa phương phù hợp với pháp luật Nhà nước.

Đối với hoạt động của ngành kiểm sát và tòa án, cấp ủy định kỳ nghe báo cáo tình hình và nêu ý kiến về phương hướng chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước, không can thiệp trực tiếp, nhất là vào công tác xét xử; không quyết định tội danh và các mức án. Khi xét xử, tòa án phải theo đúng pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật. Đối với những vụ án có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý, cấp ủy cần tham gia ý kiến về quan điểm xét xử, làm cơ sở cho việc xét xử, quyết định của cơ quan kiểm sát và tòa án. Cần kiên quyết khắc phục tình trạng một số đồng chí trong cấp ủy can thiệp vào công tác xét xử, thậm chí thô bạo đến mức quyết định cả các bản án, mức án. Phải ngăn chặn tệ bao che, ô dù và nhiều tiêu cực khác, làm suy giảm hiệu lực của pháp luật, gây bất bình trong nhân dân.

2 - Trong việc lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước và bố trí cán bộ nhà nước, Đảng đưa ra các quan điểm, nguyên tắc và phương hướng chỉ đạo việc tổ chức bộ máy nhà nước; xem xét góp ý kiến về các đề xuất của nhà nước, để Nhà nước quyết định.

Trong công tác cán bộ, cấp ủy đảng đề ra tiêu chuẩn, chính sách, nhà nước thể chế hóa thành luật, quy chế. Trên cơ sở đó, các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước lựa chọn, đề xuất cấp ủy đảng xem xét và có ý kiến đối với các chức danh cán bộ chủ chốt trước khi trình đề cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm. Khắc phục tình trạng cấp ủy đảng, ban tổ chức đảng bao biện, làm thay mọi việc về nhân sự của bộ máy nhà nước.

Một biện pháp rất quan trọng bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, đồng thời tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước là cần giới thiệu những cán bộ chủ chốt có uy tín và có năng lực quản lý giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước. Ví dụ, bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy đảng có thể ứng cử làm chủ tịch Hội đồng nhân dân, một số cán bộ tham mưu có năng lực có thể ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc Hội đồng nhân dân và tham gia các ủy ban của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để tiến kết hợp công tác, thẩm tra các đề án và giám sát việc thực hiện.

3 - Tăng cường vai trò và trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua các tổ chức đảng và đảng viên làm việc trong các cơ quan nhà nước, chứ không trực tiếp ra lệnh cho cơ quan nhà nước. Thông qua những tổ chức đảng và đảng viên đó, Đảng đưa tư tưởng, quan điểm và đường lối của mình vào hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời lắng nghe ý kiến của các thành viên khác thuộc bộ máy nhà nước trong quá trình thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước, tổ chức vận động các thành viên trong bộ máy nhà nước chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Vì vậy, phải nâng cao yêu cầu đối với đảng viên. Mọi đảng viên công tác trong bộ máy nhà nước, trước hết là đảng viên giữ những trách nhiệm chủ chốt, phải không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, chấp hành nghị quyết và phục tùng kỷ luật của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước, phát huy ảnh hưởng chính trị và đạo đức của mình trong các cơ quan nhà nước. Phải làm cho toàn thể đảng viên hiểu rõ rằng chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước cũng chính là thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, số đại biểu là đảng viên chiếm tỷ lệ khá cao, nhưng tiếng nói của Đảng ở các tổ chức đó hiện đang phân tán; có trường hợp đảng viên nói ngược lại nghị quyết của đảng. Phải kiên quyết khắc phục tình hình không bình thường đó. Cần lập lại và tăng cường hoạt động của đảng đoàn hoặc ban cán sự trong một số cơ quan nhà nước theo quy định của Điều lệ Đảng. Ở những nơi không có đảng đoàn thì

đồng chí đảng viên là thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ của đảng đoàn. Không buông lỏng trách nhiệm đảng viên, đồng thời không được lạm dụng uy tín của Đảng để áp đặt ý kiến của mình lên cơ quan nhà nước. Phải sớm nghiên cứu tổ chức bộ máy của Đảng một cách hợp lý, xác định rõ chức năng của các cơ quan trong bộ máy đảng, từ đó mà sắp xếp tổ chức cán bộ theo hướng tinh giản, thiết thực, có hiệu quả.

Các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giáo dục, quản lý tốt đảng viên, kể cả những đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt. Chú trọng kiểm tra việc đảng viên chấp hành đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng, bảo đảm cho đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu, giữ vững quan điểm, đường lối của Đảng khi bàn bạc thể chế hóa các chủ trương của Đảng, phục tùng kỷ luật Đảng. Các tổ chức cơ sở đảng phải làm tốt việc vận động quần chúng tham gia xây dựng chủ trương, chính sách.

4 - Trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước, Đảng tập trung chủ yếu vào việc xem xét về mặt quan điểm, phương hướng chính trị, bảo đảm thực hiện đúng đường lối của Đảng, giữ vững bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đảng không tiến hành việc kiểm tra trùng lặp với việc kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà nước.

Công tác kiểm tra của Đảng được tiến hành chủ yếu thông qua các đảng viên, các tổ chức đảng, đồng thời tổ chức vận động quần chúng giám sát, kiểm tra. Qua đó kịp thời phát hiện các vấn đề và kiến nghị với Nhà nước những giải pháp uốn nắn lệch lạc hoặc tập trung chỉ đạo những khâu công tác trọng yếu : rút kinh nghiệm để bổ sung, hoàn chỉnh đường lối của Đảng.

Tóm lại, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng hoàn toàn không phải là buông lỏng hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng mà chính là nhằm tăng cường sự lãnh đạo đó một cách có hiệu quả hơn, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động đúng hướng và nâng cao hiệu lực quản lý, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nhân dân thông qua Nhà nước.

Đương nhiên, để đổi mới có hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, vấn đề quyết định là bản thân Đảng ta phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình. Đảng chỉ có thể thực hiện tốt vai trò lãnh đạo

Nhà nước khi bản thân Đảng có đủ trình độ, năng lực và kiến thức về tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, về pháp luật... Đảng phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất, thành thạo về công tác nhà nước.

Thưa các đồng chí,

CÁI cách bộ máy Nhà nước vừa là yêu cầu cơ bản phải tiến hành trong một thời gian dài, lại vừa là đòi hỏi cấp bách phải thực hiện sớm với bước đi thích hợp. Vì vậy, trên cơ sở mục tiêu tổng quát, cần định rõ những mục tiêu cụ thể cho từng bước, trước hết là cho những năm 1992 - 1993 :

+ Lãnh đạo việc sửa đổi Hiến pháp, coi đó là một công tác trọng tâm. Cần tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân để nghiên cứu, thảo luận và tham gia ý kiến. Lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng trong quá trình lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Hiến pháp sửa đổi.

+ Trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi, ban hành các đạo luật về sửa đổi cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động ; định ra kế hoạch và trình tự giải quyết các vấn đề, tiến hành từng bước và bảo đảm tính đồng bộ trong mỗi bước, không làm tràn lan.

+ Cải cách bộ máy Nhà nước đụng chạm đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, để giữ vững ổn định chính trị, chúng ta cần tiến hành cải cách một cách thận trọng và vững chắc, có điều tra, nghiên cứu, định phương án, có văn bản pháp quy cần thiết, thử nghiệm đối với những vấn đề cần thử nghiệm ; có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để mở rộng dần.

Đưa Hiến pháp sửa đổi và chủ trương cải cách một bước bộ máy Nhà nước vào cuộc sống là một việc phức tạp, đòi hỏi không chỉ ý chí cách mạng mà cả những kiến thức khoa học, lý luận và năng lực thực tiễn. Ban Chấp hành Trung ương và Đảng bộ các cấp cần nâng cao năng lực lãnh đạo, động viên sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân để làm tốt công việc này, tạo ra động lực mới thúc đẩy sự nghiệp cách mạng phát triển.

Xin cảm ơn các đồng chí.

ĐỀ GÓP PHẦN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

Từ hơn 70 năm nay, chủ nghĩa đế quốc không lúc nào ngừng phản kích chủ nghĩa xã hội hiện thực. Có một thời kỳ dài, nó dùng hình thức xâm lược vũ trang và gây bạo loạn lật đổ là chủ yếu. Nhưng từ sau đại chiến thế giới thứ hai, nhất là từ những năm 80, "diễn biến hòa bình" được chủ nghĩa đế quốc coi là phương thức cơ bản để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Chiến lược diễn biến hòa bình cũng là một kiểu "chiến tranh tổng lực", tuy không phải là chiến tranh nóng, cũng chẳng phải là chiến tranh lạnh. Cổ súy làn gió tư duy mới, xóa bỏ chiến tranh lạnh, tạo ra sự nòng ấm ngày càng tăng trong quan hệ Đông - Tây, chủ nghĩa đế quốc đã triển khai một cuộc tiến công toàn diện, kết hợp tất cả sức mạnh kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hóa và tư tưởng..., trong đó mặt trận chủ yếu là chính trị tư tưởng. Nó hướng mọi đòn tấn công vào đảng cộng sản, hạt nhân của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Nó cố *đội phá khâu chủ yếu, ra sức bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mưu toan làm cho chúng ta hoài nghi rồi bác bỏ toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thay thế hệ tư tưởng của giai cấp công nhân bằng hệ tư tưởng của giai cấp tư sản*. Đó là quá trình tạo ra sự hỗn loạn về tư tưởng ngày càng tăng trong đảng cộng sản và trong tầng lớp trí thức lâu nay vẫn đóng vai trò chủ chốt trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Sự hỗn loạn đó đạt đến một mức độ nào đấy, sẽ tạo ra sự tan rã về tổ chức trong đảng cũng như trong hệ thống chính trị, tạo ra trạng thái mất phương hướng chính trị trong nhân dân, làm cho các công cụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa bị vô hiệu hóa, bị "trôi tay, trôi chân", còn mạnh mà bất lực.

Chính điều trên đặt nghĩa một phần vì sao sự thay đổi chính quyền ở Đông Âu và Liên xô diễn ra nhanh

đến như vậy. Những kẻ ủng hộ sự thay đổi trên cho đó là những "cuộc cách mạng nhân dân" vì dân chủ và tự do. Quả thật, trong những diễn biến ở Đông Âu và Liên xô, có hiện tượng đông đảo dân chúng xuống đường. Nhưng đó đâu phải là những "cuộc cách mạng nhân dân". Nó chỉ chứng tỏ cuộc tiến công của các thế lực thù địch trên mặt trận chính trị tư tưởng là cực kỳ nguy hiểm! Chủ nghĩa đế quốc đã lựa chọn đúng và biết tập trung "hòa lực" vào khâu đột phá chủ yếu. Nhờ vậy nó đã lung lạc được một bộ phận nhân dân, làm thay đổi toàn bộ thế trận, làm được cái điều mà hơn bảy mươi năm qua tốn bao công sức mà không làm được.

Bài học có thể rút ra từ đó là: muốn đánh bại chiến lược diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc, thì phải đánh bại chiến lược đó ở hướng đột phá chủ yếu của nó. *Phải bảo vệ vững chắc hệ tư tưởng của Đảng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin*.

Trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vấn đề trước hết là phải bảo vệ những nguyên lý cơ bản của nó, khẳng định tính chân lý và giá trị chỉ đạo thực tiễn của những nguyên lý đó, chống lại những xuyên tạc của chủ nghĩa cơ hội. Nhưng không thể dừng lại ở đấy. Ngày nay, muốn bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách có hiệu quả thì *phải phát triển và đổi mới chủ nghĩa Mác - Lê-nin*, chứ không thể chỉ đơn giản tái khẳng định những điều mà các nhà kinh điển đã đưa ra. Đó là vì thực tiễn vô cùng phong phú và phức tạp đang đặt ra hàng loạt vấn đề mới mẻ mà muốn lý giải thì phải có những khái quát lý luận mới, chứ không thể dựa vào những câu trả lời có sẵn trong các sách kinh điển. Mặt khác, chủ nghĩa cơ hội đang đề cao ý tưởng

* Giáo sư - Học viện chính trị quân sự

về sự sáng tạo, đưa ra hàng loạt khái quát lý luận mới theo cách của nó và những khái quát sai lầm này đang hằng ngày tác động đến ý thức quần chúng. Nếu chúng ta không phê phán, vạch trần tính chất vô căn cứ và có hại của những luận điểm cơ hội đó thì hệ tư tưởng Mác - Lê-nin không thể không bị xói mòn và một bộ phận nhân dân không thể không bị dao động. Chúng ta chỉ có thể giành thắng lợi trên mặt trận lý luận tư tưởng bằng chính sự hoàn thiện hơn của vũ khí lý luận của chúng ta mà thôi !

Trong bối cảnh hiện nay, sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin không thể không gắn liền với quá trình tự phê phán và đánh giá lại của chính những người mác xít - lê nin nít đối với các di sản lý luận của các nhà kinh điển. Cái gì đúng và vẫn giữ nguyên giá trị chỉ đạo thực tiễn ? Cái gì đúng vào thời các ông nhưng bây giờ không còn phù hợp ? Cái gì không đúng hoặc chưa đầy đủ, còn thiếu cần phải được bổ sung ? Như vậy, những người mác xít - lê nin nít phải làm một sự phê phán "kép", vừa phê phán bản thân mình, vừa phê phán những kẻ phê phán mình. Cả hai quá trình phê phán đó phải được tiến hành đồng thời và đan xen vào nhau, tác động và phụ thuộc lẫn nhau. Điều đó làm tăng thêm sự phức tạp và khó khăn cho việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Thực ra, hiện tượng phê phán "kép" không phải bây giờ mới diễn ra. Lê-nin trước đây, trong khi phê phán chủ nghĩa cơ hội Quốc tế 2, đã từng vừa phải đánh giá lại luận điểm này hay luận điểm khác của Mác, vừa phải khẳng định hoặc phát triển, bổ sung Mác. Chỉ có điều khác là : ngày nay, chủ nghĩa cơ hội bác bỏ *toàn bộ* chủ nghĩa Mác - Lê-nin, do đó, làm cho đối tượng và quy mô phê phán tăng lên, làm cho diện những vấn đề đấu tranh lý luận mở ra cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Giữa sự phê phán của những người mác xít - lê nin nít và sự phê phán của chủ nghĩa cơ hội đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin có sự khác biệt cơ bản. Một bên là phê phán để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; bên kia là phê phán để đánh đổ nó. Một bên là đứng trên lập trường của giai cấp công nhân, nắm vững thế giới quan và phương pháp luận Mác - Lê-nin, dựa trên những hiểu biết mới để tự đổi mới, tự phát triển ; bên kia là đứng trên lập trường của giai cấp tư sản, sử dụng các vũ khí lý

luận của thế giới quan tư sản để phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Không xác định rõ ràng mục đích và chỗ đứng để phê phán thì sẽ có nguy cơ lạc phương hướng và hỗn loạn về tư tưởng.

Có thể có người băn khoăn rằng : đã xác định phải bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà điều cốt yếu là đứng vững trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thì phải chẳng như vậy đã tự giả thiết trước rằng về cơ bản học thuyết đó là đúng, và đã như vậy thì còn gì là tính khách quan khoa học ?

Muốn thẩm định lại giá trị của chủ nghĩa Mác - Lê-nin dưới ánh sáng của những thực tiễn mới, những học trò của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin phải bỏ công sức nghiên cứu lại những tư tưởng cơ bản của các ông một cách có hệ thống và sâu sắc, thực sự nghiêm túc và khách quan, khoa học. Cần phải hiểu thấu đáo cả hệ thống cũng như từng luận điểm của các ông, bảo vệ những giá trị tư tưởng khoa học, đồng thời phát hiện những khiếm khuyết và bất cập, đứng vững trên cơ sở học thuyết của các ông để phát triển học thuyết đó trong những điều kiện mới. Chỉ có như vậy, mới hy vọng tiếp cận được chân lý đích thực. Ngày nay, nguyên lý về sự thống nhất giữa tính đảng và tính khách quan khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn còn nguyên giá trị.

Có thể đặt lại một câu hỏi đối với những người còn băn khoăn nói trên : nếu không đặt vấn đề như vậy thì chúng ta sẽ đặt vấn đề như thế nào ? Chẳng lẽ chúng ta phi lập trường hóa quá trình phê phán, hoài nghi tất cả và cần phải giả thiết là chủ nghĩa Mác - Lê-nin có thể sai tất. Nhưng đây lại chính là thái độ và lập trường của chủ nghĩa cơ hội đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin ! Cần chú ý rằng : quá trình tìm tòi và khẳng định tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong bối cảnh lịch sử mới, cũng đồng thời là quá trình phải chiến đấu quyết liệt với những cuộc tấn công hiểm ác của chủ nghĩa cơ hội trên mặt trận lý luận và tư tưởng. Bất cứ một sơ suất thiếu cẩn trọng nào, một thái độ tự do chủ nghĩa nào, cũng đều có thể làm cho những người tìm tòi, dù có động cơ trong sáng, bị lạc hướng. Trên mặt trận tư tưởng hiện nay, không thể có một chỗ đứng trung lập nào hết !

Việc giả thiết chủ nghĩa Mác - Lê-nin có thể có những khiếm khuyết nhưng về cơ bản là đúng, không phải là một giả thiết mang tính tiên nghiệm. Thực ra, dựa theo giả thiết đó để nghiên cứu và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là con đường có triển vọng nhất để tiếp cận chân lý khoa học. Còn như bị lôi cuốn bởi những khẩu hiệu mỵ dân, nhân danh sự "vô tư khoa học", "vượt qua cái khung tư duy thiên kiến và giáo điều", "giải phóng tư tưởng cá nhân khỏi sự sùng bái các thần tượng", v.v. và v.v. thì như kinh nghiệm đấu tranh lý luận tư tưởng trên thế giới cho thấy, không tránh khỏi rơi vào thái độ hư vô chủ nghĩa tệ hại nhất là sự phủ định sạch trơn *phản động*. Phản động, bởi vì nó tạo ra một khoảng trống về ý thức hệ, khoảng trống này sẽ nhanh chóng được lấp đầy bởi những tư tưởng cực kỳ xa lạ với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chẳng phải đã có sự phê phán chủ nghĩa Lê-nin như là một trào lưu tả khuynh sai lầm, để rồi đi đến tăng tốc chủ nghĩa Bécs-xtanh, biến nó thành một thần tượng mới đó sao?

Không phải chỉ đến ngày nay chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới bị công kích dữ dội. Điều đáng nói là ngày nay việc bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin dưới hình thái cực đoan nhất, lại nảy sinh chính từ nơi mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tồn tại lâu đời nhất. Dưới hình thức tự sám hối của những "nguyên học giả Mác - Lê-nin", từ trào đó có cái về dễ lừa người, đạt đến một tác dụng phá hoại tư tưởng mà cả mấy chục năm công sức của chủ nghĩa chống cộng, của tuyên truyền tư sản, cũng không thể đạt được.

Trào lưu của chủ nghĩa cơ hội phê phán lý luận Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội hiện thực có nhiều luận điểm với nhiều bộ điều khác nhau. Tuy nhiên, có hai điểm mà những kẻ cơ hội thường xoáy vào : *thứ nhất*, phê phán lý luận mác xít về trực tiếp điều khiển sản xuất và phân phối sản phẩm, từ bỏ quan hệ hàng hóa - tiền tệ ; *thứ hai*, phê phán chủ nghĩa xã hội tất yếu đề ra chủ nghĩa cực quyền. Hai hướng phê phán chủ yếu đó trùng hợp với, hay nói đúng hơn, đáp ứng được đơn đặt hàng của chính trị tư sản : các quốc gia xã hội chủ nghĩa phải chuyển sang nền kinh tế thị trường kiểu tư bản chủ nghĩa và thực hiện dân chủ, đa nguyên.

Theo hai hướng này, chủ nghĩa cơ hội hy vọng để dàng bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để dàng bác bỏ toàn bộ những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chế giễu, coi là ngây ngô ý tưởng của Mác về lao động trực tiếp bằng thời gian, không cần qua hình thức giá trị mà dùng "phiếu lao động" mang đến kho xã hội để nhận sản phẩm, chủ nghĩa cơ hội đã đi đến một kết luận hiểm độc rằng : chủ nghĩa Mác cũng chỉ là một hệ không tưởng, thay những không tưởng này bằng những không tưởng khác. Xuyên tạc nội dung khái niệm chuyên chính vô sản và bản chất giai cấp của các nền dân chủ, những người cơ hội chủ nghĩa đã đưa ra những luận điệu mị dân về khát vọng vĩnh hằng của con người, về dân chủ và tự do ; cho rằng tư tưởng về chuyên chính vô sản là sự thủ tiêu nền dân chủ, chà đạp lên quyền sơ đẳng của con người, sản sinh ra cái gọi là chủ nghĩa cực quyền.

Những người cơ hội chủ nghĩa không chỉ luận chứng lý luận, mà còn sử dụng các phương pháp chiến tranh tâm lý của chủ nghĩa chống cộng. Dựa vào một số thiếu sót có thật của chủ nghĩa xã hội mà ai cũng biết và đang được sửa, họ thổi phồng sự việc, thêm thắt, dựng chuyện, bình luận một cách xuyên tạc... Theo cách trình bày của họ, chủ nghĩa xã hội thế giới trong hơn bảy mươi năm qua chỉ là một chế độ phản động phải bị lên án ; các nước xã hội chủ nghĩa là các nước mà ở đó nền kinh tế mất hết sức sống do cơ chế quản lý quá gò, đời sống nhân dân ngày càng sa sút, xã hội không có dân chủ, giống như một "trại lính" trong đó tầng lớp quan lại có mọi thứ đặc quyền đặc lợi, còn người dân thì bị bóc lột, bị đàn áp về tư tưởng, luôn luôn sống trong cảnh bị đe dọa, bắt bớ, tù đầy, v.v. và v.v.. Thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, hằng ngày, hằng giờ họ gây ra không ít tâm lý chính trị - xã hội tiêu cực : từ bi quan, dao động, giảm sút lòng tin đối với lý tưởng xã hội mà bao lâu nay vẫn là lẽ sống của hàng trăm triệu người, đến chỗ chán ghét chế độ xã hội chủ nghĩa, ảo tưởng trông chờ một tương lai khá hơn nhờ sự thay đổi hướng phát triển xã hội.

Với một không khí xã hội như vậy, những người cơ hội chủ nghĩa để dàng ném thẳng ra công luận những tuyên bố có tính chất phủ định chủ nghĩa

Mác - Lê-nin. Họ cho rằng học thuyết về phân chia giai cấp, về đối kháng và đấu tranh giai cấp, về sự đối lập chế độ tư bản chủ nghĩa với chế độ xã hội chủ nghĩa, là đã lỗi thời, không còn phù hợp với thực tế đời sống các xã hội hiện đại. Ở các xã hội phương Tây hiện nay, không thể phân biệt ai là như tư bản, ai là người lao động làm thuê, bởi vì ai cũng có thể là ông chủ có cổ phần trong xí nghiệp, và cũng do đó, không còn có bóc lột giá trị thặng dư (!). Hiện nay, ở phương Tây, sự phát triển của văn minh đã dẫn đến chỗ : sự chênh lệch của các tầng lớp dân cư về mức sống đã thu hẹp, đại bộ phận dân cư có đủ thu nhập để thỏa mãn mọi nhu cầu, sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa thành thị và nông thôn đang biến mất, như vậy mơ ước của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin về xã hội cộng sản tương lai đang trở thành thực tế (!)... Và cũng do đó, sự phát triển xã hội ngày nay không cần đến cách mạng, không cần đến đánh đổ chế độ tư bản, mà chỉ cần thực hiện những cải cách trong khuôn khổ nhà nước và nền văn minh hiện đại, chỉ cần mở rộng hơn nữa dân chủ và tự do cho mọi người, v.v. và v.v..

Có thể nói gì về những luận điệu đó của chủ nghĩa cơ hội mới ? *Thứ nhất*, những người cơ hội chủ nghĩa đã đi xa hơn cả những nhà tư tưởng tư sản chuyên nghề bào chữa cho chế độ tư bản. Họ đã tỏ ra "bảo hoàng hơn cả vua", âu cũng là điều tất yếu đối với mọi kẻ phản bội ! Chính các nhà tư sản và bọn bồi bút ăn lương của họ cũng chưa dám phủ nhận những mâu thuẫn giữa giai cấp các nhà tư bản và những người lao động làm thuê, sự phân biệt giàu nghèo cùng những tệ nạn trong xã hội tư bản, vì một lẽ rất đơn giản : không thể phủ nhận cái hiển nhiên đang tồn tại trong thực tế. Họ chỉ che đậy bớt và giải thích sự thật đó sao cho có lợi cho việc bảo vệ trật tự tư bản chủ nghĩa mà thôi. *Thứ hai*, những người cơ hội chủ nghĩa đã dùng những thủ đoạn không trung thực trên mặt trận lý luận. Đáng lý những kết luận của họ về sự biến đổi của các xã hội hiện đại còn cần phải được chứng minh và luận giải, thì chúng đã được ấn vào xã hội một cách giản đơn bằng những xảo thuật kích động tâm lý, bằng cách vay mượn các ý niệm của hệ tư tưởng tư sản ca ngợi chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh từ vài thập kỷ

nay, những ý niệm về "xã hội tiêu thụ", "xã hội hậu công nghiệp", "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "nhà nước phúc lợi chung", "thuyết hội tụ"... Họ chỉ là những học trò với những hiểu biết sách vở so với những người cộng sản sống trong lòng xã hội tư bản. Những người cơ hội chủ nghĩa giỏi lắm cũng chỉ có thể bán rao cái thiên đường xã hội phương Tây cho chính những đồng bào của họ, những người cũng chỉ biết phương Tây qua sách báo mà thôi ! Sách báo có một thời đã mô tả phương Tây toàn màu đen thì ngày nay, dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa cơ hội, lại được mô tả toàn màu hồng, gây ra những ảo tưởng tai hại về một miền "đất hứa" mới.

Như vậy, những sự phê phán của những người cơ hội chủ nghĩa đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin chẳng có gì sâu sắc về lý luận. Họ chỉ giỏi sử dụng ngôn ngữ mỹ dân và thuật ngụy biện khi đề cập đến một số thực tiễn của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, nói như vậy, chúng ta không hề giảm nhẹ chút nào vai trò của công tác lý luận và những khó khăn trong nhiệm vụ bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Khó khăn là ở chỗ : thực tiễn đời sống xã hội phát triển nhanh chóng, phong phú và đa dạng trên khắp hành tinh chúng ta, đang đặt ra cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin nhiều câu hỏi mà việc trả lời không đơn giản chút nào. Trong khi đó, việc trả lời các câu hỏi đó sao có sức thuyết phục đối với nhân loại cần lao lại quyết định số phận lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chúng ta tin rằng, với bản chất cách mạng và khoa học sáng ngời chính nghĩa của bản thân chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với sự gắng sức và hợp tác của những học trò của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin trên toàn thế giới, chủ nghĩa Mác - Lê-nin sẽ vượt qua được thử thách, sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới. Trong giai đoạn mới này, chủ nghĩa Mác - Lê-nin không chỉ giải quyết những vấn đề có tính quy luật phổ biến cho sự vận động xã hội trên toàn thế giới, mà còn phải đồng thời giải quyết những vấn đề có tính quy luật lịch sử đặc thù của từng vùng, từng quốc gia, từng dân tộc. Điều đó có thể là một hướng phát triển mới làm tăng sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm cho nó trở thành vô địch.

Về tính chỉnh thể CỦA Chủ nghĩa Mác - Lê - nin

LÊ TRUNG NGUYỆT *

1 - Chỉ có thể phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung và từng bộ phận cấu thành của nó nói riêng trên cơ sở nắm vững học thuyết này như một chỉnh thể.

Sự lạc hậu về lý luận ở nước ta trong thời gian qua có một nguyên nhân là đã không chú ý đầy đủ đến tính chỉnh thể và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đã chia cắt nó thành những mảnh tách rời nhau, và hậu quả không tránh khỏi là sự xa rời bản thân học thuyết ấy. Những nhà kinh tế học nếu coi thường hoặc không nắm vững phép biện chứng duy vật, lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp, lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học, thì sẽ không tránh khỏi rơi vào chủ nghĩa cải lương. Đối với các nhà triết học cũng vậy, nếu không nắm vững lý luận về kinh tế chính trị và chủ nghĩa cộng sản khoa học, thì nhiều lần cũng chỉ đưa ra được những kết luận trừu tượng, chung chung, ít có giá trị thực tiễn. Còn những nhà lý luận về chủ nghĩa cộng sản khoa học, thì chắc chắn cũng sẽ trở thành những người không tưởng, một khi coi nhẹ các môn triết học mác xít và kinh tế chính trị.

Tính chỉnh thể của học thuyết mác xít đòi hỏi phải đổi mới cấu trúc và nội dung các bộ môn lý luận; phải xây dựng những chuyên đề tổng quát về các hình thái kinh tế - xã hội, đặc biệt là phải chú ý tới hình thái tư bản chủ nghĩa và hình thái cộng sản chủ nghĩa. Mỗi hình thái này cần được nghiên cứu như một hệ thống lịch sử năng động, tự phát triển, tự điều chỉnh, với toàn bộ các yếu tố cấu thành: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội v.v.. Cấp bách nhất ở nước ta hiện nay là xây dựng cho được lý luận tổng quát về sự phát triển phi tư bản chủ nghĩa ở Việt nam. Lý luận ấy bao gồm không chỉ phép biện

chứng về sự phát triển xã hội nói chung, mà cả nội dung kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội, đời sống văn hóa tinh thần, hệ thống chính trị, mối quan hệ giữa nhân tố dân tộc và nhân tố quốc tế trong điều kiện hiện nay, v.v..

Ăng-ghe-n đã phê phán nghiêm khắc những ai coi các luận điểm của Mác đều là tuyệt đối, nhất thành bất biến. Tai hại của cách nhìn đó là đã biến những luận điểm của Mác thành kinh thánh, tước bỏ khả năng tự phát triển của lý luận. Có không ít người đã cố bám lấy một số kết luận của Mác khi điều kiện lịch sử đã thay đổi, để rêu rao rằng học thuyết của Mác đã lỗi thời. Những người này đã quên, hoặc cố ý quên một luận điểm nổi tiếng của Lê-nin: "Không có chân lý trừu tượng. Chân lý bao giờ cũng cụ thể" (1). Chỉ có thể nhận thức được cái cụ thể bằng tổng số vô hạn những định nghĩa, khái niệm. Lê-nin còn khẳng định: Toàn bộ tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin là toàn bộ hệ thống của chủ nghĩa Mác đòi hỏi mỗi nguyên lý phải được xem xét theo quan điểm lịch sử, gắn liền với những nguyên lý khác, gắn liền với kinh nghiệm lịch sử.

2 - Sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là một nét đặc trưng thể hiện tính chỉnh thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Sự thống nhất này không phải là sự trùng hợp giản đơn, máy móc, cũng không có nghĩa là sự đồng nhất hiểu theo nghĩa bình thường của từ này. Đó là sự thống nhất biện chứng mang tính mâu thuẫn nội tại.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không thể phát triển được nếu chỉ nhờ vào các "nguồn dự trữ bên trong" của

* Phó tiến sĩ triết học, Học viện Nguyễn Ái Quốc.

(1) V.I. Lê-nin: *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, 111, tr 96.

nó, nếu chỉ dựa vào cơ sở “tự phát triển của tư tưởng” theo kiểu Hê-ghe-n, nếu chỉ dùng suy luận lô-gic để từ những phạm trù này rút ra phạm trù khác...

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin tiến lên phía trước trước hết bằng con đường nghiên cứu chính xác bản thân cuộc sống trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Hơn nữa, đây không chỉ là *kinh nghiệm của một nước riêng biệt nào đó*, mà là khái quát những bài học của lịch sử thế giới, của nhiều nước, khái quát thực tiễn đấu tranh của các lực lượng xã hội khác nhau. Lê-nin đã nhiều lần nói rằng : căn cứ theo kinh nghiệm của một nước thì khó mà xét đoán được về chủ nghĩa xã hội. Chỉ qua nhiều cuộc làm thử ở nhiều nước mới có thể có được quan niệm đầy đủ về chủ nghĩa xã hội.

Mâu thuẫn giữa thực tiễn mới với các công thức lý luận cũ, đó chính là nguồn gốc khách quan làm nảy sinh những tư tưởng mới, là cơ sở cho quá trình phát triển sáng tạo lý luận mác xít. Tuy nhiên, việc xác định đúng các mâu thuẫn không phải là một công việc đơn giản. *Cái mới nhất thiết phải trải qua quá trình thử nghiệm nghiêm ngặt.*

Lê-nin đã khẳng định, chủ nghĩa Mác không nảy sinh ở ngoài con đường phát triển vĩ đại của văn minh thế giới.

Nửa cuối thế kỷ XX đã và đang đặt ra những vấn đề mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trước đây không thể tiên đoán. Chẳng hạn, trong *khoa học tự nhiên*, đó là sự thâm nhập của con người vào thế giới vi mô và vi mô, vào cấu trúc của cơ thể sống và những bí mật của tính di truyền, v.v.. Trong *khoa học kỹ thuật*, đó là sự triển khai cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, cuộc chinh phục khoảng không vũ trụ, các công nghệ la-de, plasma, luyện kim bột, tổng hợp nhiệt độ cao tự lan truyền, công nghệ hạt nhân, công nghệ sinh học, v.v.. Những nhà sáng lập học thuyết mác xít cho rằng, một khi xuất hiện xã hội công nghiệp thì tạo được những tiền đề cho chủ nghĩa xã hội. Hồi đó, các ông khó mà tiên đoán được các cuộc cách mạng về điện tử, computer v.v. và ngày nay, vừa mới bùng nổ cách mạng về chất siêu dẫn.

Theo Ăng-ghe-n, trước mỗi phát minh vạch thời đại, chủ nghĩa duy vật phải thay đổi hình thức của mình. Vậy hình thức của chủ nghĩa duy vật hiện nay là gì khi thế giới đã bước vào ngưỡng cửa của nền văn minh tin học ?

Do ảnh hưởng của việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, ở các nước tư bản chủ nghĩa, công nhân thuộc các ngành công nghiệp và nghề nghiệp truyền thống đang giảm dần. Họ là bộ phận có tính chiến đấu và tổ chức nhất của giai cấp công nhân, nhưng khả năng đấu tranh tích cực và thực hiện vai trò tiên phong của họ trong đấu tranh giai cấp đang bị hạn chế bởi nguy cơ thất nghiệp và bị hất ra ngoài lề đường đang đè nặng lên họ. Còn những thành phần lao động làm thuê như viên chức, những người làm việc trong lĩnh vực dịch vụ, thì đúng là đang đóng vai trò ngày càng tăng trong tổng lực lao động và có sự bất mãn nhất định về khía cạnh này hay khía cạnh khác trong vị trí của mình, nhưng thường lại an phận, ít dám đi chệch khỏi những khuôn phép đã quy định, vì sợ mất đi vị trí đã có do những biến đổi về công nghệ và cơ cấu gây ra. Nhìn chung, trong phong trào công nhân các nước tư bản chủ nghĩa, đang phát triển một cách tự phát cái mà Lê-nin gọi là “ý thức công liên chủ nghĩa”, mà với nó, nhiều khi người ta không cảm thấy trực tiếp ách áp bức của chế độ tư bản. Xu hướng đó lại được “cuộc cách mạng tin học” tiếp sức thêm bằng cách trao vào tay giai cấp tư sản những phương tiện hết sức mạnh mẽ nhằm hủ hóa giai cấp công nhân về mặt tư tưởng. (Riêng Mỹ kiểm soát 35% các phương tiện thông tin đại chúng trên toàn hành tinh, 75% các chương trình truyền hình, 50% số phim phát hành, 90% chương trình truyền hình thời sự, 89% ngân hàng tin qua máy bay trên thế giới).

Khác với quá khứ, không thể coi trí thức ngày nay chỉ là một tầng lớp trung gian để dao động giữa các giai cấp đối lập. Thực tế, bộ phận có xu hướng dân chủ của giới trí thức đang đóng vai trò một lực lượng xã hội độc lập. Họ ngày càng quan tâm tới những vấn đề nhân đạo chung và những vấn đề toàn cầu, tới việc nhân đạo hóa lối sống. Họ đang trở thành trung tâm hấp dẫn những người có xu

hướng phản kháng xã hội và chính trị trong các nhóm xã hội khác ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Có thể kể ra nhiều nét mới nữa của xã hội hiện đại, đặc biệt là những vấn đề toàn cầu, so với thời Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin. Những biến đổi sâu sắc diễn ra trên toàn thế giới, đòi hỏi và bắt buộc những người mác xít chân chính phải *nghiên cứu kỹ lưỡng, phân tích có phê phán và khoa học toàn bộ học thuyết Mác - Lê-nin để phát triển nó lên một trình độ mới*.

Những người làm công tác lý luận đều biết rất rõ bản thân các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin thường xem lại những quan điểm của mình về các vấn đề căn bản, khi tình hình kinh tế, chính trị, xã hội đã thay đổi. Chẳng hạn, tư tưởng của Lê-nin về chính sách kinh tế mới (NEP) đã làm thay đổi sâu sắc toàn bộ quan niệm về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở đây, cần phân biệt phương pháp của Lê-nin với phương pháp của những người theo chủ nghĩa xét lại. Phương pháp xem xét, đánh giá của Lê-nin là phương pháp biện chứng duy vật. Chỉ có phương pháp này mới bảo đảm phát triển chủ nghĩa Mác một cách thật sự khoa học, thoát khỏi sự bổ sung mang tính ghép nối máy móc, cơ học.

3 - Sự thống nhất giữa lý luận và phương pháp cũng là một đặc trưng của tính chính thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Phương pháp mác xít là lý luận hướng vào mục tiêu của nhận thức là cải tạo thực tại, *một lý luận luôn vận động, biến thành phương tiện nhận thức và hành động thực tiễn*. Lý luận đến lượt nó lại là điểm tựa, cơ sở và kết quả tác động của phương pháp. Không thể tách rời lý luận với phương pháp được.

Trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin, sự thống nhất giữa lý luận và phương pháp không phải là sự đồng nhất hoàn toàn, mà luôn mang tính mâu thuẫn. Mâu thuẫn này không ngừng được giải quyết trong tiến trình nhận thức khoa học và thực tiễn. Ở đâu sự thống nhất mang tính mâu thuẫn giữa lý luận và phương pháp bị đứt đoạn, thì ở đó chủ nghĩa Mác - Lê-nin trở nên chết cứng, biến thành giáo điều,

mất đi sức sống. Việc *giải quyết mâu thuẫn giữa lý luận và phương pháp là một trong những yếu tố quan trọng để phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin*.

Tính chưa hoàn chỉnh của lý luận về một phương diện nào đó (một điều tất yếu xảy ra đối với mọi khoa học) luôn được bọn xét lại trước kia và hiện nay dùng làm cái cớ để tuyên bố về sự hấp hối của học thuyết Mác - Lê-nin. Họ cố tình không biết đến điều là chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải chỉ là lý luận mà còn là phương pháp. Toàn bộ thế giới quan của Mác, như Ăng-ghe-n thường nhấn mạnh, là *phương pháp* chứ không phải là học thuyết. Thế giới quan này không phải là những giáo điều có sẵn, mà là điểm xuất phát để tiếp tục nghiên cứu, là một phương pháp để nghiên cứu. Cần xem phương pháp mác xít như một công cụ nhận thức để tìm câu trả lời cho những vấn đề do cuộc sống đặt ra, chứ không phải tìm nó như một đơn thuốc có sẵn trong lý luận mác xít. Hiện nay, trong công cuộc đổi mới, nếu không nắm vững và biết sử dụng thành thạo phương pháp mác xít để phân tích hình hình cụ thể trong nước và trên thế giới, mà cứ say mê chạy theo những "giáo điều mới" như đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, dân chủ hóa, phi tập trung hóa tất cả, v.v.. thì như vậy nhất định sẽ rơi vào một thảm họa kiểu khác. Đừng nhắm mắt trước những sự biến đau xót đã và đang diễn ra ở Đông Âu và Liên xô.

Tuy nhiên, cũng cần tránh một thái cực khác là quá nhấn mạnh đến phương pháp mác xít, coi nó như cái duy nhất ngày nay còn giữ được ý nghĩa trong toàn bộ học thuyết mác xít. Đừng quên rằng phép biện chứng mà tách khỏi cơ sở duy vật, thì cũng sẽ dẫn tới chủ nghĩa chủ quan, chiết trung, tùy tiện trong nhận thức. Phép biện chứng mác xít luôn đòi hỏi một sự phát triển và làm phong phú thêm cho phương pháp trên cơ sở lý luận. Cũng vì vậy, chỉ chú ý tới phương pháp thôi thì chưa đủ. Cần đặt vấn đề rộng hơn: phải có một *học thuyết về phương pháp mác xít*. Rất tiếc là về vấn đề này, cũng như về nhiều vấn đề khác, tới nay chưa có sự phát triển gì mới. Trong khi đó, thời đại hiện nay yêu mọi lĩnh vực

của đời sống xã hội đã có biết bao biến đổi sâu sắc khác xa thời Mác và Lê-nin. Cũng có ý kiến cho phương pháp tiếp cận hệ thống là một trong những thành tựu mới của sự phát triển khoa học về tư duy. Thực ra, phương pháp này chỉ là một khía cạnh, một phương diện của phép biện chứng duy vật. Nó đã được Mác sử dụng khi phân tích và khái quát những quy luật phát triển của xã hội tư bản. Còn Lê-nin thì cũng đã vận dụng tài tình phương pháp này để phân tích nhiều vấn đề của NEP. Nếu hiện nay có gì mới, thì đó cũng chỉ là sự ứng dụng tiếp phương pháp đó vào những lĩnh vực cụ thể như điều khiển học, tin học, v.v..

4 - Tính chỉnh thể của chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn thể hiện ở sự kết hợp nhuần nhuyễn, khoa học giữa khách thể và chủ thể.

Để phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của Đảng với tư cách là chủ thể, là khâu nối lý luận với thực tiễn. Cụ thể, Đảng (chủ thể) cần phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin cả về lý luận và phương pháp để tìm lời giải đáp đúng cho những vấn đề do thực tiễn cách mạng (khách thể) đặt ra. Chỉ có như vậy

chúng ta mới thoát ra khỏi trạng thái khủng hoảng hiện nay và tìm được biện pháp hữu hiệu để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội hiện thực trên mảnh đất Việt nam.

Vậy bản chất phương pháp luận phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin là gì? Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vốn bao hàm ngay trong hệ thống lý luận của nó tư tưởng không ngừng tự phủ định biện chứng. Căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể mới để xem xét lại, phê phán những gì không còn phù hợp, bổ sung thêm những gì cần thiết để đi tới những điều khẳng định mới, đó là yếu tố tuyệt đối trong học thuyết mác xít, còn bảo toàn chỉ là yếu tố tương đối.

Từ luận điểm của Mác đến luận điểm của Lê-nin về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ chính sách cộng sản thời chiến đến chính sách kinh tế mới, đó là những ví dụ sinh động về sự phát triển sáng tạo lý luận mác xít bằng con đường phủ định biện chứng duy vật. Đó cũng là những ví dụ sinh động về sự kết hợp nhuần nhuyễn, khoa học giữa chủ thể và khách thể.

*Hoan nghênh bạn đọc
phê bình Tạp chí*

Con người - vấn đề trung tâm của chính sách xã hội

HOÀNG CHÍ BẢO *

CÔNG cuộc đổi mới ở nước ta là một quá trình giải phóng : giải phóng sức sản xuất và giải phóng tinh thần, ý thức xã hội. Đổi mới đã khách quan hóa vai trò to lớn và tầm quan trọng không thể thiếu của các chính sách xã hội (CSXH) trong sự nghiệp xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội của con người.

Với đường lối đổi mới, Đại hội VI của Đảng lần đầu tiên đã xác định tầm quan trọng và những ảnh hưởng thực tế của CSXH đối với toàn bộ sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Vấn đề lợi ích và quan tâm tới lợi ích của người lao động được Đảng ta xem như *cốt lõi* của mọi chính sách ; *giải quyết các vấn đề xã hội là thực hiện giải phóng sức sản xuất, hướng tới phục vụ con người làm chủ xã hội*. Văn kiện Đại hội đã ghi rõ : "Mục tiêu ổn định tình hình, giải phóng năng lực sản xuất không chỉ là phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật mới mà còn là giải quyết các vấn đề xã hội, từ công việc làm đến đời sống vật chất và văn hóa, bồi dưỡng sức dân, xây dựng các quan hệ xã hội tốt đẹp, lối sống lành mạnh, thực hiện công bằng xã hội, với ý thức người lao động là lực lượng sản xuất lớn nhất, là chủ thể của xã hội" (1). Với hướng tiếp cận mới mẻ này, chúng ta có thể thấy *bản chất và động lực phát triển* của chủ nghĩa xã hội nằm ngay ở tiềm năng vốn có của chủ nghĩa xã hội là người lao động được giải phóng, ở điểm nhạy cảm nhất trong hoạt động sống của người lao động là *lợi ích* (trước hết là *lợi ích vật chất*) và ở cơ chế thực hiện lợi ích đó. Đây cũng là nét tổng

quát nhất trong lý luận về CSXH và quản lý xã hội theo quan điểm đổi mới.

Thành tựu bước đầu trong thực tiễn đổi mới 5 năm qua đã xác nhận đúng đắn và triển vọng của lý luận đó. Và cũng từ việc phân tích và tổng kết các bài học kinh nghiệm và các vấn đề mới phát sinh, Đại hội VII của Đảng đã đề ra lý luận về đổi mới xã hội và CSXH. Đó cũng chính là lý luận về đổi mới nhận thức chủ nghĩa xã hội và mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những quan điểm của Đại hội VI về CSXH đã được Đại hội VII của Đảng tiếp tục phát triển, tập trung ở những điểm sau đây :

Một : *Xác định vai trò và ý nghĩa to lớn của CSXH là động lực phát triển của xã hội*

Cương lĩnh ghi rõ : "*Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội*" (2). Để phát triển và đạt trình độ ngày càng cao của tiến bộ và văn minh, xã hội phải phát hiện và khai thác được những động lực bên trong. Là một trong những động lực ấy, CSXH với hiệu quả của nó trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, không chỉ tạo nên sự ổn định và phát triển lành mạnh của các quan hệ xã hội, mà còn thúc đẩy sản xuất phát triển, làm cho đất

* Phó tiến sĩ triết học, Viện trưởng Viện chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc Viện Mác - Lênin.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 185

(2) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 13

nước phồn vinh. Lẽ dĩ nhiên, CSXH chỉ đóng được vai trò động lực phát triển xã hội, nếu nó đúng đắn, thể hiện được các nguyên tắc *công bằng, dân chủ* và *nhân đạo* là những nguyên tắc cho thấy trung tâm chú ý của xã hội và đối tượng phục vụ của CSXH là người lao động. Ngược lại, nếu CSXH sai lầm, lạc hậu với thực tiễn đã biến đổi, hoặc không phù hợp với trình độ thực tế của nền kinh tế, thì có thể gây ra những hiện tượng tiêu cực, kìm hãm sản xuất phát triển, làm mai một các tiềm năng xã hội. Thực tế cho thấy, chính sách bao cấp tràn lan và kéo dài đã dẫn tới sự thụ động, trì trệ trong sản xuất, gây ra sự lãng phí, tham ô tài sản xã hội, nuôi dưỡng và phát triển tính ỷ lại và thói vô trách nhiệm. Cũng hết như chủ nghĩa bình quân trong phân phối chẳng những không giúp gì cho việc bảo đảm công bằng xã hội, mà thực tế còn làm tăng lên tình trạng bất công, làm mất đi ý nghĩa của lợi ích là động lực kích thích tính tích cực của người lao động. Cũng sẽ là không đúng, nếu từ chỗ xóa bỏ bao cấp trong sản xuất đi đến áp dụng máy móc nguyên tắc hạch toán, kinh doanh có lãi cả trong các lĩnh vực như giáo dục, y tế, văn hóa và nghiên cứu khoa học, để mặc cho cạnh tranh và xu hướng thương mại hóa trên thị trường chi phối cả các lĩnh vực này. Đừng bao giờ quên rằng những lĩnh vực này gắn liền với nhu cầu thiết yếu của nhân dân, và hoạt động lành mạnh của những lĩnh vực này tạo nên tiềm năng phát triển của xã hội. Đây là những lĩnh vực mà nhà nước phải không ngừng quan tâm đầu tư trên cơ sở phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế, coi đó như một thứ đầu tư cho tái sản xuất, đầu tư theo chiều sâu.

Hai : Với tư tưởng đổi mới, giải phóng để phát triển, CSXH đặt con người vào vị trí trung tâm, xem con người là nguồn lực quan trọng nhất, nguồn lực của mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Bước vào thập kỷ 90, nước ta có 66 triệu dân với 33 triệu người trong độ tuổi lao động. Đến năm 2000, đất nước có khoảng 80 triệu dân với hơn 40

triệu người trong độ tuổi lao động. Đó là thế mạnh của đất nước. Để khai thác được thế mạnh này, các chính sách như bồi dưỡng sức dân, nâng cao dân trí, đào tạo chuyên môn - kỹ thuật và tạo việc làm, phải trở thành những chính sách ưu tiên trong hệ thống các CSXH. Xét theo quan điểm phát triển, những chính sách này nằm trong *chiến lược con người* nhằm đổi mới xã hội và hiện đại hóa đất nước. Để chiến lược này được thực hiện, cần phải thừa nhận và chứng minh bằng kết quả thực tế rằng, lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp của sự phát triển xã hội, là điều kiện để mỗi cá nhân gắn bó tự nhiên với xã hội bằng các mối liên hệ vật chất và tinh thần.

Giữa cá nhân với xã hội, giữa công dân với nhà nước, luôn luôn tồn tại mối liên hệ và tác động lẫn nhau bởi quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm. Chính sách cũng như luật pháp, trong khi thể hiện và quy định việc thực hiện những quyền và nghĩa vụ công dân, cũng đồng thời nhấn mạnh sự quan tâm của nhà nước, sự bảo đảm của xã hội đối với con người để họ có thể sống và làm việc tốt hơn trong hiện tại, thấy được triển vọng phát triển trong tương lai (điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với thế hệ trẻ) ; hoặc tạo cho con người tâm trạng yên tâm, phấn khởi về tính ổn định của các điều kiện sống, mức sống, về sự an toàn, an ninh cá nhân trong cuộc sống công dân. Các CSXH tiếp cận và giải quyết các vấn đề xã hội phải thể hiện được sự thống nhất hữu cơ giữa các tư cách sau đây của con người : là người lao động, là người công dân và là người chủ xã hội. Do đó, con người cần được bảo vệ bằng pháp luật, có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, cũng như được tham gia và có điều kiện tham gia có hiệu quả vào công việc quản lý xã hội với tư cách người chủ xã hội.

Các chính sách kinh tế của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới có ý nghĩa tiền bộ rất lớn và tác động

tích cực tới các CSXH. Các chính sách đó từng bước thể nghiệm phương hướng đổi mới như tách công việc nhà nước ra khỏi công việc doanh nghiệp, tách hành chính ra khỏi kinh doanh. Chế độ tự chủ của các doanh nghiệp (như tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự trang trải tài chính, tự phân phối thu nhập và tự quản xã hội chủ nghĩa) được tôn trọng. Nhà nước quản lý kinh tế bằng chính sách và pháp luật. Tương ứng với những đổi mới đó trong chính sách kinh tế, chúng ta đang cố gắng đổi mới và thực hiện tốt CSXH vì mục tiêu phát triển con người. Hướng nỗ lực lâu dài của chúng ta trong các lĩnh vực xã hội (như văn kiện Đại hội VII của Đảng đã khẳng định) là : đảm bảo các quyền cơ bản của công dân, quyền con người. Tự do cá nhân được bảo đảm bằng pháp luật, được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và *bị ràng buộc bởi pháp luật*.

Ba : Đảng ta đã đề ra những phương hướng lớn, nội dung toàn diện, cụ thể của các CSXH.

Hơn bất cứ lĩnh vực nào, nguyên tắc "phân tích cụ thể tình hình cụ thể" của Lê-nin cần được quán triệt trong nghiên cứu xã hội và xây dựng CSXH. Đảng ta xuất phát từ thực tế là hiện nay cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội chưa chấm dứt, khó khăn và mâu thuẫn kinh tế - xã hội ở nước ta còn rất lớn, trong đó vấn đề gay gắt nhất là ổn định việc làm cho người lao động và nâng cao mức sống dân cư. Cùng với nó là sự bức xúc phải đập tắt bệnh tham nhũng, quan liêu và nhiều tệ nạn xã hội khác. Nói cách khác : phải vượt qua tình trạng đói nghèo và lạc hậu, lập lại trật tự, kỷ cương và làm lành mạnh xã hội. Xã hội nước ta đang vận động theo xu hướng đổi mới và hòa nhập với thế giới thông qua phát triển kinh tế hàng hóa và áp dụng cơ chế thị trường. Con đường phát triển này là sự lựa chọn cần thiết, vừa đón thời cơ, vừa chủ động chấp nhận những thách thức của hoàn cảnh và tình thế. Do đó, từ phương diện xã hội của chiến lược phát triển, Đảng

ta đã định rõ :

Trước hết, chính sách phát triển kinh tế và xã hội đều phải nhằm phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Trên thực tế, không có chính sách hoặc giải pháp nào mà nội dung chỉ thuần túy mang tính chất kinh tế hoặc xã hội. Mỗi biến đổi kinh tế đều có thể đưa lại kết quả tích cực hoặc hậu quả tiêu cực về mặt xã hội. Về điểm này, phát triển kinh tế hàng hóa và áp dụng cơ chế thị trường là một ví dụ điển hình. Nó vừa đem lại sự năng động cho sản xuất, lưu thông và phân phối, vừa tạo ra sự đa dạng về nhu cầu, phát triển năng lực về lao động và quản lý ; nhưng đồng thời cũng làm nảy sinh không ít hiện tượng tiêu cực, như thói vụ lợi, tâm lý thực dụng, nạn làm hàng giả, tệ trốn thuế, buôn lậu, lừa đảo. Thêm vào đó, các giá trị văn hóa, tinh thần, các truyền thống đạo đức có nguy cơ bị xem nhẹ, coi thường. Vì vậy, CSXH và luật pháp phải chủ động khắc phục và hạn chế những mặt tiêu cực đó.

CSXH muốn mang tính hiện thực đầy đủ, phải tính đến sự ràng buộc của kinh tế, phải góp phần thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của kinh tế, chỉ có như vậy mới có cơ sở kinh tế - vật chất để thực hiện. Ngoài ra, còn phải bảo đảm kết hợp tốt giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, với phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường. Đây không phải là một yêu cầu dễ thực hiện khi xã hội đang còn khủng hoảng, lạm phát, khi kinh tế còn vận động trong điều kiện cơ chế cũ chưa bị phá bỏ hoàn toàn và cơ chế mới chỉ mới hình thành, chưa đầy đủ và vững chắc. Tuy vậy, chỉ có bảo đảm thực hiện tốt yêu cầu trên, thì mới có thể làm rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Tăng trưởng kinh tế không tự động dẫn tới tiến bộ xã hội. Do đó, có thể và cần phải thông qua các CSXH góp phần định hướng cho các mục tiêu, biện pháp của các kế hoạch phát triển sản xuất, tăng

trường kinh tế. Ví dụ : Nhà nước cần khuyến khích sản xuất kinh doanh, thừa nhận thu nhập cao bằng lao động, tức chấp nhận có sự phân hóa giàu nghèo do có chênh lệch về thu nhập, song Nhà nước lại phải có chính sách điều tiết thu nhập bằng thuế và giá, để có thêm nguồn thu cho phúc lợi xã hội, đảm bảo công bằng xã hội. Nhà nước cũng cần có chính sách chống nhập khẩu tùy tiện và tràn lan các hàng tiêu dùng xa xỉ, nhằm tiết kiệm ngoại tệ phục vụ sản xuất.

CSXH phải góp phần ngăn chặn các nhu cầu tiêu dùng giả tạo, vượt quá khả năng hiện có của nền kinh tế. Đó là cách tiếp cận vấn đề xã hội từ thực trạng kinh tế.

Một phương diện tiếp cận khác cho thấy : muốn thúc đẩy kinh tế phát triển, phải chú trọng bồi dưỡng sức dân, đầu tư thêm tiền của, sức lực vào đào tạo nghề nghiệp, phát triển giáo dục, khoa học, công nghệ và văn hóa nói chung. Cụ thể là Nhà nước cần có chính sách coi trọng chất xám, trọng dụng nhân tài. Đồng thời, có chính sách bảo trợ xã hội hợp lý đối với các đối tượng ưu tiên, đối với người về hưu ; một phần cũng để động viên những người đang làm việc về mặt tâm lý - đạo đức. Cũng hết như muốn khắc phục sự lạc hậu về kinh tế và xã hội ở các vùng cao, hẻo lánh, Nhà nước cần có chính sách đầu tư thỏa đáng cho các chương trình phát triển giao thông, bưu điện, giáo dục, y tế, văn hóa, tập trung cán bộ cho miền núi...

Tất cả những điều vừa trình bày trên cho thấy nội dung toàn diện, tỉ mỉ, tinh tế, cụ thể của các CSXH.

*

Có được nhận thức đúng về các vấn đề xã hội để vạch ra cơ sở lý luận và phương pháp xây dựng CSXH, là một việc không đơn giản. Việc giải quyết

CSXH trong thực tiễn lại càng khó khăn, phức tạp hơn. Hiện nay ở nước ta, hàng loạt yêu cầu liên quan tới cuộc sống của người lao động đang rất bức xúc. Vấn đề việc làm cho người lao động, nhất là cho thanh niên, đang là một trọng điểm phải giải quyết để ổn định xã hội. Số người không có việc làm thực sự đã lên tới con số 1,7 - 1,8 triệu. Nếu tính thêm số người có việc làm nhưng chưa thật ổn định và chắc chắn, thì phải tới con số 7,5 triệu người (khoảng 5 triệu trong khu vực nông nghiệp, 60 vạn trong các khu vực kinh tế không phải nông nghiệp và 50 vạn trong các khu vực khác). Trong vòng 15 năm tới, đội quân lao động nước ta sẽ được bổ sung thêm khoảng 23 triệu thanh niên, đồng thời giảm khoảng 7 triệu người do nghỉ hưu. Để giải quyết việc làm cho số người mới, Nhà nước cần chi khoảng 18 - 21 tỷ đô la. Đó thực sự là một gánh nặng trong nhiều gánh nặng mà chúng ta đang phải lo giải quyết. Hiện nay, số người mù chữ ở nước ta lên tới 8,5 triệu người. 80% số hộ nông dân đang còn là những hộ nghèo. Tình trạng suy dinh dưỡng trong trẻ em rất nghiêm trọng : số suy dinh dưỡng từ trong bụng mẹ là 22%, dưới 5 tuổi là 50%. Nhà ở cho mọi người cũng không kém phần gay gắt : diện tích ở bình quân đầu người ở đô thị chưa tới 4m² ; tới 60% số nhà đang cần sửa chữa, cải tạo gấp ; 30 triệu người đáng phải sống dưới mức tiện nghi cần thiết. Hàng chục triệu người ở nông thôn còn thiếu nước sạch để dùng. Tệ nạn xã hội và tội phạm tiếp tục tăng. Trong khi nhà nước không đủ tiền để chi những vấn đề xã hội cấp bách thì hàng trăm, hàng nghìn tỷ đồng tài sản của nhà nước và nhân dân vẫn tiếp tục bị thất thoát do các tệ nạn buôn lậu, trốn thuế, tham ô, hối lộ, tham nhũng. Giải quyết các vấn đề của người lao động và của xã hội, đương nhiên không thể không khắc phục những hiện tượng nêu trên, đảm bảo cho xã hội lành mạnh, công bằng và dân chủ.

PHẠM TRỪ CÁ NHÂN

HỒ NGỌC ĐẠI *

TÔI hình dung lịch sử nói chung là một *tiến trình phát triển tự nhiên* theo như quan điểm của các tác giả quen thuộc - Hê-ghe-n và Mác.

Muốn mô tả chính xác tiến trình ấy phải chỉ ra nguyên nhân đích thực của sự phát triển, tức là *bước chuyển hóa* từ phạm trừ này sang phạm trừ khác. Nếu chưa thể làm được việc đó, thì đành phải mô tả những biểu hiện trực quan của nó. Theo cách này, tôi bắt đầu từ khâu thứ nhất của tiến trình tạo ra CÁI MỚI với tư cách là MỤC ĐÍCH, khâu tiếp theo là biến thành tựu (mục đích) ấy thành PHƯƠNG TIỆN, ĐIỀU KIỆN để hình thành mục đích mới, cái mới. Lùi về phía quá khứ, tôi coi thể giới *vô cơ* là điểm xuất phát của tiến trình về sau. Nếu nó từng là mục đích của lịch sử, thì bây giờ nó phải trở thành phương tiện (điều kiện, cơ sở) để tạo ra mục đích mới, cái mới : Ấy là *sự sống*.

Sự sống xuất hiện dưới hình thức trừu tượng nhất còn là một thể đồng nhất (sự đồng nhất trừu tượng), mà hình thức phân hóa đầu tiên là *thực vật*, với tư cách là mục đích của lịch sử tiến hóa. Sau đó, thực vật lại trở thành phương tiện - điều kiện cho sự hình thành cái mới - mục đích mới : *động vật* (1). Sự tiến hóa của động vật đã hoàn thiện cái *cơ thể vật chất*, đưa nó đến hình thái chính thức, nghĩa là sau đó, không cần tiến hóa nữa về chất sinh học.

Thế là toàn bộ tiến trình lịch sử trước người, cơ hồ như có mục đích cuối cùng là tạo ra cơ thể vật chất cùng với quy luật tồn tại của nó về mặt sinh học, hoàn thiện việc chuẩn bị điều kiện tự nhiên để sáng tạo ra sự sống của con người, như một mục

đích mới. Đó là *tinh thần*, đời sống *tinh thần*.

Trước đây, *tinh thần* chỉ mới lấp ló đâu đó biểu hiện ở trí khôn kinh nghiệm trong sự sống của động vật cấp cao. Nay *tinh thần* bứt khỏi điểm xuất phát, thực hiện sự phát triển của bản thân mình. Vậy khi xét về lịch sử phát triển người nên coi cơ thể về mặt sinh học như cái đã hoàn thiện. Từ nay, “*cơ thể vật chất*” chỉ là hình thái vật chất tương ứng với *tinh thần*. Cơ thể này phải được sáng tạo cho phù hợp với trình độ phát triển của *tinh thần*. Hiện nay, từ cách nhìn đó, ta thấy có ba “*cơ thể*” tương ứng cho ba phạm trừ : *Cá nhân - gia đình - cộng đồng* (xã hội). Nói rõ ra, cá nhân có *tinh thần* và “*cơ thể*” của nó ; gia đình có “*tinh thần*” và “*cơ thể*” của nó ; xã hội (cộng đồng) có *tinh thần* và “*cơ thể*” của nó.

Lịch sử tập trung chú ý vào phạm trừ *tinh thần*, coi như *mục đích mới*. Nó sẽ nhanh chóng phát triển theo phương thức của chính nó. Mỗi trình độ phát triển *tinh thần* tạo ra trình độ phát triển “*cơ thể*” tương ứng. Ví dụ rõ nhất là gia đình.

Thoạt đầu, gia đình còn ở trạng thái đồng nhất với loài. Bất cứ người đàn ông nào cũng có thể kết hợp với bất cứ người đàn bà nào để làm thành loài, theo quy luật loài. Cái “*cơ thể*” ấy còn chưa định hình, tương ứng với *tinh thần* gia đình. Tiếp đó, quan hệ “*cơ thể*” ấy thu hẹp lại trong một quần thể, và mỗi người đàn ông chỉ có thể là chồng của những người đàn bà ở quần thể xác định thứ hai.

* Giáo sư, tiến sĩ tâm lý học

(1) Cơ thể của thực vật được tạo thành từ ánh sáng, muối khoáng, các chất vô cơ. Cơ thể động vật được tạo ra từ những vật liệu “*cổ truyền*” ấy và cả thực vật nữa.

Như vậy, cái “cơ thể” của tinh thần gia đình đã định hình từ trước, và đã có sự phân hóa giữa những người đàn ông và đàn bà trước kia vốn chỉ có một giới hạn của phạm trù loài. Quá trình phân hóa và định hình hóa ấy trải qua nhiều giai đoạn trung gian, để đạt đến cái cơ thể “một vợ - một chồng” của tinh thần gia đình hiện đại. Chắc chắn rằng, tinh thần gia đình còn phát triển, rồi nó sẽ phải có các hình thái “cơ thể” thích hợp hơn.

Phạm trù cộng đồng (xã hội) cũng trải qua những giai đoạn phát triển kế tiếp nhau, theo quy luật (lô gích) của chính nó và đã được Mác mô tả bằng các hình thái xã hội : xã hội nô lệ, phong kiến, tư bản.

*

Sự phát triển của tinh thần, dù lý giải theo phép biện chứng duy tâm (Hê-gen) hay theo phép biện chứng duy vật (Mác), thì cái cốt lõi vẫn là sự thống nhất biện chứng (đó mới là điều quan trọng nhất, còn duy tâm hay duy vật sẽ bàn sau) giữa sự phát triển vật chất (cơ thể) và tinh thần.

Nhưng khi nói đến thành tựu vật chất thì vấn đề quan trọng không phải ở CÁI được tạo ra, mà là CÁCH tạo ra. Sự khác biệt dứt khoát giữa người và động vật cũng như giữa các trình độ phát triển khác nhau của người thể hiện ở CÁCH tạo ra thể giới vật chất, phù hợp với trình độ đạt được trong tinh thần. Vì vậy, cái CÁCH ấy được lấy làm thước đo một trình độ phát triển (cả vật chất lẫn tinh thần) của lịch sử. Nó cũng là thước đo trình độ phát triển của cả ba phạm trù, cá nhân - gia đình - cộng đồng.

Thuở hái lượm, CÁCH “tạo ra” sản phẩm hết sức thô sơ, chỉ nhất lấy của sẵn có giữa thiên nhiên. Cái CÁCH ấy là sự kéo dài tự nhiên phương thức sống của động vật, do đó, các phạm trù cá nhân - gia đình - cộng đồng còn ở trạng thái đồng nhất, thuộc phạm trù loài và biểu hiện rõ hơn ở phạm trù gia đình có tính bầy đàn.

Sang thời kỳ biết chăn nuôi, trồng trọt, nhất là

khi đã bước qua sự phân công lao động theo “giới tính”, thì lịch sử càng diễn biến nhanh hơn. Hoàn cảnh này chắc chắn tạo ra sự phát triển mới của cả ba phạm trù, nhưng biểu hiện tập trung hơn ở phạm trù cộng đồng. Sự trao đổi hàng hóa (hiện vật) thực hiện giữa các “cộng đồng” có tính đồng họ (gia đình) đã làm mềm đi cái biên giới địa vực tự nhiên ban đầu, để tạo ra những không gian mới, dù chỉ là sự liên kết tự nhiên những gì vốn có. Tôi đặc biệt coi trọng thời kỳ này, vì hai lẽ : 1) Con người không còn trông chờ hoàn toàn vào ân huệ sẵn có một cách tự nhiên và ngẫu nhiên (của bất được) của thiên nhiên, mà tự mình tạo ra nguồn sống thường xuyên, chủ động hơn ; và 2) những đặc điểm xã hội ngày càng chiếm vai trò chủ đạo. Thời kỳ này kéo dài hàng ngàn năm và định hình (ở hình thái chính thức) bằng nền sản xuất tiểu nông - thủ công nghiệp. Trong suốt thời kỳ ấy, các “cơ thể” của các phạm trù gia đình và cộng đồng đã tiến dần đến hình thái phù hợp với tinh thần của chúng, là gia đình gia trưởng và xã hội phong kiến tập quyền.

*

Cá nhân là một sự kiện có ngay từ đầu, nhưng hồi ấy nó tồn tại với tư cách là một nhân tố cấu thành của phạm trù khác (gia đình hay cộng đồng) dưới hình thức *cá thể*.

Mỗi phạm trù có “cơ thể” và tinh thần của nó. Nhìn một cách trực quan, ta thấy mỗi cá thể có một cơ thể. Nhưng đó chưa phải là cơ thể của phạm trù. Lịch sử còn phải chuẩn bị cho cơ thể ấy biến thành *cơ thể của phạm trù cá nhân*.

Ở trên, về mặt sinh học, tôi đã loại bỏ sự phát triển về chất. Từ nay, nếu có sự tiến hóa nào đó về cơ thể, thì sự tiến hóa ấy sẽ không theo quy luật sinh học, mà theo quy luật khác, tôi gọi ước lệ là *văn hóa* (bao gồm cả tinh thần lẫn vật chất tương ứng). Điều này dễ nhìn thấy, nếu đem so sánh cái tai thỏ lỗ với cái tai âm nhạc, con mắt thỏ lỗ với con mắt cảm nhận được vẻ đẹp. Hai giác quan “lý thuyết”

này đã từng bước trở thành các giác quan nghệ thuật và khoa học. Vậy nên sự tiến bộ của “cơ thể” được quyết định bởi những nguyên nhân ở bên ngoài cơ thể trời sinh, tức là ở trong đời sống gia đình, trong đời sống xã hội.

Nhưng như vậy là câu chuyện đã lấn sang một lĩnh vực khác. Chỉ cần một ví dụ này cũng đủ minh họa : thể kỷ trước, trẻ em 6 tuổi, thậm chí 4 tuổi đã có thể tham gia lao động sản xuất, kiếm miếng ăn nuôi thân, tức là đã “trưởng thành” về mặt xã hội (2), trong khi còn lâu mới trưởng thành về cơ thể sinh học. Còn ngày nay, ngược lại, rất nhiều thanh niên đã trưởng thành về cơ thể sinh học, nhưng chưa đủ “trưởng thành” về mặt xã hội với tư cách là người lao động sản xuất. Nền lý giải sự lệch pha ấy theo tiêu chuẩn nào ? Rõ ràng là không thể theo tiêu chuẩn sinh học được, mà phải căn cứ vào trình độ phát triển của các phạm trù do con người sáng tạo ra : gia đình và cộng đồng (xã hội). Qua hai phạm trù này dễ nhìn thấy trình độ phát triển văn hóa mà cốt lõi là trình độ sản xuất vật chất đạt được lúc ấy. Lấy nền sản xuất vật chất làm chuẩn để lý giải sự phát triển lịch sử, đó là cơ sở không thể đánh đổ được, đồng thời là vấn đề mấu chốt nhất về mặt phương pháp luận, để xem xét một phạm trù, dù là về cơ thể hay tinh thần.

Với phạm trù cá nhân, bản thân cơ thể của nó không còn là cơ thể trời sinh thuần túy vật chất sinh học, mà đã thấm đượm “chất” tinh thần. Do đó, mô tả sự hình thành phạm trù cá nhân chủ yếu là mô tả sự hình thành tinh thần của nó. Chẳng hạn, Mác đã mô tả các cá nhân của nền sản xuất tiểu nông hao hao nhau, như những củ khoai. Nhiều cá nhân ấy hợp lại thành gia đình, nhiều gia đình hợp thành làng, nhiều làng hợp thành huyện, nhiều huyện hợp thành tỉnh... “Như vậy, - Mác viết, - cái khối to lớn dân tộc Pháp được hình thành bằng cách giản đơn cộng những đại lượng cùng tên lại, đại khái cũng giống như một cái bao tải đựng những củ khoai tây hình thành một bao tải khoai tây vậy” (3).

Từ ví dụ của Mác, ít nhất có thể thấy được hai điều. Một, mục đích của lịch sử là tạo ra các cộng đồng, thì phải coi các cá nhân là đồng nhất, và tinh thần của họ thì đồng nhất với tinh thần của các phạm trù khác. Hai, “cơ thể” các cộng đồng lớn nhỏ chỉ là tổng số cơ thể của các nhân tố cấu thành. Vì là đồng chất, nên chúng không ràng buộc lẫn nhau theo nhu cầu nội tại. Cần có một sức mạnh ở bên ngoài, xa lạ với bản chất các nhân tố cấu thành (*cái bao tải* trong câu của Mác) để đặt chúng bên cạnh nhau. Như vậy, nhiều cá nhân gộp lại chỉ tạo ra sự khác biệt về lượng, chứ không phải về chất. Trong hoàn cảnh ấy, gia đình tiểu nông sớm định hình nhất và trở thành phạm trù chủ đạo. Tinh thần gia trưởng của nó cũng lấn át tinh thần của các phạm trù còn lại. Nó giữ cá nhân trong khuôn khổ là nhân tố của gia đình, đồng thời nó cũng bắt cộng đồng, xã hội phải theo tinh thần gia trưởng của nó : vua là ông gia trưởng của cả nước (cả nước được ví như một đại gia đình). Muốn thoát khỏi tình trạng ấy thì chỉ có cách là phát triển sản xuất, làm biến đổi về chất nền sản xuất, tạo ra sức mạnh vật chất làm tan vỡ cơ cấu cuộc sống hiện có.

Chuẩn bị trong suốt ba trăm năm, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước một, từ hợp tác giản đơn, qua công trường thủ công, đến đại công nghiệp cơ khí, đã bứt các cá nhân ra khỏi dòng họ, địa vực, bắt mỗi cá nhân giữ một chức năng riêng trong quá trình sản xuất xã hội, theo *cơ chế phân công - hiệp tác* với các cá nhân khác, xét trong phạm vi toàn xã hội. Như vậy, sự ràng buộc lẫn nhau trở thành nhu cầu sống còn ở ngay trong bản thân sự sống của các cá nhân. Người này cần đến người khác như cần đến các yếu tố hữu cơ làm nên sự sống của chính mình. Từ đó, tạo ra một xã hội không theo mẫu của gia đình nữa ! Đến đây, cái “bao tải” (quyền lực gia trưởng) phải biến thành phương tiện đảm bảo

(2) Xem C. Mác : Tư bản, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975, quyển thứ nhất, t.II, tr.290.

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t.II, tr.515

cho, sự liên hệ giữa các cá nhân tự do (tự do sử dụng sức lao động của mình). Một khi sức lao động đã thuộc về cá nhân (chứ không phải gia đình, dòng họ) thì sức mạnh vật chất ấy sẽ tạo ra tinh thần của nó, đó là *tự do cá nhân*. Cảm nhận được nhu cầu đó của lịch sử, cuộc cách mạng tư sản đã ghi trên lá cờ của mình : Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Tinh thần đó tạo mọi điều kiện vật chất (bằng chính quá trình sản xuất) để cho cá nhân trở thành một phạm trù độc lập. Đó "là một trong những công trình chủ yếu nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa" (4).

Xét theo tiến trình lịch sử hiện thực, sự tan rã của xã hội tiểu nông và sự thiết lập xã hội trên cơ sở nền sản xuất đại công nghiệp là bước ngoặt lớn nhất, căn bản nhất của toàn bộ lịch sử trước đó. Bước ngoặt ấy đã đưa nhân loại đến tận phạm trù cá nhân.

*

Kể ra, cá nhân đã có ngay từ đầu và tham gia vào toàn bộ quá trình lịch sử. Nhưng lúc đó nó chỉ có tư cách là một nhân tố thuộc các phạm trù khác (gia đình và xã hội), chưa đủ sức thành một phạm trù độc lập. Phải chờ cho sản xuất vật chất đạt đến một trình độ nhất định, phạm trù cá nhân mới ra đời một cách tự nhiên, tất nhiên.

Phạm trù cá nhân là con đẻ rút ruột từ một quá trình thai nghén lâu dài của toàn bộ lịch sử người. Tinh thần cá nhân bắt đầu định hình rõ nét, muộn nhất cũng là ở chế độ nô lệ. Chủ nô là một thực thể, lần đầu tiên khẳng định tinh thần cá nhân. Trớ trêu thay, để khẳng định mình là cá nhân tự do, chủ nô bắt những người khác trở thành nô lệ.

Tự do và nô lệ, hai mặt đối lập nhau, tồn tại vì nhau và cho nhau. Phương thức biểu hiện chỉ là tính đối lập. Để chứng tỏ mình là cá nhân tự do thì đây số còn lại sang phía đối lập, là nô lệ. Thậm chí muốn khẳng định mình là người thì bắt nô lệ ở phía phủ định - không phải người. Sự kiện này chứng tỏ mỗi bước tiến tới phạm trù cá nhân cũng là một

cuộc đấu tranh quyết liệt, theo cơ chế "đẩy lùi để tiến lên", làm cho phạm trù cá nhân nhích dần đến giới hạn lô gích : một số rất ít cá nhân vượt lên trên đồng loại, làm nên gia đình gia trưởng và xã hội phong kiến tập quyền. Vua là người duy nhất vượt lên, tự xưng là thiên tử, đứng trên mọi người.

Cơ chế "đẩy lùi để tiến lên" tiếp tục phân hóa dân cư và kết quả là hình thành các *đẳng cấp*. Tuy vậy, cá nhân trong đẳng cấp vẫn còn "hao hao" nhau.

Nền sản xuất càng phát triển, càng có khả năng giải phóng sức lao động cá nhân, từng bước xóa bỏ đẳng cấp phong kiến, phủ định tinh thần gia trưởng, tạo cơ hội cho tinh thần cá nhân hình thành và phát triển. Đến lượt nó, tinh thần cá nhân cần có một cơ thể của chính nó, tương ứng với sức lao động cá nhân.

Sự khác biệt trong quá trình sản xuất vật chất tạo ra sự khác biệt về sức lao động cá nhân, do đó cũng tạo ra sự khác biệt giữa cá nhân. Họ không còn "hao hao" nhau nữa. Và chính sự khác biệt ấy buộc họ cần đến nhau, bổ sung cho nhau. Mỗi người được lợi nhờ có mặt mạnh của người khác. Cơ chế phân công - hiệp tác được hình thành. Cơ chế này tạo ra một xã hội và cũng tạo ra một gia đình thích hợp hơn.

*

Phạm trù cá nhân hình thành muộn nhất, mặc dù cá nhân là sự kiện có đầu tiên. Đây không phải là hiện tượng cá biệt. Tựa như hàng hóa có từ lâu trong lịch sử, nhưng hàng hóa chỉ trở thành một phạm trù chính cống khi hình thành nền sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Về phần mình, phạm trù cá nhân sẽ vượt qua thể đồng nhất ban đầu, mà tự phân hóa, "tách ra" trong mỗi cá nhân những chức năng lịch sử của nó. *Một*, nó là một nhân tố của phạm trù gia đình. *Hai*, nó là một nhân tố của phạm trù xã hội. *Ba*, nó là một thực

(4) *Sđđ*, tVI, tr 126.

thể của chính nó như một cơ cấu độc lập, có cơ thể và tinh thần của chính nó. Thực thể này lần đầu tiên hình thành trong lịch sử và có sức mạnh chi phối các phạm trù khác, do vai trò lịch sử của nó quy định, tức là nó giành lấy cái vai trò mà xưa kia ở trong tay các phạm trù gia đình và xã hội. Sự phân hóa này rõ ràng là lấy tinh thần làm chuẩn. Lúc ấy cơ thể bị quy định bởi tinh thần của nó. Chẳng hạn, nếu cá nhân chỉ là một nhân tố của phạm trù gia đình, thì cái cơ thể của cá nhân ấy chịu sự chi phối của tinh thần gia đình (chứ không phải của cá nhân). Trước đây, khi chưa trở thành một phạm trù độc lập, tinh thần của cá nhân vẫn thuộc phạm vi chi phối của tinh thần gia trưởng. Bây giờ, khi đã là một phạm trù độc lập, thì tinh thần gia trưởng không thể giữ nguyên vẹn vị trí và quyền uy như xưa, mà phải biến đổi, cho phù hợp với tinh thần của phạm trù cá nhân. Nhưng dù biến đổi như thế nào thì tinh thần gia đình vẫn cứ là tinh thần gia đình, trong thế đối lập với tinh thần cá nhân (thuộc phạm trù cá nhân).

Ngày nay, trên thực tế lịch sử nhân loại, đang tồn tại bên cạnh nhau ba phạm trù : cá nhân - gia đình - xã hội. Một cách trực quan, "cơ thể" gia đình bao gồm các cá nhân, "cơ thể" xã hội bao gồm nhiều gia đình và các cá nhân. Ba phạm trù ấy như ba "cơ thể" tương đương nhau, không lớn hơn nhau, không nhỏ hơn nhau, không bao hàm nhau. Còn về tinh thần, phạm trù cá nhân chẳng những độc lập với hai phạm trù kia, mà còn đóng vai trò chủ đạo với tư cách anh hùng thời đại, chi phối hai phạm trù ấy, biến chúng thành các phạm trù hiện đại, cho ngang tầm với sự phát triển của phạm trù cá nhân. Nói rõ hơn, cơ thể và tinh thần của gia đình hiện đại phải phù hợp với trình độ phát triển hiện đại của phạm trù cá nhân ; cơ thể và tinh thần của phạm trù xã hội hiện đại phải phù hợp với trình độ phát triển hiện đại của phạm trù cá nhân. Ngày nay, ai cũng nhận thấy những biểu hiện thực tiễn của những biến đổi đó, như cá nhân đòi thỏa mãn các yêu cầu về nhân quyền, về dân chủ, về tự do, v.v.. Tầng lớp thanh

niên thường đi đầu trong những cuộc "nổi loạn" chống lại quá khứ (tức là chống lại sự chi phối của các phạm trù gia đình và xã hội cổ truyền), chỉ vì họ là con đẻ của thời đại, nhạy cảm với những nhu cầu của thời đại, nhạy cảm hơn nhiều so với các thế hệ ông cha vốn là con đẻ của thời đại mình.

*

Trong lịch sử nhân loại, các phạm trù gia đình - xã hội - cá nhân xuất hiện một cách *tự phát*, mà ý thức chỉ nhận ra chúng khi chúng đã tồn tại trên thực tế, sừng sững như các thực thể đã khá phát triển. Vì vậy, theo tiến trình tự nhiên, về mặt lịch sử, phạm trù cá nhân còn phải trải qua một chặng đường phát triển khá dài. Còn ở nước ta, vì sản xuất nhỏ vẫn là đặc điểm cơ bản, có ý nghĩa quyết định nhất đối với hiện trạng lịch sử, nên phạm trù "cá nhân" chắc chắn còn phải có quá trình ra đời, tồn tại và phát triển.

Chừng nào còn sản xuất nhỏ, còn là tiểu nông - thủ công nghiệp, thì tinh thần gia trưởng còn chèn ép cá nhân, và bản thân cá nhân còn chưa đủ bản lĩnh để có được một tinh thần cao hơn tinh thần gia trưởng để trở thành một phạm trù độc lập. Tuy nhiên, tính chất của thời đại có ảnh hưởng rất lớn đến trạng thái tinh thần mỗi nước như Mác nói, "bản thân hiện thực cũng phải cố gắng hướng tới tư tưởng" (5), tức là hiện thực hiện đại sẽ là hiện thực tự giác. Xu hướng cơ bản hiện nay của lịch sử không phải là chống lại, mà là ủng hộ, kích thích sự hình thành phạm trù cá nhân, "đỡ đê" cho nó và nuôi lớn nó một cách khoa học. Ở nước ta, cùng với sự phát triển của xã hội, phạm trù cá nhân đang trong quá trình hình thành. Chúng ta phải tỉnh táo, chủ động, có kế hoạch đón nhận nó một cách tự giác.

(5) *Sđđ*, t.I, tr 27

Lãi suất ngân hàng và cơ chế thị trường

PHẠM NGỌC PHONG *

Lãi suất là một trong những công cụ kinh tế cực kỳ quan trọng để điều tiết nền kinh tế hàng hóa. Mức lãi suất trong từng thời kỳ cao hay thấp phải đáp ứng yêu cầu của chính sách tiền tệ nhằm góp phần kiềm chế, đẩy lùi lạm phát và ổn định tiền tệ.

Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy, việc xử lý vấn đề lãi suất phải hết sức linh hoạt, vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật. Trên diễn đàn kinh tế, trong nhiều cuộc hội thảo khoa học, vấn đề lãi suất ngân hàng đã được đề cập, và gần như đã có tiếng nói tương đối thống nhất về các chuẩn mực của lãi suất là :

- lãi suất phải dựa trên cơ sở lợi nhuận bình quân của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong các ngành kinh tế ;

- lãi suất bình quân đầu vào phải nhỏ hơn lãi suất bình quân đầu ra ;

- lãi suất không nhỏ hơn tỷ lệ trượt giá để bảo toàn vốn của người cho vay (cần căn cứ vào tỷ lệ trượt giá dự kiến trong thời gian tới để xác định mức lãi suất phù hợp) ;

- khi xác định mức lãi suất, cần xuất phát từ tình hình cung - cầu tín dụng từng nơi và từng lúc.

Trong thực tế vận hành, phải xử lý đồng bộ và hài hòa các chuẩn mực trên, không thể nhấn mạnh một chuẩn mực nào mà không tính đến yêu cầu của những chuẩn mực khác.

Với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nhất là sau hai năm đổi mới căn bản hoạt động ngân hàng, chính sách lãi suất ngân hàng đã từng bước được

đổi mới và mang lại kết quả tích cực. Lãi suất ngân hàng đã và đang trở thành một công cụ giúp nhà nước điều hành nền kinh tế ở tầm vĩ mô, đặc biệt là trong việc thực hiện chương trình đồng bộ chống lạm phát. Lãi suất đã tác động mạnh đến hoạt động của nền kinh tế theo hướng xóa dần bao cấp của nhà nước qua giá và tín dụng. Cùng với việc đổi mới về tổ chức và các cơ chế hoạt động khác, việc đổi mới cơ chế lãi suất đã giúp ngân hàng bước đầu giành thế chủ động trong thực hiện chính sách tiền tệ - tín dụng, buộc các chủ thể sản xuất, kinh doanh phải quan tâm sử dụng tốt hơn nguồn vốn tự có của mình và cân nhắc, tính toán hiệu quả khi vay vốn ngân hàng.

Thực tế cho thấy, chỉ có thực hiện tốt các chuẩn mực nói trên về chính sách lãi suất, ngân hàng mới có thể thực sự chuyển sang kinh doanh tiền tệ, và lãi suất ngân hàng mới thực sự trở thành một công cụ giúp nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Trong bước đầu thực hiện chính sách lãi suất tín dụng, chúng ta đã gặp không ít khó khăn và các loại ý kiến khác nhau :

- 1 - Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, các xí nghiệp quốc doanh hiện nay sở dĩ làm ăn thua lỗ, thậm chí lâm vào tình trạng phá sản, là vì "phải vay vốn của ngân hàng với lãi suất quá cao".

Thực tế thế nào ? Ngân hàng đang phải "mua tiền" theo mức lãi suất 4%/tháng và (từ 11-7-1991)

* Phó tiến sĩ kinh tế học, Phó viện trưởng Viện tiền tệ - tín dụng

3,5%/tháng (tức theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng) trong khi phải "bán uần" theo mức lãi suất bình quân 2,4%/tháng (có nghĩa ngân hàng chịu lỗ do lãi suất chênh lệch : trước 11-7-1991 là 1,6%/và sau ngày đó là 1,1%/tháng). Thực ra lỗ hay lãi của các xí nghiệp quốc doanh không chỉ do mức lãi suất ngân hàng cao hay thấp, mà còn do một loạt các yếu tố khác ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả kinh doanh của các đơn vị kinh tế như : năng suất lao động, chất lượng hàng hóa, giá thành, giá cả "đầu vào" và "đầu ra", cơ chế quản lý, nguồn vốn và hiệu quả sử dụng vốn, chi phí bất hợp lý... Do vậy, khắc phục tình trạng sản xuất, kinh doanh thua lỗ là kết quả của việc xử lý đồng bộ các mặt trên, chứ không đơn giản đổ lỗi hết cho lãi suất ngân hàng và chỉ xử lý mặt này.

2 - Loại ý kiến thứ hai cho rằng, các xí nghiệp sở dĩ thiếu vốn gay gắt là vì "ngân hàng không đáp ứng đủ vốn cho họ".

Sự thực thế nào ? Khi chuyển sang cơ chế mới, các xí nghiệp phải tự chịu trách nhiệm về tài chính của mình. Vì vậy, nguồn vốn đi vay chỉ nên là "nguồn bổ sung", là phần phụ thêm vào vốn tự có của mỗi đơn vị. Thế nhưng, ở nhiều xí nghiệp quốc doanh hiện nay, vốn lưu động tự có chỉ đạt khoảng trên dưới 10% tổng số vốn lưu động xí nghiệp cần có. Vốn lưu động đi vay như vậy là rất lớn, nhưng hiệu quả sinh lời lại chưa có xí nghiệp nào đạt tới mức 2% tháng. Do đó, nhiều xí nghiệp dù thiếu vốn cũng không dám vay ngân hàng và ngân hàng cũng không thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho các xí nghiệp này vì hiệu quả kinh doanh quá thấp.

3 - Loại ý kiến thứ ba cho rằng, lãi suất tiền gửi tiết kiệm cần được nâng thêm hoặc không nên giảm (mặc dù tỷ lệ lạm phát có giảm) để "kích thích người gửi tiền, thu hút nguồn vốn ngoài xã hội" ; hơn nữa, đây "cũng là một cách bảo đảm đời sống cho một bộ phận nhân dân, trước hết là cho những người về hưu có đồng vốn gửi quỹ tiết kiệm".

Hiện nay, do huy động vốn với lãi suất cao, cho

vay với lãi suất thấp, nhà nước mỗi tháng phải bù lỗ khoảng trên 20 tỷ đồng. Không ít đơn vị kinh tế đã vay vốn không phải để sản xuất mà để đem gửi tiết kiệm lấy lãi chênh lệch chia nhau, như đài báo đã nêu.

Khi nâng lãi suất "đầu vào" phải tính đến lãi suất "đầu ra". Trong thực tế, rất ít người nói đến việc nâng lãi suất "đầu ra" tương ứng với việc nâng lãi suất "đầu vào". Kết quả là không thu hẹp mà lại mở rộng hơn nữa mức chênh lệch giữa lãi suất "đầu vào" và lãi suất "đầu ra". Như vậy, ngân sách nhà nước sẽ thâm hụt hơn nữa, và ngân hàng tránh sao khỏi bị phá sản.

4 - Loại ý kiến thứ tư cho rằng, lãi suất tiền gửi trả cho các tổ chức kinh tế hiện nay với mức 0,9%/tháng loại không kỳ hạn và 1,8%/tháng loại có kỳ hạn 3 tháng, là quá thấp, dẫn đến chỗ "làm cạn kiệt nguồn huy động vốn chủ yếu cho mọi hoạt động kinh doanh ngân hàng", "đẩy một phần lớn các giao dịch thanh toán và vay mượn trong nền kinh tế ra ngoài ngân hàng". Hiện nay ngân hàng chỉ huy động được từ nguồn vốn này khoảng "1/25 vốn lưu động của các tổ chức kinh tế quốc doanh"⁽¹⁾.

Thông thường ở các nước, loại tiền gửi vào ngân hàng để thanh toán cho các bạn hàng, nhất là loại tiền gửi không kỳ hạn, đều không được ngân hàng trả lãi, và ngân hàng cũng không yêu cầu khách hàng phải trả lệ phí dịch vụ cho các khoản thanh toán này. Cũng không nên dùng biện pháp kinh tế qua lãi suất để thu hút nguồn vốn này vào tài khoản tiền gửi thanh toán ở ngân hàng. Các tổ chức kinh tế cần mở rộng kinh doanh để sử dụng và quay nhanh đồng vốn của mình, đây mới là biện pháp chính thiết thực mang lại hiệu quả sinh lời có ý nghĩa nhất.

5 - Loại ý kiến thứ năm cho rằng, lãi suất ngân hàng phải thể hiện chính sách ưu đãi đối với các thành phần kinh tế và các ngành kinh tế, phải gắn với các chính sách xã hội khác.

Với quan điểm chống bao cấp nhằm tạo điều kiện cho ngân hàng đi vào hạch toán kinh doanh, ngân

(1) Xem : "Giá cả, vốn và tiền", báo Nhân dân, ngày 16-11-1990

hàng chỉ có chính sách ưu đãi lãi suất và vốn vay đối với những đơn vị (không phân biệt quốc doanh hay ngoài quốc doanh) quay vòng vốn nhanh, làm ăn có hiệu quả. Cụ thể là trả được nợ, cả gốc lẫn lãi, đúng hạn cho ngân hàng.

Một vấn đề gài như mang tính quy luật là nước nào cũng có chính sách ưu đãi cần thiết đối với một số ngành và lĩnh vực kinh tế, nhất là đối với nông nghiệp (bằng chính sách thuế, giá, đầu tư tín dụng và lãi suất). Nhà nước sẽ lấy các nguồn vốn khác để bù vào các khoản đầu tư tín dụng "mua cao bán hạ". Thực tế cho thấy, chính sách ưu đãi bằng phương thức tín dụng, có lợi cho cả nhà nước và người sản xuất kinh doanh. Với ứnh năng động cần thiết, ngân hàng chỉ có thể thực hiện chính sách lãi suất ưu đãi có mức độ đối với một số mặt hàng, ngành hàng và vùng kinh tế cần khuyến khích.

Đối với những quan điểm nói trên, tùy theo chỗ đứng và góc nhìn khác nhau, người này có thể cho là "đúng", người khác lại "chưa hẳn đã đồng tình".

Nếu là người đi vay thì ai chẳng muốn được vay với lãi suất thấp, bởi vì ai chẳng muốn được trợ cấp nhiều hơn. Đúng là có không ít xí nghiệp quốc doanh hiện nay nếu không được trợ cấp, sẽ không thể hoạt động bình thường. Vấn đề đặt ra là nhà nước cần lựa chọn xí nghiệp nào cần được trợ cấp và trợ cấp như thế nào, chứ không thể trợ cấp tràn lan qua lãi suất tín dụng. Bởi vì, như trên đã nói, có không ít đơn vị tìm cách vay ngân hàng với lãi suất ưu đãi, rồi đem vốn cho vay lại, hoặc phân tán cho cán bộ công nhân viên của mình gửi tiết kiệm kiếm lãi chênh lệch.

Người gửi tiền bao giờ cũng muốn có lãi suất tiền gửi cao nhằm thu nhiều lãi. Họ ít quan tâm đến "đầu ra" của lãi suất, vì họ cho đó là việc của nhà nước và ngân hàng.

Nếu là nhà kinh doanh tiền tệ thì điều quan tâm trước hết là "giá mua và giá bán quyền sử dụng vốn". Hơn ai hết, họ thấy rõ "càng mua nhiều theo giá cao và bán nhiều theo giá hạ", thì họ càng có nguy cơ bị phá sản.

Còn có những quan điểm và cách hiểu khác nhau như trên là vì :

- Chúng ta tiến hành cải tổ hệ thống ngân hàng nói chung và đổi mới cơ chế lãi suất nói riêng trong lúc chính sách tài chính quốc gia, các chính sách về vốn, về thuế, về giá chưa hoàn chỉnh, tư duy bao cấp qua ứn dụng còn khá nặng nề trong xã hội. Việc cải tiến cơ chế lãi suất theo hướng chuyển sang cơ chế thị trường diễn ra trong điều kiện thị trường tiền tệ giữa các vùng chưa đồng nhất, bị chia cắt, thị trường vốn giữa các ngân hàng chưa hình thành, và việc luân chuyển vốn trong từng ngân hàng chưa thông suốt. Mặc dù nhà nước đã cho phép mở nhiều hình thức gọi vốn khác nhau, nhưng trên thực tế, vốn ngân hàng vẫn là chủ yếu (với số lượng ít ỏi, ngày càng teo đi).

- Gần đây Quốc hội đã ban hành *Pháp lệnh về ngân hàng*, nhưng nhiều văn bản dưới luật, liên quan trực tiếp đến việc thi hành pháp lệnh trên, lại chưa được nhà nước ban hành. Một số mặt hoạt động của ngân hàng vẫn mang chất "lưỡng tính", thể hiện chức năng chưa rạch ròi giữa ngân hàng và tài chính.

- Việc đổi mới đội ngũ cán bộ và cơ chế hoạt động của hệ thống ngân hàng nói chung còn chậm chạp, chưa đáp ứng được yêu cầu về thực hiện chức năng quản lý vĩ mô nền kinh tế và thực hiện kinh doanh có hiệu quả.

Để lãi suất ngân hàng từng bước vận hành theo cơ chế thị trường, theo tôi, cần giải quyết những vấn đề sau :

1 - Để phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính trong sản xuất kinh doanh, cần xử lý vấn đề vốn lưu động theo nguyên tắc : đã kinh doanh thì trước hết phải tự lo vốn. Nhà nước chỉ điều hòa và bổ sung vốn lưu động cho các xí nghiệp quốc doanh then chốt, bảo đảm sao cho các đơn vị này có được ít nhất trên 50% vốn lưu động cần có. Vốn vay ngân hàng là *nguồn vốn quan trọng, nhưng chỉ là nguồn vốn bổ sung*. Có như vậy, các đơn vị kinh tế quốc doanh mới chịu đựng được mức lãi suất vay ngân hàng theo cơ chế thị trường, và ngân hàng mới có

thể thực sự chuyển sang kinh doanh. Về phía ngân hàng, với trách nhiệm và sứ mệnh của mình, phải lo tăng cường nguồn vốn bằng mọi cách để đáp ứng (trên nguyên tắc kinh doanh tiền tệ) nhu cầu vốn của nền kinh tế.

2 - Xác định rõ chính sách tài chính quốc gia đối với một số ngành và lĩnh vực kinh tế. Đặc biệt, đối với nông nghiệp, nhà nước cần có những chủ trương, chính sách ưu đãi cho thích hợp. Việc tài trợ đó có thể được thực hiện qua phương thức đầu tư tín dụng với chính sách ưu đãi về lãi suất tín dụng. Để thực hiện chính sách đó và bảo đảm cho ngân hàng kinh doanh không bị lỗ, nhà nước cần dành một số vốn chuyển qua ngân hàng để làm nguồn vốn cho vay. Trong lĩnh vực nông nghiệp, cần lập quỹ để cho nông dân vay với cơ cấu nguồn vốn như sau :

- Bằng mọi cách, huy động vốn vay trong nhân dân để cho vay, nhà nước bù lỗ kịp thời cho ngân hàng do phải huy động vốn theo lãi suất cao và còn cho vay theo lãi suất thấp.

- Cần có quỹ tài trợ phát triển nông nghiệp, trích từ ngân sách nhà nước hằng năm, chuyển cho ngân hàng phát triển nông nghiệp để cho nông dân vay. Quỹ tài trợ này cần được ghi vào cân đối ngân sách, và xem việc tài trợ cho nông nghiệp như một quốc sách.

- Cần tập trung mọi nguồn vốn được nước ngoài viện trợ hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi, để cho nông dân vay với lãi suất thấp.

- Cần thành lập quỹ bảo hiểm cho nông nghiệp. Quỹ này cũng nằm trong cơ cấu quỹ cho nông dân vay.

- Tạo vốn ban đầu cho ngân hàng phát triển nông nghiệp có đủ sức tối thiểu cần thiết để hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực có nhiều rủi ro, năng suất lao động thấp, chu kỳ sản xuất dài và vòng quay vốn chậm hơn so với các lĩnh vực khác.

3 - Phân định rõ các giải pháp của ngành tài chính và ngân hàng trong thực thi chính sách tiền tệ. Trước mắt, nên tách riêng hai giải pháp huy động tiết kiệm để chống lạm phát với huy động tiết kiệm làm

nguồn vốn kinh doanh bình thường của ngân hàng.

Để chống lạm phát, cần thực hiện hình thức *trái phiếu-kho bạc*, hoặc ngành tài chính vay lại của các ngân hàng thương mại nguồn vốn đã huy động được trong dân. Còn việc huy động tiết kiệm làm nguồn vốn kinh doanh của ngân hàng, thì cần căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn để huy động.

4 - Không gán chính sách bảo đảm ổn định đời sống và cứu tế xã hội với chính sách đầu tư tín dụng và lãi suất ngân hàng.

5 - Mức lãi suất của ngân hàng cần được xử lý dần theo nguyên tắc : nâng hoặc giảm "đầu vào" thế nào thì cũng nâng hoặc giảm "đầu ra" thế ấy. Thu hẹp dần khoảng cách lãi suất "đầu vào" lớn hơn lãi suất "đầu ra", tiến tới thực hiện lãi suất "đầu vào" nhỏ hơn lãi suất "đầu ra". Đương nhiên, việc này cần được thực hiện đồng bộ với việc điều hòa, bổ sung vốn lưu động tự có cho các xí nghiệp quốc doanh và việc sắp xếp, chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nền kinh tế.

6 - Thống đốc Ngân hàng nhà nước, tổng giám đốc các ngân hàng thương mại quốc doanh được quyền chủ động hơn trong công bố các mức lãi suất tiền gửi và tiền vay phù hợp với sự biến động của thị trường, của quan hệ cung cầu về vốn tín dụng. Tính chủ động này nằm trong khuôn khổ điều hành chính sách tiền tệ ở tầm vĩ mô đã được nhà nước xác định.

7 - Không hạch toán lãi vay ngân hàng vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông, mà hạch toán nó vào lợi nhuận của xí nghiệp. Nếu để hạch toán lãi vay ngân hàng vào giá thành và phí lưu thông, thì các xí nghiệp sẽ có cơ để đẩy giá hàng lên, và lãi suất ngân hàng không còn là đòn bẩy thật sự thúc đẩy các xí nghiệp sử dụng vốn tiết kiệm và có hiệu quả hơn. Hãy trở về với luận điểm có tính nguyên tắc của Các Mác : "... lợi tức chỉ là một phần của lợi nhuận mà nhà tư bản công nghiệp... phải trả cho nhà tư bản kinh doanh tiền tệ, nên giới hạn tối đa của lợi tức chỉ có thể là bản thân lợi nhuận" (2).

(2) C.Mác : *Tư bản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, quyển 3, tập II, tr 43.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HIẾN PHÁP

ĐÀO TRÍ ÚC *

1 - *Hiến pháp trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta*

Trong hệ thống pháp luật của bất kỳ một quốc gia nào thì hiến pháp, thành văn hay không thành văn, cũng đều có ý nghĩa chính trị to lớn và có hiệu lực pháp lý cao nhất.

Toàn bộ quy định của hiến pháp là một khối thống nhất, trong đó các nhóm vấn đề gắn với nhau bởi tính chất của các quan hệ được điều chỉnh tạo thành những chế định. Hiến pháp nước ta có những chế định cơ bản như sau :

a) Quy định về bản chất quyền lực chính trị trong xã hội và đặc điểm của chế độ xã hội và nhà nước. Các chế định về chế độ chính trị (chương I), về chế độ kinh tế (chương II), về các chính sách xã hội và các chính sách trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ (chương III), về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (chương IV) ;

b) Xác định địa vị pháp lý của con người trong xã hội, mối liên hệ pháp lý qua lại về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm giữa xã hội, nhà nước và công dân (chương V) ;

c) Quy định cơ cấu tổ chức nhà nước, về hệ thống các cơ quan nhà nước và mối liên hệ pháp lý giữa các loại cơ quan đó trong một cơ chế quyền lực thống nhất (các chương VI - X).

Hiến pháp sở dĩ có vai trò chính trị quan trọng và có vị trí pháp lý cao, vì đó là xương sống của toàn bộ hệ thống pháp luật, là "bộ khung" pháp lý xác định mô hình xã hội, chế độ nhà nước, với những nguyên tắc, cơ chế và chuẩn mực nhằm xây dựng và vận hành bộ máy nhà nước ; khẳng định, bảo đảm và bảo vệ quyền lợi của công dân, quyền tự do của con người trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Xây dựng và không ngừng hoàn thiện hiến pháp là bước quan trọng hàng đầu trong tiến trình xây dựng một nhà nước pháp quyền. Bởi vì, xây dựng nhà nước pháp quyền, điều kiện tiên

quyết là phải có một hệ thống pháp luật, trong đó hiến pháp chiếm vị trí chủ đạo, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội.

2 - *Nhu cầu và những quan điểm cơ bản của việc sửa đổi hiến pháp.*

Nghị quyết ngày 30-6-1989 của Quốc hội đã xác định sự cần thiết phải sửa đổi hiến pháp một cách cơ bản và toàn diện. Hội nghị lần thứ hai BCH TƯ Đảng (khóa VII) một lần nữa khẳng định nhu cầu đó, và chỉ ra những quan điểm và phương hướng cơ bản về sửa đổi hiến pháp, về cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước.

Việc sửa đổi bổ sung hiến pháp nói chung cũng như các chế định hay quy định cụ thể của nó không thể là việc làm tùy tiện, mang mục đích tự thân, mà phải được đặt trong toàn bộ quá trình đổi mới sâu sắc và toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Hiến pháp ghi nhận những thành quả, tạo ra những cơ sở pháp lý vững chắc cho quá trình đổi mới các mặt của đời sống xã hội.

Hiến pháp có hai khả năng biểu hiện : hiến pháp *thực tế* và hiến pháp *pháp lý*. Sẽ là hiến pháp *thực tế* khi những quy định của nó phản ánh đúng hiện thực xã hội. Những quy định của hiến pháp có thể đúng về mặt pháp lý (de jure) nhưng không đúng trên thực tế (de facto), và ngược lại. Cả hai trường hợp đều dẫn đến những hậu quả tai hại.

Trước đây, không phải Nhà nước ta chưa có những quy định pháp lý và những chủ trương về kinh tế - xã hội. Nhưng những quy định đó trong nhiều trường hợp nặng về tính chất tuyên bố, chưa có đầy đủ cơ sở khoa học, không tính hết các điều kiện thực hiện. Chẳng hạn, Hiến pháp năm 1959 (điều 9) và Hiến pháp năm 1980 (điều 15) đều

* Tiến sĩ luật học, Viện trưởng Viện nhà nước và pháp quyền thuộc Viện khoa học xã hội.

xác định “xây dựng một xã hội có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến” ; điều 11 Hiến pháp 1959 và điều 18 Hiến pháp 1980 ghi nhiệm vụ “thiết lập và củng cố chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất nhằm thực hiện một nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần : thành phần kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và thành phần kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể của nhân dân lao động”.

Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa về sở hữu vẫn là cơ sở tồn tại lâu dài trong quá trình phát triển xã hội ta. Vì vậy, Hiến pháp, và sau đó là các luật khác, phải ghi nhận tính chất đó của nền kinh tế nước ta ; xác định rõ địa vị pháp lý và có chính sách thỏa đáng đối với từng thành phần trong một cơ cấu kinh tế thống nhất.

Trong các lĩnh vực khác, nhất là các thiết chế về chính trị, về bộ máy nhà nước, việc sửa đổi hiến pháp cũng không ngoài mục đích thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Cần dựa trên cơ sở : a) đánh giá đúng những thành tựu trong tổ chức thực hiện quyền lực nhân dân, trong tổ chức nhà nước và việc sử dụng các thiết chế chính trị của ta ; b) khắc phục những khiếm khuyết trong các thiết chế đó.

Thành tựu nổi bật nhất trong hơn 45 năm qua của Nhà nước ta là sự khẳng định trên thực tế “chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”, là sự lãnh đạo và uy tín của Đảng được nhân dân tự nguyện thừa nhận. Đó còn là sự hiểu biết ngày càng đầy đủ của người dân về vị trí và quyền làm chủ của mình ; sự tham gia ở những mức độ khác nhau của người lao động vào việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội ; sự hiện diện một hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương và toàn bộ kinh nghiệm tổ chức và hoạt động thực tiễn của các cơ quan đó; sự hiện diện của một đội ngũ cán bộ chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ đông đảo và giàu kinh nghiệm.

Sửa đổi hiến pháp phản ánh bước phát triển mới của thực tiễn xây dựng nhà nước, đồng thời thể hiện những nhận thức mới, thành tựu mới của khoa học, trước hết của các khoa học chính trị, pháp lý, quản lý và các khoa học khác. Chẳng hạn, trong khoa học pháp lý (nhà nước học và luật học), chúng

ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn vai trò của nhà nước như một tổ chức thực hiện quyền lực công khai mà chủ thể thống nhất là nhân dân với sự phân công rành mạch chức năng và hoạt động của các hình thức thực hiện quyền lực và sự phối hợp với nhau giữa các hình thức đó. Những sự hiểu biết đó cho phép chúng ta khắc phục được ảnh hưởng của quan niệm ấu trĩ về sự “tiêu vong nhanh chóng” của nhà nước ; về sự chuyển giao ồ ạt các chức năng vốn của nhà nước sang cho các tổ chức kinh tế và đoàn thể quần chúng ; uốn nắn lại quan niệm lệch lạc “phi nhà nước hóa” nhiều lĩnh vực quản lý mà thực chất chỉ có thể và phải là chức năng của nhà nước, v.v.. Tiến tới xây dựng cho được một hệ thống quản lý về mặt nhà nước, quản lý hành chính thống nhất, đầy đủ trên mọi hoạt động xã hội. Một hệ thống hành chính thống nhất hoàn toàn không đồng nghĩa với phương thức và phong cách quản lý quan liêu, hành chính hóa, mà ngược lại, sẽ cho phép khắc phục được sự quan liêu và hành chính, tùy tiện, lạm quyền.

Trong lĩnh vực luật học, những hiểu biết mới về các thuộc tính, chức năng và cơ chế điều chỉnh, các giá trị xã hội của pháp luật cho phép chúng ta thấy rõ nét hơn nhu cầu từng bước tổ chức nhà nước trên những cơ sở pháp luật, xây dựng các quan hệ pháp lý qua lại giữa các thiết chế nhà nước, thực hiện dân chủ hóa quá trình làm luật, xây dựng một cơ chế làm luật và giám sát việc tuân thủ pháp luật hoàn chỉnh.

Tìm ra và khắc phục những khiếm khuyết trong các khâu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước còn là một trong những mục tiêu cần đạt được của việc sửa đổi hiến pháp. Cùng với các biện pháp kinh tế - xã hội, tư tưởng, giáo dục, kỹ thuật, v.v., sửa đổi hiến pháp tác động vào các khâu về cơ chế, về tổ chức, thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và do đó có tác dụng làm cho bộ máy nhà nước trở thành công cụ tiến hành đổi mới về kinh tế, xã hội có hiệu lực và có hiệu quả hơn.

Để làm được việc đó, Hiến pháp cần giải quyết tốt hàng loạt mối liên hệ : Giữa quyền lực tập trung, thống nhất với sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan quyền lực nhà nước ; giữa tính chuyên nghiệp (chuyên trách) với tính đại diện trong hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước ; giữa cá nhân và tập thể ; giữa tập trung, hành chính

với tư quản, giữa tập quyền và tản quyền.

Xác định đúng đắn những mối liên hệ trên đây, tìm cho được điểm hợp lý trong các cặp phạm trù nói trên là tìm kiếm “sự thống nhất trong mâu thuẫn”. Việc xác định cái hợp lý chỉ có thể đạt được khi biết dựa vào các nguyên tắc thuộc về bản chất của Nhà nước ta, đặc điểm của chế độ chính trị và chế độ kinh tế của nước ta. Chẳng hạn, khi nói đến mối liên hệ giữa tập quyền và phân quyền thì không thể không nêu vấn đề bản chất quyền lực : ai là chủ thể quyền lực nhà nước, và chủ thể đó thực thi quyền lực của mình bằng cách nào ?

Hiến pháp nước ta khẳng định : “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân” (điều 6). Xã hội ta không có các đẳng cấp để “chia” quyền như ở châu Âu khi học thuyết phân quyền ra đời, cũng không có các thể lực chính trị ở “chính trường” và ở “hậu trường” như ở Mỹ, ở Nhật bản để khống chế lẫn nhau về mặt quyền lực và thông qua các thiết chế quyền lực !

Quyền lực chính trị của nhân dân ta được thực hiện trong khuôn khổ nhà nước và ngoài phạm vi nhà nước thông qua Đảng, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng, các hình thức dân chủ trực tiếp và tư quản. Trong khuôn khổ nhà nước, “nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân” (điều 6 Hiến pháp 1980).

Do vậy, sự “phân quyền” của ta sẽ không thể như sự “phân quyền” ở các nước khác. Nhà nước ta vẫn có ba phạm vi hoạt động, ba chức năng chủ yếu là lập pháp, hành pháp và xét xử, nhưng cả ba quyền đó (tập trung lại) đều trong tay Quốc hội, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân - chủ thể thống nhất và duy nhất của quyền lực nhà nước. Học thuyết và thực tiễn “tam quyền phân lập” tư sản sở dĩ không thể đem áp dụng ở nước ta, trước hết là vì theo nó, sự “phân quyền” đạt đến mức “phân chia”, “phân biệt” : cơ quan lập pháp thì bị tước đi quyền can thiệp vào chức năng quản lý và điều hành ; còn cơ quan hành pháp thì không có những khả năng lớn để tác động một cách chủ động vào quá trình làm luật.

Chính vì thế, khi xác định vị trí pháp lý của các cơ quan và các thiết chế như Quốc hội, cơ quan thay

mặt cho Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao, chúng ta không thể áp dụng máy móc những thiết chế tương tự như ở các nước có chế độ khác, bởi vì, khi nguyên tắc phân quyền đã khác nhau thì những mối liên hệ pháp lý và vị trí pháp lý của các cơ quan và thiết chế đó cũng sẽ khác nhau. Nói như vậy, hoàn toàn không có nghĩa loại trừ khả năng áp dụng những yếu tố hợp lý trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước tư sản. Lê-nin từng nhắc đến nhu cầu kết hợp cho được những “cái lợi” của chế độ đại nghị, như kinh nghiệm xây dựng pháp luật, tổ chức tranh luận tại nghị viện, sự kiểm tra, giám sát lẫn nhau, tổ chức thông tin phục vụ các nghị sĩ, v.v..

Sửa đổi hiến pháp, cũng như đổi mới hệ thống chính trị nói chung và bộ máy nhà nước nói riêng ở nước ta, không chỉ nhằm mục đích tăng cường sức mạnh của nhà nước và bộ máy của nó, mà còn nhằm tạo ra những cơ sở mới về mặt pháp luật để tăng cường những tiền đề và những giá trị dân chủ và nhân đạo của xã hội ta. Đó là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chỉ ra và nhân dân đã đi theo từ những ngày đầu thành lập Nhà nước Việt nam : con đường tự mình làm chủ, học làm chủ, hình thành và phát triển bản lĩnh công dân.

Hiến pháp sẽ khẳng định rõ nét hơn bản chất nhân dân, tính pháp quyền của Nhà nước ta. Trước hết, hiến pháp quy định rõ hơn và đầy đủ hơn các quyền và các nghĩa vụ của công dân. Các quyền cơ bản của con người được Nhà nước ta trân trọng cam kết tôn trọng và được pháp luật bảo đảm. Ngoài pháp luật, không ai được tùy tiện quy định thêm cho mình hoặc cho người khác những đặc quyền ; cũng không ai được quy định thêm nghĩa vụ công dân, tự tiện đặt ra những hạn chế hoặc đóng góp bất hợp pháp ảnh hưởng đến lợi ích của nhân dân. Đạt được một mối quan hệ qua lại về quyền lợi và nghĩa vụ như vậy giữa nhà nước với công dân và giữa công dân với nhau, cũng như xác định được cơ sở pháp luật cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước và của các tổ chức xã hội, cho mối liên hệ qua lại giữa các cơ quan và các tổ chức đó, Hiến pháp sẽ đặt được nền tảng pháp luật vững chắc cho sự phát triển ổn định và lành mạnh của xã hội.

QUA ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP VÒNG HAI

MAI TIỆP*

ĐẾN tháng 12-1991, về cơ bản, toàn quốc đã hoàn thành đại hội ở cấp cơ sở, huyện, thị xã, và nhiều tỉnh đã kết thúc đại hội vòng hai ở cả ba cấp. Đối chiếu với yêu cầu và phương châm hướng dẫn tổ chức đại hội đảng bộ các cấp vòng hai của Ban bí thư, bước đầu chúng ta có thể rút ra một số nhận xét.

1- Để nâng cao và thống nhất nhận thức, góp phần làm cơ sở cho việc thảo luận nhiệm vụ chính trị và lựa chọn ban chấp hành đảng bộ mới đủ năng lực, phẩm chất, trí tuệ, trước khi bước vào đại hội, các cấp ủy từ tỉnh xuống cơ sở đã tổ chức quán triệt những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII của Đảng cho cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy đều chủ trương tiến hành kiểm tra lại công tác củng cố, chỉnh đốn đảng, tiếp tục xem xét, kết luận, xử lý những việc còn tồn đọng trong nội bộ đảng. Một số tỉnh, thành, quận, huyện ủy đã kiên quyết chưa cho mở đại hội đối với những cơ sở chưa kết luận và xử lý những vấn đề tiêu cực và mất đoàn kết trong nội bộ đảng. Các báo cáo trình trước đại hội được chuẩn bị kỹ, nhất là ở cấp tỉnh, thành phố. Đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp mình và các cơ quan trung ương, cán bộ cũ, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý các đoàn thể...

Nội dung báo cáo tại nhiều đại hội, đặc biệt ở cấp quận, huyện và tỉnh, ngoài vấn đề toàn diện trong công tác lãnh đạo, đã xác định rõ hơn phương hướng cơ bản, những mũi nhọn cần tập trung chỉ đạo. Là tỉnh công - nông nghiệp hay nông - công nghiệp, nông - lâm hay nông - lâm - ngư nghiệp, hoặc công nghiệp - thương mại - dịch vụ, xác định điều đó không phải theo cảm tính, mà dựa trên sự tổng kết công phu, phân tích các tiềm năng, dự đoán phát triển

trong những năm tới bằng huy động sức mạnh tổng thể của các thành phần kinh tế, của các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở khẳng định giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng đảng được đề cập khá cụ thể và sâu sắc. Công tác tư tưởng được đề cập với nhiều khía cạnh và biện pháp phong phú khác nhau. Công tác tổ chức và kiểm tra tập trung vào các định hướng : kiên quyết chỉnh đốn đảng, tích cực củng cố cơ sở đảng, tích cực đổi mới phong cách lãnh đạo, làm tốt công tác cán bộ và đảng viên, xây dựng bằng được đội ngũ đảng viên có phẩm chất chính trị, có năng lực và giàu trí tuệ.

Việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy mới được thực hiện dân chủ, lấy phiếu tín nhiệm trước trong cấp ủy cùng cấp, cấp dưới, các cơ quan trực thuộc. Ra đại hội, việc đề cử, ứng cử được tiến hành công khai, dân chủ, nên phiếu bầu tập trung. Lần đầu tiên thực hiện bầu cử cấp ủy theo Điều lệ mới, nhưng các đại hội đều thi hành đúng, nghiêm túc, ít có trường hợp không hợp lệ. Nhìn chung các cấp ủy được bầu ở đại hội lần này thực sự tiêu biểu cho mọi hoạt động của từng đảng bộ, với số lượng vừa phải, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm của từng địa phương, đơn vị. Qua thống kê ở nhiều tỉnh đã tập hợp được, thì số đồng chí mới tham gia cấp ủy tỉnh, thành phố chiếm khoảng 40% (nơi ít nhất : 27% ; nơi nhiều : 55%). Số cấp ủy viên có trình độ đại học, cao đẳng nghiệp vụ, kỹ thuật đạt bình quân 61% (nơi ít : 13,3% ; nơi nhiều : 98%).

- Việc thảo luận các văn kiện ở nhiều đại hội được tiến hành tốt, thể hiện rõ không khí dân chủ,

* Chuyên viên Văn phòng Trung ương Đảng.

đổi mới ở trong đảng. Các đại biểu được nghiên cứu trước : dự thảo báo cáo đã được sửa chữa sau khi tiếp thu ý kiến đại hội cấp dưới ; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của đại hội cấp dưới và của nhân dân, của các ngành, giới. Ra đại hội, đại biểu có điều kiện, có thời gian chủ động suy nghĩ phát biểu đóng góp trí tuệ vào các vấn đề chính của đại hội. Ý kiến phát biểu ở các đại hội khá phong phú và có tranh luận sôi nổi, trong đó có hai chủ đề được phát biểu nhiều. Về kinh tế, nhiều ý kiến tập trung vào việc xác định mũi nhọn, nhấn mạnh dù cơ cấu kinh tế của tỉnh là nông nghiệp thì sản xuất vẫn phải là sản xuất hàng hóa. Công nghiệp chế biến được nhiều đại hội coi là nhiệm vụ quan trọng để nâng giá trị sản phẩm, tạo thị trường tiêu thụ. Đối với các thành phố, thị xã và quận nội thành, ngoài việc xác định cơ cấu kinh tế là công nghiệp, dịch vụ và thương mại, các đại biểu đề cập khá đậm nét vấn đề quản lý đô thị, đặc biệt là quản lý giao thông, giữ gìn trật tự vỉa hè, quản lý việc cấp đất, sửa chữa và coi nhà ở. Ở các tỉnh miền núi, ý kiến tập trung vào việc xác định quyết tâm hòa nhập kinh tế miền núi vào kinh tế thị trường, cải thiện các vấn đề xã hội cho vùng dân tộc, dân cư. Về xây dựng đảng, nhiều đại biểu phát biểu về đấu tranh chống tham nhũng, chống sách nhiễu, chống phong cách làm việc độc đoán, chống lợi lộc trong thực hiện phê bình và tự phê bình, chống rối rạc trong sinh hoạt đảng, coi không khắc phục được những tệ hại đó sẽ dẫn đến làm tha hóa đảng, làm mất lòng tin của quần chúng đối với đảng. Nhiều đồng chí khẳng định : để quần chúng mất lòng tin nơi đảng do những biểu hiện không gương mẫu, biến chất của đảng viên, có nghĩa là mất tất cả !

- Đại hội các cấp vòng hai lần này có đổi mới, có tiến bộ, và nhìn chung đạt hiệu quả cao về các mục tiêu : trí tuệ, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết. Điều đó chứng tỏ Trung ương Đảng chỉ đạo cụ thể, kịp thời. Các cấp ủy thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu, phương châm tiến hành đại hội của cấp trên. Và điều khẳng định là trình độ, mọi mặt của đảng viên ở cơ sở được nâng lên một bước. Ý thức chính trị

và tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy và các đại biểu dự đại hội được đề cao.

2- Đại hội đảng bộ các cấp vòng hai bộc lộ một số vấn đề cần được xem xét và rút kinh nghiệm :

- Một số đảng bộ chưa bám sát Nghị quyết Đại hội VII của Đảng để vận dụng cụ thể vào đảng bộ mình. Báo cáo chính trị trình trước đại hội của một số đảng bộ còn khá chung chung, sao chép gần như hết những quan điểm, nhiệm vụ của Nghị quyết trên, không nêu rõ được nhiệm vụ cụ thể và cách làm cụ thể của đảng bộ mình. Báo cáo đó thường nói nhiều đến cơ cấu kinh tế, nhiều thành phần, đến sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, đến chuyển đổi hình thức sở hữu, nhưng chính sách, biện pháp, bước đi để thực hiện ra sao, lại rất sơ lược hoặc không cụ thể. Trên địa bàn một tỉnh, một quận, huyện, thường có nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu hoạt động, đặc biệt trong kinh tế quốc doanh có cả các cơ sở kinh tế của trung ương và địa phương, và những cơ sở này đều trực thuộc sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương, thế nhưng, khi đề cập đến thành phần kinh tế này, nhiều nơi chỉ nói các cơ sở kinh tế của địa phương, còn nếu có nói đến các cơ sở kinh tế của trung ương thì cũng chỉ là nêu lên các con số. Tình hình trên dẫn đến chia cắt kinh tế trên lãnh thổ, không phát huy được sức mạnh của các loại hình kinh tế, càng không thể tiến hành sắp xếp lại sản xuất theo ngành để có điều kiện tập trung đầu tư, nâng hiệu quả sản xuất. Vì vậy, nhà nước cần sớm có cơ chế quản lý ngành cho rõ, xóa bỏ tình trạng quản lý chia cắt, thiếu sự phối hợp giữa các bộ và địa phương. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sự hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được khẳng định, nhưng lại rất ít được đề cập và thảo luận vấn đề về tổ chức các loại hình hợp tác đa dạng với những quy mô, mức độ khác nhau của các thành phần kinh tế, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ. Về các vấn đề ruộng đất, quản lý sản xuất, dân chủ và dân trí là những vấn đề nổi cộm ở nông thôn, ít có các giải pháp cụ thể.

- Trong xây dựng đảng, các vấn đề về công tác tư tưởng, chỉnh đốn đảng, chống tiêu cực được đề

cấp khá nhiều, nhưng các vấn đề về sinh hoạt chi bộ, đảng viên, nắm và lãnh đạo quần chúng, còn ít được thảo luận. Ở một số đại hội có đồng chí thẳng thắn nhận xét, họp chi bộ thường kỳ chỉ là để làm trách nhiệm theo quy định, còn nội dung thì nghèo nàn tẻ nhạt, những vướng mắc về tư tưởng, tổ chức, phong cách làm việc của đảng viên, đoàn kết nội bộ không được đấu tranh, giải quyết kịp thời. Vấn đề tham nhũng, gia trưởng, bè phái được nêu lên nhiều, nhưng chỉ là phát biểu chung chung, còn cụ thể các biểu hiện đó ở đảng bộ, chi bộ mình như thế nào thì lại không được chỉ ra.

- Ở một số nơi, kể cả cấp tỉnh, huyện, do có tình trạng mất đoàn kết nội bộ, cấp ủy chuẩn bị nhân sự chưa tốt, nên việc bầu cử cấp ủy diễn ra không được như mong muốn, làm cho việc phân công trong ban chấp hành mới có khó khăn. Cá biệt ở một số đảng bộ xã, cơ quan, xí nghiệp, có đảng viên ngại tham gia cấp ủy.

- Việc tổ chức lấy ý kiến quần chúng ngoài đảng về nhiệm vụ chính trị, về nhân sự cấp ủy, nhất là ở cấp cơ sở, có nơi không được thực hiện nghiêm túc.

- Sau khi có thông báo số 2 của Ban bí thư, việc thảo luận ở nhiều đại hội có tiến bộ, nhưng có nơi việc thảo luận vẫn chỉ thiên về đánh giá tình hình, ít đề xuất biện pháp giải quyết, lại càng ít có sự tranh luận làm rõ và thống nhất quan điểm trên một số vấn đề quan trọng. Tình trạng đọc tham luận chung chung vẫn còn trong nhiều đại hội.

Những thiếu sót trên có phần do các cấp ủy nhận thức chưa sâu sắc các quan điểm và đường lối chung của Đại hội VII của Đảng, nhưng cũng có phần do tâm lý ỷ lại, ngại khó, làm cho xong việc, chưa quán triệt hướng dẫn của Ban bí thư.

3- Đại hội đảng bộ các cấp vòng hai ở các tỉnh, thành phố đã cơ bản kết thúc. Tuy còn những tồn tại và thiếu sót, song thành công bước đầu của đại hội các cấp vòng hai có ý nghĩa rất quan trọng. Nghị quyết của đại hội mới là những định hướng và biện pháp chung. Muốn nghị quyết đi vào cuộc sống, xoay chuyển được tình hình trong một số năm

tới, vấn đề quan trọng là từ nhân sự cấp ủy đã được bầu trong các đại hội, phải có sự phân công hợp lý, đúng năng lực, sở trường, và xác định rõ trách nhiệm. Tiếp đó, cấp ủy và chính quyền các cấp phải từ nghị quyết đại hội, từ những thực tế ở địa phương, cơ sở, mà cụ thể hóa bằng chương trình hành động, chương trình toàn khóa và ngắn hạn. Trong quá trình điều hành thực hiện nghị quyết đại hội, phải khắc phục một khuyết tật cơ bản lâu nay là thiếu sơ kết, tổng kết, để có biện pháp kịp thời phát huy mặt tốt và khắc phục mặt yếu kém. Nghị quyết đi nhanh vào cuộc sống hay không, điều đó phụ thuộc rất nhiều vào vai trò lãnh đạo của cấp ủy và tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Vì lẽ đó, từng cấp ủy mới phải làm ngay, làm tốt công tác chỉnh đốn đảng, đổi mới phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc.

4- Đại hội đảng bộ các cấp là sinh hoạt chính trị quan trọng của Đảng và nhân dân ta. Thành công và hạn chế của đại hội đảng bộ các cấp vòng hai cho ta những bài học bổ ích.

Đại hội đảng đạt được tầm trí tuệ, có bầu không khí dân chủ, đoàn kết, kỷ cương, tác động rất lớn tới tâm lý toàn đảng, toàn dân, tạo ra niềm tin và khí thế cách mạng của quần chúng. Vì lẽ đó, rất cần có sự chỉ đạo kịp thời, đúng hướng của đảng bộ cấp trên, có sự chủ động và giữ vững các nguyên tắc xây dựng đảng của từng cấp ủy.

Từ các ý kiến đóng góp của nhân dân, của các đại biểu trong các đại hội, chúng ta thấy nhân dân tin ở đường lối lãnh đạo của Trung ương Đảng, tin vào con đường đi lên của dân tộc, nhưng nhân dân cũng còn băn khoăn, trăn trở nhiều trước những non kém, khuyết điểm trong lãnh đạo của từng đảng bộ cụ thể. Nhân dân đã hiến kế xử lý nhiều vấn đề, các cấp ủy đảng cần chú ý nghiên cứu tiếp thu những ý kiến đúng đắn, áp dụng những biện pháp tích cực, sớm làm cho các nghị quyết của Đảng thật sự đi vào cuộc sống, đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân.

Vấn đề dân số và giáo dục dân số ở Việt nam

VŨ NGỌC BÌNH

1 - Năm 1991 dân số nước ta là 67,5 triệu người, đông dân thứ 13 trên thế giới, thứ 7 ở châu Á. Như vậy chỉ sau 60 năm (1931 - 1991), dân số tăng thêm 50 triệu người, gấp gần 4 lần. Xét về thời gian cần thiết để dân số tăng gấp đôi, ta thấy khoảng cách cứ rút dần : từ 17 triệu người (1931) lên 34 triệu (1965) mất 34 năm, nhưng từ 20 triệu (1940) lên 40 triệu (1970) chỉ mất 30 năm, và từ 30 triệu (1960) lên 60 triệu (1985) chỉ còn 25 năm. Trong vòng 20 năm trở lại đây (1970 - 1990), mỗi năm dân số tăng trên 1,2 triệu người - bằng số dân hiện nay của một tỉnh trung bình.

Thật khó mà đưa ra được một kế hoạch phát triển kinh tế có kết quả trong điều kiện mật độ dân số cao và không ngừng tăng như ở nước ta hiện nay. Các nhà kinh tế học và dân số học đã đưa ra tiêu chuẩn để đảm bảo cho con người tồn tại trong điều kiện khoa học kỹ thuật hiện nay là, mỗi người cần 2,5 - 3 ha, tức mật độ dân số khoảng 35 - 40 người/km². Năm 1990, mật độ dân số trên thế giới là 39 người/km², ở các nước phát triển là 21 người/km², ở các nước kém phát triển là 51 người/km², và ở nước ta là 199 người/km². Với tốc độ phát triển dân số như hiện nay, mật độ dân số nước ta còn cao hơn nữa vào những năm tiếp theo (dự đoán năm 1995 : 220 người/km²; năm 2000 : 240 người/km²; năm 2025 : 326 người/km²).

2 - Về mặt kinh tế, sự gia tăng dân số đem lại kết quả tích cực trên một số mặt. *Một là*, cho phép thực hiện phân công lao động tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các dự án đầu tư lớn,

cần nhiều lao động. *Hai là*, tạo ra thị trường tiêu dùng lớn, kích thích phát triển hàng hóa và hạ giá thành sản phẩm. Những quốc gia có số dân từ 20 triệu trở lên, là những thị trường lý tưởng. *Ba là*, góp phần tăng tính linh hoạt của nền kinh tế do tỷ lệ lao động trẻ tăng, mở ra khả năng thuận lợi cho cải cách kinh tế, áp dụng khoa học - kỹ thuật, mở mang các ngành nghề mới...

3 - Trong hoàn cảnh Việt nam, số dân tăng nhanh và phân bố không đồng đều trong mấy thập kỷ trở lại đây, đã vượt quá khả năng chịu đựng của nền kinh tế quốc dân, trở thành gánh nặng, gây sức ép ghê gớm đối với mọi mặt của cuộc sống : ăn, ở, đi lại, bảo vệ môi trường, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, an ninh - trật tự..., cản trở việc thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần làm giảm sút nghiêm trọng chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Dân số tăng nhanh đã gây nhiều khó khăn cho việc phát triển và phổ cập giáo dục, cho công tác xóa mù chữ, mặc dù về mặt này, gần nửa thế kỷ qua, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn. Cứ mỗi năm tăng thêm 1,7 triệu trẻ em, là mỗi năm phải có thêm 5,2 triệu mét vuông nhà ở, 6 triệu mét vải, 36 vạn tấn lương thực, 3 vạn lớp học với 4,5 vạn giáo viên, 0,36 vạn giường bệnh, và việc làm cho 1 triệu người đến tuổi lao động. Thu nhập quốc dân tăng chậm, hiện nay, như chúng ta đã biết, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng sức khỏe trẻ

* Cán bộ nghiên cứu, Viện khoa học giáo dục Việt nam.

em nước ta giảm sút đến mức báo động : trẻ sơ sinh cân nặng dưới 2500 gam chiếm tới 14-21% (trong khi tỷ lệ cho phép là 10%) ; trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng và trẻ em mù do thiếu vi ta min A chiếm tới 50%. Số dân tăng quá nhanh đã và đang làm khó khăn thêm cho việc cải thiện đời sống và giải quyết công ăn việc làm, làm trầm trọng thêm các tệ nạn xã hội, làm cho diện tích canh tác bị thu hẹp, môi trường và tài nguyên thiên nhiên bị phá hoại nghiêm trọng...

4 - Nhận thức rõ tác động tiêu cực của tình trạng số dân tăng quá nhanh, từ những năm 80, Đảng và Nhà nước ta đã đặt mục tiêu phấn đấu hạ tỷ lệ tăng dân số xuống mức 1,7%, nhưng rồi không thực hiện được, phải lùi sang năm 1990. Nhưng rồi một lần nữa, chúng ta lại "vỡ kế hoạch". Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu kế hoạch giảm tỷ lệ tăng dân số có nhiều, nhưng trước hết là do khi định kế hoạch, không thấy hết tình hình kinh tế - xã hội và quy luật vận động nội tại của sự tăng giảm dân số. Thực tế cho thấy, muốn hạ tỷ lệ tăng dân số, khi định kế hoạch, không thể bỏ qua các nhân tố chủ yếu sau :

Một, do lịch sử để lại, quan niệm về sức mạnh của một gia đình, dòng họ, vẫn được đo bằng số người, đặc biệt là số con trai. Kết quả điều tra cho biết : ở nông thôn, 78,6% số gia đình muốn có 3 con trở lên ; không có gia đình nào chỉ muốn có một con ; 79,8% số gia đình cho là nhất thiết phải có con trai ; 80% cho rằng tuyệt tự là nỗi bất hạnh lớn nhất. Tình trạng chèn ép giữa các hộ, chi, họ, thôn, xã... ở nông thôn, chưa giảm đáng kể.

Hai, dân số có quy luật tăng bù sau chiến tranh. Đây là biểu hiện bù đắp sự mất mát của mỗi gia đình. Nếu chiến tranh là sự chia sẻ các gia đình, thì hòa bình lại là sự sum họp ; sau chiến tranh, sự kết hôn tăng lên, và do vậy, khả năng sinh đẻ cũng tăng theo. Ở Trung quốc, sau cách mạng 1949, là cao điểm bùng nổ dân số (trong thời gian 1950 - 1957, bình quân mỗi năm tăng 11,1 triệu). Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở Nhật bản, số dân cũng tăng rất nhanh (tỷ lệ 3,1%), buộc chính phủ phải chấp nhận chương trình kế hoạch hóa gia đình. Ở nước ta, từ

năm 1931 trở lại đây, thời kỳ 1955 - 1960 có tỷ lệ tăng dân số cao nhất (3,77%). Trẻ em gái sinh vào thời kỳ này, đến giai đoạn 1986 - 1990, trở thành lực lượng chủ yếu tạo nên sự tăng trưởng dân số, vì họ nằm trong độ tuổi sinh đẻ cao. Tính đến năm 1989, lớp nữ này ở vào tuổi 26 - 34, với tổng số 4,7 triệu người, trong đó trên 4 triệu đã kết hôn, và họ đã sinh ra gần 12 triệu trẻ em. Sự tham gia sinh đẻ của nữ ở lứa tuổi này sẽ còn ảnh hưởng đến tỷ lệ tăng dân số từ nay đến năm 1995, thậm chí đến năm 2000.

Ba, kết cấu dân số nước ta có nét đặc thù : đó là đa số sống ở nông thôn, với nghề chủ yếu là độc canh lúa nước. Trong tổng số gần 13 triệu hộ ở nước ta thì trên 10,5 triệu hộ sống ở nông thôn. Do việc bảo dưỡng tuổi già hiện nay ở nước ta chủ yếu vẫn trông cậy ở con cái, xã hội chưa trở thành chỗ dựa tin cậy của những người già cả neo đơn, cho nên các gia đình ở nông thôn thường có nhiều con. Mặt khác, các gia đình ở nông thôn sinh hoạt trong cộng đồng nhỏ bé, kinh tế tự cấp tự túc, biệt lập sau lũy tre làng, nên trình độ hiểu biết hạn chế, nhu cầu về đời sống chưa cao, chi phí cho sinh đẻ và nuôi dạy con cái không lớn kém nhiều, do đó, có thể có nhiều con, tạo khả năng tăng dân số rất lớn.

Bốn, đi đôi với chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chúng ta còn thiếu những chính sách kinh tế - xã hội thích hợp. Thậm chí, có nơi còn dùng các biện pháp hành chính cứng nhắc, gây tác động ngược lại. Ngoài ra, việc cung cấp các dụng cụ tránh thai còn thiếu sót, không thường xuyên và thiếu tính đa dạng. Sự tuyên truyền, cung cấp thông tin, hiểu biết và nhận thức về kế hoạch hóa gia đình chưa sâu rộng. Khuynh hướng ở nước ta là y tế hóa vấn đề kế hoạch hóa gia đình, trong khi thực chất vấn đề này mang tính xã hội hóa.

Để chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình hoạt động có hiệu quả, cần có sự đầu tư thỏa đáng về tài chính. Ở nước ta, trong những năm vừa qua, hoạt động này chỉ dựa vào kinh phí ít ỏi cung cấp cho ngành y tế và một khoản tài trợ của Quỹ hoạt động dân số của Liên hợp quốc (UNFPA), khoảng

trên 50 triệu đô la từ năm 1978 - 1991 phân cho nhiều dự án khác nhau. Với mức độ dân số như nước ta hiện nay, muốn giảm tỷ lệ tăng mỗi năm 0,1%, cần khoảng 40 - 50 triệu đô la/năm tức 0,5 - 1,0 đô la/đầu người/năm (trong khi ta mới đạt 0,1 đô la/đầu người/năm).

5 - Kinh nghiệm và thực tiễn trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta cho thấy : những biện pháp hành chính, kinh tế và y tế đều rất quan trọng, song chúng chỉ thực sự phát huy tác dụng trên cơ sở làm tốt công tác giáo dục dân số trong nhà trường và ngoài xã hội. Giáo dục dân số có vị trí số một trong năm biện pháp lớn để thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở cả ba môi trường : nhà trường, gia đình và xã hội.

Đây là một lĩnh vực tri thức liên ngành tổng hợp mới mẻ, gồm những kiến thức cơ bản về dân số học, sinh học, địa lý, xã hội học, tâm lý học, kinh tế học, giáo dục môi trường... Nó không chỉ là việc thuyết phục người học thực hiện kế hoạch hóa gia đình, không chỉ là việc giáo dục giới tính, mặc dù thông tin về mặt này có trong nội dung giáo dục dân số. Mục tiêu chung của chương trình giáo dục dân số là dùng biện pháp giáo dục để góp phần thực hiện chính sách dân số của Đảng và Nhà nước, cụ thể là cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về dân số và về chính sách dân số, trước mắt cũng như lâu dài, qua đó làm chuyển biến nhận thức và hành vi của người học trong việc thực hiện chính sách dân số.

Giáo dục dân số là một yêu cầu của việc điều chỉnh cải cách giáo dục lần này, là biểu hiện cụ thể của sự đổi mới tư duy về giáo dục, góp phần làm cho hệ thống giáo dục quốc dân gắn bó mật thiết hơn nữa với đời sống xã hội, thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng.

Thực tiễn gần 10 năm thí điểm - thực nghiệm và triển khai việc giảng dạy giáo dục dân số ở nhiều tỉnh thành trong phạm vi cả nước cho thấy :

- Đưa giáo dục dân số vào trường học là đúng đắn và cần thiết, phục vụ thiết thực việc thi hành chính sách dân số của Đảng và Nhà nước. Nó được các

địa phương hoan nghênh, được cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp hưởng ứng tích cực.

- Nội dung giáo dục dân số và các con đường đưa kiến thức dân số học tới học sinh là phù hợp, không làm quá tải các chương trình học, mà giúp kích thích hứng thú của học sinh, làm cho nội dung học tập thêm phong phú, đa dạng, gắn liền với việc phục vụ đời sống.

- Giáo dục dân số đã đem lại kết quả tốt trên lĩnh vực kiến thức, và bước đầu học sinh đã có những chuyển biến tích cực về thái độ đối với vấn đề dân số và thực hiện chính sách dân số. Trong giai đoạn tới, việc giáo dục dân số phải được thực hiện ở tất cả các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, như đã quy định trong Chỉ thị 74/CT - TW của Ban bí thư Trung ương Đảng.

- Bên cạnh những thuận lợi, công tác giáo dục dân số và kế hoạch hóa gia đình còn gặp những khó khăn, trở ngại nhất định, chủ yếu là những nhận thức, tư tưởng lạc hậu, tập tục lỗi thời về vấn đề dân số đã có từ bao đời nay trong xã hội. Vì vậy, giáo dục dân số và kế hoạch hóa gia đình là công việc lâu dài, thường xuyên và liên tục.

Giáo dục dân số trong trường học, trước hết là công việc và trách nhiệm của ngành giáo dục và đào tạo, trong đó đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên các cấp đóng vai trò quan trọng. Song, muốn đạt kết quả mong muốn, góp phần xứng đáng vào việc thực hiện chính sách dân số của Đảng và Nhà nước, cần có sự phối hợp của các ngành và các đoàn thể, cần được các cấp ủy đảng và chính quyền quan tâm đầu tư và tạo mọi điều kiện để thực hiện.

Các phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình sinh hoạt như câu lạc bộ, nhà văn hóa, các hoạt động văn hóa - văn nghệ... cũng cần có những hình thức giáo dục thích hợp để lôi cuốn sự tham gia của toàn dân.

Cạnh tranh hàng nội - hàng ngoại ở thị trường nước ta

CAO DUY HẠ *

THỰC tế ở một số địa phương cho thấy, hiện nay không ít xí nghiệp sản xuất kinh doanh hàng nội địa vẫn lo ngại bị “sập tiệm” trước sức mạnh cạnh tranh của hàng ngoại. Hàng ngoại đang lưu thông ở thị trường nước ta hiện nay phần lớn là hàng của Trung quốc, Nhật bản, Thái lan, Ấn độ và một số nước khác. Nhiều địa phương, nhất là ở các tỉnh vùng biên, có số hàng ngoại lưu thông chiếm hơn 50% tổng số hàng lưu thông trên thị trường. Không phải tất cả, nhưng thực sự đã có nhiều mặt hàng ngoại có sức cạnh tranh lớn đối với hàng nội đang lưu thông ở thị trường và gây ra nhiều khó khăn trong việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng nội cũng như việc giải quyết một số vấn đề xã hội như thất nghiệp, thiếu việc làm của người lao động.

Ở Hà nội trước đây có tới 100 ngành nghề sản xuất hàng thủ công truyền thống cung cấp sản phẩm tiêu dùng cho cả nước, nay trước sự lấn át cạnh tranh của hàng ngoại đã bị mai một khá nhiều. Thợ thủ công ở các tỉnh phía bắc và phía nam trước đây có việc làm và cung cấp cho xã hội một lượng hàng hóa đáng kể nay phần lớn đã bị bó tay vì sự lấn át của hàng ngoại. Ngành dệt thủ công của nước ta đã có thời kỳ phát triển khá mạnh, cung cấp phần lớn nhu cầu tiêu dùng của xã hội và còn xuất ra thị trường thế giới ; nhưng nay gần như bị xóa sổ trước sự lan tràn của nhiều loại vải từ nước ngoài vào bằng nhiều con đường khác nhau.

Nhìn chung, đội ngũ lao động thủ công ở nước ta hiện nay gặp nhiều khó khăn, thiếu việc làm, thiếu mức thu nhập tối thiểu để sinh sống. Không phải vì họ không muốn làm việc mà cái chính là vì họ không cạnh tranh nổi với hàng ngoại. Công bằng mà xét, hàng ngoại tràn vào nước ta mấy năm qua

cũng đem lại một số tác động tích cực như : tăng lượng cung, làm phong phú thêm mặt hàng lưu thông ở thị trường, làm giảm bớt mâu thuẫn gay gắt giữa cung và cầu ; thúc đẩy nhiều nhà sản xuất kinh doanh đổi mới cung cách làm ăn nếu không sẽ mất chỗ đứng ở thị trường... Tuy nhiên, những mặt tích cực trên không bù đắp được những mất mát của sản xuất nội địa do hàng ngoại lấn át ; nhưng không vì thế mà triệt tiêu hết hàng ngoại lưu thông ở thị trường nước ta. Vấn đề là chúng ta phải có biện pháp điều chỉnh mối quan hệ cả về số lượng và tỷ trọng giữa hàng nội và hàng ngoại lưu thông trên thị trường hiện nay sao cho hợp lý với mục đích giành lại ưu thế cạnh tranh cho hàng nội địa. Muốn vậy, phải giải quyết mâu thuẫn cạnh tranh giữa hàng nội - hàng ngoại hiện nay.

Vì sao có tình trạng một số hàng ngoại có sức cạnh tranh lớn với hàng nội ? Qua nghiên cứu tôi thấy có mấy nguyên nhân chủ yếu sau đây :

Một là, năng suất lao động của những nước có hàng xuất sang thị trường nước ta cao hơn năng suất của chúng ta ; vì vậy, giá bán rẻ hơn hàng nội, kể cả trường hợp đã nộp thuế đầy đủ. Theo quy luật thị trường thì giá rẻ là nguyên nhân quan trọng tạo ra thế mạnh cho cạnh tranh thị trường. Đúng như người ta đã nhận xét : giá hàng rẻ do đại công nghiệp ở các nước tư bản tạo ra là những quả đại bác hạng nặng có sức công phá lớn chọc thủng bức tường thành ngăn cách của xã hội phong kiến ngày xưa. Vì vậy, mỗi nước phải có những chính sách thuế quan khôn ngoan, hợp lý để vừa bảo hộ cho hàng nội có sức cạnh tranh với hàng ngoại, vừa sử dụng được những hàng ngoại có giá rẻ để phục vụ

* Học viện Nguyễn Ái Quốc

nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước.

Hai là, hàng nhập vào nước ta hiện nay, theo con đường lậu thuế, trốn thuế khá nhiều. Theo báo cáo của một số tỉnh vùng biên thì chỉ thu thuế được từ 40% đến 50% tổng số hàng nhập ; phần lớn hàng nhập theo con đường phi mậu dịch không thu được thuế. Số hàng nhập lậu này tốt có, xấu có, rởm cũng có ; do trốn được thuế nên giá bán khá rẻ mà họ vẫn thu được lợi nhuận cao.

Ba là, tâm lý của nhiều người tiêu dùng ở nước ta là "sính" mua hàng ngoại. Nhiều khi do kiểu mốt, mẫu mã, hình dáng bề ngoài làm cho họ "choáng mắt" coi hàng ngoại là tốt hơn hàng nội, lao vào mua hàng ngoại, không muốn mua hàng nội dù chất lượng hàng nội có thể tốt hơn. Tâm lý "sính" tiêu dùng hàng ngoại đã làm tăng thêm sức cạnh tranh cho hàng ngoại.

Bốn là, sự quản lý kém của các cơ quan hành chính và pháp luật ở các cấp và sự hám lời của một số tổ chức thương nghiệp, đã đẻ ngổ cửa cho hàng ngoại nhập vào bừa bãi, không có nguyên tắc, không ứng đến nhu cầu xã hội và bảo hộ sản xuất trong nước.

Năm là, bản thân một số xí nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng nội địa không chịu vươn lên tích cực đổi mới để thích ứng với thị trường. Trong điều kiện mới, nhiều đơn vị vẫn làm ắp theo kiểu cũ, hàng sản xuất ra so với hàng ngoại chất lượng thua kém, kiểu mốt, mẫu mã đơn điệu, giá thành cao, giá bán đắt hơn, nên không thu hút được người tiêu dùng về phía mình.

Để khắc phục mâu thuẫn cạnh tranh giữa hàng nội và hàng ngoại hiện nay, giành ưu thế cạnh tranh cho hàng nội, tôi thấy cần phải làm đồng bộ nhiều việc, nhưng có ba vấn đề cơ bản nhất cần phải giải quyết kịp thời :

Thứ nhất, thực hiện quản lý hành chính nghiêm ngặt đối với hàng nhập khẩu. Chỉ nhập những hàng trong nước không tự sản xuất được mà xã hội lại có nhu cầu tiêu dùng thật sự không thể bỏ qua. Những mặt hàng trong nước sản xuất được và đã cố gắng khai thác tới mức tối đa song vẫn chưa đủ để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng hợp lý của xã hội thì có thể nhập thêm phần thiếu hụt ; nhưng nếu điều tiết được phần nhu cầu thiếu hụt này sang mặt hàng khác thì kiên quyết làm mà không nhập

thêm. Những hàng hóa trong nước có đủ khả năng sản xuất để thỏa mãn nhu cầu xã hội thì kiên quyết không nhập để kích thích sản xuất trong nước phát triển và tiết kiệm chi tiêu ngoại tệ.

Tập trung đầu mỗi nhiệm vụ nhập khẩu hàng ngoại để thuận lợi trong việc quản lý hướng dẫn nhập đúng hướng và kiểm tra phát hiện kịp thời các lệch lạc. Xử phạt nghiêm minh cả về kinh tế và hành chính bất cứ cơ quan, đoàn thể, cá nhân nào nhập lậu hàng ngoại hoặc nhập không đúng quy định của nhà nước.

Thứ hai, các xí nghiệp sản xuất hàng nội địa phải tích cực cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng hàng hóa, cải tiến mẫu mã để đa dạng hóa và phong phú kiểu mốt, đáp ứng thị hiếu nhiều vẻ của người tiêu dùng ; đồng thời phải phấn đấu hạ giá thành để có giá bán hợp lý thu hút được đông đảo người tiêu dùng.

Để nâng cao chất lượng hàng hóa, điều mấu chốt đối với đa số các xí nghiệp sản xuất ở nước ta hiện nay là phải đổi mới quy trình công nghệ, thay đổi thiết bị, máy móc công cụ đã cũ kỹ, lạc hậu. Dĩ nhiên, vấn đề này đòi hỏi xí nghiệp phải có vốn lớn để đầu tư, và không dễ gì đối với tất cả các xí nghiệp, vì hiện nay có tới 80% xí nghiệp sản xuất kinh doanh đang bị thiếu vốn. Các đơn vị phải tìm mọi biện pháp để có thể thu hút vốn đầu tư từ các nguồn khác nhau như : vốn ngân hàng, vốn cổ phần, vốn liên kết, vốn của khách hàng, vốn nước ngoài,... để đổi mới công nghệ, kỹ thuật.

Bên cạnh đó, các xí nghiệp phải xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ ngang tầm với yêu cầu của quy trình công nghệ và thiết bị kỹ thuật mới.

Thực hiện hạch toán giá thành chính xác nhằm tiết kiệm chi phí lao động (cả lao động quá khứ và lao động sống), bảo đảm sản phẩm làm ra có chất lượng tốt, giá thành hạ, bán rẻ hơn hàng ngoại. Đây là biện pháp số một để tạo sức mạnh cho hàng nội có thể cạnh tranh được với hàng ngoại.

Có thể khẳng định rằng : hàng hóa vừa tốt, vừa đẹp, vừa rẻ, đó là sức mạnh vô song cho sự cạnh tranh giành phần thắng trên thị trường. Ở nước ta hiện nay, nhiều mặt hàng nếu không đi vào nâng cao chất lượng và thường xuyên cải tiến kiểu mốt, mẫu mã để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng và

không ngừng phát triển, thì sẽ không cạnh tranh nổi với hàng ngoại. Ví dụ : mặt hàng thuốc lá ngoại, mặc dù các cơ quan quản lý hành chính và luật pháp đã tốn nhiều công sức, song nó vẫn lưu thông trên thị trường ; người tiêu dùng vẫn cứ sẵn tiền mua thuốc lá ngoại mà không muốn mua thuốc lá nội. Điều dễ hiểu là vì thuốc lá nội chất lượng còn kém, giá bán lại quá cao (trong vòng hơn một năm qua giá thuốc lá nội tăng đến chóng mặt). Trong khi đó thuốc lá ngoại chất lượng tốt hơn, giá cả vừa phải (do trốn thuế). Ngược lại, trên thị trường, quạt bàn Trung quốc rất nhiều, kiểu, mốt cũng lહે lહે, nhưng tiêu thụ lại rất chậm, vì chất lượng xấu, sử dụng mau hỏng. Trong khi đó, quạt bàn nội do Nhà máy điện cơ Hà nội sản xuất giá bán cao hơn quạt bàn Trung quốc nhiều, nhưng tiêu thụ rất mạnh không chỉ ở thành thị mà cả ở nông thôn, vì qua thực tế tiêu dùng người ta thấy chất lượng tốt hơn, tạo đáng thích hợp với thị hiếu người Việt nam.

Rõ ràng, chất lượng sản phẩm và giá cả là những nhân tố quyết định để giành ưu thế trong cạnh tranh thị trường. Sự bảo hộ của nhà nước bằng các chính sách thuế quan và xuất, nhập khẩu tuy rất quan trọng, song không thể tạo ra sức mạnh tuyệt đối cho hàng nội cạnh tranh với hàng ngoại.

Để cạnh tranh lành mạnh thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng, còn phải khắc phục sự xuất hiện độc quyền trong

sản xuất và tiêu thụ. Độc quyền ở đâu cũng kìm hãm sự tiến bộ kỹ thuật và gây thiệt hại đối với người tiêu dùng, đưa lại lợi nhuận béo bở cho người giữ độc quyền sản xuất hoặc tiêu thụ.

Thứ ba, các tổ chức thương nghiệp, nhất là thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, làm nhiệm vụ lưu thông hàng hóa phải tổ chức phục vụ kịp thời, tận tình và văn minh đối với người tiêu dùng. Qua đó cổ động, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tiêu dùng hàng nội có chất lượng tốt, giá cả phải chăng. Đồng thời chỉ nhận của nơi sản xuất những hàng hóa có chất lượng bảo đảm, hợp thị hiếu người tiêu dùng ; kiên quyết không đưa vào lưu thông hàng hóa kém phẩm chất và chống lưu thông hàng giả. Bảo đảm tốt nhiệm vụ cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng ; gắn sản xuất với tiêu dùng.

Điều quan trọng nữa là phải làm cho những người tiêu dùng thấy được lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài của việc tiêu dùng hàng nội. Trước mắt, nếu mọi người tiêu dùng đều hướng vào tiêu dùng hàng nội, không tiêu dùng hoặc tiêu dùng ít hàng ngoại thì sẽ tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển, có thêm việc làm cho người lao động. Về lâu dài, đất nước ta sẽ có được nền kinh tế hàng hóa phát triển, không bị lệ thuộc vào nước ngoài, và có thể tham gia có hiệu quả vào sự phân công kinh tế quốc tế.

Thư gửi Bộ biên tập

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN NÚI

LÊ ĐIỀN

HƠN một năm qua, tôi đã đi hầu khắp các vùng rừng núi ở nước ta, từ công trường Đồng văn, qua Quan hóa, Trà my, Trà bông đến Tây nguyên. Mỗi vùng một vẻ, với phong cảnh thiên nhiên, nền văn hóa bản địa và những thuận lợi, khó khăn, mỗi nơi một khác, rất phong phú, đa dạng. Nhưng, ở đâu, dù mức độ khác nhau, vẫn có những nét nổi bật :

- Đồng bào đã định cư nhưng vẫn còn du canh, phá rừng làm nương rẫy. Lối canh tác lạc hậu này đã làm đất đai ngày càng xói mòn ; lũ lụt, hạn hán xảy ra ngày càng nghiêm trọng. Người đẻ ra càng đông, càng phải phá rừng nhiều. Như vậy đời nghèo sẽ truyền kiếp từ đời này sang đời khác như một định mệnh.

- Giao thông chưa phát triển, đường sá xa xôi hiểm trở, cho nên đồng bào miền núi thường phải chịu cảnh mua đắt, bán rẻ. Thậm chí, còn không bán được nông sản, vật nuôi. Sản xuất không đi đôi với tiêu thụ nên sản xuất tri tri, đời sống không thể khá lên được.

Khoa học, kỹ thuật chưa lên được miền núi. Đồng bào vẫn phải dùng con dao phát, cái gậy

chọc lỗ, giồng lúa nương cũ, do đó lao động vất vả, khó nhọc, mà hiệu quả không cao.

- Thiên nhiên khắc nghiệt, khí hậu độc hại, đồng bào lại vẫn giữ những tập quán lạc hậu như uống nước lã, ngủ không màn. Thêm vào đó là các tệ nạn nghiện rượu, nghiện thuốc phiện. Nhiều dịch bệnh xảy ra, phổ biến là bệnh sốt rét và bệnh bướu cổ. Nhà có người ốm vừa tốn sức, vừa tốn của, coi như năm ấy "gia đình mất mùa riêng".

- Miền núi ít bão nhưng thường hay bị lũ, bị hạn, bị sương muối phá hoại mùa màng. Ngoài những loại sâu bệnh như ở miền xuôi, lúa và hoa màu còn bị "giặc chuột", "giặc" châu chấu, bọ xít phá hoại, do đó năng suất vốn đã thấp, lại càng thấp.

- Tỷ lệ sinh đẻ vẫn còn quá cao : 3,2%. Ruộng đất đã ít và ngày càng bạc màu, lại đẻ nhiều như vậy, nên khó có thể no ấm được.

Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ chính trị Trung ương Đảng về miền núi, tôi xin có mấy đề nghị cụ thể :

- 1 - Có thể và cần phải điện khí hóa sớm nông thôn miền núi.

Các đồng chí lãnh đạo miền núi đều nói : "Chỉ có làm đường

giao thông và đưa điện lên miền núi thì miền núi mới có thể đổi mới, nếu không miền núi vẫn muôn đời lạc hậu". Ngay sau ngày miền Bắc giải phóng, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng ninh, đã chú trọng kết hợp thủy lợi hóa với điện khí hóa. Từ năm 1961 đến những năm 1980 tỉnh đã xây dựng được 10 trạm thủy điện nhỏ. Hiện nay đang xây dựng trạm thủy điện 375 ki lô oát. Từ ngày mở cửa biên giới, phong trào điện khí hóa nông thôn phát triển lên một bước mới. Nhân dân đã mua gần 1000 máy thủy điện cực nhỏ của Trung quốc. Đến nay toàn huyện đã có hơn 50% số hộ có điện thắp sáng, nghe đài thu thanh. Xã nào cũng có bốn, năm máy xay xát. Sớm, chiều qua làng bản ở Bình Liêu, không còn nghe thấy tiếng giã gạo thỉnh thoảng buồn tẻ nữa. Buổi tối, nhiều thôn xóm lấp lánh ánh điện, xóm bản vui tươi, văn minh hẳn lên. Điện tạo điều kiện nâng cao dân trí và đưa khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Điện cần cho miền núi như thế, miền núi lại có tiềm năng lớn về thủy điện. Tôi thiết nghĩ nhà nước ta nên chỉ đạo, giúp đỡ các nhà máy cơ khí lớn của ta nghiên cứu chế tạo các loại máy thủy điện cực nhỏ thích hợp với hoàn cảnh miền núi, bán với giá phải chăng để đồng bào có thể mua được, thì chẳng những có lợi cho sự phát triển kinh tế, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, mà còn tạo thêm việc làm cho công nhân cơ khí. Đồng thời, Bộ

năng lượng cần cử cán bộ điều tra, xác minh tiềm năng thủy điện ở từng vùng rừng núi, các công trình phát minh sáng chế của các nhà khoa học, xây dựng một đề án về điện khí hóa miền núi để nhân dân và các ngành cùng chung sức thực hiện.

2 - Xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú.

Ở vùng cao, các chòm bản ở rất phân tán. Từ những bản xa đến trung tâm xã phải tèo đèo, lội suối nửa ngày, có khi cả ngày. Nhiều nơi đã xây dựng trường phổ thông cấp 1 ngay tại địa phương, nhưng có nhà vì tham việc, có nhà vì nghèo túng, vẫn không cho con đi học; hoặc có cho con đi học thì cũng chỉ được đến hết lớp hai, lớp ba, rồi gọi về. Nguyên nhân sâu xa là do học văn hóa chưa thành một nhu cầu cấp bách của nhân dân miền núi. Vì vậy, số trẻ em trong độ tuổi đi học rất thấp. Số người trở lại mù chữ ngày càng nhiều.

Trước tình trạng này, nhiều xã vùng cao đã có sáng kiến mở trường phổ thông nội trú ngay tại xã. Nhân dân góp ngô, góp gạo nuôi con em mình. Huyện, xã bỏ tiền xây dựng trường lớp, nơi ăn, chốn ở cho các cháu. Trường Sùng thái ở Hà Tuyên và trường Pù nhĩ ở Thanh hóa là những trường nội trú có nhiều em tốt nghiệp phổ thông cơ sở; một số em đi học tiếp ở trường phổ thông trung học, trường trung học chuyên nghiệp, trường đại học, trở thành cán bộ, giáo viên, bác sĩ.

Để tạo điều kiện cho con em đồng bào miền núi được đi học, chuẩn bị cho công tác đào tạo cán

bộ tại chỗ, nhà nước nên chủ trương xây dựng trường phổ thông nội trú ở tất cả các xã vùng cao bằng cách nhân dân và nhà nước (bao gồm cả tỉnh và huyện) cùng góp ngân sách để xây dựng trường sở, nhà ăn, nhà ở, mua sắm đồ dùng giảng dạy, sách giáo khoa và chi phí dầu đèn.

Huyện nào ở miền núi hiện nay cũng nên có trường phổ thông trung học và trường phổ thông dân tộc nội trú. Nên sáp nhập hai trường này làm một, thành trường phổ thông trung học nội trú. Nhà nước có biện pháp bảo đảm nuôi các em ăn học đến khi tốt nghiệp phổ thông trung học.

Các vùng cao và huyện miền núi không nhiều. Nếu nhà nước dành ra một khoản ngân sách xây dựng được một hệ thống trường phổ thông nội trú thì sẽ có lợi rất lớn và lâu dài cho đất nước.

3 - Thực hiện sinh đẻ có kế hoạch.

Nhiều nơi ở miền núi, đồng bào vẫn sinh đẻ một cách tự nhiên. Có tình trạng này là do quan niệm trọng nam khinh nữ ở đây còn rất nặng nề. Nạn tảo hôn còn phổ biến. Con gái hơn mười tuổi đã đi lấy chồng. Nạn hữu sinh vô dưỡng gây tâm lý phải đẻ nhiều để đề phòng nếu dịch bệnh xảy ra vẫn còn có con cái "nổi dãi tông đường". Bên cạnh đó là quan niệm cho rằng dân tộc mình ít người, cần phải đẻ nhiều để phát triển nòi giống, v.v..

Để có thể giảm tỷ lệ tăng dân số, việc vận động sinh đẻ có kế hoạch phải tiến hành bền bỉ

nhiều năm với sự phối hợp của nhiều ngành, nhiều giới. Ví dụ:

- Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội chữ thập đỏ tổ chức nhiều buổi nói chuyện, mở các lớp học ngắn ngày phổ biến cách nuôi con khỏe, dạy con ngoan, cách ăn ở vệ sinh, nằm màn để tránh bệnh sốt rét, uống nước đun sôi, không uống nước lã, không nghiện rượu, nghiện thuốc phiện.

- Ngành thông tin văn hóa phổ nhanh sóng truyền thanh rộng khắp miền núi, tăng giờ phát thanh bằng tiếng các dân tộc thiểu số, bước đầu đưa truyền hình vào những nơi có điều kiện. Các đội chiếu bóng đưa phim lên chiếu ở những xã vùng cao. Các đội thông tin lưu động lấy miền núi làm trọng điểm hoạt động của mình.

- Ngành y tế đào tạo nhiều nữ bác sĩ, nữ y sĩ cho miền núi, mở các trung tâm sinh đẻ có kế hoạch ở các huyện miền núi.

- Mỗi thầy giáo, cô giáo ở miền núi là một người vận động tích cực cho việc sinh đẻ có kế hoạch.

- Cán bộ là người dân tộc thiểu số từ tỉnh đến huyện, xã, đều nêu gương về sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

- Mỗi tỉnh xây dựng một huyện và mỗi huyện xây dựng một xã điển hình về sinh đẻ có kế hoạch, từ đó mà nhân rộng ra.

Tôi nghĩ, nếu làm được như vậy, nhất định việc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở miền núi sẽ đạt hiệu quả mong muốn.

Để giải quyết những vấn đề

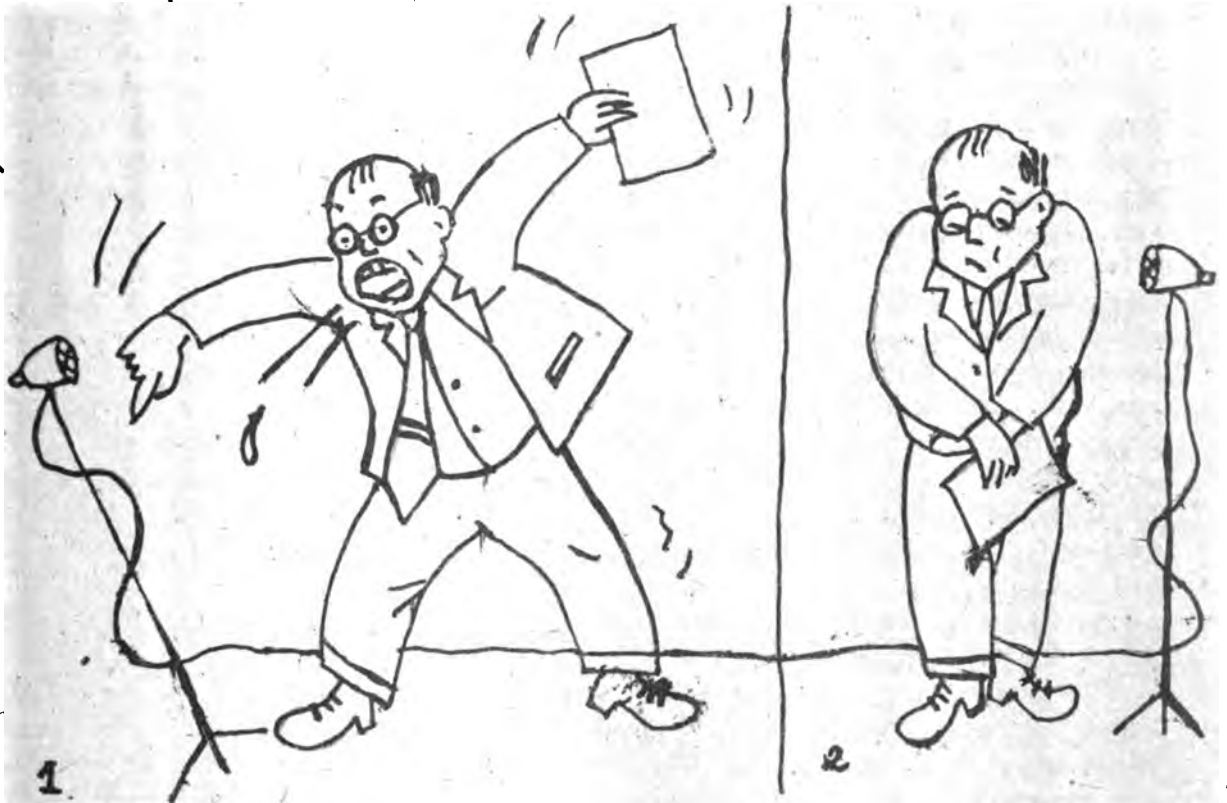
nói trên, ai cũng biết khó khăn lớn nhất đối với chúng ta hiện nay là thiếu vốn. Nhưng tôi nghĩ, nếu biết dựa vào dân, tranh thủ sự viện trợ của nước ngoài, giảm bớt những chi phí chưa cần thiết, thì cũng có thể có đủ tiền để làm đường sá, đưa điện, đưa khoa học, văn hóa lên miền núi. Vì vậy, cái khó khăn, điều trở ngại lớn nhất lại là lối tính toán hiệu quả kinh tế đơn thuần, cách

suy nghĩ thực dụng của nhiều cán bộ các ngành. Họ nêu phương châm “dễ làm trước, khó làm sau, gần làm trước, xa làm sau” ; miền núi vừa khó vừa ở xa, thì bao giờ mới đến lượt ?

Làm kinh tế phải tính toán hiệu quả kinh tế là điều hoàn toàn đúng. Nhưng trong chế độ xã hội chủ nghĩa, kinh tế bao giờ cũng phải gắn liền với xã hội. Có những trường hợp phải đặt vấn

đề đời sống nhân dân, lợi ích về mặt xã hội lên trên lợi ích kinh tế, không thể chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần. Đồng bào miền núi ở nhiều vùng còn nghèo khổ, hoàn cảnh ở đây còn nhiều khó khăn. Trong trường hợp này, phải đặt vấn đề đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, lợi ích xã hội lên trên hiệu quả kinh tế mới đúng.

Tranh : ĐẶNG NHÃN



PHÊ BÌNH ...

... VÀ TỰ PHÊ !

THẾ GIỚI NĂM 1991

PHAN DOÃN NAM

Lời BBT : Năm 1991 thế giới có những diễn biến lớn, nhanh và hết sức phức tạp, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu công phu, thảo luận tập thể, thận trọng, mới có thể có những nhận định và kết luận chính xác, đúng đắn. Nhằm góp phần vào việc nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi đăng bài Thế giới năm 1991 của đồng chí Phan Doãn Nam, Tổng biên tập báo Việt nam Courier, để bạn đọc tham khảo.

NHÌN toàn cảnh sự phát triển của xã hội loài người, ta thấy năm 1991 tiếp tục có những chuyển biến rất to lớn, phức tạp và đầy mâu thuẫn giữa đấu tranh và hợp tác, giữa hòa hoãn và đối đầu, đan xen giữa các yếu tố tích cực và tiêu cực.

Điều muốn nói trước tiên là năm qua thế giới tiếp tục có sự phát triển của xu thế hòa bình, giảm căng thẳng trong quan hệ quốc tế, giải trừ quân bị kể cả vũ khí hạt nhân, giải quyết bằng thương lượng các cuộc xung đột khu vực. Có thể thấy điều này qua một loạt sự việc : sự phản đối mạnh mẽ của nhân dân thế giới đối với cuộc chiến tranh vùng Vịnh, việc lần đầu tiên có sự cắt giảm đáng kể kho vũ khí hạt nhân của Liên xô và Mỹ, việc giải quyết hòa bình vấn đề Cam-pu-chia, đối thoại Bắc - Nam Triều tiên, Hội nghị hòa bình Trung Đông lần đầu tiên sau hơn 40 năm xung đột A-rập - I-xra-en, v.v..

Điểm thứ hai : đi đôi với sự tăng mạnh xu thế quốc tế hóa kinh tế thế giới và sự phụ thuộc lẫn nhau trong sinh hoạt quốc tế, người ta cũng chứng kiến sự phát triển về ý thức độc lập tự chủ và tính thần tự lực tự cường của các dân tộc. Nhân dân nước nào cũng muốn đất nước mình phát triển và phồn vinh, trở thành một thành viên xứng đáng trong nền kinh tế và chính trị thế giới. Những yếu tố nói trên đã làm cho quan hệ quốc tế thay đổi sâu sắc. Ngày nay, bất cứ sự vi phạm của bất cứ nước nào đối với nền độc lập và chủ quyền của một nước khác, đều bị lên án nghiêm khắc. Mọi

hành động can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác đều không tránh khỏi sự lên án và trừng phạt của cộng đồng thế giới. Tuy còn nhiều khiếm khuyết, sơ hở, và trong không ít trường hợp còn bị sự thao túng của một số, thậm chí của một siêu cường, Liên hợp quốc đang có xu hướng trở thành diễn đàn thực sự của các dân tộc. Rất nhiều nước, dù nhỏ, đang góp tiếng nói của mình vào việc hình thành một trật tự thế giới mới.

Điểm thứ ba : cuộc đấu tranh của các dân tộc cho một xã hội tiến bộ, không có áp bức bóc lột, được quyền có công ăn việc làm và quyền nghỉ ngơi, tiếp tục phát triển mạnh mẽ ngay cả ở các nước tư bản chủ nghĩa có nền kinh tế phát triển nhất. Kết quả là các chính khách, các chính đảng, dù thuộc màu sắc chính trị nào, đều phải tính đến lợi ích của nhân dân lao động trong chính sách hoặc trong cương lĩnh tranh cử.

Điểm thứ tư : tuy nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ hoặc đang khủng hoảng sâu sắc, nhưng chủ nghĩa xã hội vẫn là ước mơ và mục tiêu phấn đấu của hàng tỷ người. Trên thực tế, chủ nghĩa xã hội vẫn đang được xây dựng bằng bàn tay, trái tim và khối óc sáng tạo của trên một tỷ người. Tại đây, chủ nghĩa xã hội đang được nhận thức lại và đổi mới theo những màu sắc và hình thái phong phú và đa dạng hơn, phù hợp hơn với truyền thống và đặc tính của mỗi dân tộc. Ở Trung quốc, Việt nam, công cuộc cải cách và đổi mới bước đầu đạt được những thành tích rất quan trọng. Những người

cộng sản và các lực lượng tiến bộ trên thế giới đang tập hợp lại, rút ra bài học trong thất bại, tiếp tục đấu tranh cho một xã hội xã hội chủ nghĩa thật sự dân chủ và công bằng.

Những mặt tích cực nói trên là cơ sở cho niềm tin không hề bị đánh mất của các lực lượng tiến bộ và cách mạng trong cuộc đấu tranh cho một lý tưởng cao đẹp nhất của loài người. Tuy nhiên, bên cạnh đó, năm 1991 đã diễn ra những biến động to lớn chưa từng có và hết sức phức tạp. Sự thay đổi đột ngột ở Liên xô đã làm cho tất cả các dân tộc hết sức bồn chồn, lo lắng. Người ta đặt câu hỏi : rồi đây, nền hòa bình, an ninh, sự phát triển và chủ nghĩa xã hội trên hành tinh chúng ta sẽ ra sao ?

Trong lúc các nước tiếp tục giành những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ, thì kinh tế thế giới năm 1991 lại xấu đi một cách nghiêm trọng. Ngoài việc Liên xô (cũ) đang trên bờ sụp đổ về kinh tế do khủng hoảng chính trị, thì kinh tế và tài chính các nước tư bản chính như Mỹ, Nhật bản và CHLB Đức đang có dấu hiệu rơi vào một cuộc suy thoái mới. Đó là một lý do quan trọng khiến uy tín của tổng thống Bu-sơ sụp đổ hẳn đi trước năm bầu cử mới, thủ tướng Nhật bản Cai-phi phải ra đi, và chính phủ Hen-mút Cơn ở CHLB Đức gặp không ít khó khăn.

Trong lúc toàn thế giới chưa kịp thở phào nhẹ nhõm do sự kết thúc của chiến tranh lạnh, thì chiến tranh vùng Vịnh đã nổ ra. Đó là cuộc chiến tranh quy mô lớn nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, với sự tham gia của 28 nước do Mỹ đứng đầu. Đến nay hậu quả của cuộc chiến tranh này vẫn tiếp tục tác động tiêu cực đến hòa bình và an ninh ở Trung Đông và thế giới, thậm chí đến toàn bộ kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, sự kiện lớn nhất, làm thay đổi hoàn toàn cục diện và trật tự chính trị thế giới thiết lập từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, là sự biến động ở Liên xô. Cách đây không lâu, chúng ta ai có thể tưởng tượng được sự sụp đổ nhanh chóng của chủ nghĩa xã hội ở ngay quê hương của Cách mạng Tháng Mười và của Lê-nin, sự tan rã của Đảng cộng sản Liên xô và của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết với tư cách là một siêu cường thế giới ? Sự sụp đổ nhanh chóng của Liên xô - một nước vốn là chỗ dựa của các lực lượng

hòa bình và tiến bộ trong hơn 70 năm qua - đã làm cho phong trào công nhân và cộng sản quốc tế bị tổn thất nghiêm trọng, các nước đang phát triển và không liên kết mất đi chỗ dựa chủ yếu, đồng thời làm cả châu Âu mất ổn định. Một loạt nước trong Liên bang xô viết trước đây đã trở thành những nước độc lập, có quân đội riêng, kể cả vũ khí hạt nhân. Xung đột dân tộc và sắc tộc giữa các nước cộng hòa ở đây đang bùng nổ hoặc âm ỉ bùng nổ. Nội chiến ở Nam-tư diễn ra rất bi thảm. Tình hình kinh tế xã hội ở các nước Đông Âu vẫn không ổn định như mong muốn. Tất cả những điều đó đe dọa sự ổn định không chỉ của châu Âu mà của toàn thế giới. Khó có thể nghĩ rằng trong vài ba năm tới có thể vẫn hồi sự ổn định và phát triển ở phần đất chiếm một phần tư quả địa cầu này.

Một sự kiện nữa không kém phần nghiêm trọng : sự phát triển ngày càng tăng của các bệnh thời đại, sự ô nhiễm môi trường mà năm 1991 đã đạt đến mức báo động. Điều này đang phá hoại sự an toàn của cả xã hội loài người.

Diễn biến phức tạp của tình hình thế giới năm 1991 cho thấy chưa thể đưa ra những kết luận vội vã. Nhận định thiếu cơ sở thực tế và khoa học sẽ khó tránh khỏi dẫn đến sai lầm. Tôi xin nêu lên một số nhận xét sơ bộ :

Trước hết, có thể nhất trí rằng, thế giới hai cực hình thành sau chiến tranh đã hoàn toàn sụp đổ trong năm 1991. Ngày nay, chỉ còn một siêu cường. Nhưng điều này không có nghĩa thế giới ngày nay là đơn cực. Bản thân tổng thống Mỹ cũng đã buộc phải thừa nhận điều này trong diễn văn vừa rồi tại khóa 46 Đại hội đồng Liên hợp quốc. Một mặt ông ta nói rằng Mỹ muốn "chia bàn tay hữu nghị và lãnh đạo" đối với thế giới, nhưng mặt khác ông ta lại khẳng định rằng, trật tự thế giới mới không phải là *Pax Americana* mà là *Pax Universalis*. Thực tế, một trật tự thế giới mới đa cực đang hình thành thay thế cho trật tự thế giới hai cực. Việc thay thế này diễn ra trong một quá trình. Có thể gọi đây là một thời kỳ quá độ, cái cũ chưa biến mất hẳn, cái mới chưa định hình.

Hai là, qua tình hình thế giới năm 1991, ta thấy nổi lên một điều nghịch lý mới. Trong 46 năm qua,

(Xem tiếp trang 60)

Một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến

Bà NGỎ BÁ THÀNH*

CÓ người chỉ nghĩ rằng nước Mỹ là “thiên đường”, giàu có, kiếm tiền dễ như chơi, cuộc sống hoàn toàn thoải mái...

Nhưng có một nước Mỹ mà nhiều người không biết đến. Trên thực tế, sau cuộc chiến tranh vùng Vịnh, và sau cả cái gọi là “không đánh mà thắng” ở Đông Âu và Liên xô, người ta có phần hồ nghi cái sức mạnh của đất nước này. Tôi đang thấy một nước Mỹ lực bất tòng tâm. Có nhiều lẽ để chứng minh điều đó.

Chiến tranh vùng Vịnh cho thấy, đây là lần đầu tiên trong thế kỷ này, Mỹ đã không đủ khả năng tự trang trải một cuộc hành quân của mình. Nếu không có sự đóng góp 50 tỷ đô la từ bên ngoài, thì chính phủ Mỹ đã phải tăng thêm thuế hoặc vay thêm tiền như vẫn làm trong các cuộc chiến tranh trước. Điều đó sẽ làm trầm trọng thêm nền kinh tế đang suy thoái. Những biện pháp thất nhân tâm như thế biết đâu sẽ chẳng tác động vào một số phiếu trong Quốc hội Mỹ, đủ để phủ định quyền của tổng thống được sử dụng vũ lực trong chiến tranh vùng Vịnh. Trong tương lai chắc gì Mỹ sẽ tiếp tục nhận được sự hưởng ứng của đồng minh như vừa qua.

Cường quốc Mỹ là một nước “nợ như chúa chòe”. Thâm hụt ngân sách năm 1992 sẽ đạt mức kỷ lục mới. Con số đó lên tới 348,3 tỷ đô la, cao hơn gần 70 tỷ so với mức dự kiến ban đầu là 280,2 tỷ, tương đương 5% tổng sản phẩm quốc dân của Mỹ. Số thâm hụt ngân sách mới này diễn ra trong lúc Mỹ đang tìm cách cắt chi phí và tăng thuế để thực hiện chương trình 5 năm giảm 482 tỷ đô la thâm hụt ngân sách được đưa ra từ năm ngoái. Điều này

không thể không làm tăng thêm tâm trạng lo ngại và bất an trong quần chúng và giới kinh doanh Mỹ.

Những tin tức từ Mỹ gần đây cho thấy, kể từ quý 4-1990 kinh tế Mỹ lại lâm vào đợt suy thoái mới. Đây là cuộc suy thoái thứ 8 kể từ sau đại chiến thứ hai. Chính quyền Mỹ thừa nhận trọng giai đoạn suy thoái này, sản xuất đang giảm sút, chất lượng sản phẩm kém đi, số xí nghiệp phá sản tăng lên, khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, các ngành thương nghiệp, ngân hàng, tiền tệ đều bị tác động sâu sắc. Theo một cuộc điều tra được công bố ngày 4-9, trong tài khóa kết thúc vào ngày 30-6-1991, số vụ phá sản ở Mỹ là 880 399, tăng 21% so với tài khóa trước đó. Con số này có thể lên đến trên một triệu vào cuối năm 1991. Thêm vào đó, cơn sốt đầu cơ và máy vụ bê bối nổi cộm của giới tư bản tài chính ở phố U-ôn, khiến cho thu nhập do đầu cơ phát lên, lợi nhuận và tỷ suất tăng, trong khi thu nhập do lao động và sáng tạo lại giảm xuống. Điều này làm cho người ta hoài nghi về giá trị của đồng đô la Mỹ, vốn được coi là “thước đo lao động và tài năng”.

Nước Mỹ mà tôi đã từng có thời gian sống cho thấy xã hội Hiệp chúng quốc Hoa kỳ bao gồm hai giai cấp lớn, giai cấp tư sản lũng đoạn rất hùng mạnh và giai cấp công nhân rất đông đảo. Hai giai cấp này vừa gắn bó với nhau, vừa đối lập nhau. Có người nói sau đại chiến thứ hai, chủ nghĩa tư bản đã thay đổi về chất, nhiều xí nghiệp vừa và

* Luật sư, Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội

nhỏ đã ra đời ; chủ nghĩa tư bản không còn là chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nữa. Nói như vậy là trái với thực tế ở Mỹ. Hoa kỳ là nơi mà tư bản lũng đoạn nhà nước và tư bản lũng đoạn tư nhân kết hợp với nhau. Nhờ đó, chúng càng củng cố vai trò thống trị của mình, bảo đảm bóc lột được lợi nhuận cao và ổn định. Sự bảo trợ của nhà nước đã tăng thêm khả năng tích lũy cho tư bản lũng đoạn, thúc đẩy áp dụng kỹ thuật mới, nâng cao năng suất lao động, tăng cường việc tạo ra và chiếm hữu giá trị thặng dư. Trong xu hướng độ dài ngày làm việc ngắn hơn, tỷ suất giá trị thặng dư cao lên. Ở Mỹ, tỷ suất giá trị thặng dư trong ngành sản xuất vật chất năm 1948 là 236,7% ; 1950 : 241,2% ; 1960 : 247,6% ; 1970 : 255% ; 1977 : 280,9%. Đúng là Mỹ rất giàu có và phúc lợi cao. Nhưng nên hiểu vấn đề “phúc lợi cao” ở Mỹ như thế nào ? Trước kia, từ giữa thế kỷ này trở về trước, chủ nghĩa tư bản bóc lột tàn khốc và trắng trợn. Quan hệ chủ thợ luôn căng thẳng. Từ giữa thập kỷ 50 trở lại đây, giai cấp tư bản lũng đoạn các nước thi hành chính sách cải lương, nhằm xoa dịu mâu thuẫn chủ thợ, mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản. Có người nói quan hệ chủ thợ đã chuyển sang quan hệ hợp tác. Đó chỉ là hình thức bên ngoài. Thực chất, chính sách cải lương thể hiện trên ba mặt : “nhà nước phúc lợi”, “công nhân tham gia quản lý xí nghiệp”, “công nhân mua cổ phần của công ty”.

“Nhà nước phúc lợi” thể hiện ở tiền lương cao, phúc lợi dồi dào, tiêu dùng phong phú. Giai cấp tư sản gọi hiện tượng bề ngoài đó là “chủ nghĩa tư bản phúc lợi”, “chủ nghĩa tư bản nhân dân”. Họ nói rằng chủ nghĩa tư bản đã xóa bỏ bóc lột. Thực ra, bất cứ ở xã hội nào, của cải xã hội đều do người lao động tạo ra, phúc lợi xã hội cũng vậy. Đối với người lao động làm thuê, bất cứ loại đãi ngộ phúc lợi nào, đều là một phần trong thành quả lao động do họ trực tiếp hoặc gián tiếp tạo ra và họ xứng đáng được quyền hưởng thụ.

Sản xuất tăng, đời sống công nhân có được cải thiện. Song công nhân không thoát khỏi địa vị làm thuê và bị bóc lột. Khi sản xuất đình đốn và suy thoái, người lao động là tầng lớp bị thiệt hại đầu

tiên. Quỹ phúc lợi và trợ cấp thất nghiệp dù có tăng đến đâu, cũng không thể giảm bớt và giải thoát được nỗi khổ của người thất nghiệp. Tiền trợ cấp thất nghiệp chỉ bằng khoảng 40% tiền lương ; và chỉ có 1/3 số người thất nghiệp được nhận tiền trợ cấp. Nhiều người thất nghiệp vì không có chỗ ở, nên không được hưởng trợ cấp. Họ phải sống bằng tiền cứu tế, có khi cả nhà phải lang thang đầu đường xó chợ, gia nhập đội quân “vô gia cư”, mùa rét phải chui vào các cầu tiêu công cộng chung quanh các công viên. Tại thành phố Niu Oóc, vào buổi sáng mùa đông tuyết phủ, mỗi ngày “xe chở thịt” của bệnh viện Bellevue đi thu lượng xác chết công của loại công dân mà dư luận Mỹ rất quen thuộc gọi là “dân sống ở vỉa hè”, chủ yếu kiếm ăn trong các thùng rác của thành phố tiêu biểu cho ngọn đuốc “nhân quyền” của “Nữ thần tự do” !

Sự tồn tại của đội quân thất nghiệp đông đảo, trong đó “công nhân cổ trắng” chiếm tới 60% tổng số thất nghiệp năm 1990 (tăng 10% so với 1982), cộng thêm lạm phát và giá cả tăng vọt, khiến tiền lương thực tế của công nhân giảm sút.

Do những nguyên nhân nói trên, số người sống dưới mức nghèo khổ (theo tiêu chuẩn của Mỹ), năm 1969 là 24,1 triệu ; năm 1983 : 35,3 triệu ; 1988 vẫn còn 31,9 triệu. Phân cực giàu nghèo ngày càng tăng. 1/5 số gia đình Mỹ thuộc loại giàu có nhất, số thu nhập của họ năm 1970 chiếm 40,9% tổng thu nhập cả nước, năm 1987 tăng lên tới 43,7%. Trong khi đó 1/5 số gia đình thuộc loại nghèo khổ, thu nhập của họ chỉ chiếm 5,4%, năm 1987 giảm xuống còn 4,6%. Theo một tài liệu của Hạ nghị viện Mỹ, 1/5 số gia đình loại giàu có nhất, thu nhập của họ từ 1973 đến 1983 đã tăng 24%, còn của 1/5 số gia đình nghèo giảm 11%. Như vậy, mặc dù ở Mỹ, số công nhân mua cổ phần rất đông, nhưng người nghèo vẫn nghèo, ngày càng nghèo thêm ; còn người giàu thì ngược lại.

Rõ ràng, tại các nước được gọi là “Nhà nước phúc lợi”, vẫn còn hàng triệu người nghèo khổ và thất nghiệp. Điều đó chứng tỏ chủ nghĩa tư bản

không thể giải quyết được vấn đề nghèo khổ, vấn đề xã hội lớn nhất và bức bách nhất của mọi chế độ. Nếu như trước kia chủ nghĩa tư bản là "roi vọt + nghèo khổ", thì nay nó là "phúc lợi + nghèo khổ". Xem ra chủ nghĩa tư bản là một xã hội không bao giờ có đầy đủ việc làm cho người lao động. Một khi hàng triệu người không có cơ may tìm được công việc ở xí nghiệp, họ không đơn thuần là người thất nghiệp nữa. Ở Mỹ cũng như ở các nước tư bản phát triển, người thất nghiệp là một lực lượng xã hội đông đảo có khả năng phủ nhận xã hội tư bản.

Vấn đề người da đen, tưởng như đã giải quyết được đến nơi rồi, thì lại căng thẳng trở lại. Đằng sau sự thành công của một giai tầng tư sản da đen, là thế giới kinh khủng của những khu nhà ổ chuột, bị ma túy và bệnh si đa tàn phá và nạn gia tăng tội phạm làm tê liệt. Và chưa bao giờ các nhà tù ở Mỹ lại đông kẻ phạm tội thuộc đủ màu da và sắc tộc như hiện nay : từ những người Mỹ da đỏ đã bỏ trốn khỏi các vùng đất dành riêng cho họ, nơi có tới 50% thất nghiệp, cho đến người nô lệ da đen gốc châu Phi... Họ bị bóc lột thậm tệ, bị lăng nhục, khinh rẻ, phân biệt đối xử, bị xã hội ruồng bỏ. Họ buộc phải vùng lên đòi quyền sống bằng con đường phạm pháp triển miên đang gây sợ hãi trên cả nước Mỹ.

Riêng về vấn đề phụ nữ, có thể nói, cho đến hôm nay, trong tất cả các nước tư bản phát triển, Mỹ là nước kỳ thị phụ nữ nhất. Điều tồi tệ này còn được nâng lên thành thể chế hợp pháp, hợp hiến.

Có người nói giai cấp công nhân Mỹ ngày nay không đấu tranh chống nhà nước Mỹ nữa. Đồng thời, nhà nước Mỹ đã thật sự trở thành "nhà nước mưu cầu phúc lợi chung". Đây là vấn đề rất cơ bản liên quan đến nguyên lý về nhà nước. Các học giả tư sản thường trình bày nhà nước là một cái gì tồn tại mãi mãi bên trên xã hội, và phải luôn luôn ở bên trên mọi lực lượng hoạt động xã hội. Như thế nhà nước có thể cầm cân nảy mực một cách công bằng, nghiêm minh và vô tư, làm dịu sự xung đột

không thể tránh được, làm đúng vai trò người trọng tài "điều hòa mọi mâu thuẫn".

Thực ra, họ đang che giấu vai trò và chức năng đích thực của nhà nước tư sản, một công cụ đặc lực của chuyên chính tư sản. Hiến pháp tư sản trưng bày những món hàng "đạo đức thuần túy" và "lý tính thuần túy" của nó. Dựa trên quan điểm duy tâm và phương pháp siêu hình, có người nghĩ rằng có thể có một kiểu hiến pháp "lý tưởng" nào đó làm mẫu mực chung cho bất kỳ nước nào, trong bất kỳ hoàn cảnh lịch sử và xã hội nào.

Chủ nghĩa Mác-Lê-nin cũng như thực tiễn lịch sử cho thấy rõ ràng không có, không thể có hiến pháp nào như thế. Là luật cơ bản của một nhà nước nhất định và là vũ khí của một kiểu chuyên chính nhất định, hiến pháp nào cũng ở trong khuôn khổ của một kiểu nhà nước nhất định, một kiểu chuyên chính nhất định. Mỗi loại hiến pháp đều mang nội dung giai cấp của nó. Không nhìn thấy rõ ranh giới này, mà đi đến chỗ nhập cục tất cả mọi hiến pháp theo một mẫu mực tưởng tượng chung nào đó, để mong có một kiểu hiến pháp "lý tưởng muôn đời", là hoàn toàn mơ hồ và sai lầm.

Hiến pháp tư sản chỉ chú trọng về mặt tổ chức chính quyền nhà nước sao cho chặt chẽ, nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp tư sản, và cho giai cấp này được sử dụng quyền lực ấy để phục vụ lợi ích của giai cấp mình. Còn đối với công nhân, nông dân và đông đảo nhân dân lao động, thì "dân chủ" chỉ là cái màn khói che đậy mọi thủ đoạn áp bức, bóc lột, bóp nghẹt tự do dân chủ. Ở Mỹ mà nói đến chuyện công nhân được quyền tham gia quản lý xí nghiệp là hoàn toàn hươu vượn.

Nhân quyền là quyền cơ bản của con người trong một xã hội. Xã hội có giai cấp không thể có con người đứng trên các giai cấp. Vì vậy, không thể nói đến con người chung chung siêu giai cấp, và quyền con người chung chung siêu giai cấp.

Chiếc gậy "ngoại giao nhân quyền" đang được chính quyền Oa-sinh-ton dùng để giương đồng kích tây, nhằm can thiệp thô bạo vào nội bộ các nước. Câu hỏi cần được Oa-sinh-ton giải đáp là : Tại sao

một nước lại có quyền tự cho mình thiên chức là “hiệp sĩ nhân quyền” đi dạy “bài học nhân quyền” cho cả thế giới ? Tại sao họ đi rao giảng đạo lý nhân quyền khắp thế giới, nhưng không biết thế giới đó nằm ngay ở cổng nhà mình ? Có gì họ “quan tâm sâu sắc” đến sự phân biệt sắc tộc và một thiểu số bị kỳ thị ở tận đâu đâu, mà không thấy địa ngục những khu nhà ổ chuột kiểu Hác-lem ở Niu Oóc và khắp nước Mỹ ? Vì lẽ gì họ coi việc “bảo vệ nhân quyền” là cơ sở chủ yếu của chính sách đối ngoại, nhưng lại tránh né, không coi nó là cơ sở chủ yếu của chính sách đối nội ? Thực tế cho thấy chính ở nước Mỹ, tình trạng vi phạm nhân quyền là nghiêm trọng và tệ hại nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa.

Lịch sử nước Mỹ từ chiến tranh Nam - Bắc Mỹ cho đến nay, là cả một thời kỳ giai cấp người lao động Mỹ bị đàn áp khủng bố liên tục, đẫm máu. Trong thời kỳ chiến tranh Nam - Bắc, năm 1863, Quốc hội liên bang thông qua một đạo luật quân sự, trong đó quy định ai đáng phải đi lính nhưng không muốn đi, có thể thuê người khác thay mình. Giá cả lúc ấy thường là 300 đô la một người. Các vị Morgan, Rockefeller mỗi người bỏ ra 300 đô la thuê người ra trận thay mình. Họ ở lại hậu phương và nhờ chiến tranh mà chẳng bao lâu trở thành vua thép và vua dầu mỏ.

Trong thời kỳ chiến tranh Nam - Bắc, ở miền Bắc, do ảnh hưởng của Mác, đã xuất hiện những người mác xít, họ trở thành đồng minh của giai cấp tư sản miền Bắc, cùng nhau đấu tranh. Sau chiến tranh Nam - Bắc, chủ nghĩa tư bản Mỹ mạnh lên, tiến tới lũng đoạn, cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư bản trong nước gia tăng kịch liệt. Lực lượng của những người mác xít bị rất nhiều hạn chế, không phát triển được, mặc dù họ đã ra đời rất sớm, sớm hơn cả ở Nga, Đức... Đó là vì giai cấp nhà tư bản ở Mỹ, ý thức được rất sớm và rất sâu sắc việc bảo vệ lợi ích giai cấp của họ và quyết liệt chống lại chủ nghĩa xã hội, chống lại phong trào công nhân. Họ vu cáo cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của người lao động là “bạo động cộng sản”, là “âm mưu cộng sản lật đổ chính quyền”. Có thể nói, giai cấp

nhà tư bản Mỹ có “truyền thống” chống cộng, mặc dù ở đó trong một thời kỳ lâu dài, không có một chính đảng cộng sản theo đúng nghĩa của từ này. Suốt 30 năm cuối thế kỷ 19, giai cấp nhà tư bản Mỹ đã huy động quân đội, cảnh sát, nhà tù tiến hành đàn áp với quy mô to lớn phong trào công nhân. Năm 1873, nổ ra khủng hoảng kinh tế, công nhân bãi công rầm rộ nhằm bảo vệ quyền sống. Chính phủ liên bang bèn điều động quân đội lúc ấy đang đóng ở miền Nam, đưa họ ra miền Bắc đàn áp công nhân. Năm 1877, công nhân đường sắt bãi công trong toàn quốc chống giới chủ giảm tiền lương. Chính phủ đem 10 vạn quân đội và cảnh sát khủng bố khắp nơi. Ngày 1-5-1886, chính quyền đã đàn áp đẫm máu cuộc đấu tranh của công nhân đòi ngày làm 8 giờ, vu cáo công nhân “âm mưu bạo động để lật đổ chính quyền liên bang”, xử tử nhiều người. Cũng có thể gọi thập kỷ 90 thế kỷ 19 là những năm đầy máu và nước mắt của người lao động Mỹ. Từ năm 1900 đến 1917, vẫn xảy ra liên tiếp những cuộc đàn áp công nhân. Thời kỳ từ cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến sau đại chiến thứ hai, chính quyền Oa-sinh-tơn thường vin cớ “âm mưu bôn sê-vich” để khủng bố phong trào công nhân rất tàn khốc với quy mô lớn.

Như vậy, giai cấp nhà tư bản Mỹ đã thuần hóa đội ngũ những người công nhân Mỹ bằng hai thủ đoạn. Một là mua chuộc tầng lớp trên của công nhân, biến họ thành lớp người trung thành với tư bản. Hai là đàn áp số còn lại một cách khốc liệt, liên tục, thẳng tay. Chính vì vậy mà ở Mỹ, phong trào công nhân rất yếu và công đoàn dần dần mất hết tính chất tiến bộ. Công đoàn không còn đấu tranh cho lợi ích thật sự của giai cấp công nhân nữa. Họ bất lực trong việc chống nạn thất nghiệp. Thậm chí, đúng như một học giả Pháp đã nói : Ở Mỹ, “Công đoàn đã tham gia guồng máy chiến tranh, nó có mục đích duy nhất là hù dọa hủy diệt toàn thể loài người. Công đoàn tạo ra và duy trì bộ máy đó nên cùng danh nghĩa với giới quân sự”. “Công đoàn trở thành hội viên của các tập đoàn các ông chủ”(1).

(1) Xem J.P. PALMIER : *Sur Marcuse*, Union générale d'Édition, Paris, 1968, tr 141.

Những tư liệu trên thật là quá ít ỏi. Song cũng đủ nói lên rằng vì sao chủ nghĩa đế quốc Mỹ là dinh lũy của các thế lực chống chủ nghĩa xã hội, chống các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Cũng khỏi phải nói rằng điều đó có mối liên hệ khăng khít nhường nào với mưu đồ bá quyền - một cực hiện nay của Oa-sinh-ton.

*

Nêu lên những sự thật trên đây, tôi muốn đi đến một nhận định : giữa lúc thế giới đang đổi thay, chúng ta chờ đợi ngộ nhận về nước Mỹ như là một thiên đường. Nước Mỹ mà nhiều người không biết đến, là một xã hội đang mang trong mình nó những ung nhọt vốn có của chủ nghĩa tư bản. Ở đó, một bộ phận đông đảo dân cư đang đau khổ, nhân phẩm bị chà đạp, không cơm ăn áo mặc, không nhà ở, không việc làm, đứng ngoài lề "xã hội tiêu thụ". Xã hội Mỹ đang chứa đựng mầm mống của những cuộc nổi dậy đòi quyền làm người, thách thức trực

tiếp những giá trị, những lý tưởng đạo đức Mỹ. Với trật tự thế giới mới, *xã hội tư bản Mỹ không thể nào là mô hình cho thế giới, đặc biệt là cho thế giới thứ ba đang thức tỉnh.*

Đành rằng những mâu thuẫn chồng chất trong xã hội Mỹ chưa đi đến chỗ bùng nổ. Về chính trị, xã hội Mỹ đang thoát ra khỏi hội chứng Việt nam và đang trên đà hồi sức. Họ vẫn nắm trong tay những chủ bài hùng mạnh, không gian rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại. *Cái đang thiếu nhất ở Mỹ, như trên đã nói, là họ cứ muốn phiêu lưu trong giấc mộng bá quyền làm chủ thiên hạ, điều khiển cả hành tinh, mà không ý thức thật rõ về những căn bệnh của mình.* Dù có giàu có đến đâu, *chủ nghĩa tư bản vẫn không giải quyết được hai vấn đề nóng bỏng nhất của loài người : đó là vấn đề xã hội và vấn đề dân chủ.*

Số mệnh này thuộc về chủ nghĩa xã hội.

Thế giới... (Tiếp theo trang 54)

châu Âu tương đối ổn định và yên tĩnh, mặc dù ở đó có hai khối quân sự đối lập lớn nhất thế giới. Trong lúc ở châu Á - Thái bình dương, chiến tranh và căng thẳng nối tiếp nhau diễn ra. Nay là điều ngược lại. Châu Âu chỉ còn một khối quân sự và một cộng đồng kinh tế, nhưng cuộc biến động ở Liên xô và Đông Âu đã chấm dứt thời kỳ ổn định của châu Âu. Trước mắt, châu Âu có khả năng trở thành một lục địa có nhiều mâu thuẫn nhất và mất ổn định nhất thế giới, và không loại trừ các cuộc nội chiến mang tính chất quốc tế. Trái lại, châu Á, nhất là khu vực Đông Á - Thái bình dương, giờ đây trở thành khu vực kinh tế phát triển năng động nhất thế giới. Tại châu Á, đặc biệt là tại Đông-Nam Á và Đông-Bắc Á, các lò lửa căng thẳng và xung đột đã và đang được dập tắt. Khu vực này đang có cơ sở để đi vào ổn định và phát triển. Do sự có mặt về lợi ích của tất cả các nước lớn, trật tự thế giới đa cực về căn bản đã hình thành ở khu vực này. Ở đây, Mỹ có mâu thuẫn với hầu hết với các nước trong khu vực cả về kinh tế lẫn chính trị và quân sự, cho nên Mỹ khó

lòng thực hiện được bá quyền ở địa bàn này.

Ba-là, Đông-Nam Á sau 45 năm chiến tranh và đối đầu nay đang đứng trước một triển vọng sáng sủa về hòa bình, hợp tác và hữu nghị. Đây là hệ quả trực tiếp của việc ký hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, đặc biệt là việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, quan hệ Việt nam - ASEAN, các cuộc đàm phán về bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ, việc tiếp cận hơn nữa giữa các nước lớn với từng nước trong khu vực...

Tóm lại, có thể thấy năm 1991 tình hình thế giới cực kỳ phức tạp, là năm quá độ từ một trật tự cũ đã bị phá vỡ nhưng trật tự mới chưa hình thành, các lực lượng tiến bộ và chủ nghĩa xã hội bị một tổn thất nghiêm trọng. Điều này tuy có gây ra những khó khăn to lớn cho phong trào cộng sản và công nhân thế giới, nhưng nó không quay ngược được xu thế chung của nhân loại là luôn luôn hướng về một thế giới hòa bình, ổn định, phồn vinh, công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội.



KHÔNG CÓ SỮA VÀ MẬT ONG TRONG TƯƠNG LAI CỦA LIÊN XÔ *

TÌNH cảm của tôi thật hỗn độn khi chứng kiến một trong những sự kiện quan trọng nhất diễn ra trong đời mình - sự sụp đổ của Liên xô. Tôi hoan nghênh các lực lượng dân chủ đã dũng cảm xuống đường. Nhân dân phải được tự do quyết định số phận của mình.

Nhưng tôi cũng cảm thấy kinh hoàng về vấn đề này. Thật giống như cho một bệnh nhân thở ô xy nguyên chất. Con sóc có thể giết chết bệnh nhân.

Đáng buồn là những cải cách lẽ ra phải được thực hiện cách đây 25 năm đã không diễn ra, và bây giờ chúng ta phải đương đầu với hai sự lựa chọn : *hoặc là một thể chế xơ cứng, mất lòng tin, trì trệ, chỉ nhận ra sự cần thiết phải cải cách khi đã quá muộn ; hoặc là một cuộc cách mạng chẳng ngon lành gì đang tuột ra khỏi mọi sự kiểm soát, không có người cầm lái, không có một cương lĩnh hoặc một hệ tư tưởng chỉ đạo ngoài chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa bè phái và một sự say đắm chủ nghĩa tư bản ngây thơ và không thực tế một cách đáng ngạc nhiên.*

Một đất nước có 27000 vũ khí

hạt nhân (15% bên ngoài biên giới nước Nga) đang tan vỡ từng mảnh.

Đừng chờ đợi ở En-xin, những câu trả lời. Đáng tiếc thay, En-xin chỉ là một khẩu đại bác nhà đạn bừa bãi...

Trong nhiều cuộc phỏng vấn, tôi thấy điều đáng buồn là nhiều công dân Liên xô đã quá ảo tưởng đối với phương Tây. Có những người hình như nghĩ rằng chủ nghĩa tư bản toàn là sữa và mật ong. Họ choáng ngợp trước vẻ hào nhoáng của đại lộ Ma-đi-xon. Ai cũng muốn có ngay những hàng tiêu dùng mà họ thấy trên máy thu hình hay trên phim ảnh. Điềm lại thì thấy Hô-li-út là lực lượng phá hoại hiệu nghiệm hơn cả CIA. Họ không thấy những chỗ nguy hiểm : bất công tăng vọt, thất nghiệp tràn lan, tệ phân biệt chủng tộc, tình cảnh không nhà ở, những cuộc khủng hoảng liên tục, như đang diễn ra ở Ba-lan.

Không còn sức đối trọng với Mỹ

Triển vọng hòa bình ra sao ? Những sự kiện diễn ra ở Liên xô vừa hứa hẹn, vừa đầy rẫy nguy cơ.

Nhưng điều lo lắng lớn nhất

của tôi là bây giờ Liên xô không còn sức đối trọng với Mỹ nữa. Dù chúng ta đánh giá Liên xô thế nào về những năm qua, chúng ta cũng không thể phủ nhận một điều là Liên xô đã có tác dụng ngăn chặn, thậm chí vô hiệu hóa chủ nghĩa phiêu lưu của Lầu năm góc. Chiến thắng của nhân dân Việt nam hẳn đã phải đầm máu hơn, khủng khiếp hơn, nếu không có sự giúp đỡ của Liên xô. Những tài liệu giải mật đã lộ ra những kế hoạch dùng vũ khí hạt nhân chống lại nhân dân Việt nam (kế hoạch "Chìm kền kền" năm 1954 và cuộc hành quân "Săn vịt" năm 1969). Chỉ vì sợ Liên xô trả đũa, nên người ta đã phải từ bỏ các kế hoạch đó.

Người ta có thể lý luận rằng vũ khí mạnh nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai là khẩu súng trường AK - 47 do Liên xô chế tạo chứ không phải bom nguyên tử. Sự tồn tại của Liên xô đầy nhanh tốc độ phát triển các phong trào chiến tranh du kích ở châu Á, châu Phi và quá trình phi thực dân hóa cho phần lớn loài người. Theo một nghĩa nào đó,

(*) Bài của Michio Kaku, giáo sư vật lý Trường đại học tổng hợp Niu Ốc, đăng trên tuần báo Mỹ *The Guardian* (Người bảo vệ), số ra ngày 11-9-1991

đấy mới là biến động xã hội vĩ đại nhất trong thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai chứ không phải cuộc chiến tranh lạnh, vì những phong trào đó tác động đến số dân đông đảo hơn.

Thế mà nay không còn đối trọng nữa, hẳn là CIA sẽ đối xử với cả thế giới như nó đang đối xử với châu Mỹ la tinh, nơi không có sức đối trọng. Nếu bạn muốn hình dung trật tự thế giới ra sao, hãy đến xem những khu nhà ổ chuột tồi tệ ở Ri-ô-đê Ha-nê-rô, những đội hành quyết ở Xan-va-đo, những hố chôn người bí mật ở Chi-lê. Học thuyết Mon-râu đã từng đầy dọa nhân dân Mỹ la tinh vào cảnh cơ cực suốt hai trăm năm, bây giờ sẽ mở rộng ra toàn thế giới.

Thế cân bằng - một trò chơi hút máu

Tôi cầu mong cho nhân dân Liên xô được mọi sự tốt lành. Nhân dân thế giới mang một nợ máu lớn đối với họ. Sau những tổn thất choáng váng, họ đã chiến đấu anh dũng và bền bỉ xây dựng quốc gia xã hội tại Xta-lin-grát. Sau cuộc khủng hoảng ai cũng nêu câu hỏi : cái gì đã xảy ra thế ? Rõ ràng là Goóc-ba-tốp đã đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc. Có lẽ phải cải tổ trước, rồi hãy thực hiện sự công khai.

Liên xô đã phạm sai lầm gì ? Nhiều sai lầm. Về chính trị, một chính sách đầy nhanh Liên xô đến sự sa sút là chính sách sai lầm giành lấy thế cân bằng chiến lược. Với giá trị tổng sản phẩm quốc dân chỉ bằng một phần của

Mỹ (1), Liên xô lại muốn đối chọi với Mỹ về từng hệ thống tên lửa đất liền, do đó Liên xô phải cố gắng gấp ba lần phương Tây để theo kịp họ. Thế cân bằng tạo ra ảo tưởng về sức mạnh trong khi nền kinh tế bị chảy máu đến kiệt quệ và những cải cách tối cần thiết thì bị trì hoãn không thực hiện được.

Kiểm điểm lại, thế cân bằng là một trò chơi hút máu, và hiển nhiên là Brê-giơ-nép đã mắc lừa lao vào trò chơi đó.

Một lần, có một phóng viên hỏi cựu tổng thống Mỹ Ri-gân : liệu chính sách của ông làm cho nước Nga chi phí đến suy sụp có quật lại ông khi mà 1200 tỷ đô la chi vào việc tăng cường vũ trang sẽ làm cho chính nước Mỹ suy sụp. Ri-gân đã có câu trả lời sáng suốt hiếm thấy : "Đúng thế. Nhưng họ sẽ suy sụp trước". Điều đó quả đã xảy ra đến chừng mực nào rồi.

Về ý thức hệ, Goóc-ba-tốp đã tạo ra một sự trống rỗng một cách vô ý thức. Người ta, nhất là những người nghèo, rất cần bám lấy một niềm tin nào đó. Một lý do khiến cho công nhân Mỹ dễ bảo đến thế, chính là nhiều người còn tin ở "giấc mơ Mỹ", rằng một tương lai tốt đẹp hơn chờ đón họ, nếu họ chịu khó làm ăn cần cù. Tôi tin rằng phần đông nông dân và nông trang viên ở Liên xô tin tưởng ở chế độ của họ, và thực tế đã hy sinh anh dũng vì tin rằng việc giúp đỡ cả loài người và bảo vệ đất nước họ là sự nghiệp chính nghĩa. Họ tự nguyện hy sinh để ủng hộ và giúp

đỡ người Trung quốc, người Việt nam, người Cu-ba và những người khác vì đó là chính nghĩa. Họ nghèo, nhưng họ chấp nhận số phận đó, vì họ hiểu rằng đấy là vì lợi ích chung.

Thế rồi Goóc-ba-tốp bỗng nói tất cả đều là vô ích, là lừa bịp, rằng chủ nghĩa cộng sản chỉ là sự lừa dối, họ hy sinh chẳng để làm gì cả. Các bạn sẽ cảm nhận ra sao nếu như chính các bạn đã tự nguyện chấp nhận khổ sở suốt 50 năm vì một sự nghiệp để rồi sau đó nghe người ta phán bảo rằng : tất cả những cái đó chỉ là một trò đùa tàn ác, một sự lừa đảo hoàn toàn ? Tất nhiên các bạn tức điên lên chứ ? Đó chính là điều đang xảy ra ở Liên xô. Là một nhà trí thức của Mát-xcơ-va mà Goóc-ba-tốp không hiểu nổi điều đó.

Nhân dân Liên xô từng chịu nhiều đau khổ, đã bị cướp mất ngôi sao chỉ đường, cướp mất lý tưởng về một xã hội công bằng không có giai cấp. Và chỗ trống rỗng về tư tưởng đó đang bị lấp liếm đi bằng đủ các thứ chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bè phái, chủ nghĩa vị chủng và sự thù hận.

Chủ nghĩa xã hội có chết thật không ? Tôi không tin như thế. Khát vọng và đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội chỉ chết khi trên trái đất đã có công bằng xã hội thực sự.

LA CÔN lược thuật

(1) Tổng thu nhập quốc dân Liên xô năm 1990 ước tính hơn 1500 tỷ đô la, so với Mỹ 4500 tỷ đô la. Năm 1978, Liên xô 1047 tỷ đô la, Mỹ 2106 tỷ đô la

ĐOÀN XÂY DỰNG KINH TẾ ĐỒNG THÁP 4. TỈNH LONG AN



Đồng chí LÊ ĐỒNG

Đoàn trưởng Đoàn XDKT Đồng Tháp

**Địa chỉ : Ấp 4
Xã Lượng Hòa
Huyện Bến Lức
Tỉnh Long an**

- Thành lập : 2-1985
- Diện tích khai hoang tỉnh giao : 7300 ha.
- Có lực lượng lao động tại chỗ và nơi khác đến ; có lực lượng cơ giới để thi công các công trình xây dựng và thủy lợi như máy cày, xáng cày, Kober, xe ủi đất, v.v...
- Đã khai hoang được trên 3000 ha và giao cho nhân dân các tỉnh như Long an, Hà sơn bình, Hải hưng v.v... sản xuất. Đang khai hoang tiếp số diện tích còn lại và sẽ giao cho các cá nhân, đơn vị và các địa phương nào trong nước có yêu cầu sử dụng để sản xuất các loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, v.v...
- Nhận thi công các công trình xây

dựng và thủy lợi theo yêu cầu của khách hàng.

Các cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước có các nhu cầu trên, xin mời đến liên hệ tại cơ sở Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp 4.

Hân hoan được đón tiếp quý khách

ТАПТИ КОНГШАН № 1-1992

Сообщение II пленума ЦК КПВ (VII созыва) ● ПЕРЕДОВАЯ - за выполнение социально-экономических задач 1992 года ДО МЫОЙ - Пресобразование государственного аппарата и обновление партийного руководства государством ● Социализм - теория и практика * ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Чтобы внести вклад в защиту и развитие марксизма - ленинизма. ЛЕ ЧУНГ НГУЕТ - О идентичности марксизма-ленинизма. ХОАНГ ТЫИ ГАО - Центральная проблема социальной политики. ● Исследования * ХО НГОК ДАЙ - Категория личности. ● Мнения и опыт * ДАО ЧИ УК - Некоторые основные вопросы по конституции. ВУ НГОК БИНЬ - Народонаселение и демографическое воспитание во Вьетнаме. ● Мир: проблемы, факты * ФАН ЗУАН НАМ - Мир 1991 года. НГО БА ТХАНЬ - США, о которых многие не знают.

REVIEW OF COMMUNISM No 1 - 1992

Communiqué of the 2nd Plenum of the 7th Party Central Committee ● EDITORIAL - Striving to implement the socio-economic tasks of 1992. ● ĐỒ MƯỢT - A further step in reforming the State apparatus and renovating the Party's leadership over the State. ● Socialism - Theory and Practice ★ TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Contributing to preserve and develop Marxism-Leninism. LÊ TRUNG NGUYỆT - On the all-embracing character of Marxism-Leninism. HOÀNG CHÍ BẢO : Man - the central problem of social policy. ● Research ★ HỒ NGỌC ĐÀI - The personal category. ● Opinions and Experience ★ ĐÀO TRÍ ÚC - Some fundamental problems concerning the Constitution. VŨ NGỌC BÌNH - Population and population education in Vietnam. ● The World : Problems and Events ★ PHAN DOÃN NAM - The world in 1991. NGÔ BÁ THÀNH - An America unknown to many.

REVUE DU COMMUNISME No 1 - 1992

Communiqué du 2e plénum du Comité central du PCV (issu du VII e Congrès national) ● EDITORIAL - S'appliquer à bien réaliser les tâches socio-économiques de l'année 1992 ● ĐỒ MƯỢT - Réformer d'un pas l'appareil d'Etat et rénover la direction du Parti vis-à-vis de l'Etat ● Le socialisme - Théorie et pratique ★ TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Pour contribuer à défendre et développer le marxisme-léninisme. LÊ TRUNG NGUYỆT - Sur l'entité du marxisme-léninisme. HOÀNG CHÍ BẢO - L'homme, le problème central des politiques sociales ● Etudes ★ HỒ NGỌC ĐÀI - La catégorie d'individu ● Opinions et expériences ★ ĐÀO TRÍ ÚC - Quelques problèmes fondamentaux sur la Constitution. VŨ NGỌC BÌNH - Le problème démographique et la sensibilisation de la population à ce problème au Vietnam ● Le monde : problèmes, événements ★ PHAN DOÃN NAM - Le monde en 1991. NGÔ BÁ THÀNH - Des "Etats - Unis" encore peu connus.

REVISTA DEL COMUNISMO No 1 - 1992

Comunicado del Segundo Pleno del Comité Central del Partido (VII congreso). ● EDITORIAL - Esforzarse por cumplir bien las tareas socio-económicas de 1992 ● ĐỒ MƯỢT - Reformar en un paso el aparato estatal y renovar la dirección del Partido sobre el Estado. ● El socialismo - Teoría y práctica ★ TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Por contribuir a defender y desarrollar el marxismo-leninismo. LÊ TRUNG NGUYỆT - Acerca de la entidad del marxismo-leninismo. HOÀNG CHÍ BẢO - El hombre - un problema central de la política social. ● Estudios ★ HỒ NGỌC ĐÀI - Categoría individual. ● Opiniones y experiencias ★ ĐÀO TRÍ ÚC - Algunas cuestiones elementales de la Constitución. VŨ NGỌC BÌNH - El problema demográfico y la educación demográfica en Vietnam. ● El mundo : problemas y acontecimientos ★ PHAN DOÃN NAM - El mundo en 1991. NGÔ BÁ THÀNH - Un Estados Unidos desconocido por muchas personas.

共产主义杂志一九九二年第一期

● 越南共产党第七届二中全会公报。● 社论：力争落实1992年社会经济任务。杜楠：进一步改革国家机关和改進黨对国家机關的领导。社会主义一理论及实践★陈春长：为保卫及发展马克思-列宁主义贡献。集中月：关于马克思-列宁主义的整体性。黄志翼：人-社会政策中心问题。● 研究★胡玉大：个人范畴。● 意見及經驗★陶知澳：有关国家献法的几个基本问题。武正平：越南人口及人口教育问题。国际问题及事件★潘尹南：1991年国际局势。曼伯成夫人：多人未知的美国。

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG KHÁCH HÀNG

Sản phẩm mới

MIMOSA



Nhà máy thuốc lá Sài Gòn

Địa chỉ : 152 Trần Phú - Q.5 - TPHCM

Tel : 57052 - 53138





NHÀ MÁY BỘT NGỌT TÂN BÌNH - VIFON

6/1B phường 15, Q. Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : 41833 - 45447

Fax : 84-8-50546

**Chuyên sản xuất các loại thực phẩm
chế biến với chất lượng cao :**

- MÌ ĂN LIỀN.
- BÁNH PHỒNG TÔM.
- BỘT GIA VỊ V.V...
- SẢN PHẨM ĐƯỢC SẢN XUẤT TRÊN CÁC
THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI VÀ KHÉP KÍN.
- SẢN PHẨM VIFON ĐÃ XUẤT KHẨU SANG :
PHÁP, BA LAN, LIÊN XÔ...
- CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CAO, ĐẠT TIÊU
CHUẨN XUẤT KHẨU
- PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LINH HOẠT



VIFON

**VIFON HÂN HẠNH
ĐÓN CHÀO QUÝ KHÁCH**

Digitized by Google

Giá : 1500 đ

4/29

Tạp chí Cộng sản

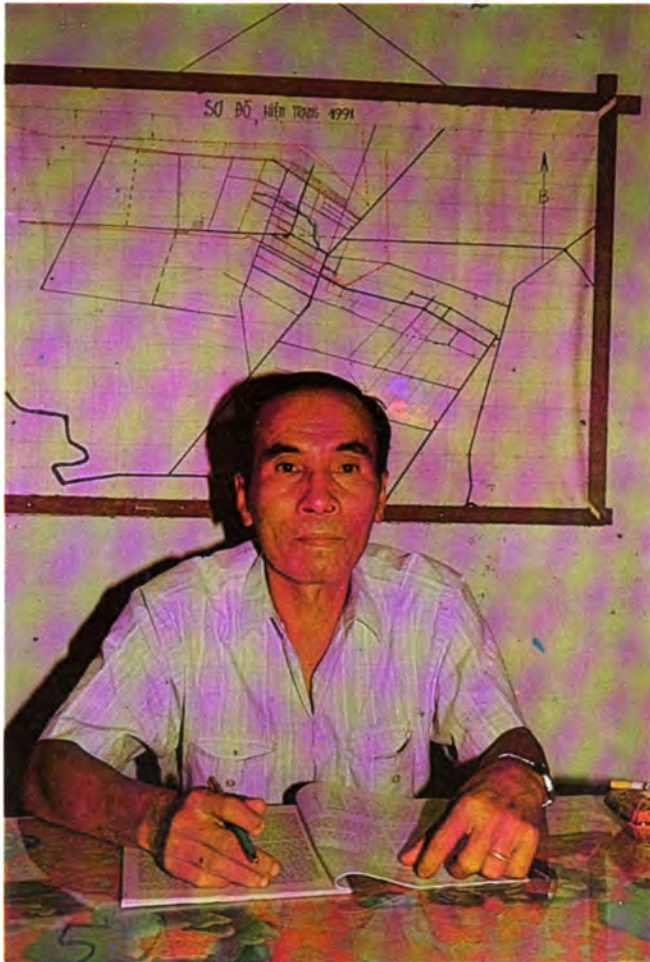


2

1992

Digitized by Google

ĐOÀN XÂY DỰNG KINH TẾ ĐỒNG THÁP 4. TỈNH LONG AN



Đồng chí LÊ ĐỒNG
Đoàn trưởng Đoàn XDKT Đồng Tháp

Địa chỉ : Ấp 4
Xã Lương Hòa
Huyện Bến Lức
Tỉnh Long An

- Thành lập : 2-1985
- Diện tích khai hoang tỉnh giao : 7300 ha.
- Có lực lượng lao động tại chỗ và nơi khác đến; có lực lượng cơ giới để thi công các công trình xây dựng và thủy lợi như máy cày, xăng cạp, Kober, xe ủi đất, v.v...
- Đã khai hoang được trên 3000 ha và giao cho nhân dân các tỉnh như Long an, Hà Sơn Bình, Hải Hưng v.v... sản xuất. Đang khai hoang tiếp số diện tích còn lại và sẽ giao cho các cá nhân, đơn vị và các địa phương nào trong nước có yêu cầu sử dụng để sản xuất các loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, v.v...
- Nhận thi công các công trình xây dựng và thủy lợi theo yêu cầu của khách hàng.

Các cá nhân, đơn vị trong và ngoài nước có các nhu cầu trên, xin mời đến liên hệ tại cơ sở Đoàn xây dựng kinh tế Đồng Tháp 4.

Hân hạnh được đón tiếp quý khách



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2.1992 NĂM THỨ XXXVIII (434)

MỤC LỤC

Xã luận	Độc lập tự chủ, tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ đất nước	3
Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	ĐOÀN CHUƠNG - Bài học thời đại SÓNG TÙNG - Vì sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên xô sụp đổ ? NGÔ ĐÌNH GIAO - Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ★★★ Quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác báo chí, xuất bản	5 10 14 18
Nghiên cứu - Trao đổi	NGUYỄN VĂN ĐỘNG - Vấn đề nhà nước pháp quyền TRẦN ĐÌNH HUỖNH - Uy tín chính trị của Đảng LÊ VĂN TUẤN - Thực trạng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội, dân cư PHẠM VĂN NGHIÊN - Thông tin trong nền kinh tế thị trường HOÀNG CÔNG - Chính trị học là gì ?	22 26 29 34 36
Ý kiến và kinh nghiệm	HÀ MẠNH TRÍ - Tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực kinh tế VƯƠNG CƯỜNG - Xây dựng kinh tế hộ gia đình thành đơn vị sản xuất hàng hóa PHƯƠNG HẠNH - Quan hệ giữa đảng bộ, chính quyền và đoàn thể ở xã Đông Thạnh DOÃN HUỆ - Sản xuất hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu long	40 44 47 49
Sinh hoạt và tư tưởng	NHỊ LÊ - Phù... suy !	53
Thư gửi Bộ biên tập	THANH CAO - Cần quan tâm hơn nữa đến công tác đảng ở ngoài nước HÀ VĂN THÙY - Nông nghiệp của thế kỷ 21	54 56
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VŨ HIỀN - Về chủ nghĩa tư bản hiện đại	59
Qua sách báo nước ngoài	★★★ Nguyên nhân Liên xô sụp đổ	62

Bìa 1 : *Sức sống mới*

Ảnh : ĐỖ HUÂN

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
TP Hồ Chí Minh - Dây nói : 25768

СОДЕРЖАНИЕ

● **Передовая** - Строить и защищать нашу Родину, придерживаясь политики независимости, самостоятельности, опоры на собственные силы. ● **Социализм - теория и практика** * ДОАН ТЬМОНГ - Поучительный урок эпохи. ШОНГ ТУНГ - Что привело к краху реалистического социализма в Советском Союзе и Восточной Европе? НГО ДИНЬ ЗАО - О рыночном механизме, управлением государством. *** Введение в действие основных политических установок Партии в журналистской и печатной работе. ● **Исследования - обмен мнениями** * ШУЕН ВАН ДОНГ - О правовом государстве. ЧАН ДИНЬ ГУНЬ - Политический авторитет Партии. ЛЕ ВАН ТУАН - Положение социально-демографической структуры и тенденции ее изменения. ● **Мнения и опыт** * ХА МАНЬ ЧИ - Усиление надзора за соблюдением закона в области экономики. ВЬОНГ КЬОНГ - Превращение хозяйственной семьи в товарнопроизводительную единицу. ● **Мир: проблемы, факты** * ВУ ХИЕН - О современном капитализме.

CONTENTS

Editorial - Building and defending our country in the spirit of independence, sovereignty and self-reliance. ● **Socialism - Theory and Practice** * ĐOÀN CHUƠNG - A lesson of the era. SÔNG TÙNG - Why has realistic socialism in Europe and the Soviet Union disintegrated? NGÔ ĐÌNH GIAO - On market mechanism with the State management. *** Thoroughly grasping the basic viewpoints of the Party relating to the press and publication ● **Research - Exchange of Views** * NGUYỄN VĂN ĐỘNG - The State and the legislative power. TRẦN ĐÌNH HUỖN - The Party's political prestige. LÊ VĂN TUẤN - Some real situations and changing tendencies in our social structure and population ● **Opinion and Experience** * HÀ MẠNH TRÍ - Strengthening the control over the observance of the law in the economic field. VƯƠNG CƯỜNG - Making household economy a source of goods production ● **The World - Problems and Events** * VŨ HIỀN - On modern imperialism.

SOMMAIRE

Editorial - Indépendants et souverains, bâtissons et défendons notre pays par nos propres forces ● **Le socialisme - Théorie et pratique** * ĐOÀN CHUƠNG - La leçon de l'époque. ● SÔNG TÙNG - Pourquoi le socialisme réaliste en Europe de l'Est et en URSS s'est-il effondré? NGÔ ĐÌNH GIAO - Sur le mécanisme de marché doté d'une gestion étatique. *** S' imprégner des points de vue fondamentaux du Parti sur la presse et l'édition ● **Études-Echanges** * NGUYỄN VĂN ĐỘNG - Sur l'état de droit. TRẦN ĐÌNH HUỖN - Le prestige politique du Parti. LÊ VĂN TUẤN - L'état actuel de la transformation de la structure de la société, de la population et ses tendances. ● **Opinions et expériences** * HÀ MẠNH TRÍ - Renforcer le contrôle du respect des lois dans le domaine économique. VƯƠNG CƯỜNG - Faire de chaque foyer une unité de production marchande ● **Le monde : problèmes, événements** * VŨ HIỀN - Sur le capitalisme moderne.

SUMARIO

Editorial - Contar sobre la independencia, la soberanía y los propios esfuerzos para edificar y defender el país ● **El socialismo - Teoría y práctica** * ĐOÀN CHUƠNG - La lección de la época. SÔNG TÙNG - Por qué el desmoronamiento del socialismo realista en Europa Oriental y en la Unión Soviética? NGÔ ĐÌNH GIAO - Sobre el mecanismo de mercado gestionado por el Estado. *** Asimilación de los fundamentales criterios del Partido concernientes al trabajo de prensa y edición ● **Estudios - Intercambios** * NGUYỄN VĂN ĐỘNG - Acerca del Estado de derecho. TRẦN ĐÌNH HUỖN - El prestigio político del Partido. LÊ VĂN TUẤN - El actual estado y la tendencia de mutación de la estructura social y poblacional. ● **Opiniones y experiencias** * HÀ MẠNH TRÍ - Consolidar la supervisión sobre el cumplimiento de las leyes en el terreno económico. VƯƠNG CƯỜNG - Edificar la economía de los núcleos familiares en unidad de producción mercantil ● **El mundo : problemas y acontecimientos** * VŨ HIỀN - Sobre el capitalismo moderno.

目录

社論：独立自主、自力自強地建設及保卫祖國。**社会主义—理論及實踐**：殷章：时代的教訓。双松：东欧及苏联的社会主义制度为什么崩潰？吳偉文：評在國家管理下的市場。***貫徹党在书报杂志出版事业方面的基本观点。**研究及討論**：阮文潤：論法權國家。陳偉黃：党的政治威信。黎文俊：社会結構及居民变动的实况及趋向。**意見及經驗**：何孟知：对经济活动上的遵紀守法要加強監督。王強：把家庭经济建設成商品生产單位。**世界：問題及事件**：武賢：論現代資本主义。

Xã luận

ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, TỰ LỰC TỰ CƯỜNG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC

BÀI học quý báu được rút ra từ quá trình đấu tranh cách mạng hơn sáu thập kỷ qua của Đảng ta, nhân dân ta là phải luôn luôn kiên định cách mạng, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường xây dựng và bảo vệ đất nước. Khi nào không quán triệt đầy đủ những tư tưởng đó thì cách mạng gặp khó khăn, ngả nghiêng, thậm chí thất bại.

Lịch sử có nhiều thí dụ sinh động về điều đó. Chẳng hạn :

- Những năm đầu thành lập Đảng, do chịu ảnh hưởng đường lối "tả" khuynh của Quốc tế cộng sản cho nên có lúc chúng ta đã quá nhấn mạnh tới yếu tố giai cấp, xem nhẹ yếu tố dân tộc, nhìn nhận các giai cấp trong xã hội không phù hợp với thực tiễn Việt nam. Từ đó dẫn đến trong mặt trận dân tộc thống nhất chỉ tập hợp công nông và những người lao khổ, gạt bỏ mọi nhân tố dân tộc và yêu nước trong các giai cấp và tầng lớp xã hội khác.

Song, những thiếu sót nêu trên không kéo dài. Thực tế đã giúp Đảng ta nhìn nhận vấn đề một cách đúng đắn, sát thực hơn. Năm 1936, khi nguy cơ phát xít và chiến tranh thế giới đến gần, Đảng ta đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập hợp tất cả các lực lượng yêu nước, các tầng lớp nhân dân vào mặt trận đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống và hòa bình, chống phản động thuộc địa và chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh. Năm 1941 Đảng lập Mặt trận Việt minh, xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh quân sự với sự nổi dậy của quần chúng. Nhờ thế, tháng Tám năm 1945, khi thời cơ đến, nhân dân ta từ Bắc chí Nam đã đồng loạt vùng lên tổng khởi nghĩa, và trong vòng không đầy hai tuần lễ đã giải phóng toàn bộ đất nước, giành chính quyền về tay nhân dân.

Tiếp sau đó, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, Đảng đã chủ động vạch ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính ; vừa huy động, vừa bồi dưỡng sức dân ; tranh thủ sự ủng hộ của bè bạn quốc tế. Nhờ đó, lực lượng mọi mặt của kháng chiến ngày càng phát triển, ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, làm thất bại nhiều chiến lược và chiến thuật của đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ, cuối cùng giành chiến thắng quyết định, miền Bắc nước ta sạch bóng quân thù.

- Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Đảng ta chủ trương tiến hành cải cách ruộng đất kết hợp với chỉnh đốn tổ chức. Đây là một chủ trương hoàn toàn đúng và cần thiết. Song, do áp dụng kinh nghiệm của nước ngoài một cách giáo điều, máy móc, cho nên chúng ta đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng. Sai lầm nghiêm trọng nhất là đã đánh vào chính nội bộ Đảng, làm cho Đảng suy yếu.

Kịp thời nhận ra sai lầm đó, Đảng đã khẩn trương tiến hành sửa sai, phong trào quần chúng đã dần dần được khôi phục, các mặt kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh tiếp tục được giữ vững và phát triển mạnh. Miền Bắc thật sự giữ được vai trò là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ sau này.

- Khi Hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, nước ta tạm chia làm hai miền. Đế quốc Mỹ thay chân đế quốc Pháp ra sức phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, nâng lên cổ đồng bào ta ở miền Nam ách thống trị thực dân mới. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, Đảng ta đã không chịu sức ép từ bên ngoài, kiên quyết vạch ra và lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đảng ta đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân tiến bộ trên thế giới. Nhờ đó, nhân dân ta đã đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ,

một cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, dài ngày nhất và ác liệt nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta tập trung sức lực để lãnh đạo đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đảng cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng cũng phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan, gây ra nhiều hậu quả tai hại. Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng ta đã nghiêm khắc tự phê bình về những khuyết điểm nêu trên và đề ra đường lối đổi mới. Đường lối đổi mới của ta không theo mô hình và khuôn mẫu của bất cứ nước nào. Đó là đường lối đổi mới mang màu sắc Việt nam, phù hợp với thực tế Việt nam. Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng có nguyên tắc và bước đi phù hợp. Đảng ta luôn luôn khẳng định đổi mới nhưng phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy, công cuộc đổi mới của chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên, khẳng định con đường chúng ta đang đi và cách chúng ta đang làm là đúng đắn.

*

TRONG tình hình hiện nay, thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu; bọn đế quốc và phản động đang ra sức bao vây, cô lập, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta; nền kinh tế - xã hội của chúng ta còn rất nhiều khó khăn, chưa ra khỏi khủng hoảng. Trong tình hình ấy, không có cách nào khác là chúng ta phải tiếp tục nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước. Trước kia đã như vậy, bây giờ càng phải như vậy. Không ai nghĩ thay và làm thay cho chúng ta. Không thể ngồi chờ viện trợ cho không từ bên ngoài. Trong thời buổi bây giờ, viện trợ, hợp tác làm ăn là "có đi có lại", "hai bên cùng có lợi". Đi vay tất nhiên là cần, nhưng vay cũng phải lo trả nợ, cả vốn và lãi. Càng không thể trông chờ vào "lòng tốt" của chủ nghĩa đế quốc để xây dựng chủ nghĩa xã hội!

Tóm lại, chúng ta phải xây dựng và bảo vệ đất nước bằng chính sức lực và trí thông minh của mình, cũng giống như trước đây Bác Hồ đã căn dặn phải đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ phương châm chỉ đạo công cuộc đổi mới ở nước ta là tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước.

Đương nhiên, chúng ta cần hiểu đúng nội dung tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường. Độc lập tự chủ, tự lực tự cường không phải là co mình lại, khép kín cửa, không quan hệ với ai, hẹp hòi, biệt phái. Trong thời đại ngày nay không có một quốc gia dân tộc nào phát triển được mà không mở cửa với bên ngoài, đoàn kết và hợp tác quốc tế. Đảng ta trước sau như một, luôn luôn chủ trương độc lập tự chủ, tự lực tự cường phải gắn liền với đoàn kết và hợp tác quốc tế; coi kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một bài học quý, là quy luật phát triển của cách mạng Việt nam.

Trong tình hình hiện nay, Đảng ta càng đặc biệt nhấn mạnh phải kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, độc lập tự chủ kết hợp với mở rộng đoàn kết và hợp tác quốc tế. Tại Đại hội VII, Đảng ta đã trình trong tuyên bố: Với chính sách đối ngoại rộng mở, Việt nam muốn "là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"⁽¹⁾. Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Nhưng càng mở rộng quan hệ đoàn kết và hợp tác quốc tế, chúng ta càng phải giữ vững tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường; không ý lại và lệ thuộc bên ngoài. Thực tế cho thấy chỉ có độc lập tự chủ, tự lực tự cường thì mở rộng đoàn kết hợp tác quốc tế mới có hiệu quả, vừa phát triển nhanh vừa giữ gìn được bản sắc dân tộc.

Đảng ta là một đảng được tôi luyện và thử thách trong muôn vàn gian khổ khó khăn, từng trải và dày dạn trong đấu tranh cách mạng. Nhân dân ta, dân tộc ta có ý thức tự lực tự cường và tự tôn dân tộc rất cao, đã từng gan góc chống lại những thế lực xâm lược lớn hơn mình gấp bội để giữ gìn đất nước và bản sắc văn hóa dân tộc mình. Đó là những điều kiện rất thuận lợi để chúng ta giữ vững và nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực tự cường trong công cuộc xây dựng và bảo vệ nước Việt nam yêu quý của chúng ta.

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 147

BÀI HỌC THỜI ĐẠI

ĐOÀN CHƯƠNG *

THÁNG 11 năm 1917, "mười ngày rung chuyển thế giới". Tháng 8 năm 1991, "sáu ngày đảo lộn toàn cầu" (19 - 24/8/1991). Cái sau đã phủ định thực thể của cái trước, nhưng không bao giờ phủ định được ý nghĩa vĩnh cửu, ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười. Cờ đỏ trên điện Crem-li đã hạ xuống trong đêm Nô-en 1991. Nhưng ánh sáng của ngọn cờ đỏ ấy đã đi khắp năm châu và vĩnh viễn sống trong lòng nhân loại tiến bộ. Tuy nhiên, tại sao thành trì vĩ đại của cách mạng thế giới lại sụp đổ nhanh chóng như vậy? Đây là vấn đề cần được nghiên cứu rất nghiêm túc.

Cách mạng "một ngày bằng 20 năm". Còn sự sụp đổ của Liên bang xô viết tồn tại suốt gần 70 năm chỉ trong 6 ngày! Điều đó gây nên bàng hoàng là điều dễ hiểu. Cái gì cũng có nguyên nhân của nó và nguyên nhân ở đây quả là phức tạp. Nhưng có thể hình dung như sau: một là "mối xông nhà". Ai đã biết mối xông nhà sẽ hiểu rằng khi mối đã xông hết cột kèo lên đến nóc thì đổ sụp là điều tất yếu. Hai là sai một ly đi một dặm. Một khi đã sai về đường lối cơ bản thì hậu quả là khôn lường. Và ba là, một khi có sự lộn xộn, phá hoại, phản bội từ bên trong thì tình hình vô cùng nguy hiểm. Tất cả những yếu tố đó cộng lại, đã nhân tai hại lên gấp bội.

Còn sự sụp đổ ở trung tâm cách mạng? Cũng không phải cái gì khó hiểu. Về phía chủ nghĩa đế quốc, trước đây đã có lúc Anh tuyên bố "mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh". Hít-le cũng đã từng cao giọng nói rằng "Giéc-manh là giống

người thượng đẳng". Còn Nhật có thuyết Đại Đông Á. Nhưng trung tâm phản cách mạng ngày nay lại ở Mỹ. Còn cách mạng, trước kia, Đức đã từng là trung tâm. Nhưng với sự phản bội của Béc-xtanh, Cao-xky trong Quốc tế II, trung tâm cách mạng đã chuyển về nước Nga với Lê-nin, người thầy của cách mạng thế giới. Ngày nay, vị trí trung tâm ấy bị mất cũng không phải điều gì phi lịch sử. Cách mạng có lúc cao trào, có lúc thoái trào, là lẽ tự nhiên.

Thành công có bài học của thành công, thất bại có bài học của thất bại. Bất kỳ trường hợp nào, nếu biết rút ra bài học, thì có ý nghĩa lớn lao, góp phần hoàn thiện "bách khoa toàn thư" của cách mạng. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô là thất bại lớn của cách mạng, và tất nhiên mang lại bài học lớn của thời đại. Còn lâu mới khai thác hết mọi khía cạnh, nhưng có thể rút ra những bài học cấp thiết sau đây:

1 - Rõ ràng, cuộc đấu tranh "ai thắng ai" là quy luật tất yếu của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Đông Âu và Liên xô, bọn đế quốc và phản động lớn tiếng reo rao rằng "chủ nghĩa xã hội đã hết thời". Và có người hoài nghi rằng: thời đại này có còn là thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội nữa không? Sự thật, thời đại là tiến trình khách quan của xã hội loài người, đâu phải tùy thuộc ý muốn chủ quan của con người.

* Trung tướng, Phó viện trưởng Viện nghiên cứu chiến lược

Những biến động chính trị - xã hội ở Đông Âu và Liên xô càng chứng tỏ rằng đấu tranh "ai thắng ai" vẫn là quy luật tất yếu của thời kỳ quá độ. Sự chuyển hóa giữa hai mặt đối lập trong cuộc đấu tranh này chỉ phản ánh sự thay đổi cán cân so sánh lực lượng nhất thời, chứ chưa phải là tiếng nói cuối cùng, chưa phải là tiếng còi kết thúc trận đấu. Cách mạng đầu phải là con đường thẳng tắp mà lắm chông gai, khúc khuỷu.

Thời đại ngày nay mở đầu bằng cột mốc lịch sử Tháng Mười 1917. Lần đầu tiên, giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức đứng lên tự giải phóng và xây dựng xã hội mới : xã hội xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc mất một vị trí quan trọng. Mười bốn nước đế quốc hợp sức can thiệp hòng bóp chết chủ nghĩa xã hội trong trứng nước, nhưng chúng đã thất bại. Đó là thất bại kép lần đầu tiên của chúng. Đến chiến tranh thế giới thứ hai, lúc đầu chủ nghĩa đế quốc đánh diệt lẫn nhau, sau hòng diệt nốt chủ nghĩa xã hội. Nhưng kết cục, chủ nghĩa xã hội phát triển thành một hệ thống thế giới. Chúng lại bị thất bại kép một lần nữa. Bị thất bại sâu cay, chúng đã biết rút kinh nghiệm, nên lần này giành được thắng lợi nhất định. Còn phía cách mạng, do liên tiếp thắng lợi, nên dễ sinh ra chủ quan, mất cảnh giác. Ngay từ năm 1959 đã có luận điểm cho rằng chủ nghĩa xã hội không chỉ thắng lợi hoàn toàn mà đã thắng lợi triệt để ; rằng chủ nghĩa cộng sản có thể được thiết lập ngay trong thế hệ những người đang sống lúc đó. Nghĩa là không còn nguy cơ phục hồi chủ nghĩa tư bản ! Chủ quan mất cảnh giác là một nguyên nhân sâu xa dẫn đến thất bại lần này.

Xóa bỏ chủ nghĩa xã hội là lẽ sống còn, là mục tiêu bất di bất dịch của chủ nghĩa đế quốc. Bọn đế quốc thực hiện điều này khi bằng quân sự, khi dùng hòa bình, và thường kết hợp cả hai, tuy

nặng nhẹ có khác nhau. Khi còn chiếm ưu thế về quân sự, chúng chủ yếu dùng quân sự, dùng chiến tranh, cố nhiên không coi nhẹ kết hợp các mặt khác. Nhưng chúng đã thất bại về quân sự, và tất nhiên các mặt khác cũng kém hiệu lực. Khi đã mất ưu thế về quân sự, trong điều kiện của sự cân bằng về chiến lược, đặc biệt là khi đã lợi dụng được khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, thì bọn đế quốc chủ yếu chuyển sang áp dụng chiến lược diễn biến hòa bình. Chúng phá chủ nghĩa xã hội từ trong phá ra, kết hợp với bao vây, cấm vận kinh tế, răn đe về quân sự, gây áp lực từ bên ngoài. Cố nhiên, không bao giờ chúng buông lơi mặt quân sự, vì hiếu chiến là bản tính cố hữu của chủ nghĩa đế quốc.

Trong cuộc đấu tranh lâu dài giành độc lập tự do, chúng ta đã quen đối phó với chiến tranh và ít nhiều có kinh nghiệm về mặt này, nhưng đối với diễn biến hòa bình thì còn là mới mẻ.

Trong khi đó, chúng ta lại thiếu những đối sách cụ thể và có hiệu lực. Qua thực tiễn Đông Âu và Liên xô, có thể thấy công thức chủ yếu của diễn biến hòa bình là đa nguyên chính trị cộng với kinh tế thị trường tự do, trong đó đa nguyên chính trị là khâu đột phá. Diễn biến hòa bình thực chất là một cuộc phản cách mạng hòa bình. Mục tiêu của nó vẫn là giành chính quyền. Nên thấy rằng bọn đế quốc theo đuổi mưu đồ này rất lâu dài theo kiểu "mưa dầm thấm lâu". Chúng tiến hành dai dẳng, thế hệ này chưa được thì tiếp tục tác động vào thế hệ sau của đội ngũ cán bộ và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa. Trong diễn biến hòa bình, thì đa nguyên chính trị là ngón đòn lợi hại nhất. Thực chất đây là con đường nhằm hạ bệ đảng cộng sản, không cho đảng cộng sản cầm quyền. Thủ đoạn diễn biến hòa bình khá tinh vi, phức tạp. *Một mặt*, bọn đế quốc bao vây cấm vận kinh tế, không chuyển nhượng vốn và kỹ thuật tiên

tiến, gây trở ngại cho các nước xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, chúng không ngừng đe dọa về quân sự, buộc các nước xã hội chủ nghĩa phải chi phí rất lớn cho quốc phòng. Khi cần thiết, chúng can thiệp vũ trang, tiến hành xâm lược trắng trợn. *Mặt khác*, thâm độc hơn, chúng tiến công phối hợp trên nhiều mặt: tư tưởng, chính trị, văn hóa, thông tin. Trong thời đại bùng nổ thông tin, cuộc tiến công tổng lực vừa nói càng có hiệu lực. Qua mọi phương tiện thông tin hiện đại, chúng tuyên truyền tư tưởng tự do dân chủ tư sản, lối sống thực dụng phương Tây. Chúng bơm to những khuyết điểm, sai lầm của chủ nghĩa xã hội, kích động những bất mãn và mâu thuẫn nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa xoay quanh các vấn đề tự do dân chủ, kinh tế, đời sống, dân tộc và tôn giáo... Từ đó, chúng tạo dựng ngọn cờ và lực lượng đối lập trong xã hội, chia rẽ nội bộ đảng, làm cho đảng tự diễn biến, thay màu đổi sắc, vô hiệu hóa các công cụ chuyên chính, làm rối loạn an ninh, gây mất lòng tin trong nhân dân đối với sự lãnh đạo của đảng và nhà nước. Trong khi đó, các lực lượng đối lập nổi lên gây sức ép buộc đảng cộng sản cầm quyền chấp nhận đa nguyên chính trị, đòi thực hiện cái gọi là "tuyển cử tự do", từ đó hạ bệ bằng được đảng cộng sản, nắm lấy chính quyền, dùng nó làm công cụ để phục hồi chủ nghĩa tư bản.

2 - Xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta vững mạnh và ưu việt để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai". Chủ nghĩa xã hội không phải là một sai lầm của lịch sử như bọn đế quốc và phản động rêu rao, mà là một sản phẩm tất yếu của lịch sử, là kết quả của quá trình vận động hợp quy luật của xã hội loài người, là nấc thang cuối cùng mà con người rút cuộc đã nắm bắt được trên hành trình trải dài nhiều nghìn năm. Chủ nghĩa xã hội có sứ mệnh lịch sử giải phóng

xã hội, giải phóng con người một cách triệt để. Nhưng thiết kế và thi công xây dựng được một xã hội như thế không phải dễ. Từ một lý tưởng khoa học và cách mạng, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực hơn 70 năm nay và trở thành một hệ thống thế giới hơn 40 năm nay. Nó đã biến nhiều nước nói chung vốn lạc hậu thành tiên tiến, có nước trở thành siêu cường như Liên xô (trước đây). Nó tỏ rõ sức sống mãnh liệt trong mọi thử thách của lịch sử. Nó cổ vũ và mở đường cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức. Với thực lực của nó, với hệ thống thế giới của nó, chủ nghĩa xã hội đã có tác động tích cực đến nền chính trị thế giới. Những đổi thay tiến bộ của thời đại đều có dấu ấn tác dụng và ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội. Có thể khẳng định lại rằng chủ nghĩa xã hội đã từng là nhân tố quyết định xu hướng phát triển của xã hội loài người.

Tính tập trung cao và chủ nghĩa quốc tế đã từng là những thế mạnh của chủ nghĩa xã hội. Những yếu tố này đã phát huy tác dụng tích cực trong điều kiện lịch sử khi chủ nghĩa đế quốc bao vây và đối địch quyết liệt. Nhưng biện chứng của sự vật là từ ưu điểm đến khuyết điểm chỉ trong gang tấc. Tính tập trung cao bị tuyệt đối hóa và vận dụng không đúng nơi, đúng lúc, đã hạn chế dân chủ và vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Hiểu và vận dụng tinh thần quốc tế vô sản một cách máy móc, xơ cứng, đã đi đến gạt bỏ việc xuất phát từ đặc điểm cụ thể của từng nước. Chủ nghĩa quốc tế bị lạm dụng ảnh hưởng đến quyền tự quyết dân tộc, tạo nên phản tác dụng là chủ nghĩa dân tộc âm ý và này nọ, cũng như ảnh hưởng đến tính tự lực, tự cường, sinh ra tâm lý ỷ lại. Một số người đã quá nhấn mạnh đấu tranh giai cấp trong điều kiện bị bao vây và đối địch - mặc dầu chưa phải đã cảnh giác đầy đủ - nhưng lại coi nhẹ việc xây dựng lực

lượng kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, quên mất rằng, xét đến cùng, sức mạnh kinh tế là yếu tố cơ bản nhất bảo đảm giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai".

Xây dựng chủ nghĩa xã hội nói cho cùng là xây dựng chế độ làm chủ của nhân dân lao động, và chế độ đó phải tạo nên năng suất lao động cao hơn mới chiến thắng được chế độ cũ. Chủ nghĩa xã hội hiện thực được xây dựng từ những nước có trình độ xuất phát thấp và thời gian chưa dài, nên không dễ gì tạo nên năng suất lao động cao hơn chế độ cũ. Đó là sự hạn chế của điều kiện khách quan. Tuy nhiên, chỉ xét về mặt chủ quan, và nói một cách nghiêm khắc, chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm trên cả hai lĩnh vực: *làm chủ* và *năng suất lao động*. Dân chủ và đời sống vật chất và tinh thần là hai điểm yếu của chế độ ta, mà kẻ địch chủ tâm khai thác. Chúng ta thừa nhận rằng, một khi nhân dân lao động chưa thực sự làm chủ, đời sống còn nhiều khó khăn, thì khó mà tha thiết với chế độ và quyết tâm xây dựng nó và bảo vệ nó. Ý nghĩa sâu xa của điều mà ông cha ta nói: "đẩy thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân", là ở chỗ đó. Việc thực hiện không tốt hai lĩnh vực làm chủ và đời sống không chỉ là điểm yếu mà kẻ địch thường lợi dụng, mà còn là môi trường khách quan làm nảy nở tệ quan liêu, nạn tham nhũng trong bộ máy đảng và nhà nước. Vì vậy, để chống diễn biến hòa bình, xây dựng chế độ ta vững mạnh, Đảng và Nhà nước ta không thể không quan tâm đến hai vấn đề cốt tử ấy.

3 - Bài học của mọi bài học là vấn đề *xây dựng Đảng*. Đảng cộng sản có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Để đảm đương sứ mệnh lịch sử ấy, Đảng phải vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Khi trở thành đảng lãnh đạo chính quyền, nếu

không quan tâm xây dựng tốt, để sinh ra những tật bệnh nguy hiểm. *Một là*, ở đâu, lúc nào, chủ nghĩa cá nhân xen vào quyền lực thì nhất định sẽ đẻ ra những tệ hại cửa quyền, gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền và tệ sùng bái cá nhân. Nguyên tắc tổ chức của Đảng là tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phê bình, tự phê bình. Những nguyên tắc ấy không được chấp thành nghiêm chỉnh. Đó là kẻ hở cho chủ nghĩa cơ hội phát sinh, phát triển. Bộ cơ hội thừa dịp chui sâu, leo cao, tác oai, tác quái. *Hai là*, quan liêu xa rời quần chúng; bộ máy đảng, nhà nước và cả các đoàn thể quần chúng sẽ bị "hành chính hóa", đẻ ra những chế độ, thứ bậc, đẳng cấp, ảnh hưởng rất lớn đến dân chủ nội bộ, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng đảng viên và nhân dân lao động. Những hiện tượng mệnh lệnh, cửa quyền, ức hiếp quần chúng diễn ra làm cho một bộ phận quần chúng ngày càng xa rời Đảng. Nhiều đảng viên thậm chí không biết cách vận động quần chúng để bảo vệ kỷ cương đấu tranh cho lẽ phải, cho việc thực hiện đường lối của Đảng. *Ba là*, khi chuyển sang cơ chế thị trường, do buông lỏng quản lý, nên đặc quyền, đặc lợi (gắn với quyền lực) và tệ tham nhũng càng có điều kiện phát triển. Từ đó, một bộ phận cán bộ thoái hóa, biến chất, làm hại rất lớn đến thanh danh của Đảng và lòng tin của nhân dân. Chính những tật bệnh ấy làm mòn mỏi năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của Đảng.

Mặt khác, cuộc sống thực tế ngày càng đặt ra gay gắt những vấn đề về đời sống và dân chủ, trong khi những thông tin về thành tựu khoa học kỹ thuật và sự phát triển về kinh tế và đời sống của các nước tư bản dội đến, do thiếu nhận thức đúng đắn, nên đã sinh ra những mơ hồ và ảo tưởng. Tâm lý hoài nghi dao động nảy nở chính là miếng đất ươm cho sự trỗi dậy của trào lưu xã hội dân chủ. Khắc phục bảo thủ trì trệ, kiên quyết

cải cách, đổi mới, là tất yếu khách quan, là vấn đề cấp thiết và sống còn. Nhưng không thể cải cách, đổi mới mà đổi hướng : từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ bỏ chủ nghĩa xã hội, từ bỏ đảng cộng sản, điều hòa với chủ nghĩa tư bản, thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc. Chính trào lưu cơ hội mới này là thủ phạm chủ yếu gây ra sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội vừa qua. Trào lưu này là đồng minh tự nhiên của chủ nghĩa đế quốc, được chủ nghĩa đế quốc nuôi dưỡng và lợi dụng. Vì vậy, chống chủ nghĩa đế quốc phải gắn liền với chống chủ nghĩa cơ hội và ngược lại.

Thực tế cho thấy mặt trận chính trị, tư tưởng, văn hóa đang là mặt trận nóng bỏng ; kẻ địch rất kiên định về ý thức hệ. Chúng bảo vệ bằng mọi giá những giá trị của chúng. Chúng tiến công chủ nghĩa xã hội bằng mọi cách, rất quyết liệt và điên cuồng, mặc dầu chúng vẫn công khai lừa bịp. Trong khi đó không ít người cộng sản lại dao động, thỏa hiệp và nhượng bộ. Họ lùi hết bước này đến bước khác. Cuối cùng họ bị chúng dồn đến chân tường và bị "nốc ao". Về mặt này, chúng ta phải kiên quyết chống khuynh hướng tự do dân chủ tư sản, lối sống thực dụng và mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa. Đối với những khuynh hướng này, nhất quyết phải tiến công, tiến công bằng sức mạnh tổng hợp, không lơ lửng và thỏa hiệp.

Để làm tốt những công việc nói trên, trước hết, Đảng phải không ngừng nâng cao trí tuệ, luôn luôn nhạy bén với cái mới và kiên định nguyên tắc trong đấu tranh. *Hai là*, phải kiên quyết chinh phục Đảng, đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, tham nhũng, thoái hóa, biến chất, xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi. Bằng cách đó mà khôi phục lòng tin của quần chúng và lấy lại sức sống cho Đảng. *Ba là*, chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng : tập trung dân chủ, tập thể

lãnh đạo ; phê bình, tự phê bình, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Duy trì nghiêm kỷ cương của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội, bè phái, gia trưởng, độc đoán, cục bộ địa phương, tự do tùy tiện, vô kỷ luật. *Bốn là*, đổi mới thực sự công tác cán bộ, phát huy dân chủ trong lựa chọn và sử dụng cán bộ, kiểm tra và đánh giá cán bộ qua hành động thực tế của cán bộ. Nắm chắc đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp và cán bộ tham mưu chiến lược. Đồng thời, chúng ta cần kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhiều nhân tài cho công cuộc xây dựng và phát triển. *Năm là*, đặc biệt coi trọng xây dựng cơ sở đảng vững mạnh toàn diện. Tổ chức cơ sở đảng là nơi chấp hành mọi đường lối chính sách của Đảng, là cầu nối liền Đảng với quần chúng. Cơ sở có vững mạnh mới tạo nên sức mạnh đồng bộ cho toàn đảng, mới làm thất bại các ngón đòn tấn công của các thế lực xa lạ với Đảng. Mọi vấn đề đều tùy thuộc ở lòng tin của dân. Chúng ta cần nghiên cứu, xây dựng một chế độ tín nhiệm và kiểm tra của quần chúng đối với đảng viên và tổ chức cơ sở đảng.

Để phát huy sức mạnh lãnh đạo của Đảng, trước mắt phải làm tốt việc cải cách bộ máy nhà nước, cải tiến sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan nhà nước. Mục đích của công tác này là nhằm làm cho Đảng ta, Nhà nước ta nắm chắc nhiệm vụ trung tâm là lãnh đạo xây dựng kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, như đã nêu trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược* của Đảng. Trong đó chú ý kết hợp chặt chẽ việc tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội ; kết hợp chặt chẽ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, duy trì sự ổn định về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng và Nhà nước ta.

VÌ SAO CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC Ở ĐÔNG ÂU VÀ LIÊN XÔ SỤP ĐỔ ?

SÓNG TÙNG *

LOÀI người đang chứng kiến những giờ phút vô cùng nghiêm trọng : một mảng lớn của thế giới xã hội chủ nghĩa bị sụp đổ ! Chủ nghĩa đế quốc đang hí hửng vui mừng trước sự tan rã của các đảng cộng sản ở Đông Âu, Liên xô. Chúng đang tiên đoán ngày diệt vong của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới (!). Trong hàng ngũ những người cách mạng, không phải không có những dao động về tư tưởng. Nhân loại tiến bộ đang bàng hoàng : con đường tiến lên phải sao đây ?

Đứng trước tình hình đó, thái độ của những người cộng sản chỉ có thể là : dám nhìn thẳng vào sự thật, phân tích tình hình một cách biện chứng, khách quan, xác định chân lý, kiên trì chân lý, đấu tranh để thực hiện chân lý đến cùng. Khẳng định tương lai chỉ bằng tình cảm và ý chí chủ quan thì không đủ.

Chỉ có thái độ khoa học như vậy mới giúp chúng ta tìm ra những nguyên nhân thực sự của các sự kiện diễn ra ở Đông Âu và Liên xô, rút ra được những bài học và những biện pháp đúng đắn để tiếp tục đi lên.

*

Vậy nguyên nhân sâu xa, cơ bản của sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô là gì ?

Có người cho đó là kết quả của những âm mưu của chủ nghĩa đế quốc. Điều đó đúng, nhưng chưa đủ, bởi vì như thế là gán cho chủ nghĩa đế quốc một sức mạnh mà nó không có.

Xã hội xã hội chủ nghĩa ra đời sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người, tạo ra một trật tự xã hội mới tiến bộ. Đó không chỉ là thắng lợi của nhân

dân Liên xô mà còn là thắng lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới trong sự nghiệp đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, là một đóng góp to lớn cho cách mạng giải phóng các dân tộc bị áp bức, chống lại các thế lực gây chiến và xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới.

Chủ nghĩa xã hội bắt đầu thắng lợi ở nước Nga có nền kinh tế lạc hậu, dần dần phát triển thành một hệ thống thế giới, tuy luôn luôn nằm trong vòng bao vây nghiệt ngã của chủ nghĩa đế quốc mạnh hơn về quân sự, kinh tế và khoa học kỹ thuật, nhưng cả hệ thống xã hội chủ nghĩa đã có một thời kỳ phát triển rực rỡ, đã từng cứu Joài người khỏi họa phát xít, trở thành niềm tin và hy vọng của tất cả các dân tộc mong muốn độc lập, tự do và tiến bộ xã hội.

Hơn bảy thập kỷ qua, chủ nghĩa đế quốc không ngừng tìm đủ mọi mưu ma chước quỷ, kể cả chiến tranh, hồng tiêu diệt chủ nghĩa xã hội, nhưng nó đã không thành công. Điều đó nói lên sức sống mãnh liệt và sự phát triển hợp quy luật của chủ nghĩa xã hội, không một lực lượng thù địch bên ngoài nào có thể tiêu diệt nổi.

Như vậy, phải tìm nguyên nhân chủ yếu của sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô từ bên trong, tức là từ chính sự "tự vận động" của bản thân phong trào đó. Nếu những nhân tố nội tại khi vận động theo đúng quy luật, đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển như vũ bão, thì cũng chính những nhân tố nội tại ấy, trong những điều kiện lịch sử cụ thể, vận động trái quy luật, đã làm biến dạng phong trào và nhanh chóng đưa nó vào bế tắc

* Thành phố Hồ Chí Minh

và thất bại, tạo cơ sở cho kẻ thù bên trong và bên ngoài lợi dụng để tiến công.

Những người cộng sản tin rằng thất bại vừa qua của chủ nghĩa xã hội chỉ là tạm thời, và họ phải trả giá quá đắt cho sự vi phạm quy luật. Nhưng quy luật là một tồn tại khách quan ; không phải vì có những thế lực không muốn có chủ nghĩa xã hội mà chủ nghĩa xã hội không tiếp tục tồn tại và phát triển. Và lại, ngay cả ở những nước mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tạm thời thất bại, thì tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã thấm sâu trong quần chúng nhân dân hàng mấy chục năm vẫn tiếp tục con đường phát triển tất yếu của nó, không có một lực lượng nào có thể xóa bỏ được. Vấn đề là những người cộng sản có dũng cảm nhận rõ sai lầm, nhận thức và vận dụng đúng quy luật khách quan để tiếp tục tiến lên hay không.

Muốn vậy, không thể không trở về với những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin. Nhưng khi trở về như vậy, để xác định chân lý, chúng ta cũng cần ghi nhớ lời căn dặn của Lê-nin : "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu với cuộc sống" (1).

Lâu nay, người ta đi tìm mô hình của chủ nghĩa xã hội, nhưng có thể nói là chưa có mô hình nào đầy đủ cả. Trên thế giới chỉ mới có những thử nghiệm về mô hình những con đường đi tới chủ nghĩa xã hội, có những giai đoạn mà những thử nghiệm thành công, cũng có những giai đoạn với những thử nghiệm đã thất bại.

Ngày nay, hơn bao giờ hết, những người cộng sản cần đúc rút các kinh nghiệm của phong trào, nghiên cứu các nguyên nhân thành công và thất bại, để chỉ ra hướng đi đúng đắn của con đường dẫn đến chủ nghĩa xã hội. Chỉ ra hướng đi, chứ không phải vạch ra con đường cụ thể một cách cứng nhắc, chủ quan ; trong quá trình đi lên, cuộc sống sẽ đào thải những tế bào già cỗi và sản sinh những tế bào mới trong những môi trường mới. Đó là nhiệm vụ những người cộng sản góp phần phát triển

không ngừng học thuyết Mác - Lê-nin, làm cho nó sống mãi với thời gian.

Vậy thì, sau khi đã khẳng định mục tiêu là đạt đến một xã hội tương lai tốt đẹp, đất nước độc lập và phồn vinh, xã hội nhân ái và công bằng, con người tự do và hạnh phúc, sau khi đã xác định mục tiêu chung như vậy, vấn đề cốt tử cần bắt tay nghiên cứu và làm, là vấn đề : làm thế nào để đạt mục tiêu ?

Học thuyết Mác - Lê-nin chỉ rõ : muốn từ xã hội tư bản chủ nghĩa đi đến chủ nghĩa xã hội, có một con đường phải đi qua, đó là thời kỳ quá độ.

Sau khi cách mạng thắng lợi mở đường đi lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ quan trọng nhất, cấp bách nhất của những người cộng sản là xác định tính chất, đặc điểm, nội dung, quy luật của thời kỳ quá độ từ một chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa hay tiền tư bản chủ nghĩa ở nước mình đi lên chủ nghĩa xã hội. Có như vậy mới đề ra được những đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn, những chủ trương chính sách và biện pháp cụ thể phù hợp cho đất nước mình, mới tập hợp được lực lượng để đi đến mục tiêu.

Chính Lê-nin, bằng lý luận và bằng hành động thực tiễn, đã phát triển học thuyết Mác, vận dụng sáng tạo học thuyết đó vào phong trào cách mạng Nga, và đã chỉ ra được cái hướng cần phải đi cho nước Nga, nêu lên một tấm gương sáng chói cho cách mạng thế giới.

*

Học thuyết Mác - Lê-nin về "hình thái kinh tế - xã hội" giúp chúng ta nhận thức được quá trình phát triển tự nhiên của xã hội loài người, nhận thức được sự chuyển tiếp của một xã hội từ hình thái này sang hình thái khác cao hơn.

Mác đã xác định quy luật cơ bản nhất của sự phát triển xã hội là quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất (sau đây gọi tắt là "quy luật của sự phù hợp"). Chính quy luật đó đã quy định : xã hội tư bản chủ nghĩa sẽ bị xã hội xã hội chủ nghĩa thay thế, một

(1) V. I. Lê-nin : *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, tr 30

khi lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa đạt tới trình độ phát triển rất cao, đòi hỏi phải phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không còn phù hợp.

Lê-nin đã phát triển lý luận của Mác. Người chỉ ra rằng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể thắng lợi ở nơi nào là khâu yếu nhất trong dây chuyền chủ nghĩa đế quốc, dù ở đó chủ nghĩa tư bản chưa phát triển cao về kinh tế.

Thực tiễn đã chứng minh luận điểm trên của Lê-nin là đúng: Cách mạng Tháng Mười Nga đã thắng lợi, và sau đó, một loạt các nước kinh tế chưa phát triển cũng đã làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công.

Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, nhưng chủ nghĩa xã hội (đầy đủ) chưa có ở Nga, vì ở đây "quy luật của sự phù hợp" vẫn chi phối. Chưa thể có một quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đầy đủ, nếu chưa có một lực lượng sản xuất có trình độ và tính xã hội hóa cao. Do tác động của quy luật nói trên, với sự thúc đẩy của nhân tố chủ quan, của giai cấp cách mạng đã nắm được chính quyền, sự vận động nội tại của hai mặt đối lập - quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất - còn tiếp diễn cho đến khi đạt được một lực lượng sản xuất có trình độ và tính xã hội hóa cao với một quan hệ sản xuất tiên tiến phù hợp. Chỉ đến lúc ấy, "quy luật của sự phù hợp" mới coi như được thực hiện, và thời kỳ quá độ chấm dứt, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa ra đời.

Về vấn đề *thời kỳ quá độ*, Mác và Ăng-ghe-nơ thời còn sống chưa có đủ thực tiễn để bàn nhiều, nhưng các ông cũng đã nêu lên tính chất quan trọng của nó. Mác viết: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy, là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*" (2).

Đến thời Lê-nin, với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Nga, Lê-nin đã có điều kiện để nghiên cứu cụ thể hơn về thời kỳ quá độ. Lê-nin viết: "Về lý luận, không thể nghi ngờ gì

được rằng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác, giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn, và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu" (3).

Ở một chỗ khác, Lê-nin lại viết: "Muốn chiến thắng, muốn thiết lập và củng cố chủ nghĩa xã hội, giai cấp vô sản phải hoàn thành *hai nhiệm vụ nhưng chỉ là một* (lời nhấn mạnh - ST): một là, dùng tinh thần anh dũng quên mình của bản thân trong cuộc đấu tranh cách mạng chống tư bản để lôi cuốn tất cả quần chúng lao động và bị bóc lột, lôi cuốn, tổ chức lãnh đạo họ nhằm đánh đổ giai cấp tư sản và hoàn toàn đè bẹp mọi sự phản kháng của giai cấp đó; hai là, làm cho hết thảy quần chúng lao động và bị bóc lột, cùng với tất cả mọi tầng lớp tiểu tư sản, đi theo mình vào con đường kiến thiết kinh tế mới, vào con đường tạo ra những quan hệ xã hội mới, một kỷ luật lao động mới, một tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp những thành tựu mới nhất của khoa học và kỹ thuật tư bản với sự tập hợp đông đảo những người lao động tự giác, những người tạo ra nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa" (4).

Và Lê-nin đã lãnh đạo nhân dân Nga hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ *thứ nhất*, đánh bại giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh chống can thiệp vũ trang và nội chiến vô cùng ác liệt.

Về nhiệm vụ *thứ hai*, nhiệm vụ xây dựng kinh tế, sự lãnh đạo của Lê-nin đã biểu lộ một tinh thần dũng cảm và sáng tạo phi thường mà ngày nay chúng ta cần học hỏi.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, nước Nga muốn trực tiếp xây dựng ngay chủ nghĩa cộng

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghe-nơ: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, t. IV, tr 491

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t. 39, tr 309

(4) V.I. Lê-nin: *Sdd*, tr 20

sản : một xã hội điều tiết bằng kế hoạch hóa tập trung, với chế độ tự quản gắn với cơ chế phi hàng hóa, phi tiền tệ, dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất (bỏ thương nghiệp, quốc hữu hóa tiểu thủ công nghiệp, lập chế độ trung thu lương thực, chuẩn bị bỏ tiền tệ v.v.). Kết quả là khủng hoảng kinh tế kéo theo khủng hoảng chính trị. Nhưng Lê-nin đã kịp thời nhận ra sai lầm, và nhanh chóng sửa chữa. Người viết : "Trên mặt trận kinh tế, vì định chuyển lên chủ nghĩa công sản, nên mùa xuân 1921, chúng ta đã vấp phải một thất bại nặng nề... Thất bại đó đã biểu hiện ở chỗ là chính sách kinh tế của ta lâm vào tình trạng, ở phía thượng tầng của nó, bị tách rời cơ sở và không dẫn đến việc phát triển lực lượng sản xuất mà cương lĩnh đảng ta coi là nhiệm vụ cơ bản và bức thiết nhất" (5). Sau đó, Người chỉ rõ : "Cái thời kỳ cần phải bày tỏ những nhiệm vụ chính trị lớn lao nay đã qua rồi, và đã đến lúc cần phải thực hiện những nhiệm vụ ấy trong thực tiễn... Hoặc là tất cả những thành tựu về mặt chính trị của Chính quyền xô viết sẽ tiêu tan mất, hoặc là phải làm cho những thành tựu ấy đứng vững trên một cơ sở kinh tế. Cơ sở này hiện nay chưa có. Đây chính là công việc mà chúng ta cần bắt tay vào làm" (6).

Chính sách kinh tế mới ra đời. Đó là một hệ thống các quan điểm, tư tưởng mới, bao quát các mặt, cả những vấn đề thuộc về nguyên tắc đến những biện pháp rất cụ thể mà nước Nga cần tiến hành trong thời kỳ quá độ. Lê-nin đã phân tích cụ thể đặc trưng của nền kinh tế nước Nga lúc bấy giờ, rút ra những kết luận về các quan điểm mới trong vấn đề quan hệ sản xuất, như về các thành phần kinh tế (chế độ sở hữu), vấn đề sản xuất và lưu thông hàng hóa, vấn đề quan hệ kinh tế giữa các giai cấp, đặc biệt giữa giai cấp vô sản với đông đảo người sản xuất nhỏ (tiểu nông), giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản trong nước và giai cấp tư sản quốc tế ; nhấn mạnh vai trò của chủ nghĩa tư bản nhà nước, sự cần thiết phải đổi mới cơ chế quản lý theo hướng hạch toán kinh tế, cải tổ tài chính, thuế, tín dụng, tiền tệ v.v..

Nhấn mạnh sự cần thiết thay đổi về kinh tế, nhưng Lê-nin không coi nhẹ những vấn đề chính trị.

Người đã đề ra những việc cần chấn chỉnh về mặt cấu trúc thượng tầng, tạo điều kiện để phát triển cơ sở kinh tế, đặc biệt việc cải tổ bộ máy của đảng và của nhà nước, chỉnh đốn những tư tưởng sai trái về chính sách dân tộc (phê phán tư tưởng sô vanh nước lớn và tư tưởng dân tộc tư sản), nêu những yêu cầu về giáo dục cán bộ, đấu tranh chống những tư tưởng hữu và "tả", tư tưởng kiêu ngạo, chủ quan duy ý chí, xa rời quần chúng v.v..

Có thể nói, bằng hệ thống chính sách kinh tế mới, Lê-nin đã chủ trương nước Nga phải *trải qua thời kỳ quá độ lâu dài*, trong thời kỳ đó, cần *quán triệt các quy luật cơ bản* để giải quyết các mâu thuẫn gay gắt trong xã hội, đặc biệt cần *điều chỉnh quan hệ sản xuất sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất*, làm cho cấu trúc thượng tầng phù hợp và thúc đẩy sự phát triển của cơ sở kinh tế.

Chính sách kinh tế mới đã đem lại những kết quả tốt đẹp cho xã hội nước Nga nhiều năm về sau.

Tiếc rằng sau khi Lê-nin mất, chính sách kinh tế mới dần bị lãng quên, công cuộc tập thể hóa diễn ra theo kiểu cưỡng bức, cơ chế quản lý trở thành hành chính quan liêu, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bị biến dạng, nền dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa bị vi phạm, chính sách dân tộc có những lệch lạc... Những khuyết điểm đó ngày càng tích tụ làm trầm trọng thêm những sai lầm đi ngược với các quy luật cơ bản.

Trước tình hình đó, Đảng cộng sản Liên xô đã chủ trương phải cải tổ, cải cách. Nhưng trong quá trình tiến hành cải tổ, cải cách, Đảng lại phạm một loạt sai lầm, rơi vào chủ quan duy ý chí mới, giáo điều mới, cực đoan, vi phạm nhiều nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để cho chủ nghĩa cơ hội lũng đoạn, dẫn đến rối loạn trong kinh tế, chính trị, xã hội, đảng cộng sản bị bôi nhọ và mất uy tín, mất vai trò lãnh đạo đối với chính quyền và toàn xã hội, chuyên chính vô sản mất tác dụng, khối đoàn kết

(Xem tiếp trang 17)

(5) *Sđđ*, t44, tr 198 - 199

(6) *Sđđ*, tr 212.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước

NGÔ ĐÌNH GIAO*

TỪ kinh nghiệm của các nước và thực tiễn của Việt nam, Đại hội VII của Đảng đã khẳng định nền kinh tế của Việt nam trong những năm tới là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo “cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước”. Đây là một luận điểm hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

1 - Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước phù hợp với xu hướng cải tổ của các nước trên thế giới.

Trong thời kỳ tự do cạnh tranh, các nước tư bản áp dụng cơ chế thị trường để quản lý nền kinh tế. Đây là cơ chế khách quan và người ta còn gọi là kinh tế thị trường. Thực hiện cơ chế thị trường tự do cạnh tranh, chủ nghĩa tư bản đã gặp phải cuộc đấu tranh mạnh mẽ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động về các chính sách xã hội. Để làm dịu tình hình đấu tranh của giai cấp công nhân và thích nghi được trong điều kiện phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, các nhà nước tư bản đã buộc phải thực hiện một số chính sách xã hội để điều tiết sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước tư bản (cơ chế hỗn hợp) đang thay thế cơ chế thị trường của thời kỳ tự do cạnh tranh, và người ta gọi đó là nền kinh tế thị trường chuyển sang nền kinh tế hỗn hợp. Cơ chế này thích hợp và là xu hướng tất yếu trong điều kiện phát triển kinh tế của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Bởi vì, cơ chế thị trường có điều tiết của nhà nước tư bản là cơ chế kết hợp giữa khách

quan và chủ quan, nó vừa đáp ứng được mục đích của nhà tư bản là bóc lột giai cấp công nhân, vừa làm dịu được mâu thuẫn gay gắt giữa tư bản và công nhân. Nhưng do đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội khác nhau trong các nước tư bản, nên mức độ, phương pháp, công cụ điều tiết của nhà nước tư bản cũng khác nhau. Thậm chí ngay trong cơ chế thị trường, mức độ sử dụng thị trường tự do cạnh tranh và thị trường có tổ chức cũng khác nhau.

Đối với các nước xã hội chủ nghĩa mà trước hết là Liên xô, trong một thời kỳ dài đã áp dụng cơ chế chỉ huy - kế hoạch hóa tập trung cao độ, đó là cơ chế chủ quan để quản lý nền kinh tế. Người ta còn gọi nền kinh tế ở đây là nền kinh tế kế hoạch hóa. Cơ chế này cho phép nhà nước xã hội chủ nghĩa điều khiển nền kinh tế bằng việc quy định hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh đối với các ngành, các địa phương và các tổ chức sản xuất kinh doanh. Thực tế phát triển kinh tế theo cơ chế chỉ huy - kế hoạch hóa tập trung cho thấy : tuy nó thực hiện được những nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội và giải quyết được không ít vấn đề xã hội của người lao động, nhưng vì cơ bản là cơ chế hành chính, tập trung quan liêu, bao cấp, nên đã cản trở tính chủ động sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của người lao động, gây nhiều lãng phí và tổn thất cho nền kinh tế. Kết quả là hiệu quả kinh tế - xã hội

* Giáo sư, tiến sĩ kinh tế học, Trường đại học kinh tế quốc dân

và hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, kinh tế khủng hoảng, lạm phát, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn. Trước tình hình đó, các nước xã hội chủ nghĩa đã tự tìm kiếm cho mình một cơ chế quản lý kinh tế thích hợp : đó là cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa (cơ chế kết hợp khách quan và chủ quan) để thay thế cơ chế chỉ huy bằng kế hoạch hóa, tập trung. Tuy nhiên, nội dung của cơ chế này như thế nào, tới nay vẫn chưa được xác định thật đầy đủ, và đang còn trong quá trình thử nghiệm, gặp không ít khó khăn và lúng túng. Nhưng nói chung, cơ chế thị trường có điều tiết của nhà nước xã hội chủ nghĩa đang thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa.

2 - Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt nam.

Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa đều dựa trên cơ sở phát triển của quá trình tái sản xuất xã hội. Quá trình đó có mục tiêu là phát triển sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa hay sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa. Xét về bản chất của kinh tế thì nền kinh tế hàng hóa tất yếu và trước hết phải được quản lý theo cơ chế thị trường... Nhưng bên cạnh những mặt ưu điểm, tích cực, cơ chế thị trường có những mặt tiêu cực (tự phát vô chính phủ, phân hóa giàu nghèo, bất công xã hội, lãng phí tài nguyên và của cải) không đáp ứng được mục tiêu xã hội của người lao động... Bởi vậy, việc áp dụng cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch và các công cụ khác, là một yêu cầu khách quan.

Một : Nền kinh tế hàng hóa ở Việt nam tất yếu và trước hết phải được quản lý theo cơ chế thị trường .

Nền kinh tế hàng hóa ở Việt nam muốn phát triển có hiệu quả phải tạo điều kiện cho các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa hoạt động và phát huy tác dụng một cách có hiệu quả. Những quy luật đó là : quy luật giá trị, quy luật quan hệ cung cầu, quy luật

cạnh tranh, quy luật lưu thông tiền tệ. Bảo đảm cho các quan hệ mua và bán trên thị trường, quan hệ hàng hóa và tiền tệ, quan hệ cung và cầu được thực hiện trên thị trường theo giá cả thị trường, mà giá cả thị trường là do quan hệ cung và cầu về hàng hóa, dịch vụ và vốn quyết định.

Muốn phát triển kinh tế hàng hóa ở Việt nam có hiệu quả phải xây dựng được thị trường ổn định (trong nước và nước ngoài). Điều đó đòi hỏi nhà nước phải nhận thức đúng vai trò của thị trường trong việc phát triển kinh tế hàng hóa và tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc hình thành và phát triển thị trường. Không vì những tiêu cực của thị trường mà vội áp dụng các biện pháp chủ quan làm "thui chột" thị trường mới hình thành. Trái lại, phải coi thị trường là nơi bảo đảm việc tự do mua và bán hàng hóa, dịch vụ giữa người sản xuất và tiêu dùng theo giá cả thị trường. Giá cả thị trường do quan hệ cung cầu về hàng hóa, dịch vụ quyết định ; người mua được tự do chọn người bán, bảo đảm tự do cạnh tranh giữa người mua và người bán, giữa người mua với nhau, và giữa người bán với nhau. Thị trường quyết định sản xuất, người sản xuất chỉ sản xuất và bán những sản phẩm và dịch vụ mà thị trường cần theo chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian.

Thị trường ở Việt nam phải được hình thành theo yêu cầu phát triển kinh tế hàng hóa và dịch vụ. Khi thị trường hàng hóa dịch vụ đã hình thành và phát triển thì phải tạo điều kiện cho các thị trường vật tư thiết bị, công nghệ, thị trường lao động và tiền vốn hình thành và phát triển đồng bộ. Điều đáng quan tâm ở đây là thị trường hình thành có tổ chức (bao gồm cả tổ chức của quốc doanh lẫn của tư nhân) ; phải coi thị trường có tổ chức là thị trường chiếm ưu thế trong việc phát triển kinh tế hàng hóa ở nước ta. Đó chính là vai trò nhận thức chủ quan của con người đối với sự tồn tại khách quan của thị trường.

Cơ chế thị trường bảo đảm cho các quan hệ hàng hóa và tiền tệ, quan hệ cung cầu và cạnh tranh hoạt động nhằm thúc đẩy nền kinh tế hàng hóa phát

triển. Nếu cung lớn hơn cầu thì giá thấp, nếu cầu lớn hơn cung thì giá cao. Cạnh tranh làm cho quan hệ cung cầu thay đổi và giá cả cũng thay đổi; cạnh tranh đòi hỏi người sản xuất phải tìm biện pháp để giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nắm bắt nhanh nhu cầu thị trường để quyết định đúng việc sản xuất. Muốn cạnh tranh thắng lợi, người sản xuất phải có đủ hàng hóa với chất lượng đáp ứng được yêu cầu của thị trường và bảo đảm lưu thông kịp thời, thuận tiện.

Hai : Nền kinh tế hàng hóa ở Việt nam cần có sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

Thực chất của quản lý là điều khiển. Sự điều khiển kinh tế vĩ mô của nhà nước là biện pháp hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực vốn có của cơ chế thị trường. Đối với nước ta, việc nâng cao trình độ điều khiển vĩ mô của nhà nước đang trở thành vấn đề cấp bách nhằm bảo đảm yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Nếu chỉ sử dụng cơ chế thị trường thì không đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn khách quan đang tồn tại, như yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, giải quyết hậu quả của chiến tranh kéo dài, giải quyết các nhu cầu chung của việc phát triển kinh tế - xã hội.

Nhà nước ta có khả năng điều khiển kinh tế vĩ mô, quản lý và điều tiết thị trường, bởi vì nhà nước là chủ sở hữu về tư liệu sản xuất quan trọng nhất trong nền kinh tế quốc dân, đang quản lý các tổ chức kinh tế quốc doanh - bộ phận nòng cốt của nền kinh tế nhiều thành phần. Chính nhà nước đang tạo ra các tiền đề và điều kiện cần thiết cho sự hình thành và phát triển đúng hướng của thị trường trong nước và nước ngoài. Nhà nước có khả năng nhận thức và đáp ứng đúng yêu cầu các quy luật kinh tế của sản xuất hàng hóa, các quan hệ kinh tế hoạt động trên thị trường để điều khiển (quản lý và điều tiết) các hoạt động của thị trường ở tầm vĩ mô. Như vậy, nền kinh tế hàng hóa ở nước ta cần được quản lý theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đó là cơ chế phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế hàng hóa ở nước ta, và có khả năng đem lại sự phát triển nhanh và có

hiệu quả cao của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta. Chúng ta hoàn toàn có khả năng thực hiện cơ chế này để phát triển sản xuất và lưu thông theo nhu cầu của thị trường (trước hết là thị trường có tổ chức); nhà nước định hướng, hướng dẫn, tạo điều kiện, quản lý và điều tiết thị trường phát triển theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

3 - Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước là cơ chế quản lý kinh doanh hợp lý và có hiệu quả nhất ở Việt nam hiện nay.

Cơ chế quản lý kinh tế tối ưu ở Việt nam hiện nay phải là cơ chế vừa phát huy được những mặt tích cực của cơ chế thị trường, vừa sử dụng được những ưu điểm của cơ chế tập trung trong việc quản lý nền kinh tế. Cơ chế đó :

+ Đòi hỏi và khuyến khích nền kinh tế hàng hóa phát triển theo các quy luật của sản xuất hàng hóa (như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ, quy luật cạnh tranh) với sự điều khiển vĩ mô của nhà nước.

+ Khắc phục được hậu quả về kinh tế xã hội của cơ chế thị trường hoàn toàn tự do cạnh tranh, hoặc cơ chế chỉ huy bằng kế hoạch hóa tập trung cao độ.

+ Cho phép tạo khả năng và môi trường để vừa phát huy tính chủ động sáng tạo của các tổ chức sản xuất kinh doanh, vừa tăng cường trách nhiệm quản lý kinh tế ở tầm vĩ mô của các cơ quan quản lý nhà nước.

+ Tạo khả năng phát triển tới mức cao nhất quan hệ hợp tác kinh tế của nước ta với các nước khác trên thế giới theo những nguyên tắc chung của cơ chế thị trường và sự điều khiển kinh tế vĩ mô của nhà nước.

4 - Những biện pháp chủ yếu để thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Để thực hiện cơ chế thị trường và điều khiển kinh tế vĩ mô của nhà nước, cần áp dụng những biện pháp chủ yếu sau đây :

- Nhanh chóng xây dựng khoa học về thị trường và dự đoán thị trường trong nước và ngoài nước, xây dựng các tổ chức thực hiện chức năng dự đoán thị trường và tranh thủ các tổ chức trung gian làm

môi giới để sớm tạo được thị trường nước ngoài ổn định.

- Căn cứ vào dự đoán thị trường để xây dựng các định hướng đúng về phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa trong nước và ngoài nước.

- Xây dựng đồng bộ các loại thị trường trong nước và ngoài nước, đặc biệt là thị trường dịch vụ, thị trường về các yếu tố cơ bản của sản xuất hàng hóa ; thị trường có tổ chức của nhà nước và tư nhân.

- Xây dựng các điều kiện để đủ sức chiếm lĩnh và ổn định được thị trường ở nước ngoài. Điều kiện đó là lực lượng hàng hóa, chất lượng hàng hóa, điều kiện lưu thông (thương nghiệp, ngân hàng, giao thông vận tải, thông tin, liên lạc...).

- Tổ chức lại các lực lượng sản xuất và lưu thông hàng hóa của quốc doanh để đủ sức cạnh tranh trên

thị trường với các thành phần kinh tế khác trong nước và nước ngoài. Nâng cao hàm lượng chất xám đối với một số mặt hàng thuộc thế mạnh của nền kinh tế nước ta.

- Hoàn chỉnh hệ thống chính sách kinh tế xã hội, nhất là chính sách tài chính - tín dụng, hệ thống luật pháp kinh doanh để điều khiển, điều chỉnh và điều tiết kinh tế vĩ mô của nhà nước.

- Xây dựng lực lượng dự trữ quốc gia đủ mạnh để có khả năng ổn định nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường.

- Khẩn trương đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế hiện có để có khả năng thực hiện được chức năng quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý nhà nước về kinh tế. Đồng thời, tiến hành đào tạo mới đội ngũ cán bộ làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế lâu dài.

VÌ SAO...

(Tiếp theo trang 13)

thống nhất rõ rệt, tình hình khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng... Nguy cơ sụp đổ trước hết và chủ yếu rõ ràng là từ bên trong, bắt nguồn từ sự sai lầm chủ quan. Kẻ địch các loại từ mọi phía đã lợi dụng cơ hội này tiến công mạnh mẽ bằng mọi biện pháp, làm cho chủ nghĩa xã hội nhanh chóng sụp đổ ở Liên xô.

Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đi theo vết xe của Liên xô cũng đã phạm những sai lầm tương tự và chịu hậu quả tương tự.

*

Tình hình quốc tế đang biến chuyển một cách nhanh chóng và ngày càng phức tạp. Chủ nghĩa xã hội đang ở vào một thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng ; chủ nghĩa đế quốc đang lợi dụng thời cơ

để mong áp đặt "một trật tự thế giới mới" theo ý muốn độc đoán của chúng.

Song, với những người cộng sản chân chính, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu sau hơn mấy mươi năm tồn tại rục rịch, chỉ chứng minh một điều : cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội là gian khổ, phức tạp và lâu dài, không thể tránh mò mẫm, sai lầm và thất bại. Nhưng với tinh thần dũng cảm, chiến đấu không mệt mỏi, không giáo điều, không bi quan, không chủ quan duy ý chí, những người cộng sản thừa kế và phát triển học thuyết Mác - Lê-nin, không ngừng tự đổi mới chính mình, tin tưởng rằng chân lý cuối cùng sẽ thắng.

Quản triệt các quan điểm cơ bản của Đảng trong công tác báo chí, xuất bản

MẤY năm qua, cùng với những đổi mới quan trọng và có ý nghĩa lớn trên các lĩnh vực, công tác báo chí, xuất bản ở nước ta đã có nhiều tiến bộ đáng kể. Thoát dần khỏi cơ chế bao cấp, thị trường sách báo trở nên sôi động. Nội dung thông tin qua sách báo đa dạng, phong phú và kịp thời hơn trước. Hình thức trình bày luôn được cải tiến. Việc mở rộng đề tài, chủ đề, đổi mới công nghệ in và cách thức tạo vốn, phát hành, đã khơi dậy tiềm năng sáng tạo của các văn nghệ sĩ, người viết báo, và huy động được nhiều nguồn lực khác trong xã hội vào sự nghiệp báo chí, xuất bản.

Hoạt động báo chí, xuất bản đã tích cực góp phần tuyên truyền, phổ biến và động viên nhân dân thực hiện các chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước, tạo bầu không khí cởi mở, từng bước nâng cao dân trí và dân chủ hóa đời sống xã hội. Báo chí đã tham gia tích cực vào việc chống tham nhũng và các hiện tượng tiêu cực, tuyên truyền mạnh mẽ cho các chương trình kinh tế xã hội. Đặc biệt, trong dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn năm 1990 và Đại hội lần thứ VII của Đảng năm 1991, báo chí, xuất bản đã phản ánh những ý kiến đóng góp của nhân dân vào công tác xây dựng Đảng, vào dự thảo Cương lĩnh chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Sau Đại hội VII của Đảng, báo chí, xuất bản đã tích cực đưa các quan điểm, tư tưởng của Đại hội vào cuộc sống.

Tuy nhiên, do những biến động phức tạp trên thế giới; do những khó khăn về kinh tế - xã hội trong bước chuyển đổi cơ chế quản lý, những tác động xấu - mặt trái của kinh tế thị trường - vào thị hiếu thẩm mỹ, đạo đức lối sống của một bộ phận công chúng; và trực tiếp nhất, do sự yếu

kém trong công tác quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp báo chí xuất bản, nên bên cạnh những ưu điểm là cơ bản, công tác báo chí, xuất bản, in và phát hành, thời gian qua cũng đã mắc những khuyết điểm, lệch lạc, bị dư luận xã hội phê phán.

Một số tờ báo đã vi phạm quan điểm và kỷ luật tuyên truyền, vi phạm Luật báo chí: đưa tin thiếu điều tra chính xác, thiếu phân tích bình luận khách quan, gây dư luận không tốt trong người đọc, người nghe, người xem. Nơi này nơi kia vẫn còn những bài báo nói bóng gió, kích động, hoặc chỉ chiết thiếu xây dựng đối với công tác lãnh đạo và quản lý. Một số tờ báo đã lạm dụng việc ra phụ trương, dồn nhiều công sức vào việc ra số phụ, đặc san, để kiểm lãi, đến mức xa rời tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi phát hành của mình. Một số tờ báo thiếu đầu tư cho việc nâng cao chất lượng những bài chính diện, bài điều tra phát hiện những điển hình tốt, mà chỉ chú ý khai thác những chuyện vụ án, tình dục để câu khách, v.v..

Không ít nhà xuất bản đã in và phát hành tràn lan các loại sách chuyên đề, nhiều cuốn thực chất là tạp chí, nội dung không phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của mình. Sâu những đợt phát hành ồ ạt các loại sách đen năm 1988 - 1989, bị Quốc hội và nhân dân lên án, gần đây một số nhà xuất bản lại phát hành nhiều chuyện đã sử, võ hiệp, trong đó có cả sách kiếm hiệp, sách xuất bản ở miền Nam thời Mỹ - ngụy không đúng với giấy phép đã cấp.

Trong việc in và phát hành cũng có những vi phạm và tiêu cực. Cơ sở in và phương tiện in phát triển nhanh, vượt ra ngoài sự kiểm soát của nhà nước. Có nơi đã nhận in cả những sách báo chưa được cấp giấy phép, hoặc nội dung in không đúng

với quy định trong giấy phép. Những năm gần đây, một số cơ quan báo chí, xuất bản, đã cho tư nhân trực tiếp tham gia đầu tư vốn in và phát hành ; có người đã lợi dụng đồng vốn đầu tư của mình để uốn cong nội dung ấn phẩm và tổ chức phát hành kiểu đầu nậu. Phần lớn sách báo chỉ đến với những người có tiền, người nhiều tiền, sống tập trung ở các thành phố và thị xã, mà ít về nông thôn và không tới được các vùng cao, vùng xa. Sách báo của một số tỉnh thành lại đề cập, có khi không đúng, những sự việc của các địa phương khác trong cả nước và phát hành rộng rãi, gây lộn xộn trong thông tin và dư luận xã hội.

Rõ ràng, công tác quản lý báo chí, xuất bản thời gian qua còn nhiều sơ hở và hữu khuynh. Việc cấp giấy phép xuất bản chưa thật trọng và chính xác. Việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm cũng chưa kịp thời và kiên quyết. Tình hình đó đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước trên tất cả các mặt : từ hoàn chỉnh hệ thống pháp luật đến sắp xếp lại hợp lý hệ thống báo chí, xuất bản ; từ việc nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực nghiệp vụ của đội ngũ những người làm báo đến việc nâng cao chất lượng bài vở, các chuyên mục báo viết và các chương trình phát thanh, truyền hình ; từ việc đổi mới phương tiện và quản lý tất cả các cơ sở in, đến việc tổ chức quản lý tốt hệ thống phát hành, hệ thống phân phối để sách báo và các chương trình phát thanh truyền hình đến với mọi người, mọi nhà, mọi địa phương trong cả nước.

Các cấp ủy đảng phải thực sự lãnh đạo cơ quan báo chí và nhà xuất bản của cấp mình, ngành mình, địa phương mình cả về phương hướng, nội dung và bố trí đội ngũ cán bộ chủ chốt, kịp thời phát hiện uốn nắn những lệch lạc. Các cơ quan nhà nước phải đề cao trách nhiệm quản lý, tạo điều kiện cho các cơ quan báo chí xuất bản hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và kịp thời xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật.

Đề công tác lãnh đạo và quản lý sự nghiệp này ngày càng đi vào nền nếp theo tinh thần Chỉ thị

63/BBT của Ban bí thư và Nghị quyết 384/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng, các cấp các ngành cần quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng về báo chí và xuất bản. Đặc biệt, cần quan niệm đúng và xử lý tốt các mối quan hệ sau đây :

1- Về vai trò, chức năng, báo chí, xuất bản là cơ quan ngôn luận của Đảng và Nhà nước để tuyên truyền, giáo dục, cổ vũ nhân dân xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và con người mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là diễn đàn của nhân dân. Thông qua báo chí và xuất bản phẩm, nhân dân có thể bày tỏ nguyện vọng và ý kiến của mình về tất cả mọi vấn đề liên quan đến xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đến sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đến hoạt động của các tổ chức kinh tế - xã hội.

Trong xã hội có giai cấp, báo chí bao giờ cũng đại biểu trực tiếp hoặc gián tiếp cho lợi ích của những giai cấp, tập đoàn nhất định. Giai cấp tư sản đã từng sử dụng rất thành công báo chí và xuất bản phẩm để chống phong kiến và tiến công các nước xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, thực hiện diễn biến hòa bình, bảo vệ lợi ích và khuếch trương ảnh hưởng của các tập đoàn tư bản. Ở nước ta, sách báo tiến bộ đã được Đảng và Bác Hồ sử dụng như một vũ khí tư tưởng sắc bén để giác ngộ quần chúng, đấu tranh giành chính quyền. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược và xây dựng cuộc sống mới, báo chí đã thực sự là người "tuyên truyền tập thể, cổ động tập thể và tổ chức tập thể" các phong trào cách mạng của nhân dân, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của dân tộc.

Ngày nay, xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc rất lớn lao và mới mẻ, chưa hề có sẵn mô hình. Chúng ta phải vừa tiến hành vừa rút kinh nghiệm để chọn bước đi thích hợp. Đảng và Nhà nước ta mong muốn thông qua báo chí, xuất bản, các tầng lớp nhân dân chân thành đóng góp nhiều ý kiến hay, nhiều giải pháp tốt, để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng thời thông qua báo chí, nhân dân phê phán, đấu tranh với tệ

tham nhũng, cửa quyền, và các tiêu cực xã hội khác, giúp Đảng và Nhà nước loại trừ phần tử thoái hóa biến chất, phát hiện nhân tài. Nhưng chúng ta cũng kiên quyết không chấp nhận những kẻ lợi dụng báo chí, xuất bản để đăng tải truyền thông những tin, bài và tác phẩm chống lại sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, chống lại con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần, lợi ích của bộ phận này với bộ phận nọ có thể khác nhau, nhưng Nhà nước do Đảng lãnh đạo, là người đại diện cho quyền làm chủ và lợi ích chung của nhân dân cả nước. Ngoài việc lo cho dân giàu nước mạnh, tiến kịp các nước văn minh, Đảng và Nhà nước ta không có mục đích và lợi ích nào khác. Không nắm vững quan điểm báo chí, xuất bản vừa là cơ quan ngôn luận của Đảng và Nhà nước, vừa là diễn đàn của nhân dân, sẽ không tạo được thông tin hai chiều, không khơi dậy được trí tuệ của nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, làm cho thông tin trên mặt báo nghèo nàn. Nhưng ngược lại, hiểu sai ý nghĩa của diễn đàn, đẩy diễn đàn đi quá đà, sẽ rơi vào tự do vô chính phủ, làm mất ổn định xã hội, và như vậy về khách quan, sẽ làm lợi cho các thế lực thù địch. Đó là điều mà Luật báo chí nước ta không cho phép.

2- Về hạch toán kinh doanh với việc chạy theo lợi nhuận đơn thuần. Chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, chúng ta khuyến khích các cơ quan báo chí, xuất bản tự hạch toán, tự trang trải về tài chính để giảm dần, hoặc giảm hẳn sự bao cấp từ ngân sách, phát huy tinh thần tự chủ và nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị. Trên bình diện lớn, hạch toán kinh doanh là sự tính toán yêu cầu phục vụ các nhiệm vụ chính trị, nâng cao chất lượng nội dung xuất bản phẩm, đi sát đối tượng, tạo điều kiện duy trì và phát triển sự nghiệp. Đi sâu vào từng đơn vị, hạch toán kinh doanh thúc đẩy việc cải tiến lề lối làm việc, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tiết kiệm, hạ giá thành, phát huy hiệu quả của từng đồng

vốn.

Song hạch toán kinh doanh trong báo chí xuất bản không có nghĩa là chạy theo lợi nhuận đơn thuần. Ở lĩnh vực này, vẫn phải tính toán lỗ lãi nhưng không phải nhằm thu lãi cao trong bất kể tình hình nào, kể cả việc đưa ra những tin tức, sách báo giật gân nhằm câu khách. Trong chế độ ta, để đảm bảo quyền được thông tin theo định hướng lãnh đạo của nhân dân, không nhất thiết tất cả sách báo đều phải có lãi, và nhất là không được chạy theo tiền lãi đơn thuần để ra những sách báo đánh vào thị hiếu thấp kém, có hại. Đảng và Nhà nước cần có chủ trương chính sách đúng với các loại sản phẩm văn hóa khác nhau. Cơ quan chủ quản cần đầu tư cho báo chí, nhà xuất bản theo hướng: có loại sách báo được trợ giá, có loại được giảm hoặc miễn thuế. Các cơ quan báo chí xuất bản cần tính toán đối với từng loại ấn phẩm, có loại chịu lỗ, có loại có lãi, để có thể tự trang trải về tài chính, nhưng dù tình huống nào cũng không đăng hoặc in những bài báo, quyển sách xấu, có hại.

Do không nắm vững quan điểm trên đây, thời gian qua nhiều nơi đã xóa trợ cấp cho xuất bản phẩm một cách tràn lan, hoặc khoán trắng cho các cơ quan xuất bản, báo chí tự xoay xở, thậm chí còn giao cho các cơ quan này phải bằng mọi cách thu lãi để nộp vào ngân sách địa phương. Tình trạng đó đã thúc đẩy một số cơ quan báo chí xuất bản chạy theo kinh doanh đơn thuần, coi nhẹ nội dung ấn phẩm. Một số nơi, cơ quan báo chí xuất bản còn khoán trắng việc biên tập cho một vài người; có nơi giao việc chọn lựa đề tài, chủ đề, tổ chức in và phát hành cho đầu nậu, còn mình ngồi thu lãi. Hình thức "khoán gọn" này thực chất là bán giấy phép xuất bản, để mặc cho cá nhân thao túng về cả nội dung lẫn hình thức, gây ra nhiều tác hại; các cơ quan lãnh đạo, quản lý cần kiểm tra và kiên quyết chấm dứt.

3 - Về mối quan hệ giữa tính giáo dục và giải trí.

Sách báo là sản phẩm của trí tuệ, là món ăn tinh thần của người đọc, người nghe, người xem.

Các cơ quan báo chí, xuất bản, các tổng biên tập, phóng viên, biên tập viên là những người được Đảng và Nhà nước giao trách nhiệm chọn lựa những sản phẩm tốt, những món ăn ngon, bổ ích, đem đến cho nhân dân những thông tin cần thiết và có chất lượng tốt để giúp người tiếp nhận nó mở mang kiến thức mọi mặt, nâng cao ý chí, phát triển tình cảm, hoàn thiện nhân cách và thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, nhu cầu nhận biết thế giới chung quanh. Coi nhẹ tính giáo dục của sách báo là coi nhẹ ý nghĩa đặc biệt của loại hàng hóa đặc biệt này. Nhưng chỉ chú ý đến mặt giáo dục mà không quan tâm đến nhu cầu giải trí lành mạnh thì tác dụng giáo dục cũng bị hạn chế.

Nhiều năm trước đây ta chỉ chú ý nhiều đến tính giáo dục mà xem nhẹ phần giải trí, nên sách báo nói chung còn khô khan, nặng nề, không hấp dẫn được người đọc, người xem. Nhưng mấy năm gần đây, trong nỗ lực đổi mới, một số nhà xuất bản, cơ quan báo chí lại chỉ chú ý nhiều đến mặt giải trí, đẩy yếu tố này lên quá mức, hạn chế nội dung giáo dục. Một số tờ báo đề cập những chuyện quá vụn vặt trong đời thường, khai thác quá nhiều những chuyện phiếm hoặc chuyện đời tư của người này người nọ, và coi đây là hình thức có giá để câu khách kiếm lời, gây nhầm lẫn trong bạn đọc. Nhiều tờ báo và tạp chí trưng lên quá nhiều hình ảnh phụ nữ hở hang, những mảng màu và lối trình bày thiếu hài hòa, trang nhã, đã gây nên phản ứng âm ỉ trong đông đảo người đọc, người xem.

Quan điểm đúng đắn là không bao giờ xem nhẹ tính giáo dục của sách báo, đồng thời chú ý đúng mức đến yếu tố giải trí, và xem giải trí lành mạnh trong sách báo cũng đồng thời mang ý nghĩa giáo dục. Để cho yếu tố lợi nhuận trong nền kinh tế thị trường tác động xấu đến yếu tố giải trí, để cho phần giải trí lấn át nội dung giáo dục là một sai lầm cần uốn nắn, khắc phục.

4 - Về quan hệ giữa hợp tác và cạnh tranh trong các cơ quan báo chí, xuất bản. Trong chế độ ta, báo chí, xuất bản có mục tiêu chung là phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước theo đường lối của

Đảng. Các cơ quan báo chí, xuất bản được phân công theo chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích và có phạm vi hoạt động riêng. Việc hợp tác, phối hợp kế hoạch, giúp đỡ nhau để làm tốt nhiệm vụ chung là yêu cầu khách quan rất tự nhiên và rất cần thiết.

Báo chí không lấn sân làm những phần việc của sách, các nhà xuất bản cũng không nên biến các sách chuyên đề thành báo chí. Về nội dung, có những đề tài rộng, nhiều ngành, nhiều địa phương tổ chức viết, nhưng phải thể hiện được bản sắc riêng của ngành mình, địa phương mình, phải phù hợp với đối tượng bạn đọc.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi đã được xác định cho từng loại báo và nhà xuất bản, chúng ta chủ trương để cho các báo và nhà xuất bản cạnh tranh nhằm thu hút nhiều cộng tác viên giỏi, có sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, phát hành được nhiều sách báo tới đối tượng và cơ sở. Khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, đồng thời chúng ta cũng phê phán lối cạnh tranh mạnh ai nấy được, quay lưng, bất hợp tác, chụp giật tin bài, tranh ảnh, công kích, bêu riếu nhau trên mặt báo, trong cộng tác viên, gây hiểm khích bất hòa trong đồng nghiệp.

Để vừa hợp tác tốt, vừa cạnh tranh lành mạnh, các cơ quan lãnh đạo và quản lý nhà nước về lĩnh vực này cần hướng dẫn sự phối hợp trong việc tuyên truyền, ra sách, nhất là việc xuất bản các bộ sách văn học, sách dịch, việc in lịch hàng năm v.v. để tránh trùng lặp, gây lãng phí và vi phạm luật xuất bản.

Nắm vững các quan điểm cơ bản trên đây, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng và trách nhiệm quản lý của nhà nước đối với báo chí, xuất bản, chắc chắn sự nghiệp này sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa, đóng góp tích cực và xứng đáng hơn vào công cuộc đổi mới đất nước ta.

VẤN ĐỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

NGUYỄN VĂN ĐỘNG

Ở nước ta hiện nay, xây dựng nhà nước pháp quyền đã trở thành một nhiệm vụ quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội⁽¹⁾. Bởi vậy, việc nghiên cứu nghiêm túc nội dung và những giá trị tiến bộ trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền là hết sức cần thiết và cấp bách.

Qua kết quả nghiên cứu của các môn khoa học như triết học, lịch sử các học thuyết chính trị, lịch sử nhà nước và pháp luật các nước trên thế giới, chúng ta biết rằng tư tưởng về nhà nước pháp quyền được hình thành chủ yếu trong thế kỷ XIX do các học giả tư sản (như D.Locke, I.Kant...) có tư tưởng tự do đề xướng. Tuy vậy trước đó, trong cuộc đấu tranh của các dân tộc châu Âu chống bộ máy nhà nước chuyên chế ở thế kỷ XVII - XVIII vì các quyền tự do dân chủ và tiến bộ xã hội, những nguyên tắc về nhà nước pháp quyền đã được xác lập. Có thể nêu một số nội dung cơ bản trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền như sau :

- Chính quyền nhà nước tự giới hạn hoạt động của mình trong khuôn khổ luật pháp. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của nhà nước pháp quyền. Nguyên tắc này không chỉ là yêu cầu của các học giả tư sản tự do, mà còn là đòi hỏi của quần chúng đại quần chúng trong cuộc đấu tranh vì các quyền tự do dân chủ.

- Các quyền tự do dân chủ của công dân phải được nhà nước tôn trọng và bảo vệ toàn vẹn. Trong *Phép siêu hình của đạo đức*, I. Kant cho rằng "nhà nước là khối liên hiệp của nhiều người dưới sự điều tiết của luật pháp ; không khi nào được coi con người là phương tiện để đạt mục đích, mà ngược

lại, phải coi con người là mục đích cần đạt ; mỗi cá nhân và cả xã hội cần tôn trọng và bảo vệ pháp luật; mỗi công dân có các quyền, đồng thời có khả năng buộc người nắm quyền lực phải tôn trọng và thực hiện đúng luật pháp đã ban hành"⁽²⁾.

- Quyền lực nhà nước cần được phân chia ; để bảo đảm trách nhiệm qua lại giữa nhà nước và công dân thì hình thức tốt nhất trong tổ chức nhà nước là cộng hòa dân chủ. Song để chống tệ độc đoán, chuyên quyền, thì quyền lực của nhà nước cộng hòa ấy phải được phân chia thành quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, trong đó quyền lập pháp giữ vai trò chủ đạo. Các luật gia ở Nga thế kỷ XIX cũng coi thuyết phân quyền của Mông-te-xki-ơ là cơ sở để đề ra tư tưởng về nhà nước pháp quyền.

- Trong khi đề xuất nguyên tắc tối cao của luật, các nhà khoa học cũng đồng thời nhấn mạnh vai trò và tác dụng của cơ quan đại diện (nghị viện) ; cơ quan đại diện có quyền lập hiến và lập pháp, thực hiện sự giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Các cơ quan tư pháp phải tôn trọng và thực hành nguyên tắc độc lập khi xét xử các vi phạm pháp luật. Theo các đại biểu cho tư tưởng về nhà nước pháp quyền, thì muốn trở thành nhà nước pháp quyền, nhà nước phải quan tâm tới hệ thống tư pháp, tới các thẩm phán và luật sư. Nguyên tắc chỉ tuân theo

(1) Xem các diễn văn của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười và đồng chí Chủ tịch HDBT Võ Văn Kiệt tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII.

(2) Xem Chemilovski J.M. : "Nhà nước pháp quyền : Kinh nghiệm lịch sử", tạp chí *Nhà nước và pháp luật xã hội*, số 4-1989,

pháp luật trong xét xử, không những bảo đảm tính khách quan, vô tư và công bằng khi giải quyết các vụ án, mà còn có tác dụng ngăn ngừa những ý đồ và hành vi sử dụng luật pháp vì động cơ cá nhân. Các cơ quan tòa án không chỉ có chức năng xét xử mà còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động của các cơ quan hành pháp. I. Kant cho rằng : việc thành lập tòa án hiến pháp và trao cho nó quyền giám sát tính hợp hiến và hợp pháp trong các văn bản pháp quy và trong hoạt động của cơ quan hành pháp, là điều hết sức cần thiết và mang lại nhiều lợi ích.

Những yêu cầu có tính nguyên tắc của những người theo chủ nghĩa tự do đối với nhà nước tư sản, về thực chất là nhằm gạt bỏ nhân dân lao động, tạo cơ hội cho các tầng lớp quý tộc, các chủ sở hữu tư liệu sản xuất trong xã hội tham gia vào công việc quản lý nhà nước và đời sống chính trị. Họ đòi hỏi nhà nước tư sản phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do cá nhân, trước hết vì những lợi ích và quyền tự do của giai cấp tư sản. Họ yêu cầu nhà nước tư sản phải được tổ chức theo lối nghị viện, song nghị viện đó chỉ gồm những người có thế lực, có nhiều tiền và tài sản. Họ điều hòa mâu thuẫn giữa nhà nước với công dân bằng thủ đoạn mập mờ "phúc lợi chung", v.v.. Rõ ràng, tư tưởng về nhà nước pháp quyền mang tính giai cấp sâu sắc và thể hiện tính tương đối về mặt lịch sử.

Dĩ nhiên, những mặt tiến bộ và khoa học trong các luận điểm của tư tưởng về nhà nước pháp quyền được lịch sử thừa nhận và được áp dụng với cấp độ khác nhau ở các quốc gia trên thế giới.

*

Những năm gần đây, nhiều nhà khoa học và chính trị nhất trí cho rằng, xây dựng nhà nước pháp quyền ở những nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là yêu cầu khách quan, do quy mô và tính phức tạp của những nhiệm vụ mà nhà nước giải quyết, do thực trạng kinh tế, chính trị, xã hội và tình hình thực hiện pháp luật trong xã hội đòi hỏi.

Ở nước ta, những năm trước đây Đảng không đặt thẳng vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền. Tuy vậy, mọi chủ trương, chính sách của Đảng về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về hoàn thiện hệ thống pháp luật, đều không ngoài mục đích xây dựng nhà nước ta thật sự trở thành nhà nước của dân, do dân và vì dân, bảo đảm xã hội có kỷ cương, dân chủ, mọi công dân đều được hưởng các quyền và làm tròn nghĩa vụ của mình. Điều đó được thể hiện rất rõ trong nhiều văn kiện của Đảng, trong các hiến pháp đã ban hành (Hiến pháp 1946, 1959 và 1980). Do nhiều nguyên nhân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm, còn không ít biểu hiện tiêu cực. Để khắc phục tình trạng đó, Đại hội VII của Đảng đã đề ra những biện pháp thiết thực nhằm xây dựng và hoàn thiện về mọi mặt bộ máy nhà nước, xây dựng kỷ cương xã hội và thực hiện các quyền dân chủ của nhân dân.

Trước mắt, về mặt nhận thức, cần làm cho mọi người hiểu được ý nghĩa của việc xây dựng nhà nước pháp quyền : tôn trọng, bảo vệ và thực hiện đầy đủ các quyền của con người, của công dân ; nhà nước và công dân đều có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình ; bảo vệ và tăng cường trật tự pháp luật ; tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp chế xã hội chủ nghĩa ; bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở pháp luật, với sự phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quyền lực nhà nước, hành chính và bảo vệ pháp luật (có sự bảo đảm bằng cơ chế pháp lý) ; thống nhất và tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống các văn bản pháp luật (mà Hiến pháp là luật cơ bản). Văn bản pháp quy do các cơ quan hành chính, các tổ chức kinh tế ban hành, phải phù hợp và nhằm thi hành Hiến pháp và các đạo luật.

Ở nước ta hiện nay, trong nhận thức và vận dụng tư tưởng nhà nước pháp quyền, có mấy điểm đáng chú ý sau đây :

Thứ nhất, nhà nước pháp quyền không phải là

một kiểu nhà nước đặc biệt. Theo lý luận Mác - Lê-nin về nhà nước và như thực tế đã chứng minh : chỉ có bốn kiểu nhà nước trong lịch sử là nhà nước chiếm hữu nô lệ, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nói "pháp quyền" là nhấn mạnh tính pháp lý của nhà nước ; nói "xã hội chủ nghĩa" là chỉ tính chất, nội dung và mục tiêu phấn đấu của nhà nước.

Thứ hai, cần phân biệt phạm vi tác động của hai nguyên tắc trong nhà nước pháp quyền : *sự thống trị của luật pháp trong đời sống xã hội và tính tối cao của các đạo luật*. Nguyên tắc thứ nhất có phạm vi tác động rộng trên toàn xã hội, liên quan tới cả chủ thể và khách thể quản lý. Còn nguyên tắc thứ hai có phạm vi tác động hẹp hơn, chủ yếu trong hệ thống các văn bản pháp luật do nhà nước ban hành với mục đích buộc các cơ quan hành pháp và tư pháp phải tuân thủ nghiêm ngặt tính thứ bậc giá trị pháp lý của các đạo luật và các văn bản dưới luật.

Hiểu một cách máy móc và phiến diện về sự thống trị của pháp luật trong đời sống xã hội sẽ dẫn đến hai trạng thái tâm lý không đúng. Một là, tuyệt đối hóa vai trò của pháp luật, dẫn đến ý muốn "pháp luật hóa toàn bộ sinh hoạt xã hội", coi nhẹ các công cụ và biện pháp khác trong quản lý và trong đời sống, như : đạo đức, tập quán, truyền thống dân tộc, các công cụ tư tưởng, kinh tế, v.v. Hai là, thụ động, trông chờ, ỷ lại vào quyết định, chỉ thị ở cấp trên, không chịu suy nghĩ tìm kiếm các giải pháp tối ưu, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của ngành, địa phương hay cơ sở mình.

Thứ ba, nhà nước phải được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Có người băn khoăn : đối với nhà nước bóc lột thì đòi hỏi như vậy là đúng, còn trong nhà nước của dân, do dân và vì dân thì luật pháp có thể đứng cao hơn chính quyền nhà nước không ? Để trả lời câu hỏi này, lại phải đi từ các định nghĩa : nhà nước xã hội chủ nghĩa là gì, pháp luật xã hội chủ nghĩa là gì, bản chất, chức năng và mục tiêu hoạt động của nhà nước, v.v.. Ở

đây, chỉ xin nêu một ý là : nhà nước với luật pháp có quan hệ gắn bó với nhau nhưng không thể đồng nhất. Nhà nước ta được sinh ra không phải bằng pháp luật mà bằng kết quả đấu tranh đầy hy sinh gian khổ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, và sau đó, nhà nước xây dựng luật pháp để quản lý đất nước. Nếu hiểu theo nghĩa này, thì chính quyền nhà nước đứng trên luật pháp. Song vấn đề lại ở chỗ : luật pháp không phải của nhà nước, mà là của toàn thể nhân dân lao động ; nó là ý chí, lợi ích và nguyện vọng chung của nhân dân được quy phạm hóa thành những chuẩn mực và nguyên tắc trong hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và mọi công dân. Nhà nước chỉ là người thay mặt nhân dân thể chế hóa ý chí và lợi ích của nhân dân thành luật pháp và thực thi luật pháp ấy. Với tư cách là một bộ phận của xã hội, nhà nước cũng phải tuân thủ và chấp hành luật pháp. Mọi vấn đề về tổ chức và hoạt động của nhà nước đều phải được luật pháp quy định. Như vậy, tính phái sinh của pháp luật trong quan hệ với chính quyền không có nghĩa là luật pháp không được can thiệp vào tổ chức và hoạt động của nhà nước và nhà nước có quyền đứng trên pháp luật. Nhà nước chỉ trở thành nhà nước pháp quyền khi nó được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và nhằm thi hành pháp luật.

Thứ tư, phân định chức năng, nhiệm vụ giữa ba cơ quan thực hiện ba quyền : lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thực chất của thuyết phân chia quyền lực của Mông-te-xki-ơ là dùng quyền lực để hạn chế quyền lực. Ba cơ quan thực hiện ba quyền chế ước nhau nhằm loại trừ khả năng độc quyền và tính tự do tùy tiện của mỗi cơ quan. Có thể trong thuyết này có những hạt nhân hợp lý cần được tiếp tục nghiên cứu ứng dụng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Song một điều cần thấy là : trong điều kiện quyền lực nhà nước tư sản bị cắt ra từng phần, tương ứng với ý chí và lợi ích của các phe nhóm chống đối nhau kịch liệt, thì sự phân chia quyền lực như vậy là cần thiết và thích hợp. Đối với xã hội xã hội chủ nghĩa, quyền

lực nhà nước là thống nhất trên cơ sở quyền lực chính trị hoàn toàn thuộc về nhân dân (điều 6 Hiến pháp 1980). Để bảo đảm cho quyền lực của nhân dân được thực hiện một cách thống nhất, đầy đủ và có hiệu quả, thì phải có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan dân cử, cơ quan hành chính, tòa án và viện kiểm sát nhân dân (theo Hiến pháp 1980), trong đó các cơ quan quyền lực nhà nước, đặc biệt là Quốc hội, có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng. Quốc hội có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng nhất trong chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước, thực hiện quyền giám sát cao nhất đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Như vậy, chỉ có sự phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước, chứ không có sự phân chia quyền lực. Đương nhiên, sự phân định chức năng, nhiệm vụ nói trên cũng không phải tùy tiện, mà dựa trên cơ sở luật pháp và được bảo đảm bằng luật pháp.

*

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta không có mục đích tự thân, mà nhằm thực hiện các mục tiêu của công cuộc đổi mới do Đảng đề ra. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh và điều kiện nước ta hiện nay, quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền là tương đối lâu dài và không tránh khỏi những khó khăn, vấp vấp. Bởi vậy, Đảng và Nhà nước cần chỉ đạo các cơ quan chức năng xúc tiến soạn thảo một chương trình toàn diện, đồng bộ (từ tư tưởng, mục tiêu đến các biện pháp, bước đi cụ thể) về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Để có căn cứ lý luận, trước hết có hai việc chính:

a) Tổng kết toàn bộ sự nghiệp xây dựng nhà nước và pháp luật từ năm 1945 đến nay, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm, tiếp tục đổi mới bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật trong thời gian tới.

b) Tổ chức và đầu tư cho việc nghiên cứu những vấn đề về xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta. Ở đây có ba nhóm vấn đề:

+ *Nhóm 1, liên quan đến tư tưởng về nhà nước pháp quyền.* Ví dụ: nguồn gốc lý luận và những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự ra đời của tư tưởng về nhà nước pháp quyền; nội dung cơ bản của tư tưởng về nhà nước pháp quyền; nhà nước pháp quyền: khái niệm, các nguyên tắc cơ bản và những tiêu chuẩn chủ yếu; những giá trị tiến bộ và các mặt hạn chế trong tư tưởng về nhà nước pháp quyền v.v..

+ *Nhóm 2, liên quan đến sự vận dụng tư tưởng về nhà nước pháp quyền ở các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau thuộc các khu vực khác nhau trên thế giới; những cái chung và cái riêng trong sự vận dụng đó ở tất cả các nước...*

+ *Nhóm 3, liên quan đến thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt nam.* Ví dụ: cơ sở khoa học, những điều kiện cần và đủ cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; những đặc điểm chung và riêng của quá trình thiết lập nhà nước pháp quyền ở Việt nam; những yếu tố (tích cực và tiêu cực) ảnh hưởng trực tiếp tới việc xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay; những biện pháp chủ yếu để xây dựng nhà nước pháp quyền; con người trong nhà nước pháp quyền và những bảo đảm pháp lý cho các quyền con người ở Việt nam, v.v..

Nhà nước cần thành lập một trung tâm chuyên trách chỉ đạo và điều phối hoạt động của các cơ quan hữu quan, các viện nghiên cứu, các trường đại học và học viện về các mặt: tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tổng hợp các kết quả nghiên cứu và soạn thảo chương trình.

Những việc làm nói trên chính là cụ thể hóa những quan điểm, tư tưởng của Đảng về đổi mới nhà nước và pháp luật ở nước ta.

Uy tín chính trị của Đảng

TRẦN ĐÌNH HUỖNH *

1 - Uy tín chính trị của một đảng không thể đo ước muốn chủ quan mà được, không thể tự nhận mà có. Nó được xác lập bởi các nhân tố chủ quan của bản thân đảng phù hợp với những điều kiện khách quan của sự phát triển xã hội. Một khi những mâu thuẫn của xã hội phát triển tới mức gay gắt, nhu cầu của đời sống, của tiến bộ xã hội đòi hỏi phải giải quyết, thì trong xã hội tất yếu sớm muộn sẽ xuất hiện những cá nhân - đi liền với những cá nhân ấy là những lực lượng chính trị - có khả năng đáp ứng. Tùy theo tâm vóc của những mâu thuẫn xã hội và khả năng đáp ứng mà những cá nhân và những lực lượng chính trị ấy, có uy tín xã hội cao hay thấp. Hồ Chí Minh là người có uy tín chính trị lớn ở Việt nam và trên thế giới trong thế kỷ XX, bởi Người - và cùng với Người, là Đảng cộng sản Việt nam - đã đáp ứng được yêu cầu sống còn của dân tộc Việt nam và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới là đập tan chủ nghĩa thực dân, giành độc lập tự do cho dân tộc. "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" đã trở thành biểu tượng của ý chí con người trong thời đại chúng ta. Cách mạng Tháng Tám 1945, những giải pháp hòa bình thương lượng năm 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp, rồi tiếp theo là cuộc kháng chiến chống Mỹ..., suốt nửa thế kỷ đấu tranh, Đảng cộng sản Việt nam đã xây dựng và củng cố được uy tín chính trị của mình và đã thực sự là "đại biểu cho trí tuệ, lương tâm, đạo đức và danh dự của dân tộc Việt nam" (Hồ Chí Minh).

2 - Uy tín chính trị của một đảng do nhiều nhân tố cấu thành, những nhân tố đó gắn bó hữu cơ với nhau, cái này làm tiền đề cho cái kia, hợp thành một hệ chuẩn mực thống nhất.

Trước hết, uy tín chính trị của một đảng tiên phong lãnh đạo cách mạng được quyết định bởi *trình độ lý luận của đảng đó*. V.I. Lê-nin hoàn toàn có lý khi khẳng định rằng chỉ đảng nào có được

một lý luận tiên phong hướng dẫn mới làm tròn được nhiệm vụ của một chiến sĩ tiên phong. Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc chỉ dẫn đó và nói lại một cách dung dị, nhưng chính xác, bao quát được tính quyết định của lý luận tiên phong đối với toàn bộ hoạt động, thực tiễn của đảng. Người coi lý luận như là "trí khôn" của đảng. Trí khôn ấy đạt tới đâu thì toàn bộ hành động của đảng sẽ thành đạt tới đó, và do vậy mà uy tín của đảng được xác lập và được nhân dân thâm định.

"Trí khôn" - trình độ lý luận của đảng - không thể có một cách dễ dàng. Nó được xây dựng nên trước tiên bởi những *trí thức tiên tiến*, những nhà khoa học uyên bác, có khả năng thâm thái kho tàng kiến thức mà nhân loại đã tạo ra, đề từ cái *nền tảng* ấy suy lý và sáng tạo. Tư duy lý luận không thể hình thành ngay một lần, trong một khoảnh khắc của lịch sử; nó thường được xác lập một cách lâu dài, được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn, được bổ sung và sáng tạo liên tục. Thế giới khách quan vận động, biến đổi và phát triển tiến lên theo những con đường quanh co, khúc khuỷu; cái tất yếu, cái bản chất bị che khuất bởi vô số những cái ngẫu nhiên, những hiện tượng bề ngoài lắm khi rối ren và phức tạp. Những con người riêng lẻ lao động và mưu sinh trong những hoàn cảnh kinh tế - xã hội nhất định, họ bị chi phối bởi những điều kiện cụ thể của thời đại, của dân tộc, đẳng cấp và giai cấp đã sản sinh ra họ và qua đó họ góp phần đẩy bánh xe lịch sử tiến lên. Người trí thức tiên tiến biết phân tích và tổng hợp tất cả những hành động sáng tạo của các phong trào nhân dân để hoàn chỉnh dần hệ thống lý luận của mình. Màu xám của lý thuyết

* Phó viện trưởng Viện xây dựng Đảng, Viện Mác - Lê-nin

nếu thâm nhập được vào đời sống xã hội, trở thành một lực lượng vật chất, thành sức mạnh biến đổi xã hội, thúc đẩy lịch sử tiến lên, thì đó chính là sự chính xác của những chân lý khoa học được thực tiễn kiểm tra và thẩm định. Khi đó, chính lý luận khoa học tiên tiến giữ vai trò nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của đảng, làm cho đảng trở thành người chỉ đường, dẫn lối cho hành động của quần chúng. Khi đó, vai trò của đảng cần thiết cho sự sống còn của nhân dân, dân tộc; đảng như người cầm lái con thuyền cách mạng vượt đại dương mà trong tay đã có la bàn chỉ lối.

Trong những bước ngoặt của lịch sử, vào những thời khắc đường như "bước chân của nhân dân" đang ngập ngừng giữa ngã ba đường đòi hỏi "trí khôn" phải lên tiếng trả lời, phải quyết định, thì khi ấy, vai trò của lý luận cách mạng, của tư tưởng tiên tiến của đảng cách mạng đi tiên phong, giữ vai trò quyết định. Sự chính xác của những quyết định do có lý luận soi sáng, đã xác lập uy tín chính trị của đảng.

Thứ hai, uy tín chính trị của một đảng được quyết định bởi những nhiệm vụ chính trị mà đảng đó thực hiện. Nói cách khác, uy tín chính trị của một đảng là do khả năng vận dụng lý luận một cách thông minh vào hoàn cảnh thực tiễn để định ra cương lĩnh, chủ trương, chính sách đúng.

Cương lĩnh là biểu hiện năng lực trí tuệ của đảng, thể hiện trình độ lý luận của đảng. Lý luận tiên phong, thể hiện ra trước hết ở Cương lĩnh chính trị của đảng. Cương lĩnh là cần thiết, thiếu nó đảng sẽ mất phương hướng, song dù sao nó cũng mới chỉ như là ngọn cờ vẫy gọi, là khẩu hiệu kêu gọi hành động. Vì vậy, chủ trương, chính sách lớn có tác động trực tiếp đến toàn bộ đời sống xã hội sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín chính trị của đảng. Quần chúng, nhất là quần chúng nhân dân ở một nước nông nghiệp lạc hậu, trình độ dân trí thấp như nước ta, thì thường đánh giá sự lãnh đạo của đảng thông qua những cảm nhận trực tiếp, những chính sách và kết quả tác động trực tiếp đến cuộc sống hằng ngày của họ. Do đó, mỗi bước tiến trên thực tế, tác động đến lòng tin của quần chúng mạnh gấp nhiều lần so với những luận lý trừu tượng của cương lĩnh. C.Mác có lý khi ông nói rằng người nông dân Pháp "ngửi mùi vị" của chính phủ qua chính sách thuế đánh vào việc sản xuất rượu nho. Còn ở Việt nam, chúng ta có thể nhận thấy sự suy giảm lòng tin

của nông dân Việt nam đối với Đảng cộng sản Việt nam qua chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp một cách vội vã, duy ý chí, kèm theo hàng loạt những chính sách không đúng đắn đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Uy tín chính trị của đảng tăng hay giảm cùng với những chủ trương, chính sách của đảng thể hiện trong cuộc sống. Mỗi bước tiến về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, về quan hệ quốc tế... đem lại lợi ích cho Tổ quốc, cho mỗi người dân, sẽ là mỗi bước củng cố thêm uy tín của đảng. Nói cách khác, uy tín chính trị của đảng tỷ lệ thuận với những lợi ích chính đáng của nhân dân do chính sách của đảng đem lại.

Thứ ba, uy tín chính trị của đảng đo chính bản thân tổ chức của đảng quyết định.

Giữ gìn và nâng cao tư cách của một đảng chân chính cách mạng, luôn luôn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sinh mệnh của đảng. "Đảng không phải là một tổ chức để làm quan, phát tài" (1). Đất nước ta, nhân dân ta cần có Đảng, bởi vì qua kinh nghiệm hằn sâu, nhân dân thừa nhận chỉ có Đảng mới có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản nhất của đất nước là làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Tự do, hạnh phúc của nhân dân, đó là mục tiêu của những người cộng sản. Độc lập mà nhân dân không được hưởng tự do, hạnh phúc, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì. Những người cộng sản quan niệm chủ nghĩa xã hội là con đường đi tới mục tiêu đó. Nhưng muốn có chủ nghĩa xã hội, thì phải có những con người xã hội chủ nghĩa, và càng cần phải có những con người đủ phẩm chất và năng lực để lãnh đạo sự nghiệp giáo dục, đào tạo những con người xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo xã hội, phải đủ uy tín và năng lực để làm tròn nhiệm vụ đó. Trong Đảng ta, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà có không ít đảng viên không xứng đáng. Bên cạnh những người tốt, làm tròn nhiệm vụ, "cũng còn những người hủ hóa". Do vậy, đảng luôn luôn phải tự chỉnh đốn bản thân mình, phải "có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó" (Lời Hồ Chí Minh).

Tổ chức đảng phải biết làm cho mình trong sạch,

(1) Hồ Chí Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr 35.

vững mạnh. Điều quan trọng nhất là danh hiệu người đảng viên phải được bảo vệ và chứng minh trên thực tế, chứ không phải trên lời nói. Đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói rất đúng rằng : “quản chúng quan niệm về đảng, thường là những đảng viên cụ thể ở nơi làm việc và trong khu dân cư. Không có đảng trừu tượng, vô hình, nằm ngoài con mắt của quần chúng” (2).

Do vậy mà năng lực trí tuệ, khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có đạo đức, không tham ô hủ hóa, sống trung thực, có tác phong sâu sát quần chúng, được quần chúng tin yêu... ở mỗi đảng viên, là điều kiện cơ bản nhất quyết định uy tín chính trị của đảng.

Thứ tư, uy tín chính trị của đảng được bảo đảm bằng việc đảng biết sống trong lòng quần chúng, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, những khó khăn, nhọc nhằn và cả những oan trái, đau khổ của quần chúng, có ý thức trách nhiệm, dũng cảm và kiên trì tìm cách giải quyết có hiệu quả những tình trạng đó.

Khi Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân giành được chính quyền rồi thì vấn đề nổi lên là làm sao để Nhà nước ta thực sự là của dân, do dân mà có, biết vì nhân dân mà làm việc ; làm sao từ người đứng đầu nhà nước cho đến người dân thường, ai cũng “hiểu rằng các cơ quan của chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng đều là đầy tớ của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật” (3).

Dù cuộc sống còn thiếu thốn, khó khăn, nhưng Đảng phải làm sao để đa số nhân dân thấy rõ rằng Đảng là trí tuệ, là văn minh, là “quang minh chính đại” người dân thấy có Đảng là có lẽ công bình; đến với Đảng là đến với chân lý và lòng nhân ái ; nhìn vào những người cộng sản - nhất là các cán bộ lãnh đạo của Đảng - là thấy sự hiện diện của những nhân cách đáng noi theo, đáng hướng vào để hoàn lương, để tin yêu và nỗ lực vì con người, vì cuộc đời. Đó là uy tín chính trị đích thực của một đảng cách mạng chân chính, một đảng đủ khả năng đi tiên phong hướng dẫn nhân dân trong công cuộc phấn đấu lao động, xây dựng cuộc sống mới.

3 - Thực trạng uy tín chính trị của Đảng ta có mặt đáng lo ngại. Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng đã chỉ ra những yếu kém, bất cập và sự chưa ngang tầm của Đảng ta so với nhiệm vụ cách mạng ở giai đoạn mới. Do vậy, vấn đề chỉnh đốn đảng được

đặt ra như một giải pháp cơ bản nhất, như một thứ biệt được có sức đề kháng mạnh nhất đối với mọi tình trạng suy thoái của xã hội.

Qua mấy năm thực hiện chủ trương đổi mới, tuy tình hình có nhiều chuyển biến đáng khích lệ, song nói chung, kinh tế xã hội vẫn trong tình trạng không ổn định, vấn đề chỉnh đốn đảng chưa có tiến bộ cơ bản, có mặt còn đáng quan tâm hơn. Trong Lễ kỷ niệm lần thứ 60 Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã thẳng thắn chỉ ra rằng : “một số không ít đảng viên, cán bộ chúng ta còn bộc lộ nhiều thiếu sót. Tâm lý thụ động, bàng quan, thái độ vô trách nhiệm, tác phong làm việc theo kiểu bàn giấy còn ngự trị ở nhiều nơi. Có những người không chút động lòng, day dứt trước tiếng kêu oan ức, nổi bất công của người dân. Mỗi quan tâm hằng ngày của những người này không vượt ra khỏi bản thân và gia đình. Thậm chí ở một số nơi vừa qua, có những đảng viên, cán bộ đi đầu trong việc tập hợp lừa mị một số quần chúng nhẹ dạ dễ gây rối trong các vụ tranh chấp ruộng đất, chống đối lại chính quyền... Tôi không muốn kể thêm nhiều biểu hiện tiêu cực khác. Chỉ muốn lưu ý một hiện tượng là gần đây tình trạng xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, tham ô hối lộ, phung phí của cải của nhân dân, ăn chơi sa đọa trong một bộ phận cán bộ, đảng viên - nhất là ở các ngành kinh tế - tăng lên đến mức báo động, gây phẫn nộ chính đáng trong các tầng lớp nhân dân. Đây thật sự là tội ác dù xét theo khía cạnh đạo đức cá nhân hay hành vi xã hội”. Với cách nhìn sáng suốt, đồng chí Nguyễn Văn Linh đã nói một cách đầy tâm huyết rằng, nếu kéo dài những khuyết điểm trên thì nguy cơ mất dần quần chúng sẽ tăng lên.

Tới Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) như *Thông báo* đã chỉ rõ : tình hình kinh tế và xã hội vẫn “tiếp tục diễn biến phức tạp, có mặt rất gay gắt. Quản lý vĩ mô của Nhà nước có những khuyết điểm và sơ hở, cơ chế quản lý, tài chính, tiền tệ có nhiều thiếu sót. Việc ngăn chặn tình trạng tham ô lãng phí, buôn lậu, đầu cơ ít

(2) Nguyễn Văn Linh : Diễn văn đọc tại Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam.

(3) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 370.

(Xem tiếp trang 33)

Thực trạng và xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội, dân cư

LÊ VĂN TUẤN *

S AU hơn 4 năm thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng, bộ mặt kinh tế - xã hội nước ta đã có những chuyển biến tích cực theo hướng dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước và mở cửa, giao lưu quốc tế. Sự thay đổi của cơ cấu và tính chất nhiều thành phần của nền kinh tế đã dẫn đến sự phân hóa trong cơ cấu xã hội dân cư thể hiện ở sự phân công lao động, nghề nghiệp, mức sống, trình độ học vấn, dân trí... và chính điều đó phản ánh xu thế phát triển kinh tế hàng hóa theo các tầng lớp dân cư với các nghề nghiệp khác nhau. Sự biến đổi của cơ cấu xã hội dân cư và cơ cấu lao động - nghề nghiệp còn đang tiếp diễn ; cơ cấu đó chưa ổn định, vững chắc, nhưng cũng đã cho thấy một số đặc điểm sau đây :

Cơ cấu các tầng lớp xã hội dân cư hiện nay rất đa dạng, phức tạp. Trong đó vừa có các giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội dân cư do chế độ cũ để lại ; vừa có các giai cấp, tầng lớp xuất hiện trong chế độ xã hội chủ nghĩa, phát triển cùng với kinh tế quốc doanh và tập thể ; vừa có những nhóm xã hội mới xuất hiện, gắn liền với quá trình đổi mới và chuyển đổi cơ chế kinh tế, như nhóm kinh doanh tư nhân, những người thất nghiệp ; lại có cả những nhóm hình thành sau chiến tranh giải phóng dân tộc, như nhóm "chính sách" bao gồm thương, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

Do tác động của kinh tế thị trường, những bộ phận dân cư như bộ đội xuất ngũ, người lao động từ nước ngoài về, công nhân không có việc làm hoặc nghỉ theo chế độ, thanh niên mới bước vào

tuổi lao động, có xu hướng bỏ sung vào nhóm kinh doanh tư nhân, làm dịch vụ đô thị, hoặc về nông thôn, hoặc trở thành người thất nghiệp. Trong mỗi nhóm xã hội, cũng có biến động và di chuyển theo cơ chế "tự thích ứng" để tự tạo việc làm, để có thu nhập cao hơn cho bản thân. Chính từ đây mà ngành kinh tế dịch vụ đã xuất hiện, nổi bật hẳn lên. Xét về phương diện cơ cấu lao động nghề nghiệp, những di chuyển đó thể hiện sự phá vỡ khung nghề nghiệp lao động cũ vừa eo hẹp vừa nhỏ bé, để tiến tới sự đa dạng, phong phú trong các loại hình lao động, nghề nghiệp.

Về thu nhập và mức sống, trong xã hội, nhất là ở các đô thị, vẫn còn có sự cách biệt lớn giữa những người kinh doanh, buôn bán với những người làm công ăn lương ; những người thuộc diện chính sách, hưu trí... Ngay trong công nhân, thu nhập cũng chênh lệch nhau khá lớn giữa các khu vực, các ngành và các xí nghiệp khác nhau ; lại không phải do năng suất lao động quyết định, nên gây ra sự bất công, bất bình đẳng. Ở nông thôn, sự chênh lệch về thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo tuy chưa thật lớn, nhưng trong bầu không khí làng xã, lại có tác động khá mạnh. Sự năng động, tự thích ứng với cơ chế thị trường, sự phân công lại lao động - nghề nghiệp, sự chuyên môn hóa và phát triển ngành nghề mới, đã làm cho sự phân hóa về thu nhập trở nên sâu sắc hơn. Do đó, cần có các chính sách xã hội để giúp đỡ người nghèo, điều tiết thu nhập của người giàu trên cơ sở khuyến khích tất cả mọi người làm giàu.

Sự biến đổi của cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động

(*) Cán bộ Viện chủ nghĩa xã hội khoa học, Viện Mác - Lê-nin.

nghề nghiệp, tác động không nhỏ đến công tác vận động quần chúng, đến việc giải quyết các vấn đề xã hội và đòi hỏi phải xây dựng, bổ sung các chính sách kinh tế - xã hội sao cho phù hợp với tình hình mới. Để làm rõ hơn thực trạng và xu hướng biến đổi này, chúng ta đi sâu phân tích một số nhóm xã hội - nghề nghiệp và nhóm xã hội dân cư trên cơ sở điều tra, khảo sát thực tế.

Nông dân nước ta hiện chiếm 80% dân số, 75% lực lượng lao động. Trong những năm qua, với số vốn đầu tư khoảng 15 - 19% tổng số vốn đầu tư trong nền kinh tế quốc dân, nông dân đã sản xuất trên dưới 40% tổng sản phẩm xã hội và 50% thu nhập quốc dân⁽¹⁾. Thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI), nông nghiệp nước ta đang chuyển dần từ tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa, trên cơ sở hộ nông dân là một đơn vị kinh tế tự chủ. Những chuyển biến đó đã tác động và làm biến đổi cơ cấu dân cư, cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở nông thôn. Trong cơ cấu dân cư, ngoài nông dân tập thể, còn có nông dân cá thể, thợ thủ công, công nhân phục vụ nông nghiệp, cán bộ quản lý, giáo viên, đối tượng chính sách, đặc biệt là sự xuất hiện tầng lớp người kinh doanh, buôn bán, làm dịch vụ với các mức đầu tư vốn to nhỏ khác nhau. Theo thống kê, ở nông thôn, số người làm nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 84,3%; công nghiệp, xây dựng, vận tải - 8,67%; thương nghiệp, dịch vụ - 3,5%; văn hóa, xã hội - 2,8%; quản lý nhà nước - 0,68%⁽²⁾. Sự phân công lại lao động xã hội ở nông thôn, sự phát triển các ngành nghề mới và dịch vụ đã dẫn đến sự biến đổi trong cơ cấu lao động nghề nghiệp. Ở những nơi kinh tế hàng hóa phát triển, nhất là ở miền Nam, nhiều hộ nông dân đang dần dần đi vào chuyên môn hóa. Bên cạnh đó, đã xuất hiện nhiều hộ kinh doanh tổng hợp: làm ruộng, chăn nuôi, làm nghề thủ công, làm dịch vụ, để tận dụng mọi nguồn vốn. Kinh tế gia đình với mô hình VAC đã mở ra khả năng làm giàu cho hàng triệu gia đình nông dân. Tự trung lại, sự phân tầng xã hội theo nghề nghiệp diễn ra theo hướng hình thành các nhóm xã hội nghề nghiệp bao gồm các loại hộ nông

dân: 1) hộ chuyên kinh doanh, buôn bán, dịch vụ; 2) hộ chuyên ngành nghề; 3) hộ kiêm ngành nghề, buôn bán với nông nghiệp; 4) hộ thuần nông.

Cơ cấu thu nhập giữa các hộ nông dân có tương quan khá chặt chẽ với cơ cấu nghề nghiệp. Số hộ giàu (thu nhập trên 40 nghìn/người/tháng) là 8,06%, thường tập trung ở các hộ chuyên môn hóa hoặc kinh doanh tổng hợp. Ở những nơi kinh tế hàng hóa phát triển, có sự chuyên môn hóa cao, thì số hộ giàu cũng nhiều hơn (Hậu Giang: 15,7%). Ngược lại, số hộ nghèo (dưới 10 nghìn/người/tháng) còn 9,44%, thường tập trung ở nhóm các hộ thuần nông hoặc hộ già cả, neo đơn. Đương nhiên, cũng có những hộ thuần nông có vốn, đông lao động, có kỹ thuật trở thành những hộ giàu. Mức chênh lệch giàu - nghèo giữa hộ có thu nhập cao nhất và hộ có thu nhập thấp nhất vào khoảng 6 - 8 lần⁽³⁾.

Qua các số liệu điều tra trên đây có thể thấy rằng, quá trình đổi mới cơ chế kinh tế, phân công lao động xã hội đã tạo ra những chuyển biến tích cực ở nông thôn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc chia ruộng đất bình quân theo định suất đã làm cho ruộng đất trở nên manh mún và quá trình phân công lại lao động theo hướng "ai giỏi nghề gì làm nghề ấy" bị chậm lại và gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng ruộng đất ít, thừa lao động, thiếu việc làm, thu nhập thấp, đời sống nông dân còn nhiều khó khăn, vẫn là một thực tế ở nông thôn. Do đó, *đẩy nhanh và tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong phân công lao động xã hội, phát triển ngành nghề và dịch vụ, không đơn thuần là vấn đề kinh tế mà còn là vấn đề xã hội; là việc làm, thu nhập và đời sống của hàng chục triệu người. Bên cạnh việc giúp đỡ người nghèo, nhất là về vốn và kinh nghiệm, các chính sách của Đảng và Nhà nước cần khuyến khích mọi người làm giàu trên cơ sở chuyên môn hóa kinh doanh (làm dịch vụ, làm chủ thầu, chủ xưởng, chủ trang trại...).*

(1) Những vấn đề kinh tế và đời sống qua ba cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở, Nxb Thống kê, Hà Nội, 1991, tr 25.

(2) Báo Nhân dân, ngày 16-8-1990.

(3) Sđd: "Những vấn đề...", tr 38 - 39

Công nhân là những người lao động công nghiệp hoặc có tính chất công nghiệp, trực tiếp sử dụng tư liệu lao động trong các thành phần kinh tế. Trong khu vực quốc doanh, theo số liệu thống kê năm 1990 có 2,7 triệu người ; gồm 3 bộ phận chia theo cơ cấu lao động - nghề nghiệp như sau : công nhân *công nghiệp* (chiếm khoảng 60%) là hạt nhân của giai cấp công nhân, bao gồm những người tiên tiến, có ý thức tổ chức kỷ luật, có tay nghề cao hơn so với các bộ phận khác ; công nhân *nông nghiệp* trong các nông, lâm trường quốc doanh (khoảng hơn 60 vạn ⁽⁴⁾ ; và công nhân *dịch vụ* gồm những người sản xuất ra các phương tiện phục vụ công cộng, thương nghiệp, ăn uống. Bộ phận lao động công nghiệp ngoài quốc doanh năm 1989 có 1749,3 nghìn người, làm việc trong các xí nghiệp tư doanh, hộ tiểu công nghiệp và cá thể, trong các tổ, hợp tác xã chuyên. Riêng trong 1284 xí nghiệp tư doanh đã có 21 nghìn lao động ⁽⁵⁾. Gần đây, giai cấp công nhân có thêm một bộ phận mới xuất hiện : đó là công nhân trong các xí nghiệp liên doanh, đầu tư của nước ngoài, nhất là trong ngành dầu khí.

Bên cạnh những bản chất tốt đẹp đã được khẳng định, giai cấp công nhân cũng đã bộc lộ những nhược điểm, như trình độ văn hóa thấp, chưa phổ cập hết cấp II, trình độ tay nghề thấp, số thợ bậc cao và công nhân kỹ thuật còn quá ít, chưa được tiếp xúc nhiều với nền công nghiệp hiện đại, công nghệ tiên tiến. Đặc biệt, đời sống công nhân còn gặp rất nhiều khó khăn ; thu nhập vừa không đủ sống, vừa bấp bênh, vừa bất bình đẳng, đã làm phát sinh trong công nhân nhiều hiện tượng tiêu cực, tha hóa. Nhiều người tỏ ra chán nghề, muốn bỏ nghề hoặc chuyển sang làm nghề khác, sang thành phần kinh tế khác.

Chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều xí nghiệp đứng trước tình trạng thừa lao động, thiếu việc làm. Một bộ phận công nhân dôi thừa phải nghỉ việc theo chế độ, buộc phải tự thích ứng, tự xoay xở để bảo đảm cuộc sống, do đó làm thay đổi cơ cấu giai cấp công nhân. Công nhân quốc doanh có xu hướng giảm ; công nhân ngoài quốc doanh tăng lên cùng

với việc phát triển các hình thức kinh doanh, dịch vụ đô thị. Hiện nay, 25% công nhân trong các xí nghiệp tư doanh là từ các xí nghiệp quốc doanh chuyển sang ⁽⁶⁾, 50 - 66% tư thương là cán bộ, công nhân nhà nước đang làm việc hoặc đã nghỉ ⁽⁷⁾, và một số lượng lớn công nhân quốc doanh nghỉ việc đã tìm được việc làm mới, chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ đô thị.

Tuy nhiên, việc làm và đời sống vẫn là những vấn đề lớn và cấp bách trong các chính sách đối với giai cấp công nhân. Giải quyết vấn đề trên phải bắt đầu từ việc *bổ trí lại cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành công nghiệp, tổ chức lại các xí nghiệp quốc doanh, đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong công nghiệp...* Đối với số lao động dôi ra, cần giải quyết đúng chế độ của nhà nước, đào tạo lại nghề theo nhu cầu của thị trường lao động, giới thiệu việc làm, *tạo ra cơ chế, chính sách để người lao động tự tạo việc làm*. Đối với số công nhân trong các xí nghiệp quốc doanh sau khi đã tổ chức lại, cần từng bước tiền tệ hóa tiền lương, nâng cao thu nhập trên cơ sở tăng năng suất lao động, nhằm gắn bó người công nhân với xí nghiệp và nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn kỹ thuật.

Trí thức là những người lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn cần thiết cho từng lĩnh vực lao động của mình. Trong cơ cấu đội ngũ trí thức, bộ phận quan trọng nhất là trí thức khoa học kỹ thuật - những người sản xuất, truyền bá và ứng dụng tri thức khoa học trong các trường đại học, viện nghiên cứu, các ngành kinh tế quốc dân. Trí thức khoa học - kỹ thuật phân bố trong các ngành khoa học như sau : khoa học tự nhiên - 33,1%, khoa học kỹ thuật - 34,0%, khoa học y dược - 5,6%, khoa học nông nghiệp - 6,5%, khoa học xã hội - 21% ⁽⁸⁾ ; và thường tập trung ở các thành phố, thị xã. Trong những năm qua, tầng lớp trí thức khoa học kỹ thuật

(4) Báo Nhân dân, ngày 29-2-1988

(5) Sđd : "Những vấn đề...", tr 121

(6) Báo Hà Nội mới, ngày 20-2-1990

(7) Tạp chí Nội thương, số 5-1990, tr 24

(8) Thông tin công tác khoa giáo, số 3-1988, tr 15

là lực lượng chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của khoa học và công nghệ, hướng vào nghiên cứu ứng dụng nhằm phát triển sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất ; đã góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương phát triển kinh tế, đóng góp vào việc soạn thảo cương lĩnh, chiến lược kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý khoa học đã bước đầu được đổi mới nhằm gắn khoa học với sản xuất và đời sống, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các nhà khoa học, các tập thể khoa học ; sản phẩm trí tuệ bắt đầu được coi là một loại sản phẩm hàng hóa đặc biệt. Tuy nhiên, việc chậm đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với trí thức, đầu tư ít cho nghiên cứu, đã gây lãng phí nguồn chất xám, làm hạn chế tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia.

Giáo viên và văn nghệ sĩ cũng là một lực lượng đóng góp trong đội ngũ trí thức, nhưng họ đã "lao đao" nhiều nhất khi chúng ta chuyển sang cơ chế thị trường. Hiện tượng bỏ nghề là khá phổ biến, nhất là đối với giáo viên. Vì vậy, cần rà soát cụ thể vấn đề hạch toán kinh tế tại các đơn vị khoa học, văn hóa, giáo dục, cũng như chính sách đầu tư vào các lĩnh vực này ; làm sao bảo đảm điều kiện vật chất cho trí thức sống, làm việc và đóng góp hết sức mình cho xã hội bằng chất xám của mình. Ngoài ra, cần tiếp tục phát huy dân chủ, xây dựng bầu không khí tự do sáng tạo cho trí thức và đặc biệt là cho lực lượng văn học nghệ thuật để phát triển tài năng.

Thợ thủ công là những người lao động trong các ngành nghề thủ công truyền thống ; tập trung lẻ tẻ ở các vùng, làng nghề như dệt vải, dệt chiếu, cối, thảm, làm đồ gốm, mỹ nghệ và phân tán ở các vùng nông thôn dưới dạng các hộ chuyên và hộ kiêm. Lao động của người thợ thủ công chủ yếu bằng tay, với các công cụ thô sơ, năng suất thấp. Theo số liệu thống kê năm 1989, số lao động tiểu thủ công nghiệp là 2142,8 nghìn người ; trong đó có 661,9 nghìn người ở khu vực tập thể, 1481,9 nghìn người lao động cá thể ⁽⁹⁾.

Chuyển sang cơ chế kinh tế mới, người thợ thủ công đứng trước những khó khăn, thử thách lớn: sản phẩm ứ đọng, thiếu việc làm, đời sống khó khăn. Khoảng 20% số hợp tác xã thích nghi được với thị trường, 20% đã phải giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân. Bộ phận còn lại đang rất khó khăn ⁽¹⁰⁾. Do đó, người thợ thủ công ở nông thôn lại quay về với đồng ruộng, ở thành thị thì gia nhập đội quân buôn bán, dịch vụ.

Như trên đã nói, phát triển các ngành nghề thủ công là một trong những điều kiện để đẩy nhanh quá trình phân công lại lao động xã hội, giải quyết việc làm cả ở nông thôn và thành thị. Do đó, sự giúp đỡ của nhà nước về vốn, nguyên liệu, thị trường tiêu thụ là nguyện vọng chính đáng của người thợ thủ công. Phát triển các nghề thủ công tinh xảo phục vụ xuất khẩu, ưu đãi nghề nhân, bảo hiểm xã hội đối với thợ thủ công,... là những chính sách kinh tế - xã hội cần được nghiên cứu và giải quyết.

Nhà kinh doanh là những người thực hiện quá trình đầu tư hoặc làm dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích kiếm lời. Kinh doanh là một nghề lao động phức tạp, đòi hỏi sự hiểu biết, nhanh nhạy, đòi hỏi cả nghệ thuật, năng khiếu, cả sự mạo hiểm, dám chấp nhận rủi ro. Nhóm kinh doanh ở nước ta (chủ yếu xuất hiện trong đổi mới) tăng nhanh trong 2 năm gần đây. Cơ cấu nhóm này đa dạng, phức tạp, trong đó có cả những người đã (và đang) là cán bộ, công nhân nhà nước, trí thức, đảng viên... Những người thuộc dòng dõi các nhà kinh doanh có tiếng ngày xưa, những "ông vua" các ngành hàng thì vẫn chưa xuất hiện. Giới kinh doanh hiện nay đang có mặt ở 1284 xí nghiệp tư doanh, ở 333,3 nghìn hộ tiểu công nghiệp và cá thể ⁽¹¹⁾, 714,5 nghìn hộ tư thương và dịch vụ ⁽¹²⁾. Ngoài ra, còn một số lớn

(9) Số liệu tổng điều tra dân số 1-4-1989

(10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ VII, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 26.

(11) Sđd : "Những vấn đề..." tr 121.

(12) "Thực trạng kinh tế xã hội Việt nam giai đoạn 1986 - 1990", tạp chí Thống kê số 4-1990.

những người buôn bán nhỏ, những hợp tác xã và tổ sản xuất - thực chất là của một ông chủ.

Bên cạnh những đóng góp tích cực cho sự nghiệp đổi mới đất nước, giới kinh doanh cũng bộc lộ nhiều nhược điểm : khả năng hạn chế, tâm lý dè chừng, chưa dám đầu tư lớn vào sản xuất, làm ăn thực dụng theo kiểu "phi vụ", trốn, lậu thuế... Do đó, việc tăng cường quản lý bằng luật pháp vừa là yêu cầu cấp bách để định hướng phát triển cho các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân ; vừa là nguyện vọng của giới kinh doanh chân chính để làm ăn có trật tự, có luật pháp, bảo đảm quyền lợi của người có vốn và người góp vốn. Thông qua sự hỗ trợ về thuế, tín dụng, nhà nước khuyến khích các nhà kinh doanh đầu tư lớn vào sản xuất, tạo ra nhiều chỗ làm việc mới.

UY TÍN CHÍNH TRỊ...

(Tiếp theo trang 28)

kết quả ; chậm sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và đổi mới kinh tế tập thể. Việc sắp xếp tổ chức và giảm biên chế chậm. Tình trạng mất trật tự, kỷ cương còn nghiêm trọng (4).

Với những nhận định tổng quát như trên đủ thấy uy tín chính trị của Đảng ta đang là vấn đề cần phải được quan tâm nhiều nhất trong tất cả các chương trình, kế hoạch hoạt động của toàn đảng. Nguy cơ mất dần quần chúng vẫn gay gắt bởi nguyên nhân phát sinh của nó không những chưa giảm mà có nơi, có mặt lại nặng nề, trầm trọng hơn.

Chinh đốn đảng đang là vấn đề liên quan mật thiết đến sinh mệnh Đảng ta và đến sự sống còn của chế độ ta.

4 - Để củng cố và nâng cao uy tín của Đảng, cần phải làm nhiều việc, phải có những giải pháp đồng bộ, kiên quyết và cũng phải có thời gian không thể sốt ruột, bởi vì, muốn biến đổi cơ bản tình hình thì phải hướng toàn bộ trọng tâm công tác của Đảng vào việc giải quyết những vấn đề cơ bản của kinh tế - xã hội... tạo ra thế ổn định để bước vào thời kỳ phát triển. Một khi những dấu hiệu hưng thịnh

Trong cơ cấu xã hội nước ta hiện nay còn có một số nhóm xã hội - nghề nghiệp, xã hội - dân cư (như cán bộ quản lý ; học sinh, sinh viên ; người được xã hội bảo trợ - thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, có công với cách mạng, hưu trí, mất sức... ; và nhóm những người thất nghiệp) mà trong phạm vi bài này chưa thể đề cập hết.

Dưới tác động của cơ chế thị trường và quá trình dân chủ hóa, các nhóm xã hội, các bộ phận dân cư khác nhau trong xã hội đang từng bước vận động và trưởng thành. Cơ cấu lao động - nghề nghiệp cũng đang phát triển theo hướng đa dạng hóa lao động, việc làm và thu nhập. Vị trí, vai trò của các chính sách kinh tế - xã hội và chính sách xã hội là thúc đẩy sự vận động, phát triển ấy một cách nhanh hơn và theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

và phồn vinh xuất hiện thì lòng dân sẽ yên, và uy tín chính trị của đảng lãnh đạo sẽ được xác lập một cách vững chắc.

Nhưng để tiến tới mục tiêu đó, theo tôi, cần tập trung sức chống tham nhũng và buôn lậu, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của công tác xây dựng Đảng trong một số năm trước mắt.

Báo cáo của các cơ quan chức năng cho thấy : rất nhiều vụ buôn lậu và tham nhũng mà công luận đã lên án và cần được xét xử, là do đảng viên có chức quyền gây ra. Cần phải xét xử công minh mọi trường hợp phạm tội, chấm dứt sự vị nể cá nhân, "ô dù" che chắn. Đảng lãnh đạo các cơ quan tư pháp xét xử đúng pháp luật, đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nghiêm cấm việc dùng uy quyền cá nhân can thiệp vào công việc xét xử của cơ quan pháp luật. Trong tình hình hiện nay, nếu không chặn đứng được tệ tham nhũng, thì mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước dù đúng, vẫn cứ như lơ lửng trên không, như những khẩu hiệu không có sức sống, và uy tín chính trị của Đảng càng bị suy giảm.

(4) Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII), *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1992, tr 3

Thông tin trong nền kinh tế thị trường

PHẠM VĂN NGHIÊN *

NỀN kinh tế là tập hợp các doanh nghiệp và các hộ gia đình. Cũng có thể nói, nền kinh tế là tập hợp những cá nhân hoặc những nhóm người sản xuất (hàng hóa và dịch vụ) và tiêu dùng. Mỗi người hoặc mỗi tập thể đó trong cộng đồng xã hội, với những điều kiện hạn chế về tài nguyên, với những ràng buộc về luật pháp, về phong tục, tập quán v.v. đều có những nhu cầu, những mong muốn, và hình thành ở mức độ khác nhau những kế hoạch, dự án, về sản xuất hoặc tiêu dùng. Những mong muốn đó càng được kích thích và được thể hiện bằng hành động trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất cái gì, bằng cách nào và bán cho ai, với giá nào ; hoặc mua loại hàng gì, ở đâu, với giá nào mà túi tiền có thể chịu được ? Căn cứ vào đâu để lập dự án đó ? Có nhiều yếu tố để hình thành dự án của nhà doanh nghiệp hoặc người tiêu dùng, nhưng quan trọng hàng đầu là yếu tố thông tin, đặc biệt là thông tin trên thị trường.

Nhân đây, cần nhắc lại định nghĩa về thị trường. Thị trường là nơi gặp gỡ giữa những người mua và những người bán (hàng hóa và dịch vụ). Tuy nhiên, trên thị trường không chỉ lưu hành hàng hóa, dịch vụ, mà quan trọng hơn là *thông tin*, nghĩa là : hàng hóa loại gì, số lượng bao nhiêu, chất lượng thế nào, và - đặc biệt quan trọng - giá cả thế nào. Điều mà nhà doanh nghiệp cần biết trước tiên là tình hình thị trường, mức cung và cầu loại hàng nào đó mà người đó muốn sản xuất, và giá cả loại hàng đó mà những người sản xuất khác đã bán. Như vậy, muốn giành thắng lợi trong kinh doanh, phải sản xuất loại hàng mà thị trường đang cần với chất

lượng tốt hơn và giá không cao hơn những người sản xuất khác ; có nghĩa là : thực hiện cơ chế cạnh tranh. Khái niệm thị trường gắn liền với khái niệm cạnh tranh. Không thể có thị trường nếu không có cạnh tranh (điều mà trước đây trong cơ chế bao cấp gọi là "thị trường có tổ chức", nghĩa là nhà nước buộc các xí nghiệp phải sản xuất những mặt hàng nhất định và bán với giá nhà nước quy định, còn người mua, dù muốn hay không, cũng phải mua vì không có nguồn cung cấp nào khác, thì đây không thể gọi là thị trường theo đúng nghĩa của nó). Đương nhiên, không thể cạnh tranh nếu không nắm được thông tin.

Hiện nay, có lẽ không có quốc gia nào không thực hiện kế hoạch hóa ở hai quy mô : kế hoạch của doanh nghiệp (dù lớn hay nhỏ) và kế hoạch của nhà nước. Chỗ khác nhau là ở mục tiêu và phương pháp lập kế hoạch.

Lập kế hoạch dù ở tầm vĩ mô hay vi mô, chung quy cũng là chọn quyết định trên cơ sở xử lý thông tin có được. Thật là sai lầm nếu đi từ cực này sang cực khác : trước đây, chúng ta thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao, thì nay, có người lại phủ nhận cả công tác kế hoạch hóa ở tầm vĩ mô.

Thực ra, vấn đề là ở chỗ : lập kế hoạch, chọn quyết định như thế nào, để đem lại hiệu quả cao cho nền kinh tế. Điều đáng nói trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao trước đây ở Liên xô, Việt nam cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác là ở chỗ : mọi nhu cầu của nền kinh tế, kể cả nhu cầu

* Tiến sĩ kinh tế học

thiết yếu cho tiêu dùng của nhân dân, đều do một trung tâm là Ủy ban kế hoạch nhà nước quyết định. Ví dụ : nhu cầu về vải người ta thường tính theo kiểu : lấy bình quân nhu cầu của một người dân là 5m/năm nhân với số dân cả nước, rồi căn cứ vào công suất các nhà máy dệt hiện có, số nguyên liệu trong nước có thể cung cấp, từ đó biết được số nguyên liệu cần nhập, số mét vải cần sản xuất, và tính được giá bán mỗi mét vải. Cách tính đó thật là thô thiển, và hoàn toàn xa rời thực tế cuộc sống. Hàng triệu hộ gia đình, hàng chục triệu người dân có nhu cầu hết sức khác nhau về các loại vải dệt bằng những nguyên liệu khác nhau, chưa nói đến kiểu, dáng hàng may mặc.

Thực tế cho thấy, dù trung ương có bộ máy kế hoạch khổng lồ với những chuyên gia lập kế hoạch tài giỏi nhất, được trang bị bằng hệ thống máy tính hiện đại nhất, thì cũng không thể thu thập đầy đủ và xử lý đúng, kịp thời một khối lượng thông tin vô cùng to lớn và đa dạng như thông tin về thị hiếu người tiêu dùng, về tình hình nhu cầu, về giá cả trong phạm vi cả nước. Hãy để công việc đó cho hàng vạn nhà doanh nghiệp ở khắp nơi trong nước. Chỉ họ mới có điều kiện tìm hiểu trực tiếp người tiêu dùng, nắm sát thị trường, thu thập những thông tin vô cùng tản mạn và thiếu chính xác, nhưng họ lại có cách xử lý riêng để chọn quyết định cho việc kinh doanh của mình. Nếu xem thông tin là một loại tài nguyên quý giá, thì cách thu thập và xử lý thông tin như trên rõ ràng là cách sử dụng tài nguyên xã hội duy nhất có hiệu quả cao.

Như vậy, chúng ta có thể kết luận : *hãy phi tập trung hóa các quyết định về sản xuất*, lập kế hoạch sản xuất. Nhà nước trung ương chỉ nên có *kế hoạch hướng dẫn* người sản xuất, cho họ biết những thông tin về các loại hàng cần sản xuất, nhất là trên thị trường thế giới. Chẳng hạn, cho người trồng cà phê ở Đắk Lắk biết được giá cà phê trọng vòng vài năm tới hoặc lâu hơn nữa. Dự báo dài hạn về giá cả là thuộc chức năng thông tin của các cơ quan nhà nước. Kế hoạch hướng dẫn không phải là điều gì mới, nhiều nước có nền kinh tế phát triển đã thực hiện nó từ đầu thế kỷ. Đương nhiên, nhà nước cũng cần có quyết định trực tiếp đối với những vấn đề quan trọng nhất. Chẳng hạn, có xây dựng nhà máy điện nguyên tử không, nên bắc những

cầu nào qua các sông lớn, khai thác khoáng sản với quy mô nào, v.v... Đó là những vấn đề ngoài tầm các nhà doanh nghiệp nước ta hiện nay.

Vai trò của nhà nước còn quan trọng ở chỗ : hoạch định các chính sách, đặc biệt chính sách về tài chính và tiền tệ, trong đó có chính sách thuế.

Để tạo ra một nền kinh tế hàng hóa phát triển mà hiện nay nước ta chưa có, cần thực hiện trong thực tế chế độ *tự do kinh doanh*. Cơ chế mới đã thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, bên cạnh quốc doanh còn có các thành phần kinh tế khác. Tuy nhiên, trên thực tế, các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể còn bị nhiều hạn chế, và hậu quả là nguồn vốn trong dân chưa được huy động đúng mức trong khi nước ta rất cần vốn. Sự hạn chế đó thể hiện ở nhiều mặt : quyền vay ngân hàng, quyền xuất nhập khẩu trực tiếp, chính sách thuế, thủ tục khó khăn khi thành lập công ty, sự "thăm hỏi" của các cơ quan công an, thuế vụ, ủy ban các cấp ở địa phương, các chính sách thường thay đổi, v.v... Những người thận trọng, muốn tránh rủi ro lớn, thường không dám bỏ vốn ra kinh doanh. Các nhà kinh tế nước ngoài khi nghiên cứu tình hình kinh tế Việt nam cũng thừa nhận rằng nguồn vốn trong nhân dân còn rất lớn và chưa được huy động. Chắc chắn lỗi không phải ở bản thân họ - người có vốn, mà ở cơ chế, ở các cơ quan hoạch định chính sách của nhà nước.

Như vậy, đi đôi với việc phi tập trung hóa các quyết định về quản lý, cần phát triển không hạn chế các doanh nghiệp với quy mô khác nhau, đặc biệt trong khu vực tư nhân. Về nguyên lý, con người bao giờ cũng hành động theo hướng có lợi nhất cho bản thân mình, trong khuôn khổ luật pháp. Có được hàng vạn, hàng chục vạn doanh nghiệp lớn nhỏ, đủ các thành phần, thì sẽ *một mặt*, sử dụng được hàng triệu lao động dư thừa, *mặt khác*, làm cho thị trường trở nên năng động, tạo ra không khí cạnh tranh. Về phía nhà nước, không những không hạn chế, mà còn khuyến khích cạnh tranh. Chỉ trong điều kiện đó, trong cơ chế được tự do hoạch định dự án của mình, người kinh doanh mới tìm kiếm môi trường, thu thập mọi thông tin cần thiết cho kinh doanh của họ, cho dù những thông tin đó vô cùng

(Xem tiếp trang 39)

Chính trị học là gì ?

HOÀNG CÔNG

TỪ rất lâu, chính trị đã là một đối tượng được nghiên cứu. So với các môn khoa học xã hội khác như kinh tế học, dân tộc học, xã hội học v.v. thì lý luận về chính trị có sớm hơn nhiều, vì hoạt động chính trị là một trong những lĩnh vực hoạt động thực tiễn hằng ngày của con người từ khi xã hội phân chia thành giai cấp và xuất hiện nhà nước. Ăng-ghe-nơ nói : lịch sử loài người từ khi thành văn cho đến nay là lịch sử đấu tranh giai cấp. Chính trị gắn liền với nhà nước, với vấn đề quyền lực trong xã hội... Từ thế kỷ thứ V trước Công nguyên, nhà triết học Hy-lạp Pla-tông đã xây dựng lý luận riêng về vấn đề nhà nước và chính trị. Cũng thời gian đó, ở Trung quốc cổ đại, Khổng Tử đã xây dựng học thuyết Nho giáo, mà thực chất là học thuyết chính trị, đạo đức và có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển xã hội Việt nam. Nhiều học thuyết triết học về xã hội đều đã trực tiếp hay gián tiếp dựa vào việc nghiên cứu về chính trị. Ở nhiều nước, chính trị học được coi như môn khoa học chuyên nghiên cứu lĩnh vực hoạt động chính trị của con người, cũng giống như kinh tế học chuyên nghiên cứu lĩnh vực hoạt động kinh tế của con người.

Ở nước ta và một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây, chưa có bộ môn chính trị học đích thực, mặc dù chính trị đã là đối tượng của nhiều bộ môn khoa học. Triết học Mác - Lê-nin chỉ nghiên cứu chính trị như một bộ phận của cấu trúc thượng tầng do cơ sở hạ tầng quy định, như cuộc đấu tranh giai cấp ở mỗi chế độ xã hội do phương thức sản xuất xã hội quy định... hoặc như một hình thái ý thức xã hội (ý thức chính trị) do tồn tại xã hội quy định.

Nói tóm lại, triết học Mác - Lê-nin chỉ đề cập chính trị trong khuôn khổ vạch quy luật chung nhất diễn ra trong đời sống xã hội của con người, tức làm sáng tỏ quan điểm duy vật về lịch sử.

Môn chủ nghĩa xã hội khoa học (hay chủ nghĩa cộng sản khoa học) thì lại chỉ đề cập riêng chính trị của giai cấp vô sản : bản chất, sứ mệnh của giai cấp vô sản ; cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản ; các vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình... trong chủ nghĩa xã hội.

Môn lý luận về nhà nước và pháp luật cũng chỉ đề cập các hình thức nhà nước và bản chất giai cấp của các nhà nước trong lịch sử. Môn lịch sử đảng chỉ đề cập lịch sử và kinh nghiệm đấu tranh chính trị của đảng. Các môn lịch sử và lịch sử quan hệ quốc tế chủ yếu mô tả chính trị quốc gia và quốc tế theo lịch sử diễn biến. Môn phong trào cộng sản và công nhân cũng chỉ đề cập không ngoài lịch sử, diễn biến của phong trào đó...

Tóm lại, lý luận về chính trị ở nước ta cho đến nay chưa được nghiên cứu như một bộ môn khoa học riêng biệt với đầy đủ khía cạnh cần thiết, từ triết học tới các khía cạnh đặc thù khác.

Thực tiễn chính trị hiện nay đòi hỏi có sự phân tích đúng đắn mọi quá trình, sự kiện đang diễn ra, phân biệt được những gì là tất yếu và không tất yếu, những gì là tích cực và tiêu cực. Từ đó mà đề ra được chính sách đúng đắn. Muốn vậy thì không thể chỉ cần triết học, chủ nghĩa xã hội khoa học, không thể chỉ cần những kinh nghiệm hoạt động chính trị, mà còn cần kiến thức về những quy luật của chính

trị nói chung, cần những vấn đề thuộc đối tượng nghiên cứu của môn chính trị học.

Về mặt thực hành đường lối chính trị, thông qua và thực hiện các chủ trương chính trị, cũng rất cần sự hỗ trợ của kiến thức chính trị học. Đường lối chính trị đúng, nhưng không có phương pháp đúng và không có những con người với phẩm chất phù hợp với hoạt động chính trị, thì đường lối đó cũng không có hiệu quả.

*

Xuất phát từ yêu cầu nhận thức cũng như hoạt động thực tiễn, việc đưa lý luận về chính trị lên thành một bộ môn khoa học đích thực, là cần thiết. Nó là một môn khoa học mang tính tổng hợp. Chính trị học vừa dựa vào các quan điểm cơ bản của triết học duy vật lịch sử như là nguyên tắc phương pháp luận của mình; vừa dựa vào việc nghiên cứu lịch sử nhà nước, lịch sử Đảng, lịch sử các phong trào chính trị, v.v., coi đó như là cơ sở thực tiễn cho những kết luận lý luận, như là những bộ phận hợp thành nội dung của mình. Nhưng không có nghĩa cứ gộp nguyên xi nội dung các môn học trên là thành chính trị học. Chính trị học phải là môn khoa học chuyên nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động chính trị nói chung của con người. Nó phải vạch ra được những quy luật chung, những quan hệ đặc thù của lĩnh vực chính trị nói chung, nghĩa là phải xây dựng được hệ thống khái niệm riêng của mình, phản ánh những quan hệ, những quy luật phổ biến của thực tiễn chính trị.

Chính trị học trước hết phải vạch ra được đặc trưng của chính trị với tư cách là một lĩnh vực hoạt động thực tiễn của con người; vạch ra được những quan hệ chính trị chủ yếu (như quan hệ giai cấp, quan hệ dân tộc - quốc gia...), những vấn đề cơ bản của chính trị (như nhà nước và quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị...), những công cụ chính trị và phương pháp chính trị (đấu tranh bạo lực, đấu tranh hòa bình, bầu cử và nghị trường...), quan hệ của lãnh tụ chính trị và quần chúng. Chính trị học

nghiên cứu lĩnh vực hoạt động chính trị thực tiễn, nhưng không thể bỏ qua vấn đề ý thức và tâm lý chính trị như là sự phản ánh của thực tiễn chính trị vào ý thức và tâm lý của những tầng lớp giai cấp khác nhau.

Chính trị học với tư cách lý luận, phản ánh thực tiễn chính trị bằng khái niệm, mà thực tiễn chính trị lại là tổng hợp nhiều hoạt động xoay quanh vấn đề quyền lực chính trị.

Quyền lực chính trị là vấn đề (hay đòi hỏi, nhu cầu) nảy sinh một cách khách quan trong điều kiện xã hội phân chia thành các giai cấp có những lợi ích và vai trò khác nhau. Đó là quyền lãnh đạo và tổ chức xã hội (trong đó có quyền chi phối, điều khiển các giai cấp, các bộ phận dân cư khác) phù hợp với lợi ích kinh tế cơ bản của mình, là những lợi ích xuất phát từ chính sự phát triển của trình độ sản xuất của xã hội.

Có thể nói quyền lực là đặc trưng của chính trị, vì các quan hệ nảy sinh trong xã hội, nếu không bao hàm vấn đề quyền lực thì không thể là quan hệ chính trị, mà chỉ là quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội giữa các công dân, các cá nhân, gia đình, v.v.. Nhưng nếu chỉ nói quyền lực chung chung thì chưa đủ; quyền lực phải là quyền lực nảy sinh trong mối quan hệ giữa các giai cấp, dân tộc, hay giữa các quốc gia, nảy sinh trên cơ sở lợi ích kinh tế cơ bản do phương thức sản xuất tạo ra. Nói chính xác, đó là quyền lực chính trị. Quyền lực chính trị là *khái niệm cơ bản* của chính trị học.

Về cơ cấu của môn chính trị học, theo tôi, đại thể có thể bao gồm những vấn đề như sau:

I - Các vấn đề lý luận cơ bản của chính trị học:

- 1 - Vấn đề cơ bản của chính trị (quyền lực chính trị).
- 2 - Các chủ thể của quan hệ chính trị: giai cấp, quốc gia, dân tộc, tôn giáo.
- 3 - Các đại diện chính trị.
- 4 - Quan hệ của kinh tế và chính trị (quan điểm triết học duy vật lịch sử (...); quan hệ của chính trị với quân sự và ngoại giao.

5 - Hệ thống chính trị, nhà nước và tổ chức chính trị :

+ bản chất nhà nước, kiểu nhà nước, các đảng và hiệp hội chính trị của các giai cấp, tầng lớp, tôn giáo... ;

+ vai trò chính trị và hành chính của nhà nước ; quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước ;

+ các vấn đề của chế độ dân chủ (kể cả vấn đề đa nguyên, đa đảng và dân chủ).

6 - Công cụ của quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước (quân đội, cảnh sát, tòa án, pháp luật...).

7 - Phương pháp đấu tranh giành quyền lực chính trị (đấu tranh nghị trường, đấu tranh bạo lực, bạo lực chính trị và bạo lực quân sự, cách mạng, đảo chính và phản đảo chính, v.v.). Các thủ đoạn chính trị cá nhân.

8 - Chiến lược và sách lược ; lực lượng chính trị ; liên minh ; mâu thuẫn và thời cơ chính trị.

9 - Ý thức chính trị và tâm lý chính trị. Các trạng thái tâm lý xã hội và các hậu quả xã hội kèm theo các sự kiện chính trị.

10 - Lãnh tụ chính trị (phẩm chất chính trị cá nhân).

11 - Lô gíc kinh tế và lô gíc chính trị hay là vấn đề ứng xử tương đối của chính trị với kinh tế ; vấn đề truyền thống chính trị.

12 - Đạo đức và văn hóa trong chính trị.

II - Chính trị quốc tế :

13 - Quan hệ giữa vấn đề quốc gia, dân tộc, giai cấp trong chính trị quốc tế.

14 - Vai trò các siêu cường.

15 - Liên hợp quốc, các tổ chức chính trị quốc tế, các liên minh quốc tế.

16 - Công pháp quốc tế trong quan hệ quốc tế.

III - Các phong trào chính trị :

17 - Lịch sử các phong trào giải phóng dân tộc.

18 - Các phong trào tôn giáo.

19 - Các phong trào cộng sản và xã hội chủ nghĩa.

IV - Vai trò chính trị của các tôn giáo thế giới

(thiên chúa giáo, hồi giáo và các tôn giáo khác).

V - Tác động của các tổ hợp công nghiệp - quân sự và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, tác động của các tổ chức maphia, v.v. đến chính trị.

*

Chính trị học đề cập những mặt khác nhau trên lĩnh vực hoạt động chính trị, rút ra những quy luật, những biểu hiện phổ biến, lặp đi lặp lại của hoạt động chính trị. Điều này làm cho lý luận về chính trị, dù có mang lập trường giai cấp khác nhau, ở mức độ nào đó, vẫn có những nét chung không thể bác bỏ. Chính nó làm cho chính trị học trở thành một khoa học.

Giống như nhiều môn khoa học xã hội khác, phương pháp nghiên cứu của chính trị học là sự quan sát thực tiễn và khái quát hóa. Nhưng nó cũng có điểm khác. *Thứ nhất*, bản thân thực tiễn chính trị là sự tổng hợp những quan hệ đan xen giữa lợi ích kinh tế của giai cấp với lợi ích kinh tế của dân tộc, quốc gia ; giữa lợi ích kinh tế với quyền tự chủ của dân tộc ; giữa kinh tế với hệ tư tưởng, v.v.. Mặc dù, suy cho cùng, lợi ích kinh tế của giai cấp là quyết định, song điều đó không phải diễn ra một cách đơn giản và trực tiếp. Do đó, khi nghiên cứu về chính trị, phải đặc biệt chú ý tới việc phân tích một cách *toàn diện* và *có hệ thống* toàn bộ các quan hệ đan xen nói trên. *Thứ hai*, chính trị phụ thuộc rất lớn vào vai trò cá nhân của người đại diện chính trị, mặc dù chúng ta không phủ nhận, xu hướng phát triển xã hội xét đến cùng, là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Điều này làm tăng thêm tính ngẫu nhiên của chính trị, hay nói cách khác : làm cho tính tất yếu của lịch sử bị những yếu tố ngẫu nhiên che lấp. Cũng vì vậy, khi nghiên cứu chính trị không thể bỏ qua việc phân tích yếu tố con người, đặc biệt là vai trò cá nhân lãnh tụ. *Thứ ba*, hoạt động chính trị không chỉ mang tính khoa học, nghĩa là dựa vào các quy luật của xã hội, của riêng chính trị, mà còn là nghệ thuật - nghệ thuật biến khả năng thành

hiện thực. Trong đó, vai trò của ý thức, của những thủ đoạn tuyên truyền... không thể xem thường. Do vậy, không giống như kinh tế học và nhiều khoa học xã hội khác chỉ dựa vào những con số thực tế, chính trị học chú ý cả những tuyên bố, những dự định, những ý đồ... nghĩa là tất cả những gì chưa trở thành thực tế, đặc biệt rất quan tâm tìm hiểu hoạt động của các chính khách, các nhân vật có thế lực, các hoạt động ngoại giao bí mật.

*

Chính trị học là môn học còn mới mẻ đối với chúng ta. Không thể đơn giản coi chính trị chỉ như một lĩnh vực hoạt động đã được nhiều bộ môn lý luận nghiên cứu kỹ, do đó không cần có thêm một

bộ môn nghiên cứu riêng về nó. Cũng không thể đơn giản coi nghiên cứu chính trị chỉ là nghiên cứu đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Chính trị học có nội dung phong phú, sinh động hơn nhiều. Có thể nói, muốn hoạt động chính trị có hiệu quả, nhất thiết phải có tri thức về chính trị học.

Ở nước ta, đã đến lúc phải xây dựng môn chính trị học. Muốn vậy, về mặt tổ chức, cần có một trung tâm nghiên cứu chính trị, hay một trung tâm chính trị học theo đúng nghĩa. Trung tâm này sẽ nghiên cứu các vấn đề lý luận của chính trị học, mặt khác sẽ góp phần nghiên cứu thực tiễn chính trị hiện nay, góp phần xây dựng chiến lược, sách lược và các chính sách trong lĩnh vực hoạt động chính trị của Đảng và Nhà nước ta.

THÔNG TIN...

(Tiếp theo trang 35)

đa dạng, phân tán và thiếu chính xác. Chỉ trong cơ chế cạnh tranh, tự do kinh doanh, mới có thể sử dụng được một cách tối ưu nguồn tài nguyên quý giá : thông tin.

Mặc khác, có một hệ thống thông tin phát triển, thì mới tạo được sự phát triển của thị trường. Một chuyên gia trong tổ chức tín dụng Pháp (Credit Lyonnais), trong một cuộc hội thảo tổ chức ở Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, đã nhấn mạnh rằng : thông tin là yếu tố quan trọng hàng đầu của việc hình thành và phát triển thị trường vốn. Thật vậy, một công ty phát hành cổ phiếu mà người ta không biết công ty đó làm ăn ra sao, tương lai thế nào, thì ai dám mua cổ phiếu của công ty đó. Sự đổ vỡ hàng loạt tín dụng trên quy mô lớn ở nước ta trong thời gian qua, ngoài nguyên nhân về mặt luật pháp, còn có nguyên nhân quan trọng về thông tin. Người gửi tiền không biết đích xác, cơ sở tín dụng thế nào ; thậm chí có nơi thực chất đầy không phải là cơ sở kinh doanh tiền tệ mà là tổ chức lừa bịp.

Một khía cạnh liên quan đến thông tin cần được lưu ý : không thể xem một sản phẩm của một doanh

nh nghiệp nào đó như một *tồn tại về kinh tế*, nếu người tiêu dùng không biết sản phẩm đó. Vì vậy, hàng hóa, dịch vụ cần được thông tin đến người cần hàng hóa, dịch vụ đó. Lâu nay, trong xã hội ta, có một số người chuyên làm môi giới giữa người bán và người mua (giới thiệu hàng, chất lượng, giá cả...), và họ bị những thành kiến bất công, xem là người "buôn nước bọt". Thật ra, công việc đó rất cần thiết, không kém phần quan trọng như chính việc sản xuất ra hàng hóa đó. Trong nền kinh tế thị trường, các công việc như chào hàng, môi giới, quảng cáo, marketing, v.v.. được xem là những công việc tạo ra "giá trị gia tăng" cho hàng hóa.

Tóm lại, trong nền kinh tế thị trường, với thông tin đa dạng và rất tản mạn như đã nói ở trên, hàng chục vạn doanh nghiệp lớn, nhỏ không phải hoạt động một cách lộn xộn, mà tuân theo các quy luật nhất định của thị trường : quy luật giá trị, quy luật cung cầu, phản ứng kịp thời với những biến động về giá cả, tiền tệ, v.v.. Hoạt động đó, đương nhiên, dựa vào thông tin trên thị trường và từ các cơ quan nhà nước. Hệ thống thông tin đó tạo ra cơ chế tự điều chỉnh của hệ thống kinh tế bao gồm hàng vạn doanh nghiệp, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của thị trường.

TĂNG CƯỜNG KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC KINH TẾ

HÀ MẠNH TRÍ *

TRONG những năm qua, cùng với thành tựu quan trọng của việc đổi mới quản lý kinh tế, cũng đã bộc lộ nhiều vấn đề cần đấu tranh, khắc phục. Một số người bi quan, rụt rè, không đủ dũng khí để kiên quyết từ bỏ cơ chế cũ. Ngược lại, một số người có tâm lý nôn nóng, nhấn mạnh một chiều tính tự chủ, tính năng động, bỏ qua các nguyên tắc. Cả hai xu hướng lệch lạc đó đều đem lại hậu quả tai hại là : nghị quyết, chỉ thị của đảng không được thực hiện, pháp luật của nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh ; vi phạm, tội phạm có điều kiện phát triển, tham nhũng trở thành tệ nạn nặng nề. Năm 1989, các cơ quan công an, Viện kiểm sát, Tòa án đã giải quyết trên 4000 vụ án kinh tế, trong đó có hàng chục vụ gây thiệt hại tài sản của nhà nước từ 20 triệu đồng đến hàng tỉ đồng. Năm 1990, số vụ án kinh tế tăng 22% so với năm 1989, tính chất và hậu quả vật chất nghiêm trọng hơn nhiều lần so với các năm trước. Chỉ riêng ở một thành phố đã có 42 vụ án kinh tế lớn, mỗi vụ thiệt hại từ 500 triệu đồng đến 150 tỷ đồng. Sáu tháng đầu năm 1991, tội phạm kinh tế được phát hiện và xử lý tiếp tục tăng. Hàng ngàn người, trong đó có nhiều người có chức, có quyền đã bị truy tố, xét xử trước pháp luật.

Tình hình đó đã gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của nhà nước và của nhân dân, làm giảm sút hiệu lực quản lý của nhà nước, xói mòn niềm tin trong nhân dân, nếu không sớm được khắc phục thì chẳng những có hại cho việc thực hiện đường lối đổi mới kinh tế, mà còn có thể dẫn đến hậu quả

khôn lường về chính trị.

Để khắc phục tình trạng trên đây, cần tăng cường công tác quản lý kinh tế bằng pháp luật và tăng cường hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công cuộc đổi mới, tăng cường kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

Điều 138 Hiến pháp năm 1980 và điều 1 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân quy định : Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Thực hiện chức năng đó, ngành kiểm sát nhân dân mấy năm gần đây đã có nhiều cố gắng về kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các ngành kinh tế, và đã thu được những kết quả tích cực, góp phần vào việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Năm 1989, ngành kiểm sát nhân dân tập trung kiểm sát hệ thống ngân hàng nhà nước. Qua kiểm sát các ngân hàng chuyên doanh trung ương và hàng trăm ngân hàng địa phương, đã phát hiện những vi phạm pháp luật nghiêm trọng của hệ thống ngân hàng trong công tác quản lý và kinh doanh tiền tệ : cho vay không có thế chấp, quản lý séc lỏng lẻo và sử dụng lợi nhuận thu được vào những mục đích cục bộ của ngành. Một số đáng kể cán bộ ngân hàng vi phạm pháp luật đã bị xử lý, kỷ luật, trong đó hàng trăm người bị truy tố, xét xử trước tòa án nhân dân. Tình trạng đó làm thất thoát hàng trăm tỷ đồng tài sản nhà nước. Qua kiểm sát, viện kiểm sát nhân dân

* Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

các cấp đã kiến nghị thu hồi số tài sản bị thất thoát và đã thu hồi được trên 40 tỷ đồng về cho ngân sách. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã kiến nghị Tổng giám đốc Ngân hàng nhà nước khắc phục vi phạm, chấn chỉnh công tác quản lý và kinh doanh tiền tệ ; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành những quy định phù hợp, khôi phục trật tự pháp luật trong quản lý kinh doanh tiền tệ.

Năm 1990, ngành kiểm sát tập trung kiểm sát lĩnh vực kinh doanh thương mại, thuế và quản lý thị trường, nhằm góp phần lập lại trật tự pháp luật trong kinh doanh thương mại, chống thất thu thuế. Cả ba cấp kiểm sát đã kiểm sát gần một nghìn đơn vị thương nghiệp quốc doanh, gần ba nghìn đơn vị làm kinh tế của các cơ quan đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, hành chính sự nghiệp, và trên sáu nghìn hộ tư thương. Qua kiểm sát đã phát hiện các vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong kinh doanh thương mại, các hành vi trốn thuế dưới nhiều hình thức của các cơ quan, đơn vị có kinh doanh thương mại và các hộ tư thương ; nhiều cơ quan thuế buông lỏng quản lý và ở một số nơi có biểu hiện tiêu cực, gây thất thoát hàng tỷ đồng tiền thuế xuất nhập khẩu. Viện kiểm sát các cấp đã kiến nghị khắc phục các vi phạm pháp luật, thu hồi cho ngân sách 48 tỷ đồng.

Năm 1991, tăng cường việc quản lý ngoại tệ trở thành một yêu cầu cấp bách của nền kinh tế quốc dân. Toàn ngành kiểm sát đã tập trung kiểm sát việc quản lý và sử dụng ngoại tệ, vàng... Từ tháng 4 đến hết tháng 8-1991 tại 29 tỉnh, thành phố, các viện kiểm sát nhân dân đã kiểm sát trên 200 cơ sở kinh tế có nguồn thu ngoại tệ trong 2 năm 1989 - 1990 gần 600 triệu USD. Trong đó có các đơn vị đem bán và cho vay lãi vượt tỷ giá hối đoái trên 100 triệu USD. Ngoài ra, có hiện tượng các đơn vị tùy tiện thanh toán với nhau bằng ngoại tệ, không thực hiện bán ngoại tệ cho quỹ tập trung của nhà nước. Hậu quả của tình trạng đó là ngoại tệ không được quản lý thống nhất để nhập khẩu vật tư, thiết bị thiết yếu cho nền kinh

tế. Nhiều cơ sở kinh tế đã tùy tiện sử dụng nguồn thu ngoại tệ vào những mục đích cục bộ, gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc dân, làm rối loạn thị trường, đẩy giá ngoại tệ lên ngày một cao. Nửa đầu năm 1991, viện kiểm sát các cấp đã có nhiều kiến nghị đối với các cơ quan đơn vị khắc phục các vi phạm trong quản lý và sử dụng ngoại tệ. Toàn ngành đã kiến nghị thu hồi cho ngân sách gần 80 tỷ đồng Việt nam và trên 14 triệu USD, trong đó đã thu hồi được gần 20 tỷ đồng Việt nam và gần 500 ngàn USD.

Từ năm 1989 đến nay, ngành kiểm sát nhân dân còn đi vào kiểm sát lĩnh vực nông nghiệp, bảo đảm cho Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Luật đất đai và Pháp lệnh thuế nông nghiệp được nhận thức và thực hiện đúng. Việc kiểm sát cho thấy hầu hết các địa phương đã áp dụng khoán ruộng đất một cách tùy tiện, chủ yếu là khoán trắng. Đất đai bị cấp, bán bừa bãi ; tài sản, tư liệu sản xuất của tập thể bị thanh lý, sử dụng vô nguyên tắc, gây thiệt hại rất nghiêm trọng. Tình hình kinh tế - xã hội ở nhiều nơi diễn biến phức tạp.

Ngoài các lĩnh vực trên, trong hai năm 1989 và 1990, viện kiểm sát các cấp còn đi vào kiểm sát các đơn vị kinh tế của ngành giao thông vận tải, năng lượng... và đã truy thu nộp ngân sách trên 10 tỷ đồng.

Thông qua việc kiểm sát các ngành kinh tế trọng điểm trên đây, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã báo cáo với Quốc hội, Hội đồng nhà nước về thực trạng chấp hành pháp luật tại các ngành này, đề xuất các biện pháp giải quyết, và kiến nghị với Hội đồng bộ trưởng một số vấn đề về quản lý vĩ mô.

Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành công tác kiểm sát đối với lĩnh vực quản lý kinh tế, ngành kiểm sát nhân dân chưa làm hết chức năng, nhiệm vụ như Hiến pháp và Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân quy định. Điều này, trước hết do bản thân ngành kiểm sát còn nhiều khuyết, nhược điểm trong quá trình tiến hành công tác. Một bộ phận không nhỏ cán

bộ kiểm sát thiếu kiến thức quản lý kinh tế, thiếu nhạy bén trước thực tiễn, nên tiến hành công tác kém hiệu quả, không phát hiện đúng các vi phạm để có kiến nghị xử lý kiên quyết, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, làm trong sạch đội ngũ cán bộ. Viện kiểm sát các cấp cũng chưa chú trọng kiểm sát các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế của các bộ và cơ quan chức năng, do vậy chưa có tác dụng ngăn chặn vi phạm ngay từ các văn bản.

Mặt khác, về khách quan, công tác kiểm sát gặp những khó khăn, trở ngại không nhỏ. Khó khăn trước hết là thiếu pháp luật về quản lý kinh tế. Các văn bản pháp luật cần thiết, chưa được ban hành kịp thời. Một số văn bản vừa ban hành đã lạc hậu so với thực tiễn, hoặc chồng chéo nhau. Do vậy, công tác kiểm sát thiếu căn cứ pháp lý để xác định vi phạm và mức độ xử lý. Khó khăn nữa là một số ngành và địa phương chưa hiểu rõ chức năng của ngành kiểm sát, không muốn viện kiểm sát kiểm sát công việc của mình. Có trường hợp khi bị viện kiểm sát phát hiện vi phạm và kiến nghị sửa chữa, họ không những không nghiêm túc nghiên cứu sửa chữa, mà còn "chạy chọt" các cấp có thẩm quyền, đề nghị "can thiệp", "giúp đỡ", nhằm lẩn tránh trách nhiệm. Có người còn cho rằng, trong cơ chế thị trường hiện nay, khi quyền tự chủ đã được mở rộng, thì việc viện kiểm sát tiến hành kiểm sát lĩnh vực kinh tế là không phù hợp. Đó là quan điểm sai lầm. Chúng ta còn nhớ, cách đây 70 năm, chính vào thời kỳ thực hiện chính sách kinh tế mới ở Liên xô (trước đây), Lê-nin đã vạch rõ phải tăng cường công tác của viện kiểm sát như một công cụ quan trọng của nhà nước để bảo vệ pháp chế thống nhất, tức là bảo vệ sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật. Lê-nin khẳng định: "Pháp chế thì phải thống nhất; và mối nguy hại to lớn nhất trong đời sống của chúng ta, cũng như trong tình trạng kém văn hóa của chúng ta là ở chỗ chúng ta dung túng quan điểm muôn thuở của nước Nga và những tập quán nửa man rợ muốn duy trì pháp chế của tỉnh Ca-lu-ga cho khác với pháp chế của tỉnh Ca-dan"

(1). Lê-nin nhấn mạnh, viện kiểm sát có quyền và có bổn phận chỉ làm một công việc mà thôi, tức là: "làm thế nào cho trong toàn nước cộng hòa có một sự nhận thức thật sự nhất trí về pháp chế, dù là ở các địa phương có những đặc điểm và những ảnh hưởng như thế nào chăng nữa" (2).

Ngày nay, dù ở đâu đó, người ta không muốn viện dẫn Lê-nin, thậm chí phủ định sự nghiệp vĩ đại của Lê-nin, nhưng những quan điểm của Người về pháp chế vẫn còn nguyên giá trị đối với sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Báo cáo chính trị tại Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ, nền kinh tế của nước ta hiện nay là nền kinh tế nhiều thành phần, và khẳng định: "Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác" (3).

Như vậy, trong cơ chế mới, nhà nước vẫn phải quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, nhằm phát huy đầy đủ tính năng động của địa phương và cơ sở, đồng thời bảo đảm cho hoạt động kinh tế đúng quy định của nhà nước để xây dựng nền kinh tế phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Muốn vậy, cần phải tăng cường công tác kiểm sát đối với lĩnh vực kinh tế, trước hết là đối với các ngành kinh tế then chốt, bảo đảm cho pháp luật được nhận thức và thi hành nghiêm chỉnh, thống nhất, theo đúng đường lối đổi mới của Đảng. Trong quá trình kiểm sát, viện kiểm sát nhân dân các cấp lấy đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước làm chuẩn mực để đánh giá hoạt động của các ngành và các địa phương, các đơn vị kinh tế. Trên cơ sở đó, ủng hộ những việc làm năng động, sáng tạo vì lợi ích của đất nước, của nền kinh tế, kịp thời kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có

1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, 145, tr 232

(2) *Sđd*: tr 233

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 66

thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những quy định pháp luật cho phù hợp với thực tiễn, giúp các đơn vị kinh tế tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

Thông qua công tác kiểm sát, thẳng thắn chỉ ra những việc làm vi phạm pháp luật, trái với đường lối chính sách của Đảng, xâm hại lợi ích của nhà nước và nhân dân. Có thể nói tóm tắt rằng : mục đích của công tác kiểm sát lĩnh vực kinh tế là góp phần thực hiện thắng lợi đường lối kinh tế mới của Đảng, nhằm làm ra nhiều của cải vật chất phục vụ cho tiêu dùng trong nước và cho xuất khẩu, vì lợi ích của đất nước và nhân dân.

Hiện nay, có ý kiến đề nghị xem lại chức năng và quyền hạn của viện kiểm sát nhân dân trong việc kiểm sát lĩnh vực kinh tế, nên giao cho cơ quan thanh tra đảm nhiệm chức năng này. Đó là ý kiến không đúng. Viện kiểm sát là cơ quan chấp hành quyền lực của Quốc hội, hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành dưới sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo cho viện kiểm sát không phụ thuộc và không chịu áp lực của cơ quan chính quyền địa phương, do đó có thể thực hiện chức năng như Hiến pháp quy định, nhằm bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất, tăng cường hiệu lực quản lý của nhà nước.

Riêng trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hành chính và kinh tế, công tác kiểm sát bảo đảm cho các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (các bộ và các cơ quan thuộc chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương) ban hành, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, với các nghị quyết của Quốc hội và pháp lệnh của Hội đồng nhà nước, với các nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị, thông tư của chính phủ ; bảo đảm cho việc chấp hành pháp luật của các nhân viên nhà nước và mọi công dân được nghiêm chỉnh và thống nhất.

kiểm sát có điều kiện bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất ; chống lại các hành vi cục bộ, bản vị, làm phương hại tới tính thống nhất của pháp chế, cũng là phương hại đến lợi ích chung của đất nước và lợi ích chính đáng của các ngành, các địa phương và đơn vị.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của viện kiểm sát nhân dân trong lĩnh vực kinh tế, chúng tôi thấy cần giải quyết tốt một số vấn đề sau đây :

Thứ nhất : Mỗi cán bộ kiểm sát phải nắm vững hơn nữa chức năng nhiệm vụ của ngành, thường xuyên tự bồi dưỡng về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về kiến thức khoa học, nhất là kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế. Phải đi sâu đi sát thực tế để có sự hiểu biết về thực tiễn hoạt động kinh tế. Chỉ có nhận thức đầy đủ những vấn đề trên đây và có tinh thần dũng cảm bảo vệ chân lý, người cán bộ kiểm sát mới có thể tiến hành công tác kiểm sát lĩnh vực kinh tế có kết quả.

Thứ hai : Đề nghị các cấp ủy đảng từ trung ương đến địa phương quan tâm đầy đủ hơn nữa tới công tác của viện kiểm sát. Sự quan tâm của các cấp ủy đảng thể hiện ở chỗ : nghe viện kiểm sát báo cáo kế hoạch về kiểm sát trong lĩnh vực kinh tế và cho ý kiến để kế hoạch đó vừa thống nhất với kế hoạch của cả ngành kiểm sát phục vụ nhiệm vụ kinh tế chung của cả nước, vừa phù hợp với nhiệm vụ kinh tế của địa phương. Mặt khác, định kỳ nghe viện kiểm sát báo cáo về tình hình chấp hành pháp luật và hoạt động của ngành kiểm sát, bồi dưỡng cho cán bộ kiểm sát về đường lối, chính sách của Đảng. Thông qua đó, các cấp ủy đảng có thể cho ý kiến về hoạt động kiểm sát, uốn nắn sai sót trong công tác của viện kiểm sát, đồng thời từ kết quả công tác kiểm sát, yêu cầu các ngành kinh tế khắc phục những vi phạm pháp luật do viện kiểm sát phát hiện. Sự quan tâm của các cấp ủy đảng không có

Với hệ thống tổ chức tập trung thống nhất, viện

(Xem tiếp trang 52)

Xây dựng kinh tế hộ gia đình thành đơn vị sản xuất hàng hóa

VƯƠNG CƯỜNG *

PHƯƠNG thức sản xuất phong kiến đã tạo ra kiểu kinh tế hộ gia đình tự cung tự cấp. Đó là kiểu kinh tế hộ gia đình dựa trên trình độ sản xuất lạc hậu, lao động thủ công, sức kéo chủ yếu là trâu bò ; có nơi còn phải dùng đến sức người cày kéo, công cụ cầm tay thô sơ và thiếu thốn. Kiểu kinh tế hộ này, tất yếu dẫn đến năng suất rất thấp, và cái bóng của nó là sự nghèo đói về vật chất và tinh thần. Lợi ích kinh tế của nông dân không có cơ sở bảo đảm. Với loại hình kinh tế này, nông thôn về cơ bản là sản xuất tự cung tự cấp. Ngành nghề có thể có ở một số làng, nhưng gắn chặt với nền nông nghiệp và đóng kín trong làng quê cổ truyền.

Biểu hiện rõ nét của những làng quê có nghề cổ truyền là xu hướng làng trở nên cổ kính hơn, khó lòng thoát ra và hòa nhập vào không khí kinh tế hiện đại.

Phương thức trao đổi nhỏ hẹp và đơn điệu ở trình độ chợ làng, chợ huyện thực chất là mua bán tự sản tự tiêu. Thương nghiệp chợ làng chẳng những không đủ sức làm tan rã kinh tế tiểu nông, mà còn góp phần duy trì và củng cố nền kinh tế tiểu nông.

Kinh tế hộ gia đình miền núi mang nặng tính tự nhiên - chộc lỗ và tra hạt còn chủ yếu. Ở miền Nam kinh tế hộ gia đình đạt trình độ hàng hóa cao hơn ở miền Bắc. Nông thôn Nam bộ đại bộ phận là kinh tế hộ nông dân, đã xuất hiện không ít thị trấn, thị tứ và các cụm dân cư xen kẽ. Một số gia đình vừa có diện tích canh tác lớn vừa nhiều lao động ; thậm chí có máy cày, máy xát cho thuê, v.v...

Ở nước ta hiện nay, kinh tế hộ gia đình có trình độ khác nhau khá xa. Sự khác nhau đó cho phép chúng ta có thể xây dựng kinh tế hộ gia đình thành đơn vị kinh tế hàng hóa.

Lợi ích kinh tế của nông dân gắn chặt với hộ kinh tế hàng hóa. Các phạm trù kinh tế hàng hóa là những công cụ, những phương tiện để thực hiện một cách hợp lý lợi ích kinh tế của nông dân mà đến nay chưa có hình thức kinh tế nào khác thay thế được. Lợi ích kinh tế của nông dân là động lực mạnh mẽ, kích thích nông dân hoạt động kinh tế. Nông dân đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải thông qua kinh tế hàng hóa mà thực hiện lợi ích kinh tế.

Vấn đề đặt ra là cần có những biện pháp thúc đẩy kinh tế hộ gia đình nông dân phát triển sản xuất hàng hóa.

Biện pháp đầu tiên mà Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định, là chuyển toàn bộ nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Cơ chế thị trường là động lực, là môi trường để kinh tế hộ gia đình gắn với thị trường, phát triển sản xuất hướng tới thị trường. Nếu chuyển được toàn bộ kinh tế hộ gia đình nông dân thành kinh tế thị trường, ta sẽ có một thị trường rộng lớn với sự tham gia của 80% dân số và 73% lao động của toàn xã hội.

* Học viện Nguyễn Ái Quốc.

Hiện nay, kinh tế hộ gia đình chiếm tới 48% giá trị tổng sản lượng nông nghiệp, 95% sản lượng chăn nuôi và 93% sản lượng rau quả của cả nước (1).

Vài năm gần đây chúng ta xuất khẩu hàng triệu tấn gạo, nhưng lương thực hiện có vẫn chưa đủ để phát triển nông nghiệp toàn diện.

Vì sản xuất lương thực hiện nay chủ yếu vẫn do hộ nông dân thực hiện, nên chuyển kinh tế hộ nông dân thành hộ sản xuất lương thực hàng hóa là rất quan trọng. Nhà nước qua các bộ, các ngành, cần tổ chức tốt các dịch vụ để hộ gia đình có thể phát triển hàng hóa lương thực nhằm đáp ứng nhu cầu trên.

Khi trở thành hộ sản xuất hàng hóa, hộ nông dân sẽ chủ động và năng động hơn trong sản xuất. Cụ thể nông dân Nam bộ đã tự tìm đến giống mới như IR 64, IR 68. Đổi mới kỹ thuật trở thành đòi hỏi của chính họ. Ở Tiền Giang, các hộ nông dân dám dành 100% diện tích để trồng lúa xuất khẩu, sau đó bán toàn bộ sản phẩm thu hoạch được cho xuất khẩu, còn mình thì mua gạo nội địa để tiêu dùng. Nông dân dám làm điều đó, bởi vì chuyển môn hóa trồng lúa xuất khẩu ở đây mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Vùng lúa xuất khẩu ở tứ giác Long Xuyên, ở vùng Đồng Tháp Mười và ở một số nơi khác thực tế đã được hình thành trên cơ sở hộ gia đình, hơn nữa, hộ gia đình sản xuất và kinh doanh hàng hóa. Trong điều kiện đó, nhiều hợp tác xã đã chuyển sang làm dịch vụ cho các hộ gia đình chuyên sản xuất hàng hóa lương thực và chăn nuôi. Ở Tiền Giang, không chỉ có việc hợp tác xã làm dịch vụ cho hộ gia đình, mà còn có chính sách trợ giá cho nông dân. Điều đáng chú ý là không có khoản nông dân phải đóng góp nuôi bộ máy gián tiếp, điều đó tạo điều kiện cho họ tăng tích lũy, phát triển kinh tế hàng hóa.

Trong kim ngạch xuất khẩu hiện nay, nông nghiệp vẫn chiếm tới 50%. Điều đó càng cho thấy lấy hộ gia đình nông dân làm hạt nhân phát triển kinh tế thị trường quan trọng như thế nào.

Biện pháp thứ hai để thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa là kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp với công nghiệp chế biến.

Sản phẩm nông nghiệp ở nước ta hiện nay chủ yếu còn ở dạng thô như thóc, gạo, ngô, khoai, sắn... Thâm canh, tăng vụ mới làm tăng sản lượng, chứ chưa hẳn đã làm tăng năng suất lao động. Mỗi năm người nông dân mới làm việc không đến 200 ngày. Thời gian nông nhàn còn quá nhiều. Nông dân chưa thoát khỏi trình độ sản xuất giản đơn.

Muốn vượt ra khỏi tình trạng tự cấp, tự túc, nông thôn cần phát triển công nghiệp chế biến. Công nghiệp chế biến sẽ mang lại cho nông dân hai điều lợi sau đây: *một là*, lao động cụ thể mở rộng, chủng loại hàng hóa tăng lên, giải quyết được lao động dư thừa trong nông nghiệp; *hai là*, thông qua công nghiệp chế biến, giá trị hàng nông sản sẽ tăng lên.

Trên thế giới, như ở Liên xô trước đây, một người nông dân sản xuất ra lương thực có thể nuôi được 20 người; ở Mỹ - 60 người; ở Hà lan - 120 người; ở Đan mạch - 166 người. Trong khi đó, ở Việt nam - chỉ nuôi được 3, 4 người. Sự chênh lệch trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là ở các nước này công nghiệp chế biến phát triển. Đan mạch không xuất khẩu hàng nông sản dưới dạng thô mà dưới dạng tinh (từ lương thực qua chăn nuôi thành thịt, sữa... xuất khẩu). Hiệu quả kinh tế như vậy sẽ tăng gấp nhiều lần.

Ở Việt nam, trong doanh thu của Công ty kinh doanh lương thực TP Hồ Chí Minh, theo số liệu của Sở tài chính thành phố năm 1987, tiền lãi ở khâu chế biến bằng 14,7%, còn ở khâu phân phối lưu thông chỉ bằng 6,6%.

Công nghiệp chế biến phát triển sẽ tác động tích cực vào quá trình sản xuất, trước hết là cơ cấu sản xuất. Sau khoán 10 đến nay, tổng sản lượng lương thực tăng lên, song các loại màu có chiều hướng giảm, cả về diện tích và sản lượng. Sự mất cân đối này dẫn đến khâu phân lương thực tăng chủ yếu là gạo, còn rau, đậu thì giảm. Tỷ trọng chăn nuôi thấp. Phát triển công nghiệp chế biến sẽ làm cho sản xuất nông nghiệp phát triển cân đối giữa lúa và

(1) Xem Báo cáo về nền kinh tế Việt nam, chương trình phát triển của Liên hợp quốc, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, tháng 12-1990, tr.110

màu, giữa sản xuất và chăn nuôi. Tỷ suất hàng hóa sẽ tăng, thị trường nông nghiệp mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài nước. Tầm sản xuất mở rộng làm cho người nông dân tiến lên với nền văn minh công nghiệp, quá trình sản xuất được xã hội hóa cao dần, tiến dần đến mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp thứ ba để thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa, là phát triển, đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa thu nhập để tăng sức mua của nông dân.

Hiện nay tuyệt đại bộ phận lao động nông thôn tập trung vào sản xuất nông nghiệp. Cơ cấu lao động ngành nghề hiện nay như sau : nông nghiệp 84,3% ; công nghiệp 8,6% ; thương nghiệp và dịch vụ 3,5% ; văn hóa - xã hội 2,8% ; quản lý nhà nước 0,68%... (2) Về cơ cấu thu nhập, điều tra 6457 hộ trên địa bàn 5 tỉnh (Hà nam ninh, Đắk Lắk, Hoàng liên sơn, Bình định và Hậu giang) cho ta số liệu sau : thu nhập từ nông nghiệp - 73,31%, lâm nghiệp - 4,73%, ngành nghề khác - 21,96% (3). Như vậy, thu nhập chủ yếu vẫn là dựa vào nông nghiệp (73,31%) ; thu nhập từ ngành nghề khác nói chung rất thấp (21,9%, trong đó thu từ sản xuất tiểu thủ công nghiệp - 16,6%, và từ buôn bán - 5,3%). Thu nhập của nông dân vừa đơn điệu, vừa thấp. Số hộ có thu nhập cao (bình quân từ 30.000 đ/người/tháng trở lên) chỉ chiếm 18,4% ; còn số hộ có thu nhập thấp, dưới 20 000 đ/người/tháng là 55,06%, và dưới 10 000 đ/người/tháng là 9,44%. Thu nhập thấp làm cho sức mua của nông dân thấp, thị trường nông thôn không phát triển được. Điều này ảnh hưởng đến quá trình đưa nông dân thoát ra khỏi tình trạng tự cung, tự cấp.

Khắc phục tình trạng số lao động nông nghiệp dư thừa trong điều kiện công nghiệp chưa thu hút được số lao động này, chỉ có thể là đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và đa dạng hóa ngành nghề phi nông nghiệp ngay tại nông thôn. Một khi sử dụng hết lao động trong nông nghiệp, thu nhập và đời sống của nông dân sẽ được nâng cao. Đa dạng hóa ngành nghề sẽ làm phong phú thu nhập của nông dân. Sức mua của nông dân sẽ tăng, thị trường công nghiệp được mở

rộng. Hàng công nghệ phẩm phát triển sẽ tác động trở lại, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Sản xuất hàng hóa đòi hỏi nông dân phải sản xuất cho người khác. Vấn đề số lượng, chất lượng và chủng loại trở thành thước đo trình độ sản xuất hàng hóa. Muốn có số lượng hàng hóa lớn phải có năng suất lao động cao. Muốn có chất lượng hàng hóa cao phải có tay nghề và kỹ thuật tinh xảo. Muốn có nhiều chủng loại hàng hóa phải đa dạng hóa ngành nghề. Đó là những bài toán khó hiện nay ở nông thôn nước ta cần được giải quyết.

Hiện nay, ngành nghề thủ công ở nông thôn hình thành tự phát, không ổn định, đang có xu hướng thu hẹp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt : lao động dư thừa xin nhận ruộng tăng lên, công cụ sản xuất thô sơ vẫn thiếu, chế biến nông sản lạc hậu làm giảm giá trị các nguyên liệu quý... Nguyên nhân của tình hình trên là do giá cả sản phẩm nguyên liệu thấp hơn giá trị, không đủ kích thích nông dân đầu tư tự sản xuất. Cụ thể là có mặt hàng thuốc còn cao, lưu thông hàng hóa còn ách tắc. Điều này có nguyên nhân kết cấu hạ tầng như giao thông, vận tải, trạm trại... yếu kém. Hệ quả tất yếu của ngành nghề kém phát triển là các tụ điểm dân cư theo kiểu thị trấn, thị tứ chậm hình thành.

Con đường để khắc phục tình trạng ngành nghề chậm phát triển là nhà nước đầu tư cho nông thôn về kết cấu hạ tầng, về công nghiệp chế biến, và cho hộ nông dân vay vốn. Về phía nông dân, bên cạnh ruộng khoán, phải mở rộng mô hình VAC. Phát triển ngành nghề, tạo việc làm ngay trong mỗi hộ, mỗi địa phương. Có thể khôi phục lại ngành nghề thủ công truyền thống, phát triển dịch vụ đơn giản (như mộc, nề, buôn bán, và cả làm thuê). Mở rộng được việc làm sẽ giúp nông dân có thêm thu nhập, để nông dân bước qua ngưỡng cửa tự cấp tự túc, đến với sản xuất hàng hóa.

(2) Xem Kinh tế - xã hội nông thôn Việt nam ngày nay. Nxb tư tưởng - văn hóa, Hà nội, 1991, t 1, tr 57.

(3) Những vấn đề kinh tế và đời sống qua ba cuộc điều tra nông nghiệp công nghiệp nhà ở. Nxb Thống kê, Hà nội, 1991, tr 28.

Quan hệ giữa đảng bộ, chính quyền và đoàn thể ở xã Đông thanh

PHƯƠNG HẠNH *

Từ nhiều năm nay, vấn đề quan hệ giữa đảng bộ, chính quyền và đoàn thể phải như thế nào để lãnh đạo, quản lý tốt mọi mặt của đời sống ở địa phương, luôn là một câu hỏi cần giải đáp. Sự trì trệ hay khởi sắc ở mỗi địa phương có nhiều nguyên nhân, nhưng có một nguyên nhân bắt nguồn từ việc giải quyết tốt hay không mối quan hệ này.

Xã Đông thanh, huyện Châu thành tỉnh Hậu giang là một trong nhiều ví dụ về vấn đề này.

Giống như hàng nghìn xã trên đất nước ta, Đông thanh là xã đất chật, người đông (921 người/km², 500m²/1 nhân khẩu), nhưng lại có thuận lợi hơn nhiều xã khác ở chỗ : là một xã ở Nam bộ, đất đai, khí hậu tốt, có thể trồng lúa, trồng cây ăn trái và nuôi tôm cá thuận lợi. Hơn nữa, Đông thanh có tới hơn 1/3 số hộ (856/3125) có nghề phụ : đan lát, mộc, dệt chiếu, trồng sắn năm...

Những tiềm năng ấy trong nhiều năm không phát huy được. Đời sống nhân dân trong xã không được cải thiện mấy. Nguyên nhân có nhiều, nhưng phải nói trước hết là do nhiều chính sách kinh tế của nhà nước, do sự quản lý không hợp lý của chính quyền đối với lưu thông, v.v. Đông thanh chưa có điều kiện biến sản phẩm nông nghiệp và các ngành nghề khác thành hàng hóa, thành nguồn lợi lớn của mình.

Giống như ở nhiều địa phương khác, sự hoạt động của đảng bộ Đông thanh trong nhiều năm không những không giúp cho xã khắc phục khó khăn, phát huy thuận lợi, mà còn làm cho tình hình

xã thêm trì trệ. Cả xã có 78 đảng viên thì nhiều người không đủ tiêu chuẩn, tính gương mẫu, nêu gương kém ; có hiện tượng mất đoàn kết nghiêm trọng. Chính quyền xã ít có hiệu lực, vì cán bộ không đủ năng lực, vì sự bao biện, lẩn tránh của đảng bộ. Xã có tới 60% số dân (9300 người) là đoàn viên, hội viên các đoàn thể, nhưng không có tiếng nói đáng kể.

Nhận thức rõ như vậy, Đảng ủy Đông thanh đi tới quyết định là, trước hết phải chấn chỉnh lại các tổ chức, phải phân định rõ chức năng của từng tổ chức, tránh sự lẩn tránh, bao biện của đảng bộ đối với công việc của chính quyền. Đảng bộ và chính quyền làm đúng chức năng của mình ; cán bộ chủ chốt trong đảng ủy, trong chính quyền làm đúng trách nhiệm, quyền hạn được giao.

Tháng 1-1989, ban quy chế thống nhất về hoạt động, chức năng nhiệm vụ của các tổ chức và các cán bộ chủ chốt của xã đã được xây dựng. Tiếp đó, tháng 3-1989, văn bản đó được tu chỉnh một bước ; rồi đến tháng 4-1989, xã lại sơ kết bước đầu việc áp dụng quy chế đó. Tháng 1-1991, sau một năm thực hiện ban quy chế, Đông thanh lại sơ kết bước hai, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn chỉnh thêm.

Với ban quy chế ngày càng được hoàn thiện, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể cũng như chức trách, nhiệm vụ của mỗi cán bộ chủ chốt ở xã, ở ấp

* Cán bộ Ban tuyên giáo, tỉnh ủy Hậu giang

ngày càng rõ và cụ thể. Bản quy chế chỉ rõ chức năng lãnh đạo của đảng bộ là chuẩn bị và ra các nghị quyết, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với tình hình cụ thể mỗi lúc ; chú trọng xây dựng và bố trí đội ngũ đảng viên trong các cơ quan chính quyền, đoàn thể. Đảng ủy thật sự tôn trọng vai trò quản lý kinh tế, hành chính của chính quyền theo luật định. Còn ủy ban nhân dân thì "phải phấn đấu vươn lên làm tốt chức năng của chính quyền nhà nước cấp xã như Quy định 112/HĐBT, bảo đảm nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền, khắc phục tình trạng vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân hoặc có thái độ buông lỏng pháp luật, có thủ, c dè trước các hiện tượng tiêu cực". Điều đáng nói ở đây không phải ở nội dung công việc của mỗi tổ chức, mỗi cán bộ có gì mới, mà chính là ở chỗ : mỗi chức trách được quy định tương đối cụ thể trong một thể thống nhất, phù hợp với một đơn vị cơ sở ở nông thôn. Có thể nói, trong khi ở nông thôn nước ta, nhất là ở miền Nam, nhiều chính quyền xã còn làm việc theo kiểu kinh nghiệm, dựa trên thói quen, cán bộ xã ít được học hành, chưa quen với nền nếp quản lý chính quyền, thì việc Đông Thạnh cố gắng xây dựng và thực hiện quy chế làm việc cho các cơ quan chính quyền như trên là một kinh nghiệm tốt.

Nhờ có quy chế, hoạt động của đảng bộ, chính quyền, đoàn thể ở Đông Thạnh dần đi vào nền nếp, có quy củ và hiệu quả hơn. Cùng với việc tích cực làm trong sạch nội bộ (vừa qua xử lý kỷ luật 26 đảng viên, trong đó khai trừ 18), đảng bộ đã kết nạp thêm được 14 đảng viên mới. Phần lớn đảng viên đã được đưa xuống các ấp công tác. Một số đảng viên đã được cử đi học, bồi dưỡng ở tỉnh, ở huyện. Đảng bộ đã chú ý quản lý, giáo dục đảng viên ở cả ba khối, kiểm tra các đảng viên thực hiện các nghị quyết của đảng bộ... Chính quyền xã mỗi việc gì đây đều có cán bộ theo dõi và chịu trách nhiệm giải quyết. Các đoàn thể cũng hoạt động ngày một thiết thực hơn, do đó có đông người tham gia hơn. Đoàn thanh niên đã có cán bộ và điều kiện để giải quyết những

vấn đề cụ thể. Hội phụ nữ đã có 3 cán bộ chuyên trách, hội viên sinh hoạt thường kỳ theo nhóm, phù hợp với hoàn cảnh cá nhân và vấn đề quan tâm. Chẳng hạn, nhóm phụ nữ có con nhỏ thì trao đổi về vấn đề "nuôi con khỏe", "đề phòng suy dinh dưỡng các trẻ em" ; nhóm nữ thanh niên thì trao đổi về "xây dựng tổ ấm, hạnh phúc gia đình, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch" ; nhóm có con đi học thì trao đổi về vấn đề làm sao để trẻ khỏi bỏ học, v.v..

Nhờ đảng bộ, chính quyền, đoàn thể làm việc tốt, tình hình Đông Thạnh đã có những chuyển biến đáng kể. Từ tháng 7-1990, điện quốc gia đã về tới xã : 3 trong số 7 ấp đã có điện, số còn lại đang tiếp tục được mắc điện. Năm 1989 Đông Thạnh thu thuế nông nghiệp vượt 60 tấn so với năm 1988 ; năm 1990 lại hơn so với 1989. Xã đã giải quyết xong nợ với huyện, trong khi vẫn dành ra 30 triệu đồng trợ cấp cho các gia đình thuộc diện chính sách ở xã. Năm 1990 xã còn xây dựng được 12 cây cầu trị giá 15 triệu đồng, 9 căn nhà tình nghĩa. Đông Thạnh đã rút được tỷ lệ phát triển dân số xuống còn 0,82%. Đã thực hiện tốt phong trào "5 dứt điểm" do Bộ y tế đề ra. Vừa phát triển lúa cao sản, vừa đẩy mạnh kinh tế vườn, các hộ nông dân trong xã đã có điều kiện để cải thiện hơn đời sống của mình. Hiện nay, 1/3 số hộ đã có nhà kiên cố và bán kiên cố. Số đông gia đình có đài thu thanh, máy cắt xét hoặc ti vi. Cứ 10 hộ thì có một hộ có đầu máy nổ.

Cho đến nay, sự đi lên của Đông Thạnh mới chỉ là bước đầu, tương lai còn nhiều hứa hẹn. Điều quan trọng là ở chỗ : đảng bộ, chính quyền, đoàn thể ở đây không tự bằng lòng với cách làm việc cũ, dăm tì mòi, không ngừng đổi mới cách làm việc của mình để có thể biến cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý" thành hiện thực sinh động ở quê hương mình.

Sản xuất hàng hóa ở đồng bằng sông Cửu long

DOÃN HUỆ

CHÚNG ta đều biết, muốn đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phải có thị trường. Thị trường hấp dẫn là một nhân tố quan trọng để thúc đẩy sản xuất phát triển. Một nguyên nhân chính làm cho sản xuất hàng hóa của nông dân chưa phát triển là vì chưa có thị trường hoặc thị trường chưa hoàn chỉnh.

Ở đồng bằng sông Cửu long, nhờ có thiên nhiên ưu đãi nên đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa, bốn mùa cây trái xanh tốt. Diện tích tự nhiên gần 4 triệu ha, bằng 12% so với cả nước. Trong đó, đất nông lâm nghiệp có khả năng khai thác là 3,3 triệu ha, bằng 25% đất nông lâm nghiệp cả nước và chiếm 82,5% đất tự nhiên toàn vùng. Đất nông nghiệp đang sử dụng khoảng 2,44 triệu ha, bằng 35% đất nông nghiệp cả nước. Riêng đất trồng lúa hiện nay là 1,9 triệu ha, bằng 46% đất trồng lúa cả nước. Về khí hậu, đồng bằng sông Cửu long có độ bức xạ mặt trời dồi dào và ổn định, tổng lượng bức xạ dao động khoảng 370 - 490 cal/cm²/ngày, 10,2 - 15,4 kcal/cm²/tháng, 144 - 154 kcal/cm²/năm. Một vùng trong nước có số giờ nắng lớn nhất : 2260 - 2700 giờ trong năm ; có nhiệt độ trung bình từ 25 - 28⁰C. Về dân số, có 14,2 triệu người, bằng 21% số dân cả nước ; trong đó có 11,9 triệu người sống ở nông thôn (với 5,36 triệu lao động). Đây là lực lượng lao động hùng hậu so với quỹ đất và tài nguyên đang khai thác ở đồng bằng sông Cửu long. Ngoài ra, đồng bằng sông Cửu long còn có hệ thống kênh rạch chằng chịt và các cơ sở công nghiệp chế biến bảo đảm cho việc phát triển nông sản hàng hóa cung cấp cho thị trường trong nước và nước ngoài.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, đồng bằng sông Cửu long đã đạt được những

thành tích đáng phấn khởi về sản xuất hàng hóa. Sản lượng lúa từ 4,6 triệu tấn năm 1976 tăng lên 9 triệu tấn năm 1989, bằng 48% sản lượng lúa của cả nước. Riêng năm 1989, đã góp phần cùng cả nước xuất khẩu 1,4 triệu tấn gạo. Về chăn nuôi gia súc, sản lượng thịt các loại chiếm tỷ trọng 40% so với cả nước. Các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu long so với các vùng khác, có cơ cấu phong phú và quy mô khá lớn. So với cả nước, tỷ trọng sản lượng hàng hóa về mía là 48%, dừa là 80%, và về các loại cây trái khác : khoảng 50 - 60%. Đồng bằng sông Cửu long đóng góp khoảng 40% sản lượng đánh bắt cá, tôm và 60% sản lượng hàng xuất khẩu của cả nước.

Với một thế mạnh và tiềm năng như vậy, đồng bằng sông Cửu long là một thị trường rộng lớn trong nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta. Đây là một thị trường có khả năng tạo lập các quan hệ mua bán rất phong phú, có khả năng mở rộng liên doanh liên kết, thu hút vốn đầu tư trong nước và nước ngoài.

Một vấn đề lớn đặt ra cho các nhà quản lý và các nhà doanh nghiệp, kể cả các nhà khoa học kinh tế, là việc khai thác những tiềm năng to lớn và tạo ra một thị trường phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu ở đồng bằng sông Cửu long, và làm thế nào để vùng đất này sản xuất được ngày càng nhiều hàng nông sản xuất khẩu.

*

Để đồng bằng sông Cửu long chuyển sang nông nghiệp hàng hóa theo hướng phát triển toàn diện lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả làm thước đo, theo tôi, cần tập trung giải

quyết mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Xây dựng vùng sản xuất hàng hóa theo hướng phát triển toàn diện.

Trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000 có chỉ ra : "Đồng bằng giữ vị trí hàng đầu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ. Tập trung sức phát triển lương thực, thực phẩm ở đồng bằng sông Cửu long và sông Hồng" ⁽¹⁾.

Như vậy, đồng bằng sông Cửu long là trung tâm số một của cả nước về sản xuất lúa hàng hóa. Mục tiêu phấn đấu là 12 triệu tấn thóc bình quân mỗi năm trong thời gian 1991 - 1995, và 15 triệu tấn thóc vào năm 2000. Để đạt mục tiêu này, nhà nước đã dành cho đồng bằng sông Cửu long 1/3 tổng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp. Vấn đề quan trọng là đầu tư có trọng điểm, tránh dàn đều, bình quân, hướng vào trọng tâm là cây lúa...

Để đạt được mục tiêu như đã nói ở trên, nguồn vốn ngân sách cho xây dựng cơ bản và cải tạo, trước hết nên tập trung vào xây dựng :

- Hệ thống thủy lợi (là chủ yếu) : kênh, mương, cống...
- Hệ thống bảo quản lương thực : sân phơi, kho chứa.
- Hệ thống chế biến : các loại máy xay sát, chế biến lương thực.
- Các cơ sở hạ tầng khác phục vụ cho quá trình sản xuất nông sản hàng hóa.

Đầu tư về thủy lợi cho đồng bằng sông Cửu long là cần thiết nhằm biến vùng đất canh tác một vụ thành luân canh nhiều vụ. Nước là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành bại trong khai thác tiềm năng nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu long. Ở đây nguồn nước rất dồi dào, mỗi năm sông Mê Kông đổ ra biển khoảng 47500 triệu mét khối nước. Nhưng nguồn nước phân bố không đều trong năm. Mùa nước lên là từ tháng 5, cao nhất vào tháng 8, tháng 9 (1,2 - 1,4 triệu ha bị ngập từ 2 đến 6 tháng). Mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau (1,7 - 2 triệu ha bị ngập nước mặn từ 1 đến 8 tháng). Vì vậy, việc cải tạo đất mặn, đất phèn ở

đồng bằng sông Cửu long đã trở thành một trong những yếu tố quyết định đối với việc nâng cao năng suất, sản lượng lúa và các loại cây công nghiệp, cây ăn trái. Thực tế cho thấy, tác dụng của hệ thống kênh rạch ở đồng bằng sông Cửu long đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Huyện Cai Lậy (Tiền Giang) do làm tốt hệ thống kênh rạch tưới tiêu và nâng trình độ thâm canh đã đạt năng suất lúa bình quân 13 tấn/ha/năm. Mô hình vườn cây ăn trái tập trung ở các xã ven sông Tiền như Hội Xuân, Hiệp Đức, Long Trung, Tam Bình, Cẩm Sơn... với các loại cây như dừa, chuối, cam, xoài, sầu riêng, vú sữa... cũng đạt kết quả tốt. Những năm gần đây, việc mở rộng thị trường tiêu thụ chuối và cam sang khu vực II đã kích thích nông dân phát triển mạnh các sản phẩm này.

Đương nhiên, để giải quyết khó khăn thiếu nước vào mùa khô, chúng ta còn phải chờ kết quả hoạt động của Ủy ban lâm thời Mê Kông quốc tế. Về phía ta, từ nay đến năm 2000, sẽ có 13 dự án xây dựng các công trình thủy lợi nhằm chống lũ tiêu mẫn, ngăn mặn, cải tạo đất chua phèn và dẫn nước ngọt vào ruộng, vườn... Các dự án nói trên sau khi hoàn thành sẽ bảo đảm nước tưới cho 300 ngàn ha lúa từ 1 vụ thành 2 vụ (có thể tăng thu 1,5 triệu tấn thóc và tạo công ăn việc làm cho khoảng 300 nghìn người).

Đi đôi với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thủy lợi là việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tạo ra các giống lúa có năng suất cao, chống được sâu rầy, chống được bệnh đạo ôn, chịu phèn, chịu mặn... thích hợp với các loại đất ; là việc nghiên cứu tìm ra các giống lúa có năng suất và chất lượng cao (hạt dài, có độ bóng) phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

Cùng với ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về lai tạo giống, việc hướng dẫn kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, sử dụng phân vô cơ, hữu cơ, bón đúng lúc, bón đủ lượng, cần được tiến hành nhanh chóng và rộng khắp trong nông dân. Đây mạnh chăn nuôi sẽ góp phần tăng sản phẩm cho xã

(1) Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 21.

hội, cải thiện đời sống người nông dân, và có thêm phân bón cho cây trồng.

Thực hiện Chỉ thị 202/TC ngày 28-6-1991 của HĐBT "Về việc cho vay vốn sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp đến hộ sản xuất" đang được dư luận xã hội quan tâm. Nhìn chung, ở đồng bằng sông Cửu long, nhất là ở vùng tứ giác Long xuyên, còn nhiều hộ nghèo, thiếu vốn đầu tư để mở rộng sản xuất. Vì vậy, phương thức cho hộ nông dân vay vốn để sản xuất hàng hóa nông sản, là cách làm mang lại hiệu quả kinh tế cao ở nhiều địa phương. Kinh nghiệm ở một số địa phương cho thấy, muốn làm tốt vấn đề này cần :

+ Xác định đúng các vùng và các đối tượng cần đầu tư phát triển.

+ Đầu tư trực tiếp vào các khâu của quá trình tái sản xuất như giống, phân bón, thuốc trừ sâu và tư liệu sản xuất (máy nông cụ...) chủ yếu.

+ Thực hiện các thủ tục cần thiết và thuận lợi, bảo đảm cho vay đúng đối tượng, có chính sách khuyến khích hộ nông dân làm ăn giỏi, thu hồi vốn nhanh. Hình thức thu hồi nợ có thể bằng tiền hoặc nông sản (lúa), tùy theo thỏa thuận.

+ Xử lý thất thu vốn tín dụng cho nông dân vay, ngân hàng và trạm khuyến nông có thể kiểm tra thường xuyên quá trình sử dụng vốn của nông dân, hạn chế và sử dụng kịp thời những hiện tượng tiêu cực.

2 - Hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô và vi mô nhằm phát triển sản xuất hàng hóa.

Công cụ quản lý vĩ mô bao gồm các luật và quy định dưới luật như thuế, lãi suất ngân hàng, giá và tỷ giá... đều phải hướng vào việc khuyến khích các hộ nông dân sản xuất hàng hóa. Các luật thuế ở nước ta hiện nay chưa đầy đủ và đồng bộ. Một số luật thuế ban hành nhưng thực tiễn cuộc sống không chấp nhận nên phải sửa lại. Nhiều sắc thuế còn gây bất bình đối với nhiều cơ sở, đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh (chẳng hạn, cùng một đơn vị diện tích, nhưng thường ở những nơi có trình độ thâm canh và năng suất cao, lại chịu tỷ suất thuế cao...). Theo tôi, cách định mức thuế nên dựa trên các nguyên tắc sau :

- Phân hạng theo mục đích sử dụng : đất dùng để trồng cây gì, nuôi con gì thì tính mức thuế theo mục đích đó. Ở đồng bằng sông Cửu long có rất nhiều loại cây trồng, cho nên cũng chỉ có khả năng phân hạng đất theo mục đích sử dụng đối với các loại cây trồng chính như lúa, màu. Đối với các loại cây hằng năm (như cây ăn quả) và cây lâu năm, có thể nhân với một hệ số nhất định.

- Điều tra các yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến các quá trình sử dụng đất, như : khí hậu, thủy văn, địa hình, loại đất, để có thêm cơ sở đánh giá khách quan trong việc điều chỉnh mức thuế giữa các vùng. Đối với cây lúa, cần xem xét chế độ tưới tiêu, điều kiện sản xuất khắc nghiệt ở một số vùng để xác định mức thuế hợp lý, bảo đảm cho người sản xuất không bị thua thiệt.

Về *lãi suất ngân hàng*. Trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, giá cả kinh doanh tiền tệ cũng như các loại hàng hóa khác phải do thị trường quyết định. Áp dụng lãi suất thị trường sẽ bảo đảm được quyền lợi, sự bình đẳng cho cả người đi vay và người cho vay, ngăn ngừa được những tiêu cực trong hoạt động tín dụng, góp phần cân đối tiền - hàng, cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng. Ngân hàng chỉ có thể có chính sách ưu đãi về lãi suất và vốn vay cho những đơn vị nào (không phân biệt là quốc doanh hay ngoài quốc doanh) biết quay vòng vốn nhanh, làm ăn có hiệu quả, trả được gốc và lãi tiền vay đúng hạn cho ngân hàng. Đương nhiên, ngân hàng chỉ có chính sách ưu đãi "có mức độ" đối với một số mặt hàng, ngành hàng và vùng kinh tế cần khuyến khích.

Về *giá và tỷ giá*. Để chủ động việc thu mua nông sản của nông dân trong mọi tình huống, nhà nước xây dựng một thị trường vốn vừa có tính tập trung cao, vừa có khả năng tạo sức mua (nhất là sức mua của 80% số dân hiện ở nông thôn) đối với các loại hàng công nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản. Việc điều tiết tỷ giá giữa sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp trong vùng một cách hợp lý, là yếu tố quan trọng để có thể khai thác các tiềm năng về vốn ở đồng bằng sông Cửu long. Đương nhiên, việc điều chỉnh giá cả thu mua hàng nông sản phải tuân theo

cơ chế thị trường, tránh gò bó, cứng nhắc, mang tính áp đặt.

Về vấn đề ruộng đất. Ruộng đất là tài sản vô cùng quý báu trong nông nghiệp. Nếu có chính sách đúng đắn về ruộng đất sẽ đưa nông nghiệp từng bước đi lên. Sau "khoán 10" đã tạo cho người nông dân một động lực hăng say sản xuất trong nông nghiệp. Để bảo tồn đất nông nghiệp, cần thực hiện tốt hai nội dung sau : *một là*, hạn chế tới mức thấp nhất việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích phi nông nghiệp ; *hai là*, giao quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài (khoảng vài chục năm hoặc có thể lâu hơn) cho hộ nông dân. Có như vậy, họ mới thực sự yên tâm đầu tư thâm canh, phát triển sản xuất.

Về đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật. Hiện nay, ở đồng bằng sông Cửu long còn thiếu nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật như cơ sở chế biến nông sản thực phẩm, máy xay xát các loại máy cày, máy bơm nước, phương tiện vận tải, kho tàng, bến bãi... Vì vậy, việc xuất khẩu hàng nông sản phải nhằm trước hết vào việc nhập khẩu các tư liệu sản xuất cần thiết này.

Về chính sách cán bộ. Chiến lược kinh tế xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động ra sức làm giàu cho bản thân mình và cho đất nước. Đáng suy nghĩ là, ở đồng bằng sông Cửu long, cán bộ có trình độ đại học và trên đại học chưa nhiều. Việc bố trí cán bộ cũng như việc tăng cường những cán bộ có năng lực cho đồng bằng sông Cửu long chưa được chính quyền các cấp quan tâm đúng mức. Do chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng, một số cán bộ đang công tác trong vùng không an tâm gắn bó với công việc, phần lớn cán bộ được điều động không muốn về đây (nhất là ở những vùng nông thôn hẻo lánh) nhận công tác. Muốn khai thác thế mạnh của đồng bằng sông Cửu long, nhà nước cần có chính sách đầu tư về khoa học kỹ thuật, về tăng cường cán bộ, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh doanh, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

TĂNG CƯỜNG...

(Tiếp theo trang 43)

nghĩa là cấp ủy can thiệp vào hoạt động nghiệp vụ cụ thể của ngành kiểm sát như yêu cầu viện kiểm sát không được kiểm sát cơ quan này, cơ quan khác, hoặc tự đặt ra những "vùng cấm", những biện pháp xử lý thay viện kiểm sát.

Thứ ba : Đề nghị Quốc hội quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng pháp luật, nhất là pháp luật về quản lý kinh tế, giám sát các văn bản pháp quy do chính phủ ban hành nhằm bảo đảm cho các văn bản đó phù hợp với Hiến pháp. Đề nghị Quốc hội và đại biểu quốc hội tăng cường giám sát đối với chính phủ, các cơ quan chính quyền địa phương trong việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về kinh tế và những vấn đề đang nổi lên hiện nay :

quản lý, sử dụng ngoại tệ, chống tham nhũng, chống buôn lậu, tổng thanh toán công nợ, v.v..

Thứ tư : Cơ quan quản lý nhà nước các cấp cần tăng cường công tác thanh tra nội bộ nhằm chấn chỉnh công tác quản lý hành chính, kinh tế, xử lý nghiêm minh đối với những người vi phạm. Viện kiểm sát nhân dân đề nghị các đoàn thể và nhân dân tăng cường phối hợp với viện kiểm sát, thông tin kịp thời cho viện kiểm sát những vấn đề về chấp hành pháp luật như pháp luật đã quy định. Mặt khác, các cơ quan, các nhân viên nhà nước và công dân cần thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị, kháng nghị của viện kiểm sát có liên quan đến mình, nhằm bảo đảm hiệu lực của công tác kiểm sát.

Phù... suy !

NHỊ LÊ

CÓ lẽ việc khen, chê là một trong những việc khó vào bậc nhất xưa nay ở đời.

Ở cơ quan nọ, có một vị thủ trưởng được khen rất nhiều, và khen là đáng lắm, vì theo tôi, ông thật sự là người đức độ, tài năng. Anh em khen, bạn bè đồng nghiệp khen. Tôi cũng khen.

Song có những lời khen, cách khen lạ lắm. Có người khen công khai, ngay trước mặt thủ trưởng mình như khen phở mã tốt áo, khen không tiếc lời, khen không ngớt miệng. Rằng, "thủ trưởng là người sáng suốt, tài ba", "là người sâu sát anh em"; rằng "cơ quan có ăn lên làm ra là cây trồng vào thủ trưởng cả"...

Chẳng biết ông thủ trưởng có khoái không, có sướng vì họ khen không. Nhưng bạn tôi thì bảo : Đây là người ta phù thịnh đấy !

Đến khi ông thủ trưởng ấy về nghỉ hưu vì tuổi cao sức yếu, và một ông thủ trưởng mới về nhận chức, trong khi đồng đạo anh em còn nghe ngóng, chờ đợi thì ba anh có "truyền thống" khen kiểu nọ lại lên tiếng ầm ầm khen thủ trưởng mới, chê thủ trưởng cũ. Họ phê phán ông thủ trưởng cũ là "cổ hủ, trì trệ", là "cổ chấp, nhà quê một cục"... Và dũ dội hơn : "Tôi đã bảo mà, có sai đâu, phải thay sớm hơn mới phải", "may mà ông ấy nghỉ sớm, không thì cơ quan còn nát, còn gay"...

Tất nhiên, phê thủ trưởng cũ để làm đà họ tăng bốc ông thủ trưởng mới lên tận mây xanh. Bao nhiêu mỹ từ hay ho nhất trước kia họ dành cho ông thủ trưởng cũ, giờ được "đổ" lại, và "gắn" vào ông thủ trưởng mới : "thủ trưởng anh

minh", "thủ trưởng sáng suốt", "thủ trưởng rộng rộng nhìn xa". Anh em nghe đến phát... ngượng lên được.

Bạn tôi lại bảo : Đây là phù thịnh đấy !

Ấy thế mà, có một người, suốt mấy chục năm sống và làm việc ở cơ quan, chẳng biết nói một câu "phù thịnh" - một câu nịnh ai bao giờ (có thể nói đúng ra là như vậy). Trong lúc người ta khen, người ta chê rầm rĩ, anh ấy chỉ ngồi nghe thôi, và sau đó lao vào công việc. Thủ trưởng mấy lần mời anh phát biểu, anh chỉ cười và nói : - Xin để tôi nói sau. Anh em giục có ý kiến, anh chỉ khẽ gật đầu : - Tớ còn suy nghĩ đã. Và anh cứ lặng yên làm công việc của mình.

Được một thời gian, ông thủ trưởng mới có lệnh tạm bàn giao công việc cho người khác để cấp trên tiến hành kiểm tra, vì có dấu hiệu che chắn cho một số kẻ làm điều xằng bậy. Anh em vẫn chưa hết ngạc nhiên và ngỡ ngàng, thì lại mấy anh kia toáng lên : "Đã nói rồi, có sai đâu, nhân bảo như thần bảo, thế nào trước sau cũng phải thay mà. Cấp trên tỉnh lắm". - "Ông ấy nghĩ là đúng rồi, mà còn hơi muộn đấy"...

Ông thủ trưởng buồn lắm. Mấy người "thân tín" hát bài tụng ca, chẳng ai bảo ai, lánh xa ông như bèo gặp bão. Khi vui thì vỗ tay vào mà !

Duy chỉ có một người - người vẫn lặng yên ấy - lúc đó mới lặng lẽ tìm đến ông : "Anh ạ, tôi nghĩ, đó là chuyện thường ở đời, buồn mà làm gì". Ông thủ trưởng gắng gượng nói : - Suốt từ độ tôi nghỉ đến giờ, duy nhất có anh gặp mà động viên tôi. Tôi xin thành thực

cảm ơn anh. Giờ gặp tôi, có ích gì đâu, mà lại thêm phiền lụy. Thế mới biết, kẻ hay nói xấu người, thật đáng khinh ; kẻ gặp ai cũng khen chưa chắc đã là người hay, anh ạ !

Anh ấy mới nhẹ nhàng rằng : - Anh lúc đương chức đương quyền, tôi đến anh e sao tiện, mà để làm gì cơ chứ, tính tôi không thích thế. Lúc này anh cần người hiểu anh, cần người an ủi, tôi đến với anh, tuy có chậm, mong anh thứ lỗi và bỏ quá cho tôi ! Sống lâu mới biết đêm dài. Biết người, biết mặt, ai dễ biết được lòng người, hờ anh ?

Bạn tôi bảo : Đây là phù suy đấy ! Anh ấy là người phù suy !

Đùng một cái, ông thủ trưởng cơ quan trở lại với cương vị công tác cũ, sau khi đoàn kiểm tra làm rõ mọi vấn đề và cấp trên có kết luận. Chẳng hiểu có đúng không, mấy lần ông thủ trưởng thuyết phục mời người "phù suy" cộng tác, và có ý xếp anh làm công tác tổ chức cán bộ. Nhưng dù thuyết phục thế nào, anh bạn "phù suy" ấy vẫn nhất quyết không nhận. Anh giải bày với thủ trưởng :

- Anh ạ ! Tôi xin cảm ơn sự quan tâm và lòng tốt của anh. Tôi tài hèn, đức kém, lại chậm chạp, việc tôi đang làm hiện nay hợp với tôi hơn. Các cụ ta thường nói, người biết "đạo" tất không khoe ; người biết "nghĩa" tất không tham ; người biết "đức" tất không thích tiếng tăm lừng lẫy. Tôi không dám thế, nhưng mình phải biết mình, biết người chứ. Bởi vậy, anh nên mời và bố trí những người năng động, tháo vát, nhạy bén. Chỉ mong sao, các anh thật công minh, chính trực mà thôi, nhất là chuyện sắp xếp, bố trí con người.

Và, anh cứ làm công việc cũ của mình, rất tận tụy, thầm lặng...



CẦN QUAN TÂM HƠN NỮA ĐẾN CÔNG TÁC ĐẢNG Ở NGOÀI NƯỚC

THANH CAO *

TỪ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã cử một số cán bộ, đảng viên ra công tác ở ngoài nước. Sau chiến thắng biên giới năm 1950, số cán bộ, đảng viên được cử ra công tác, học tập tại Liên xô, Trung quốc và một số nước xã hội chủ nghĩa ngày càng đông. Tuy nhiên, công tác đảng ở ngoài nước lúc bấy giờ đều do những cán bộ chủ chốt ở các cơ quan đại diện kiêm nhiệm.

Những năm sau đó, tổ chức đảng ở ngoài nước ngày càng phát triển, nhiệm vụ chính trị của các đối tượng ở ngoài nước cũng rất khác nhau. Thực tiễn đó đòi hỏi phải có sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất tổ chức đảng ở ngoài nước. Đầu năm 1961, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết 16 (ngày 31-3-1961) thành lập Ban cán sự đảng ngoài nước để làm nhiệm vụ này.

30 năm qua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, cụ thể của Ban cán sự đảng ngoài nước, các đảng bộ, chi bộ ở ngoài nước đã luôn luôn quán triệt quan điểm và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong từng giai đoạn cách mạng, bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các đối tượng ở ngoài nước ; không ngừng tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng không phải đảng viên, củng cố niềm tin và sự nhất trí của họ đối với quan điểm, đường lối của Đảng ; thường xuyên củng cố tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng ; quản lý tốt cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ, đoàn kết thống nhất trong cộng đồng người Việt nam ở ngoài nước ; xây dựng tình hữu nghị và sự hợp tác quốc tế với nhân dân các nước sở tại.

Hiện nay, tình hình quốc tế diễn biến rất phức tạp. Những

diễn biến ở Liên xô và Đông Âu thường xuyên tác động xấu đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng không phải đảng viên ở ngoài nước. Lợi dụng tình hình đó, một số phần tử phản động lưu vong và các thế lực thù địch bên ngoài ra sức hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Chúng tăng cường các hoạt động phá hoại tư tưởng nhằm gây mất ổn định các tổ chức của ta ở ngoài nước. Những phần tử phản động thường đến các nước có đông người Việt nam móc nối với một số kẻ xấu trong cộng đồng người Việt tổ chức những cuộc hội thảo chống chủ nghĩa xã hội. Chúng lập ra các đảng phái chống đối, với sự giúp đỡ về tài chính và phương tiện in ấn của tổ chức phản động lưu vong để tuyên truyền chống đối ta. Chúng ra

* Chuyên viên nghiên cứu Ban cán sự đảng ngoài nước

các bản tin, tạp chí, đăng tải các tài liệu phản động của nước ngoài và những tài liệu chống lại những quan điểm và đường lối của Đảng ta do những phần tử bất mãn, chống đối từ trong nước đưa ra. Chúng âm mưu chia rẽ và làm giảm lòng tin của quần chúng đối với cơ quan đại diện và các tổ chức của ta ở ngoài nước ; thậm chí còn tìm mọi cách vô hiệu hóa và xóa bỏ vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng ở ngoài nước dưới các khẩu hiệu như đòi đa nguyên, đa đảng, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước tình hình trên, tổ chức đảng ở ngoài nước vẫn bảo đảm được vai trò lãnh đạo, hoàn thành được nhiệm vụ, ổn định được tình hình chính trị trong cộng đồng người Việt. Tuy nhiên, công tác đảng ở ngoài nước cũng còn có nhiều thiếu sót, chưa đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu mới của nhiệm vụ chính trị. Đã có một số cán bộ, đảng viên và quần chúng không phải đảng viên giảm sút lòng tin, băn khoăn về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Một số hoang mang, dao động. Một số tổ chức cơ sở đảng buông lỏng lãnh đạo, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu ; các tổ chức quần chúng hầu như bỏ sinh hoạt. Một số đảng viên thoái hóa, chạy theo lối sống thực dụng, buôn bán kiếm tiền bằng mọi cách, làm

ảnh hưởng đến uy tín của người Việt nam ở ngoài nước.

Hiện nay, ta có hơn bốn mươi cơ quan đại diện và các tổ chức quốc tế ở ngoài nước, với hàng vạn cán bộ, đảng viên trực thuộc Ban cán sự đảng ngoài nước. Ta còn có hàng chục vạn người Việt nam đang công tác, học tập và lao động ở ngoài nước.

Với chính sách đối ngoại rộng mở, Đảng và Nhà nước ta đã nêu rõ : "... chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình" ⁽¹⁾. Giải pháp hòa bình về Cam-pu-chia và quan hệ giữa Việt nam với các nước trong khu vực và thế giới sẽ phát triển. Số người Việt nam ra nước ngoài công tác, học tập và hợp tác trên mọi lĩnh vực chắc sẽ ngày càng đông. Do đó, công tác đảng ở ngoài nước cần được tăng cường và đổi mới, đặc biệt là đổi mới về phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Cụ thể là :

- Công tác tư tưởng cần được tiến hành thường xuyên, kịp thời, sinh động và sắc bén nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng không phải đảng viên ở ngoài nước hiểu rõ tình hình khó khăn của đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay, hiểu rõ những thành tựu mà nhân dân ta

đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, vững tin vào con đường mà Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, có dũng khí đấu tranh chống lại những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch ở ngoài nước. Muốn đạt yêu cầu đó, công tác tư tưởng chính trị phải được tổ chức một cách khoa học, chặt chẽ và thiết thực. Coi trọng việc giáo dục chính trị, việc học tập đường lối chính sách của Đảng, trước hết là tổ chức nghiên cứu quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, giáo dục truyền thống, lịch sử văn hóa của dân tộc. Xây dựng trong mỗi người tình yêu gia đình, quê hương, đất nước. Công tác thông tin tuyên truyền phải thật sự đổi mới ; thông tin phải kịp thời, đa dạng, đầy đủ, phân tích có tình, có lý, có định hướng, phù hợp với mọi tầng lớp và lứa tuổi.

- Tổ chức cơ sở đảng cần tinh gọn, chủ động trong mọi tình huống, bảo đảm kỷ luật chặt chẽ, công tác phù hợp với từng địa bàn. Giữ vững các nguyên tắc sinh hoạt đảng ; thực hiện tốt chế độ tự phê bình và phê bình.

- Thực hiện nghiêm ngặt quy chế quản lý cán bộ, đảng viên, bảo vệ an toàn chính trị nội bộ. Thực hiện

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr.88

tốt chế độ phân công công tác cho mỗi đảng viên.

- Tăng cường tập hợp quần chúng bằng nhiều hình thức như : hội Việt kiều, hội đồng hương, hội sinh viên, hội nghề nghiệp, v.v. nhằm bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong cộng đồng người Việt, bảo vệ quyền lợi chính đáng, cuộc sống an toàn, nhân phẩm và danh dự của người Việt nam, giúp đỡ nhau trong học tập, tìm kiếm việc làm, trong sản xuất, kinh doanh theo pháp luật của nước sở tại.

- Đấu tranh kịp thời và có hiệu quả với những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc về quê hương, đất nước ta.

Công tác đảng ở ngoài nước là một bộ phận của công tác đảng, nhưng nó có những nét riêng. Tổ chức đảng ở ngoài nước luôn luôn biến động, lại phải lãnh đạo nhiều đối tượng có nhiệm vụ chính trị khác nhau. Đặc biệt, phải lãnh đạo góp phần vào việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế cho đất nước. Vì vậy, cần tăng

cường phối hợp giữa tổ chức đảng ở ngoài nước với đại sứ và các cơ quan quản lý của nhà nước ở ngoài nước. Phối hợp giữa Ban cán sự đảng ngoài nước với các ban, ngành ở trung ương, phối hợp giữa các cấp ủy đảng ở trong nước với Ban cán sự đảng ngoài nước. Sự quan tâm của các ban, ngành ở trung ương sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Ban cán sự đảng ngoài nước hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nông nghiệp của thế kỷ 21

HÀ VĂN THÙY *

NÔNG nghiệp Việt nam thế kỷ sau sẽ ra sao ? Đây không phải là chuyện khoa học viễn tưởng mà là vấn đề hết sức nghiêm túc đang đặt ra trước dân tộc. Tôi xin nêu một số ý kiến nhỏ trước vấn đề lớn này.

Tổ tiên ta đã sáng tạo nền văn minh lúa nước từ đồng bằng sông Hồng tới đồng bằng sông Cửu long. Đây là một khái quát mang tính lịch sử. Hệ thống đề điều, các loại cây trồng, vật nuôi, nhiều loại công cụ lao động, những biện pháp canh tác độc

đáo... là những minh chứng cho nhận định trên.

Đặc điểm của nền nông nghiệp này là con người không đối kháng mà hòa hợp với thiên nhiên, sử dụng những điều kiện thuận lợi của thiên nhiên. Từ lưỡi cày bằng đồng của văn hóa Hòa bình tới cày sắt Bắc bộ là một bước tiến. Đây là loại nông cụ phù hợp với hệ thống canh tác gồm giống lúa năng suất thấp, ít phân bón, và hầu như không phải trừ dịch hại. Chiếc cày trâu đôi ở Nam bộ là một sáng

tạo phù hợp với điều kiện vùng đất mới : đất rộng, tầng canh tác dày, màu mỡ và điều kiện chăn nuôi trâu bò thuận lợi.

Đúng là nền nông nghiệp truyền thống ở nước ta có đặc điểm là năng suất thấp, nhưng nó lại có ưu điểm là chi phí ít và chất lượng sản phẩm cao. Nền nông nghiệp đó có công lớn là nuôi được một dân tộc có tỷ lệ sinh đẻ cao, và cung cấp lương thực cho những cuộc kháng chiến lâu dài

* Rạch giá, Kiên giang

chống ngoại xâm. Nét ưu việt của nền nông nghiệp đó là không tàn phá thiên nhiên, ngược lại, luôn bồi dưỡng độ phì của đất.

Trong nhiều năm qua, theo tôi, chúng ta đã đánh giá chưa đúng vai trò của nền nông nghiệp truyền thống. Thường quá nhấn mạnh mặt bảo thủ, trì trệ, gần như phủ định sạch trơn nền nông nghiệp đó. Từ đó, chỉ nhấn mạnh một chiều việc áp dụng chiến lược nông nghiệp mới : tập thể hóa đi đôi thủy lợi hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa. Những hệ thống thủy lợi lớn được xây dựng, máy kéo đưa vào đồng ruộng. Những giống lai được nhập nội, và từ đó nhập theo phân hóa học và thuốc trừ sâu. Hệ thống nông nghiệp mới có đặc điểm là năng suất cây trồng cao, nhưng chi phí sản xuất lại lớn và chất lượng sản phẩm thấp. Nhược điểm lớn của nó là đất bị bòn rút liên tục chất dinh dưỡng, trở nên bạc màu. Đồng thời, phân hóa học và thuốc trừ sâu sử dụng ngày một nhiều làm tăng chi phí sản xuất và gây ô nhiễm môi trường. Hậu quả là thiên nhiên bị phá hoại ngày càng nghiêm trọng, đe dọa chính sự tồn tại của con người. Mặt khác, sản phẩm nông nghiệp giảm dần chất dinh dưỡng, làm cho con người ăn nhiều hơn mà vẫn suy dinh dưỡng. Chưa nói dùng nhiều hóa chất, nông sản có thể nhiễm độc, làm hại sức khỏe,

thậm chí gây bệnh hiểm nghèo.

Một sự thực hiện nay là, chi phí sản xuất nông nghiệp về xăng, dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, đã lên tới mức mà nhiều người sản xuất không chịu nổi. Sản xuất không có lợi, người nông dân ắt bỏ bỏ đồng ruộng. Dòng người tự động di cư vào miền Đông Nam bộ, Tây nguyên là hiện tượng không bình thường. Cần nghiên cứu xem nó có gì liên quan đến hệ nông nghiệp tàn phá thiên nhiên nói trên không ?

Đã đến lúc phải có một hệ thống sản xuất nông nghiệp khác thay thế, với những đặc trưng :

- *Bảo đảm cân bằng sinh thái.*
Nói cách khác : trở lại với đặc điểm của nông nghiệp truyền thống là sản xuất không đối nghịch mà hòa hợp với tự nhiên theo quan hệ "hai bên cùng có lợi". Cố nhiên, trong điều kiện của khoa học kỹ thuật hiện nay, phải xử lý quan hệ này một cách thông minh có hiệu quả hơn.

- *Bảo đảm sản phẩm có chất lượng cao.* Nông nghiệp tương lai phải giải quyết hai nhiệm vụ nặng nề : không chỉ có năng suất cao để có thể đáp ứng nhu cầu về cái ăn của số dân ngày càng đông, mà còn phải bảo đảm sản phẩm có chất lượng tốt nhất để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- *Bảo đảm sản phẩm không*

độc. Do tai họa của nông nghiệp hóa học hóa, các nước ngày càng đòi hỏi khắt khe tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm. Quốc gia nào không đáp ứng được điều này sẽ không có chỗ đứng trên thị trường quốc tế.

Để có thể đáp ứng những yêu cầu trên, nền nông nghiệp mới cần có những điều kiện sau :

1 - *Tận dụng tối đa kinh nghiệm nông nghiệp truyền thống.* Bây giờ tính chuyện trở lại áp dụng nguyên xi hệ nông nghiệp truyền thống là không đúng. Vấn đề đặt ra là : nghiên cứu nghiêm túc tính hợp lý, hợp quy luật của hệ thống nông nghiệp đó. Nông nghiệp truyền thống có vô vàn kinh nghiệm hay mà ta có thể khai thác phục vụ cho nền nông nghiệp mới. Với kinh nghiệm của nền nông nghiệp truyền thống, người sản xuất có thể phát huy hết năng lực sáng tạo trên mảnh đất của mình.

2 - *Thay phân hóa học bằng một loại phân bón khác không độc hại.* Một vấn đề làm đau đầu các nhà nông nghiệp là tìm loại phân nào không độc hại thay cho phân hóa học ? Tới nay câu hỏi này thực tế đã có lời giải đáp. Đó là BIOMIX, một loại phân sinh học. Mấy năm nay, các tỉnh Kiên Giang, Long An, TP Hồ Chí Minh, Quảng Nam - Đà Nẵng đã sản xuất được loại phân bón này từ nguyên liệu địa phương. Về

nguyên lý, từ than bùn được xử lý, bổ sung một tỷ lệ N-P-K thích hợp, đem cấy ủ một số chủng sinh vật, ta sẽ có được loại phân sinh học quý giá này. Ngoài việc cung cấp dưỡng chất cho cây trồng, BIOMIX còn có tác dụng làm xới đất, tăng lượng đạm cho đất trồng bằng những vi khuẩn cố định đạm. Trên những cánh đồng Nam bộ, BIOMIX mang lại hiệu quả rõ rệt, vừa tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, lại hạn chế được nhiều loại sâu bệnh. Đáng chú ý là với việc dùng loại phân này, chi phí sản xuất giảm nhiều, chỉ bằng nửa so với dùng phân hóa học trước đây. Với nguồn nguyên liệu lớn là than bùn có ở nhiều nơi, nếu được tổ chức sản xuất tốt, BIOMIX trong tương lai sẽ trở thành loại-phân bón chủ đạo, thay cho phân hóa học nhập khẩu.

3 - *Tìm chất trừ dịch hại mới thay cho hóa chất độc.* Nền nông nghiệp mới cần có sản phẩm trừ dịch hại mới. Đây gần như một cuộc cách mạng trong nông nghiệp. In-đô-nê-xi-a đã cấm dùng hóa chất độc trong nông nghiệp. Đó là việc làm đúng và táo bạo. Ở nước ta hiện nay, đã thấy lối ra ở một số sản phẩm trừ dịch hại bắt đầu được sản xuất ở trong nước. Đó là ong mắt đỏ và thuốc trừ sâu vi sinh. Trung tâm bông Nha Hố (Thuận Hải) và một số nơi khác ứng dụng ong

mắt đỏ đã cho kết quả bước đầu. Tại TP Hồ Chí Minh đã xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trừ sâu vi sinh. Công việc bây giờ là đầu tư hoàn thiện công nghệ, tổ chức sản xuất và đưa ra thị trường. Nếu có chủ trương đúng, từ phương hướng này, đến năm 2000, chúng ta có thể tự túc được chất trừ dịch hại sinh học, vừa giảm được ngoại tệ nhập hóa chất độc, vừa đảm bảo được vệ sinh môi trường và cân bằng sinh thái.

4 - *Ứng dụng hợp lý những thành tựu của công nghệ sinh học thế giới.* Công nghệ sinh học thế giới đang có những tiến bộ kỳ diệu. Vấn đề là phải vươn tới năng lực tiếp nhận những thành tựu đó sao cho có lợi nhất.

Trên đây là những điều kiện về kỹ thuật mà nền nông nghiệp mới cần có. Để có thể trở thành hiện thực, nền nông nghiệp tương lai còn cần có những điều kiện xã hội nhất định. Đó là :

1 - *Mở cửa hòa nhập với thế giới, trước hết với khu vực Đông-Nam Á.* Cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải mở cửa, mở cửa thật sự, tự tin và chân thành. Trước hết phải hòa nhập được với ASEAN, những nước gần gũi, có nhiều điểm giống ta. Không chỉ tiếp nhận kỹ thuật, mà cái quan trọng hơn, là học cách họ giải những bài toán nông nghiệp và tránh những sai lầm của họ.

2 - *Nông dân có quyền sở hữu về ruộng đất.* Nông nghiệp tương lai phải như một lĩnh vực nghệ thuật. Người sản xuất phải như một nghệ sĩ trên mảnh đất của mình. Vì vậy, điều kiện đầu tiên là họ phải thực sự làm chủ đất đai. Họ có quyền sử dụng nó hoàn toàn theo ý muốn (có nhiên, trong phạm vi luật pháp). Vì vậy, luật pháp phải công nhận quyền sở hữu thực sự của họ về đất đai.

3 - *Xây dựng quan hệ sản xuất mới.* Là chủ hộ tiểu nông hay chủ nông trại, người nông dân không bao giờ đứng riêng như một cá thể độc lập. Sản xuất và cuộc sống buộc họ phải quan hệ với nhau. Từ đây, quan hệ hợp tác giữa họ nảy sinh. Đó là những tổ chức tự nguyện, cùng có lợi, mang tính hiệp hội, không có sự can thiệp, áp đặt của Nhà nước.

*

Những điều trình bày trên chỉ là những nét dự đoán hết sức khái quát về nền nông nghiệp phong phú sinh động trong tương lai. Nhưng tôi tin rằng đó cũng là những nét bản chất nhất. Xây dựng nền nông nghiệp tương lai là sự nghiệp của toàn dân tộc. Trong đó vai trò định hướng của Nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thiết tưởng, những cơ quan hữu trách nên nghiên cứu một cách nghiêm túc vấn đề này. Công việc không còn sớm nữa.



VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

VŨ HIỀN

KINH nghiệm có tính chất phương pháp luận khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản hiện đại là : không thể lý giải được nhiều điều nếu lệ thuộc vào chủ nghĩa giáo điều cũ, vào những nhận định và quan niệm truyền thống về chủ nghĩa tư bản. Nhưng cũng sẽ không tránh khỏi lạc hướng và vấp vấp, nếu như sa vào một thứ giáo điều mới mà đặc trưng là phủ định sạch trơn mọi lý luận đã có do bị lóa mắt bởi bộ áo mới của chủ nghĩa tư bản. Đã có không ít nhà lý luận ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đang ca ngợi chủ nghĩa tư bản hết lời ; cho rằng chủ nghĩa tư bản đang tràn trề sức sống và chủ nghĩa xã hội không phải tìm ở đâu xa mà ngay ở một số nước tư bản chủ nghĩa phát triển hiện nay (!).

Để có được những kết luận khách quan khi đánh giá chủ nghĩa tư bản hiện đại, theo tôi, cần cân nhắc cả hai mặt : *một mặt* là những năng lực và sức sống hiện có của nó, sức cải tạo và phát triển đáng kể của nó ; và *mặt khác* là những mâu thuẫn sâu sắc, những khuyết tật xã hội, tính bất ổn định và sự tụt yếu bị thay thế của nó.

Với cách tiếp cận như trên, xin nêu một số nhận xét bước đầu dù còn nhiều hạn chế về chủ nghĩa tư bản hiện đại.

1 - *Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản đã có sự thích nghi nhất định theo hướng xã hội hóa để có thể tiếp tục tồn tại và phát triển.*

Giai cấp thống trị của xã hội tư bản luôn tìm mọi cách giải quyết những vấn đề của chính nó để thoát khỏi những bế tắc và khủng hoảng thường trực. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là trong những năm 80, đa số các nước tư bản phát triển đã nhanh chóng thực hiện những chiến lược điều chỉnh kinh tế - xã hội để thích nghi với thời đại. Trọng tâm của việc điều chỉnh hướng vào các quá trình kinh tế, vào việc cải tổ các mối quan hệ

giữa nhà nước và khu vực tư nhân.

Việc cải cách, điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản hiện đại bắt nguồn từ những thách thức của thời đại : sự hiện diện của chủ nghĩa xã hội ; những đòi hỏi cấp bách về phát triển, lực lượng sản xuất xã hội và sự thay đổi tương ứng về mặt quan hệ sản xuất. Vậy nên, quá trình thực hiện chính sách điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản vừa qua không ngoài mục đích thi đua với chủ nghĩa xã hội hiện thực, tìm mọi cách cải thiện điều kiện và tạo ra những yếu tố mới làm cho quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa có thể thích nghi với lực lượng sản xuất ngày càng phát triển do sự thúc đẩy mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.

Qua kiểm chứng của thời gian, chủ nghĩa tư bản đã bộc lộ năng lực tạm thời thích nghi được trước đòi hỏi gay gắt của thời đại ; đã tạo ra được một số thay đổi đáng kể từ cơ sở ; đã khai thác được nhiều tiềm năng và tận dụng được nhiều hình thức phát triển có hiệu quả. Sau đây là những biến đổi tự thân quan trọng nhất, quyết định sức sống của chủ nghĩa tư bản hiện đại :

- *Sự biến đổi về chất của lực lượng sản xuất.* Hiện nay, tại các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đang xuất hiện những lực lượng sản xuất mang dấu ấn của cuộc cách mạng công nghệ mới. Cùng với việc nâng cao đáng kể trình độ công nghệ của các ngành sản xuất vốn có, nhiều ngành sản xuất mới đã được mở ra. Việc tự động hóa, robot hóa, sử dụng rộng rãi máy điện toán trong sản xuất, đã làm cho lao động trí lực ngày càng thay thế lao động thể lực. Đang xuất hiện thời đại lực lượng sản xuất công nghiệp mới mà vị trí trung tâm là con người sáng tạo kỹ thuật.

- *Sự đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.* Đây là nhân tố tạo điều kiện để hệ thống thị trường cạnh tranh tư bản

chủ nghĩa vươn tới một trình độ tổ chức mới, hạn chế bớt tính tự phát và tăng tính tự giác trong điều chỉnh tư bản và sản xuất. Điều đó cũng thúc đẩy sự xã hội hóa tư bản và lao động.

- *Sự thích ứng của giới kinh doanh.* Giới tư sản kinh doanh hiện nay tỏ rõ khả năng không chỉ trong tổ chức điều hành sản xuất mà cả trong mua chuộc, thu hút, tinh hoa của các ngành khác có lợi cho công việc của mình : những người quản lý, những quan chức nhà nước, các nhà tư tưởng, các nhà khoa học, và cả những người hoạt động nghệ thuật, thể thao... Tính linh hoạt của các nhà kinh doanh tư sản hiện nay đang tạo ra sự đan kết giữa tài năng và tài phiệt, giữa năng lực với tiền bạc. Đây chính là yếu tố gây ra sự chia rẽ và phân liệt trong phong trào công đoàn.

- *Những cái biến trong các tầng lớp người lao động.* Ở các nước tư bản phương Tây, đời sống công nhân áo xanh, lao động chủ yếu bằng cơ bắp, hiện chỉ còn khoảng 15% và đang có xu hướng ngày càng giảm đi. Mặc dù tỷ suất bóc lột (m/v) hiện nay rất cao (có khi lên tới 3/1), nhưng có không ít trường hợp giai cấp công nhân được trả công gần ngang giá trị sức lao động. Có tình hình này là do giai cấp tư sản có thể bớt một phần siêu lợi nhuận thu được từ đủ các nguồn, tăng thêm tiền lương hồng xoa dịu cuộc đấu tranh có tổ chức của giai cấp công nhân, hoặc kích thích nhu cầu trong dân cư, tăng thêm quy mô tiêu dùng cá nhân để mở rộng thị trường tiêu thụ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới những thay đổi đáng kể trong xu hướng bản cùng hóa tuyệt đối và tương đối của người lao động dưới chế độ tư bản.

2 - *Chủ nghĩa tư bản hiện đại thực chất vẫn là chế độ tư bản đã bị lịch sử lên án.*

Đúng là chủ nghĩa tư bản hiện đại đã tạo nên sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất xã hội, nhưng cũng chính nó đã gây ra những tội ác mà loài người không thể tha thứ.

- Chủ nghĩa tư bản là thủ phạm gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới với hàng triệu người bị thiệt mạng ; là kẻ ném bom nguyên tử xuống dân lành Nhật bản ; là kẻ xúi giục hoặc trực tiếp gây ra hàng trăm cuộc chiến tranh lớn nhỏ công khai hoặc che giấu trên khắp hành tinh ; là kẻ thường áp đặt những thủ đoạn trả thù nhỏ nhen như cấm vận, bao vây kinh tế đối với các nước không vừa ý. Sự sụp đổ về kinh tế và chính trị ở Đông Âu và Liên xô đều có

bàn tay ác độc của chủ nghĩa tư bản. Vì sao chiến tranh lạnh đã chấm dứt mà thế giới vẫn tiếp tục biến động, xáo trộn, mất ổn định và căng thẳng như hiện nay ? Rõ ràng đó là vì vẫn còn chủ nghĩa tư bản với các chính sách gây chiến, can thiệp và áp đặt nói trên.

- Chủ nghĩa tư bản đã và đang bóp méo nền văn minh nhân loại bằng chế độ dân chủ chủ yếu cho người giàu, bằng chế độ phân biệt chủng tộc, bằng việc nuôi dưỡng các tệ nạn ma túy, đĩ điếm, tham nhũng, làm kiệt quệ tài nguyên, hủy hoại môi trường sống vì lợi nhuận tối đa.

- Chủ nghĩa tư bản dù là chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn tiếp tục gây đau khổ cho nhân dân các nước, nhất là các nước đang phát triển. Sự xuất hiện và phát triển của tình trạng nợ nần ở các nước này là hậu quả trực tiếp của nền kinh tế - chính trị tư bản chủ nghĩa. Nợ nần đã gây ra bao thảm cảnh. "Thế giới thứ ba" hiện có hơn 500 triệu người bị đe dọa chết đói ; khoảng 1,6 tỷ người sống trong cảnh khốn cùng ; hơn 600 triệu người thất nghiệp ; 800 triệu người mù chữ ; 1,5 tỷ người không được hưởng dịch vụ y tế. Trẻ em là bị thiệt thòi nhất : hằng năm có tới 40 000 trẻ em bị chết vì không có ăn...

- Chủ nghĩa tư bản còn lợi dụng ưu thế vốn có về kinh tế và kỹ thuật để tăng cường chạy đua vũ trang, làm kiệt sức đi tới đánh gục các đối thủ. Một châu Phi bao người đói khát, bệnh tật ; một châu Á nghèo túng ; một châu Mỹ la tình nợ nần chồng chất, rất cần có sự trợ giúp, thế mà hằng năm người ta chi tới 1300 tỷ đôla để chế tạo ra những thứ vũ khí giết người !

Tóm lại, chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là chế độ tư bản tàn bạo. Chính nó đã gây nhiều thảm họa cho các nước, nhất là các nước nghèo. Mặc dù đại được những tiến bộ chưa từng thấy về kinh tế và công nghệ, nó luôn luôn bộc lộ sự thiếu khả năng và vô trách nhiệm trong việc hạn chế và loại bỏ tình trạng bản cùng của tuyệt đại bộ phận dân cư trên thế giới.

3 - *Chủ nghĩa tư bản trước sau vẫn là xã hội không có tương lai*

Chủ nghĩa tư bản thường xuyên biến đổi, nhưng biến đổi cũng là để muốn tiếp tục tồn tại. Vì thế sự biến đổi của chủ nghĩa tư bản mang tính bảo thủ.

Chủ nghĩa tư bản có tự điều chỉnh, có tổ điểm cho có hộ mới, thì thực chất vẫn là chủ nghĩa tư bản. Do bản chất không thay đổi, nên những thay đổi của nó dù sao cũng có những hạn chế nhất định, không thể vượt quá giới hạn cho phép. Vì vậy, sẽ tới lúc nếu tiếp tục thay đổi, thì chủ nghĩa tư bản không còn là chủ nghĩa tư bản.

- Bản chất bất di bất dịch của chủ nghĩa tư bản là bao giờ nó cũng nhìn nhận và xử lý mọi vấn đề theo cái lô gích thu lợi tối đa. Chính cái lô gích ấy làm cho những mâu thuẫn trong lòng chủ nghĩa tư bản ngày thêm trầm trọng, không thể điều hòa.

- Chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là xã hội mà đa số phải sống phụ thuộc vào lợi ích và quyền lực của thiểu số, vẫn là xã hội vận hành trên cơ sở quan hệ bóc lột và bị bóc lột giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân. Ở các nước phương Tây hiện nay, đi đôi với khoa học kỹ thuật phát triển, năng suất lao động tăng, thì mức độ bóc lột của giai cấp tư sản (thể hiện ở tỷ suất giá trị thặng dư) cũng tăng đáng kể. Chẳng hạn ở Mỹ, tỷ suất giá trị thặng dư trong các ngành sản xuất công nghiệp mấy thập kỷ qua đã tăng như sau : năm 1950 : 241,2% ; năm 1960 : 247,6% ; năm 1970 : 255% ; năm 1980 : 289% ; và hiện nay trên dưới 300%. Ở Cộng hòa liên bang Đức và nhiều nước khác cũng có mức tăng tương tự.

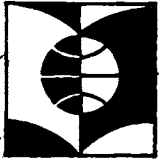
Không chỉ ở các nước đang phát triển mà ngay trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa giàu sang nhất cũng có thể giới của những người nghèo. Số người sống dưới mức nghèo khổ hiện nay ở Mỹ khoảng 30 triệu, ở Tây Âu khoảng 40 triệu. Thuế má, thất nghiệp, các tệ nạn xã hội luôn luôn đeo đẳng trên lưng người nghèo. Hồ ngăn cách giàu nghèo ngày càng mở rộng. Theo báo cáo của Ủy ban ngân sách hạ nghị viện Mỹ, từ năm 1973 đến 1987, thu nhập bình quân của 1/5 tổng số gia đình giàu có ở Mỹ tăng 24% ; còn của 1/5 tổng số gia đình nghèo khổ ở đây giảm 11%. Vậy là, mặc dù giai cấp tư sản hiện nay có sự mềm dẻo nhất định trong việc làm dịu mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, nhưng đây vẫn chỉ là tùy nơi tùy lúc, còn về cơ bản, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động vẫn ngày càng gay gắt và chứa đựng sự bùng nổ xã hội.

- Cuộc sống tiếp tục chứng minh dự báo hoàn toàn đúng đắn của các nhà sáng lập học thuyết Mác -

Lê-nin : mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân sẽ được giải quyết theo hướng công cộng hóa hình thức sở hữu cho phù hợp với tính chất xã hội của sản xuất, và điều đó không phải cái gì khác mà chính là chủ nghĩa xã hội.

Từ tự do cạnh tranh, chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới *độc quyền, độc quyền nhà nước trong rồi ngoài* phạm vi quốc gia. Cùng với quá trình quốc tế hóa kinh tế ngày càng tăng, các biện pháp điều chỉnh các quan hệ kinh tế và sở hữu theo hướng công cộng hóa cũng ngày càng tăng. Điều này thể hiện rõ ở việc các cổ đông, các tổ chức công đoàn, người lao động ngày càng tham gia quản lý kinh tế xã hội. Những điều này diễn ra không phải do giới chủ tư sản thực tâm mong muốn, mà chính vì tình thế bắt buộc : họ muốn xoa dịu và dập tắt mọi cuộc đấu tranh của những người lao động. Và cũng chính vì vậy, điều cần nhấn mạnh ở đây là : những biến đổi trên vô hình trung trở thành những tiền đề của chế độ xã hội mới trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Quả là giai cấp kinh doanh tư sản hiện đại đã biết linh hoạt, và đôi khi ứng phó có hiệu quả trước diễn biến của tình hình kinh tế xã hội. Nhưng cần thấy rằng : các lực lượng dân chủ, đội ngũ đông đảo những người làm công ăn lương ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay cũng đã khác trước. Họ hiểu hơn và có nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt hơn nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ hơn. Và điều này thực tế đang tạo ra bên trong xã hội tư sản những cơ cấu mới và những quan hệ mới không mang tính chất tư sản. Cuộc đấu tranh giai cấp của những người lao động chống bóc lột và bất công ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay diễn ra không chỉ trong khuôn khổ cấu trúc thượng tầng mà cả ở cơ sở hạ tầng, làm thay đổi nền móng xã hội, làm biến dạng chế độ tư sản. Để trở thành hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã cố gắng tự điều chỉnh để có thể thích nghi với thời đại, nhưng cũng chính vì thế đã tự làm nảy sinh những vấn đề mới, ngoài ý muốn của nó. Nó sẽ bị hút dần một cách không tự giác vào một trật tự xã hội mới, trong đó chế độ tư hữu sẽ dần dần bị thay thế bởi chế độ công hữu trên cơ sở cuộc đấu tranh giai cấp được tiến hành theo một cách thức mới.



NGUYÊN NHÂN LIÊN XÔ SỤP ĐỔ

TỪ ngày 25-12-1991, Liên xô, một quốc gia hùng mạnh, từng hy sinh hơn 20 triệu con em của mình để cứu toàn nhân loại thoát khỏi thảm họa phát xít, đã vĩnh viễn đi vào lịch sử. Với 74 năm tồn tại, là thành trì của cách mạng thế giới, Liên xô sụp đổ đã gây nổi bàng hoàng cho phần lớn nhân loại, và một cảm giác mất mát đè nặng lên không ít người.

Đã từng là một siêu cường, một đối cực lớn của Mỹ, Liên xô sụp đổ đã đặt ra câu hỏi lớn : nguyên nhân nào đã đẩy Liên xô tới sự tan vỡ nhanh như vậy ? Nhiều chính khách, nhiều học giả và các nhà báo đã cố gắng lý giải sự kiện đó.

Một số ý kiến cho rằng : M. Góóc-ba-trốp bắt đầu công cuộc cải tổ vào thời điểm khá muộn màng, nhưng lại áp dụng những biện pháp quá mạnh, không thích hợp, "giống như cho một bệnh nhân thở ô xy nguyên chất. Con sóc có thể giết chết bệnh nhân" (Michio Kaku - giáo sư vật lý Trường ĐHTH Niu-Oóc, đã nói như vậy).*

Năm 1985, khi M. Góóc-ba-trốp đang quang, Liên xô đã ở vào tình trạng tiền khủng hoảng. Tuy nhiên, ngay cả những cuộc đại khủng hoảng có tầm cỡ thế giới cũng chưa thể làm diệt vong một quốc gia như Liên xô. Nhân dân xô viết có khả năng và đã từng chịu đựng khó khăn, vượt qua không ít thử thách trước đây. Họ đã chứng tỏ sức chịu đựng chưa từng có trong đại chiến thế giới thứ hai. Vậy thì tại sao bỗng chốc lại sụp đổ như

vậy ? Cựu tổng thống Mỹ R.Ních-xon viết : "Trước đây, tôi được chứng kiến những con người sống trong nghèo khổ và sợ hãi, nhưng họ vẫn còn hy vọng là chế độ có thể tồn tại. Nhưng bây giờ thì không còn sợ hãi, nhưng cũng không còn hy vọng gì nữa".

Không còn hy vọng, không còn niềm tin, đó là liều thuốc độc đối với "con bệnh Liên xô". Trước cải tổ, niềm tin vào đảng cộng sản, vào ban lãnh đạo đất nước đã bị xói mòn, nhưng trong đại bộ phận dân chúng khi ấy vẫn còn lòng tin vào lý tưởng cộng sản mà họ theo đuổi, vào những mục đích mà vì chúng họ sẵn sàng chịu đựng thiếu thốn, khó khăn. Họ vẫn tin rằng việc giúp đỡ Cu-ba, Việt nam, Áp-ga-ni-xtan... là đúng theo tinh thần quốc tế vô sản.... Cải tổ với luồng gió gọi là "dân chủ hóa" và "công khai hóa", đã thổi bay nốt những niềm tin còn lại ấy. Dân chúng bắt đầu sống trong vô vọng và khủng hoảng lòng tin.

Phải chăng lỗi lầm là ở "dân chủ hóa" và "công khai hóa" ? Đặt vấn đề như vậy, chẳng khác gì quy tội gây tử vong cho con dao mổ của bác sĩ phẫu thuật ! Thủ pháp khéo léo của bác sĩ với con dao mổ, có thể cứu sống bệnh nhân ; nhưng cũng lưỡi dao ấy, chỉ cần đưa chệch một chút thôi, là có thể dẫn đến cái chết của bệnh nhân. Lỗi lầm đầu phải ở con dao mổ, đầu phải ở "dân chủ hóa", "công khai hóa" ! V. la-rút-sen-cô viết trong tạp chí *Nô-vui mia* (số 3 năm

1991) : "Một bước ngoặt nguy hiểm và đòi hỏi phải được xem xét lại : chúng ta càng đi xa hơn trên con đường công khai và dân chủ, thì mọi người càng nhìn vào tương lai một cách thiếu tin tưởng". Bây giờ, tất cả đã sụp đổ, cái khả năng "xem xét lại" nói trên rõ ràng không còn nữa, nhưng sẽ là bài học quý báu cho những người đi sau.

Trong quá trình tồn tại, Nhà nước xô viết đã phải đương đầu với những vấn đề hết sức phức tạp, đặc biệt là vấn đề dân tộc. Trước cải tổ, vấn đề mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Liên xô có thể coi như đã được giải quyết ở mức độ nhất định, hay chí ít, không thể là nhân tố gây ra sự đổ vỡ như hiện nay. Thế nhưng, từ khi bắt đầu cải tổ, vấn đề dân tộc và sắc tộc đã bùng lên ở Liên xô, xung đột sắc tộc ở nhiều nơi trở nên đẫm máu. Na-go-rơ-nui Kha-ra-bắc là một ví dụ đau lòng. Vẫn theo V.la-rút-sen-cô : "Lò lửa dân tộc đã bùng lên ngày một lớn, sự kiến tạo mạnh mẽ các dân tộc đã bắt đầu. Và khi bắt đầu, nó sẽ gây chấn động như thế nào, sẽ kéo chúng ta đến đâu, sẽ mai táng bao nhiêu người, sẽ tạo ra một hiện thực mới nào - điều đó có lẽ mới biết được". Nếu trước cải tổ, tất cả những vấn đề như xung đột dân tộc, đảng phái chính trị, sự thù nghịch và đầy loạn từ thời tiền cách mạng, tội phạm hình sự, ma phi a v.v. giống như những "âm binh"

(*) Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1992, tr.61

bị chính quyền xô viết cho vào hầm khóa chặt và dán "bùa yểm", thì khi bắt đầu cái tổ, M.Goóc-ba-trốp, giống như một đạo sĩ, bước tới căn hầm, mở khóa và gỡ "bùa yểm" ra... Tiếc thay, M.Goóc-ba-trốp lại không phải là một đạo sĩ cao tay ! Ông ta không điều khiển nổi "âm binh", và kết quả là "âm binh" đầy loạn, là vô chính phủ... It - đặc Brót-ni - chuyên gia về Liên xô của Trường đại học Yale, nhận xét : "Tôi nghĩ rằng ông ta đã đóng vai trò quan trọng trong chính sự sụp đổ của mình. Ông đánh giá thấp tầm quan trọng của mâu thuẫn sắc tộc".

Nhiều người thích ví một

quốc gia như một tòa nhà. Nếu có thể ví như vậy, thì "tòa nhà" Liên xô được xây trên ba trụ lớn : Đảng cộng sản Liên xô, Quân đội xô viết và KGB. Trong đó, Đảng cộng sản Liên xô ngoài vai trò trụ cột, còn đóng vai trò "chất kết dính", gắn các nước cộng hòa và các dân tộc ở Liên xô thành một khối thống nhất. Ba trụ lớn ấy nay đã bị phá vỡ : đảng cộng sản bị giải tán bởi chính tổng bí thư của nó ; KGB bị giải thể để "tổ chức lại" ; còn quân đội thì phân rã... vô chủ. Các trụ chống đỡ "tòa nhà" đã không còn thì sự sụp đổ của chính "tòa nhà" còn gì phải bàn cãi ? !

Từ nay, thế giới không còn

Liên xô nữa, giống như một thanh nam châm trước đây có hai cực dương - âm là Xô - Mỹ, thì nay chỉ còn một cực âm. Tình trạng không cân bằng thực tế đã diễn ra. Trong bất kỳ môi trường nào, trạng thái không cân bằng chẳng báo trước điều gì tốt lành. Thế giới sẽ đi tới một trật tự mới nào ? Phải chăng chúng ta đang chứng kiến sự xuất hiện của một nền "hòa bình kiểu Mỹ" ? Và "hội chứng I-rắc" liệu có lan rộng khắp thế giới hay không ? Nỗi lo này, thật chẳng của riêng ai !

VÔ THIÙ PHƯƠNG
Tổng thuật



Tranh :
ĐẶNG NHÂN

QUẢNG CÁO

LEGAMEX

LEATHER-GOODS * GARMENT * TEXTILE * IMPORT EXPORT COMPANY



**CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU
DỆT DA MAY**
TP. HỒ CHÍ MINH

NGÀNH MAY

Đây là ngành chủ lực của Cty, 4 xí nghiệp may Lega 1, Lega 5, Lega 6, Lega 7, với hơn 2000 máy may chuyên dùng và 4000 công nhân. Sản phẩm may có uy tín tại thị trường Quốc tế. Được xuất khẩu qua tây Âu và một phần nhỏ qua Liên xô.

Do nhiều vốn lưu động, nên Cty chủ yếu ký hợp đồng gia công cho khách nước ngoài. Năng suất của ngành may đạt đến 4 triệu SP/năm.

NGÀNH DỆT

Các SP đặc sắc của Cty như nhăn dệt các loại. Đã được các XN may XK của Việt nam sử dụng với số lượng lớn. Cty còn có 6 máy dệt kim tròn dệt vải cotton và 2 dây chuyền may quần lót cotton và áo Pull.

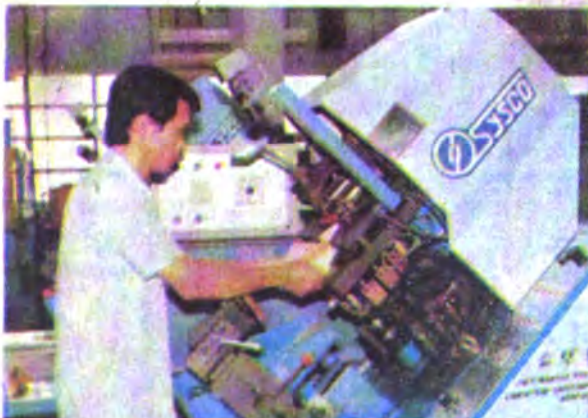
NGÀNH DA GIÀY

Có 2 dây chuyền sản xuất giày hoàn chỉnh (giày thể thao và giày da nam nữ).

Giày của Cty được xuất khẩu chủ yếu qua các nước Đông Âu. Cty còn có 2 dây chuyền sản xuất dép xuất khẩu qua Pháp. Ngành giày có gần 1200 công nhân với công suất 1,5 triệu SP/năm.

NGÀNH THÊU

Cty có đội ngũ thợ thêu tay lành nghề. Sản phẩm thêu tay được các khách hàng Nhật bản ưa chuộng (như Đại Kimono và Áo kimono). Ngoài ra Cty còn có máy thêu điện tử 12 đầu.



15 TRUONG SON QUAN 10 - TP. HO CHI MINH

TELEX : 811452 - LEGA-VT + FAX : (84) 8.41265 + TEL : 40251 - 41386 - 42728

DU LỊCH KỶ HÒA

Công ty du lịch thương mại Kỳ Hòa được xây dựng vào cuối năm 1983 với diện tích 1 ha, đến nay đã mở rộng hơn 25 ha, là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thành phố Hồ Chí Minh có nhiều công trình cây xanh, bóng mát, nhà hàng, khách sạn, và nhiều loại hình vui chơi giải trí ... Đây là một khu liên hoàn khép kín hoạt động trên các lĩnh vực văn hóa, du lịch, khách sạn và thương mại có một vị trí rất thuận lợi là gần sân bay, bến cảng, ga xe lửa.

Trong 3 năm qua (1989 - 1991) hoạt động của Cty không ngừng đi lên cả về quy mô lẫn kinh tế.

HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA KỶ HÒA 1992 - 2005

- + Mở rộng thêm 10 ha đất.

- + Xây dựng mới :
 - 02 khách sạn 5 sao cao 30 tầng.

- 02 văn phòng giao dịch từ 20 - 30 tầng.

- 01 câu lạc bộ quốc tế.

- 01 câu lạc bộ thể thao

- 02 khu nhà ở cao cấp từ 4 đến 50 tầng.

- Nhiều SHOPPING CENTER, khu triển lãm hàng hóa cho trong và ngoài nước.

- + Tất cả đều do kiến trúc sư và kỹ sư nước ngoài phối hợp với Việt Nam quy hoạch, thiết kế và thi công theo tiêu chuẩn quốc tế.

- + Sẵn sàng đón tiếp các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia.

ĐẾN VỚI KỶ HÒA HÔM NAY VÀ NGÀY MAI CÁC BẠN LUÔN THẤY MỚI, LẠ VÀ HÀI LÒNG



Mô hình trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao cao 30 tầng

Địa chỉ : Số 12-14-16, Đại lộ 3-2

Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : 53332 - 54063 - 53456

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP DƯỢC KHÁNH HÒA

Xí nghiệp chuyên sản xuất và kinh doanh các loại dược phẩm, bông băng, dược liệu phục vụ cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh.

Trong danh mục 38 mặt hàng đăng ký sản xuất lưu hành có 16 mặt hàng được lưu hành rộng rãi cả nước và có 5 mặt hàng được phép xuất khẩu. Những mặt hàng truyền thống của xí nghiệp : viên tiêu thực, phillatốp uống, Vitamin B12 tiêm, viên Vitamin B1, viên Vitamin B6 v.v... được uy tín cao trong cả nước. Tại hội chợ triển lãm kinh tế kỹ thuật Việt Nam lần thứ 5 năm 1990 ở Hà Nội, xí nghiệp chúng tôi có 6 mặt hàng được thưởng huy chương : viên tiêu thực đoạt huy chương vàng, Sea-Horse Elixir, Phillatốp uống, Vitamin B12 tiêm, viên Vitamin B1 đoạt huy chương bạc; viên Vitamin B6 đoạt huy chương đồng.

SeaHorse Elixir, Rượu bổ Yến sào, Nha trang Tonic Elixir, Rượu Tắc kè và thuốc uống Yến sào, các chế phẩm này sản xuất từ Yến sào, cá ngựa và tắc kè là 3 nguyên dược liệu quý đặc trưng của tỉnh Khánh Hòa, có những chỉ định bổ dưỡng và điều trị bệnh vô cùng đặc hiệu và phong phú.

Điều kiện mua bán thuận tiện, dễ dàng, giá cả phải chăng.

Xí nghiệp chúng tôi sẵn sàng liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước.

Địa chỉ liên hệ : Xí nghiệp liên hợp dược Khánh Hòa, Đường 2-4 Đồng Đế - Nha Trang. Điện thoại : 22617 - 21109.

Tại Hà Nội :

- Công ty dược liệu TW I Hà Nội
 - Địa chỉ : Giáp Bát Hà Nội
 - Điện thoại : 63368
- Công ty xuất nhập khẩu Y tế Hà Nội (Viemedimex Hà Nội)
 - Địa chỉ : 138 Giảng Võ Hà Nội.
 - Điện thoại : 44897

Tại T.P Hồ Chí Minh :

- Công ty dược phẩm TWH
 - Địa chỉ : 136 Tô Hiến Thành T.P Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : 50834
- Công ty xuất nhập khẩu Y tế (Vimedimex T.P Hồ Chí Minh)
 - Địa chỉ : 246 Cống Quỳnh T.P Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : 98441.



Sản phẩm do XN sản xuất

H/29

Tap chí Công sản



MAIN/UC-B



3
1992

NHÀ MÁY THUỐC LÁ

BẾN THÀNH



Địa chỉ :
11/121 Đường 26/3 -
Phường 17 Gò Vấp
- TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại :
941072
941073
943409

Đồng chí Đỗ Mười - Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam thăm
ảnh đồng thuốc lá Sợi vàng ở huyện Củ Chi do Nhà máy thuốc lá
Bến Thành đầu tư.

Các sản phẩm chính
CRAVEN "A"
FINE
INTERSHOP Sài Gòn
SÀI GÒN (bao cứng)
Liên doanh với các
công ty.
ROTHMANS.
SINGAPORE
SEITA (Cộng hòa Pháp)



Giám đốc NGÔ THANH AN



Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3-1992 NĂM THỨ XXXVIII (435)

MỤC LỤC

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	LÊ XUÂN LỰU - Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin SONG THÀNH - Đề tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự trở thành kim chỉ nam cho hành động HOÀNG THẾ LIÊN - Mấy vấn đề pháp lý của kinh tế thị trường ở nước ta NGUYỄN KHẮC HIỀN - Tạo vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Quan hệ chính trị quốc tế hiện nay	3 8 11 14 18
Nghiên cứu - Trao đổi	TÔ NGỌC THANH - Chung quanh vấn đề "di sản văn hóa" NGUYỄN LINH KHIẾU - Ý nghĩa của nhu cầu, lợi ích và tri thức đối với hoạt động của con người TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG - Mô hình văn hóa gia đình nông thôn hiện nay	21 24 28
Ý kiến và kinh nghiệm	BÌNH MINH - Làm tốt công tác vận động cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài PHAN THU - Suy nghĩ từ mô hình tổ chức bộ đội kinh tế - quốc phòng của một số địa phương NGUYỄN VĂN THẢO - Vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường NGUYỄN VĂN LỘC - Nghĩ về kỷ cương, phép nước VŨ PHÒNG - Đảng bộ Thái bình trưởng thành trong đổi mới HỮU ĐỨC - Giải quyết việc làm cho người lao động ở Công ty thăm Hàng kênh - Hải phòng	32 35 39 42 44 47
Hội thảo khoa học - thực tiễn	Về tổ chức Liên hiệp xí nghiệp quốc doanh	51
Sinh hoạt và tư tưởng	TÙNG LƯƠNG - Cơ chế nói ngược	56
Thư gửi Bộ biên tập	HUỲNH TƯ - Thực hiện chế độ phá sản xí nghiệp quốc doanh	58
Thế giới : vấn đề, sự kiện	ĐÌNH NHO LIÊM - Việt nam trong xu thế chung của châu Á - Thái bình dương TRỊNH DÂN - Nông nghiệp Trung quốc sau khi khoán đến hộ	60 62

Bìa 1 : NGÔ MÔN (Huế)

Ảnh : QUANG DŨNG

СОДЕРЖАНИЕ

• **Социализм: Теория и практика** • ЛЕ СУАН ЛЬУ - Революционная и научная сущность марксизма-ленинизма. ШОНГ ТЬАНЬ - Пусть хошиминовские идеи станут настоящим руководством к действию. ХОАНГ ТХЕ ЛИЕН - Некоторые правовые аспекты рыночного хозяйства в нашей стране. НГУЕН КХАК ХИЕН - Создание средств и повышение эффективности вложений в капитальное строительство. НГУЕН ДИНЬ ЛУАН - Международные политические отношения к настоящему времени. • **Исследования - Обмен мнениями** • ТО НГОК ТХАНЬ - О проблеме "культурного наследия". ЧЫОНГ СУАН ЧЫОНГ - Модель современной семейной культуры на селе. • **Мнения и опыт** • БИНЬ МИНЬ - Наладить агитмассовую работу среди вьетнамского зарубежья. ФАН ТЬУ - Личные соображения по поводу действующих на местах оборонно-хозяйственных организаций. • **Научный семинар: практический аспект** • О совместных государственных предприятиях. • **Мир: проблемы, факты** • ДИНЬ НЬО ЛИЕМ - Вьетнам в общем русле азиатско-тихоокеанского региона.

CONTENTS

● **Socialism - Theory and Practice** ★ LÊ XUÂN LUY - The revolutionary and scientific nature of Marxism-Leninism. SONG THÀNH - Let Ho Chi Minh's thinking become the lodestar of activity. HOÀNG THÊ LIÊN - Some legal problems regarding the market economy in Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIÊN - Creating capital and raising the efficiency of investment in capital construction. NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Current international political relations. ● **Research-Exchange of Views** ★ TÔ NGỌC THANH - Thoughts on the issue of "cultural relics". TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG - Patterns of current family culture in the countryside. ● **Opinions and Experience** ★ BÌNH MINH - To successfully mobilize the overseas Vietnamese community. PHAN THU - Issues arising from the organization of the model of economy - national defence soldiers in some localities. ● **Science - Reality Seminar** ★ On the organization of unions of State enterprises ● **The World - Problems and Events** ★ ĐÌNH NHỎ LIÊM - Vietnam and historical trends in the Asia-Pacific region.

SOMMAIRE

● **Le socialisme - Théorie et pratique** ★ LÊ XUÂN LUY - La nature révolutionnaire et scientifique du Marxisme-Léninisme. SONG THÀNH - Pour que la pensée de Ho Chi Minh devienne la boussole de nos actes. HOÀNG THÊ LIÊN - Quelques problèmes juridiques de l'économie de marché dans notre pays. NGUYỄN KHẮC HIÊN - Création des capitaux et amélioration de l'efficacité des investissements dans les constructions de base. NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Sur les relations politiques internationales à l'heure actuelle. ● **Etudes - Echanges de vues** ★ TÔ NGỌC THANH - Autour du problème de "l'héritage culturel." TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG - Sur l'actuel modèle de la culture familiale à la campagne. ● **Opinions et expériences** ★ BÌNH MINH - Bien mener la mobilisation de la communauté des Vietnamiens à l'étranger. PHAN THU - Quelques réflexions tirées du modèle d'organisation des unités production-défense nationale de certaines localités. ● **Colloque** ★ Sur l'organisation des Unions des entreprises d'Etat. ● **Le monde : problèmes, événements** ★ ĐÌNH NHỎ LIÊM - Le Vietnam dans la tendance commune de l'Asie - Pacifique

SUMARIO

● **El socialismo - Teoría y práctica** ★ LÊ XUÂN LUY - La naturaleza revolucionaria y científica del marxismo-leninismo. SONG THÀNH - Para que se convierta el pensamiento Ho Chi Minh en la brújula de la acción. HOÀNG THÊ LIÊN - Algunos problemas jurídicos de la economía de mercado en Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIÊN - Crear fondos y elevar la eficiencia en la inversión de la construcción básica. NGUYỄN ĐÌNH LUÂN - Relación política internacional en la actualidad. ● **Estudios-intercambios** ★ TÔ NGỌC THANH - Acerca del problema de la "herencia cultural". TRƯƠNG XUÂN TRƯỜNG - El actual modelo de la cultura familiar en el campo. ● **Opiniones y experiencias** ★ BÌNH MINH - Hacer bien el trabajo de movilización de la comunidad vietnamita en el extranjero. PHAN THU - Reflexiones del modelo de la participación de los combatientes en la economía y la defensa nacional en algunas localidades. ● **Forum científico-práctica** ★ Sobre la organización de la unión de las empresas estatales. ● **El mundo : problemas y acontecimientos** ★ ĐÌNH NHỎ LIÊM - Vietnam en la tendencia común del Asia-el Pacífico.

目录

社会主义理论和实践：黎春榴：马克思主义的革命和科学本质。邓成：为了使胡志明思想成为行动的指南。黄世联：我国市场经济的几个法律性问题。阮克贤：提高基本建设投资效果和资金来源问题。阮停伦：当前国际政治未来。研究和讨论：苏亚青：有关“文化遗产”的问题。张春长：当前农村的家庭文化模式。意见和经历：平明：把旅居国外的越侨和各国归籍越南人工作做得好一些。潘秋：从一些地方的经济部门的组织模式谈起。科学和实践的研讨会：国营经济的联合企业问题。世界：问题和事件：丁儒廉：亚洲太平洋地区总趋势中的越南。

BẢN CHẤT CÁCH MẠNG VÀ KHOA HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

Trung tướng LÊ XUÂN LỰU *

CHỦ nghĩa Mác - Lê-nin là khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột, khoa học về công cuộc xây dựng một xã hội công bằng, tự do và hạnh phúc của mọi người, xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Khoa học này được Mác và Ăng-ghe-nh sáng lập, được Lê-nin bảo vệ và phát triển, được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cách mạng ở các nước trên thế giới vận dụng sáng tạo vào thực tiễn mỗi nước.

Hơn nửa thế kỷ qua, từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã duy trì được sức sống mãnh liệt, phát huy được tác dụng to lớn đối với sự phát triển của xã hội loài người mà chưa hề có một học thuyết nào có được. Cho dù xu thế phát triển của thế giới có quanh co như hiện nay thì cũng vẫn chưa vượt khỏi những quy luật cơ bản đã được chủ nghĩa Mác - Lê-nin khái quát.

Nhìn vào lịch sử, chúng ta thấy những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thực sự là ngọn đèn pha soi sáng cho các quá trình cách mạng. Những nguyên lý này đã được quá trình phát triển của thế giới trong thế kỷ qua chứng minh là đúng đắn. Ngày nay, nó vẫn đầy sức sống nếu chúng ta nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của nó.

Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin là : *thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử ; học thuyết giá trị thặng dư vạch trần bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản ; lý luận về mâu thuẫn cơ bản của xã hội tư bản và quy luật phát sinh, phát*

triển và diệt vong của xã hội đó ; lý luận về đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng ; lý luận về chủ nghĩa đế quốc, về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, về vai trò lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa của đảng cộng sản, về chuyên chính vô sản, về chủ nghĩa quốc tế vô sản, về phong trào giải phóng dân tộc ; học thuyết về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.

Đảng cộng sản Việt nam khẳng định đó là những vấn đề đến nay vẫn đúng đắn và chính xác. Chính vì vậy, Đảng ta đã quyết định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng.

Thế nhưng, những vấn đề cơ bản trên đây của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đang bị kẻ thù xuyên tạc bóp méo từ mọi phía. Sự xuyên tạc đó có nhiều khía cạnh, nhưng tựu trung có hai cơ sở lập luận chủ yếu :

a) Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng biểu hiện lập trường của giai cấp công nhân, là một học thuyết chỉ bắt nguồn từ cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản. Do đó, nó là một hệ tư tưởng không có tính khách quan.

b) Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thuộc về lịch sử, một lịch sử đã quá xa đối với chúng ta. Nó là sản phẩm của thế kỷ XIX, một sản phẩm ra đời cách đây đã gần 150 năm, lẽ nào lại có thể là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta ngày nay. Một học

* Giáo sư, Giám đốc Học viện chính trị quân sự

thuyết xã hội dù có sâu sắc đến mấy cũng không thể là một chân lý vĩnh hằng để người ta có thể mãi mãi lấy nó làm hệ tư tưởng của mình.

Có phải như vậy không ? Không ! Bởi vì :

Một là, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một học thuyết khách quan và khoa học. Nó không hề giấu giếm mà luôn luôn công khai thừa nhận là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là hệ thống lý luận soi đường cho cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động chống áp bức, bóc lột và định hướng cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Nhưng mục tiêu của cuộc đấu tranh đó không phải chỉ để giải phóng giai cấp vô sản mà còn để giải phóng con người khỏi chế độ nô lệ làm thuê, xóa bỏ chế độ tư hữu, nguồn gốc của áp bức bóc lột. Cuộc đấu tranh này còn nhằm xây dựng một xã hội mới trong đó nhân dân thực sự làm chủ xã hội, làm chủ đất nước.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là sản phẩm tư biện của các nhà kinh điển. Nó không hề là hệ tư tưởng nảy sinh ở ngoài sự phát triển của tư duy nhân loại. Nó kế thừa những thành tựu tư tưởng loài người cả về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Nó khái quát sự vận động khách quan của lịch sử từ lúc xã hội loài người xuất hiện đến nay và thu hút được những thành tựu mới nhất của các khoa học khác, đồng thời được bổ sung bằng những tổng kết thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nó không bao giờ là một hệ thống khép kín. Với hạt nhân lý luận là phép biện chứng duy vật, nó mang trong mình tính phê phán sâu sắc. Chính sự ra đời và phát triển của nó là từ sự phê phán các trào lưu sai lầm phản khoa học khác và cả từ sự tự phê phán.

Hai là, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của nó. Không thể lấy yếu tố thời gian dài hay ngắn để quy định sự tồn tại của nó và cho rằng nó chỉ thích hợp với thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và đến nay thì đã lỗi thời. Có lẽ ai cũng biết, hình họcƠ-clit đã được sử dụng cách đây mấy nghìn năm. Cơ học Niu-ơn ra đời đã mấy thế kỷ. Học thuyết tiến hóa của Đác-uyn, định luật bảo tồn và chuyển hóa năng

lượng đều ra đời từ thế kỷ XIX, v.v.. Nhưng đến nay đã có ai đem các lý thuyết ấy bỏ vào viện bảo tàng lịch sử đâu !

Đúng là thời đại ngày nay đã có nhiều thay đổi, nhưng những thay đổi đó chưa hề làm suy yếu sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những thay đổi đó cũng chưa hề xóa bỏ tình trạng phân chia giàu nghèo trong xã hội loài người, chưa xóa bỏ sự phân chia giai cấp trong xã hội. Tình trạng áp bức giai cấp, áp bức dân tộc vẫn còn đó, thậm chí ngày càng tinh vi và tệ hại hơn. Vì thế, học thuyết Mác - Lê-nin vẫn là bộ được soi đường cho sự nghiệp của chúng ta, vẫn là nền tảng tư tưởng của các đảng cộng sản. Chỉ có điều là những người cộng sản nên tránh giáo điều rập khuôn trong lúc vận dụng vào thực tiễn từng nước và từng giai đoạn lịch sử khác nhau.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không bao giờ là một thứ lý luận chết cứng. Nó vận động, phát triển cùng với sự vận động và phát triển của xã hội. Cho nên, khi khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta cũng không loại trừ trong kho tàng đồ sộ của các nhà kinh điển có thể có những luận điểm khái quát từ thực tiễn của thế kỷ trước, nay không tránh khỏi đã bị lịch sử vượt qua. Đó là điều dễ hiểu. Vì rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một ý thức xã hội sản sinh từ thế kỷ trước, nên nó không thể không mang dấu ấn của thời kỳ lịch sử đó. Do vậy, điều quan trọng là phải xuất phát từ thực tiễn biến đổi của lịch sử mà tìm cách làm sáng tỏ một cách cụ thể những gì trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vĩnh hằng và những gì đã bị hạn chế bởi thời đại sinh ra nó. Chính trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", Mác và Ăng-ghe-n đã dạy chúng ta : "Liệu có cần, phải sáng suốt lắm mới hiểu được rằng những tư tưởng, những quan điểm và những khái niệm của người ta, tóm lại là ý thức của người ta, đều thay đổi cùng với mọi sự thay đổi xảy ra trong điều kiện sinh hoạt, trong quan hệ xã hội, trong đời sống xã hội của người ta chăng ?" (1).

Còn Lê-nin, khi nói về chủ nghĩa Mác, đã phân tích : Chính vì chủ nghĩa Mác không phải là một

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghe-n : *Tuyên tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t.1, tr.566

giáo điều chết cứng, một học thuyết nào đó đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch, mà là một kim chỉ nam sinh động cho hành động, chính vì thế nên nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt mạnh mẽ của điều kiện sinh hoạt xã hội⁽²⁾. Chính Lê-nin đã để lại cho chúng ta mẫu mực về sự phát triển sáng tạo học thuyết Mác. Khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin đã đi đến kết luận cho rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể giành thắng lợi đầu tiên ở một số nước, thậm chí ở một nước. Lê-nin đã bổ sung lý luận của Mác về vấn đề dân tộc và thuộc địa, bổ sung khẩu hiệu của Mác và Ăng-ghe-n trước đây bằng khẩu hiệu "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!". Chính sách kinh tế mới do Lê-nin đề xuất là sự phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ và vận dụng tư tưởng đó vào thực tiễn nước Nga, một nước tư bản phát triển trung bình.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong thời đại ngày nay, về đường lối giương cao hai ngọn cờ, gần độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng ở Việt nam, về mối liên hệ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng "chính quốc", về khả năng cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước cách mạng "chính quốc", về xây dựng đảng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến... là tấm gương về sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt nam.

Ngày nay, dưới ánh sáng của thực tiễn, chúng ta có trách nhiệm tìm ra những gì trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã bị lịch sử hạn chế. Đây là một việc làm khó khăn nhưng cần thiết, bởi đó là một đòi hỏi xuất phát từ bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thể hiện thái độ nghiêm túc của các thế hệ sau trong việc thực hiện sáng tạo những lời dạy của các nhà kinh điển.

Phải chăng đó là những vấn đề sau đây :

1 - Toàn bộ học thuyết kinh tế của Mác đều thấm nhuần sâu sắc sự phân tích mâu thuẫn của phương

thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và từ đó rút ra kết luận về sự tất yếu thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa cộng sản. Về mặt lịch sử, Mác cũng đã nói : "Giờ tận số của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã đến. Những kẻ đi tước đoạt bị tước đoạt"⁽³⁾.

Lê-nin khi nghiên cứu về chủ nghĩa đế quốc, đã chỉ ra đó là giai đoạn giấy chết của chủ nghĩa tư bản.

Thế nhưng, ngày nay chủ nghĩa tư bản đang có những biểu hiện khác với thời điểm Mác nghiên cứu nó. Khi Mác trừu tượng hóa phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì chủ nghĩa tư bản là một hệ thống duy nhất trên hành tinh chúng ta. Chủ nghĩa xã hội chưa xuất hiện, chưa trở thành hệ thống, và chủ nghĩa tư bản chưa chịu sự tác động của hệ thống xã hội mới hùng mạnh này.

Ở những thời điểm Mác và Lê-nin nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, khoa học và công nghệ chưa có sự phát triển vũ bão như ngày nay. Chính sự phát triển này đã làm nảy sinh khả năng cứu vãn chủ nghĩa tư bản khỏi sự diệt vong nhanh chóng, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản hiện đại thích nghi, tự điều chỉnh để kéo dài sự tồn tại và tiếp tục phát triển.

Rõ ràng, do chịu những sự hạn chế lịch sử, nên các nhà kinh điển không thể dự đoán hết khả năng thích nghi, tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản. Và sự hạn chế của dự báo lịch sử đó đã phần nào dẫn đến xu hướng nôn nóng của những người cộng sản sau này.

2 - Khi đưa ra quy luật chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản ở nước tư bản phát triển cao, Mác chỉ nêu ra mục tiêu cuối cùng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là xóa bỏ chế độ tư hữu. Nhưng Mác không đề cập tới hình thức, nhịp độ và bước đi của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa để xóa bỏ chế độ tư hữu.

Cũng ở đây, những dự báo của Mác không dành đầy đủ và thật rõ ràng chỗ đứng cho sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường trong xã hội xã hội chủ

(2) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.14, tr 232

(3) C.Mác - Ph.Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t.3, tr 594

nghĩa. Đến nay, chưa có một sự thành công nào về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước tư bản phát triển để thấy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa diễn ra thế nào, sự tồn tại của sản xuất hàng hóa ra sao. Trái lại, chủ nghĩa xã hội đã xuất hiện ở những nước kém phát triển, ở những nơi mà tình thế cách mạng đã cho phép giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng giành chính quyền. Thực tế ngày nay đang chứng tỏ rằng, trong thời kỳ quá độ và cả trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội, sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường cùng với sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế vẫn cần thiết để giải quyết vô vàn những mối quan hệ kinh tế - xã hội. Đây là những giải pháp tất yếu khi mà cơ chế tập trung quan liêu không giải quyết được, khi chủ nghĩa xã hội còn phải khắc phục chủ nghĩa cá nhân và lợi ích tư nhân trong mỗi con người, những người mà tâm lý được hình thành lâu dài trong điều kiện của thế giới "sở hữu tư nhân". Trạng thái tâm lý này còn biểu hiện lâu dài sau cách mạng, sau hành động xã hội hóa sở hữu tư nhân.

Và có thể còn có nhiều vấn đề nữa đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục tìm tòi nghiên cứu...

Linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phân tích cụ thể tình hình cụ thể. Sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là sáng tạo, không phân tích cụ thể tình hình cụ thể để vận dụng nó một cách sáng tạo, bổ sung và phát triển, mà chỉ áp dụng nó một cách giáo điều, máy móc, bất chấp thực tiễn đã đổi thay, tức là làm trái với bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và bóp chết nó. Vấn đề đặt ra trước mắt chúng ta là như sau :

- Trước những đổi thay của thời đại và xu thế chung của loài người, trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay, một mặt vẫn phải nắm vững quan điểm bạo lực, sẵn sàng đối phó với chiến tranh, nhưng trước hết là đối phó với âm mưu diễn biến hòa bình và lật đổ ; mặt khác, phải coi đấu tranh cho hòa bình hòa dịu, hợp tác là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng.

- Khi cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão và quốc tế hóa cao đời sống kinh tế, các nước xã hội chủ nghĩa không thể đóng cửa xây

dựng chủ nghĩa xã hội mà phải tham gia vào sự phân công lao động và hợp tác quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, mở cửa để tranh thủ vốn, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến cũng như học tập kinh nghiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện đó, vấn đề xây dựng thực lực kinh tế phải được đặt ở vị trí trung tâm chiến lược, là nhiệm vụ hàng đầu, là vấn đề sống còn, là bài học của mọi bài học. Toàn bộ nội dung của đường lối đối nội và đối ngoại đều nhằm phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm là xây dựng và phát triển kinh tế xã hội.

- Trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chúng ta lấy liên minh công nông làm nền tảng cho mặt trận dân tộc thống nhất. Ngày nay, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, khi khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thì làm nền tảng cho mặt trận đó phải là liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

- Ngày nay, khi vai trò của trí tuệ trong công cuộc xây dựng đã hoàn toàn khác trước, thì phương hướng đầu tư có hiệu quả nhất là đầu tư cho công cuộc xây dựng con người. Thực tiễn đó đòi hỏi phải có một chiến lược phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội v.v..

Không tính đến những biến đổi của thời đại, áp dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách giáo điều máy móc, đó không phải là sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trái lại, sự trung thành đó phải được thể hiện ở sự vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển nó. Chính điều này đòi hỏi những người cộng sản phải bám sát thực tiễn, từ những thực tiễn mới mà khái quát bổ sung chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng những kết luận mới, thậm chí có thể phủ định những luận điểm nào đó vốn là đúng đắn trong những điều kiện trước đây nhưng nay không còn phù hợp nữa.

Hơn nữa, chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là phép màu có sẵn mọi đáp án cho tất cả mọi vấn đề của cách mạng nảy sinh sau này. Dầu có thiên tài uyên bác đến đâu, các nhà kinh điển cũng chỉ có thể kết luận và dự đoán được những gì thực tiễn đã cho phép. Việc dự đoán về sự vận động và phát triển

của xã hội, một cơ thể sống bao gồm cả cơ sở hạ tầng và cấu trúc thượng tầng, đều có cơ sở khoa học đến mấy cũng chỉ có thể chỉ ra phương hướng vận động của sự vật. Vì vậy, các nhà kinh điển không đặt cho mình nhiệm vụ thiết kế một mô hình cụ thể cho xã hội tương lai với những luận chứng đầy đủ về mặt kỹ thuật. Các ông căn dặn chúng ta phải làm việc đó trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin là những nhà cách mạng và những nhà khoa học. Nhưng có người đã vô tình biến các ông thành những thầy bói tương lai, những vị thánh, và bằng cách đó đã phá hoại uy tín của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tất nhiên, khi đã không nắm được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, và do đó giải quyết sai những vấn đề của cách mạng thì người ta không tránh khỏi rơi vào cực khác là hoài nghi dao động đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Cái sai chính của một số người cộng sản là đã tách lý luận Mác - Lê-nin ra khỏi thực tiễn, cắt đứt mối liên hệ của nó với những đòi hỏi của thời đại, những điều kiện thực tiễn của cách mạng trong nước. Do đó, đã biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ chỗ là kim chỉ nam cho hành động thành những giáo điều khô cứng duy lý. Vì thế mà mô hình chủ nghĩa xã hội chúng ta xây dựng mắc sai lầm đó. Mô hình này mang trong mình nhiều khuyết tật, không thể hiện được bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chính vì vậy mới có phong trào cải tổ, đổi mới nhằm nhận thức đúng và sâu hơn chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khắc phục những biểu hiện duy ý chí "tả khuynh", giáo điều, trở lại những nguyên lý và luận điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và phát triển nó trong điều kiện lịch sử mới. Song, cải tổ, đổi mới tuyệt nhiên không phải là phủ định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thay đổi những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng những luận điểm cơ hội và xét lại.

Trạng thái trì trệ và những khó khăn trước đây của các nước xã hội chủ nghĩa; cũng như sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở một số nước không phải do chủ nghĩa Mác - Lê-nin "sai lầm", "lỗi thời". Trái lại,

đó chính là hậu quả của những quan điểm trái với bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xa rời và từ bỏ những quy luật và nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, thay thế nó bằng chủ nghĩa xã hội dân chủ, một hình thức của chủ nghĩa cơ hội.

Đổi mới không có nghĩa là hoài nghi tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, thay đổi con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Đổi mới chính là *dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của nó, vận dụng sáng tạo nó vào thực tiễn, không ngừng bổ sung, phát triển, làm cho nó ngày càng phong phú và tràn đầy sức sống để tìm ra con đường, biện pháp có hiệu quả xây dựng chủ nghĩa xã hội tốt hơn, nhanh hơn.*

Rõ ràng, ở đâu biết khắc phục sự xa rời bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thì cách mạng vẫn đứng vững. Nơi nào từ bỏ nó thì chủ nghĩa xã hội sụp đổ. Sự thay thế chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng chủ nghĩa xã hội dân chủ, và sự tác động của chủ nghĩa đế quốc là nguyên nhân sự sụp đổ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa. Ở đây cần nhấn mạnh: sự sụp đổ đó chủ yếu là do nguyên nhân bên trong. Nếu đảng cộng sản thực sự vững mạnh, không để cho bọn cơ hội chi phối, thì chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài dù làm gì cũng không thể thực hiện được mưu đồ lật đổ chủ nghĩa xã hội từ bên trong. Bài học kinh nghiệm lớn nhất được rút ra là: *chăm lo xây dựng đảng*. Đảng phải tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của nó, biết vận dụng nó một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng của mỗi nước, và biết phát triển nó trong điều kiện lịch sử mới. Đó là yếu tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhận diện chủ nghĩa xã hội dân chủ và âm mưu "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc, kiên quyết đấu tranh chống lại chúng, đó là một nhiệm vụ bức thiết của những người cộng sản chân chính trong giai đoạn lịch sử hiện nay.

ĐỂ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH THỰC SỰ TRỞ THÀNH KIM CHỈ NAM CHO HÀNH ĐỘNG

SONG THÀNH *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (6-1991) đã trân trọng ghi vào *Cương lĩnh và Điều lệ* của mình : "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động".

Đây là một quyết định có tầm quan trọng lịch sử, chẳng những có ý nghĩa tuyên ngôn trong cuộc đấu tranh để kiên trì và bảo vệ những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trước sự phủ định của chủ nghĩa cơ hội đủ màu sắc, mà còn khẳng định sự trưởng thành về tư duy lý luận độc lập, tự chủ của Đảng ta, khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở thời đại hiện nay.

Cũng như mọi sự vật mới ra đời, tư tưởng Hồ Chí Minh không phải ngay từ đầu đã được thừa nhận và khẳng định. Sau nhiều năm trời, trải qua thử thách trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh mới xác lập được địa vị chủ đạo, trở thành tư tưởng của toàn Đảng.

Vấn đề học tập tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh lần đầu tiên được đặt ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951). Trong diễn văn khai mạc Đại hội, sau khi biểu dương công lao, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc, đồng chí Tôn Đức Thắng khẳng định : Đường lối chính trị, nền nếp làm việc, và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức của Hồ Chủ tịch... Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch. Sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn.

Như vậy, Đại hội II đã đặt vấn đề học tập tư tưởng Hồ Chí Minh một cách cơ bản, hệ thống, tương xứng với tầm cỡ của nó, bao gồm cả đường lối, đạo đức và tác phong ; đồng thời nhấn mạnh : đó là điều kiện tiên quyết để đảm bảo thắng lợi của cách mạng.

Sau Đại hội II, đồng chí Trường-Chinh (lúc đó là Tổng bí thư của Đảng) đã viết bài *Hồ Chủ tịch, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta*, đăng trên báo *Nhân dân* số I, ra ngày 11-3-1951. Bài viết là một công trình tổng kết đầu tiên rất có giá trị về tư tưởng, đạo đức, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh với những phát hiện tinh nhạy, mới mẻ và sâu sắc ; là một đóng góp lớn vào công tác đào tạo, huấn luyện của Đảng, vào việc hình thành một thể hệ cán bộ, đảng viên mới - thể hệ Hồ Chí Minh - quyết tâm tu dưỡng, rèn luyện theo lý tưởng và đạo đức của Bác Hồ.

Năm 1969, Bác Hồ qua đời, Điều văn của BCHTƯ Đảng do đồng chí Lê Duẩn (lúc đó là Tổng bí thư của Đảng) đọc tại lễ truy điệu Người, đã nêu lên 5 lời thề, trong đó lời thề thứ 5 ghi rõ : "*Suối đời học tập đạo đức, tác phong của Người, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng, không sợ gian khổ, không sợ hy sinh, rèn luyện mình thành những chiến sĩ trung thành với Đảng, với dân, xứng đáng là đồng chí, là học trò của Hồ Chủ tịch*"⁽¹⁾.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976), khẩu hiệu "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại" đã được nêu lên như là phương hướng phấn đấu cho toàn đảng, cho thanh niên và nhân dân.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của

* Viện trưởng Viện Hồ Chí Minh trực thuộc Viện Mác - Lê-nin
(1) Tạp chí *Học tập*, số đặc biệt, 9-1969, tr 29

Đảng (3-1982), lần đầu tiên sau nhiều năm, Báo cáo xây dựng Đảng đặt vấn đề một cách toàn diện : "Đảng phải đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng" ⁽²⁾.

Cho đến trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, do những khó khăn khách quan và sai lầm chủ quan kéo dài, nền kinh tế và xã hội nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc chưa từng có, *đời mới* trở thành một đời hồi cấp bách, một điều kiện sống còn. Đồng chí Trường-Chinh, trong bài nói tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị sẽ trình Đại hội VI, kêu gọi phải trở về với tư tưởng của Bác Hồ : "... Sức mạnh của một nước, của cách mạng chính là ở nhân dân. Để thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương chính sách đều phải lấy dân làm gốc" ⁽³⁾. Một bài học cũ, được nói lên đúng lúc, được quần chúng hân hoan đón nhận như một phát kiến mới, vì nó đáp ứng được yêu cầu, tình cảm và nguyện vọng của nhân dân.

Trên tinh thần đổi mới, tại Đại hội VI, Đảng ta đã dũng cảm tự phê bình và phê bình, nêu lên phương châm của tinh thần cầu thị "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật". Từ tổng kết thực tiễn đã qua, Đại hội khái quát lên bốn bài học lớn. Theo đồng chí Nguyễn Văn Linh (Tổng bí thư của Đảng khóa VI), bốn bài học đó chính là sự quán triệt sâu sắc tư tưởng của Bác Hồ. Đồng chí khẳng định : "Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn sáng và sức mạnh cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta" ⁽⁴⁾.

Trình bày vấn đề tư tưởng Hồ Chí Minh tại Đại hội VII của Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Linh nói : "Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi người Việt nam là vô cùng gần gũi, gắn liền với tình cảm yêu thương vô hạn của nhân dân đối với Bác, bởi công lao to lớn và đạo đức cách mạng trong sáng của Người. Vì vậy, nói tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, phù hợp với tình cảm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta" ⁽⁵⁾.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi hình thành và phát huy tác dụng chỉ đạo cách mạng Việt nam kể

từ năm 1925 đến nay, trải qua thử thách hơn 60 năm, đã chứng tỏ sức sống, tính khoa học đúng đắn, tính sáng tạo cách mạng của nó ; đã được thừa nhận là ngọn cờ đoàn kết, đấu tranh và thắng lợi của cách mạng Việt nam trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

*

Để cho tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thực sự trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng và toàn xã hội, công tác nghiên cứu lý luận của chúng ta cần khẩn trương làm rõ những vấn đề lớn sau đây :

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì ?
- Tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành và phát triển như thế nào, qua mấy thời kỳ ?
- Các nguồn gốc lịch sử nào đã góp phần hình thành nên nhà tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là nhà mác xít phương Đông ? (lý giải cái đã làm cho Hồ Chí Minh không hoàn toàn giống với các nhà tư tưởng cộng sản khác).
- Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm có mấy bộ phận, cấu trúc của mỗi bộ phận là gì ? Thử xác lập hệ tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh : gồm những tư tưởng cơ bản nào ?
- Tư tưởng Hồ Chí Minh không có sai lầm, nhưng có hạn chế gì không ? Những bất cập đó là gì ? Chúng ta kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử mới như thế nào ? V.v..

Đó là những vấn đề lớn, không thể có câu trả lời tức khắc, càng không thể là công việc của một viện nghiên cứu hay của một nhóm người nào.

Trong mấy thập kỷ vừa qua, nhất là từ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, việc nghiên cứu về Người ngày càng được triển khai rộng rãi. Nhiều văn kiện, tác phẩm, bài viết về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch

(2) Báo cáo về xây dựng Đảng của BCH TƯ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, tháng 3-1982, tr 55

(3) Báo Nhân dân, ngày 26-7-1986

(4) Nguyễn Văn Linh : *Bác Hồ sống mãi với non sông*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr 20

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 128

Hồ Chí Minh đã được công bố và xuất bản, trong đó không ít công trình có giá trị cao, đặc biệt là những tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, của bạn bè quốc tế.

Các ngành, các giới, các địa phương... đều đã có những công trình, tác phẩm nghiên cứu, sưu tập về Bác Hồ đối với ngành mình, địa phương mình để học tập và quán triệt vào hoạt động và công tác thực tiễn.

Những công trình và tác phẩm đó đã góp phần xứng đáng vào công tác tư tưởng - lý luận, tuyên truyền - giáo dục của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời những kết quả nghiên cứu nói trên đã đặt cơ sở quan trọng cho việc hình thành chuyên ngành nghiên cứu Hồ Chí Minh, một chuyên ngành mới của khoa học xã hội nước ta.

Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu đó vẫn còn nhiều hạn chế : thiếu một chương trình dài hạn có sự chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ ; chủ yếu mới dừng ở mức phục vụ các ngày kỷ niệm lớn, các đợt sinh hoạt truyền thống của các ngành, các địa phương ; mới chú trọng nghiên cứu tiểu sử - sự nghiệp, còn thiếu những công trình nghiên cứu tư tưởng - lý luận có tầm khái quát, hệ thống, sâu sắc.

Để khắc phục nhược điểm trên, vừa qua Nhà nước ta đã thông qua một chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước về tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 11 đề tài và giao cho Viện Mác - Lê-nin chủ trì, đứng ra tập hợp, liên kết các nhà khoa học trong cả nước nhằm đạt tới những công trình khoa học có giá trị, tương xứng với tầm vóc lãnh tụ, đáp ứng được yêu cầu trong nước và ngoài nước.

Chương trình này hướng tới các mục tiêu sau đây :

- Nghiên cứu một cách hệ thống cuộc đời, sự nghiệp và tác phẩm của Hồ Chí Minh nhằm bước đầu xác lập hệ tư tưởng lý luận và phương pháp Hồ Chí Minh, đặt cơ sở cho việc nghiên cứu toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh ở các giai đoạn sau.

- Xây dựng một hệ thống phương pháp nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm cho việc nghiên cứu Hồ Chí Minh được tiến hành trên một cơ sở khoa học, khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa

kinh nghiệm, chủ nghĩa tình cảm, lối suy diễn, áp đặt chủ quan.

- Chọn lọc, giải quyết một số vấn đề cấp bách nhất phục vụ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, góp phần vào việc thực hiện *Cương lĩnh và Chiến lược* kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta từ nay đến năm 2000.

Công tác nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, đương nhiên phải kế thừa được những thành tựu nghiên cứu của các giai đoạn trước, nhưng không lặp lại những kết quả đã có. Bằng những tư liệu mới và phương pháp tiếp cận mới, công tác đó cần phần đầu sáng tạo nên nhiều công trình tập thể và cá nhân có giá trị tổng kết sâu sắc, có tầm khái quát lý luận cao, có nhiều phát hiện mới để tiến tới xác lập được một cách đầy đủ và chính xác hệ thống tư tưởng - lý luận Hồ Chí Minh, đặc biệt là làm rõ tính sáng tạo, sự phát triển và làm phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với kho tàng lý luận Mác - Lê-nin trên một loạt vấn đề quan trọng và cấp bách của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, để cho tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như chủ nghĩa Mác - Lê-nin, giữ được vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội, như Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ : ngoài nỗ lực của các cơ quan nghiên cứu ra, các học viện, nhà trường, các cơ quan thông tin đại chúng, nhà xuất bản, các ngành nghề thuật, v.v. đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Hiện nay, việc giảng dạy về Hồ Chí Minh đã được đưa vào các trường phổ thông, nhưng chưa được chương trình hóa một cách khoa học; theo một hệ thống hợp lý từ thấp đến cao. Trong các trường đảng, phần đông các khoa chưa có giáo trình riêng, chuyên đề riêng về Chủ tịch Hồ Chí Minh cho các bộ môn của chuyên ngành mình.

Ngoài xã hội, điều dễ nhận thấy là ở lứa tuổi thanh thiếu niên trưởng thành từ sau năm 1975, tri thức và tình cảm về Bác Hồ thua kém rất xa so với các thế hệ cha anh. Nếu tình hình này tiếp tục, thì chắc chắn rằng ước muốn làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh cũng trở thành kim chỉ nam cho hành động, giữ vị trí chỉ đạo trong xã hội ta, chỉ là ước muốn.

(Xem tiếp trang 13)

Mấy vấn đề pháp lý của kinh tế thị trường ở nước ta

HOÀNG THẾ LIÊN *

THỰC tiễn phát triển của kinh tế thị trường nói chung và kinh tế thị trường ở nước ta trong những năm gần đây cho thấy có sự gắn bó chặt chẽ giữa hai mặt : quyền tự do về kinh tế của công dân và sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về kinh tế. Với tư cách là cơ quan quyền lực, đại biểu cho lợi ích của nhân dân và là người chủ sở hữu đối với một phần không nhỏ tư liệu sản xuất của đất nước, Nhà nước ta càng phải đề cao vai trò quản lý của mình đối với nền kinh tế thị trường.

Sự quản lý của nhà nước nhằm tạo lập những cân đối chung, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho mọi hoạt động kinh doanh, xử lý hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và vấn đề xã hội theo tính thần tất cả từ con người và vì con người, quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài nguyên của đất nước.

Để thực hiện được vai trò nêu trên, trước hết bản thân nhà nước phải hoạt động trên cơ sở những nguyên tắc được qui định trong những văn bản pháp luật ổn định và đáng tin cậy. Bộ máy nhà nước cần được tổ chức theo hệ thống cấp bậc với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng, có sự kiểm tra nghiêm ngặt cả trong nội bộ, lẫn từ bên ngoài. Mặt khác, với tư cách là công cụ quản lý, hệ thống pháp luật phải đáp ứng được những vấn đề sau :

1 - Quyền tự do về kinh tế của công dân được bảo đảm bằng quy định của Hiến pháp và văn bản luật do Quốc hội ban hành.

Đối với quyền tự do hoạt động kinh tế của các

công dân, pháp luật cần đưa ra những quy định rõ ràng, dứt khoát, có hiệu lực pháp lý cao, nói rõ những điều cấm và những điều giới hạn. Cấm thực hiện hoạt động kinh doanh ở những lĩnh vực nào phải rõ, hạn chế những gì phải hợp lý và không úp mở... Đồng thời, các điều luật quy định về nghĩa vụ của công dân trong hoạt động kinh doanh cũng cần được quy định thật rõ, như nghĩa vụ nộp những gì, bao nhiêu, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích xã hội là thế nào, v.v..

Quyền tự do về kinh tế của công dân, của các tổ chức kinh tế phải được bảo đảm bằng một hệ thống các quyền tự do, trong đó quan trọng nhất là :

+ Quyền thành lập các doanh nghiệp dưới mọi hình thức với quy mô tùy ý.

+ Quyền sử dụng lao động làm thuê với số lượng đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Người sử dụng lao động và người lao động được tự do thỏa thuận và ký kết hợp đồng lao động.

+ Quyền tự do tích lũy, tự do sử dụng và định đoạt tài sản của mình phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

+ Quyền tự do hợp tác kinh doanh với tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước...

Đó là tiền đề không thể thiếu được của quyền tự do kinh doanh, hoàn toàn không phải là sự ưu đãi của nhà nước, và nhà nước phải bảo đảm bằng văn bản luật. Có như vậy mới bảo đảm được tính thống nhất trong cả nước, tránh được sự hạn chế đáng

tiếp của các cơ quan nhà nước địa phương đối với quyền tự do về kinh tế của công dân và của các tổ chức kinh tế.

2 - *Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế của hệ thống các hợp đồng.*

Xuất phát từ sự tự do trao đổi các sản phẩm hàng hóa, mà sản phẩm được coi là hàng hóa trong nền kinh tế thị trường thì rất rộng, nên nguyên tắc cốt lõi của quan hệ hợp đồng trong nền kinh tế thị trường là *tự do, tự nguyện, bình đẳng, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi*. Với nội dung như vậy, bản hợp đồng được coi là có giá trị, là bản giao kèo được thiết lập trên cơ sở tự do ý chí giữa các chủ thể nhằm trao đổi sản phẩm hàng hóa. Ở đây, lợi ích mà mỗi bên nhằm đạt được trong hợp đồng, là động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất thúc các bên thực hiện hợp đồng, hoàn toàn không cần sự can thiệp của bất cứ yếu tố nào khác. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là cho phép sự tùy tiện, mà ngược lại rất cần những thể thức pháp lý thống nhất.

Hiện nay, mặc dù nền kinh tế thị trường đặt ra yêu cầu phải có hệ thống hợp đồng hoàn chỉnh, nhưng quy định pháp luật của ta chỉ mới dừng lại ở việc quy định một số hợp đồng cơ bản, như hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế. Đó là chưa kể, ngay hai văn bản pháp luật về hợp đồng đó còn chưa phản ánh hết những quan hệ đa dạng đã phát sinh trong kinh tế thị trường ở nước ta.

3 - *Nền kinh tế hàng hóa đòi hỏi phải thiết lập một hệ thống các cơ quan tư pháp với những thủ tục pháp lý đầy đủ, dân chủ và tiến bộ, để giải quyết những tranh chấp xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh.*

Các quá trình giải quyết tranh chấp kinh tế đặt ra hai yêu cầu :

+ Bảo đảm quyền tự do của các bên trong giải quyết tranh chấp, tức là trước hết nhà nước tôn trọng quyền tự giải quyết của các bên trong tranh chấp. Trong trường hợp cần thiết, các bên có thể thỏa thuận với nhau mời trọng tài viên hay luật sư đứng ra giải quyết. Do đó, rất cần một tổ chức nghề nghiệp - xã hội làm dịch vụ tư vấn cho việc giải quyết các vụ tranh chấp trên cơ sở

lời mời của các đương sự. Tổ chức đó hoạt động trên cơ sở tự trang trải bằng tiền lệ phí do các bên đóng góp.

+ Trong trường hợp, với sự giúp đỡ của tổ chức tư vấn mà các bên không tự giải quyết được, thì có quyền kiến nghị thăng lên tòa án có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm nhằm bảo đảm các lợi ích hợp pháp cho các bên.

Từ các yêu cầu trên, đã đến lúc cần thành lập các tòa án chuyên trách như tòa án kinh tế, tòa án lao động, tòa án hành chính v.v. để giải quyết các loại tranh chấp tương ứng nảy sinh trong quá trình kinh doanh.

4 - *Xác lập một hệ thống tiền tệ và tín dụng linh hoạt, độc lập ; một hệ thống thuế đầy đủ và chi tiết .*

Cần nghiên cứu các cơ sở khoa học để ban hành các quy định pháp luật sau :

- *Luật ngân sách nhà nước* khẳng định nguồn vốn, các khoản thu, chi ngân sách, phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm kỷ cương trong thu và chi ngân sách, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý ngân sách và làm cho ngân sách nhà nước được thống nhất và đạt hiệu quả cao.

- *Luật về thị trường vốn và tiền tệ*. Cùng với chính sách mở cửa (cả trong nước lẫn đối với nước ngoài), thị trường tài chính đang trên đà phát triển. Các loại cổ phiếu, trái phiếu, vàng bạc, ngoại tệ... không những là đối tượng đầu tư, mà còn trở thành đối tượng để trao đổi phổ biến. Trên thực tế, đã xuất hiện thị trường vốn và tiền tệ. Vấn đề là cần chính thức hóa, cho phép các thị trường vốn và tiền phát triển trên cơ sở của pháp luật...

- Xây dựng cơ chế pháp lý phù hợp để bảo đảm Ngân hàng nhà nước thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động tiền tệ, tín dụng trong nước và giữa trong nước và ngoài nước.

- Ban hành và hoàn thiện một hệ thống văn bản luật về thuế, để thuế trở thành công cụ chủ yếu của nhà nước trong quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, trở thành nguồn thu chủ yếu cho ngân sách và là bộ phận cơ bản của chính sách tài chính quốc gia lành mạnh, đồng thời góp phần tích cực thực

hiện công bằng xã hội giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư. Để bảo đảm tính pháp lý cao, thuế phải được quy định trong văn bản luật do Quốc hội ban hành, không thể do bất cứ cơ quan nhà nước nào khác ban hành...

5 - Nền kinh tế thị trường yêu cầu phải có một loại văn bản pháp luật về tự do cạnh tranh, phá sản, ngăn ngừa độc quyền, chống tàn phá tài nguyên và ô nhiễm môi trường, chống tệ nạn xã hội và các hệ quả khác của nền kinh tế thị trường. Trước mắt cần quan tâm giải quyết hai vấn đề cấp bách: vấn đề phá sản và vấn đề chống các hiện tượng tiêu cực xã hội.

Một thực tế đang diễn ra đặc biệt nghiêm trọng là nhiều xí nghiệp, công ty ở mọi thành phần kinh tế đang lợi dụng tình hình phức tạp để làm ăn phi pháp (gian lận, lừa đảo, ăn cắp, buôn bán trái phép...). Do đó, cần khẩn trương nghiên cứu, ban hành và hoàn chỉnh những văn bản pháp luật chống làm ăn gian lận, lừa đảo, buôn bán trái phép, tạo ra môi trường pháp lý vững chắc, bảo đảm sản xuất kinh doanh tự do và cạnh tranh bình đẳng trong tính tổ chức và kỷ luật cao.

6 - Đầu tư và hợp tác với nước ngoài. Việc giải

quyết các vấn đề pháp lý của nền kinh tế thị trường nước ta, một mặt xuất phát từ nhu cầu nội tại, mặt khác phải xuất phát và tiến tới làm cho cơ chế kinh tế trong nước phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường quốc tế mà Việt nam là một bộ phận. Do đó, hoàn thiện những vấn đề pháp lý (thủ tục, trình tự) về đầu tư của nước ngoài vào Việt nam, các quy định xuất nhập khẩu v.v. là điều cực kỳ quan trọng.

7 - Xây dựng một hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường xã hội cho con người. Đây là một trong những vấn đề cốt lõi thể hiện tính định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường Việt nam. Cần nghiên cứu, ban hành một hệ thống văn bản pháp luật giải quyết một cách hài hòa giữa kinh tế và xã hội, chống bóc lột tàn khốc con người; hỗ trợ thu nhập và giải quyết việc làm cho người thất nghiệp, giúp đỡ người già, người tàn tật, bảo đảm mức sống tối thiểu... Đồng thời, bảo đảm cho các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp có đủ sức mạnh để đại diện và bảo vệ lợi ích cho người lao động. Có như vậy, tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta mới có ý nghĩa, không phải là khẩu hiệu suông.

ĐỀ TƯ TƯỞNG...

(Tiếp theo trang 10)

Các cơ quan thông tin đại chúng, như báo chí, phát thanh, truyền hình... nên sớm mở chuyên mục thường xuyên nói về tư tưởng Hồ Chí Minh để, thông qua các mẫu chuyện sinh động, cụ thể về Bác Hồ, đem lại cho người đọc, người xem những mẫu mực về ứng xử trong công tác cũng như trong đời thường. Các nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nên sáng tạo những hình tượng chân thực, cao cả, xúc động về Bác Hồ có thể đưa vào nhà trường và sống mãi với tâm hồn trẻ thơ.

Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc chỉ có thể tồn tại bền

vững và phát triển với một hệ giá trị thống nhất được mọi người thừa nhận và đề cao. Chúng ta cũng chỉ có thể tiếp thu được tinh hoa của văn hóa nhân loại, và chống lại có hiệu quả sự xâm lăng về tư tưởng và lối sống của phương Tây khi chúng ta xây dựng và củng cố được hệ giá trị bền vững của dân tộc mình. Hệ giá trị chung được toàn thể nhân dân ta trân trọng giữ gìn và noi theo, coi như những chuẩn mực tốt đẹp nhất của đạo lý làm người, đó là hệ tư tưởng Hồ Chí Minh. Làm cho hệ giá trị đó trở thành báu vật của dân tộc, được các thế hệ mai sau mãi mãi gìn giữ và phát huy, đó là trách nhiệm của tất cả chúng ta, trước hết của giới nghiên cứu lý luận, tư tưởng và văn hóa.

TẠO VỐN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

NGUYỄN KHẮC HIỀN *

I

Đầu tư xây dựng cơ bản ở nước ta, nhất là từ Đại hội VI của Đảng trở về trước, có hai khuyết điểm chính :

1 - Nhà nước bao cấp gần như toàn bộ vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, các cơ sở sản xuất quốc doanh hoàn toàn ỷ lại vào nhà nước, các thành phần kinh tế khác thì chỉ bỏ vốn để xây dựng nhà cửa là chủ yếu, còn không dám bỏ vốn ra đầu tư vào sản xuất kinh doanh. Vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu là dựa vào viện trợ của Liên xô và các nước trong khối SEV.

2 - Đầu tư xây dựng cơ bản kém hiệu quả do cơ cấu đầu tư không đúng đắn, do bố trí phân tán, thiếu quy hoạch, không tập trung dứt điểm, chuẩn bị không chu đáo, thi công kéo dài, chạy theo khối lượng không bảo đảm chất lượng, quản lý lỏng lẻo.

Thực hiện nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhất là sau Hội nghị trung ương lần thứ sáu (khóa VI), chúng ta đã có những tiến bộ bước đầu trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản :

1 - Ngoài nguồn vốn của ngân sách nhà nước, các ngành, các địa phương và đơn vị kinh tế cơ sở đã huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn khác nhau : vốn tự có, vốn vay ngân hàng và vốn huy động ở các tầng lớp dân cư... Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đã bỏ ra hàng trăm ngàn lạng vàng để đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, xây dựng các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, đóng tàu thuyền đánh cá, vận tải, nuôi tôm, trồng rừng, kinh doanh dịch vụ v.v..

Ta đã thu hút được thêm vốn đầu tư của các nước ở khu vực II, tuy mức độ còn khiêm tốn, nhưng đáng khích lệ.

Ta cũng đã bắt đầu thu hút được vốn của Việt kiều tuy còn ít.

2 - Cơ cấu vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được điều chỉnh một bước theo hướng phục vụ cho ba chương trình kinh tế ; đã chú trọng nâng tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp, đặc biệt là cho thủy lợi...

Vốn đầu tư của nhà nước được tập trung hơn vào các công trình trọng điểm (chiếm trên 50% tổng số vốn đầu tư), và đã đưa lại những kết quả tích cực.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, khai thác mọi nguồn vốn đầu tư và đổi mới cơ chế đầu tư, chúng ta còn nhiều thiếu sót và cũng có nhiều vấn đề mới nảy sinh rất đáng lo ngại :

1 - Tiềm năng về vốn trong nhân dân còn rất lớn, nhưng chưa được huy động đầy đủ vào đầu tư xây dựng cơ bản nhằm phát triển sản xuất. Số vốn của nhân dân bỏ vào sản xuất nông nghiệp để cải tạo đất đai, để làm thủy lợi nhỏ, giao thông nông thôn còn ít. Trong công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, ít có những cơ sở quy mô khá và trang thiết bị hiện đại. Phần lớn người ta dùng vốn để đi buôn "lòng vòng" kiếm lãi, thậm chí để buôn lậu hàng ngoại, hàng cấm, hoặc để tiêu xài xa hoa, lãng phí.

2 - Vốn đầu tư của nước ngoài ở ta còn nhỏ so với khả năng và so với ở các nước khác trong khu vực Đông - Nam Á (ở ta mới có 8,1% số vốn đầu tư của nước ngoài). Mặc dù vậy, việc quản lý vốn đầu tư của nước ngoài ở ta lại rất lỏng lẻo, phần lớn các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài không bảo đảm đúng mục tiêu nêu trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật và trong giấy phép, tốc độ triển khai các dự án còn chậm. Không ít trường hợp góp vốn không đúng tiến trình đăng ký ; thậm chí có dự án, phía ta đã góp đủ, nhưng phía nước ngoài lại chưa

góp. Nhiều quyết định về tài chính kế toán chưa được chấp hành nghiêm chỉnh.

3 - *Cơ cấu đầu tư chưa được cải thiện về cơ bản, vốn đầu tư của nhà nước vẫn còn phân tán, hiệu quả đầu tư vẫn rất thấp.* Cơ cấu đầu tư chưa theo đúng cơ chế sử dụng vốn đầu tư như Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ sáu (khóa VI) đã chỉ rõ : "... vốn đầu tư của nhà nước chủ yếu tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, một số công trình then chốt phục vụ việc thực hiện ba chương trình kinh tế, một số công trình phúc lợi xã hội...". Đặc biệt, đầu tư cho giao thông vận tải còn ít, các cơ sở giáo dục, y tế tiếp tục xuống cấp.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vẫn phân tán : kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1989 bố trí tập trung cho 38 công trình trọng điểm của nhà nước, nhưng các ngành, các địa phương mở ra gần 1700 công trình. Năm 1990, trong khi ngân sách trung ương thiếu vốn thì các ngành và các địa phương đã xây dựng ngoài kế hoạch hàng nghìn công trình, bố trí vốn đầu tư gấp 2 - 3 lần so với chỉ tiêu kế hoạch, phá vỡ cân đối vật tư, thiết bị, đẩy giá vật liệu xây dựng lên cao, làm tăng giá thành xây dựng, kéo dài thời gian thi công.

Ngoài việc phân tán, vốn đầu tư sử dụng còn chưa hợp lý. Chi phí về xây lắp quá lớn (gần 70% tổng số vốn đầu tư), bố trí cho thay đổi thiết bị quá thấp nên không cải tiến được công nghệ, kỹ thuật đã lạc hậu ở các xí nghiệp, đầu tư phi sản xuất chưa cần thiết quá nhiều, tất cả những điều đó dẫn đến hiệu quả vốn đầu tư không những không nâng lên được mà còn có chiều hướng đi xuống.

4 - *Trật tự, kỷ cương trong đầu tư và xây dựng cơ bản bị buông lỏng, tệ tham nhũng có chiều hướng phát triển ngày càng nặng.* Tình trạng lãng phí, hiệu quả đầu tư thấp chưa khắc phục được lại thêm vốn đầu tư của nhà nước (thậm chí cả vốn đi vay) bị một số cá nhân tham ô, chiếm đoạt ngay từ các khâu tính giá dự toán, thiết kế, chuẩn bị đầu tư, đấu thầu và tổ chức thi công... đã dẫn đến chỗ chi phí đầu tư quá cao mà giá trị thực xây lắp lại thấp, làm thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng của nhà nước và nhân dân.

Một số cán bộ xấu trong các tổ chức liên quan đến hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản đã lợi dụng những kẽ hở hoặc những quy định cũ còn

mang tính bao cấp trong việc tính giá dự toán, giá thiết kế, chi về thường tiền độ... (như trong Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản ban hành kèm theo Nghị định 232/CP ngày 6-6-1981...) để bòn rút tiền của nhà nước, làm ăn phi pháp, móc ngoặc với bọn "cai đầu dài" bên ngoài, để tham ô, ăn hối lộ, làm sai chính sách chế độ, coi hoạt động trong đầu tư và xây dựng cơ bản là nơi để làm giàu dễ dàng và phát lên nhanh chóng. Tệ tham nhũng trong đầu tư và xây dựng cơ bản không chỉ làm tổn thất vốn của nhà nước, mà còn dẫn đến chỗ làm ăn gian dối, làm giảm chất lượng công trình, gây hậu quả tai hại không lường được.

II

Bước vào kế hoạch 1991 - 1995, nhu cầu về vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản rất cấp thiết, nhưng nguồn vốn của ngân sách còn hạn chế và ngay trong mấy năm đầu, chúng ta còn nhiều khó khăn. Cần tập trung giải quyết thật tốt những vấn đề mấu chốt sau đây :

1 - *Tạo nguồn vốn dồi dào cho đầu tư xây dựng cơ bản.*

Trước hết, cần huy động cho được *nguồn vốn tiềm tàng rất to lớn trong nhân dân*, trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh bằng các chính sách đổi mới hoạt động kinh tế, các luật về thuế, về thừa kế, về kinh doanh, về công ty cổ phần..., bằng các biện pháp huy động nguồn vốn to lớn đó đầu tư vào sản xuất theo chiến lược kinh tế - xã hội và những mục tiêu của kế hoạch.

Nhà nước miễn, giảm thuế lợi tức, thuế thu nhập cho phần lợi tức hay thu nhập dành cho những khoản đầu tư này. Ngân hàng dành vốn cho vay đầu tư theo lãi suất ưu đãi đối với những khoản vay đúng mục tiêu của kế hoạch nhà nước. Các sở xây dựng tạo điều kiện thuận lợi về xây dựng cơ bản (thiết kế, mặt bằng xây dựng, thi công...) theo quy hoạch cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đầu tư đúng hướng.

Mặt khác, cần tích cực *huy động ngày càng nhiều vốn đầu tư của nước ngoài* vào nước ta (kể cả việc động viên Việt kiều gửi vốn hoặc thiết bị về xây dựng Tổ quốc), coi đây là một yếu tố quan trọng để đẩy mạnh sản xuất hàng hóa phát triển, đổi mới công nghệ, đẩy mạnh xuất khẩu.

Gấp rút ban hành các luật và các văn bản dưới luật còn thiếu, để khuyến khích cá nhân và công ty nước ngoài yên tâm đầu tư vào Việt nam. Công bố rộng rãi ở ngoài nước chiến lược kinh tế - xã hội của nước ta cùng các chế độ, thể lệ trên.

Hướng vốn đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng các kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản xuất khẩu, vào việc cùng liên doanh làm hàng xuất khẩu và phát triển du lịch, sửa chữa tàu biển. Muốn vậy, phải tăng cường quản lý các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài (nhất là các xí nghiệp quốc doanh), dành ngày càng nhiều vốn tự có (hoặc vay ngân hàng) để đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị, kỹ thuật, công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thể chế hóa và có cơ chế cụ thể phương thức "nhà nước và nhân dân cùng làm" về xây dựng cơ bản để huy động sức người, sức của trong nhân dân đầu tư cho những công trình về thủy lợi, thủy điện, giao thông, giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

Tích cực chống thất thu thuế, đấu tranh có hiệu quả chống tham ô, lãng phí, triệt để tiết kiệm chi tiêu về hành chính..., dành ngày càng nhiều vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ bản có trọng điểm của nhà nước.

2 - Có chính sách sử dụng đúng đắn vốn đầu tư xây dựng cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư.

a) *Phương hướng và cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản.* Căn cứ vào Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000, cụ thể hóa phương hướng và cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản trong các kế hoạch 5 năm và hằng năm. Về những mục tiêu cụ thể, cần tính toán, cân nhắc toàn diện các mặt, bảo đảm cân đối về vốn, thiết bị, vật tư, lao động, điều kiện đưa vào sản xuất, sử dụng.

Phương hướng và cơ cấu đầu tư nói trên là chung cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân, không chỉ bó gọn trong vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách.

b) *Vốn đầu tư của ngân sách nhà nước* cần được tập trung cho một số lĩnh vực trọng yếu, nhằm hình thành thể cân đối của nền kinh tế và tạo môi trường thuận lợi để kích thích và định hướng quá trình tích tụ vốn cho sản xuất kinh doanh của các ngành, của các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh, của dân cư.

Trước mắt, vốn đầu tư của ngân sách nhà nước nên hướng vào hệ thống kết cấu hạ tầng (đường bộ, đường sắt, nạo vét đường thủy, bến cảng và hệ thống thông tin, liên lạc), các công trình mũi nhọn nhưng mức doanh lợi thấp, không thu hút được vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Đồng thời, dành một phần kinh phí thích đáng của ngân sách để trang bị các công cụ hiện đại cho một số trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ lớn của đất nước thuộc các lĩnh vực mũi nhọn, cho việc nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, cho việc giảm tốc độ tăng dân số, giải quyết việc làm, giáo dục và y tế v.v..

c) *Vốn của nhà nước giao cho các đơn vị kinh tế quốc doanh quản lý* cần được sử dụng cho đầu tư chiều sâu hoặc mở rộng các cơ sở hiện có. Đặc biệt, cần tập trung vốn đó cho việc tăng thêm hoặc đổi mới trang thiết bị, quy trình công nghệ, tránh thiên về xây dựng vỏ ngoài một cách hình thức, phô trương.

d) *Vốn huy động theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.* Vốn này cần được tập trung cho việc xây dựng hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ, các đường giao thông trong huyện, liên xã, các phúc lợi công cộng : nhà trẻ, mẫu giáo, các cơ sở chăm sóc sức khỏe ban đầu, các nhà văn hóa, trường tu và tái tạo các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh...

e) *Vốn tín dụng ngân hàng.* Vốn này bổ sung cho vốn của cơ sở, doanh nghiệp trong đầu tư chiều sâu hoặc mở rộng sản xuất phục vụ cho các mục tiêu kế hoạch. Ưu tiên cho cơ sở vay để phát triển nông nghiệp hoặc làm hàng xuất khẩu, liên doanh liên kết với nước ngoài phát triển du lịch và các dịch vụ quốc tế...

g) *Vốn đầu tư của nước ngoài.* Cần khai thác triệt để vốn này bằng các chế độ ưu đãi trong luật đầu tư và các văn bản dưới luật, bằng tạo môi trường chính trị, kinh tế và pháp lý thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Hướng việc đầu tư của nước ngoài vào những mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Cụ thể :

- Liên doanh hai bên hoặc nhiều bên để cùng có và tăng cường hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Thu hút rộng rãi vốn đầu tư của tất cả các nước có thiện chí để thành lập các công ty, doanh nghiệp

sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu hoặc gia công, lắp ráp hàng xuất khẩu. Tập trung việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài vào việc thăm dò khai thác dầu mỏ và xây dựng công nghiệp hóa dầu, than, bô-xít, đất hiếm, apatít, phân đạm, nuôi và chế biến tôm xuất khẩu, lâm sản, cơ khí phục vụ chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu, phát triển du lịch...

- Góp vốn đầu tư, liên doanh với Lào và Cam-pu-chia về giao thông vận tải, khai thác khoáng sản, thủy sản, nghề rừng, điện-năng... để xuất khẩu...

- Làm thủ rồi mở rộng việc tổ nhượng ở một số vùng có điều kiện và có trữ lượng lớn về khoáng sản.

- Cho phép các xí nghiệp quốc doanh và tư doanh trực tiếp liên doanh với nước ngoài, chủ yếu để tăng cường hoặc đổi mới trang thiết bị, đổi mới công nghệ... với điều kiện phải bảo đảm khả năng về ngoại tệ để trả nợ nước ngoài và chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ của nhà nước.

- Phát triển các hình thức liên doanh đầu tư giữa các tỉnh của ta với các tỉnh của bạn, giữa các thủ đô các nước để xây dựng các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu hoặc hàng thay thế nhập khẩu.

h) *Vốn viện trợ của chính phủ, của các tổ chức quốc tế, của cá nhân người nước ngoài đầu tư.* Sử dụng theo dự án đã thỏa thuận giữa hai bên.

i) *Vốn của Việt kiều.* Sử dụng rộng rãi vào các mục tiêu đầu tư xây dựng cơ bản trong kế hoạch nhà nước.

3 - Nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản.

a) *Xác định những chỉ tiêu chủ yếu để đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản :* Có thể xác định nhiều loại chỉ tiêu, như chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế - xã hội nói chung, các chỉ tiêu về trình độ trang bị kỹ thuật hiện đại, về giá trị kim ngạch xuất khẩu... Nhưng quan trọng hơn hết và tổng hợp nhất, là chỉ tiêu về *thời gian thu hồi vốn và hoàn trả vốn vay*. Và trong điều kiện ta còn nhiều sức lao động dư thừa, thì chỉ tiêu về tạo thêm công ăn việc làm cũng là chỉ tiêu quan trọng.

Cần tính thời gian thu hồi vốn (hoặc hoàn trả vốn vay) theo quan điểm *hiệu quả đầu tư trong quan hệ thị trường*. Không nên chỉ bằng lòng với việc tính thời gian thu hồi vốn đầu tư một cách đơn giản

dưới dạng tỷ số vốn bỏ ra với lợi nhuận đạt được, vì cách tính như vậy loại bỏ nhiều tính chất vốn có của thị trường... Cần xác định một phương pháp khoa học để so sánh được những khoản tiền ở những thời điểm khác nhau với giá trị ban đầu của nó, để xem xét hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản như những khoản tiền sử dụng trong các loại hình kinh doanh khác. Việc tính toán hiệu quả đầu tư bằng vốn vay phải được đặt trong quan hệ với thị trường vốn đầu tư (trong và ngoài nước), đặc biệt trong quan hệ với lợi tức thị trường vốn đầu tư.

b) *Xây dựng quy hoạch tổng thể về xây dựng cơ bản, quy vùng sản xuất của cả nước* phù hợp với chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Quy hoạch tổng thể này cần được cụ thể hóa đối với từng vùng, từng tỉnh và công bố cho các chủ đầu tư (trong nước và nước ngoài) thông qua các trung tâm dịch vụ đầu tư.

c) *Đổi mới kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản* theo hướng : phát huy vai trò của nhà nước trong việc hướng dẫn và kiểm soát đầu tư theo định hướng kế hoạch của nhà nước, đồng thời khuyến khích tính chủ động của các thành phần kinh tế tự tạo vốn đầu tư, đề cao trách nhiệm của chủ đầu tư. Muốn vậy, phải phân định danh mục hướng ưu tiên cho các mục tiêu (cho ngành và lãnh thổ) với từng loại nguồn vốn đầu tư, hướng đầu tư cụ thể và quy định rõ các lĩnh vực cấm hoặc hạn chế đầu tư. Hoàn thiện các chính sách tạo vốn đầu tư và sử dụng vốn đầu tư, bao gồm các chế độ về thủ tục lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, lập giá và dự toán xây dựng, hệ thống các tiêu chuẩn (giá chuẩn, suất đầu tư...), các định mức kinh tế kỹ thuật, phương pháp tính hiệu quả kinh tế, thời gian thu hồi vốn đầu tư xây dựng cơ bản và xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư từng công trình (cả về mặt hành chính và về mặt vật chất) v.v..

Kế hoạch hóa đầu tư xây dựng cơ bản trên *lãnh thổ* liên quan tới *toàn bộ* vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên lãnh thổ. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trên lãnh thổ đều phải được đăng ký để cân đối về vật liệu xây dựng, lao động...

Quan hệ chính trị quốc tế hiện nay

NGUYỄN ĐÌNH LUÂN *

1 - Quan hệ chính trị quốc tế là một dạng quan hệ xã hội của loài người. Nó xuất hiện từ khi có các quốc gia và có quan hệ giữa các nhà nước. Trong quá trình thực hiện chính sách đối ngoại của mình, các nhà nước đã thiết lập một dạng quan hệ đặc biệt - quan hệ chính trị quốc tế. Chủ thể của quan hệ này, ngoài nhà nước, còn bao gồm cả các tổ chức liên chính phủ và các dân tộc đấu tranh giành độc lập khi chúng đã xuất hiện trên trường quốc tế.

Quan hệ chính trị quốc tế là sản phẩm của hoạt động chính trị đối ngoại của các quốc gia. Hoạt động này nhằm đạt được lợi ích chính trị đối ngoại nhất định. Do đó, về thực chất, quan hệ chính trị quốc tế là quan hệ giữa các lợi ích chính trị đối ngoại của các quốc gia trên thế giới. Lợi ích này là nhu cầu được nhận thức. Còn nhu cầu thì được quyết định bởi một tổ hợp các yếu tố bên trong và bên ngoài của mỗi quốc gia. Đó là tính chất chính trị của chế độ xã hội và hệ tư tưởng ; sức mạnh hiện có của quốc gia về kinh tế, văn hóa, khoa học và quân sự ; tôn giáo và truyền thống của dân tộc ; dân số và thành phần dân tộc của dân cư ; cơ cấu giai cấp - xã hội ; năng lực của chính phủ và giới lãnh đạo ; vị trí địa lý và đặc điểm khí hậu ; vị trí của quốc gia trong hệ thống quan hệ quốc tế ; thời gian, bối cảnh quốc tế và xu thế phát triển của thời đại... Tổng thể những yếu tố khác nhau này quy định những nhu cầu xác định của mỗi quốc gia trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, và sau đó được nhận thức, thể hiện trong lợi ích chính trị đối ngoại của quốc gia.

Lợi ích chính trị đối ngoại là động lực hoạt động chính trị đối ngoại của mỗi quốc gia. Nó là khách quan, nhưng đồng thời cũng mang tính chủ quan, vì

việc nhận thức nhu cầu được thực hiện thông qua hoạt động của chủ thể cụ thể - những người tham gia hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia. Ở đây tri thức khoa học, ý chí và sự miễn cưỡng chính trị của họ có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

Mỗi quyết định chính trị đối ngoại cần phải dựa vào không chỉ các yếu tố trong nước, mà cả các yếu tố quốc tế. Nếu như các vấn đề đối nội của mỗi quốc gia đều do chính phủ nước đó phán xét, toàn quyền quyết định, thì các vấn đề đối ngoại không hẳn như vậy, vì chúng liên quan tới các quốc gia khác, tới cộng đồng quốc tế và vượt ra khỏi biên giới và quyền tài phán của mỗi quốc gia. Việc giải quyết các vấn đề chính trị đối ngoại chỉ mang lại kết quả một khi xuất phát từ những quy luật khách quan của sự vận động và phát triển của toàn thế giới ; coi thế giới như một hệ thống hoàn chỉnh mà mỗi quốc gia chỉ là một yếu tố cấu thành của nó. Hệ thống này là kết quả của sự phát triển, tác động qua lại của các quốc gia, nhưng đến lượt nó, nó lại tác động trở lại, quy định sự vận động của mỗi quốc gia. Quy luật quốc tế hóa sự phát triển của thế giới làm thay đổi cơ bản những quan niệm truyền thống về độc lập tự chủ và tự lực cánh sinh.

2 - Xu thế quốc tế hóa rất cao của lực lượng sản xuất thế giới và quá trình nhất thể hóa thị trường thế giới đang đòi hỏi và bắt buộc mọi quốc gia trên trái đất, nếu muốn phát triển thì phải chủ động tham gia vào sự phân công lao động quốc tế và phải trở thành một bộ phận hữu cơ năng động của hệ thống kinh tế thế giới, cũng như của hệ thống kinh tế khu vực. Các khái niệm "độc lập tự chủ" và "phụ

* Phó tiến sĩ triết học, Bộ ngoại giao

thuộc lẫn nhau" không loại trừ nhau, mà nằm trong mối liên hệ biện chứng. Ở đây, các yếu tố bên trong và bên ngoài chỉ có ý nghĩa tương đối, bởi vì xét theo quan điểm tổng thể, hệ thống, thì mỗi quốc gia không phải là cái bên ngoài, mà là một yếu tố cấu thành của hệ thống thế giới. Yêu cầu của Lê-nin về việc "phải liên hệ, nối liền, kết hợp nguyên tắc chung về sự phát triển với nguyên tắc chung về *sự thống nhất của thế giới*, của giới tự nhiên, của vận động, của vật chất, v.v." ⁽¹⁾ có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc nhận thức cục diện quốc tế hiện nay.

Chính nhờ quán triệt sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa phát triển với *sự thống nhất của thế giới*, Đảng ta, tại Đại hội VII đã khẳng định: Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Quan điểm đó của Đảng hoàn toàn khác với luận điểm "phi tư tưởng hóa quan hệ giữa các quốc gia". Vì, như trên đã nói, quan hệ chính trị đối ngoại giữa các quốc gia thực chất là quan hệ giữa các lợi ích chính trị đối ngoại của các quốc gia. Tuy nhiên, ở đây cần phân biệt rõ sự khác biệt giữa quan hệ chính trị trong một quốc gia với quan hệ chính trị giữa các quốc gia với nhau. Kết luận của Mác: mọi cuộc đấu tranh chính trị đều là đấu tranh giai cấp. Kết luận đó được rút ra từ sự phân tích, tổng kết thực tiễn lịch sử đấu tranh xã hội ở *trong nội bộ từng nước*. Nếu đem kết luận đó áp dụng một cách máy móc vào *quan hệ giữa các quốc gia* thì sẽ không tránh khỏi sai lầm, vì sẽ không thể nào giải thích được tại sao lại đã có chiến tranh giữa các nước đế quốc với nhau, hay giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau; tại sao lại có liên minh giữa nước Pháp - cộng hòa tư sản, với nước Nga - nửa phong kiến quân chủ, để chống lại nước Đức - nửa phong kiến vào năm 1890; tại sao Liên xô lại liên minh với Mỹ và Anh thành phe đồng minh để chống lại phát xít Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai, v.v.. Vấn đề là ở chỗ: các nước tuy khác nhau về hệ tư tưởng, nhưng họ vẫn có thể liên minh được với nhau, vì họ tìm được *mẫu số chung* (lợi ích chung) giữa các lợi ích chính trị đối ngoại của

họ trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Ăng-ghe-n từng nói: Ở đâu không có lợi ích chung, ở đó không thể có mục tiêu thống nhất, chứ đừng nói đến hành động thống nhất. Xác định được lợi ích chung - đó là một nguyên tắc hết sức quan trọng trong quan hệ chính trị quốc tế, trong việc lựa chọn, xếp đặt vị trí các đối tượng cần hợp tác của mỗi quốc gia.

Việt nam kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, điều đó không có gì mâu thuẫn; nó chỉ phản ánh mối liên hệ hữu cơ giữa phát triển với sự thống nhất của thế giới. Dù là đi theo định hướng chính trị nào, thì hiện nay các quốc gia trên thế giới đều đang tồn tại, vận động và phát triển trên cơ sở của một nền văn minh chung, như thường gọi là nền văn minh *hậu công nghiệp* hay nền văn minh *trí tuệ*. Nền văn minh ấy đang hình thành và có nền tảng, cơ cấu kinh tế riêng của mình, khác với nền văn minh *công nghiệp*, và càng khác xa với nền văn minh *nông nghiệp* trước đây.

3 - Việc ứng dụng các công nghệ vi điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ tiết kiệm vật liệu và năng lượng, đang làm thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế thế giới và những hình thức quan hệ kinh tế quốc tế. Lực lượng sản xuất quốc tế hóa ở trình độ cao thúc đẩy sự liên kết, hợp tác kinh tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa với các nước tư bản chủ nghĩa. Có thể nói, cơ cấu quan hệ kinh tế giữa các quốc gia là kết quả của một quá trình *hai mặt*. Một mặt, đó là cái khách quan - quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới; còn mặt kia là hoạt động chính trị đối ngoại của bản thân mỗi quốc gia. Kinh tế quyết định chính trị; nhưng chính trị có tính độc lập tương đối và tác động trở lại đối với sự phát triển kinh tế. Sự tác động này theo hai phương diện: kìm hãm hoặc thúc đẩy sự phát triển lực lượng sản xuất. Tác động theo hướng nào, điều đó tùy thuộc vào mức độ và phạm vi phù hợp của hoạt động chính trị đối

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, 129, tr 271.

ngoại với đòi hỏi của xu thế, quy luật phát triển khách quan của thời đại.

Tác động của chính trị đối với kinh tế còn thể hiện ở chỗ nó chi phối mục đích phát triển kinh tế của quốc gia. Chính trị đối ngoại là một bộ phận hợp thành của đường lối chính trị chung của một nhà nước. Chính trị đối ngoại gắn liền hữu cơ với chính trị đối nội. Sự phát triển kinh tế không có mục đích tự thân. Mục đích của nó nhằm thu lợi nhuận tối đa cho các tập đoàn tư bản (đặc biệt là các công ty xuyên quốc gia) hay nhằm nâng cao mức sống và phát triển toàn diện năng lực của đa số nhân dân lao động, điều đó do định hướng chính trị chung quy định. Sẽ là ảo tưởng khi tách kinh tế ra khỏi chính trị nói chung. Nguyên lý về sự phát triển thông qua sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập, là cơ sở định hướng nhận thức bức tranh hai mặt của quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới hiện nay. Không ai có thể nghi ngờ những tiến bộ lịch sử chưa từng thấy trong đời sống của nhân loại do sự áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại và quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất. Nhưng cũng không thể nhắm mắt trước một thực tế khắc nghiệt là khoảng cách giữa giàu và nghèo ngày càng lớn. Tuy nhân loại nói chung đang bước dần vào nền văn minh trí tuệ, nhưng mỗi dân tộc, mỗi giai cấp, mỗi con người đang bước đi với những hành trang hết sức khác nhau. Hiện nay, trên thế giới mới chỉ có 2 - 3% số dân lao động với trình độ tri thức cao nhất của loài người và 25% số dân lao động trong các ngành công nghiệp, còn 70% số dân vẫn sống bằng lao động nông nghiệp. Một mâu thuẫn mới đang hình thành và phát triển. Đó là *mâu thuẫn giữa sự bản cùng về trí tuệ của đa số nhân loại với sự đòi hỏi của thời đại về một trình độ tri thức tiên tiến*. Tính sâu sắc và trầm trọng của mâu thuẫn này tăng theo tốc độ phát triển của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật trên thế giới. Nền văn minh mới đang đặt ra những tiêu chuẩn mới về "mù chữ". Có nước nêu tiêu chuẩn mù chữ là không biết sử dụng máy vi tính... Mà mù chữ thì sẽ "đứng ngoài chính trị" (Lời Lê-nin). Điều đó cũng có nghĩa là đa số nhân dân trên thế giới đang có nguy

cơ hiện thực : đứng ngoài sinh hoạt chính trị quốc tế, không có khả năng tham gia quản lý các công việc quốc tế và tác động tích cực vào quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị quốc tế. Đây cũng là một sự bất bình đẳng về chính trị quốc tế.

4 - Những vấn đề toàn cầu, như chiến tranh hạt nhân hủy diệt, vấn đề môi sinh v.v. đang đặt nhân loại trước hiểm họa diệt vong. Để giải quyết các vấn đề đó, cần có sự hợp tác chặt chẽ của mọi giai cấp, quốc gia, dân tộc, không phân biệt hệ tư tưởng, tôn giáo, chế độ xã hội. Sự hợp tác này là hết sức cần thiết và cấp bách, nhưng tuyệt nhiên không xóa nhòa ranh giới giai cấp. Ai là thủ phạm chính đối với cuộc chạy đua vũ trang, chạy đua hạt nhân trên thế giới, đối với sự hủy diệt môi sinh ? Đó là chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là các tổ hợp công nghiệp - quân sự và các công ty xuyên quốc gia. Mới đây, tổng thống Mỹ Bu-sơ tuyên bố cắt giảm vũ khí hạt nhân, nhưng ông ta vẫn khẳng định tiếp tục triển khai chương trình SDI. Như thế làm sao giảm được bầu không khí chính trị quốc tế căng thẳng ? Theo tính toán của Va-xi-li Lê-ôn-chi-ép, giáo sư Trường đại học tổng hợp Niu-Oóc : chỉ cần dành 1/10 chi phí quân sự của Mỹ cho nhu cầu của các nước thế giới thứ ba, thì các nước này đã có thể không bị lạc hậu về nhịp độ phát triển so với các nước công nghiệp.

5 - Ngoài ra, cũng cần thấy rõ sự khác biệt giữa các tập đoàn người trong *mâu số chung thống nhất* - lợi ích sống còn của toàn nhân loại. Sự sống còn của các nhà tư bản nói chung, của các nhà tư bản trong các tổ hợp công nghiệp - quân sự nói riêng, đương nhiên khác với sự sống còn của những công nhân và người làm thuê. Nhà tư bản cần tồn tại để tiếp tục thu lợi nhuận với tư cách là nhà tư bản, chứ không phải cần tồn tại như những người lao động bình thường, như các thành viên khác của nhân loại. Ai không thấy điều đó, sẽ tự ru ngủ, tự lừa dối mình trong chính trị. Hợp tác phải được gắn với đấu tranh chống những xu thế và lực lượng phản dân chủ, vì hòa bình và tiến bộ xã hội trên thế giới.

CHUNG QUANH VẤN ĐỀ "DI SẢN VĂN HÓA"

TÔ NGỌC THANH *

Để tránh những tranh cãi không cần thiết, trước hết xin trình bày ý kiến của tôi về khái niệm "di sản văn hóa". Văn hóa cần được tiếp cận từ góc độ là một thành tố rất quan trọng, mang tính chất một động lực phát triển của xã hội. Văn hóa phải được hiểu là một *quá trình sáng tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần*, diễn ra liên tục trong suốt chiều dài lịch sử một cộng đồng người, một dân tộc. Vì vậy, bao giờ văn hóa cũng mang bản sắc dân tộc và tính thời đại rõ nét; đồng thời từ đó, góp phần làm giàu có, đa dạng thêm văn hóa nhân loại. Tuy nhiên, còn cần bàn đến khái niệm *di sản*, mà nếu hiểu một cách đơn giản thì chỉ liên quan đến *tính thời đoạn* của thực thể, dẫn đến sự phân chia cơ học giữa hôm qua và hôm nay, đời cha và đời con. Cố nhiên, "di sản" là thuộc quá khứ, song thời đoạn quá khứ được vạch ngăn từ đâu thì lại không đơn thuần là chuyện năm tháng. Theo tôi, thời đoạn của "di sản văn hóa" phải thể hiện và được quy định bởi những điều kiện xã hội - lịch sử mà từ đó những di sản này được sáng tạo nên. Bởi chúng tôi xem xét "di sản văn hóa" với tư cách đương thời của nó, khi nó còn là một thực thể xã hội, chứ chưa trở thành "di sản" và chưa bị giải thể cấu trúc để chỉ còn là những yếu tố thum gia vào việc phát triển nền văn hóa của một xã hội đã có những điều kiện khác trước. Ở nước ta, có thể lấy Cách mạng Tháng Tám năm 1945 làm ranh giới giữa quá khứ và đương đại, mặc dầu mốc thời gian này cũng chỉ có ý nghĩa tương đối. Trước đó là nền văn hóa của xã hội được xây dựng trên nền tảng ý thức hệ phong kiến và nền sản xuất nông nghiệp cũ. Vào giai đoạn cận đại, nền văn hóa đó còn có những yếu tố thực dân nửa thuộc địa. Những giá

trị và thành tựu của nền văn hóa này chính là "di sản văn hóa" mà ngày nay chúng ta thừa hưởng và thừa kế. Bởi vì, từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền văn hóa Việt nam đã có những biến đổi lịch sử rất sâu sắc, mặc dầu trong thời gian gần nửa thế kỷ qua, chúng ta còn có thể chia ra làm nhiều giai đoạn với những điều kiện lịch sử - xã hội và đặc trưng văn hóa riêng.

Đôi khi trên báo chí "di sản văn hóa" còn được gọi là *văn hóa truyền thống* (culture traditionnelle) nhằm đối lập với *văn hóa hiện đại* (culture contemporaine). Cách hiểu này dễ gây hiểu lầm và không thật chính xác. Đồng nhất "truyền thống" với thời đoạn quá khứ đã biến truyền thống thành *khái niệm tĩnh*. Trong khi truyền thống văn hóa của một dân tộc bao gồm toàn bộ những giá trị sáng tạo của dân tộc ấy ở mọi thời và luôn được đổi mới và hoàn thiện. Truyền thống văn hóa chỉ dừng lại khi nào dân tộc sáng tạo ra nó bị diệt vong. Đồng nhất "truyền thống" với quá khứ, vô hình trung chúng ta gạt ra khỏi truyền thống văn hóa Việt nam những sáng tạo của thời đại chúng ta. Vậy chúng ta sẽ đặt Sóng Hồng, Tố Hữu vào truyền thống văn hóa nào? Khái niệm "văn hóa hiện đại" cũng gây không ít khó khăn cho khoa học, vì đôi khi "hiện đại" ở đây được hiểu là "hiện đại hóa" (modernisée) đồng nghĩa với "công nghiệp hóa", "đô thị hóa"; dẫn đến lầm lẫn giữa "văn minh" và "văn hóa". Từ đây, lại nảy ra cấp phạm trù "dân tộc và hiện đại", mà theo tôi là lệch vế, dễ gây nên sự hiểu lầm, cái gì dân tộc

* Giáo sư tiến sĩ âm nhạc, Tổng thư ký Hội văn nghệ dân gian

thì chưa hiện đại, cần phải hiện đại hóa. Chà thế mà đề “hiện đại hóa” chèo thì phải dùng các phương thức của kịch nói, khiến cho chèo trở thành một sản phẩm của việc “gieo vừng ra ngô” (lời Bác Hồ).

Sở dĩ phải trình bày dài dòng đôi chút về các thuật ngữ, vì chính cách hiểu không nhất quán và không thống nhất dẫn đến những thái độ khác nhau đối với di sản văn hóa, thậm chí làm mai một đi nhiều vốn văn hóa quý báu của ông cha để lại.

*

Đảng ta sớm nhận thức được tầm quan trọng của di sản văn hóa trong công cuộc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Trọng văn kiện của các đại hội Đảng, tuy câu chữ có khác nhau, di sản văn hóa được nhìn nhận như những giá trị cần được thừa kế và chọn lọc để trên cơ sở đó, cùng với những sáng tạo đương đại, xây dựng nền văn hóa mới. Nhờ đó, nhiều di tích văn hóa - lịch sử được xếp hạng, nhiều lĩnh vực văn hóa được sưu tầm nghiên cứu và không hiếm những giá trị văn hóa nghệ thuật của quá khứ ùm được chỗ đứng và phát huy được vai trò tích cực trong cuộc sống chiến đấu và xây dựng của nhân dân ta mấy chục năm qua. Những công việc này được thực hiện trên cả nước và ở các tộc người, tạo ra sự trao đổi văn hóa, nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau, và góp phần xây dựng khối đoàn kết giữa các tộc người trong đại gia đình Việt nam. Cần khẳng định những thành quả này, mặc dầu những thành quả đó còn chưa nhiều. Vì chúng thể hiện trách nhiệm và thái độ trân trọng của Đảng và Nhà nước ta đối với di sản văn hóa, đồng thời khẳng định vai trò cập nhật của di sản văn hóa trong điều kiện cơ chế thời bao cấp. Nếu hôm nay tôi có nói đến một vài kiến nghị về những điều “chưa được”, thì không phải là phủ nhận những thành tựu đáng trân trọng đã có. Vấn đề ở đây là kiểm điểm lại “hành trang”, chuẩn bị cho những bước phát triển sắp tới của nền văn hóa nước nhà trong điều kiện xã hội đang có những biến chuyển lớn lao. Đại thể, có mấy vấn đề sau đây, theo tôi, cần được xem xét đầy đủ hơn :

1 - Về mặt nhận thức, chúng ta chưa hiểu được đầy đủ tính biện chứng trong chủ trương của Đảng về “thừa kế có chọn lọc” đối với di sản văn hóa.

Mặt khác, chúng ta cũng chưa phân biệt được mối quan hệ nhân quả giữa chế độ chính trị với văn hóa và vai trò độc lập tương đối của văn hóa đối với sự phát triển của xã hội. Vì thế, có một thời mọi di sản văn hóa đều bị coi là sản phẩm của chế độ cũ, và do đó đều là lỗi thời, lạc hậu ; không phân biệt đâu là những giá trị tích cực, đâu là những thuần phong mỹ tục và đâu là những yếu tố tiêu cực, hủ tục. Nhân danh chủ trương “thừa kế có chọn lọc”, hễ mó đến bất cứ cái gì trong di sản văn hóa là ta đã nghĩ đến phải “cải biên”, “cải tuyền”, “khoa học hóa” và “hiện đại hóa” nó. Hơn nữa phải tập trung cho chiến tranh giải phóng đất nước, ta đâu đã đủ điều kiện tìm hiểu, nghiên cứu đầy đủ về giá trị của các vốn di sản ấy. Nhưng, nhân danh cái mới, ta “cải biên” tất thảy. Trong nhiều trường hợp, cái “mới” mà ta lấy làm căn cứ để “cải biên” về thực chất là mô hình và thể loại ta đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô trước đây. Cho nên, cũng không hiếm những sản phẩm “cải biên” nửa Tây, nửa ta ! Điều đáng nói hơn là cái trào lưu “cải biên” này làm cho các thế hệ năm nay từ 40 tuổi trở xuống không có điều kiện tiếp xúc, tiếp thu trọn vẹn những giá trị văn hóa cổ truyền. Họ chỉ được dạy dỗ thông qua những sản phẩm “cải biên” nửa thôi. Đó còn chưa kể đến một tâm lý phủ định quá khứ trong họ. Vì theo cái chúng ta dạy họ, hễ cái gì thuộc quá khứ đều “lỗi thời”, đều cần “cải biên” cả. Đây là một trong những nguyên nhân tạo ra thái độ thô bạo, vô văn hóa của một số người đối với di sản văn hóa.

2 - Cũng về mặt nhận thức, chúng ta chưa hiểu được tính tổng thể trong các hình thức hoạt động và biểu hiện của các hiện tượng văn hóa trong di sản. Do được sáng tạo ra trong hoàn cảnh dân trí thấp, khoa học kỹ thuật chưa phát triển, các hiện tượng di sản văn hóa thường mang màu sắc huyền thoại, mang tính “thiêng”. Có một thời, những cái này đối với chúng ta đều là “mê tín dị đoan”. Chúng ta không thấy đằng sau những biểu hiện “không duy vật” ấy, nhân dân đã gửi gắm nguyện vọng vươn tới CHÂN - THIÊN - MỸ của mình, và trong chiều sâu của chúng là cả một đời sống tâm linh cao cả đã từng là nền tảng ý thức dân tộc, giúp nhân dân

ta vượt qua bao nhiêu bão táp của lịch sử. Lấy một ví dụ : trong hội lễ, nhân dân có lễ dâng hương, dâng hoa, rước kiệu và bài vị thành hoàng làng. Các hành động này thực ra thể hiện niềm tin vào truyền thống lâu đời của dân làng, nâng cao lòng tự hào về quê hương mình. Thế nhưng có lúc chúng ta cho đó là mê tín và cấm dân làm. Chúng ta không biết rằng đại đa số thành hoàng làng đều là những người có *thật* trong lịch sử, đã có công với làng, và nhiều người có công với nước. Chúng ta cũng không hiểu phương thức “thánh hóa” tổ tiên là một điều tích cực trong nhân sinh quan của nhân dân. “Thánh hóa” tổ tiên là phú cho tổ tiên một sức mạnh siêu nhiên, để rồi hằng năm tế lễ cho các thế hệ sau biết “uống nước nhớ nguồn”. Quan trọng hơn nữa, là “mời” tổ tiên “về” và “phù hộ” cho con cháu. Như thế, tổ tiên không chết, tổ tiên luôn ở bên ta, và ta phải làm sao xứng đáng với tổ tiên. Đưa “năng lượng tinh thần” của quá khứ hội nhập với sức mạnh của đương thời chính là chuyện “4000 năm cùng ta chống Mỹ” đó. Thế mà ta lại cấm, lại bảo là mê tín thì làm sao thuyết phục được lòng dân ? Đương nhiên, nói như vậy tôi không hề có ý đồng tình với những hoạt động mê tín dị đoan. Trái lại, vẫn phải chống mê tín dị đoan, chống những hành động lợi dụng tín ngưỡng, lễ hội để làm những điều không lành mạnh, trái pháp luật.

Lại nói về mặt hình thức biểu hiện. Ngày nay trong các cuộc kỷ niệm lớn, nhiều khi ta cũng rước cờ, rước ảnh các lãnh tụ cách mạng của thế giới và đất nước. Về bản chất, cuộc rước kiệu trong hội lễ cổ truyền và cuộc rước của ta hôm nay đâu có gì khác nhau. Bởi chúng đều bày tỏ niềm tin của một cộng đồng người nhất định vào một lý tưởng nào đó. Chúng ta cũng không công bằng trong thái độ đối xử. Ta cấm dân rước thành hoàng làng, nhưng ta lại chấp nhận các cuộc rước Đức mẹ và Chúa Giê-su của đạo Thiên chúa chẳng hạn. Có nơi lấy chùa làm kho, nhưng lại không dựng đến nhà thờ... Tất cả những cái không nhất quán này, nói cho cùng, do chúng ta chưa hiểu hết chiều sâu của di sản văn hóa. Và phải chăng, trong một chừng mực nào đó, chúng ta đã mắc phải “thói tự mãn cộng sản” mà Lê-nin đã từng nhắc nhở ?

3 - Đầy thiện ý và lòng chân thành cộng sản, chúng ta mong muốn xây dựng nhanh nền văn hóa mới, mang nội dung xã hội chủ nghĩa. Song có một thời với phương thức xây dựng duy ý chí, chúng ta vội vã áp dụng mô hình và cơ cấu văn hóa mà chúng ta học được ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Cách làm này cũng có thành tựu của nó là đã tạo ra một *bộ mặt văn hóa* mang tính nhà nước và có nhiều đặc điểm văn hóa đô thị. Nhưng chính mô hình này lại có những nhược điểm để lại những hậu quả đến hôm nay. Mô hình này còn quá xa với trình độ phát triển kinh tế xã hội của nước ta. Nó chỉ đứng được khi nó được nhà nước bao cấp. Khi chuyển sang cơ chế không bao cấp thì nó bộc lộ không ít những điều “viển vông”. Đối với di sản văn hóa, nó không tạo điều kiện để nhân dân lao động tham gia lựa chọn tinh hoa cổ truyền. Bởi vì, thay vào hội mùa xuân, ta làm mít tinh ra quân sản xuất. Thay vào một hoạt động mang đầy tiềm năng tinh thần dân tộc của hội lễ thì ta lại chỉ hướng nhân dân vào mỗi mục đích là sản xuất ra thóc gạo ! Tôi không phản đối mít tinh, thậm chí còn cho là rất cần có những cuộc biểu dương lực lượng như vậy. Nhưng chỉ có mít tinh mà cấm hội lễ thì quả là điều nên suy nghĩ.

*

Chung quanh vấn đề di sản văn hóa còn nhiều điều đáng nói, song do tính hạn chế của một bài viết, tôi xin chuyển sang phần kiến nghị :

1 - Cần tiến hành càng sớm càng tốt một cuộc “tổng kiểm kê” di sản văn hóa, nhằm nhận diện và đánh giá được giá trị của gia tài quý báu này.

2 - Cho phép nhân dân được thực hiện những hoạt động văn hóa cổ truyền, cổ nhiên, với sự tham gia bàn bạc và định hướng của các cơ quan quản lý văn hóa.

3 - Giao các di tích văn hóa cho nhân dân trông nom, tu bổ với sự chỉ đạo về chuyên môn của các cơ quan chức năng của nhà nước. Tôi tin rằng nếu Nàng Tô Thị được giao cho nhân dân sở tại quản lý thì không kẻ nào dám xâm phạm thờ bạo như đã xảy ra.

Ý nghĩa của nhu cầu, lợi ích và tri thức đối với hoạt động của con người

NGUYỄN LINH KHIẾU *

Gần đây, để đề cao vai trò của tri thức, một vài người đã phê phán một số luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trong đó họ đặc biệt quan tâm đến học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp. Họ cho rằng học thuyết này được xây dựng trên cơ sở phân chia xã hội thành những tập đoàn người có lợi ích đối lập nhau. Theo họ, đấu tranh giai cấp không phải là động lực của sự phát triển xã hội mà tri thức mới là động lực của sự phát triển xã hội. Do đó, không phải giai cấp công nhân là người lãnh đạo xã hội mà chỉ có tri thức mới là người lãnh đạo xã hội. Phải chăng là như thế ?

Để hiểu được cái gì là động lực của sự phát triển xã hội, theo tôi, có lẽ phải thấy được vì đâu mà con người ta hoạt động. Bởi vì, xã hội chẳng qua là sự hoạt động có ý thức của con người mà thôi. Thế thì nguồn gốc, động lực và mục đích hoạt động của con người là gì, và tri thức, lợi ích... có ý nghĩa như thế nào đối với sự vận động của lịch sử và sự phát triển xã hội ?

*

Như ta đều biết, mọi sinh vật sở dĩ tồn tại và phát triển được là do chúng luôn luôn thực hiện sự trao đổi chất với môi trường xung quanh. Đó là quá trình đồng hóa và dị hóa. Là một sinh vật - xã hội,

con người cũng chịu sự chi phối của các quá trình đó. Dĩ nhiên, khác với các sinh vật khác, con người không chỉ chịu sự chi phối của các quy luật sinh học, mà còn chịu sự chi phối của các quy luật xã hội. Nói cách khác, ngoài sự trao đổi chất mang tính *sinh vật*, con người còn thực hiện sự trao đổi chất mang tính *xã hội*. Con người là một hệ thống sống vừa hoàn thiện vừa không hoàn thiện. Thế nên, nó tồn tại và phát triển trong trạng thái vừa cân bằng vừa mất cân bằng. Một mặt, nó luôn luôn vươn tới sự cân bằng hoàn thiện ; mặt khác, nó lại luôn luôn rơi vào trạng thái mất cân bằng không hoàn thiện. Trạng thái mâu thuẫn cố hữu này là biện chứng của mọi sự tồn tại và phát triển. Tình hình này khi thì biểu hiện là sự thiếu hụt, khi lại biểu hiện là sự ứ thừa. Đó là mối quan hệ phản ánh những đòi hỏi của con người và hoàn cảnh. Thực chất, đây là những mối quan hệ nhu cầu. Và, quá trình thực hiện những đòi hỏi đó chính là hoạt động thỏa mãn nhu cầu. Như vậy, nhu cầu và thỏa mãn nhu cầu là *yếu cầu trước hết* để duy trì sự tồn tại và phát triển của bản thân con người.

* Cán bộ nghiên cứu Viện triết học thuộc Viện khoa học xã hội Việt nam.

Thực ra, lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của những con người theo đuổi những mục đích nhất định. Mục đích không phải là cái gì khác mà xét đến cùng, chỉ là hình ảnh của đối tượng thỏa mãn nhu cầu của con người mà thôi. Nghĩa là, hoạt động của con người cuối cùng chỉ là nhằm thỏa mãn những nhu cầu của họ. Đó có thể là nhu cầu vật chất, cũng có thể là nhu cầu tinh thần. Đúng như Mác nói, không ai làm cái gì cả nếu như cái đó không gắn liền với nhu cầu của họ. Rõ ràng, nhu cầu là nguồn gốc và động lực thúc đẩy mọi hoạt động của con người (mà con người thì phải được hiểu trong tính tổng thể và tính toàn diện phong phú của các nhu cầu - cả vật chất và tinh thần - của nó).

Quá trình con người tách ra khỏi thế giới động vật là quá trình con người từng bước chuyển từ hành động cướp đoạt giới tự nhiên sang hành động lao động sản xuất, trong đó cơ bản nhất là lao động sản xuất ra những đối tượng thỏa mãn nhu cầu tồn tại. Quá trình này, một mặt, giúp con người thỏa mãn được các nhu cầu của mình, mặt khác, lại làm nảy sinh những nhu cầu mới. Và, cứ thế, thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển. Đó là chuỗi liên tục : nhu cầu - sản xuất - nhu cầu mới... Đây cũng là cách con người sáng tạo ra lịch sử. Hơn nữa, để sản xuất ra những đối tượng thỏa mãn nhu cầu của mình và thực hiện sự sản xuất, con người phải vận dụng mọi sự hiểu biết, mọi phương tiện, kể cả hình thức giải trí tinh thần. Nghĩa là anh ta phải vận dụng trí tuệ của anh ta, kinh nghiệm mà đồng loại anh ta đã tích lũy được trong quá trình lao động. Vì thế, chính trong quá trình lao động sản xuất mà trí tuệ của con người ngày càng phát triển. Điều dễ dàng nhận thấy là trình độ trí tuệ của con người càng cao thì không những sự sản xuất của con người đạt được kết quả càng cao, mà bản thân con người cũng ngày càng được giải phóng khỏi quá trình sản xuất. Nói cách khác, con người ngày càng tự do hơn. Có thể nói, chính trong quá trình con người hoạt động nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình mà khoa học, nghệ thuật và các hình thái ý thức xã hội khác nảy sinh

và phát triển. Nhưng cũng rõ ràng, khoa học, nghệ thuật, hay tri thức nói chung, đều là công cụ, phương tiện của con người trong quá trình hoạt động nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. Con người ngày càng phát triển, nhu cầu của con người ngày càng phong phú và đa dạng, do đó, khoa học và các hình thái ý thức xã hội khác cũng ngày càng phát triển và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người và giúp cho con người ngày càng "người" hơn. Thực tế, như ta thấy, những cuộc cách mạng trong khoa học hiện đại đã là tác nhân làm thay đổi căn bản diện mạo đời sống xã hội. Khoa học - tức là *tri thức* - là một thứ của cải, hơn nữa còn là thứ của cải *đặc biệt* có ý nghĩa góp phần sản sinh ra những của cải khác. Nhưng khoa học không phải là cái trực tiếp thỏa mãn các nhu cầu tồn tại của con người ; nó chỉ là cái góp phần tạo ra những đối tượng để thỏa mãn các nhu cầu đó. Như vậy, các đối tượng thỏa mãn nhu cầu cụ thể của con người trở thành mục đích ; còn khoa học, tri thức, chỉ là công cụ, phương tiện để con người thực hiện các nhu cầu.

Do trình độ sản xuất của con người nói chung còn hạn chế, hơn nữa vẫn còn sở hữu tư nhân, nên của cải mà con người làm ra chưa đủ và chưa thể thỏa mãn cho mọi người. Điều đó khoét sâu thêm mâu thuẫn giữa các tập đoàn, giữa các giai cấp trong xã hội, làm tăng thêm tính gay gắt của cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn, giữa các giai cấp nhằm thỏa mãn hoặc giành lấy những điều kiện để thỏa mãn các nhu cầu của mình. Gắn với hoàn cảnh ấy, xuất hiện *một khâu trung gian* trong hoạt động của mỗi cá nhân hay của một tập đoàn xã hội nhằm thỏa mãn các nhu cầu của mình. Đó là *lợi ích*. Lợi ích, xét cho cùng, chính là phương thức để thực hiện nhu cầu trong hoạt động thực tiễn, nhất là trong đấu tranh xã hội.

Nhu cầu là động lực thôi thúc con người hoạt động, nhưng khi lợi ích xuất hiện, nhu cầu không còn mang ý nghĩa động lực trực tiếp nữa. Lợi ích trước sự thôi thúc của các nhu cầu có nguy cơ không

thể thực hiện được, đã trở thành động lực trực tiếp quyết định hành động của con người. Sức mạnh chi phối của lợi ích đối với chủ thể càng mạnh mẽ khi các chủ thể nhận thức được tính cấp bách, thiết thực của các nhu cầu của mình.

Để nhận thức và đạt được các lợi ích của mình, chủ thể hoạt động phải tìm mọi cách, mọi quan hệ cũng như mọi hiểu biết trong quá trình hoạt động sống. Anh ta phải sử dụng đến trí tuệ của mình. Thế là, khoa học và các hình thái ý thức xã hội khác, trở thành công cụ, phương tiện, rất hữu ích trong hoạt động của con người. Không có lý trí (tức là tri thức) thì không đạt được lợi ích.

Như thế, lợi ích không phải là cái xuất hiện cùng với sự xuất hiện của xã hội loài người. Nó chỉ xuất hiện khi nhu cầu của con người không thể trực tiếp và tự nhiên mà thực hiện được, nhất là khi quan hệ cung - cầu mâu thuẫn nhau gay gắt. Điều đó cũng chứng tỏ sức sản xuất của xã hội còn ở một trình độ thấp, không đáp ứng kịp những đòi hỏi của con người. Từ tình hình này có thể khẳng định : khoa học, nghệ thuật hay trí tuệ của con người nói chung, chưa đạt tới trình độ bảo đảm cho nền sản xuất xã hội có thể thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu của con người. Chỉ đến lúc trí tuệ nhân loại đã phát triển rất cao, lực lượng sản xuất đã xã hội hóa rất cao, thì xã hội loài người mới bước vào thời đại văn minh thực sự : của cải xã hội (cả vật chất và tinh thần) dồi dào đến mức có thể thỏa mãn hầu hết nhu cầu chủ yếu của mọi người, nghĩa là mọi người đều có thể làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu, trong xã hội không còn những tập đoàn chống đối nhau, không còn các giai cấp, và do đó, lợi ích cũng dần dần mất đi.

Xã hội loài người đã trải qua bốn hình thái cơ bản, trong đó hình thái thứ nhất - *cộng sản nguyên thủy* - là hình thái xã hội (cộng đồng) chưa có sự tách rời giữa lao động và sở hữu, chưa có *tư hữu*, do đó, cũng chưa nảy sinh quan hệ lợi ích. Ba hình thái tiếp theo - *nô lệ*, *phong kiến*, *tư bản* - là các hình thái tư hữu nảy sinh và ngày càng phát triển, do đó, quan hệ

lợi ích cũng nảy sinh và ngày càng chi phối hoạt động của các giai cấp trong xã hội. Và chính cuộc đấu tranh của các giai cấp có lợi ích trái ngược nhau, đã thúc đẩy xã hội loài người tiến lên.

*

Cho rằng trong hoạt động của mình, con người thường coi nặng hay nhẹ một mặt nào đó như tri thức, quyền lợi, lòng tin, thì như vậy chỉ là cảm nhận bề ngoài, không thấy đâu là động cơ, mục đích, đâu là phương tiện, công cụ của sự hoạt động, không thấy trong điều kiện nhất định, mục đích có thể trở thành phương tiện và ngược lại, phương tiện có thể là mục đích. Nhưng *xét chung* và *suy cho cùng*, phương tiện không thể thay thế mục đích và ngược lại, mục đích cũng không thể thay thế phương tiện. Có thể nêu chuỗi quyết định chung sự hoạt động của con người như sau : tồn tại - nhu cầu - lợi ích - động cơ - mục đích - hoạt động... Trong đó tri thức, khoa học, *xét đến cùng*, cũng chỉ nhằm thỏa mãn các nhu cầu và lợi ích mà thôi. Nếu con người không còn ham muốn, không còn nhu cầu, thì cũng không còn sản xuất. Không còn sản xuất, thì cũng không còn khoa học.

Có tác giả đồng nhất các khái niệm : duy lợi, quyền lợi, lợi ích, vụ lợi... Thực ra đó là các khái niệm có nội hàm và ngoại diện rất khác nhau. Khi đặt duy lợi bên cạnh, ngang hàng với duy tín và duy lý, thì về mặt cấp độ, khái niệm duy lợi không thể đồng nghĩa với lợi ích được. Vì duy tín và duy lý thuộc hệ khái niệm chung cho toàn bộ sự phát triển của xã hội loài người, còn lợi ích chỉ xuất hiện trong một giai đoạn ngắn ngủi của lịch sử xã hội loài người mà thôi. Do đó, duy lợi trong trường hợp này, chỉ có thể hiểu là một khái niệm *bao trùm*, bao hàm trong đó toàn bộ những gì thuận lợi, có lợi, có ích cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Vì thế, duy lợi ở đây có thể hiểu là những gì đáp ứng đòi hỏi, nhu cầu của con người, tóm lại, có thể tương đương hay đồng nghĩa với nhu cầu. Trong cuộc sống thường nhật, có thể có người về hình thức hay về lời nói, thể hiện mình là người duy tín, duy

lợi hay duy lý. Nhưng đầu thế nào, chắc chắn không có người nào mà hoạt động (kể cả hoạt động nghiên cứu khoa học hay sáng tạo hội họa, sáng tạo thi ca vị nghệ thuật thuần túy trong tháp ngà) lại không, vì một nhu cầu vật chất hoặc tinh thần nào đó. Như vậy, họ đều là duy lợi cả, mặc dù có thể ai đó không nhận thức được chính đó là lợi ích.

Cho rằng những người mang tính giai cấp là những người duy lợi, còn người tự thân không mang tính giai cấp rõ rệt là những người duy tín và duy lý, thì như thế là vừa không hiểu lịch sử, vừa không hiểu con người. Lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo mục đích đặt trước. Đã là con người thì trước hết phải mang tính người, nghĩa là phải duy lợi, hiểu theo nghĩa đúng đắn. Sau đó, tùy theo hoàn cảnh sống cụ thể, mà mang thêm những "tính" khác. Ví như, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, con người mang "thêm" tính công đồng; trong các xã hội nô lệ, phong kiến, tư bản... con người mang "thêm" tính đẳng cấp, giai cấp...

Hướng tới hạnh phúc của con người với sự thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, với sự công bằng xã hội, như vậy phải chăng, xét đến cùng, lý tưởng của nhân loại là duy lợi, hiểu theo nghĩa chung nhất và đúng đắn nhất? Duy lợi như vậy là điều kiện không thể thiếu được để bản thân sinh vật nói chung và con người nói riêng tồn tại và phát triển. Có thể ở một số cá nhân, trong một hoàn cảnh cụ thể nào đó, tính chất duy lợi trở nên cực đoan đến nỗi họ mất cả sự tỉnh táo cần thiết. Nhưng điều đó không có nghĩa chỉ họ mới là người duy lợi. Ngay cả trí thức - mà có tác giả gọi là người

duy lý và đề cao - thì trước hết họ cũng là con người. Mà đã là con người thì trước hết phải ăn, ở, đi lại, sinh con v.v. rồi sau đó mới có thể làm khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và chính trị... Nghĩa là, trước hết phải thỏa mãn các nhu cầu vật chất đã, rồi mới có thể thực hiện các nhu cầu tinh thần. Tóm lại, để tồn tại và phát triển, con người không thể không "duy lợi".

Như vậy, lấy duy tín, duy lý và duy lợi để làm căn cứ phân loại nhân loại là không có cơ sở khoa học và thực tiễn. Lấy đó làm điểm xuất phát để phê phán học thuyết đấu tranh giai cấp của Mác thì làm sao có thể thuyết phục được? Đặc biệt, phê phán chủ nghĩa duy lợi và chủ nghĩa duy tín để đề cao chủ nghĩa duy lý, đề cao khoa học và tri thức, qua đó đề cao vai trò của tri thức, khẳng định chỉ có trí thức mới đủ sức lãnh đạo xã hội, bởi chỉ họ mới là những người duy lý. Khẳng định như vậy, cũng có nghĩa là bác bỏ thẳng thừng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Nhưng như đã phân tích ở trên, không thể có duy lý và duy tín thuần túy tách rời duy lợi; cũng không thể chỉ có duy lợi mà không cần có duy lý. Do đó, lãnh đạo xã hội phải là những con người có đủ những phẩm chất nêu trên: cả duy lý, duy lợi và duy tín; hơn thế, những phẩm chất đó tồn tại một cách thống nhất và hài hòa trong họ. Tóm lại, đó phải là những con người ưu tú nhất của thời đại, những con người tập trung được những tinh hoa của dân tộc, xứng đáng đại diện cho mọi người trong dân tộc, bất luận họ xuất thân từ đâu.

MÔ HÌNH VĂN HÓA GIA ĐÌNH NÔNG THÔN HIỆN NAY

TRƯỜNG XUÂN TRƯỜNG *

1 - Xưa nay, hình dung về gia đình truyền thống ở nông thôn, người ta thường nhắc đến những biểu tượng như "tam (hoặc tứ) đại đồng đường", "đông con nhiều cháu", "nhà cao cửa rộng" v.v.. Tất cả đều phản ánh một hệ thống các chuẩn giá trị cổ truyền. Cùng với những biến thiên của lịch sử, toàn bộ những giá trị ấy cũng dần dần biến đổi.

Điều thường gặp trước tiên trong các công trình nghiên cứu gia đình hiện nay là vấn đề các thể hệ. Trong chế độ gia trưởng truyền thống, vấn đề thể hệ vốn được xem như một chuẩn mực giá trị. Với số mẫu 1 195 hộ ở 3 điểm điều tra tại Hà sơn bình, Quảng nam - Đà nẵng và Tiền giang, ta có tỷ lệ các thể hệ trong gia đình nông thôn hiện nay là : một thể hệ : 3,6% ; hai thể hệ : 72,6% ; ba thể hệ : 23,8%. Điều đó khẳng định gia đình hạt nhân (vợ chồng, và vợ chồng - con cái) đang chiếm ưu thế hiện nay.

Tôi không cho rằng gia đình truyền thống phải là nhiều thể hệ, nhưng nhất trí rằng gia đình truyền thống là đông con. Điều này cũng có chỉ báo từ các cuộc điều tra trên : với câu hỏi về số con đã sinh của cha mẹ các đối tượng được phỏng vấn, thì số cha và mẹ có số con từ 5 đến 9 chiếm tỷ lệ cao nhất.

Cần lưu ý rằng các bậc "cha mẹ" ở đây là những người ở độ tuổi sinh đẻ vào khoảng thời gian từ 1940 đến 1970. Trong khoảng thời gian đó, chiếm ưu thế là loại gia đình có từ 7 nhân khẩu trở lên. Sau đó, trên dưới hai chục năm, loại gia đình trên đã nhường chỗ cho loại gia đình có từ 4 đến 6 nhân khẩu (tức gia đình gồm bố mẹ và 2, 3 hoặc 4 con). Rõ ràng, chuẩn mực "đông con nhiều cháu" truyền thống đến nay đã bị chiết giảm và đang được thay

thế. Có thể nói, quá trình hạt nhân hóa về quy mô gia đình, hiện nay không gặp một lực cản nào. Do tác động của đời sống kinh tế - chính trị, do sức ép của đất đai, dân số, mà quá trình đó đã được điều chỉnh phù hợp với tiến hóa xã hội.

2 - Trong xã hội truyền thống, nếu làng là một đơn vị kinh tế - chính trị - xã hội khép kín, thì gia đình là một đơn vị sinh thái hoàn chỉnh và tuần thủ theo cơ chế đóng. Mỗi con người từ lúc sinh ra đến khi nằm xuống, từ mỗi thành đạt hay thất bại, từ chuyện nhỏ đến việc to, đều bắt đầu và hầu như được quyết định từ gia đình. Là một đơn vị sinh thái hoàn chỉnh, gia đình được biểu hiện như một mô hình văn hóa bền vững, được phản ánh trong cấu trúc thổ cư, trang trí nội thất và chế độ sinh hoạt. Về hình dáng và chất liệu ngôi nhà, về trang trí nội thất có sự khác nhau giữa các vùng của đất nước, nhưng nhìn chung mọi gia đình của nông thôn Việt nam đều phải hoàn chỉnh hệ thống các bộ phận sau trên đất thổ cư : nhà ở - nhà bếp - chuồng gia súc - nhà vệ sinh - giếng nước - vườn - sân phơi. Tất cả nhằm đáp ứng các nhu cầu từ tối thiểu đến tối thượng trong hoạt động sống của gia đình. Đó là nơi sinh hoạt ăn, ở, là nơi sản xuất và tái sản xuất một phần của cải vật chất và chính con người, là nơi giao tiếp, tuần hành lễ tết, giỗ chạp, cưới xin, ma chay.

"Nhà cao cửa rộng", "vườn cây ao cá" - từ xa xưa đã được xem là một giá trị thành đạt, có tính chất văn hóa trong đời sống gia đình của cư dân nông thôn Việt nam. Hiện nay, qua các nghiên cứu cho

* Cán bộ nghiên cứu, Viện xã hội học (Viện KHXH Việt nam)

thấy, các giá trị đó vẫn được bảo lưu. Trong tâm lý người Việt, các biểu tượng trên ngoài ý nghĩa kinh tế, tiện nghi sinh hoạt, còn có ý nghĩa hơn thế. Người ta không thể hình dung gia đình được tiếng là nền nếp, phong lưu, lại không gắn với lối sinh hoạt có quy củ, với hình ảnh nhà cửa khang trang, có vườn cây ao cá.

Tuy nhiên, không thể xem các yếu tố văn hóa vật chất ấy vẫn được bảo lưu trọn vẹn. Những biến động thăng trầm của lịch sử đã trộn lẫn, đã loại trừ và bổ sung nhiều yếu tố. Số liệu khảo sát cho thấy, hiện nay chỉ có 41,3% số gia đình nông thôn có vườn. Điều này chỉ có thể lý giải từ phía sức ép của đất đai, của dân số. Hình ảnh các ngôi nhà chen chúc nhau trên các mảnh đất thổ cư vốn đã chật là điều dễ thấy hiện nay, nhất là ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc bộ. Về tình trạng nhà ở nông thôn, số liệu điều tra cho biết : nhà bê tông : 4,3% ; nhà gạch mái ngói : 38,5% ; nhà gạch mái tôn : 5,8% ; nhà gỗ mái tôn : 21,5% ; nhà gỗ mái lá : 5,4% ; nhà tranh mái lá : 16,0% ; chưa có nhà ở : 1,2%. Với các tỷ lệ chung là 38,5% nhà gạch mái ngói và 21,5% nhà gỗ mái tôn cùng với các loại tiện nghi sinh hoạt khác, đã có thể thấy đời sống vật chất của người dân nông thôn Việt nam hiện nay đã vượt xa quá khứ.

Rõ ràng là sau 16 năm đất nước thống nhất, sau 4 năm thực hiện công cuộc đổi mới, nông thôn Việt nam đã có bước chuyển mới. Điều đó được phản ánh vào từng tế bào của xã hội, đó là gia đình.

3 - Đứa con luôn là một ước vọng, một đảm bảo của hạnh phúc gia đình. Trong tâm lý người Việt nam truyền thống, con cái cũng là một chuẩn giá trị khi kỳ vọng có "con đàn cháu đống". Là điều hạnh diện ở thôn quê nếu gia đình nào có lắm con nhiều cháu, mỗi kỳ hội lễ, giỗ chạp tấp nập kéo về nhà trưởng. Trong kỳ vọng về con cái, người ta đặc biệt khát vọng có nhiều con trai. "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", "nữ nhân ngoại tộc, bất nhập từ đường" là phản ánh một nhận thức văn hóa

được hình thành từ những căn nguyên lịch sử và tôn giáo xa xưa.

Ngày nay, tri thức và nhận thức văn hóa của người dân được nâng cao, mức sống và chất lượng sống được biến đổi, vì thế thực trạng về con cái cũng đã khác trước. Điều này có thể thấy rõ trong sự so sánh giữa hai thế hệ liên tục : cha mẹ những người được phỏng vấn và những người được phỏng vấn trong độ tuổi. Trong 820 phụ nữ được phỏng vấn ở cả ba miền cho thấy : số con trung bình đã sinh của cha mẹ đối tượng :

- 1 - Hà sơn bình : 6,0811
- 2 - Quảng nam - Đà nẵng 6,600
- 3 - Tiền giang : 6,6329
- Số con trung bình của đối tượng :
- 1 - Hà sơn bình : 2,5367
- 2 - Quảng nam - Đà nẵng : 2,3577
- 3 - Tiền giang : 3,0280.

Một chỉ báo khác từ kết quả khảo sát là có tới 91,6% đối tượng trả lời tán thành có ít con. Những thực tế trên phản ánh sự thay đổi quan trọng về quan niệm. Việc xóa bỏ một tập tục, một lễ thói chỉ có thể thực hiện khi toàn bộ điều kiện tồn tại của nó bị mất đi. Rõ ràng, vị trí của người con về mặt số lượng đã thay đổi.

Về mặt giới tính, với các đối tượng phỏng vấn thì tỷ lệ mong muốn có con trai là 51,8%, con gái : 28,6%, cả trai và gái : 19,6%. Chỉ số trội hơn của kỳ vọng con trai chứng tỏ : trong tâm lý và ý thức của người nông dân hiện nay, vấn đề người nối dõi tông đường, thờ phụng tổ tiên vẫn không thể xem nhẹ. Tuy nhiên, chỉ số 51,8% chưa phải là hoàn toàn chiếm ưu thế ; điều đó cũng phản ánh trong thực tế : vai trò và vấn đề giới tính người con ít nhiều đã thay đổi.

Ngày nay, chức năng xã hội hóa con người không còn là độc quyền của gia đình. Nhiều thiết chế xã hội đã tham gia vào chức năng này, trong đó nổi bật nhất là trường học. Tim hiểu về mong muốn của các bậc cha mẹ cho con cái được học tập ở các cấp

học, chúng tôi có số liệu sau : ở bậc *phổ thông cơ sở* tỷ lệ nữ cao hơn nam (nam 21,5%, nữ : 25,7% nhưng ở bậc *phổ thông trung học* và *cao đẳng* trở lên tỷ lệ nam lại cao hơn nữ (nam : 70,2%, nữ : 66,6% ; và nam : 8,3%, nữ : 7,7%). Như vậy phải chăng giữa gái và trai, người nông dân vẫn xem sự thăng tiến của người con trai là quan trọng hơn ? Và hình như họ quan niệm rằng, với người con gái, vấn đề học vấn cao không phải là tiên quyết.

Mặt khác, kết quả thăm dò cũng cho thấy : chiếm ưu thế là kỳ vọng của các bậc cha mẹ muốn con cái được học ở hai bậc *phổ thông cơ sở* và *phổ thông trung học* (trai : 91,7%, và nữ : 92,3%). Đây là thước đo tâm nhận thức, chịu ảnh hưởng và sự chi phối của các điều kiện kinh tế - xã hội. Trước hết, khả năng ở người nông dân cho con học lên là rất hạn chế. Đó là trở ngại thứ nhất. Trở ngại thứ hai là vấn đề việc làm, một vấn đề nóng bỏng hiện nay trong xã hội, nhất là trong khu vực quốc doanh. Và cuối cùng, trong tầm nhìn của người nông dân, đầu tư nhân lực vào ruộng khoán, vào sản xuất nghề phụ gia đình hiện nay, là thực tế và có hiệu quả cụ thể nhất.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, thâm tâm người nông dân bao giờ cũng muốn con cái mở mày mở mặt hơn mình. Họ xem việc có con cái thoát ly, ra thành phố, như một sự thành đạt so với làng xóm. Qua khảo sát, có tới 70,2% ý kiến trả lời muốn có con trai ra thành phố, 68,0% ý kiến muốn con gái sống ở đô thị. Như vậy, có mâu thuẫn giữa mong muốn của người nông dân và khả năng cho con cái học lên. Tuy nhiên, xu thế đô thị hóa đang là một quá trình "văn hóa hóa" cư dân nông thôn.

4 - So với các thế hệ trước, *người phụ nữ* trong gia đình hiện nay đã có vị trí khác hẳn. Tuổi kết hôn cao hơn, trình độ học vấn cao hơn, số con đẻ ít hơn. Đó là những thay đổi căn bản, quyết định sự giải phóng và nâng cao địa vị của người phụ nữ từ phía gia đình và xã hội. Số liệu khảo sát cho biết : về *độ tuổi kết hôn lần đầu*, ở đối tượng phỏng vấn chỉ

số cao nhất là ở độ tuổi 20 - 24 (46,5%), trong khi đó ở người mẹ của đối tượng phỏng vấn - là ở độ tuổi 15 - 19 (52,4%). Về *trình độ học vấn*, ở đối tượng phỏng vấn chỉ có 0,1% mù chữ (có tới 62,0% đã tốt nghiệp phổ thông cơ sở và 29,9% đã tốt nghiệp phổ thông trung học), còn ở cha mẹ của đối tượng phỏng vấn, tỷ lệ mù chữ cao hơn nhiều (cha : 17,3% ; mẹ : 33,0%). Đây là những chỉ báo rất quan trọng, phản ánh sự thay đổi vị trí của người phụ nữ trong gia đình nông thôn. Điều đó còn phản ánh sự thay đổi về nhận thức và hệ thống quan niệm xưa cũ.

Trong thực tế nông thôn hiện nay, có thể nói, người phụ nữ đã thực sự là một người chủ gia đình. Sự thành đạt, vị trí của gia đình trong họ tộc, trong làng xóm, không còn do nam giới độc quyền quyết định nữa. Tuy nhiên, nếu nói rằng người phụ nữ đã hoàn toàn được giải phóng từ phía gia đình thì cũng chưa có căn cứ. Những tâm lý và thói quen cũ đây đó vẫn còn ; người phụ nữ vẫn chưa thực sự thoát khỏi gánh nặng công việc gia đình. Nếu chỉ căn cứ vào một số tư liệu cho thấy người phụ nữ hiện nay đã tham gia có ý nghĩa quyết định trong công việc đồng áng, chi tiêu hoặc giải quyết những vấn đề lớn khác trong gia đình mà kết luận rằng họ đã hoàn toàn được bình đẳng và giải phóng, thì không có sức thuyết phục. Cần thấy người phụ nữ nông thôn hiện nay phải lao động với cường độ rất cao. Từ việc đồng áng đến công việc nội trợ, chăm sóc con cái..., tất cả đều níu kéo họ, chiếm hầu hết quỹ thời gian của họ. Sự trợ giúp của các thành viên khác trong gia đình (chồng hoặc con) thường không đáng kể. Ở gia đình nông thôn hiện nay vẫn còn không ít công việc bị xem là "của đàn bà", bị xem là điều tầm thường khi người đàn ông mớ tay vào (dù họ thừa điều kiện và khả năng để thực hiện).

Về vấn đề tiêu dùng văn hóa của người phụ nữ trong gia đình nông thôn, kết quả điều tra cho biết : trong các phương tiện đáp ứng nhu cầu văn hóa tình

thần ở nhà, những phương tiện được sử dụng nhiều nhất (có xem và có nghe) là : ra đi ô : 75,6% ; ti vi : 77,8% (tỉ lệ cao nhất là ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ, nghe ra đi ô : 95,4% và xem ti vi : 97,7%). Việc phổ cập các phương tiện thông tin đại chúng xuống nông thôn có tác dụng lớn trong việc thay đổi các chuẩn mực giá trị truyền thống, mở rộng tầm hiểu biết và nâng cao nhận thức của người phụ nữ nói riêng và của người nông dân nói chung. Các điều tra về khả năng và mức độ của người phụ nữ trong tiêu dùng văn hóa ngoài phạm vi gia đình (như : xem phim, xem biểu diễn văn nghệ...) cũng như trong giao tiếp, giao lưu, mở rộng tầm hiểu biết ngoài phạm vi làng xã, cũng cho thấy những chỉ báo tương tự. Rõ ràng, cùng với tiến trình lịch sử, người nông dân mà đặc biệt là người phụ nữ, từ mù chữ đến đọc thông viết thạo, đến phổ cập phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, chủ động trong hoạt động tiêu dùng và giao lưu văn hóa, là một bước chuyển đổi lớn. Nó phản ánh sự biến đổi về chất của mô hình văn hóa gia đình Việt nam so với truyền thống, và là một bước tiến lớn trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Như vậy, ở Việt nam, quá trình chuyển đổi mô hình văn hóa gia đình truyền thống đã và đang diễn ra, *một mô hình mới đã xuất hiện*. Từ một cơ cấu đóng chuyển sang một cơ cấu mở. Từ những quan hệ theo chiều dọc đến những quan hệ đa chiều. Từ một hệ thống ứng xử được khuôn mẫu hóa đến một hệ thống hành vi đa dạng và hợp lý hơn. Tất cả những chuyển đổi đó được diễn ra đồng hành với quá trình nâng cao đời sống vật chất và đời sống văn hóa tinh thần.

Tuy nhiên, đây là một quá trình chuyển đổi phức tạp. Sự tác động và chi phối của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội diễn ra trong một chặng đường lịch sử hàng chục năm, là theo những chiều hướng khác nhau. Theo xu thế tích cực chính là ảnh hưởng của sự đổi mới cơ chế quản lý, áp dụng cơ chế thị trường trong sản xuất kinh doanh ; là sự nâng cao

đời sống vật chất và văn hóa ; là việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào mọi lĩnh vực đời sống nông thôn, đã xóa bỏ dần các hệ giá trị truyền thống đã lỗi thời, phản tiến hóa.

Mặt khác, những biến động của lịch sử như chiến tranh, như các vấn đề về môi trường, đất đai, dân số, v.v. lại ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình chuyển hóa đó. Trong gia đình Việt nam đã xuất hiện vấn đề quan hệ giữa các thế hệ, vấn đề đạo đức của thanh thiếu niên, tác hại không ít đến các quan hệ con người, đến tính nhân ái. Đây là một khía cạnh không thể không lưu ý khi xem xét vấn đề này.

Mô hình văn hóa mới đã xuất hiện trong gia đình nông thôn Việt nam, điều này cần được nhìn nhận như cơ sở đầu tiên của sự nghiệp phát triển nông thôn. Rõ ràng, muốn thay đổi bộ mặt nông thôn, đầu tiên phải chú ý đến nhân tố con người. Trong hoạt động sống của mọi thành viên xã hội với tư cách là con người, thì mọi hành vi đều gắn với văn hóa. Trên cơ sở đó, tôi cho rằng giải quyết vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình phải là bước đi đầu tiên để thực thi chiến lược con người trong sự nghiệp phát triển nông thôn. Đây là một công việc khó khăn, nhưng khả năng thành công là chắc chắn.

Từ cách nhìn nhận như trên, tôi có một số kiến nghị :

1 - Tiếp tục nâng cao vị trí người phụ nữ trong xã hội nông thôn ở các khía cạnh : học vấn, hưởng thụ văn hóa. Cần có chế độ ưu đãi đối với phụ nữ nông thôn trong hoạt động kế hoạch hóa gia đình.

2 - Nhà nước cần đầu tư hơn nữa về phát triển nông nghiệp và ngành nghề ở nông thôn. Đó là một quá trình đầu tư đồng bộ về vốn và chất xám. Tăng cường sự nghiệp giáo dục ở nông thôn, xem xét và điều chỉnh các chế độ học phí và viện phí ở địa bàn này.

3 - Đầu tư và nâng cao vai trò tác thiết chế văn hóa ở nông thôn, như trạm y tế, hệ thống thông tin đại chúng, nhà văn hóa và các dịch vụ văn hóa văn nghệ khác.

LÀM TỐT CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

BÌNH MINH

CỘNG đồng người Việt nam ở nước ngoài hình thành từ hơn một thế kỷ nay. Từ tháng 5-1975, do tác động của những yếu tố khách quan và chủ quan, cộng đồng này đã phát triển nhanh chóng và biến đổi sâu sắc về số lượng và tính chất.

Hiện nay có gần 2 triệu người Việt nam sinh sống ở hơn 70 nước trên thế giới ; con số này có thể lên đến 2,5 triệu vào năm 2000. Đến cuối năm 1990, có khoảng 720 000 người ở Mỹ, 200 000 người ở Pháp, 130 000 người ở Úc, 120 000 người ở Ca-na-đa, 45 000 người ở Cộng hòa liên bang Đức. Tại các nước Đông Âu, có gần 30 000 người ở lại lâu dài. Ở Liên xô (trước đây), tuy mới phát triển cũng có 3 500 người đăng ký chính thức là Việt kiều. Trên 95% người Việt nam ở ngoài nước có quốc tịch nước ngoài. Số còn quốc tịch Việt nam cũng đã và sẽ ổn định cuộc sống lâu dài tại nước họ cư trú. Đa số cộng đồng người Việt vẫn tham gia các hình thức sinh hoạt truyền thống dân tộc, mong muốn đất nước ổn định, tìm mọi cách có quan hệ bình thường với quê hương và gia đình.

Trên 50% số người di tản sau năm 1975 còn sống nhờ trợ cấp xã hội, sống dưới mức nghèo khổ của xã hội Âu Mỹ, 40% có việc làm tương đối ổn định, 10% có cuộc sống sung túc (gồm một số nhà tư bản và tướng tá nguy cơ vốn liếng mang theo lúc di tản). Rất ít nhà tư bản công nghiệp, tài chính. Có 100 công ty Việt kiều ở nước ngoài, vốn không lớn.

Có 24 dự án đầu tư của các công ty Việt kiều hoạt động ở trong nước được cấp giấy phép với số vốn trên 20 triệu USD. Lượng kiều hối của kiều bào gửi về cho thân nhân ước tính khoảng 500 triệu USD/năm. Có khoảng 400 000 trí thức, công nhân kỹ thuật lành nghề ở nước ngoài, trong đó có một số

chuyên gia nổi tiếng trên lĩnh vực tin học, y tế, toán học. Học sinh Việt nam chiếm tỷ lệ cao về học giỏi ở các trường trung học.

Có gần 100 tổ chức của kiều bào đã được thành lập với mục đích làm ăn sinh sống, tương thân tương ái đùm bọc lẫn nhau. Có gần 600 tờ báo của Việt kiều, trong đó nhiều tờ làm nhiệm vụ thông tin kinh tế, quảng cáo là chủ yếu. Có trên 10 chương trình phát thanh bằng tiếng Việt, trên 20 nhà xuất bản, nhiều cơ sở sản xuất băng nhạc.

Cũng cần nói thêm rằng, trong số người Việt nam định cư ở nước ngoài có 300 000 người thuộc bộ máy chế độ Sài gòn cũ (116 tướng, 7000 sĩ quan), trong đó một số đã lập các tổ chức phản động chống đối đất nước.

Lịch sử phong trào Việt kiều yêu nước gắn liền với lịch sử dân tộc từ gần một thế kỷ nay. Đầu thế kỷ 20 đã xuất hiện phong trào Đông du của Phan Bội Châu. Năm 1918, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lần đầu tiên lập ra "Hội người Việt nam tại Pháp". Chính đồng chí Hồ Chí Minh đã xây dựng các tổ chức cách mạng của Việt kiều ở Thái lan, ở Trung quốc. Tiếp nối nhau, các phong trào người Việt yêu nước ở Lào, Cam-pu-chia, Thái lan đã góp phần đấu tranh để giải phóng dân tộc. Sau năm 1945, một số trí thức ở Pháp đã về nước phục vụ kháng chiến cứu nước, có người đã trở thành anh hùng và cán bộ cấp cao. Trong kháng chiến chống Mỹ, nhiều tập thể Việt kiều và sinh viên ở nhiều nước tư bản đã tham gia đấu tranh chống Mỹ, vận động nhân dân các nước sở tại ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của ta. Sau năm 1975, đặc biệt sau Đại hội VI của Đảng cộng sản Việt nam, 18 tổ chức tiêu biểu cho phong trào Việt kiều yêu nước ở 18 địa bàn đã mở rộng mặt trận đoàn kết góp phần xây dựng quê

hương. Gần đây, do tác động của tình hình quốc tế, phong trào Việt kiều yêu nước ở một số khu vực gặp khó khăn, có nơi có bộ phận dao động, khủng hoảng. Nhưng nhiều nơi phong trào vẫn phát triển tốt. Đại hội VI của Hội người Việt nam tại Pháp (11-9-1991) vẫn khẳng định tiếp tục giữ vững truyền thống yêu nước, phát triển quan hệ tốt đẹp với Nhà nước ta.

Nhà nước ta đã đưa vấn đề bảo hộ quyền lợi chính đáng của Việt kiều vào Hiến pháp ban hành ngày 18-12-1980 (điều 75) và Luật quốc tịch, Luật đầu tư năm 1982, đã có văn bản chỉ đạo công tác vận động người Việt nam ở nước ngoài. Ban bí thư Trung ương Đảng cũng đã có Chỉ thị 67-CT/TW (12-1990) về công tác này.

Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời có chính sách để Việt kiều có thể về thăm quê hương, đầu tư vào công cuộc kiến thiết đất nước, giúp đỡ thân nhân; kịp thời cải tiến các thủ tục xuất nhập cảnh để kiều bào dễ dàng về thăm gia đình, du lịch, du học, tạo mối quan hệ giao lưu giữa trong và ngoài nước.

Những chính sách mới của Đảng và Nhà nước đã đáp ứng một phần lợi ích và nguyện vọng chính đáng của kiều bào, nên đã tạo ra động lực mới thúc đẩy kiều bào hướng về Tổ quốc, phân hóa hàng ngũ bọn phản động người Việt lưu vong, mở ra những triển vọng tốt đẹp cho việc phát huy sức mạnh của cộng đồng người Việt nam ở ngoài nước, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

Tuy vậy, công tác vận động người Việt nam định cư ở ngoài nước còn nhiều hạn chế, chưa đổi mới một cách căn bản theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đất nước, và chưa theo kịp những biến động của tình hình thế giới và của cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài. Nhận thức và đánh giá về người Việt nam định cư ở ngoài nước còn có chỗ khác nhau giữa các ngành, các cấp, dẫn đến việc vận dụng thực hiện các chính sách không thống nhất; có nơi quá khắt khe, có nơi lại giản đơn, buông lỏng chỉ đạo, quản lý. Việc nghiên cứu, ban hành các chính sách mới không kịp thời và đồng bộ. Hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa

phương và ở ngoài nước chăm lo công tác vận động kiều bào, chưa được kiện toàn. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp, có lúc chưa chặt chẽ. Công tác thông tin, văn hóa đối với kiều bào chưa được coi trọng, cho nên nhiều người chưa hiểu được thực tế đất nước và đường lối của Nhà nước ta.

*

Để đổi mới công tác vận động người Việt nam ở ngoài nước, cần thống nhất một số quan điểm cơ bản:

- Hơn hai triệu người Việt nam định cư ở ngoài nước có mối quan hệ gắn bó với hàng triệu thân nhân ở trong nước, là một lực lượng đông đảo có ảnh hưởng và tác động nhiều mặt đến tình hình đất nước; là một bộ phận của đồng bào Việt nam, của dân tộc Việt nam. Không nên chỉ vì có quốc tịch khác mà xóa đi tất cả những đặc thù dân tộc trong con người họ, đặc biệt khi Nhà nước ta khuyến khích họ nhập quốc tịch nước ngoài để dễ dàng sinh sống.

- Công tác vận động người Việt nam định cư ở ngoài nước là một bộ phận trong công tác vận động quần chúng của Đảng. Nó góp phần tập hợp các lực lượng yêu nước, tiến bộ, tự giác ủng hộ con đường mà dân tộc ta đã lựa chọn, góp phần làm thất bại mọi thủ đoạn lôi kéo cộng đồng người Việt nam ở ngoài nước chống lại Tổ quốc. Trong cộng đồng người Việt nam có nhiều xu hướng chính trị khác nhau, song số đông có tình thần yêu nước, có lòng tự hào chính đáng là con của một dân tộc anh hùng, ước mong được thấy một nước Việt nam giàu mạnh, phồn vinh. Vì vậy, phải hỗ trợ kiều bào giữ gìn bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc, phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, ổn định cuộc sống, củng cố và nâng cao vị trí của cộng đồng người Việt nam trong xã hội sở tại. Vận động kiều bào tự nguyện đóng góp ngày càng có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Kiên trì thuyết phục, cảm hóa, làm cho kiều bào hiểu rõ và ủng hộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ với mọi tổ chức và cá nhân người Việt nam ở ngoài nước, không phân biệt xu hướng chính trị, thành phần xã

hội, tôn giáo, dân tộc, miễn là họ không chống lại sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Chúng ta không thành kiến, hẹp hòi với những người có lỗi lầm trong quá khứ, nếu hiện tại họ không có thái độ, hành vi chống phá cách mạng. Coi trọng công tác vận động cá biệt đối với những người có vị thế xã hội cao ở các nước cư trú, có uy tín trong quần chúng, trong các tôn giáo, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh lớn, trên cơ sở thu hút được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng kiều bào. Tạo điều kiện tốt để giữ vững quan hệ tình cảm giữa kiều bào và thân nhân trong nước. Khuyến khích và bảo vệ lợi ích của những kiều bào đầu tư, liên kết, liên doanh, hợp tác với trong nước về kinh tế, khoa học kỹ thuật trên nguyên tắc cùng có lợi và theo đúng pháp luật của Nhà nước ta. Đảng và Nhà nước ta phản đối mọi hành động của nước ngoài áp bức, khủng bố, chia rẽ, phá hoại tài sản của Việt kiều và hết sức bảo hộ quyền lợi chính đáng và tính mạng của người Việt nam ở nước ngoài.

- Đi đôi với việc củng cố các phong trào Việt kiều yêu nước đã có, cần có các hình thức tổ chức đa dạng theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, nhằm tập hợp, thu hút được đông đảo hơn nữa người Việt nam ở ngoài nước, chú trọng những người lao động chân tay và trí óc, những người có thiện chí với đất nước.

Trước mắt, để công tác này có hiệu quả cao, cần giải quyết tốt một số công việc sau đây :

Khẩn trương nghiên cứu xây dựng một hệ thống các chính sách, luật lệ và thực hiện nghiêm túc các chính sách đã ban hành. Cải tiến các thủ tục xuất nhập cảnh để tạo điều kiện thuận tiện cho trí thức về làm việc, kiều bào về thăm thân nhân. Cần cụ thể hóa các điều trong Luật đầu tư của Việt nam liên quan đến Việt kiều.

Cần xuất phát từ đặc điểm từng địa bàn để có chính sách thích hợp. Các vấn đề liên quan đến Việt kiều ở Đông Âu, Liên xô (trước đây), đến người Việt ở Trung quốc, Thái lan, Cam-pu-chia, Lào cần được đặt ra để nghiên cứu, thảo luận và có cách tổ chức cụ thể. Tùy theo quan hệ chính trị, phong tục tập quán và hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng

kiều bào mà có những khẩu hiệu, phương thức vận động và tổ chức thích hợp.

Ban Việt kiều trung ương cần được kiện toàn để giúp Hội đồng bộ trưởng tổ chức sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong nước và các cơ quan đại diện ở nước ngoài, để đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất kịp thời các mặt công tác đối với người Việt nam ở ngoài nước. Các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài, có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác vận động kiều bào ở địa bàn theo đúng chủ trương của Nhà nước.

Vận động người Việt nam ở nước ngoài và thân nhân của họ ở trong nước, là trách nhiệm chung của các ngành, các cấp chính quyền, các đoàn thể và các tổ chức xã hội khác. Vì vậy cần có sự phối hợp công tác giữa các ngành, các cấp, đặc biệt là giữa các ngành kinh tế, khoa học kỹ thuật, các tổ chức du lịch, các ngành văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể quần chúng.

Xây dựng mối quan hệ giữa trung ương và địa phương theo nguyên tắc bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương đối với công tác này. Cần làm tốt công việc giải thích, tuyên truyền các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta với Việt kiều để tránh các quan điểm khắt khe, buông lỏng hay giản đơn.

Tăng cường thông tin giữa trong và ngoài nước, mở rộng giao lưu trao đổi văn hóa phẩm, xuất bản phẩm, nâng cao công suất các phương tiện thông tin đại chúng đến tận từng vùng xa trên thế giới. Tạo điều kiện cho nhiều đoàn nghệ thuật, các tổ chức triển lãm văn hóa Việt nam, các nhà khoa học trong và ngoài nước gặp gỡ, đối thoại để góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh.

Bên cạnh việc biểu dương các hoạt động yêu nước tích cực của Việt kiều, cần phê phán kịp thời các nhận thức mơ hồ, các quan điểm lệch lạc ; đấu tranh chống các hoạt động thù địch, các âm mưu chống phá đất nước của bọn phản động lưu vong ở nước ngoài.

Suy nghĩ từ mô hình tổ chức bộ đội kinh tế - quốc phòng của một số địa phương

PHAN THU *

THAM gia xây dựng kinh tế không phải do ý muốn chủ quan mà có tính quy luật. Nó đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của quân đội nhân dân Việt nam. Gần đây, Đảng và Nhà nước ta có những chủ trương đúng đắn, định hướng cho quân đội tham gia xây dựng kinh tế.

Quân đội tham gia xây dựng kinh tế đã đạt được một số thành tựu đáng kể và cho ta những bài học thực tiễn bổ ích. Nơi đáng quan tâm hiện nay, là Long an, Tiền giang, Kiên giang... thuộc quân khu 7 và quân khu 9. Ở các địa phương này, ngay từ năm 1981, 1982 đã có sáng kiến tổ chức đơn vị bộ đội kinh tế - quốc phòng.

Đến nay, qua thời gian dài thử nghiệm, chúng ta có dịp nhìn lại, sơ kết, tổng kết, và hình thành suy nghĩ mới về mô hình tổ chức lực lượng bộ đội kinh tế - quốc phòng ở địa phương như thế nào.

Vấn đề bức xúc đặt ra hiện nay là làm sao thực hiện nghiêm túc chủ trương giảm số quân thường trực, giảm chi phí quân sự, mà vẫn củng cố và xây dựng tốt nền quốc phòng toàn dân, tạo lập các khu vực phòng thủ vững chắc, có lực lượng dự bị hùng hậu, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra, kể cả một cuộc chiến tranh xâm lược.

Thực tiễn, phương án xây dựng bộ đội kinh tế - quốc phòng tỏ ra có nhiều triển vọng.

1- Vừa giải quyết tốt nhiệm vụ kinh tế vừa thực hiện đúng nhiệm vụ quốc phòng.

Đất đai, lao động, ngành nghề là vốn quý của nền kinh tế. Song lâu nay, ở nhiều địa phương đất đai còn để hoang hóa, nhiều ngành nghề chưa được khai thác; lao động (đặc biệt lao động trẻ, khỏe) còn để dôi thừa; đội quân không có việc làm trong quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế đang có chiều hướng tăng lên; phân bố lao động trên các địa bàn chưa hợp lý... Cần có một lực lượng lao động tập trung, có tổ chức, có kỷ luật, được chỉ huy, chỉ đạo chặt chẽ làm đội quân xung kích trong phát triển kinh tế, nhất là ở những nơi xa xôi, điều kiện phức tạp. Bên cạnh đó, nhiệm vụ quốc phòng lại đòi hỏi phải chuẩn bị một lực lượng tại chỗ mạnh, có chất lượng gần ngang với quân thường trực để sẵn sàng ứng phó, kết hợp với quân thường trực, giải quyết những tình huống xảy ra. Từ trong thực tiễn của địa phương, các tỉnh Long an, Tiền giang đã lựa chọn hình thức đơn vị kinh tế - quốc phòng.

Bộ đội kinh tế - quốc phòng được tuyển chọn

* Trung tướng, giáo sư

theo đúng tiêu chuẩn, tổ chức biên chế, huấn luyện giống như quân thường trực. Điều khác cơ bản ở đây là chỉ sử dụng ngân sách quốc phòng với mức thấp nhất (dù dùng cho vũ khí và trang bị), còn các chi phí ăn, mặc, thuốc chữa bệnh, văn hóa phẩm, tiêu chuẩn chính sách xuất ngũ đều do đơn vị tự lo. Thời gian đầu, địa phương đã hỗ trợ một phần kinh phí.

Hiện nay, theo phương thức trên, Long an đã tổ chức được 5 trung đoàn bộ đội kinh tế - quốc phòng với hơn 10 000 quân; Tiền giang thành lập được 4 tiểu đoàn (trực thuộc tỉnh), khoảng 1500 người, và ở mỗi huyện, thị xã có một đại đội. Qua mấy năm hoạt động, các đơn vị này đạt được kết quả khá quan. Những "đoàn Đồng Tháp" (tên gọi thân mật bộ đội kinh tế - quốc phòng của Long an) đã góp công sức với lính nhà, từ năm 1982 đến năm 1990 đã khai hoang, đưa 52 900 ha đất vào sản xuất nông nghiệp (trong đó 47 900 ha sản xuất hai vụ), trồng mới 45 000 ha rừng tràm; tạo lập nên một huyện mới (Thạch hóa) với 16 xã cư dân ổn định. Bộ đội đã cùng với nhân dân đắp hàng vạn m³ đất thủy lợi, làm đường giao thông, xây dựng nhiều khu kinh tế trên địa bàn quan trọng.

Đợt chống lũ lụt năm 1991, tỉnh Tiền giang đã huy động trên 1000 chiến sĩ bộ đội kinh tế - quốc phòng xuống các huyện phía tây, nhanh chóng hỗ trợ địa phương chống lũ lụt thắng lợi.

Thực tế ở các địa phương trên đã chứng minh: bộ đội kinh tế - quốc phòng đi đến đâu sản xuất mở mang đến đó, và nhân dân cũng từng bước bám trụ, xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng tốt quốc phòng, an ninh khu vực.

Như vậy, bộ đội kinh tế - quốc phòng vừa là nguồn lực quan trọng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, vừa là đội quân tiên phong có tác dụng lôi kéo quần chúng nhân dân vượt qua khó khăn trong bước đi ban đầu, chiếm lĩnh các vùng đang tiềm

ẩn nhiều khả năng sản xuất.

Có thể nói, mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng là hình thức phát triển mới của quốc sách "ngụ binh ư nông" của ông cha ta trong điều kiện hiện nay. Đây cũng là sự kế thừa, tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước ta những năm trước đây, chuyển một lực lượng quân thường trực ra làm kinh tế, khai phá đất hoang, xây dựng nông trường quốc doanh ở vùng trung du và miền núi phía bắc (thời kỳ sau 1954), và xây dựng khu vực trồng lúa, cao su ở Tây nguyên (thời kỳ sau 1975). Hơn nữa, bộ đội kinh tế - quốc phòng do được huấn luyện kỹ về quân sự, kỷ luật quân đội, nên qua các đợt diễn tập phòng thủ khu vực, hội thao... nhiều đơn vị đã được quân khu, bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao. Trong những năm phục vụ chiến tranh biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế, khi có yêu cầu huy động chiến đấu lên phía trước, bộ đội kinh tế - quốc phòng đã nhanh chóng, kịp thời thực hiện mệnh lệnh cả về quân số, thời gian, tư thế sẵn sàng chiến đấu gần như quân thường trực. Trong khi đó, việc điều động quân dự bị động viên gặp không ít khó khăn và đạt hiệu quả thấp.

2 - Bước đầu bảo đảm công bằng xã hội trong thực hiện luật nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

Hàng năm, chỉ có số ít thanh niên các địa phương được tuyển vào phục vụ trong quân đội thường trực. Còn số đông thanh niên khác sống ở các nơi, đến tuổi lao động không có việc làm, vẫn được khám tuyển vào làm nhiệm vụ trong các đơn vị kinh tế - quốc phòng, ở đây họ được rèn luyện để trở thành người lao động giỏi có ích cho xã hội, người chiến sĩ tốt sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết. Khi hết thời gian nghĩa vụ, họ là lực lượng có chất lượng bổ sung cho quân dự bị 1, làm tăng thêm thế và lực về quân sự cho địa phương.

Vậy là cái chất cơ bản của mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng là ở chỗ đã kết hợp được đúng

đấn việc thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ lao động ; đã tập hợp và sử dụng được một lực lượng lao động trẻ đứng vững trên các địa bàn vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu ; thực hiện tốt chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng. Các đơn vị này chỉ sử dụng ở mức thấp nhất kinh phí quốc phòng, nhưng lại làm ra sản phẩm cho xã hội, tự giải quyết tốt cuộc sống cho mình, hơn nữa góp phần tạo lập cuộc sống mới cho nhân dân ở các vùng khó khăn, xung yếu.

*

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực, bên cạnh những thuận lợi, cũng có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới nước ta. Các lực lượng phản động trong và ngoài nước luôn có âm mưu chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, nhiệm vụ xây dựng kinh tế, bảo vệ Tổ quốc được đặt ra hết sức nặng nề. Tình hình mới đòi hỏi chúng ta vừa giảm quân đội thường trực, vừa phải bảo đảm tinh thần sẵn sàng chiến đấu cao. Dư luận xã hội mong muốn có sự công bằng giữa những người tham gia phục vụ quân thường trực và những thanh niên chưa phục vụ tại ngũ. Kết hợp nghĩa vụ quân sự với nghĩa vụ lao động là biện pháp đúng đắn giải quyết yêu cầu đó. Điều đáng chú ý là nước ta hiện có gần 13 triệu ha đất trống đồi trọc, 40 vạn ha đất phù sa ven biển chưa được khai thác ; hằng năm có thêm khoảng 1 triệu người đến tuổi lao động cần có việc làm (trong đó gần 50% là thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự). Đây là những tiềm năng cần và có thể khai thác làm ra của cải vật chất cho xã hội.

Đại hội VII của Đảng đã xác định phải “kết hợp kinh tế với quốc phòng”, “thực hiện công bằng xã hội”, “huy động mọi nguồn lực tại chỗ và của cả nước đi đôi với viện trợ quốc tế nhằm sử dụng triệt để và có hiệu quả đất trống, đồi trọc”. Mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng với những ưu điểm nói trên, là biện pháp phù hợp và cần thiết để thực

hiện tư tưởng chỉ đạo của Đảng ta.

Tuy nhiên, mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng mới được thử nghiệm ở một số địa phương, trong thực tiễn đã và đang nảy sinh một số vấn đề cần được giải quyết về chính sách, cơ chế tổ chức quản lý (kể cả chế độ đối với quân nhân tại ngũ và khi xuất ngũ...). Vì vậy, dù đã được đánh giá là có nhiều ưu điểm về mặt kinh tế, quốc phòng và xã hội, cho tới nay lực lượng bộ đội kinh tế - quốc phòng vẫn chưa được triển khai tổ chức rộng rãi ở các địa phương.

Để triển khai có hiệu quả mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng trong tình hình mới trên quy mô lớn, với tinh thần phân tích khoa học bám sát thực tiễn, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề quan trọng sau :

- Về pháp lý : Đảng và Nhà nước cần có chủ trương cụ thể, tạo môi trường pháp lý thống nhất triển khai tổ chức bộ đội kinh tế - quốc phòng từ trung ương tới các địa phương (xem đây là một biện pháp quan trọng thực hiện chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng). Trong khi Quốc hội chưa ra *luật* về vấn đề này, đề nghị Hội đồng bộ trưởng ban hành các văn bản pháp quy cho phép thực hiện rộng rãi mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng ở các tỉnh, các vùng trong cả nước, lấy trọng tâm là các khu vực có yêu cầu bức thiết cần giải quyết ngay việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, như vùng biên giới, vùng ven biển quan trọng...

- Về tổ chức, cơ chế lãnh đạo và quản lý, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ mà tổ chức các đơn vị bộ đội kinh tế - quốc phòng theo quy mô phù hợp. Có thể mỗi quân khu thành lập 1 đến 2 trung đoàn hoặc 1 binh đoàn trực thuộc ; mỗi tỉnh từ 1 đến 2 tiểu đoàn hoặc 1 trung đoàn, mỗi huyện từ 1 đến 2 đại đội. Các đơn vị này là một bộ phận của quân đội nhân dân Việt nam, đặt dưới sự quản lý thống nhất của Bộ quốc phòng (thông qua bộ chỉ huy quân sự

các cấp) ; mối quan hệ lãnh đạo và chỉ huy được thực hiện như hiện nay đối với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương. Ủy ban nhân dân các địa phương có trách nhiệm phối hợp về phân quy hoạch và kế hoạch kinh tế cho các đơn vị bộ đội kinh tế - quốc phòng nằm trên địa bàn của địa phương ; tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho các đơn vị làm kinh tế, như cấp đất đai, bố trí công việc, hỗ trợ về vốn (như các đơn vị kinh tế), lập kế hoạch và bảo đảm yếu tố thực hiện kế hoạch ; sử dụng quỹ thời gian và khối lượng công việc dành cho các đơn vị đã thực hiện sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề phù hợp, như làm nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng rừng phủ xanh đồi trọc, trồng rừng đầu nguồn, khai hoang lấn biển, xây dựng các công trình hạ tầng, các khu dân cư mới... Cũng không loại trừ cả hướng tham gia làm tiểu, thủ công nghiệp.

- Về chế độ tuyển chọn, bộ đội kinh tế - quốc phòng được chỉ đạo phù hợp với kế hoạch tuyển quân hằng năm và yêu cầu của kế hoạch kinh tế giao cho bộ đội kinh tế - quốc phòng. Thanh niên đến tuổi làm nghĩa vụ quân sự, nếu không vào phục vụ trong quân thường trực, thì được tuyển chọn vào bộ đội kinh tế - quốc phòng, thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ lao động theo các chế độ chính sách do nhà nước quy định thống nhất. Trong tổng quỹ thời gian 2 năm phục vụ bộ đội kinh tế - quốc phòng, quân nhân được huấn luyện quân sự ít nhất là 3 tháng theo chương trình thống nhất do Bộ quốc phòng quy định ; sau hai năm phục vụ, được công nhận là hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được hưởng chính sách ra quân và chuyển thành quân dự bị động viên. Nếu ai muốn định cư lại trên địa bàn, lập gia đình hoặc đưa gia đình đến lập nghiệp, thì được giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để làm ăn (như cấp đất đai, nơi ở tạm, xét cho vay vốn...). Đây sẽ là tiền đề hình thành những trung tâm kinh tế và dân cư mới.

Trong thời gian làm nhiệm vụ, nếu lao động sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao, sau khi đã hạch toán trừ chi phí, đơn vị được hưởng một phần thành quả lao động ; nếu bị tai nạn, thương tật hoặc hy sinh, sĩ quan và chiến sĩ được hưởng các quyền lợi tương ứng như ở quân thường trực.

- Về kinh phí, bộ đội kinh tế - quốc phòng không được bao cấp về sinh hoạt phí và vốn lao động sản xuất ; họ phải bằng lao động, làm kinh tế, để tự bảo đảm mọi nhu cầu vật chất về ăn, mặc, phụ cấp, chi phí ra quân. Ngân sách quốc phòng chỉ đảm bảo về trang bị vũ khí, đạn dược trong huấn luyện quân sự.

Để tạo điều kiện triển khai trên quy mô lớn mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng, Nhà nước ta cần có chính sách xử lý về vốn cho lực lượng này (như cấp vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở ban đầu, hoặc cho các đơn vị vay với lãi suất thấp, khi đứng chân được, làm ăn có hiệu quả, sẽ trả dần).

Có thể xin trích một phần ngân sách dành cho các dự án về xây dựng cơ sở hạ tầng và các vùng kinh tế mới, về định cư, về trồng rừng đầu nguồn, phủ xanh đồi trọc, để cấp hoặc ứng trước cho các đơn vị bộ đội kinh tế - quốc phòng làm vốn ban đầu, sau đó bố trí cho các đơn vị này thực hiện các công việc có liên quan và khấu trừ dần vào kết quả lao động sản xuất của họ.

Mô hình bộ đội kinh tế - quốc phòng nảy sinh từ thực tiễn sôi động của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là một nhân tố mới, một cách nghĩ mới trong tổ chức thực hiện kết hợp kinh tế với quốc phòng trong tình hình mới. Chúng ta cần có kế hoạch triển khai nó từng bước, luôn theo dõi sát tiến trình hoạt động của nó, sơ kết, tổng kết, uốn nắn những nhược điểm và thiếu sót, rút những bài học kinh nghiệm sinh động, bổ sung, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường

NGUYỄN VĂN THẢO *

CÁCH đây hơn một năm, *Tap chí Công sản* đã công bố nhiều bài nghiên cứu quan trọng xung quanh vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế nhằm làm sáng tỏ hai chức năng chủ yếu : chức năng *quản lý nhà nước* và chức năng *quản lý sản xuất, kinh doanh*. Đến nay, sự tăng trưởng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các thành phần kinh tế tư nhân và hỗn hợp, sự liên kết liên doanh của các thành phần kinh tế trong nước với nước ngoài, chủ trương cổ phần hóa từng bước trong kinh tế quốc doanh, tất cả những sự việc đó đang đòi hỏi phải làm rõ hơn nữa vị trí, vai trò của nhà nước đối với nền kinh tế đang phát triển.

Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế theo cơ chế cũ là vai trò *tuyệt đối* của nhà nước, trong đó *các cơ quan nhà nước* (bộ, tổng cục, các ủy ban nhân dân, các sở chuyên môn) *hầu như là chủ thể duy nhất chi phối các quan hệ kinh tế*. Các cơ quan này vừa ra lệnh, vừa tác nghiệp, giải quyết các yếu tố sản xuất (vật tư, lao động, tiền vốn), ấn định cách phân phối của cải vật chất, giải quyết các tranh chấp nảy sinh giữa các xí nghiệp quốc doanh. Với cơ chế đó, *không có nhu cầu quản lý kinh tế bằng pháp luật, hoặc nếu có, cũng rất ít*, vì chính bản thân các cơ quan đó đều thấy không cần thiết phải dùng đến pháp luật.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, nhà nước *không còn là chủ thể trực tiếp của các quan hệ kinh doanh nữa*, mà đóng một vai trò cao hơn, ở tầm định hướng vĩ mô cho toàn bộ hoạt động sản xuất, phân phối, lưu thông trong xã hội.

Ở đây, quyền tự do kinh doanh của công dân là điểm nổi bật trong chính sách kinh tế mới. Các quan hệ kinh tế đơn xen, phong phú và phức tạp ; tình hình có lúc rất khẩn trương, thậm chí hỗn loạn, không ít các viên chức nhà nước bị tha hóa. Vấn đề đặt ra là phải tạo môi trường, tạo một hành lang chung cho mọi hoạt động của các thành phần kinh tế. Thỏa mãn yêu cầu đó, dứt khoát phải dựa vào pháp luật. Phải dựa vào pháp luật để điều hành nền kinh tế.

Nhà nước quản lý kinh tế trước hết bằng hệ thống các định chế về *các loại hình công ty, doanh nghiệp*. Mỗi loại hình tổ chức như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh, công ty cấp vốn cổ phần, công ty cấp vốn đơn giản, công ty dự phần, v.v... đều phải được xác định rõ về các điều kiện : người tham gia, cách hùn vốn, cách điều hành, việc chia lãi, mức thuế, công nhân và mức lương, trách nhiệm của các thành viên khi tổ chức bị phá sản, v.v.. Hoạt động của các tổ chức đó vừa là một quá trình tự do kinh doanh theo pháp luật, vừa là một quá trình thực hiện chế độ kế toán, thống kê với sự kiểm tra nghiêm ngặt của cơ quan kiểm toán nhà nước. Vi phạm thủ tục kế toán, thống kê, mặc dù chưa có dấu hiệu ăn cắp, tham ô, trốn lậu thuế, đều phải bị coi là hành vi vi phạm ; nhiều trường hợp phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thuế là biểu hiện quá trình quản lý cốt lõi nhất của nhà nước đối với các tổ chức kinh doanh. Thông qua chính sách thuế, nhà nước định hướng hoạt động kinh doanh : khuyến khích và hạn chế, mở rộng và ngăn chặn. Thông qua việc đánh thuế,

* Viện trưởng Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ tư pháp

nhà nước đánh giá đúng hiệu quả làm ăn, sự phát triển và nguy cơ vỡ nợ, phá sản của các tổ chức kinh tế. Quá trình soạn thảo các sắc thuế, biểu mẫu, tính thuế, đánh thuế, nộp thuế phải được *phân định rất khoa học* nhằm chống lại các biểu hiện tiêu cực, tham-những hiện nay.

Một hệ thống các chế độ trách nhiệm trong kinh doanh từ trách nhiệm dân sự đến trách nhiệm hình sự, các quan hệ trách nhiệm trong hợp đồng lao động, hợp đồng kinh doanh, hợp đồng dịch vụ v.v.. đều phải được quy định rất rõ ràng để *mỗi mỗi*, để cao việc kinh doanh lành mạnh theo pháp luật, *mỗi khác* trừng trị nghiêm tất cả các hành vi vi phạm, ma giáo, lừa đảo trong kinh doanh.

Các tòa án chuyên môn (tòa án kinh tế, tòa án hành chính, tòa án lao động...) tương ứng với việc hình thành chế độ trách nhiệm trong kinh doanh, cần được thành lập với những thẩm quyền và thủ tục khác nhau nhằm giải quyết triệt để các tranh chấp, vi phạm, bảo vệ quyền chính đáng hợp pháp của các tổ chức kinh doanh, tạo nên một trật tự quản lý có hiệu lực, có uy quyền của nhà nước.

Trong tình hình cơ cấu kinh tế, cơ cấu xã hội đã thay đổi, cùng với việc thành lập các tòa án chuyên môn, cần tổ chức lại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân hiện nay để các cơ quan này thích ứng và đủ tầm vóc trong việc quản lý nền kinh tế và quản lý một xã hội theo những định hướng của một nhà nước pháp quyền trên đất nước ta.

Rõ ràng giờ đây, vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế hiện vật, bao cấp và ra lệnh, thể hiện rất hạn hẹp ở việc điều hành trực tiếp các xí nghiệp quốc doanh, được *mở rộng ra* toàn xã hội. Vai trò đó, từ chỗ được giới hạn phần lớn ở các cơ quan hành pháp (các bộ, ủy ban nhân dân, các sở chuyên môn), nay mở rộng ra *toàn thể bộ máy* : Quốc hội tiến hành lập pháp, Tòa án tối cao giữ vai trò xét xử cao nhất, Chính phủ giữ vai trò hành pháp cao nhất.

Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường có ý nghĩa quyết định nhằm duy trì và bảo

đảm sự bình đẳng về luật pháp trong toàn xã hội, hạn chế và khắc phục những khuyết tật vốn có của nền kinh tế thị trường dễ dẫn đến tình trạng bất công. Chính phủ bảo đảm điều chỉnh ở tầm vĩ mô, khắc phục tình trạng dễ mất cân đối của nền kinh tế thị trường. Chính phủ cùng với các cơ quan xét xử giữ gìn một trật tự pháp luật, một nền đạo đức xã hội chủ nghĩa, chống lại mọi *động lực với chất trái chiều* của nền kinh tế thị trường : "mafia", buôn lậu, hàng giả, tàn phá môi trường và tài nguyên...

Trong nền kinh tế thị trường, Chính phủ là người duy trì giá trị của đồng tiền, tạo thế thăng bằng cho các hoạt động kinh tế của toàn xã hội ; thực hiện dự trữ quốc gia, đề phòng biến động ; điều chỉnh tình trạng mất cân đối, bảo đảm sự ổn định chung.

Với tư cách là cơ quan hành pháp cao nhất, Chính phủ có trách nhiệm *giữ gìn và phát triển ngân sách quốc gia*, thực hiện những chương trình xã hội, xây dựng các công trình phúc lợi chung, hỗ trợ cho các hoạt động công ích, xây dựng lực lượng vũ trang và đội ngũ công chức nhà nước đủ sức, đủ hiệu lực quản lý nền kinh tế. Trên cơ sở đó, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Xét theo các khía cạnh kể trên, ta thấy, cùng với bản chất giai cấp và với tư cách một tổ chức của giai cấp, nhà nước còn là một tổ chức quản lý dân cư trên lãnh thổ. Nhà nước chịu trách nhiệm trước toàn dân về sự phát triển của đất nước, chăm lo cho mỗi công dân được phát triển (không phân biệt họ thuộc giai cấp nào). Nhà nước phải thực hiện những nhiệm vụ mà nhân dân ủy quyền, vì chính nhân dân đã thành lập nên nhà nước.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, Nhà nước sẽ quản lý như thế nào đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh ? Vẫn thực hiện chế độ tập trung, bao cấp, hay chuyển tất cả sang chế độ tự chủ về tài chính ? Làm thế nào để Nhà nước thực hiện được nhiệm vụ của mình mà không can thiệp vào kinh doanh ? Trong lịch sử, một số nước phát triển theo

chế độ tư bản cũng đã tổ chức kinh tế quốc doanh, thành lập các xí nghiệp nhà nước là các xí nghiệp chỉ huy theo mệnh lệnh, nhận các chỉ tiêu hiện vật và hoàn toàn được bao cấp. Như vậy, kinh tế quốc doanh không phải là đặc điểm riêng có của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ; không nên đồng nhất kinh tế quốc doanh với chủ nghĩa xã hội. Việc tổ chức kinh tế quốc doanh do Nhà nước trực tiếp quản lý ở ta cũng bình thường như ở nhiều nước khác mà thôi. Kinh nghiệm ở nhiều nước (không phân biệt chế độ chính trị) cho thấy, việc quản lý xí nghiệp quốc doanh thường có nhược điểm : dễ triệt tiêu các động lực vật chất, gây lãng phí (tài sản quốc doanh trở thành một thứ như vô chủ). Nhưng nếu bỏ các tổ chức quốc doanh thì như thực tế cho thấy, không thể bảo đảm có được một nền kinh tế có định hướng, một nền kinh tế có sự quản lý của nhà nước.

Để Nhà nước có thể làm tốt vai trò quản lý đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh, cần chia các tổ chức đó làm 3 loại :

Loại *thứ nhất* gồm các xí nghiệp, đơn vị sản xuất, xây dựng, dịch vụ... phục vụ lợi ích toàn xã hội (như các cơ sở y tế chống các bệnh xã hội, các công trình đô thị, công viên, các cơ sở kinh tế hạ tầng, giáo dục phổ cập, văn hóa, thông tin đại chúng...). Nhà nước với tư cách một tổ chức quản lý xã hội, sử dụng tài lực, vật lực thu được qua hoạt động thuế và một số hoạt động khác vào các công việc như quản lý chung, phúc lợi công cộng và nuôi bộ máy. Ở những cơ sở thuộc lĩnh vực này tư nhân ít hoạt động, vì lợi nhuận không nhiều. Nếu tư nhân có hoạt động ở đây thì cũng do Nhà nước ủy nhiệm thông qua hợp đồng ký kết với họ. Vì vậy, nói chung, các cơ sở thuộc lĩnh vực này là những tổ chức nhà nước, hoạt động theo kế hoạch, được Nhà nước cung cấp đầy đủ các điều kiện (vật tư, lao động, tiền vốn...). Tuy nhiên, cần thấy : các tổ chức này tuy không kinh doanh theo cơ chế thị trường, nhưng cũng không hoạt động theo cơ chế hoàn toàn bao cấp như trước đây. Sẽ có một chế

độ pháp luật riêng cho các tổ chức này trên cơ sở chủ yếu là luật hành chính.

Loại *thứ hai* gồm các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên tất cả các lĩnh vực, vận hành hoàn toàn theo cơ chế thị trường. Các doanh nghiệp này có thể là các tổ chức hoàn toàn của nhà nước, có thể là các công ty cổ phần thuộc sở hữu hỗn hợp : quốc doanh với tư nhân, quốc doanh với hợp tác xã, quốc doanh với kinh tế gia đình, quốc doanh với nhau và với tất cả các thành phần khác, quốc doanh với các tổ chức quốc doanh nước ngoài hoặc tư nhân nước ngoài. Loại doanh nghiệp này hoạt động theo chế độ pháp luật chung như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, trên cơ sở chủ yếu là luật dân sự và luật kinh doanh.

Loại *thứ ba* gồm các xí nghiệp, đơn vị sản xuất, xây dựng, dịch vụ... thuộc các lực lượng quốc phòng, an ninh. Do tính chất đặc biệt của các hoạt động bảo vệ tổ quốc, bảo vệ an ninh đối ngoại và đối nội, các tổ chức này nên chia làm hai phân hệ : một phân hệ hoạt động theo chế độ pháp luật như các tổ chức thuộc loại *thứ nhất* (không kinh doanh theo cơ chế thị trường, nhưng cũng không hoạt động theo cơ chế hoàn toàn bao cấp như cũ) ; một phân hệ khác hoạt động như các doanh nghiệp nhà nước theo cơ chế thị trường.



Vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường là một vấn đề mới, được thể hiện một phần trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi hiện đang lấy ý kiến toàn dân. Nó cũng còn được thể hiện trong các luật tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Tòa án và Viện kiểm sát.

Điều cần chú ý là khẩn trương thiết lập một thể chế kinh tế đầy đủ, thông qua luật dân sự, luật kinh doanh và các đạo luật cụ thể về doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, luật về phá sản xí nghiệp, v.v.. Hy vọng năm 1992 sẽ là năm có ý nghĩa lớn trong việc ban hành các định chế đó.

Nghĩ về kỷ cương, phép nước

NGUYỄN VĂN LỘC

CÓ thể nói chưa bao giờ ở nước ta có nhiều luật và văn bản pháp luật như hiện nay. Ở đâu, lúc nào cũng nói sống và làm việc theo pháp luật. Nhưng thật là trớ trêu, ở ta chưa bao giờ pháp luật bị coi thường như hiện nay, chưa bao giờ có nhiều vụ việc tiêu cực vi phạm kỷ cương phép nước như hiện nay.

Tại kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa 8 (tháng 12-1991), nhiều đại biểu QH đã vạch rõ thực trạng các hiện tượng tiêu cực và vi phạm pháp luật đang diễn ra nghiêm trọng đến mức đáng lo ngại. Nổi bật và nhức nhối hơn cả là tệ tham nhũng.

Cuộc đấu tranh chống tham nhũng theo Quyết định 240 của HĐBT được nhân dân cả nước nhiệt liệt hoan nghênh và đang được đẩy mạnh, nhưng về mặt xét xử thì rõ ràng là đang "có vấn đề". Theo con số đó thanh tra nhà nước công bố thì những thiệt hại do tệ tham nhũng gây nên là rất lớn. Nhiều vụ được báo chí phanh phui rất cụ thể trước công luận nhưng kéo dài bao nhiêu thời gian vẫn không thấy xét xử hoặc xét xử không đến nơi đến chốn. Nhiều người tội trạng đã rành rành nhưng vẫn nhởn nhơ yên vị hoặc chỉ đổi chỗ từ ghế này sang ghế khác. Không ít trường hợp tội phạm đáng lẽ phải truy tố trước pháp luật, phải ngồi tù và bồi hoàn tài sản xâm phạm bất chính cho nhà nước nhưng chỉ xử rất nhẹ hoặc xử nội bộ rồi cho về hưu, bao nhiêu tài sản chiếm đoạt vẫn giữ nguyên. Nhiều trường hợp kẻ phạm tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả tới mức nghiêm trọng, tòa án chỉ xử các bị cáo ở hình phạt án treo. Qua kiểm tra của Tòa án nhân dân tối cao ở một số địa phương thì thấy số bị cáo phạm các tội trên được hưởng án treo tới 60 - 70%. Có nơi tới 80%. Mà hầu hết các vụ buôn lậu đều có dính dáng, liên quan đến cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước. Thậm chí có những vụ buôn lậu, làm hàng giả lại do chính các cơ quan, đoàn thể đứng ra tổ chức hoặc cầm trịch. Nhiều người đã nói mỉa "pháp chế là chế giấu pháp luật". Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa 8 vừa qua, nhiều đại

biểu QH đã nghiêm khắc phê phán việc xét xử không nghiêm này.

Thật hết sức rõ ràng, một nguyên nhân quan trọng làm cho kỷ cương phép nước không nghiêm là cả kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước đều bị coi thường. Không nghiêm ngay từ cơ quan nhà nước mà ra, không nghiêm ngay từ những người có thẩm quyền quyết định việc xét xử. Những cơ quan này, những người này tự cho phép mình quyền đứng trên pháp luật, muốn quyết định, muốn giải quyết công việc thế nào cũng được. Mà phép biện chứng của cuộc sống thì bao giờ cũng là : cấp dưới bắt chước cấp trên, kẻ phạm tội chờ xem thái độ của pháp luật thế nào ; khi một sự đã không nghiêm, một người phạm tội không bị xử nghiêm thì lập tức sẽ đề ra hàng vạn sự không nghiêm, hàng vạn người sẵn sàng làm bậy hoặc tiếp tục phạm tội, nhất là trong thời buổi cơ chế thị trường hiện nay.

Chính điều đó giải thích vì sao cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu và nhiều cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật khác không đạt được kết quả mong muốn. Cũng chính điều đó giải thích vì sao nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, của nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh, vì sao nhiều địa phương tự coi mình như những vương quốc riêng, muốn làm gì thì làm, cấp trên quyết định một đảng, cấp dưới làm một nẻo.

Kỷ cương phép nước trong nội bộ đã không nghiêm tất yếu sẽ dẫn tới những tiêu cực vi phạm kỷ cương phép nước ngoài xã hội. Tình trạng lừa đảo, trộm cắp, bài bạc, nghiện hút, gái mãi dâm, xây nhà cửa trái phép, lấn chiếm vỉa hè lòng đường, vi phạm luật lệ giao thông v.v. không dẹp được đến nơi đến chốn, có nơi có lúc lại phát triển, một nguyên nhân quan trọng là do một số cán bộ, đảng viên, nhân viên ở các cơ quan chức năng không thấy hết tầm quan trọng phải bảo đảm kỷ cương phép nước, thiếu trách nhiệm và trong nhiều trường hợp là do có "thỏa thuận", "đôi bên cùng có lợi". Và chính tình trạng kỷ cương phép nước không nghiêm

đang là một nguyên nhân làm cho những người chân chính giảm sút lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Nếu tình trạng này không sớm được khắc phục, nhất định sẽ ảnh hưởng xấu đến yêu cầu ổn định về chính trị.

Bởi vậy, Đảng ta, Nhà nước ta đã chủ trương phải kiên quyết lập lại trật tự kỷ cương phép nước, giữ nghiêm kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước. Một trong những bài học có thể rút ra từ sự sụp đổ của nhiều nước xã hội chủ nghĩa là không bao giờ được buông lỏng kỷ luật đảng, buông lỏng phép nước.

Vấn đề quan trọng đầu tiên hiện nay là cần tạo cho được một chuyển biến nhận thức thật sâu sắc về pháp luật, về sự cần thiết phải tăng cường pháp chế. Đề cao tinh thần làm chủ, mở rộng dân chủ là đúng, nhưng làm chủ, dân chủ phải đi đôi với pháp luật, phải trên cơ sở pháp luật, chứ không phải dân chủ cực đoan, làm chủ bừa bãi vô chính phủ, ai muốn làm gì thì làm. Nói cách khác, phải thật sự đề cao pháp luật. Nhà nước cần tăng cường quản lý bằng pháp luật. Phê phán mọi biểu hiện hữu khuynh, buông lỏng quản lý, không dám đấu tranh, xé xù đến nơi đến chốn những hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật. Trong thời buổi cơ chế thị trường hiện nay, việc giữ nghiêm pháp luật càng quan trọng hơn bao giờ hết.

Trong cuộc đấu tranh để tăng cường pháp chế, các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể quần chúng cần nêu cao vai trò nòng cốt, gương mẫu. Từ rất lâu, dân ta đã có câu :

"Thương em, anh đề trong lòng

Việc quan, anh cứ phép công anh làm".

Bất cứ cán bộ, đảng viên nào ở cương vị công tác nào đã tham nhũng, buôn lậu hoặc có những hành động vi phạm pháp luật khác, đều phải tùy theo tội trạng mà xét xử nghiêm minh theo đúng Điều lệ Đảng, đúng pháp luật nhà nước. Trong tình hình hiện nay, người có chức vụ cao mà phạm pháp càng phải được xử nghiêm để giáo dục, răn đe những người khác. Người có tình dung túng bênh che cho người có tội cũng phải được xử lý thích đáng. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước nên thống nhất ra quyết định cấm hẳn việc xét xử nội bộ những trường hợp cần phải xét xử trước pháp luật. Kiên quyết loại khỏi các cơ quan nhà nước những phần

tử quan liêu, vô trách nhiệm, lộng quyền, tham nhũng, ức hiếp quần chúng.

Các cơ quan pháp luật chú ý đến yêu cầu chính trị hiện nay để có quan điểm xét xử thật nghiêm các tội phạm đang làm cả xã hội nhức nhối, lo ngại, như trộm cắp, cướp của giết người, tham nhũng, buôn lậu, làm hàng giả. Dứt khoát không xử nhẹ. Nếu cần thiết thì đề nghị Hội đồng nhà nước trình QH cho bổ sung hoặc sửa đổi một số điều trong Luật hình sự. Đồng thời Nhà nước sớm ban hành thêm những luật cần thiết về kinh tế, tạo cho hệ thống luật được đồng bộ để các cơ quan pháp luật có thể làm việc tốt hơn.

Một vấn đề quan trọng khác là các cơ quan, đoàn thể cần thật sự coi trọng công tác quản lý nội bộ. Có kế hoạch, biện pháp kiểm tra công tác, phẩm chất và lối sống của cán bộ, đảng viên, công nhân viên ; xử lý, ngăn chặn kịp thời những việc làm bất chính, không để "cái sây này cái ung". Có thể nói, chưa bao giờ công tác quản lý cán bộ, nhân viên của ta lỏng lẻo như hiện nay. Bao nhiêu chuyện tiêu cực nghiêm trọng trong cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước những năm qua, một nguyên nhân quan trọng là do buông lỏng công tác quản lý con người.

Để giữ nghiêm kỷ cương phép nước, các cơ quan có thẩm quyền cần thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương, chính sách về kinh tế. Có kết luận dứt khoát rành mạch sau mỗi đợt kiểm tra, thanh tra, chứ không phải chỉ là những nhận xét hời hợt chung chung. Đồng thời, quan tâm rà soát lại các chủ trương, quyết định mà nhiều người đang có ý kiến, kịp thời bổ sung, sửa đổi những điểm thiếu chặt chẽ, để những kẻ tham lam, cơ hội khỏi lợi dụng làm những điều bất chính. Năng động, kịp thời là cần thiết, nhưng không vì thế mà thiếu sự cân nhắc thận trọng trước khi ban hành một chủ trương, quyết định.

Giữ nghiêm kỷ cương phép nước là một yêu cầu cực kỳ quan trọng, nhất là trong tình hình hiện nay. Chỉ có giữ nghiêm kỷ cương phép nước, mới tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc thực hiện các nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Đảng bộ Thái bình trưởng thành trong đổi mới

VŨ PHÒNG

NĂM vững và vận dụng sáng tạo những quan điểm, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, 5 năm qua, đảng bộ Thái bình đã cùng nhân dân trong tỉnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được nhiều thành tựu trong các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, quốc phòng toàn dân và xây dựng Đảng. Càng tiến sâu vào công cuộc đổi mới, đảng bộ Thái bình càng tỏ rõ cố gắng của mình và đang trưởng thành về nhiều mặt.

1 - Trưởng thành trong lãnh đạo phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Đảng bộ Thái bình đã chủ động và tích cực truyền đạt, giải thích đường lối đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước, xây dựng niềm tin và quyết tâm cho cán bộ đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Năm chắc đặc điểm và khai thác thế mạnh của địa phương, đảng bộ đã có chủ trương và biện pháp sáng tạo, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển; tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đi vào sản xuất, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội. Tuy còn nghèo, nhưng Thái bình đã mạnh dạn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, liên kết với các công ty nước ngoài trong sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, vì thế chỉ mới qua mấy năm thực hiện đường lối đổi mới mà nền kinh tế Thái bình đã thực sự khởi sắc.

Nông nghiệp giành được những thắng lợi toàn diện. Từ năm 1986 đến năm 1990, 7 vụ liên Thái bình được mùa, năng suất lúa bình quân đạt 75,93 tạ/ha, đặc biệt năm 1990 đạt 86,72 tạ/ha. Tổng sản lượng lương thực (quy thóc) đạt mức bình quân 687,16 ngàn tấn/năm. Riêng năm 1989 đạt 81 vạn tấn, đưa mức lương thực bình quân tính theo đầu người từ 325 kg năm 1986 lên 496 kg năm 1989.

Chăn nuôi phát triển khá tốt, hằng năm đạt 30 ngàn tấn lợn hơi xuất chuồng. Đàn trâu bò lên tới 63 ngàn con năm 1990, đàn gia cầm ổn định hằng năm 2,5 triệu con. Kinh tế ven biển đã được chú trọng khai thác có hiệu quả, mở ra nhiều triển vọng cho việc di dân tại chỗ, và tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Sức mạnh kinh tế của Thái bình là nông nghiệp, trong đó chủ yếu là cây lúa. Nhưng Thái bình hiểu rằng muốn nông nghiệp phát triển, tạo ra được nhiều sản phẩm hàng hóa, thì phải biết đặt nó trong một chiến lược phát triển kinh tế toàn diện và mềm dẻo. Vì vậy, cùng với nông nghiệp, Thái bình đã tích cực đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh phát triển thương nghiệp dịch vụ và xuất khẩu. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống của Thái bình như dệt, thêu, cạo khí, không chết mà trái lại, phát triển khá mạnh mẽ. Công nghiệp quốc doanh bước đầu trụ vững, và được bổ sung nhiều cơ sở mới phục vụ việc chế biến các sản phẩm nông nghiệp, như: nhà máy đông lạnh, nhà máy xay... Từ năm 1986 đến năm 1990, tổng giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp đạt 131,7 tỷ đồng (giá cố định 1989), tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 79,94 triệu rúp, đô la. Mạng lưới thương nghiệp dịch vụ mở rộng tới 15 ngàn điểm, phục vụ kịp thời các nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng. Thương nghiệp quốc doanh bước đầu đã chi phối được một số mặt hàng thiết yếu... Giao thông vận tải nông thôn phát triển mạnh, mạng lưới điện đã đến một số làng xã. Các ngành kinh tế tổng hợp như tài chính, ngân hàng, đang quen dần với cơ chế mới, hướng dẫn tích cực cho sản xuất kinh doanh.

Kinh tế phát triển vững chắc là tiền đề để Thái bình thực hiện tốt các chính sách xã hội. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo thực sự được coi trọng. Công tác y tế, bảo vệ sức khỏe của nhân dân được giải

quyết có kết quả, có trọng điểm ưu tiên từng bước. Chính sách thương binh xã hội được thực hiện nghiêm túc và sáng tạo. Đặc biệt là chính sách đãi ngộ cán bộ hưu trí, cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945, gia đình thương binh liệt sĩ, cán bộ cơ sở... Các hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật, thông tin báo chí đổi mới, phong phú theo chiều hướng phát triển lành mạnh. Lĩnh vực dân số và việc làm được chăm lo theo chương trình, mục tiêu và giải pháp đồng bộ. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên trong nhiều năm vẫn chỉ ở mức 1,7%.

2 - Vững vàng trong lãnh đạo chính quyền và xây dựng quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đảng bộ Thái bình nhận thức rằng, uy tín lãnh đạo chỉ có thể có được khi đảng bộ có chủ trương chính sách đúng và bộ máy chính quyền thực sự biết quản lý, biết điều hành, thực sự bảo đảm dân chủ với nhân dân và nghiêm minh trong thi hành pháp luật. Xuất phát từ quan điểm đó, đảng bộ Thái bình ra sức chăm lo củng cố, kiện toàn chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động có nền nếp, và từng bước đề cao vai trò đại diện cho nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ trong quản lý kinh tế, xã hội và kiểm tra việc thực hành pháp luật. Cán bộ chính quyền từ tỉnh đến xã nhìn chung đã thạo việc.

Chú trọng lãnh đạo kinh tế, Thái bình không lơ là chăm lo công tác quân sự địa phương. Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở Thái bình được thực hiện từ nhiều hướng : xây dựng lực lượng thường trực, lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ. Kết hợp huấn luyện, diễn tập thường xuyên với việc giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng cho toàn dân. Động viên thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và thi hành đúng, đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Thái bình những năm qua, nhìn chung được giữ vững. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phát triển rộng và có chiều sâu.

3 - Xây dựng đảng bộ vững mạnh.

Đảng bộ Thái bình có truyền thống đoàn kết và truyền thống kiên cường đấu tranh cách mạng.

Bước vào công cuộc đổi mới, truyền thống đó được phát huy thường xuyên. Nhưng đảng bộ thấy rằng, nếu chỉ có thế, thì không đủ sức tiếp thu và quán triệt đúng đường lối đổi mới của Đảng, không đủ sức đảm đương nổi vị trí tiên phong, lãnh đạo nhân dân trong lĩnh vực. Ý thức rõ về mình như vậy, đảng bộ Thái bình đã làm nhiều việc để xây dựng đảng bộ vững mạnh.

Mục tiêu công tác tư tưởng của đảng bộ là tạo ra sự nhất trí cao với quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng. Tất cả đảng viên phải có nhận thức đúng về đường lối phát triển kinh tế, về tập trung và dân chủ trong đảng và ngoài xã hội, về vị trí và nhiệm vụ của người đảng viên trong giai đoạn mới. Để đạt mục tiêu đó, đảng bộ đã biết huy động có hiệu quả các lực lượng, các phương tiện văn hóa, thông tin, tuyên huấn làm công tác tư tưởng. Việc tổ chức học tập, sinh hoạt chính trị được tiến hành nghiêm túc và thường xuyên. Các nghị quyết, chỉ thị của trung ương được chuyển tải đầy đủ đến từng đảng viên, từng cấp ủy. Không khí dân chủ cởi mở, ý thức tự phê bình và phê bình được duy trì thường xuyên trong sinh hoạt đảng từ cơ sở đến ban chấp hành tỉnh ủy.

Công tác đảng viên được tiến hành thường xuyên, công phu và chặt chẽ. Cuộc vận động làm trong sạch đảng, nâng cao sức chiến đấu của đảng viên và tổ chức đảng được tiến hành nghiêm túc gắn liền với công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Bốn năm qua, 92,7% đảng viên và 100% cấp ủy từ cơ sở đến tỉnh được kiểm tra chấp hành Điều lệ Đảng. Những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm tư cách, đều được xử lý nghiêm minh. Bốn năm qua, Thái bình đã xử lý 14.600 đảng viên, trong đó đưa ra khỏi đảng 8.500 người (bằng 10% đảng viên của đảng bộ), xử lý bằng các hình thức khác 6.000 người. Công tác tuyên truyền phát triển đảng có nhiều tiến bộ. Trung bình mỗi năm kết nạp 1.000 đảng viên mới. Tuyệt đại bộ phận số này là thanh niên có trình độ văn hóa và kỹ thuật ; phần lớn phát huy tác dụng tốt.

Để phù hợp với cơ chế quản lý mới, Thái bình đã bố trí lại các loại hình tổ chức cơ sở đảng, xác định rõ chức năng nhiệm vụ và quy chế lãnh đạo

cho từng loại hình. Toàn đảng bộ tập trung chỉ đạo, giúp đỡ những cơ sở đảng yếu kém vươn lên. Đến nay, qua phân loại, có 37% cơ sở vững mạnh, 50% cơ sở khá ; diện yếu kém hằng năm thu hẹp dần.

Bộ máy các cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể và kinh tế thu gọn hơn trước ; chức năng nhiệm vụ, mối quan hệ và lề lối làm việc được xác định cụ thể. Tình trạng cấp ủy bao biện, làm thay công việc của cơ quan nhà nước và các đoàn thể, đang được khắc phục. Sau 5 năm thực hiện đổi mới, Thái bình đã giảm : 19 ban ngành thuộc tỉnh, 65% số phòng ban thuộc sở, và 37% số phòng ban huyện. Biện chế hành chính toàn tỉnh giảm 30%, riêng cấp xã giảm 50%. Thái bình đã chú trọng xây dựng quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ, vì thế đội hình cán bộ của Thái bình từ xã đến tỉnh hoạt động đều tay, thạo việc, trình độ chính trị và chuyên môn được nâng lên rõ rệt. Hiện nay, Thái bình đã bố trí lại 74% số trường phó ban, ngành của tỉnh, 80% trường phó phòng huyện, 40% cán bộ chủ chốt ở cấp xã. Việc quản lý, đánh giá, sắp xếp cán bộ được phân công rõ rệt theo nguyên tắc dân chủ, tập thể. Thái bình kiên trì đào tạo cán bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã. Ngoài việc cử cán bộ đi học các trường của trung ương, tỉnh đã chủ động mở các lớp đào tạo, huấn luyện cán bộ tại chỗ. Trường đảng, trường hành chính của tỉnh có nhiều đổi mới trong công tác đào tạo cán bộ.

Đổi mới là sự nghiệp của quần chúng, vì quần chúng, cho nên đảng bộ Thái bình đã chăm lo chu đáo tới công tác vận động quần chúng. Mọi hoạt động của các tổ chức quần chúng đều hướng về cơ sở và lấy lợi ích của người lao động làm nội dung vận động. Các tổ chức như Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh và các tổ chức xã hội khác đều có nhiều sáng kiến, nhiều phong trào thu hút quần chúng tham gia giải quyết các khó khăn về đời sống và sản xuất. Chính quyền các cấp đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức quần chúng hoạt động.

Bên cạnh những thành tựu, những năm qua Thái bình còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém cần rút kinh

ng nghiệm. Biểu hiện rõ nét nhất là cơ cấu kinh tế đổi mới chậm, tỷ trọng công nghiệp và thủ công nghiệp thấp, kinh tế quốc doanh vẫn chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Nhiều vấn đề xã hội chậm được giải quyết. Pháp luật kỷ cương chưa nghiêm. Tình trạng vi phạm pháp luật xử lý chậm. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới...

Từ thực tiễn thành công và vấp vấp trong những năm qua, Thái bình đã rút ra được một số kinh nghiệm bước đầu trong việc thực hiện công cuộc đổi mới :

Một là, nắm vững các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, nắm vững tình hình thực tế, chủ động sáng tạo trong vận dụng, có các chủ trương và giải pháp đúng, có bước đi phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, đó là yếu tố quyết định thành công trong thực hiện công cuộc đổi mới. Thí dụ, Thái bình là tỉnh "đất chật, người đông", vì vậy, phát triển kinh tế phải kết hợp rất chặt chẽ với việc phấn đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số...

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo phải nắm bắt, phát hiện kịp thời và có thái độ trân trọng đối với những nhân tố mới ; chú trọng việc tổng kết và nhân các điển hình tiên tiến ; có tinh thần dám làm, dám chịu trách nhiệm ; không bảo thủ, dững cảm nhận khuyết điểm, sai lầm, và có biện pháp khắc phục kịp thời để đưa phong trào đi lên.

Ba là, phải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đảng, nhất là xây dựng các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, năng động, nhạy bén và vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách. Đổi mới công tác cán bộ ; xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ thích ứng với công cuộc đổi mới.

Bốn là, mở rộng dân chủ phải gắn liền với nâng cao dân trí và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Với kết quả bước đầu đã đạt được, đảng bộ và nhân dân Thái bình đang phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nỗ lực phấn đấu để giành thắng lợi lớn hơn trong những năm tới.

Giải quyết việc làm cho người lao động ở Công ty thắm Hàng kênh - Hải phòng

HỮU ĐỨC

CÔNG ty thắm Hàng kênh (CT) với 9000 lao động, gồm 4 xí nghiệp quốc doanh (Hàng kênh, Cát bi, Toàn thắng, An hải) và 22 hợp tác xã vệ tinh ở nội, ngoại thành Hải phòng. Tiền thân của CT là *Xí nghiệp thắm len Hàng kênh*. Xí nghiệp này được thành lập ngày 25-12-1960, lúc đầu chỉ có 549 lao động (trong đó 126 người làm ở các hợp tác xã) với sản lượng 4500m² thắm xuất khẩu/năm. 30 năm qua, kể từ Xí nghiệp thắm len Hàng kênh, CT đã sản xuất được tổng cộng 1600000m² thắm xuất khẩu (bằng 1/3 số m² thắm đã xuất khẩu của cả nước), thu về cho đất nước khoảng 58 triệu rúp và 10 triệu đô la Mỹ.

Về thắm len trong nước, CT hiện nay dẫn đầu cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 1986, 100% sản phẩm của CT được Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nhà nước cấp dấu chất lượng cấp I và cấp cao. Hàng trăm mẫu mã của các hệ thắm

hiện đại, phức tạp, có màu sắc hài hòa, hoa văn chìm nổi, đã được CT thể hiện thành công trên những tấm thắm khổ rộng từ một vài mét vuông đến hàng trăm mét vuông.

Thắm len Hàng kênh đã và đang được xuất sang 16 nước và có tín nhiệm cao với khách hàng, nhất là khách hàng Liên xô (trước đây), Ba-lan, CHLB Đức, Pháp, Ô-xtrê-li-a, Thụy-điển, I-ta-li-a, Niu Di-lân, A-rập xê út, Nhật bản v.v.. Tham gia các hội chợ quốc tế và trong nước, thắm len Hàng kênh đã được tặng thưởng 14 huy chương vàng (trong đó có 4 huy chương vàng giành được ở hội chợ quốc tế).

Ba năm gần đây (1989 - 1991), CT đã phấn đấu vượt qua thử thách bước đầu của cơ chế thị trường, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao, từng bước nâng cao thu nhập của cán bộ, công nhân, viên chức, như bảng kê dưới đây cho thấy :

Năm	Sản lượng thắm XK		Doanh thu	Nộp ngân sách	Lương bình quân (khu vực quốc doanh) tháng/người
	Kế hoạch	Thực hiện			
1989	50 000m ²	53 623m ²	7,45 tỷ (đ)	136 triệu (đ)	67 000 đ
1990	55 000m ²	60 127m ²	9,876 tỷ (đ)	372 triệu (đ)	85 000 đ
1991	60 000m ²	64 658m ²	30 tỷ (đ)	600 triệu (đ)	130 000 đ

Quá trình phấn đấu đạt được kết quả nói trên, cũng là quá trình CT không ngừng cố gắng tìm cách giải quyết công ăn việc làm và bảo đảm mức sống ổn định cho người lao động.

Về giải quyết việc làm cho người lao động ở

CT, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau :

1 - *Chủ động phát huy thế mạnh ngành nghề truyền thống để mở rộng thị trường, tạo thế ổn định sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động.*

Giống như nhiều đơn vị kinh tế khác, khi chuyển sang cơ chế thị trường, CT gặp rất nhiều khó khăn. Trước năm 1989, khoảng 85 - 90% lượng hàng xuất khẩu là xuất sang Liên xô (trước đây) và các nước Đông Âu (khu vực I), nay phần lớn bị cắt giảm, làm đảo lộn nhiều mặt sản xuất kinh doanh của CT. Riêng việc 9000 lao động không có việc làm đã là nỗi lo và điều trăn trở lớn nhất của những người lãnh đạo CT. Làm thế nào có thể nhanh chóng thoát ra khỏi tình trạng này ? Tìm kiếm thị trường ư ? Đúng ! Nhưng bằng cách nào nắm bắt thị trường một cách nhanh nhất ?

Để giải quyết vấn đề này, đầu năm 1989 CT đã đề nghị UBND thành phố Hải phòng và các bộ, ngành có liên quan cho phép được quan hệ trực tiếp với khách hàng nước ngoài, kể cả khách hàng ở các nước tư bản chủ nghĩa (khu vực II).

Nhờ quan hệ trực tiếp với khách hàng nước ngoài, CT đã nhanh chóng xác định những chỗ mạnh và yếu của mặt hàng thâm len truyền thống (đã có từ năm 1929) để cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, chấp nhận cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới công nghệ. Muốn thắng trong cạnh tranh, hòa nhập thị trường thế giới, không có con đường nào khác là phát huy tiềm năng, tính cần cù, sáng tạo với tay nghề thủ công tinh xảo của lực lượng lao động hiện có.

Trong 3 năm qua, CT đã tổ chức sáng tác được 36 mẫu mã mới, thích hợp với thị hiếu khách hàng. Việc thường xuyên cải tiến mẫu mã đã mở đường cho CT thâm nhập thị trường thế giới. Năm 1991, CT đã xuất được 30.000m² thảm mỹ thuật tẩy bóng cao cấp sang 12 nước thuộc khu vực II và đã ký được hợp đồng sản xuất thảm năm 1992 với một số khách hàng nước ngoài.

Nhờ nâng được chất lượng sản phẩm, CT đã thu hút được nhiều khách hàng ở các nước khu vực II, và họ đã cho CT vay thêm vốn để mở rộng sản xuất. Cũng do mở rộng quan hệ buôn bán với nhiều nước, CT đã dần dần khai thông được thị trường vốn và vật tư. Riêng tổ chức SIDA của Thụy-điển năm 1989 - 1990 đã cho CT vay 5,7 triệu curon (khoảng 920 000 đôla), giúp CT giải quyết khó khăn về vốn.

Như vậy, việc giải quyết việc làm cho người lao động ở CT gắn liền với việc mở rộng và ổn định thị trường, gắn liền với việc tạo vốn được CT xem như mục tiêu chiến lược. Còn việc xuất - nhập khẩu hàng hóa của CT có thành công hay không, điều đó phụ thuộc vào trình độ nhạy cảm nắm bắt thị trường và việc đổi mới công nghệ, bảo đảm chất lượng mặt hàng, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng.

2 - Trên cơ sở ổn định sản xuất, tiến hành phân công lao động hợp lý, bảo đảm việc làm cho người lao động.

Xuất phát từ quan điểm "hiệu quả kinh tế phải gắn với bảo đảm việc làm cho người lao động", CT đã lo ổn định sản xuất trước, rồi mới tổ chức phân công lại lao động, tránh được những xáo trộn không cần thiết. Việc phân công lao động được tiến hành theo hai hướng chủ yếu : tinh giản bộ máy quản lý, và giao quyền tự chủ cho các đơn vị lao động trên cơ sở khoán sản phẩm theo định mức kinh tế - kỹ thuật. CT đã tập trung nhiều công sức xây dựng và rà soát lại gần 1000 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các loại sản phẩm.

Để nâng cao hiệu suất công tác của bộ máy quản lý, CT đã sáp nhập các phòng ban, tập trung kiện toàn ban giám đốc, phòng kế hoạch, tài vụ, bộ máy sáng tác mẫu mã, tẩy nhuộm, v.v. nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Trong việc kiện toàn bộ máy, CT được UBND thành phố chọn làm thí điểm về bầu giám đốc, về lựa chọn người thực sự có năng lực điều hành sản xuất kinh doanh trên cơ sở người dự thi tuyển phải thuyết trình đề án rõ ràng, đảm bảo 3 yêu cầu cơ bản : 1 - sản xuất kinh doanh có hiệu quả và ổn định ; 2 - bảo đảm công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động ; 3 - hoàn thành chỉ tiêu nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước. Việc bầu giám đốc đã có tác dụng nâng cao tinh thần làm chủ và ý thức trách nhiệm của cán bộ và công nhân đối với công việc chung của CT.

Trong việc sắp xếp lại lao động, một vấn đề nổi lên là : làm thế nào tạo được sự phối hợp liên hoàn giữa các bộ phận sản xuất, khắc phục được tình trạng "nơi thừa người lại thiếu việc" "nơi có việc lại thiếu người", hoặc "người và việc không phù

hợp", ảnh hưởng đến năng suất và gây lãng phí sức người sức của. CT đã điều chuyển một số công nhân ở bộ phận kiến thiết cơ bản sang làm công việc xe sợi ở phân xưởng sản xuất phụ; đã mở lớp học nghề dệt, tủa thảm cho những người còn tuổi lao động nhưng chưa có nghề, v.v.. Số lao động *thật sự dồi dào* (do không có khả năng theo đuổi ngành nghề hoặc yếu sức khỏe) thì CT giải quyết cho nghỉ việc theo Quyết định 176/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng. Tính đến tháng 6-1990, CT đã dành ra 84 triệu đồng hỗ trợ số lao động nghỉ việc.

Cùng với việc tổ chức, sắp xếp lại lao động hợp lý, CT đã mạnh dạn áp dụng hình thức khoán sản phẩm từ khâu đầu đến khâu cuối (khoán triệt để) trên mỗi mét vuông thảm dệt. Nhờ vậy đã giải quyết được những bất hợp lý trước đây. Một số người trước đây quen sống dựa dẫm vào tập thể nay không thể không sửa đổi. Có làm mới hường. Làm tốt thì được hưởng cao (ở bộ phận sáng tác mẫu mã, tấy nhuộm, có người được nhận lương 300 - 500 ngàn đồng/tháng). Với chế độ khoán triệt để, mỗi người lao động đều có thể tính toán được kết quả lao động của mình. CT có thể hạn chế tối đa số sản phẩm không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có thể xác định trách nhiệm và mức thưởng phạt rõ ràng cho từng người.

Chính sự phân công lao động hợp lý cùng với chế độ khoán triệt để, đã tạo ra động lực kinh tế, phát huy được năng lực và trí tuệ của người lao động. Người lao động thực sự quan tâm đến công việc chung, đến năng suất, chất lượng và hiệu quả. Kết quả là năng suất lao động của toàn CT đã tăng lên 20 - 30%.

Đối với 22 hợp tác xã vệ tinh, CT đã thể hiện được vai trò chủ đạo của một đơn vị kinh tế quốc doanh: giúp đỡ về phương tiện vật chất kỹ thuật, giao dệt gia công hàng trăm hệ thảm, tạo việc làm cho hơn 6000 lao động. Có những hợp đồng lợi nhuận không cao, thậm chí chỉ hòa vốn, nhưng CT vẫn ký kết nhằm duy trì việc làm và giữ vững lực lượng lao động, nhất là lao động có kỹ thuật cao.

Như vậy, trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, vấn đề tổ chức sản xuất và phân công lao động luôn luôn gắn liền và thống nhất với nhau, nhưng

không nhất thiết phải tiến hành song song. Trong điều kiện sản xuất chưa ổn định mà tiến hành ngay phân công lại lao động thì có thể làm cho tình hình thêm rối. Nhưng phân công lao động hợp lý lại tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Và đó lại là cơ sở để đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động.

3 - *Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật, công nhân lành nghề và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.*

Trong khi thâm nhập thị trường thế giới, những người lãnh đạo CT đã ý thức được rằng chất xám là nguồn lực quan trọng để tăng năng suất lao động, tiết kiệm nguyên liệu, nâng chất lượng sản phẩm. Vì vậy, ba năm qua (1989 - 1991), CT đã bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý kinh tế cho 11 cán bộ chủ chốt từ trưởng, phó phòng đến giám đốc xí nghiệp, cử 20 người trong diện cán bộ kế cận theo học đại học tại chức, chọn hàng chục công nhân lao động giỏi đi học trung cấp kỹ thuật, và thường xuyên tổ chức thi nâng bậc thợ, chọn tay nghề giỏi. Đến nay toàn CT có 46 người có trình độ đại học, hơn 100 người có trình độ trung cấp và hơn 400 thợ bậc cao (5 - 6). Đặc biệt, CT chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề, xem đó là lực lượng then chốt để đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Đội ngũ này đã góp phần quan trọng vào việc phát huy sáng kiến, cải tiến công nghệ, đem lại hiệu quả thiết thực cho CT trong mấy năm qua.

Đối với những người có phát minh, sáng chế mang lại hiệu quả kinh tế, CT đều có thưởng thỏa đáng (như ai sáng tác được mẫu mã mới, đẹp, được khách hàng chấp nhận ký kết hợp đồng sẽ được CT thưởng từ 500 - 1000 đ/m² và được giữ bản quyền trong 3 năm).

Để mở rộng mặt hàng, giải quyết thêm việc làm cho người lao động, CT đã và đang khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề hợp tác nghiên cứu sử dụng nguyên liệu trong nước.

CT đã chú ý đầu tư chiều sâu, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và cải thiện điều kiện làm việc cho

người lao động. Mấy năm qua, CT đã tiến hành cải tạo 2 nồi hơi cũ, lắp đặt 1 nồi hơi mới, nâng cấp bể tẩy thảm tăng gấp đôi công suất tẩy, sửa chữa và xây dựng 8500m² nhà cho 3 xí nghiệp thành viên, xây dựng nhà mới 5 lảng, mua sắm thêm phương tiện dệt, chống nóng, dụng cụ bảo hộ lao động. Tổng số tiền đầu tư trong 3 năm là 3,5 tỷ đồng, chủ yếu bằng nguồn vốn tự có của CT.

Để người lao động thật sự làm chủ quá trình sản xuất kinh doanh, CT không những chú ý cải thiện đời sống vật chất mà còn chăm lo giáo dục, kịp thời động viên họ về mặt tinh thần. CT quan tâm trang bị và tăng cường các phương tiện văn hóa, dụng cụ thể dục thể thao và phương tiện thông tin đại chúng cho các xí nghiệp thành viên và các hợp tác xã vệ tinh. Cán bộ sắp nghỉ hưu, người lao động giỏi, công nhân yếu sức khỏe được ưu tiên đi tham quan, nghỉ mát, an dưỡng. Gia đình liệt sĩ, thương binh, công nhân có nhiều khó khăn đều được CT trợ cấp và nhận con em vào làm việc. Hiện nay, mỗi năm CT đào tạo, bố trí việc làm cho khoảng 150 - 200 cháu.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, những cố gắng nói trên của CT đã động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân, viên chức yên tâm công tác, gắn bó với CT.

*

Quá trình giải quyết việc làm cho người lao động ở CT đang đặt ra một số vấn đề đòi hỏi được giải quyết :

Về phía CT:

- Cần xây dựng chế độ khoán hợp lý hơn đối với các bộ phận lao động gián tiếp. Có lẽ song song với khoán khối lượng công việc, cần tiến hành khoán quỹ lương và có chế độ thưởng phạt rõ ràng.

- Cần bố trí lao động nam có năng khiếu làm nghề thảm với tỷ lệ thích hợp vào các dây chuyền sản xuất để kích thích tăng năng suất lao động.

- Thực tế CT cho thấy cần xem giám đốc là *một nghề*. Người giám đốc là người chịu trách nhiệm mọi mặt trước đơn vị, pháp luật và có quan hệ giao dịch rộng. Trong hoàn cảnh cụ thể nào đó, quyết định sự thành bại của CT, xí nghiệp là người giám đốc. Vì vậy, người giám đốc phải có kiến thức

chuyên môn giỏi, linh hoạt, thông minh, lựa chọn và đưa ra được các quyết định chính xác, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Chính điều đó đang đặt ra vấn đề : nên xây dựng một *quỹ giám đốc* theo tỷ lệ tương xứng với kết quả sản xuất kinh doanh, để giám đốc có quyền sử dụng linh hoạt trong giao dịch và ký kết hợp đồng mang lại lợi ích chung.

Về phía nhà nước :

- Kinh nghiệm thâm nhập thị trường nước ngoài cho thấy : các nước rất ưa chuộng những sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống mà nước ta với nguồn lao động dồi dào có thể đáp ứng. Nhà nước cần tăng cường quản lý vĩ mô đối với những mặt hàng truyền thống mang tính chiến lược như thảm len, tơ lụa, v.v. và có chính sách đầu tư thích đáng để tăng sức cạnh tranh với các nước khác.

- Muốn bảo đảm được công ăn việc làm cho 10.000 - 15.000 lao động, CT cần có trên 13 tỷ đồng vốn lưu động. Nhưng hiện nay, vốn nhà nước giao cho CT mới có 950 triệu đồng (700 triệu đồng là vốn cố định và 250 triệu đồng là vốn lưu động). Như vậy, cần đối với vốn tự có và coi như tự có, hiện nay CT còn thiếu trên 12,05 tỷ đồng. Để CT có điều kiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, sử dụng nguyên vật liệu trong nước, khắc phục tình trạng phần lớn nguyên liệu phụ thuộc vào nhập khẩu, Nhà nước cần có sự hỗ trợ vốn. Có như vậy, CT mới có thể thực sự bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh.

- Đến nay, CT đã cố vốn cố định là 4,5 tỷ (gấp hơn 3 lần so với vốn nhà nước giao), nhưng vì cơ chế quản lý của CT vẫn là cơ chế quản lý của một doanh nghiệp nhà nước thuần túy, nên chưa kích thích được khả năng thu hút và sử dụng vốn... Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách giải quyết theo hướng tạo điều kiện và môi trường cho CT từng bước chuyển sang hình thức cổ phần, thu hút ngày càng nhiều nguồn vốn để phát triển sản xuất với hiệu quả cao hơn.

VỀ TỔ CHỨC LIÊN HIỆP XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã nêu rõ "sửa đổi các quy định về tổ chức liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty phù hợp với cơ chế mới, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, không phân biệt quan hệ sở hữu của các doanh nghiệp thành viên. Trước mắt, giải thể những liên hiệp xí nghiệp chỉ hoạt động như một cấp trung gian".

Để góp phần quán triệt và thực hiện chủ trương hết sức đúng đắn này, vừa qua Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn về tổ chức liên hiệp xí nghiệp (LIHXN). Tham dự cuộc hội thảo có một số nhà nghiên cứu lý luận, một số cán bộ lãnh đạo và chuyên viên kinh tế, một số tổng giám đốc và giám đốc liên hiệp xí nghiệp. Trong không khí trao đổi khoa học thẳng thắn và nghiêm túc, những người dự hội thảo đã tập trung ý kiến thảo luận và tranh luận trên ba vấn đề chủ yếu sau đây :

- Đánh giá thực trạng LIHXN ở nước ta trong thời gian qua.
- Mô hình LIHXN và vị trí, chức năng của nó trong nền kinh tế.
- Phương hướng và giải pháp sắp xếp lại LIHXN.

I - ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LIHXN Ở NƯỚC TA TRONG THỜI GIAN QUA

Đây là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, vì mỗi người đứng trên giác độ khác nhau đều có cách nhìn và đánh giá khác nhau. Thông thường, tổng giám đốc LIHXN bao giờ cũng nêu lên mặt tích cực và sự cần thiết phải có liên hiệp xí nghiệp, còn giám đốc xí nghiệp lại nói ngược lại. Các nhà khoa học và nghiên cứu tổng hợp có cách nhìn và đánh giá tổng quát hơn, song giữa họ cũng còn những ý kiến khác nhau về khẳng định hay phủ định vai trò của liên hiệp xí nghiệp.

Vậy nên đánh giá như thế nào để có thể phản ánh đúng thực trạng hoạt động của các LIHXN trong những năm qua, trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp sắp xếp lại LIHXN trong thời gian tới.

Đa số những người dự hội thảo cho rằng : muốn đánh giá đúng thực trạng hoạt động của các LIHXN trong những năm qua, trước hết phải căn cứ vào điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ xây dựng và phát triển nền kinh tế theo đường lối của Đảng.

Có thể nói, ngay trong thời kỳ bao cấp, với chức năng và nhiệm vụ được giao, không ít LIHXN đã phát huy được vai trò tích cực trong việc xây dựng quy

hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của ngành kinh tế kỹ thuật, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, làm tốt việc phân phối, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các xí nghiệp thành viên hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, từng bước cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân, bảo đảm nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước. Nhiều LIHXN đã góp phần quan trọng vào việc tham gia hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, do bộ chủ quản ủy nhiệm và giao phó.

Những năm gần đây, với việc nền kinh tế nước ta từng bước chuyển sang cơ chế thị trường, tuy gặp nhiều khó khăn nhưng một số LIHXN đã chủ động cùng các xí nghiệp thành viên vươn ra nắm bắt thị trường, bảo đảm vốn và vật tư cho sản xuất, tiến hành một bước đổi mới trang thiết bị và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, cho nên đã tăng được khả năng cạnh tranh, tạo được thế đứng trên thị trường ở trong và ngoài nước.

Bên cạnh việc đánh giá những kết quả đã đạt được của LIHXN, những người dự hội thảo đã nghiêm túc phân tích những hạn chế trong công tác

tổ chức và quản lý của các LHXN. Có thể nêu lên một số hạn chế chủ yếu sau đây :

Một là, nhìn chung các LHXN còn lúng túng trong việc chuyển đổi cơ chế, chưa thể hiện rõ tính chất là một tổ chức sản xuất kinh doanh ở quy mô ngành, khu vực hay một địa phương. Một số LHXN còn tự coi mình là cấp trên của xí nghiệp, là cấp quản lý trung gian giữa bộ và xí nghiệp ; quản lý còn mang nặng tính chất mệnh lệnh gò ép, áp đặt giá đầu vào và đầu ra cho các xí nghiệp thành viên, cản trở các xí nghiệp thành viên chủ động tiếp cận thị trường, thậm chí có nơi LHXN còn áp dụng hình thức huy động vốn theo kiểu đóng góp nghĩa vụ cho các hoạt động mạo hiểm của mình mà các xí nghiệp thành viên không hay biết.

Hai là, chưa làm tốt vai trò tổ chức, phân công, phối hợp các hoạt động trong nội bộ liên hiệp, chưa giải quyết thỏa đáng mối quan hệ lợi ích giữa LHXN với các xí nghiệp thành viên và giữa các xí nghiệp thành viên với nhau, do đó, sự kết dính giữa liên hiệp với các xí nghiệp thành viên vốn đã rời rạc lại càng rời rạc thêm.

Ba là, trong quá trình chuyển sang cơ chế quản lý mới, chỉ có một số LHXN thực sự vươn lên hoạt động có hiệu quả, còn thì không ít LHXN vẫn dừng ở cách làm cũ, dựa dẫm, ỷ lại vào cấp trên, khai thác các kẽ hở của cơ chế, chính sách mới để kiếm lời, như hút vốn và vật tư của nhà nước, hình thành các xí nghiệp dịch vụ không phải vì mục đích phục vụ sản xuất mà nhằm duy trì một cách hình thức bộ máy liên hiệp, vừa gây khó khăn cho các xí nghiệp thành viên, vừa lãng phí công quỹ nhà nước.

Bốn là, quan hệ về quản lý giữa LHXN với bộ (ủy ban nhân dân tỉnh - sở) cũng như với các xí nghiệp thành viên không rõ nên dẫn đến tình trạng : bộ thì can thiệp quá sâu vào những hoạt động tác nghiệp kinh doanh của LHXN, còn LHXN thì lại làm chức năng quản lý nhà nước thay bộ...

Những người dự hội thảo cho rằng, tình trạng hoạt động kém hiệu quả của các LHXN như đã nói ở trên là do nhiều nguyên nhân, song có thể rút ra một số nguyên nhân chủ yếu sau :

1 - Do rập khuôn mô hình phát triển kinh tế của các nước Đông Âu trước đây, chúng ta đã xây dựng quá nhiều xí nghiệp quốc doanh (khoảng 12 000 xí nghiệp), nên nhà nước không đủ khả năng quản lý

trực tiếp mà phải thông qua các LHXN. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến hình thành hàng loạt các LHXN, các tổng công ty... và đã biến chúng thành một cấp chủ yếu làm chức năng quản lý nhà nước (với mức độ khác nhau).

2 - Vì không xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, nên khi chuyển sang cơ chế mới, nhiều LHXN trở thành thừa, không có chỗ đứng trong nền kinh tế. Mặt khác, do ý muốn chủ quan thành lập ngay các đơn vị kinh tế quy mô lớn (LHXN) trong khi trình độ kỹ thuật và công nghệ còn lạc hậu, nên đã dẫn đến sự không phù hợp giữa hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Mâu thuẫn này vốn đã có trong thời kỳ bao cấp, nay chuyển sang cơ chế thị trường với sự xác lập quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, càng trở nên gay gắt. Vì vậy, LHXN nào không thích ứng được với cơ chế mới, trước sau sẽ không tránh khỏi bị đào thải, vì không còn tác dụng đối với các xí nghiệp thành viên. Đây cũng là lý do vì sao mấy năm gần đây không ít xí nghiệp thành viên muốn tách khỏi LHXN.

3 - Việc chuyển sang cơ chế thị trường và xác lập quyền tự chủ kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở đã làm cho chức năng của LHXN thay đổi, nhưng trên thực tế hoạt động của LHXN vẫn bị các quy định cũ trói buộc. Chẳng hạn các quy định trong Điều lệ LHXN về giao kế hoạch, về kế hoạch pháp lệnh, về cung ứng vật tư, về chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng giá... và một số chính sách cụ thể khác, vẫn còn mang đậm dấu ấn của cơ chế quan liêu bao cấp và sự can thiệp khá sâu của nhà nước vào tác nghiệp kinh doanh, hạn chế quyền tự chủ của đơn vị kinh tế cơ sở.

Sự thay đổi chậm chạp về chính sách quản lý vĩ mô cộng với trình độ tổ chức điều hành còn non yếu của bộ máy LHXN đã trở thành lực cản kìm hãm sự phát triển năng động sáng tạo của đơn vị kinh tế cơ sở.

Việc tìm ra các mặt hạn chế và nguyên nhân làm cho LHXN hoạt động kém hiệu quả, là vấn đề hết sức cần thiết. Tuy nhiên, không thể chỉ dừng ở việc xem xét những vấn đề quá khứ, mà quan trọng hơn, là tìm ra nội dung và phương hướng phát triển cho mô hình tổ chức quản lý tương lai.

II - MÔ HÌNH LHXN VÀ VỊ TRÍ CHỨC NĂNG CỦA NÓ TRONG NỀN KINH TẾ

1 - Sự hình thành LHXN có là một tất yếu khách quan không?

Mặc dù có sự phê phán ở mức độ khác nhau về hoạt động yếu kém của các LHXN, song nhìn chung, những người dự hội thảo sau khi phân tích, đều khẳng định: sự phát triển của nền kinh tế khách quan đòi hỏi các doanh nghiệp phải thiết lập các mối quan hệ liên kết kinh doanh nhằm khai thác triệt để các tiềm năng mà từng doanh nghiệp riêng lẻ không thể làm được hoặc làm với hiệu quả thấp hơn.

Tập trung hóa là một hình thức cơ bản của quá trình xã hội hóa sản xuất, trước hết là trong ngành công nghiệp. Hình thức này diễn ra theo hai hướng: tích tụ vốn để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh trong từng doanh nghiệp, và liên kết nhiều doanh nghiệp thành một đơn vị kinh tế có quy mô lớn hơn. Có thể nói LHXN, về bản chất, là loại hình của liên hiệp sản xuất, nó tồn tại khách quan ở tất cả các nước với tên gọi khác nhau nhưng có cùng nội dung hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, tổ chức liên kết kinh tế như dạng LHXN hiện nay vẫn được coi là hình thức tổ chức phù hợp, mang tính quy luật của quá trình tập trung hóa và có tác dụng nâng cao hiệu quả kinh tế. Phải tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và sự hoàn thiện của cơ chế quản lý, hay nói cách khác, phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, mà hình thành các tổ chức liên kết kinh tế. Các tổ chức này có thể là hãng kinh doanh, công ty hoặc tổng công ty... Điều quan trọng là xác định rõ nhiệm vụ, chức năng, mục tiêu và hiệu quả của mô hình tổ chức mà chúng ta lựa chọn.

2 - Tên gọi, vị trí, chức năng nhiệm vụ và các nguyên tắc của tổ chức liên kết kinh doanh (LHXN, hãng, công ty, tổng công ty...).

a) Tên gọi

Đa số những người dự hội thảo đã kiến nghị nên đổi tên LHXN thành *Tổng công ty, công ty* hay *hãng kinh doanh*, vì để tên gọi LHXN như hiện nay dễ làm cho người ta nhầm lẫn đó là một cấp quản lý. Hơn

nữa, trong thuật ngữ kinh tế, LHXN không đồng nghĩa với hãng kinh doanh, tổng công ty hay công ty, do đó, muốn để các nhà doanh nghiệp nước ngoài hiểu, chúng ta phải mất công giải thích.

b) Vị trí, chức năng của LHXN

Một số ý kiến cho rằng, trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, LHXN không chỉ có chức năng tổ chức sản xuất kinh doanh mà còn phải đảm nhiệm một phần chức năng quản lý nhà nước. Cũng có ý kiến đề nghị không nên nhấn mạnh chức năng của LHXN là sản xuất kinh doanh, mà nên coi chức năng của nó chủ yếu là dịch vụ.

Trái với các ý kiến trên, đa số những người dự hội thảo cho rằng, đã là liên hiệp doanh nghiệp thì không nên đảm nhận chức năng quản lý nhà nước hoặc làm dịch vụ đơn thuần. Hầu hết những người phát biểu tỏ ý đồng tình với những nội dung nêu trong Điều lệ LHXN quốc doanh, coi LHXN quốc doanh là tổ chức sản xuất kinh doanh do các xí nghiệp quốc doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình tái sản xuất tự nguyện lập ra. Theo tinh thần đó, LHXN không còn là một tổ chức quản lý hành chính trung gian, không còn là cấp trên của xí nghiệp; LHXN và xí nghiệp đều là tổ chức sản xuất kinh doanh có tư cách pháp nhân bình đẳng với nhau trong quan hệ liên kết.

c) Nhiệm vụ của LHXN

Do việc xác định chức năng của LHXN còn có những ý kiến khác nhau, nên việc xác định nhiệm vụ của nó cũng còn những ý kiến khác nhau. Tuy vậy, qua ý kiến của đa số những người dự hội thảo, có thể khái quát một số nhiệm vụ chính của LHXN như sau:

- Hoạch định chiến lược phát triển của toàn liên hiệp. Chiến lược đó phải thể hiện rõ mục tiêu đi tới của toàn liên hiệp và của mỗi đơn vị thành viên. Từ chiến lược phát triển chung, xây dựng các phương án phân công sản xuất sản phẩm một cách hợp lý theo hướng kết hợp chuyên môn hóa với kinh doanh tổng hợp, bảo đảm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn liên hiệp và của mỗi xí nghiệp thành viên.

- Tổ chức liên kết hoạt động cung cấp nguyên vật liệu, tiêu thụ các sản phẩm chủ yếu, tạo điều kiện cho các xí nghiệp thành viên tiếp cận thị trường.

- Nghiên cứu khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ, tổ chức các trung tâm nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng, nghiên cứu xử lý và cung cấp thông tin về thị trường, giá cả... một cách chính xác và kịp thời cho các xí nghiệp thành viên, lập các dự án đầu tư theo chiều sâu và tìm kiếm các cơ hội tốt nhất để thực hiện các dự án đó.

- Đề xuất phương án đổi mới tổ chức quản lý trên phạm vi toàn liên hiệp và từng xí nghiệp thành viên, hình thành trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật cho các xí nghiệp thành viên...

d) Nguyên tắc hình thành

Dưới đây là một số nguyên tắc chung mà nhiều bản tham luận đề cập :

1 - Sự hình thành LHXN, hãng kinh doanh, tổng công ty hay công ty, trước hết phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi. Nội dung cơ bản của nguyên tắc này là để cho các xí nghiệp thành viên tự lựa chọn hình thức liên kết kinh tế (kể cả xin vào và xin ra), không có sự gò ép, áp đặt. Thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, giải quyết đúng đắn mối quan hệ lợi ích phù hợp với kết quả hành động của các xí nghiệp thành viên và của toàn liên hiệp. Thực hiện dân chủ và bình đẳng trên cơ sở mọi thành viên hướng vào mục tiêu chung là năng suất, chất lượng và hiệu quả, nghiêm chỉnh thi hành pháp luật.

2 - Kết hợp chặt chẽ giữa chuyên môn hóa và đa dạng hóa (đa dạng hóa về sản phẩm, về hình thức

tổ chức, về cơ cấu thành phần kinh tế). Mỗi ngành kinh tế kỹ thuật có vai trò vị trí khác nhau, có trình độ trang bị kỹ thuật, công nghệ, trình độ tích tụ và tập trung, trình độ quản lý không giống nhau, do đó, cần thiết kế mô hình liên hiệp kinh tế thích hợp, bảo đảm cho quá trình tái sản xuất tiến hành thuận lợi và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất.

Thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi phải phát huy cao độ tinh thần năng động sáng tạo của các xí nghiệp thành viên nhằm tạo nên "hiệu ứng bù trừ may rủi" trong nền kinh tế thị trường với hiệu quả kinh doanh cao.

3 - Không để việc tổ chức các LHXN, hãng kinh doanh, tổng công ty hay công ty, dẫn đến hình thành các tổ chức độc quyền, hạn chế cạnh tranh. Vì thực tế cho thấy, hình thành các tổ chức độc quyền sẽ dẫn đến sự lũng đoạn giá cả thị trường, gây thiệt hại cho người tiêu dùng và người sản xuất. Trừ một số ngành đặc biệt hoặc có liên quan đến quốc phòng, an ninh, còn đối với các ngành kinh tế kỹ thuật khác, không nên duy trì hình thức kinh doanh độc quyền (về vấn đề này, cũng có một số ý kiến cho rằng : trong giai đoạn đầu, nhà nước có thể còn phải độc quyền kinh doanh một số mặt hàng thiết yếu).

4 - Tổ chức lại các LHXN phải nâng cao được hiệu quả kinh doanh. Đó chính là hiệu quả tổng hợp sức mạnh liên kết của nhiều xí nghiệp mà hiệu quả riêng rẽ của từng xí nghiệp cộng lại không thể có được. Hiệu quả tổng hợp mà tổ chức liên kết mới tạo nên có lớn hơn hiệu quả riêng rẽ của từng xí nghiệp cộng lại mới hấp dẫn các xí nghiệp thành viên, mới tạo nên sức mạnh mới về chất thúc đẩy quá trình tái sản xuất mở rộng.

III - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP SẮP XẾP LẠI LHXN

Một số ý kiến cho rằng, LHXN ra đời không hợp quy luật (đẻ non), nên đã trở thành khâu trung gian không cần thiết ; nó không những không thúc đẩy mà còn cản trở sự phát triển của các xí nghiệp thành viên. Do đó, theo các ý kiến này, giải pháp chính là giải thể hầu hết các LHXN hiện có, chỉ giữ lại một vài LHXN đặc

thù như LHXN đường sắt, hàng không, bưu chính viễn thông...

Ngược lại với ý kiến trên, một số ý kiến khác cho rằng : LHXN ra đời là phù hợp với quy luật của quá trình tập trung hóa sản xuất. Những hạn chế của một số LHXN hiện nay không bắt nguồn từ bản thân hình thức tổ chức này, mà là do chúng

ta chưa xác định cho nó một cơ chế hoạt động đúng đắn. Do đó, không nên giải tán hầu hết các LHXN hiện có, mà quan trọng là tổ chức sắp xếp lại chúng như thế nào, quy định rõ chủ trương, nhiệm vụ cho phù hợp với cơ chế mới.

Đa số những người dự hội thảo khẳng định : phải dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình đổi mới kinh tế ở nước ta mà đặt vấn đề tổ chức sắp xếp lại LHXN quốc doanh một cách hợp lý. Thực ra, trong sự hình thành các LHXN quốc doanh ở nước ta, vừa có cái bắt nguồn từ yêu cầu khách quan của nền kinh tế, vừa có cái do chúng ta chủ quan duy ý chí, rập khuôn, áp đặt mô hình quản lý của các nước Đông Âu trước đây vào nước ta. Trong điều kiện như vậy, chúng ta cần sắp xếp lại LHXN quốc doanh trên cơ sở những nguyên tắc mà chúng ta đã đề ra. Không thể giản đơn tuyên bố giải tán hoặc giữ lại LHXN này hoặc LHXN khác. Vấn đề là phải trên cơ sở tiến hành phân loại LHXN làm ăn có hiệu quả và LHXN làm ăn không có hiệu quả để có biện pháp tác động thích hợp. Mặt khác, với việc chuyển sang cơ chế thị trường, chính thị trường sẽ giúp chúng ta sàng lọc, loại trừ những LHXN làm ăn thua lỗ hoạt động như một cấp trung gian. Hay nói cách khác : chính thị trường sẽ giữ lại những cái hợp lý và gạt bỏ những cái không hợp lý.

Việc tổ chức sắp xếp lại LHXN quốc doanh đương nhiên cần có sự tác động của nhà nước theo đúng quy luật. Đồng thời, cần thông qua quy luật cạnh tranh để xác định sự tồn tại hợp lý của các tổ chức liên kết.

Từ cách đặt vấn đề như trên, hầu hết những người dự hội thảo kiến nghị :

- Nên hình thành các tổ chức liên kết kinh doanh theo loại hình công ty mẹ (công ty lớn nhất làm đầu đàn, các thành viên là những công ty con). Trong các công ty hay tổng công ty này, không phải chỉ có các xí nghiệp quốc doanh mà có cả các xí nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác tự nguyện tham gia. Cũng có thể mở rộng các hình thức liên kết kinh doanh như góp vốn kinh doanh hay chuyển sang hình thức kinh tế cổ phần.

- Việc sắp xếp lại các LHXN quốc doanh phải dựa trên cơ sở sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh, vì các LHXN hiện có chỉ bao gồm các xí nghiệp quốc doanh. Một khi đã thu hẹp các xí nghiệp quốc doanh, nhất là các xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài, thì những LHXN bao gồm các thành viên này ắt sẽ thu hẹp.

- Đổi mới chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước, tạo điều kiện và môi trường cho các tổ chức liên kết hoạt động.

Đối với các LHXN quốc doanh do nhà nước trực tiếp quản lý (liên hiệp cứng), nhà nước phải bảo đảm nguồn vốn, vật tư và các điều kiện cần thiết cho các đơn vị này hoạt động. Nếu cứ thả nổi như thời gian qua thì các LHXN này sẽ không thể đứng vững trong môi trường cạnh tranh.

Đối với các tổ chức liên kết gồm nhiều thành phần kinh tế tham gia, nhà nước cần tạo điều kiện và môi trường cho nó hoạt động bằng cách ban hành và hoàn thiện các luật (như luật phá sản, luật lao động, luật sở hữu và luật doanh nghiệp...). Đồng thời, có chính sách thuế hợp lý, chính sách khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, chính sách tiền tệ tín dụng, cải cách chế độ tiền lương, bảo đảm cho cán bộ, công nhân, viên chức sống chủ yếu bằng đồng lương của mình...

- Cùng với việc sắp xếp và kiện toàn các bộ và ủy ban nhân dân các cấp, cần xác định rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan hữu trách (nhiều ý kiến đề nghị bỏ ngay cách quản lý theo bộ chủ quản, thực hiện quản lý theo bộ chuyên ngành). Chỉ có trên cơ sở phân biệt rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng sản xuất kinh doanh mới bảo đảm phát huy cao nhất quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp, hạn chế tới mức thấp nhất sự can thiệp không cần thiết của các bộ và UBND đối với hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của các doanh nghiệp.

VŨ XUÂN KIỀU

Tổng thuật

Cơ chế nói ngược

TÙNG LƯƠNG

CƠ chế nói ngược ? Vâng, đúng là như thế. Đây không phải là cách nói theo "mốt", cái gì cũng quy cho cơ chế, đổ tại cơ chế đâu. Nó có nội dung và yêu cầu xác định.

Ta biết, đã có một thời cái câu "nhất hô bá ứng" gần như trở thành phương châm ứng xử và cơ chế hoạt động của nhiều ngành, nhiều đơn vị. Nghĩa là cấp trên nói, cấp dưới chỉ có răm rắp tuân theo ; thủ trưởng hô một câu, anh em nhân viên, cán bộ dưới quyền chỉ có việc tán tụng, hưởng ứng, không được bàn ra, không được nói khác. Trường hợp cấp trên và thủ trưởng nói đúng (và phần nhiều là đúng) thì tuyệt quá rồi, rất cần thiết phải có sự thống nhất như thế. Nhưng nếu thủ trưởng nói sai ?... Thì cũng cứ phải như vậy ! Và người ta hiểu như thế là thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ (?). Tác hại thể nào ta đã thấy cả rồi.

Mấy năm đổi mới gần đây tình hình có khá hơn. Không phải trường hợp nào quần chúng và cấp dưới cũng nhất mực nói theo và làm theo cấp trên và thủ trưởng. Vì thực tế đã mách bảo người ta : không phải chủ trương nào của cấp trên cũng đúng cả, không phải ý kiến nào, việc làm nào của thủ trưởng cũng hay, cũng tốt cả. Trong không khí dân chủ cởi mở, nhiều người đã dám

nói ngược ý của thủ trưởng khi biết rõ ý kiến của thủ trưởng là không đúng. Có người thẳng thắn phê bình, đấu tranh với những việc làm sai trái của thủ trưởng. Rất nhiều thủ trưởng cũng đã chân thành lắng nghe ý kiến của quần chúng và cấp dưới, lắng nghe với thái độ thực sự cầu thị, kể cả những ý kiến ngược. Đó là những biểu hiện tốt.

Tiếc rằng những hiện tượng đó chưa phải là phổ biến, chưa phải đã được coi là bình thường. Vẫn còn có cái gì e ấp, ngại ngùng từ phía cấp dưới, và có cái gì khó chịu, bức bối từ phía lãnh đạo. Đã có không ít người chỉ vì nói trái ý lãnh đạo (mặc dù với động cơ trong sáng, lành mạnh) mà đã bị thành kiến, bị dè ý, thậm chí bị trù dập. Lập luận của người lãnh đạo đó chỉ đơn giản là : trong một tổ chức, một đơn vị muốn gì thì gì phải có kỷ cương thống nhất, không thể có tình trạng cấp trên nói cấp dưới không nghe, quần chúng cãi lại lãnh đạo ; chủ trương nào đưa ra cũng bị chống đối thì lãnh đạo nổi gì !... Xét về một mặt thì lập luận này không sai, thậm chí còn rất đúng. Kỷ luật và sức mạnh của một tổ chức không cho phép "trống đánh xuôi kèn thổi ngược", cấp dưới chống lại cấp trên ; không thể nhân danh đổi mới, lợi dụng dân chủ để gây

rối nội bộ. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì chưa đủ. Và lại, trong trường hợp đang nói ở đây, lập luận đó chỉ là nguy hiểm hoặc hiểu chưa đầy đủ vấn đề tập trung dân chủ. Có khá nhiều vị thủ trưởng miệng vẫn nói dân chủ, khuyến khích mọi người nói thẳng, nói thật ý nghĩ của mình, nhưng khi có ai đó nói trái ý mình, bốp chát lại mình thì không chịu nổi. Có người còn đỏ mặt nóng tai quy kết đủ thứ. Cái chính ở đây là thủ trưởng coi thường ý kiến của quần chúng và cấp dưới, không muốn nghe hoặc chưa quen nghe những lời nói ngược. Một số người cấp dưới thấy thế thì ngán ngẩm, giữ thái độ "mủ ni che tai", "ngậm miệng ăn tiền". Có người sinh ra cơ hội, nịnh bợ, luôn luôn đón ý thủ trưởng để nói theo, thậm chí xun xoe, tán tụng cả những ý kiến sai trái.

Thiết nghĩ, đã đến lúc cần chấm dứt những hiện tượng đó. Cần bình thường hóa việc nói ngược và nghe ý kiến trái ngược. Điều đó chỉ có lợi cho công việc chung thôi (đương nhiên nếu biết xử lý đúng và người nói ngược phải với động cơ xây dựng). Người lãnh đạo giỏi là người biết nghe và dám nghe những ý kiến nói ngược, khuyến khích cấp dưới và những người cộng sự suy nghĩ độc lập, thẳng thắn đề xuất

những ý kiến riêng, không nên thành kiến và vội vàng quy chụp. Biết nghe và chịu nghe ý kiến người khác, dù ý kiến đó có khác ý mình, có trái tai mình, đó cũng là một phẩm chất rất cần thiết của người lãnh đạo. Đó còn là hiện tượng rất bình thường trong cuộc sống. Nếu một người lãnh đạo lắng nghe được nhiều ý kiến, biết được thông tin nhiều chiều, nhất là thông tin chiều ngược, thông tin phản hồi, thì chắc chắn khi đề ra chủ trương hoặc quyết định một việc gì đó đỡ sai hơn. Nếu ý kiến anh đúng mà có người phản biện thì tính đúng đắn và sự sáng suốt trong ý kiến của anh càng được khẳng định mạnh mẽ và rõ ràng hơn. Nếu ý kiến anh sai mà có người chỉ ra cho anh thì thật là quý hóa, cần phải chân thành và nhiệt liệt hoan nghênh, cảm ơn người đó. Sự đời "cờ ngoài bài trong", đã chắc đâu điều gì anh nghĩ ra cũng đúng, câu nào anh nói

ra cũng hay. Có ý kiến nói ngược phản biện cho anh càng góp phần nâng cao tính chính xác, sự đúng đắn trong ý kiến và quyết định của anh. Điều đáng sợ là khi có ý kiến riêng mà người ta không muốn nói ra, khi biết anh sai mà không ai muốn can gián, xung quanh anh chỉ còn toàn những lời khen, vuốt ve, tán tụng !

Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đồng tình với cả những người chủ trương cứ phải luôn luôn nói ngược với cấp trên, nói trái ý kiến lãnh đạo, cho như thế mới là có bản lĩnh, dũng cảm ; còn những ai nói theo cấp trên, bênh vực lãnh đạo thì bị quy là "nịnh", là "cơ hội". Thực tế đã có không ít trường hợp người ta chuyên nói ngang, phê phán gay gắt lãnh đạo cấp trên (mặc dù cấp trên đúng) chỉ cốt để tỏ ra ta đây là người "có bản lĩnh", nói "đúng mốt" hiện thời. Chúng ta cũng không thể đồng tình với những

người muốn lợi dụng không khí cởi mở nói ngược để dả kích cấp trên, nói xấu lãnh đạo.

Cơ chế bảo đảm cho người cấp dưới dám nói ngược ý kiến người cấp trên là :

- Đưa ra thảo luận tập thể hoặc đối thoại, tranh luận. Nếu sau khi đã thảo luận kỹ mà thủ trưởng vẫn giữ ý kiến và quyết định của mình thì cán bộ cấp dưới phải chấp hành quyết định đó, tuy vẫn được bảo lưu ý kiến.

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý, là trọng tài phân xử đúng sai. Nếu quyết định của thủ trưởng bị thực tiễn kết luận là sai thì thủ trưởng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình ; còn người nói ngược, can gián thì được khen thưởng. Nghiêm cấm thành kiến, trù dập.

- Những người cố ý nói sai, vu cáo, xuyên tạc thì bị xử lý.

Tất cả những điều đó phải thành quy chế, luật pháp.



KHÔNG LỜI

Tranh : H. CHUÔNG

Chí Linh - Hải Hưng



THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHÁ SẢN XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

HUYỀN TƯ *

THỰC hiện chế độ phá sản, đối với các xí nghiệp hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, cho đến nay mới chỉ được đề cập trên những nét tổng quát. Điều 24 và điều 17 của *Luật công ty và Luật doanh nghiệp tư nhân* được Quốc hội thông qua ngày 21-12-1990 có ghi: "Công ty (doanh nghiệp tư nhân) gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ... đến mức không đủ thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn, là công ty (doanh nghiệp tư nhân) đang lâm vào tình trạng phá sản. Công ty (doanh nghiệp tư nhân) có thể bị tuyên bố phá sản. Trình tự và thủ tục phá sản thực hiện theo quy định của luật pháp về phá sản".

Theo điều tra, đánh giá bước đầu về thực trạng hoạt động của khu vực kinh tế quốc doanh ở thành phố Hồ Chí Minh, có 31% số đơn vị hoạt động có hiệu quả, 53% số đơn vị làm ăn cầm chừng và 16% hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, thực chất là đã và đang phá sản. Từ đó có nhiều ý kiến tranh luận xung quanh vấn đề phá sản xí nghiệp, trong đó có ý kiến: các xí nghiệp quốc doanh có thực hiện chế độ phá sản không, nếu có thì thực hiện như thế nào trong quá trình chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới?

Như ta đã biết, đối với xí nghiệp tư nhân, xí nghiệp thuộc sở hữu tập thể, và ngay cả đối

với xí nghiệp liên doanh giữa nước ta và nước ngoài, thực hiện chế độ phá sản là điều dễ chấp nhận. Song đối với xí nghiệp quốc doanh điều đó không dễ được đồng tình ngay. Ở đây có nguyên nhân kinh tế - xã hội, và cả yếu tố tâm lý.

Trước đây, chúng ta chưa bao giờ đặt vấn đề để các xí nghiệp quốc doanh phá sản, dù hoạt động của chúng có kém hiệu quả đến mấy đi nữa. Thậm chí còn cho rằng sự tồn tại của xí nghiệp quốc doanh là biểu hiện của tính ưu việt của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong hoạt động thực tiễn cũng như trong nhận thức tư tưởng và công tác nghiên cứu lý luận, khái niệm "phá sản" thường chỉ được áp dụng đối với nền kinh tế mà ở đó sở hữu tư nhân chiếm địa vị thống trị, đặc biệt là trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Nói cách khác, khái niệm "phá sản" gắn với phạm trù sở hữu, mà không gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp là cái đích thực quyết định nên hay không nên để xí nghiệp phá sản.

Xí nghiệp quốc doanh là tài sản của toàn dân, thuộc sở hữu toàn dân mà nhà nước là người đại diện. Để xí nghiệp quốc doanh phá sản tức là để một phần tài sản của toàn dân, của xã hội, trực tiếp là của nhà nước, bị mất đi. Đứng là khi một xí nghiệp quốc

doanh nào đó bị phá sản thì người bị ảnh hưởng trước tiên, là tập thể những người ở xí nghiệp đó. Song vì xí nghiệp đó lại là tài sản của toàn dân, nên mọi thành viên trong xã hội đều chịu tổn thất. Chỉ có điều là sự mất mát đó mang tính trừu tượng, không trực tiếp ảnh hưởng đến tài sản của một đơn vị hoặc cá nhân cụ thể nào. Cũng vì vậy, dẫn đến quan niệm cho rằng để cho xí nghiệp quốc doanh phá sản sẽ không có tác dụng tích cực; đừng đặt vấn đề ấy ra làm gì.

Ngày nay, khi hoạt động của toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như của từng đơn vị kinh tế cơ sở chuyển sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước, thì quan niệm nói trên rõ ràng không còn thích hợp nữa. Trong nền kinh tế thị trường, nếu không có cạnh tranh thì cũng sẽ không có thi đua kinh tế, mà đã không có thi đua kinh tế thì cũng sẽ không có động lực phát triển sản xuất. Vì lẽ đó, tôi cho rằng cần đặt ra và thực hiện chế độ phá sản cả đối với các xí nghiệp quốc doanh.

Để việc thực hiện chế độ phá sản đối với xí nghiệp quốc doanh có thể phát huy tác dụng, trước tiên cần *hoàn thiện chế độ sở hữu toàn dân*, làm cho chế độ sở hữu đó thật sự có chủ chứ không phải vô chủ như hiện nay. Đồng thời, cần phân biệt các nguyên nhân, cả chủ quan lẫn khách quan, dẫn đến tình trạng hoạt động thua lỗ, kém hiệu quả của các xí nghiệp quốc doanh. Sự thua lỗ triền miên của một số xí

* Viện Kế hoạch dài hạn và phân bổ lực lượng sản xuất (phần viện miền Nam)

ng nghiệp quốc doanh có thể là do các đơn vị đó kinh doanh kém ; cũng có thể do bản thân chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước gây nên. Nếu có quá nhiều xí nghiệp quốc doanh thua lỗ do "chính sách" như hiện nay, thì việc thực hiện chế độ phá sản đối với xí nghiệp quốc doanh sẽ không tránh khỏi có những khó khăn và ít tác dụng tích cực. Vì vậy, cùng với việc hoàn thiện chế độ sở hữu như đã nói ở trên, cần xem lại vị trí, vai trò, quy mô của kinh tế quốc doanh, đặt nó đúng với vị trí trong sự phát triển kinh tế của đất nước, như *Báo cáo của BCH TƯ Đảng khóa VI về các vấn đề trình Đại hội VII* đã chỉ rõ : "... khu vực kinh tế quốc doanh phải được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các ngành khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ quản lý vĩ mô của nhà nước. Đối với những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh, cần chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể".

Nhà nước xã hội chủ nghĩa điều tiết, chi phối và định hướng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước bằng hai loại công cụ : hệ thống luật lệ, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, và lực lượng kinh tế của mình - các xí nghiệp quốc doanh. Do vậy, trong điều kiện hiện nay, không thể để khu vực kinh tế quốc doanh suy giảm mà ngược lại, phải phát huy vai trò chủ đạo của nó trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Song, điều đó không đồng nghĩa với sự hiện diện quá nhiều về số lượng, quá lớn về phạm vi hoạt động, nhưng lại yếu kém về chất lượng, về hiệu quả kinh tế, như các xí nghiệp quốc doanh hiện nay. Tôi cho rằng, đối với kinh tế quốc doanh, cùng với thực hiện đồng bộ, nhất quán chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cần bố trí lại cơ cấu và phạm vi hoạt động của nó, để nhà nước đủ sức đầu tư cho những cơ sở trọng yếu, các công trình trọng điểm. Hạn chế dần đi đến xóa bỏ sự ưu tiên, ưu đãi để kinh tế

quốc doanh hoạt động có hiệu quả hơn. Riêng trong công nghiệp, kinh tế quốc doanh chỉ nên nắm một số xí nghiệp đầu não của một số ngành then chốt. Số còn lại, nhà nước nên nhanh chóng cho cổ phần hóa, tư nhân hóa, thuê thầu kinh doanh hoặc liên doanh sản xuất, kể cả với nước ngoài. Có như vậy, nhà nước mới thu về được một số vốn để đầu tư vào các công trình hạ tầng mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư, đồng thời thu được thuế cho ngân sách, thậm chí có thể thu cao hơn. Trên cơ sở giảm chi và tăng thu đó, nhà nước có điều kiện vật chất giải quyết các nhiệm vụ xã hội.

Việc thực hiện chế độ phá sản đối với các xí nghiệp quốc doanh phải được đặt và thực hiện trong tổng thể của quá trình đổi mới, một cách đồng bộ trên tất cả các mặt kinh tế - chính trị - xã hội. Vấn đề không chỉ đơn thuần là ban hành Luật về phá sản xí nghiệp quốc doanh, mặc dù đến nay luật đó vẫn chưa có.

CÙNG BẠN ĐỌC

Để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, từ nay mỗi số *Tạp chí Cộng sản* Bộ biên tập sẽ dành ra một số bản để bán lẻ tại trụ sở cơ quan (*miền Bắc* : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ; *miền Nam* : 19 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP Hồ Chí Minh). Mời các bạn có nhu cầu đến mua.



VIỆT NAM TRONG XU THẾ CHUNG CỦA CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

DINH NHỎ LIÊM

TRONG bối cảnh quốc tế mới, châu Á - Thái bình dương ngày càng có tầm quan trọng. Với vị trí địa lý đặc biệt, tài nguyên giàu có, nhân lực dồi dào, châu Á - Thái bình dương đang trở thành một trung tâm thu hút sự chú ý của thế giới. Trong khi ở châu Âu, vốn đã phát triển từ trước, đang gặp khó khăn do biến động ở Liên xô (trước đây) và ở các nước Đông Âu, trong khi nhìn chung nền kinh tế thế giới (kể cả các nước phương Tây) đang lâm vào một cuộc suy thoái, thì các nước ở châu Á - Thái bình dương, về cơ bản, vẫn theo hướng ổn định. Nhiều nhà kinh tế học dự đoán khu vực châu Á - Thái bình dương sẽ phát huy ảnh hưởng to lớn trong nền kinh tế tương lai của thế giới.

Về chính trị, trừ các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập đang gặp khó khăn, còn các nước như Ấn độ, Trung quốc, Mỹ, Nhật, In-đô-nê-xi-a, các nước khác thuộc ASEAN... nói chung ổn định, ngày càng đóng vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế. Về kinh tế, Nhật, Trung quốc, các "con rồng nhỏ", một số nước ASEAN đang tiếp tục phát triển với tốc độ cao. Có ý kiến dự đoán đến năm 2000, tổng giá trị sản lượng quốc dân của các khu vực ở châu Á, không kể Nhật, sẽ đạt trên 5000 tỷ đô la Mỹ, bằng 1/4 tổng sản phẩm quốc dân toàn thế giới hiện nay, gần như ngang với tổng giá trị sản lượng quốc dân của Mỹ, hoặc vượt hơn của Cộng đồng châu Âu.

Xu hướng đấu tranh và hợp tác trong môi trường tồn tại hòa bình ở châu Á - Thái bình dương đang gia tăng và hình thành nhiều khu vực nhỏ từ Bắc đến Nam. Sự hợp tác kinh tế và buôn bán trong nội bộ mỗi khu vực đang phát triển. Gần đây đã diễn ra một số sự kiện quan trọng như việc ký Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, việc hai miền Nam, Bắc Triều tiên cùng vào Liên hợp quốc và ký Hiệp ước không xâm lược, việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, cải thiện quan hệ Trung - Ấn, cải thiện quan hệ giữa các nước ASEAN và ba nước trên bán đảo Đông dương, việc nước Nhật đang vươn lên phát huy vai trò cả về kinh tế và chính trị v.v.. Những biến động đó đang tạo cơ hội mới cho sự hợp tác

kinh tế trong khu vực. Hợp tác tay đôi giữa các nước trong vùng cũng đang gia tăng, tạo thuận lợi cho hợp tác rộng rãi trong cả khu vực. Đã có những sáng kiến hợp tác trong khu vực nhỏ hoặc cả châu Á - Thái bình dương (ví dụ đề nghị của Ma-lai-xi-a về thành lập khu hợp tác kinh tế Đông Á hoặc mục tiêu của ASEAN trong 15 năm tới sẽ xây dựng khu vực buôn bán tự do của các nước Đông - Nam Á). Muốn phát triển, phải có hòa bình vững chắc và hợp tác chặt chẽ giữa các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Phải tiến tới xóa bỏ bất bình đẳng trong quan hệ kinh tế - thương mại. Độc lập về chính trị đi đôi với độc lập về kinh tế.

Với đường lối đối mới của các Đại hội VI và VII của Đảng, muốn vươn lên thành một nước vững về an ninh - quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta không thể không đặt chính sách đối với châu Á - Thái bình dương như là một trong những ưu tiên của các phương hướng đối ngoại. Bất cứ một nước nào, muốn giữ vững nền độc lập và phát triển kinh tế, đều coi trọng chính sách đối với khu vực mình. Theo tục ngữ Việt nam, "láng giềng gần" có vai trò hết sức quan trọng trong các mối bang giao. Nước Việt nam ta có vị trí quan trọng ở Đông-Nam Á, nhìn ra biển Đông, với bờ biển dài, có nhiều đảo và quần đảo, nằm trên con đường chiến lược từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam. Việt nam đã có quan hệ từ xa xưa với một số nước. Với đường lối đối mới về đối nội và đối ngoại, Việt nam đang cố gắng bắt kịp chuyển biến mới của quan hệ quốc tế, của sự phát triển kinh tế và khoa học - công nghệ. Dư luận ở Đông - Nam Á và châu Á - Thái bình dương đều đánh giá vị trí quan trọng của Việt nam ở khu vực này. Bề bạn gần xa đều mong muốn Việt nam phát huy vai trò trong sự nghiệp hòa bình, độc lập và hợp tác ở châu Á - Thái bình dương. Việt nam có chỗ mạnh là có sự ổn định chính trị - xã hội, nhưng kinh tế còn kém các nước ở Đông - Nam Á và có nhiều điểm cần học các nước đó để vận dụng phù hợp vào điều kiện của mình. Có thể nêu ra một số nguyên tắc

trong chính sách đối với các nước ở châu Á - Thái bình dương :

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công nghiệp nội bộ của nhau.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi về kinh tế và các lĩnh vực khác, nhằm phát triển mỗi nước theo con đường riêng của mình và cùng nhau phát triển, kết hợp lợi ích mỗi nước với lợi ích của cả khu vực.

- Hiểu biết và tin cậy lẫn nhau ; tỏ rõ thiện chí ; quên đi quá khứ, nhìn về tương lai, giải quyết các vấn đề tồn tại hoặc mới nảy sinh thông qua hòa bình thương lượng và không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

Việc bình thường hóa quan hệ Việt nam - Trung quốc, những cuộc tiếp xúc giữa các nhà lãnh đạo của ta với lãnh đạo của các nước, cũng như các cuộc tiếp xúc mang tính chất phi chính phủ, đã thể hiện khá rõ các nguyên tắc trên đây. Thành công của các cuộc đi thăm Lào, In-đô-nê-xi-a, Thái lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Bru-nây của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt và nhiều cuộc thăm và đón khác trong thời gian gần đây đã cho thấy những triển vọng về hợp tác của Việt nam với các nước trong khu vực.

Về chính trị, chúng ta chủ trương củng cố đoàn kết và đối mới hợp tác với bạn bè cũ, giữ vững và phát triển hợp tác với các nước mà quan hệ mới bình thường hóa, thúc đẩy bình thường hóa quan hệ với một vài nước chưa có quan hệ bình thường v.v.. Tạo nên hình ảnh một nước Việt nam mới trong con mắt của dư luận ở châu Á - Thái bình dương. Từng bước nâng cao hiệu quả quan hệ kinh tế - thương mại, tạo thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu, nhất là các mặt hàng chủ lực, tìm kiếm vốn thông qua hợp tác và đầu tư của một số đối tượng quan tâm đến thị trường Việt nam, tìm kiếm công nghệ mới (công nghệ tiên tiến của thế giới thông qua bộ lọc ở một số nước châu Á - Thái bình dương có điều kiện tương tự như nước ta sẽ dễ dàng vận dụng hơn). Từng bước phát triển giao thông và bưu điện viễn thông với các nước, trước hết là các nước láng giềng. Chú ý giải quyết hoặc gác lại các vấn đề tồn tại, như : vấn đề biên giới, tranh chấp trên biển, và một vài vấn đề khác do lịch sử để lại hoặc mới nảy sinh, v.v. để loại trừ hoặc chỉ ít giảm đến mức thấp nhất các nhân tố gây trở ngại cho phát triển quan hệ nước ta với các nước khác. Quá trình tạo sự tin cậy đòi hỏi sự cố gắng của nước ta và của đối tượng hợp tác, nhưng về phía nước ta, cần chủ động và linh hoạt. Phải thừa nhận rằng trong mấy chục năm qua, chưa có sự tin cậy thật sự giữa nước ta với nhiều nước trong khu vực. Có sự hiểu lầm về thái độ của nhau. Bằng cả lời nói và việc làm, chúng ta chủ động làm hết sức mình để tạo ra và củng cố sự tin cậy song

phương. Chúng ta mong được sự đáp ứng của các nước khác. Việt nam đã tuyên bố sẵn sàng gia nhập Hiệp ước Ba-li. Nói chung, các nước ASEAN đón nhận một cách thuận lợi đề nghị này. Chúng ta đã cùng Lào, Cam-pu-chia tích cực góp phần xây dựng Đông-Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và hợp tác. Mặt khác, chúng ta cũng coi trọng quan hệ với các nước khác ở châu Á - Thái bình dương. Đường lối đối ngoại như Đại hội VII của Đảng nêu rõ : "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển", cần được áp dụng trước hết đối với các nước ở châu Á - Thái bình dương ; đồng thời, coi trọng quan hệ với các đối tượng ở các châu lục khác. Trong nhiều thập kỷ tới, an ninh và phát triển của nước ta gắn chặt với xu thế hòa bình và phát triển của thế giới, mà trước hết là ở châu Á - Thái bình dương. *Sơ với mấy chục năm qua, đây là vấn đề rất mới.* Xây dựng và bảo vệ nước Việt nam theo con đường xã hội chủ nghĩa không mâu thuẫn với lợi ích của các nước trong vùng. Ngược lại, đó là sự đóng góp thiết thực vào hòa bình và phát triển của châu Á - Thái bình dương.

Việc xây dựng chính sách đối với khu vực châu Á - Thái bình dương và đối với từng nước riêng biệt, năng động tìm ra các biện pháp, hình thức phát triển quan hệ và vạch ra chủ trương đối với từng vấn đề nảy sinh và các biện pháp xử lý là một công tác quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài, đòi hỏi phải nghiên cứu công phu. Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, cần có sự phối hợp thật chặt của tất cả các ngành quốc phòng, an ninh và đối ngoại, xử lý đúng mối quan hệ giữa an ninh và mở cửa. Sự đóng góp của cán bộ khoa học xã hội và khoa học tự nhiên là quan trọng, nhằm nghiên cứu sự dị đồng giữa Việt nam và các nước, những lĩnh vực hợp tác và những vấn đề cần xử lý, v.v.. Vận dụng tư duy thật sự mới về đối nội và đối ngoại, chúng ta thận trọng cân nhắc khi định ra chủ trương đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ giữa Việt nam với các nước trong khu vực nhằm *mục tiêu cao nhất là phát triển kinh tế-xã hội.*

Hướng tới chân trời mới, chúng ta có nhiều thuận lợi, nhưng thử thách còn rất lớn. Với truyền thống và trí tuệ của dân tộc Việt nam, đi theo con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, nhân dân ta sẽ xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh, trở thành một thành viên xứng đáng của châu Á - Thái bình dương hòa bình, độc lập và phát triển. Sơ với cuộc đấu tranh giành độc lập và thống nhất nước nhà trước đây, nhiệm vụ này gay go, gian khổ và phức tạp hơn nhiều. Nhưng nhất định các thế hệ nối tiếp của Việt nam sẽ hoàn thành sứ mạng lịch sử này.

Nông nghiệp Trung quốc sau khi khoán đến hộ

TRINH DÂN

KHOÁN đến hộ là khâu đột phá đầu tiên của cải cách nông nghiệp, đồng thời cũng là bước mở đầu của toàn bộ công cuộc cải cách kinh tế Trung quốc. Nhờ bắt đầu bằng khoán đến hộ, sản lượng nông nghiệp tăng liên tục, tạo cơ sở để Trung quốc thực hiện mục tiêu chiến lược trong thập kỷ 80 : toàn dân ấm no. Và đó cũng là tiền đề để thực hiện mục tiêu chiến lược trong thập kỷ 90 : toàn dân đạt mức sống trung bình cao.

Khoán là nhằm xóa bỏ khuyết tật của cách làm ăn tập thể "vô chủ" trước đây. Nhờ khoán mà giải phóng người lao động khỏi mọi ràng buộc, xác định vai trò làm chủ thật sự của người nông dân, nêu cao tinh thần tích cực trong lao động sản xuất. Tác dụng quan trọng nhất của khoán là nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành, thực hiện được hiệu quả kinh tế tối ưu. Nhờ khoán mà nâng cao được sản lượng, tăng tỷ suất hàng hóa, phá vỡ tính chất tự cung tự cấp, thúc đẩy tập trung hóa ruộng đất, thực hiện phân công lại lao động, chuyên môn hóa và hiệp tác hóa. Từ đó, xuất hiện nhiều ngành nghề phi nông nghiệp nhưng gắn với nông nghiệp. Đó vừa là yêu cầu bức thiết và là sản phẩm tất yếu của sản xuất nông nghiệp sau khi khoán, vừa là một bước phát triển khách quan của lực lượng sản xuất và của sự hoàn thiện quan hệ sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện khoán, đã xuất hiện những xu hướng sai lệch. Có nơi đã khoán trắng, trở lại lối làm ăn cá thể. Có nơi chia sạch tất cả tài sản, vốn liếng công cộng. Nhiều công việc mà các hộ nhận khoán không thể làm được, không có ai đứng ra làm. Theo con số điều tra tại 270 thôn, thuộc 29 tỉnh, thành phố của Trung quốc năm 1988, có trên 30% thôn hoàn toàn không có một cơ sở kinh tế tập thể nào, hoặc có nhưng không đáng kể và không giúp ích gì cho các gia đình nhận khoán⁽¹⁾.

Thực tế sau khi khoán cho thấy, sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng xã hội hóa, chuyên môn hóa, thương phẩm hóa. Mâu thuẫn giữa sự hạn chế của quy mô sản xuất gia đình và nhu cầu xã hội hóa xuất hiện. Vấn đề đặt ra là làm sao vừa duy trì khoán, vừa không phủ định kinh tế tập thể, không xóa bỏ kinh doanh tập thể. Làm sao vừa tiếp tục lấy gia đình làm đơn vị sản xuất chính, lại vẫn bảo đảm cho nông dân kiên định con đường xã hội chủ nghĩa ? Làm sao kết hợp được tính tích cực của người nhận khoán và tính ưu việt của kinh tế và kinh doanh tập thể ? Thực tế sản xuất nông nghiệp Trung quốc đã đặt ra các vấn đề sau đây :

1 - Mở rộng quy mô sản xuất thích hợp. Chỉ một thời gian sau khi thực hiện khoán, nhiều nơi đã xuất hiện các hộ chuyên ngành, như chuyên trồng trọt, chuyên chăn nuôi, chuyên lúa, chuyên rừng... Sau đó lại xuất hiện liên hộ chuyên ngành, thôn chuyên ngành, xã chuyên ngành, khu chuyên ngành... Đó đều là những cơ sở sản xuất hàng hóa, có quy mô lớn, có trình độ chuyên môn hóa và năng suất cao. Trong các tổ hợp chuyên ngành đó, gia đình vẫn là đơn vị sản xuất chính. Những tổ hợp sản xuất nói trên đáp ứng được yêu cầu xã hội hóa và chuyên môn hóa sản xuất. Chúng ta nhiều đã mang tính chất kinh doanh tập thể, là những đơn vị kinh tế tập thể.

Việc mở rộng quy mô nói trên phải dựa trên những điều kiện nhất định. Trước hết phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện. Hai là, có dư thừa sức lao động để mở rộng phạm vi kinh doanh, đồng thời bảo đảm có thu nhập ổn định. Ba là, có năng lực quản lý và dám chịu rủi ro. Bốn là, có cơ sở kinh tế tập thể tương đối vững vàng. Năm là, tại địa phương có

(1) Xem tạp chí *Cầu thị* (Trung quốc), số 2-1990, tr 13

hệ thống dịch vụ nông nghiệp đồng bộ. Sáu là, có trình độ cơ khí hóa nông nghiệp tương đối cao.

2 - **Xây dựng hệ thống dịch vụ nông nghiệp.** Sau khi khoán và nhất là sau khi qui mô sản xuất được mở rộng, yêu cầu dịch vụ nổi lên bức xúc. Hệ thống dịch vụ là khâu nối liền sản xuất gia đình nông dân và xã hội hóa. Nhờ dịch vụ mà vừa bảo đảm tính tích cực chủ động của nông dân, vừa có thể vượt qua khuôn khổ hạn hẹp của gia đình, đưa hoạt động kinh doanh sản xuất gia đình vươn ra xã hội, liên kết sự làm ăn từng hộ với thị trường, với định hướng của nhà nước.

Về hình thức tổ chức, hệ thống dịch vụ có thể do nông dân tự mình tổ chức, tự phục vụ nội bộ. Cũng có thể do các tổ chức kinh tế phi nông nghiệp, các hợp tác xã chuyên ngành, các hộ chuyên ngành hoặc tư nhân đứng ra làm công việc dịch vụ. Hoặc cơ quan nhà nước đảm đương những lĩnh vực như : dự báo thời tiết, dự báo sâu hại, thông tin về sản xuất và thị trường, ứng dụng, phổ cập kỹ thuật... Thông thường dịch vụ tổng hợp là phổ biến nhất. Các tổ chức kinh tế tập thể làm dịch vụ tổng hợp. Dịch vụ tổng hợp bảo đảm cung cấp các nhu cầu trước, trong và sau thu hoạch. Mục đích chủ yếu của hệ thống dịch vụ nông thôn là thúc đẩy quá trình xã hội hóa, thương phẩm hóa, chuyên môn hóa và tập thể hóa, trong đó tập thể hóa ngày càng được coi là mục tiêu quan trọng nhất.

3 - **Xây dựng kinh tế tập thể.** Tập thể hóa sau khi khoán khác với tập thể hóa - hợp tác hóa kiểu hành chính trước đây. Tập thể hóa hiện nay không có nghĩa là quay trở lại hình thức hợp tác xã - công xã thiết lập từ thập kỷ 50. Nếu còn hình thức hợp tác xã, thì các hợp tác xã này phải được xác định lại chức năng. Các hợp tác xã không còn làm công việc quản lý hành chính - chính quyền nhà nước. Các hợp tác xã mới chủ yếu làm chức năng quản lý kinh doanh và dịch vụ. Hiện nay, ở nông thôn Trung quốc xuất hiện nhiều hình thức tổ chức kinh tế tập thể - kinh tế hợp tác. *Một là*, các xí nghiệp thuộc sở hữu tập thể cấp thôn, bao gồm xí nghiệp công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, (thường gọi là công nghiệp hương trấn), các xí nghiệp thương

ngiệp, nông trại (làm cây ăn quả, đồng cỏ, thủy sản, chăn nuôi...). Riêng xí nghiệp công nghiệp thôn xã năm 1991 có sản lượng trên 1000 tỷ nhân dân tệ so với 531,5 tỷ năm 1989, bằng 40% giá trị công nghiệp cả nước, hơn một nửa giá trị kinh tế nông thôn. Điều này có nghĩa là kinh tế theo hình thức sở hữu tập thể - xí nghiệp công nghiệp thôn xã - chiếm hơn một nửa giá trị kinh tế nông thôn. Công nghiệp thôn xã là nơi tạo công ăn việc làm, là nguồn cung cấp vốn chủ yếu để phát triển nông nghiệp. Công nghiệp thôn xã có nhiều thành phần song sở hữu tập thể là chủ yếu. *Hai là*, các tập thể xây dựng, tu sửa, bảo quản và sử dụng các công trình công cộng như thủy lợi, điện, đường giao thông, kho bãi... *Ba là*, các quỹ công cộng cấp thôn, như quỹ phát triển nông nghiệp, quỹ phát triển xí nghiệp thôn xã, quỹ tương trợ xã hội, quỹ phát triển chuyên ngành... Các khoản đóng góp vào các quỹ này được quy định cụ thể cho các đối tượng, gồm chi phí phải trả khi chiếm dụng đất đai, lợi nhuận do các xí nghiệp thôn xã phải nộp cho thôn, lệ phí do cá nhân phải trả khi nhận khoán của xí nghiệp, lệ phí phải trả khi sử dụng tài sản công cộng, khoản phí của nhân viên các xí nghiệp thôn xã nộp cho thôn...

Thực tiễn cho thấy sau khi khoán và lấy gia đình làm đơn vị sản xuất chính, việc phát triển và củng cố kinh tế tập thể là cơ sở chủ yếu để thực hiện hiện đại hóa sản xuất nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, sử dụng tối đa tài nguyên sức lao động và các tiềm năng kinh tế nông thôn, đưa nông thôn lên con đường phát triển toàn diện, trù phú và ổn định. Về mặt quan hệ sản xuất, kinh tế tập thể nông thôn tiêu biểu cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Về mặt lực lượng sản xuất, kinh tế tập thể nông thôn đóng vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể nông thôn là nền tảng quan trọng nhất và là cơ sở kinh tế xã hội chủ yếu để tiến hành giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nông dân, nâng cao ý thức tập thể cho nông dân, bảo đảm con đường xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn.

XÍ NGHIỆP VẬN TẢI VÀ KHAI THÁC HẢI SẢN CÔN ĐẢO



Giám đốc : Lê Văn Kháng

Địa chỉ :

138 - Bình Giã

Vũng Tàu

Điện thoại :

9914 - 2778

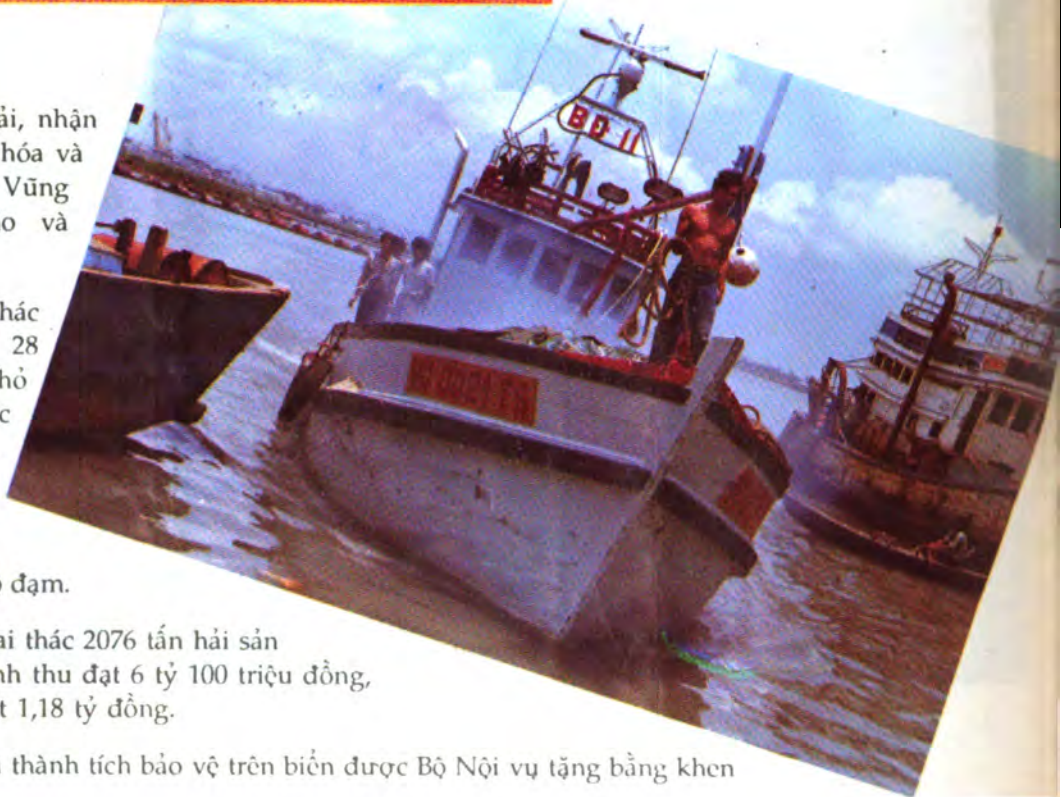
- * Có đội tàu vận tải, nhận vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Vũng Tàu ra Côn Đảo và ngược lại.

- * Có đội tàu khai thác hải sản gồm 28 chiếc lớn, nhỏ chuyên khai thác các loại hải sản. Có phân xưởng chế biến nước mắm 300 ngàn lít/năm, trên 30 độ đậm.

- * Năm 1991 : Đã khai thác 2076 tấn hải sản các loại, tổng doanh thu đạt 6 tỷ 100 triệu đồng, tổng lợi nhuận đạt 1,18 tỷ đồng.

- * Là đơn vị có nhiều thành tích bảo vệ trên biển được Bộ Nội vụ tặng bằng khen

- * Sẵn sàng liên doanh với các đơn vị trong, ngoài nước.

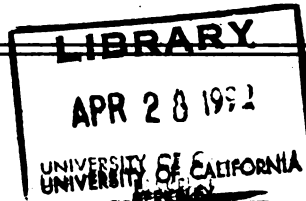




Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4-1992 NĂM THỨ XXXVIII (436)



MỤC LỤC

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn

THÁI NINH - Những đổi mới đối với công tác tư tưởng	3
HOÀNG TÙNG - Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với cách mạng Việt nam	8
NGUYỄN DUY QUÝ - Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta	14
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Vì sao Đảng cộng sản Liên xô tan rã ?	18

Nghiên cứu - Trao đổi

LÊ HỘI - Hướng xây dựng mô hình kinh tế của nước ta	23
TRẦN BÌNH TRỌNG và MAI NGỌC CƯỜNG - Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước	26
ĐỖ HUY - Văn hóa - các phản giá trị và sự gia tăng nhiệt độ	31

Ý kiến và kinh nghiệm

VŨ XUÂN KIỀU - Chế độ cổ phần và việc cổ phần hóa một bộ phận xí nghiệp quốc doanh	35
TRẦN ĐỨC - Sự kiện An giang	40
VĂN TẠO - Kết hợp truyền thống và hiện đại trong xây dựng và quản lý chính quyền	43
BẢO ĐỊNH GIANG - Sống nhân nghĩa - một truyền thống cực kỳ tốt đẹp cần giữ gìn và phát huy	46
NGÔ ĐĂNG TRI - Về việc nghiên cứu và thể hiện toàn diện lịch sử của Đảng	49

Sinh hoạt tư tưởng

NGUYỄN TIẾN - Công bằng	52
-------------------------	----

Thư gửi Bộ biên tập

THANH THANH - Học tập tinh nghiêm khắc của Lê-nin	54
BÙI CÔNG HÙNG - Đề phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều	55

Thế giới : Vấn đề, sự kiện

LÊ TỊNH - Tư duy chính trị mới là gì ?	57
VŨ HIỀN - Thế giới sau Liên xô sụp đổ	60

Qua sách báo nước ngoài

ALVIN TOFFLER - Thăng trầm quyền lực	63
--------------------------------------	----

Bìa 1 : Khai thác dầu ở mỏ Bạch Hổ
Ảnh : NGUYỄN VĂN BẢO

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
TP Hồ Chí Minh . Dây nói : 25768

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU CÙNG KHÁCH HÀNG

Sản phẩm mới

THUỐC ĐÀU LỘC BAO CÙNG LOẠI 10 ĐIỀU

Memory

FILTER KINGS

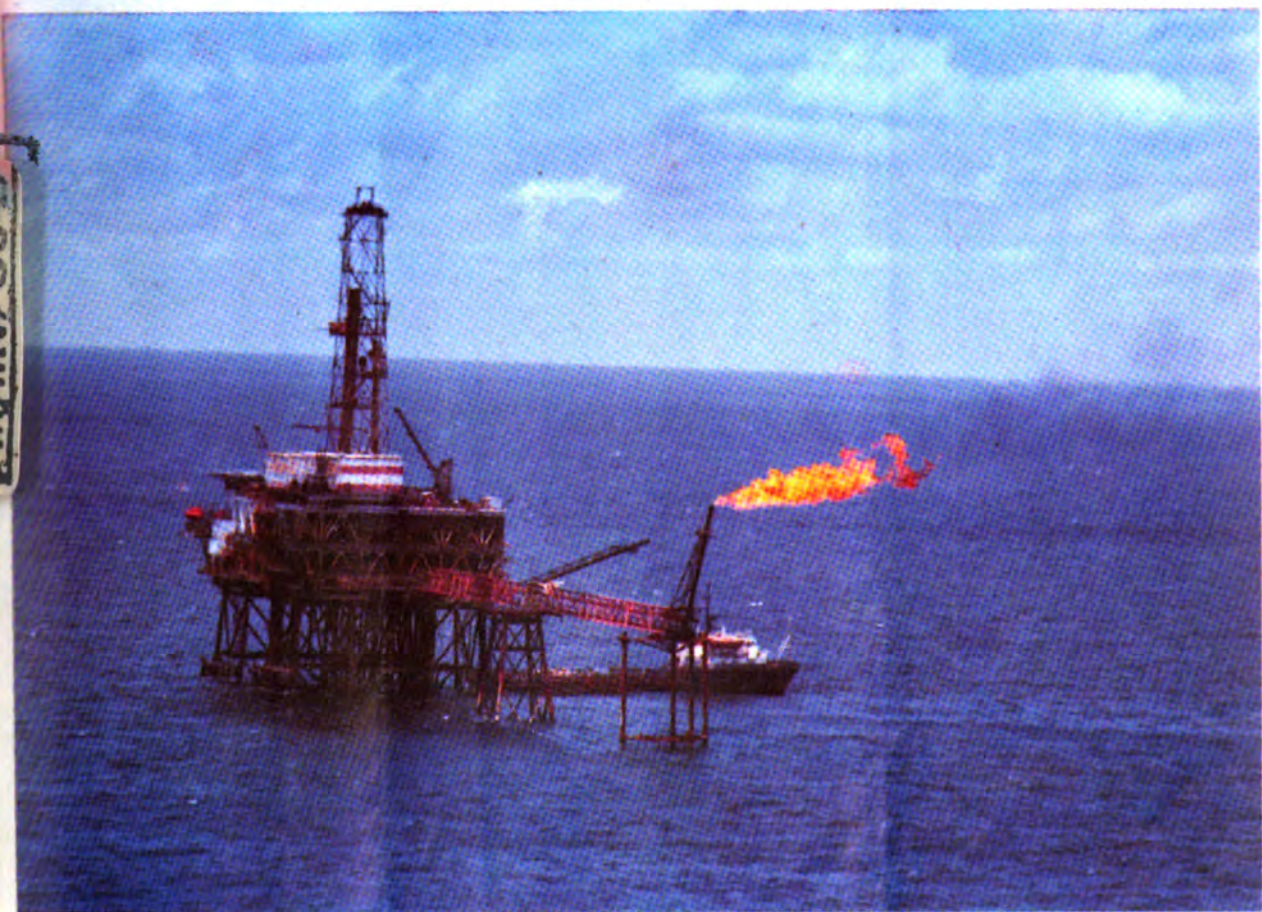


Nhà máy thuốc lá Sài Gòn
152 Trần Phú - Q5 - TP Hồ Chí Minh
Tel : 357052 - 358554 - 353138
Telex : 811.213 VITAB-VT FAX : 84.857681

Bia in tại NHÀ MÁY IN THỐNG NHẤT

GIÁ 1500đ

Tạp chí Công sản



4

XÍ NGHIỆP VẬN TẢI VÀ KHAI THÁC HẢI SẢN CÔN ĐẢO



Giám đốc : Lê Văn Kháng

Địa chỉ :

138 - Bình Giã
Vũng Tàu

Điện thoại :

9914 - 2778

- * Có đội tàu vận tải, nhận vận chuyển hàng hóa và hành khách từ Vũng Tàu ra Côn Đảo và ngược lại.
- * Có đội tàu khai thác hải sản gồm 28 chiếc lớn, nhỏ chuyên khai thác các loại hải sản. Có phân xưởng chế biến nước mắm 300 ngàn lít/năm, trên 30 độ đậm.
- * Năm 1991 : Đã khai thác 2076 tấn hải sản các loại, tổng doanh thu đạt 6 tỷ 100 triệu đồng, tổng lợi nhuận đạt 1,18 tỷ đồng.
- * Là đơn vị có nhiều thành tích bảo vệ trên biển được Bộ Nội vụ tặng bằng khen
- * Sẵn sàng liên doanh với các đơn vị trong, ngoài nước.

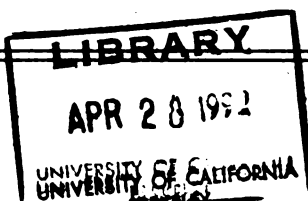




Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4-1992 NĂM THỨ XXXVIII (436)



MỤC LỤC

Chủ nghĩa xã hội - Lý luận và thực tiễn	THÁI NINH - Những đổi mới đối với công tác tư tưởng HOÀNG TÙNG - Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với cách mạng Việt nam NGUYỄN DUY QUÝ - Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Vì sao Đảng cộng sản Liên xô tan rã ?	3 8 14 18
Nghiên cứu - Trao đổi	LÊ HỘI - Hướng xây dựng mô hình kinh tế của nước ta TRẦN BÌNH TRỌNG và MAI NGỌC CƯỜNG - Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ĐỖ HUY - Văn hóa - các phản giá trị và sự gia tăng nhiệt độ	23 26 31
Ý kiến và kinh nghiệm	VŨ XUÂN KIỀU - Chế độ cổ phần và việc cổ phần hóa một bộ phận xí nghiệp quốc doanh TRẦN ĐỨC - Sự kiện An giang VĂN TẠO - Kết hợp truyền thống và hiện đại trong xây dựng và quản lý chính quyền BẢO ĐỊNH GIANG - Sống nhân nghĩa - một truyền thống cực kỳ tốt đẹp cần giữ gìn và phát huy NGÔ ĐĂNG TRI - Về việc nghiên cứu và thể hiện toàn diện lịch sử của Đảng	35 40 43 46 49
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN TIẾN - Công bằng	52
Thư gửi Bộ biên tập	THANH THANH - Học tập tinh nghiêm khắc của Lê-nin BÙI CÔNG HÙNG - Đề phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều	54 55
Thế giới : Vấn đề, sự kiện	LÊ TỊNH - Tư duy chính trị mới là gì ? VŨ HIỀN - Thế giới sau Liên xô sụp đổ	57 60
Qua sách báo nước ngoài	ALVIN TOFFLER - Thăng trầm quyền lực	63

Bìa 1 : Khai thác dầu ở mỏ Bạch Hổ
Ảnh : NGUYỄN VĂN BẢO

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội. Dây nói 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3
TP Hồ Chí Minh . Dây nói : 25768

СОДЕРЖАНИЕ

● **Социализм: Теория и практика** * ТХАЙ НИНЬ - Нововозникшие требования, предъявляемые идеологической работе. ХОАНГ ТУНГ - Процесс формирования хошминьской идеологии и ее направляющая роль во вьетнамской революции. ХГУИЛ ЗЮИ КЮИ - Вопросы создания правового государства в нашей стране. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Почему распался КПСС? ● **Исследования - Обмен мнениями** * ЛЕ ХОЙ - Возможный экономический модель в нашей стране. ЧАН БИНЬ ЧОНГ и МАЙ НГОК КЮОНГ - Рыночный механизм с элементами государственного управления. ДО ГЮН - Культура и ее противопоставления. ● **Мнения и опыт** * ВУ СУАН КИЕУ - Система паев и акционизация части госпредприятий. ЧАН ДЫК - Анзатский инцидент. ВАН ТАО - Сочетание традиционных и современных факторов в строительстве власти и управлении ею. ● **Мир: проблемы, факты** * ЛЕ ТИНЬ - Что такое "новое политическое мышление"? ВУ ХИЕН - Современный мир после советского краха.

CONTENTS

● **Socialism - Theory and Practice** ★ THÁI NINH - New requirements for ideological work. HOÀNG TÙNG - The process of shaping Ho Chi Minh's thought - and its value in the guidance of the Vietnamese revolution. NGUYỄN DUY QUÝ - The problem of building a juridical State in our country. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Why did the Communist Party of the Soviet Union disintegrate? ● **Research and Exchanges**. LÊ HỘI - Orientation for building an economic pattern in our country. TRẦN BÌNH TRỌNG and MAI NGỌC CƯỜNG - Market mechanism with state management. ĐỖ HUY - Culture - Its counter-values and the acceleration of temperature. ● **Opinions and Experience** ★ VŨ XUÂN KIỆU - The system of shares and the problem of changing parts of our State-run enterprises into joint-stock companies. TRẦN ĐỨC - The An Giang incident. VÂN TẠO - Combining the traditional with the modern in building and managing the administration. ● **The World: Problems and Events** ★ LÊ TỊNH - What is "new political thinking"? VŨ HIỀN - The world after the collapse of the Soviet Union.

SOMMAIRE

● **Le socialisme - Théorie et pratique** ★ THÁI NINH - Les nouvelles exigences du travail idéologique. HOÀNG TÙNG - Le processus de formation de la pensée de Ho Chi Minh et sa valeur dans la direction de la révolution vietnamienne. NGUYỄN DUY QUÝ - Sur l'édification d'un Etat de droit dans notre pays. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Pourquoi le PCUS se désagrège-t-il? ● **Etudes - Echanges de vue** ★ LÊ HỘI - L'orientation de l'édification du modèle économique de notre pays. TRẦN BÌNH TRỌNG et MAI NGỌC CƯỜNG - Le mécanisme de marché doté de la gestion de l'Etat. ĐỖ HUY - La culture - les contre-valeurs et l'élevation de la température. ● **Opinions et expériences** ★ VŨ XUÂN KIỆU - Le régime des actions et la conversion d'une certaine partie des entreprises d'Etat en sociétés par actions. TRẦN ĐỨC - L'affaire d'An Giang. VÂN TẠO - Combiner le traditionnel et le moderne dans l'édification et la gestion du pouvoir. ● **Le monde : problèmes, événements** ★ LÊ TỊNH - Qu'est-ce la "nouvelle pensée politique"? VŨ HIỀN - Le monde après l'effondrement de l'URSS.

SUMARIO

● **El socialismo - Teoría y práctica** ★ THÁI NINH - Nuevas exigencias para el trabajo ideológico. HOÀNG TÙNG - El proceso de formación del pensamiento Ho Chi Minh y su valor directriz en la revolución vietnamita. NGUYỄN DUY QUÝ - La cuestión de edificar el Estado de derecho en Vietnam. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - ¿Por qué la desintegración del Partido Comunista de la Unión Soviética? ● **Estudios - Intercambios** ★ LÊ HỘI - La orientación por edificar el modelo económico en nuestro país. TRẦN BÌNH TRỌNG y MAI NGỌC CƯỜNG - El mecanismo de mercado bajo la gestión del Estado. ĐỖ HUY - La cultura - contravalores y aceleración de la temperatura. ● **Opiniones y experiencias** ★ VŨ XUÂN KIỆU - El régimen de acciones y la accionalización de una parte de las empresas estatales. TRẦN ĐỨC - An Giang, un acontecer. VÂN TẠO - Combinar el carácter tradicional y el moderno en la edificación y gestión del poder. ● **El mundo : problemas y acontecimientos** ★ LÊ TỊNH - ¿Qué es el "nuevo pensamiento político"? VŨ HIỀN - El mundo después de la URSS en derrumbe.

目錄

● **社會主義-理論和實踐**: 太寧: 思想工作的新要求。黃松: 胡志明思想形成過程和該思想對越南革命的指導意義。阮維貴: 我國法權國家的建設問題。阮富仲: 蘇聯共產黨為什麼崩潰? ● **研究和討論** 黎會: 我國經濟模式的建設方向。陳平仲-梅玉強: 國家管理之下的市場機制。杜輝: 文化、文化的反面及其溫度的增加 ● **意見和經驗**: 武春橋: 股份機制和一部分國營企業“股份化”問題。陳德: 安江事件。文造: 國家政權管理和建設過程中的傳統和現代相結合問題 ● **世界: 問題和事件**: 鄭居: “新的政治思維”是什麼?。武賢: 蘇聯崩潰之後的世界局勢。

NHỮNG ĐÒI HỎI MỚI ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

THÁI NINH *

CÔNG tác tư tưởng là bộ phận quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng cộng sản, gắn liền với sự tồn tại của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội. Công tác tư tưởng là hoạt động đa dạng, gồm nhiều bộ phận tác động vào ý thức để hình thành trong con người hệ tư tưởng với thể giới quan đúng đắn, phương pháp luận khoa học, nâng cao năng lực trí tuệ, bảo đảm cho hành động, hoạt động thực tiễn có hiệu quả. Do vậy, công tác tư tưởng là hoạt động mang tính khoa học cao và có tính cách mạng sâu sắc. Hoạt động trong lĩnh vực ý thức tư tưởng, tâm lý, tình cảm là lĩnh vực rất phức tạp có nhiều quan hệ phong phú, đa dạng, công tác tư tưởng tuân theo những quy luật của nhận thức, của tâm lý, sử dụng những phương thức, hình thức sinh động, hấp dẫn và những phương tiện vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại. Nếu đơn giản, thô sơ, chủ quan, tùy tiện hay mệnh lệnh, nóng vội, công tác tư tưởng sẽ không đạt hiệu quả.

Ý thức, tư tưởng là sự phản ánh thực tại khách quan vào đầu óc con người. Sự phản ánh đó là sự phản ánh chủ quan thông qua nhận thức của từng cá nhân. Vì là sự phản ánh chủ quan thực tại khách quan cho nên sự phản ánh đó có thể đúng, có thể sai. Từ đặc tính phản ánh này, công tác tư tưởng càng phải coi trọng tính khoa học, càng phải dựa chắc trên cơ sở thực tiễn. Bởi, thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Điều đáng chú ý nữa là thực tại khách quan luôn luôn vận động, phát triển theo quy luật tất yếu của nó. Vì thế, công tác tư tưởng phải gắn liền với sự vận động của thực tại đó, cũng có nghĩa là phải gắn liền với cuộc sống xã hội. Thật là sai lầm, nếu nghĩ rằng công tác tư tưởng có thể làm một lần cho mãi mãi, càng sai lầm hơn, nếu cho rằng chỉ học

qua một lớp học về chủ nghĩa Mác - Lê-nin là có thể có giác ngộ chính trị toàn năng, toàn diện. Không cần phải học thêm nữa. Công tác tư tưởng, do đó là một quá trình liên tục, thường xuyên, không ngừng, không nghỉ. Nó là quá trình giáo dục và tự giáo dục, rèn luyện và tự rèn luyện.

Thời đại ngày nay là thời đại bùng nổ thông tin, thời đại của những tốc độ, thời đại mà khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão. Chính đặc điểm này của thời đại, đã làm xuất hiện nhu cầu giáo dục và tự giáo dục một cách thường xuyên liên tục. Nhiều nước đã thực hiện chế độ giáo dục định kỳ, tuần hoàn hay chế độ giáo dục thường trực (éducation permanente) đối với các loại đối tượng. Cũng vì lẽ đó mà ai cũng cần công tác tư tưởng, lĩnh vực nào cũng cần công tác tư tưởng. Nó quan trọng đối với toàn đảng, toàn dân, đối với từng việc, từng khâu của công tác cách mạng. Đặc biệt, trong những thời điểm có tính chất bước ngoặt hay trước những thử thách nghiêm trọng có ý nghĩa sống còn đối với cách mạng, đối với Tổ quốc, thì công tác tư tưởng càng giữ vai trò quan trọng.

Hiện nay, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng đã sang năm thứ 5, đã đạt được kết quả bước đầu rất quan trọng, nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội; đạo đức xã hội có những biểu hiện xuống cấp; lối sống thực dụng, phi chính trị đang có nguy cơ lan rộng trong một số đối tượng. Đã thế, tình hình thế giới lại biến động nhanh, làm đảo lộn lớn cục diện chính trị quốc tế, gây ra nhiều mặt bất lợi cho cách mạng

* Ủy viên BCH TƯ Đảng, Trưởng ban tư tưởng văn hóa Trung ương.

nước ta. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, sự tan rã của Liên xô và Đảng cộng sản Liên xô là những tổn thất nặng nề nhất đối với chủ nghĩa xã hội và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Lịch sử cách mạng thế giới đã chứng kiến sự thất bại của cách mạng 1848, của công xã Pari 1871, nhưng sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu là sự thất bại bi thảm gây ra những hậu quả nặng nề về nhiều mặt, tác động tiêu cực rất sâu rộng đến tâm trạng chính trị và tư tưởng của nhiều người trên thế giới. Lợi dụng cơ hội này, các thế lực thù địch ra sức chống phá chủ nghĩa xã hội hòng xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới vào cuối thế kỷ này. Đảng ta, nhân dân ta lại một lần nữa đứng trước những thử thách mới vô cùng khó khăn.

Các tổ chức đảng cũng như mỗi đảng viên phải có những nỗ lực nổi bật để tạo được một động lực mạnh mẽ về tinh thần chính trị, làm cho toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, phát huy cao độ ý thức độc lập tự chủ, tinh thần tự lực tự cường cũng như mọi tiềm năng trí tuệ để vượt qua thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thuận lợi cơ bản lâu dài của công tác tư tưởng là Đảng ta có đường lối đổi mới đúng đắn và công cuộc đổi mới đã có kết quả không những được nhân dân ta mà cả bạn bè quốc tế thừa nhận. Đường lối đó đã tạo ra sự nhất trí cao, được sự đồng tình của Đảng, của dân và tranh thủ được sự hợp tác quốc tế, tạo ra vận hội mới để phát triển. Việc dân chủ hóa trong Đảng và trong xã hội ta đang tạo ra thuận lợi mới cho việc phát triển tư duy lý luận, góp phần nâng cao năng lực trí tuệ của xã hội và làm cho quan hệ giữa Đảng với nhân dân càng thêm gắn bó.

Tuy vậy, cũng phải thấy hết những khó khăn thử thách và những nguy cơ mất còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Lợi dụng cách mạng thế giới đang ở bước thoái trào, những kẻ cơ hội ra sức bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, phủ định sự lãnh đạo của Đảng, bôi đen quá khứ vẻ vang

của Đảng và nhân dân ta.

Tệ tham nhũng, buôn lậu đang gây bất bình trong nhân dân, trong xã hội, làm giảm niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, Đảng mà mất dân thì nhất định sẽ mất vai trò lãnh đạo và trước sau dân sẽ bị lực lượng đối lập chi phối và chế độ xã hội chủ nghĩa cũng chẳng còn.

Các thế lực chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội đang mưu toan xóa bỏ chủ nghĩa xã hội vào cuối thế kỷ này. Sự đắc thắng hung hăng của chúng càng được bộc lộ công khai sau những thất bại nặng nề của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô. Đi đôi với những hành động chuẩn bị chiến tranh đàn áp và can thiệp nhanh, chúng còn tìm mọi cách để thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Đối với nước ta hiện nay, chúng đang sử dụng 17 đài phát thanh, (sắp lập đài châu Á tự do), hơn 200 tờ báo phản động, hằng ngày kích động lật đổ, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, kêu gọi biểu tình, bãi công chống chế độ.

Chủ nghĩa đế quốc đang ráo riết lập các trật tự kinh tế thế giới mới mà thực chất là duy trì và bành trướng thế lực kinh tế của những công ty tư bản xuyên quốc gia đối với các nước đang phát triển và chậm phát triển. Đó là trật tự kinh tế do khoảng 300 tỷ phú trên thế giới khống chế, trong đó Mỹ chiếm ưu thế có 99 nhà tỷ phú, Nhật có 40, CHLB Đức có 38 (số liệu của tuần báo *Kinh tế và đời sống* (Liên xô), số 34, 1991). Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là độc lập về chính trị phải gắn với tự chủ về kinh tế. Công tác tư tưởng cần quán triệt quan điểm này để nâng cao cảnh giác, giữ vững độc lập, tự chủ.

Nước ta đang thực hiện nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế này, ngoài mặt tích cực, còn có những mặt rất tiêu cực như tạo ra một lối sống thực dụng, phi chính trị, chạy theo đồng tiền bằng bất cứ giá nào.

*

Nhận rõ thuận lợi, khó khăn, cũng như thấy trước nguy cơ lớn, công tác tư tưởng trong tình hình hiện

này cần góp phần làm tốt những vấn đề sau đây :

1 - *Tiếp tục khẳng định tính tất yếu và bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội ; khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa là con đường duy nhất đúng đắn, con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội ; kiên trì bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Mục tiêu chủ nghĩa xã hội là mục tiêu được xác định dựa theo quy luật vận động khách quan của xã hội loài người, không phải là mục tiêu xuất phát từ tình cảm riêng tư hay từ ý muốn chủ quan. Công tác tư tưởng phải hướng vào vận động và cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta theo đuổi đến cùng con đường xã hội chủ nghĩa với tinh thần cách mạng kiên định.

Khẳng định và kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa không chỉ bằng cách nêu lên tính tất yếu và bản chất ưu việt của nó, làm rõ bản chất cách mạng và khoa học của nó, mà còn bằng cách chỉ ra những mặt trái của chủ nghĩa tư bản, vạch trần bản chất bóc lột của nó. Dĩ nhiên, chúng ta không phủ định những mặt phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Việc khẳng định con đường xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi phải xây dựng được hệ thống lý luận về cách mạng Việt nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam. Muốn vậy, một nhiệm vụ quan trọng của công tác tư tưởng là tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của loài người. Báo cáo chính trị của BCHTƯ (khóa VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã chỉ rõ : *"Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận phục vụ tối yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong đảng"* (1). *"Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh..."* (2) *"Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nâng cao trình độ và năng lực vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo*

dục chính trị, lý luận" (3).

Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin không có nghĩa là giữ nguyên nó, coi nó như một cái gì nhất thành bất biến, mà phải luôn luôn phát triển nó, làm cho lý luận đó mãi mãi có sức sống, có sức chiến đấu và có sức mạnh cải tạo thế giới theo quy luật tất yếu, khách quan. Bảo vệ và phát triển không đối lập nhau mà là một thể thống nhất. Bảo vệ để phát triển và phát triển trên cơ sở bảo vệ.

Nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh chính là củng cố thêm, phát triển thêm nền tảng của mọi hoạt động tinh thần. Nghiên cứu và chỉ rõ nội dung sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, tổng kết thực tiễn, tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng ta.

2 - *Giữ vững và tăng cường ổn định chính trị.*

Đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn, là điều kiện cơ bản để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Ổn định chính trị ở nước ta trước hết là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là vai trò lãnh đạo chính quyền nhà nước. Nếu Đảng mất vai trò lãnh đạo chính quyền nhà nước thì có thể sẽ mất tất cả : mất cả chính quyền, mất cả Đảng. Đó là chưa kể ở một số nước khi đảng cộng sản mất chính quyền, trở thành đảng đối lập, thì lập tức xảy ra nhiều cuộc khủng bố bi thảm, nhiều đảng viên bị giết hại, bị trả thù, bị gạt khỏi chính trường, bị coi là công dân loại hai, loại ba. Có nước, người cộng sản bị thải hàng loạt. Cho nên, điều kiện tiên quyết để ổn định chính trị là giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội, kiên quyết bác bỏ mưu toan đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Mặt khác, phải xây dựng được một chính quyền nhà nước thật sự là công cụ làm chủ của nhân dân lao động.

Ổn định chính trị không thể tách rời ổn định và phát triển kinh tế. Kinh tế phát triển là điều kiện bảo đảm ổn định chính trị. Ổn định chính trị để phát

(1) (2) (3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr95

triển kinh tế, để triển khai toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Giải quyết mối quan hệ giữa ổn định chính trị và ổn định, phát triển kinh tế, Đảng ta đã có quyết sách đúng đắn là lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, còn đổi mới chính trị phải tiến hành thận trọng từng bước vững chắc.

Vì lẽ đó, ổn định chính trị phải là một quá trình, kết bền chặt chẽ với việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện, với cuộc đấu tranh kiên quyết nhưng thông minh và khôn khéo chống lại các thế lực thù địch; phải làm thất bại mọi âm mưu chống chủ nghĩa xã hội của chúng. Đó vừa là điều kiện vừa là biện pháp cơ bản để ổn định chính trị. Công tác tư tưởng không thể coi nhẹ cuộc đấu tranh này.

3 - *Phát huy cao độ truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc; nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, ý thức cần kiệm xây dựng đất nước kết hợp với mở rộng quan hệ quốc tế.*

Đây là cơ sở tư tưởng, tình cảm để tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong xã hội và trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, để tranh thủ đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được. Đó cũng là nguồn động lực tinh thần to lớn mạnh mẽ thúc đẩy công cuộc đổi mới đưa đất nước mau chóng thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4 - *Kiên quyết thực hiện chủ trương của Đại hội VII về đổi mới và chỉnh đốn Đảng.*

Đây cũng là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của công tác tư tưởng. Có thể nói, chưa bao giờ Đảng ta lại có một bộ phận không nhỏ đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, thậm chí thoái hóa biến chất như hiện nay. Tình hình đó đòi hỏi công tác tư tưởng phải có những biện pháp tích cực góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn của cán bộ, đảng viên; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện thoái hóa, biến chất trong nội bộ Đảng.

*

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, trước hết cần *đổi mới hình thức và*

phương pháp công tác tư tưởng. Nâng cao tính hấp dẫn, thiết thực và kịp thời, làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân hiểu đúng tình hình đất nước và thế giới, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến đảng viên và nhân dân gần với vận động và tổ chức thực hiện; khắc phục bệnh sơ lược, áp đặt, giản đơn, xa rời thực tiễn trong công tác tư tưởng.

Trong tình hình "bùng nổ" thông tin như hiện nay, cần đặc biệt coi trọng cải tiến hình thức và nâng cao chất lượng nội dung hoạt động của các cơ quan thông tấn, báo chí, thực hiện thông tin đa dạng, nhiều chiều, thông tin nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ đến nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội. Trong những năm gần đây, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, công tác thông tin đã có nhiều tiến bộ. Hằng ngày nhờ có đài, báo, truyền hình, nhân dân ta biết được ngay những sự kiện diễn ra trên thế giới. Có những sự kiện quốc tế xảy ra chỉ sau 2 tiếng đồng hồ nhân dân ta đã được thông tin thông báo, như sự kiện chiến tranh vùng Vịnh, sự kiện 19-8 ở Liên xô... Việc tuyên truyền miệng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tình hình thế giới phức tạp, đa dạng, đa cực với vô vàn quan hệ khác nhau. Do vậy, chúng ta cần củng cố và tăng cường đội ngũ báo cáo viên ở các cấp. Công tác tư tưởng cần phát huy tác dụng tổng hợp, kết hợp với những mặt mạnh của hai lực lượng và hai phương thức tiến hành công tác tư tưởng: thông tin đại chúng và tuyên truyền miệng; công khai và nội bộ.

Cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chính trị tư tưởng trong Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; khắc phục tình trạng hình thức, chiếu lệ, thiếu dân chủ trong sinh hoạt tư tưởng, chính trị của đảng viên.

Tổ chức tốt công tác nghiên cứu, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và quần chúng về lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những bộ môn khoa học cần thiết khác, làm quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, góp phần nâng cao năng lực trí tuệ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức nhiều loại diễn đàn để thông tin, trao đổi,

thảo luận các vấn đề mới về lý luận và thực tiễn. Coi trọng biện pháp đối thoại, thuyết phục và thảo luận dân chủ trước khi kết luận những vấn đề mới.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, chống lại các quan điểm, tư tưởng phản động, những luận điểm sai trái. Cần có bộ phận cán bộ chuyên theo dõi, nghiên cứu, phân tích và tổ chức đấu tranh tư tưởng một cách kịp thời, sắc bén, có cơ sở khoa học, có tính thuyết phục cao.

Hiệu quả của công tác tư tưởng phụ thuộc rất lớn vào sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Lãnh đạo công tác tư tưởng gắn liền với lãnh đạo chính trị và tổ chức. Công tác tư tưởng phải được coi trọng xuyên suốt quá trình chuẩn bị các quyết định của Đảng và việc tổ chức thực hiện, đưa các quyết định ấy vào cuộc sống. Cần lường trước những diễn biến tư tưởng có thể xảy ra để có biện pháp, phương án đối phó, xử lý một cách chủ động.

Công tác tư tưởng là công tác của toàn đảng và của các đoàn thể, các cơ quan nhà nước. Một trong những biện pháp công tác tư tưởng có tác dụng tích cực về nhiều mặt là đảng viên tự nêu gương. Đảng viên dù ở cương vị công tác nào, đều phải giữ vững phẩm chất cách mạng, tự trau dồi nâng cao kiến thức và năng lực, giữ liên hệ mật thiết với quần chúng, tuyên truyền vận động quần chúng. Chi bộ phân công và thường xuyên kiểm tra đảng viên làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng. Đảng viên là cán bộ phụ trách các đoàn thể, các cơ quan của nhà nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh, trường học, bệnh viện, cửa hàng... phải là người có tính đảng cao, có trách nhiệm phối hợp với đảng ủy trong công tác bồi dưỡng đảng viên, đào tạo cán bộ, củng cố tổ chức đảng và công tác tuyên truyền vận động quần chúng.

Công tác tư tưởng là công tác vận động, thuyết phục trên cơ sở khoa học; là hoạt động tự giác, không thể áp đặt, nóng vội, mà phải kiên trì, công phu. Dân chủ chính là nhân tố bảo đảm hiệu quả của công tác tư tưởng. Để đảm bảo dân chủ trong công tác này, cần xây dựng quy chế thông tin trong nội bộ đảng; thực hiện thông tin hai chiều giữa cấp

trên và cấp dưới, giữa đảng viên với tổ chức đảng. Bằng nhiều hình thức phong phú, bảo đảm quyền được thông tin của đảng viên cũng như của nhân dân qua báo, đài, qua sinh hoạt đoàn thể. Cán bộ lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, thành viên các cơ quan dân cử gặp gỡ quần chúng nhân dân không chỉ là hình thức tiếp xúc, liên hệ với nhân dân để làm công tác tư tưởng, mà còn là trách nhiệm của cán bộ đối với dân.

Phát huy dân chủ đi đôi với tôn trọng kỷ luật, giữ vững kỷ cương, đề cao trách nhiệm, theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách.

Có quy chế bảo đảm thật sự dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học. Khuyến khích thảo luận, tranh luận những ý kiến, quan điểm khác nhau, đề đi tới nhất trí sâu sắc các quan điểm và đường lối, chính sách của Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động công tác tư tưởng cũng là nhân tố quan trọng bảo đảm hiệu quả công tác tư tưởng. Các nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực công tác tư tưởng phải được thể chế hóa bằng pháp luật, như Luật báo chí, Luật xuất bản, Luật về các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, Luật về bản quyền tác giả và các văn bản dưới luật về nhuận bút, giải thưởng, về giá cả, thuế má, về chính sách bồi dưỡng tài năng....

Hiệu quả công tác tư tưởng còn phụ thuộc vào việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, vào mức độ đầu tư của Nhà nước để đổi mới thiết bị thu phát tin, phát thanh, truyền hình, hiện đại hóa ngành in, v.v., vào chính sách tài trợ của Nhà nước đối với hoạt động của các bình chủng trên mặt trận tư tưởng. Tài trợ không phải là quay trở lại chế độ bao cấp. Các báo, nhà xuất bản, các đơn vị hoạt động văn hóa nghệ thuật phải từng bước thực hiện hạch toán kinh tế, để tự trang trải một phần và sử dụng có hiệu quả sự tài trợ của Nhà nước, không vì lợi nhuận đơn thuần mà chạy theo những thị hiếu không lành mạnh

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với cách mạng Việt nam

HOÀNG TÙNG

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần và trí tuệ quý báu của cách mạng nước ta, của dân tộc và của Đảng cộng sản Việt nam trong cuộc đấu tranh lâu dài giải phóng đất nước, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới ở Việt nam. Tư tưởng đó là một động lực lớn của nhân dân ta trong cuộc hành trình mới xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, ấm no, hạnh phúc, văn minh.

Qua hơn một nửa thế kỷ lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân ta, Hồ Chí Minh viết nhiều, dạy nhiều, nhưng Người không để lại cho chúng ta những trước tác có hệ thống hoàn chỉnh trình bày con đường cách mạng của Đảng và nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã có bộ sách toàn tập những bài viết, bài nói của Người in thành mười tập. Muốn nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh chúng ta phải lần theo cuộc hành trình cách mạng của Người, nghiên cứu những bài viết, bài nói của Người, và cả những văn kiện của Đảng và Nhà nước, những trước tác của các đồng chí lãnh đạo khác, học trò và bạn chiến đấu gần gũi của Người. Lại phải tham khảo những ý kiến của đồng chí, đồng bào trong nước và bạn bè quốc tế nói về Hồ Chí Minh. Và vừa lần theo các quá trình phát triển của cách mạng, vừa đứng ở thời điểm sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc đã giành được thắng lợi hoàn toàn, lịch sử đã sang trang, mà phân tích và khái quát.

Cũng như các quá trình phát triển của cách mạng nước ta, tư tưởng Hồ Chí Minh có các giai đoạn hình thành, được xác lập là tư tưởng chỉ đạo cách mạng, và phát triển thành một hệ thống hoàn chỉnh.

Giai đoạn *thứ nhất*, từ khi ra đi tìm đường cứu nước đến lúc tìm được tư tưởng khoa học của chủ nghĩa Mác, qua Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười. Giai đoạn *thứ hai*, xác định con đường giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, lãnh đạo cách mạng và thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng Tám. Giai đoạn *thứ ba*, xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân, tiến hành hai cuộc kháng chiến cứu nước và xây dựng xã hội mới ở miền Bắc.

*

Hồ Chí Minh ra đời giữa lúc nước nhà đã bị thực dân Pháp xâm lược, biến thành thuộc địa ; những cuộc đấu tranh nhằm khôi phục nền độc lập của Tổ quốc do Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám lãnh đạo đã thất bại. Một cuộc vận động do Phan Bội Châu khởi xướng nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của Nhật bản, một cường quốc da vàng mới xuất hiện, đánh thắng một cường quốc châu Âu, không thành công. Cuộc vận động của Phan Chu Trinh nâng cao dân trí, chống sự hủ bại của vua quan cũng không có hứa hẹn. Tình cảnh đất nước, đời sống nhân dân thật là bi đát. Một làn gió mới xuất hiện từ Trung quốc, truyền bá tư tưởng dân quyền của các nhà

cách mạng dân chủ châu Âu thổi tới nước ta qua các tác phẩm của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, nhưng ảnh hưởng chỉ hạn chế trong tầng lớp nhà nho.

Năm 15 tuổi, Nguyễn Tất Thành tham gia hoạt động trong phong trào Phan Bội Châu, làm công tác liên lạc. Năm 17 tuổi, là học sinh Trường quốc học Huế, do tham gia cuộc biểu tình chống thuế mà buộc phải thôi học. Sau một thời gian dạy học ở Trường Dục Thanh, một trường tư do các nhà yêu nước sáng lập ở Phan thiết, nhận thấy các con đường đã thử nghiệm đều không đem lại kết quả, Nguyễn quyết định phải ra nước ngoài để tìm chân lý. Hành trang lúc ra đi của Nguyễn là chủ nghĩa yêu nước đã được hun đúc trong gia đình, ở trường học, ở địa phương mình, là nơi đã sinh ra Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu và người cha yêu quý của mình, cụ Nguyễn Sinh Sắc. Tình cảm yêu nước của Nguyễn bắt đầu từ tình yêu đồng bào, đau khổ trước tình cảnh lầm than của nhân dân và tinh thần quý trọng tinh hoa văn hóa và đạo đức dân tộc đang bị chà đạp. Người đã biết, nhưng còn sơ sài, về chủ nghĩa dân quyền, và cho rằng phải đến châu Âu mới hiểu rõ. Nước Pháp, nơi sinh ra bọn xâm lược, cũng là nơi có nền văn hóa rực rỡ và những nhà cách mạng dân chủ nổi tiếng. Trên một tàu buôn, Người đi nhiều nước và ở lại lâu nhất ở nước Pháp, ngay tại Pa-ri. Hoạt động chính trị của Nguyễn sôi nổi, phong phú từ năm 1917 trong phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa. Năm 1919 cái tên *Nguyễn Ái Quốc* lần đầu xuất hiện, nhanh chóng được các giới chính trị và kiều dân Việt nam chú ý qua bức thư thỉnh nguyện gửi Hội nghị Véc-xay đòi cho Việt nam một chế độ tự trị dân chủ. Nguyễn làm quen với các nhà xã hội chủ nghĩa nổi tiếng ở Pháp và gia nhập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào công nhân và phong trào xã hội chủ nghĩa ở đây. Tham gia cuộc tranh luận về lập trường của Đảng xã hội chủ nghĩa, Nguyễn hướng theo lập trường cách mạng của Lê-nin, sau khi đọc một số tác phẩm của người đứng đầu nước Nga cách mạng. Nguyễn tham gia Đại hội thành lập Đảng cộng sản Pháp và tuyên bố rằng mình tán thành Đảng cộng sản vì trong chương trình của đảng này

nói rõ không những nhiệm vụ giải phóng những người lao động chính quốc mà cả nhiệm vụ giải phóng các dân tộc thuộc địa. Con đường mà Nguyễn tìm thấy là sự kết hợp làm một hai nhiệm vụ giải phóng Tổ quốc và giải phóng nhân dân, giải phóng dân tộc và giải phóng loài người. Người thật sự trở thành chiến sĩ của cả ba phong trào giải phóng dân tộc, giải phóng công nhân và giải phóng nhân loại. Tầm lực lớn của Nguyễn dành cho sự nghiệp giải phóng dân tộc mình và các dân tộc thuộc địa khác. Người viết *Bản án chế độ thực dân* và chủ trì tờ báo *Người cùng khổ*.

Pa-ri, nơi đã nổ ra nhiều cuộc cách mạng, trong thế kỷ 18 và 19, trung tâm của thế kỷ Ánh sáng, là một trường học lớn của Nguyễn Ái Quốc. Ở đây Người đã trưởng thành về chính trị và hấp thụ những tinh hoa văn hóa của Pháp và thế giới.

Giữa năm 1923, Nguyễn rời nước Pháp đến đất nước của Cách mạng Tháng Mười, nhằm mục đích hiểu thêm về những tư tưởng đã dẫn đến một cuộc nổi dậy làm chấn động toàn cầu và những thành tựu mà nước Nga cách mạng đã giành được, rồi sẽ tìm đường về nước biến lý tưởng của mình thành hiện thực, sẵn sàng chịu đựng mọi thử thách. Người đến Mát-xcơ-va vào lúc Lê-nin qua đời. Người chứng kiến những tình cảm thiêng liêng mà nhân dân các nước trong liên bang dành cho người lãnh tụ của mình. Lê-nin không còn nữa nhưng tư tưởng của Người là một động lực chính của sự phát triển xã hội, và những thành tựu của Chính sách kinh tế mới, tất cả đều có sức hấp dẫn đối với Nguyễn.

Về đến Quảng châu (Trung quốc) năm 1925, Nguyễn hoạt động cùng với phái bộ Quốc tế cộng sản bên cạnh chính phủ cách mạng của Quốc dân đảng, trong điều kiện Quốc dân đảng và Đảng cộng sản đang liên minh với nhau. Nguyễn tham gia giảng dạy ở trường Hoàng phổ và góp phần sáng lập Hiệp hội các dân tộc bị áp bức châu Á. Người nghiên cứu chủ nghĩa tam dân mới của Tôn Văn. Sự mạng quan trọng của Nguyễn là bắt tay vào cuộc vận động cách mạng ở trong nước, soạn thảo văn kiện xác định con đường giải phóng Tổ quốc, tổ chức ra các đoàn thể cách mạng, đào tạo một lớp

cán bộ đầu tiên của cách mạng nước ta. Người tiếp xúc với một nhóm thanh niên yêu nước đáp lời kêu gọi của Phan Bội Châu đã tới đây và hình thành một tổ chức gọi là *Tâm tâm xã*. Một người lãnh đạo của tổ chức ấy là Phạm Hồng Thái, năm 1924, đã ám sát hụt toàn quyền Đông dương Méc lanh, và anh dũng hy sinh ở Sa diện, làm thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân ta sau một thời gian bị lắng xuống do một loạt thất bại. *Tâm tâm xã* nhanh chóng trở thành lực lượng sáng lập *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội*. Mười lớp học với hơn hai trăm thanh niên từ trong nước lần lượt sang học, phần lớn là những người đã tham gia những hoạt động yêu nước đòi thả Phan Bội Châu và để tang Phan Chu Trinh. Cơ quan ngôn luận của *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* là báo *Thanh niên*, tập hợp những bài giảng ở các lớp học nói trên dưới nhan đề *Đường cách mệnh*, truyền bá rộng rãi ở trong nước cùng với sự ra đời hệ thống tổ chức thanh niên cách mạng ở khắp ba kỳ, đẩy lên một phong trào yêu nước sôi nổi, cả thành thị lẫn nông thôn. Cùng với việc học tập về con đường cách mạng, những người học còn được nghe giảng về những công tác vận động cách mạng, tổ chức ra đoàn thể cách mạng và hoạt động của các đoàn thể ấy, và về đạo đức của người cách mạng. Qua hai năm hoạt động, Nguyễn đã phác thảo con đường giải phóng của dân tộc ta, sáng lập các tổ chức cách mạng và đào tạo cán bộ. Lần đầu tiên phong trào yêu nước của ta có một cương lĩnh rõ ràng, có những tổ chức rộng rãi của các tầng lớp nhân dân với người hoạt động cách mạng có phong cách mới.

Điều không may xảy ra với Nguyễn là khi đến Liên xô thì Lê-nin mất, đến Trung quốc không lâu thì người đề xướng chủ nghĩa tam dân, người đứng đầu Quốc dân đảng và nhà nước dân chủ là Tôn Văn cũng qua đời, liên minh quốc cộng bị lâm nguy. Năm 1927 Tưởng Giới Thạch nắm quyền, bãi bỏ liên minh với đảng cộng sản, đàn áp những người cách mạng. Nguyễn cùng phái bộ Brô-đin phải rời Quảng châu.

Lúc ấy ở Liên xô, Xta-lin kế tục sự nghiệp của Lê-nin, đứng đầu Đảng cộng sản và Hội đồng dân ủy Liên xô. Qua một bài nói chuyện trước một lớp học sĩ quan mần khóa, ông trình bày hệ thống tư

tưởng của Lê-nin và lần đầu tiên, đưa ra định nghĩa chủ nghĩa Lê-nin. Bài nói chuyện đó chính là chủ nghĩa Xta-lin, giải thích hệ thống lý luận của Lê-nin theo quan điểm của ông. Bài này trở thành sách gối đầu của những người cộng sản Nga và nhiều đảng khác. Các chính sách do Lê-nin đề xuất, nhất là Chính sách kinh tế mới, chính sách phi quan liêu hóa bộ máy nhà nước,... bị thay thế hoặc bỏ qua. Quá trình công nghiệp hóa và tập thể hóa nông nghiệp được đẩy mạnh, thương nghiệp bị bãi bỏ, bộ máy nhà nước được tăng cường, tập trung mọi quyền hành vào trung ương. Nhiều người công tác gần gũi của Lê-nin phải rời khỏi đời sống chính trị vì bị coi là không phù hợp với đường lối của ban lãnh đạo mới.

Năm 1928 Đại hội lần thứ VI Quốc tế cộng sản được triệu tập, thông qua cương lĩnh (chiến lược) cách mạng, và bầu ban lãnh đạo mới.

Nhóm đồng chí đầu tiên của Việt nam xuất thân là trí thức và công nhân, đến Liên xô học vào lúc này. Học chủ nghĩa Xta-lin - những bài giảng cuốn *Những nguyên lý chủ nghĩa Lê-nin*, cương lĩnh cách mạng tư sản dân chủ (lúc ấy ta gọi là dân quyền). Học xong, nhóm đồng chí này về nước chuẩn bị cương lĩnh của đảng cộng sản nước ta. Tư tưởng của cương lĩnh cách mạng dân chủ tư sản được truyền bá trong phong trào cách mạng đang dâng lên mạnh mẽ do hoạt động sôi nổi trong cả nước của *Thanh niên cách mạng đồng chí hội* ngay trước khi nhóm đồng chí Trần Phú về nước, dẫn đến việc phân hóa tổ chức cách mạng này thành ba tổ chức cộng sản với nội dung cương lĩnh, về đại thể không khác nhau. Các đồng chí của ba tổ chức nói trên đều nhấn mạnh một chiều liên minh công nông, đấu tranh giai cấp, phê phán chủ trương đoàn kết dân tộc là khuynh hướng chính trị tiểu tư sản, dân tộc chủ nghĩa.

Sau một số năm công tác ở châu Âu, Nguyễn đến Xiêm (Thái lan) gây cơ sở cách mạng trong bà con Việt kiều. Được biết sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong nước và sự bất hòa giữa ba tổ chức đó, Nguyễn về Hương cảng mời ba tổ chức nói trên cử đại biểu sang họp. Chủ trì hội nghị ngày 3-2-1930, Nguyễn đưa ra *Chính cương vắn tắt, Sách*

lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt và đề nghị thống nhất ba tổ chức thành một đảng lấy tên là Đảng cộng sản Việt nam. Chính cương vắn tắt nêu rõ mục tiêu của Cách mạng Việt nam là *dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc*, thể hiện con đường mà Nguyễn đã trình bày trong những lớp học ở Quảng châu. Hội nghị 3-2 tán thành việc thống nhất, đồng ý tên đảng, nhưng không bầu được những người lãnh đạo chủ yếu chính thức, chỉ cử ra mấy người lãnh đạo lâm thời do một triệu tập viên đứng đầu. Nhóm đồng chí Trần Phú bổ sung vào chỗ khuyết đó. Mùa xuân 1930, đồng chí Trần Phú và một số đồng chí khác soạn thảo cương lĩnh. Tại Hội nghị trung ương tháng 10-1930 ở Sài gòn, đồng chí Trần Phú trình bày *Luận cương cách mạng tư sản dân quyền*. Hội nghị họp liên tục mười ngày và bị mật thám phát hiện, tất cả các đồng chí dự hội nghị đều bị bắt. Không lâu sau đó, đồng chí Trần Phú hy sinh ở trong tù. Nhưng tư tưởng lớn của *Luận cương* được nhiều người biết, nhất là được truyền bá rộng rãi trong hàng nghìn đồng chí đang ở các nhà tù. Ủy ban hải ngoại (1932 - 1934) đặt tại Ma cao, làm nhiệm vụ của Trung ương, hoạt động theo tinh thần cương lĩnh Trần Phú. Đại hội lần thứ nhất năm 1935 thừa nhận cương lĩnh ấy và thông qua những nghị quyết về nhiều chính sách và công tác cụ thể, bầu ban lãnh đạo mới do đồng chí Hà Huy Tập làm tổng bí thư.

Theo dõi hoạt động của Đảng ta, những người lãnh đạo Quốc tế cộng sản nhận định rằng : Nguyễn có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa cải lương, coi nhẹ đấu tranh giai cấp và liên minh công nông, không phù hợp với những tư tưởng chỉ đạo lúc bấy giờ và quyết định đổi tên Đảng ta thành Đảng cộng sản Đông dương.

Năm 1936, nhiều đồng chí ở nhà tù được trả lại tự do, tham gia xác định những chính sách mới trước tình hình đã thay đổi. Tranh thủ khả năng hoạt động hợp pháp, mở rộng ảnh hưởng của cách mạng trong điều kiện Mặt trận nhân dân cầm quyền ở Pháp, Trung ương Đảng quyết định thành lập Mặt trận dân chủ ở Đông dương.

Năm 1935, Quốc tế cộng sản họp Đại hội lần thứ VII chủ trương thành lập Mặt trận chống phát

xít trên toàn thế giới nhằm tập hợp các lực lượng hòa bình, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh và sẵn sàng đối phó với chiến tranh phát xít. Hưởng ứng các Nghị quyết của Đại hội này, Đảng ta đẩy mạnh cao trào dân chủ chống Nhật xâm lược Trung quốc và nguy cơ chiến tranh do Nhật gây ra ở châu Á, chống âm mưu của Nhật thôn tính nước ta, chống bọn thân Nhật. Năm 1938, Đảng quyết định cử đồng chí Nguyễn Văn Cừ thay đồng chí Hà Huy Tập làm tổng bí thư.

Chiến tranh thế giới nổ ra ở châu Âu, nước Pháp bị phát xít Đức xâm lược, quân đội Nhật vào Đông dương. Chính quyền thực dân Pháp thẳng tay đàn áp những người cộng sản và dân chủ. Cuộc khởi nghĩa Nam kỳ nổ ra và thất bại, địch khủng bố dữ dội, số đông cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng bị bắt. Không lâu, sau Hội nghị thành lập Đảng ta ở Hương cảng, Nguyễn Ái Quốc bị mật thám Anh bắt. Năm 1933, thoát khỏi nhà tù nhờ sự giúp đỡ của một luật sư người Anh. Năm 1934, Nguyễn trở lại Liên xô. Năm 1938, qua con đường liên lạc của Đảng cộng sản Trung quốc, Người đến các tỉnh gần biên giới Việt - Trung để chuẩn bị về nước. Đầu năm 1941, về Cao bằng, Người triệu tập Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương. Lúc này các đồng chí trung ương do Nguyễn Văn Cừ đứng đầu đã bị bắt, nhiều đồng chí bị kết án tử hình, một ban lãnh đạo mới do đồng chí Trường Chinh đứng đầu đã thay thế. Hội nghị Pắc bó mở ra bước ngoặt lớn của cách mạng nước ta. Tại Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc trình bày cương lĩnh cứu quốc của Đảng, đề nghị thành lập *Mặt trận Việt nam độc lập đồng minh*, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt giàu nghèo và chính kiến, miễn là tán thành sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc đều được tham gia. Liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận thống nhất dân tộc. Liên minh công nông và đoàn kết các lực lượng yêu nước dân chủ là hai bộ phận của một chiến lược chung của cách mạng Việt nam, không phải bộ phận này là chiến lược, còn bộ phận kia chỉ là sách lược. Trước khi làm cách mạng ruộng đất, thi hành chính sách giảm tô, giảm tức và giảm thuế, thi hành chính sách công nhân làm việc tám giờ một ngày, tăng tiền lương. Cương lĩnh cũng nói rõ chính sách đối với các giai cấp, các dân tộc và quyền bình

đảng nam nữ. Cương lĩnh cứu quốc thể hiện sinh động tư tưởng kết hợp sự nghiệp giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc, mà giải phóng dân tộc là trên hết, trước hết mà Người đã đề ra trong *Đường cách mệnh* và *Chính cương vắn tắt*. Nhờ sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược tại Hội nghị trung ương lần này và sự hoạt động tích cực của Đảng ta, mà một cao trào cứu nước đã bùng dậy nhanh chóng, tiếp đó là cao trào khởi nghĩa, rồi tổng khởi nghĩa thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân ta trong cả nước năm 1945.

Con đường giải phóng dân tộc Việt nam do Hồ Chí Minh (1) đề xướng và kiên trì, tập hợp được những lực lượng yêu nước và dân chủ rộng rãi, được xác lập và khẳng định bằng thực tiễn cách mạng, tiếp tục là con đường chống xâm lược, bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc và nhân dân ta, đưa cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ sau này đến thắng lợi.

*

Hồ Chí Minh viết và nói kết hợp với việc chỉ đạo của Đảng về tất cả các lĩnh vực xây dựng nhà nước cách mạng, các lực lượng vũ trang cách mạng, chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, hệ thống pháp luật, nền tảng tư tưởng về chính quyền nhà nước, tư tưởng chiến lược quân sự, xây dựng kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, văn học nghệ thuật, nếp sống mới, đạo đức cách mạng, xây dựng đảng, mặt trận và các đoàn thể, chính sách đối ngoại và đoàn kết quốc tế. Tư tưởng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân quán triệt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng cấu trúc thượng tầng của chế độ và thể chế của nhà nước ta. Tiêu ngữ của cách mạng và Nhà nước ta là *độc lập, tự do, hạnh phúc*. Nguyên tắc chỉ đạo tư tưởng và hành động của chúng ta là *không có gì quý hơn độc lập, tự do*. Những tư tưởng nhất quán của Người là tình thần *độc lập, tự chủ*, xuất phát từ lợi ích dân tộc và nhân dân kết hợp với lợi ích chính đáng của các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, *nhân dân là nguồn gốc mọi thắng lợi, là chủ thể của cách mạng*, của nhà nước, quân đội, công an, kinh tế, văn hóa... là đối tượng phục vụ của Đảng và Nhà nước. Đảng, Nhà nước, cán bộ các cấp đều là đầy tớ của

nhân dân, không phải là những ông quan cách mạng. Bộ máy nhà nước phải trong sạch, gần bó với nhân dân, chống chủ nghĩa quan liêu và các tệ nạn tham ô, lãng phí, thực hành chính sách tiết kiệm sức người, sức của của nhân dân.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về những lĩnh vực nói trên là những chuyên đề lý luận - khoa học lớn của các chuyên gia và của toàn đảng.

Như trước đây, tư tưởng độc lập tự chủ về đường lối, chính sách cách mạng của nước ta, do chịu tác động của bên ngoài mà giảm sút, phạm sai lầm. Năm 1951, Đảng ta triệu tập Đại hội lần thứ II, thông qua cương lĩnh cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Cương lĩnh này nhận định và chủ trương rằng cuộc cách mạng của chúng ta đang tiến hành là *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*, Nhà nước của ta là *nhà nước dân chủ nhân dân*, nền tảng xã hội của nó là *Mặt trận dân tộc thống nhất*, mà hạt nhân là *liên minh công nông*. Trước mắt, tập trung toàn lực đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Sau khi kết thúc giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc, sẽ chuyển sang giai đoạn cách mạng dân chủ, thực hành cách mạng ruộng đất và các cải cách dân chủ khác. Khi nào làm xong những nhiệm vụ lịch sử của cách mạng dân tộc và dân chủ nhân dân, nước ta sẽ từng bước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tác động từ bên ngoài làm đảo lộn trật tự ấy, tiến hành ngay cải cách ruộng đất, sau đó là việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, xóa bỏ công thương nghiệp tư nhân và tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp. Một lần nữa, lại nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp, liên minh công nông, không coi trọng đúng mức việc củng cố và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất. Một lần nữa, đường lối đúng đắn của Hồ Chí Minh lại bị người ta đánh giá là hữu khuynh, lẫn lộn ta địch, không rõ lập trường giai cấp. Cuộc khủng hoảng trong phong trào cộng sản quốc tế và cuộc tranh luận công khai về những con đường khác nhau của cách mạng gây nên những ảnh hưởng tiêu cực đối với hoạt động của Đảng ta.

(1) Tên Hồ Chí Minh lần đầu Người dùng năm 1942, khi từ Cao bằng sang Quảng Tây rồi bị chính quyền Quốc dân đảng bắt.

Dân tộc ta phải chuẩn bị đương đầu với một cuộc chiến tranh xâm lược mới do Mỹ gây ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí Lê Duẩn (lúc này là tổng bí thư), Trường Chinh, cùng tập thể ban lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta phải chủ động giải quyết những vấn đề mới của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Tư tưởng Hồ Chí Minh, một lần nữa lại được khẳng định mạnh mẽ : gương cao ngạo cứu nước, đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc, đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ, yêu chuộng hòa bình và tự do trên toàn thế giới, trước hết là Liên xô, Trung quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, ủng hộ Việt nam, làm thất bại cuộc chiến tranh thực dân mới của Mỹ. Đó là tinh thần cơ bản các nghị quyết của Hội nghị trung ương lần thứ 15 (năm 1959) và Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960). Cuộc kháng chiến chống Mỹ sử dụng rộng rãi những phương pháp, hình thức cách mạng của dân tộc và nhân dân ta trong quá khứ, tạo thành sức mạnh tổng hợp cách mạng của nhân dân trong chiến tranh giải phóng Tổ quốc.

*

Tư tưởng Hồ Chí Minh là con đường cách mạng, hệ tư tưởng chỉ đạo của dân tộc và nhân dân Việt nam. Thế giới quan của hệ thống tư tưởng này là chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin, kết hợp với tư tưởng chính trị và văn hóa truyền thống của Việt nam. Các cuộc cách mạng và các chế độ xã hội lần lượt xuất hiện trong lịch sử đều mang rõ dấu ấn dân tộc và ảnh hưởng của thời đại, không có hiện tượng nào đóng kín hoặc hòa tan. Giai cấp là hiện tượng nổi bật trong các xã hội có giai cấp, nhưng vẫn là một hiện tượng lịch sử, không là thường xuyên trong lịch sử lâu dài của nhân loại. Dân tộc là hiện tượng lâu dài, bền vững hàng nghìn năm. Thế giới đại đồng là mong ước của loài người từ thuở xa xưa nhưng vẫn còn là một viễn cảnh xa xôi. Giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc là một mục tiêu quan trọng của học thuyết Mác. Giải phóng con người, giải phóng xã hội luôn luôn gắn liền với giải phóng dân tộc. Cuộc đấu tranh lịch sử này còn phải tiếp tục lâu dài, và trước mắt đang rất gay gắt vì các thế lực cường quyền đơn cực hoặc đa cực đang mưu

toan áp đặt trật tự của họ cho tất cả các dân tộc. Tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, đã, đang và sẽ vẫn là một động lực của sự phát triển, nhất là đối với các dân tộc đã thoát khỏi ách áp bức của chủ nghĩa thực dân, nhốt dân làm chủ đất nước và xã hội. Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc của Hồ Chí Minh bắt nguồn và nhất quán từ đầu đến cuối từ tinh thần yêu dân, xuất phát từ sự nghiệp giải phóng nhân dân và vì hạnh phúc của nhân dân.

Hồ Chí Minh là trí tuệ, tinh hoa văn hóa của dân tộc Việt nam trong thời đại mới, giải phóng Tổ quốc, giải phóng nhân dân, xây dựng sự phồn vinh của đất nước, cuộc sống tự do, ấm no hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh là ý chí Việt nam : một dân tộc nỗ lực đoàn kết lại, dựa vào sức mình giải phóng cho mình, đánh thắng mọi thế lực xâm lược và áp bức. Tinh thần dân, tính nhân đạo thể hiện nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Mục đích cách mạng nhân đạo, hành động cách mạng phải nhân đạo. Hồ Chí Minh là nhà lý luận hành động, là tấm gương lớn về phong cách và đạo đức cách mạng. Người không ham nói lý luận trừu tượng viển vông, mà luôn xuất phát từ cuộc sống ; giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra, nói bằng ngôn ngữ truyền thống, có trật tự, mạch lạc dễ đi vào lòng người ; suốt đời hoạt động không mệt mỏi, rất có kỷ luật, giữ vững nếp sống giản dị ; không giành cho mình một vị trí nào nổi bật, không sử dụng uy quyền ; quý trọng người khác, quý trọng nhân dân, kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ, gần gũi thân thiết với mọi người, quý trọng người tài, đối xử công bằng với mọi người, tranh thủ sự tâm phúc. Người thường nói : Hoài bão suốt đời của Người là Tổ quốc độc lập, đồng bào tự do, có cơm ăn, áo mặc, được học hành ; mọi người đoàn kết xây dựng cuộc sống tốt đẹp.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là tư tưởng cách mạng trong sáng, cao thượng.

Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng cao thượng, trong sáng.

Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta

NGUYỄN DUY QUÝ *

Lý luận Mác - Lê-nin về nhà nước khẳng định : nhà nước và pháp luật là hai hiện tượng xã hội - lịch sử có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nhà nước nào cũng đề ra pháp luật để cai trị và điều hòa các quan hệ xã hội. Tuy vậy, *không phải nhà nước nào cũng được thừa nhận là nhà nước pháp quyền. Tư tưởng* về nhà nước pháp quyền đã xuất hiện từ thời kỳ chiếm hữu nô lệ, trước công nguyên. Song dưới chế độ chiếm hữu nô lệ và đặc biệt là chế độ phong kiến, khi mà toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về một người (chủ nô, vua hoặc nữ hoàng), thì không thể nói đến sự tồn tại một nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền trở thành một học thuyết chính trị - pháp lý và triết học ở Tây Âu vào thế kỷ 17 - 18. Đây là học thuyết tiên bộ, phản ánh ý chí của giai cấp tư sản lúc đang lên, tự khẳng định mình, cùng với các tầng lớp nhân dân lao động chống lại chế độ quân chủ, độc đoán và chuyên quyền của vua chúa phong kiến. Do đó, cùng với dân chủ, việc xây dựng nhà nước pháp quyền đã trở thành mục tiêu tập hợp lực lượng của các cuộc cách mạng tư sản Mỹ và Tây Âu thế kỷ 18.

Mác, Ăng-ghe-nơ và Lê-nin đánh giá cao giá trị nhân văn của học thuyết nhà nước pháp quyền mà cách mạng tư sản đã cống hiến cho nhân loại. Đồng thời các ông cũng phê phán nhà nước pháp quyền tư sản thế kỷ 19 - đầu thế kỷ 20, một kiểu nhà nước suy cho cùng là của một nhóm người để bóc lột, đàn áp giai cấp vô sản và nhân dân lao động.

Về mặt lý thuyết, có nhiều quan điểm khác nhau

về nhà nước pháp quyền. Theo nhà triết học I. Căng (1724 - 1804), người được coi là một trong các tác giả của học thuyết này, nhà nước pháp quyền (hay còn gọi nhà nước hợp pháp) là nhà nước mang tính kế ước do nhân dân tạo lập với những khái niệm pháp lý về tự do và bình đẳng. Chẳng hạn : khi một con người chưa vi phạm pháp luật, thì người ấy hoàn toàn tự do phát triển theo trí lực của mình ; không ai có quyền bắt buộc người khác làm điều gì ngoài phạm vi pháp luật công khai ; mỗi người và xã hội nói chung phải tuân thủ pháp luật, đồng thời cũng có quyền, có khả năng buộc chính nhà nước và những người có chức vụ phải chấp hành triệt để pháp luật. Trả lời câu hỏi làm sao bảo đảm được trách nhiệm quả lại giữa công dân và nhà nước, I.Căng cho rằng : hình thức chính thể hoàn chỉnh nhất đã trải qua là nền cộng hòa, nhưng chính nó cũng chưa bảo đảm không có sự độc đoán, chuyên quyền, nếu như không có sự phân chia quyền lực nhà nước thành các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (1). Và chỉ khi thống nhất được cả ba quyền đó thì nhà nước mới bảo đảm được các quyền cho công dân của mình.

Tại Hội thảo về nhà nước pháp quyền của các nước cùng sử dụng tiếng Pháp, tổ chức tại Bê-nanh tháng 9 năm 1991, từ các góc độ khác nhau, các nhà

* Giáo sư tiến sĩ, Viện trưởng Viện khoa học xã hội Việt nam

(1) Xem E.M.Tréc-nhi-lốp-xki : "Nhà nước pháp quyền : kinh nghiệm lịch sử", tạp chí *Nhà nước và pháp luật xã hội* số 4-1989, tr. 48

khoa học của trên 40 nước đã đưa ra một hệ thống các quan điểm như sau : nhà nước pháp quyền là một nhà nước mà ở đó quyền và nghĩa vụ của tất cả và của mỗi người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ ; nhà nước pháp quyền được định nghĩa chung là một chế độ mà ở đó nhà nước và các cá nhân phải tuân thủ pháp luật ; các quy trình, quy phạm pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng một hệ thống tòa án độc lập ; nhà nước pháp quyền có nghĩa vụ tôn trọng giá trị cao nhất là con người ; nhà nước phải tuân thủ pháp luật và đảm bảo cho công dân đủ khả năng và điều kiện chống lại chính sự tùy tiện của nhà nước. Phải tạo lập một cơ chế chặt chẽ để kiểm tra tính hợp pháp và hợp hiến của pháp luật cũng như các hành vi của bộ máy hành chính. Đặc điểm của nhà nước pháp quyền là nhà nước phải tạo ra cho công dân sự bảo đảm rằng người ta không bị đòi hỏi cái ngoài hoặc trên những điều được quy định trong hiến pháp và pháp luật ; trong nhà nước pháp quyền, hiến pháp giữ vị trí tối cao trong hệ thống pháp luật, nhưng hiến pháp được xây dựng trên cơ sở bảo đảm tự do và quyền của công dân.

Như vậy là giữa các quan điểm và cách nhìn còn có điểm khác nhau, thậm chí đôi chỗ đối lập nhau, nhưng nhìn chung, có thể tóm gọn các tiêu chuẩn hay đặc trưng cơ bản về nhà nước pháp quyền như sau :

Thứ nhất, thừa nhận và tôn trọng tính tối cao của luật, trước hết là của Hiến pháp, đạo luật cơ bản có giá trị pháp lý cao nhất. Hiến pháp, luật và những văn bản dưới luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải được xử lý.

Thứ hai, quyền lực nhà nước được phân định theo ba chức năng cơ bản là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba chức năng đó giao cho ba cơ quan quyền lực khác nhau nhằm kiểm soát, kiểm chế lẫn nhau trong thực thi quyền lực, tránh sự tùy tiện và lạm quyền. Mông-te-xki-ơ (1689 - 1755), người sáng lập

học thuyết "phân chia quyền lực", có nói : "mọi người có quyền lực đều có khuynh hướng lạm dụng nó" (2). Trên cơ sở độc lập, cần có cơ chế phối hợp và giám sát giữa ba hình thức quyền lực nhà nước, trong đó trội hơn hết là quyền lập pháp và xét xử. Cơ sở tồn tại của các cơ quan nhà nước phải là pháp luật, các mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan quyền lực nhà nước cũng phải do pháp luật quy định.

Thứ ba, con người phải là mục tiêu và giá trị cao nhất. Do đó, nhà nước bảo đảm cho công dân sự an toàn pháp lý được hưởng các quyền và tự do cơ bản, và bảo vệ họ trong trường hợp các quyền và tự do cơ bản đó bị vi phạm, kể cả từ phía các cơ quan nhà nước và những người có chức vụ ; xây dựng một xã hội đồng trách nhiệm giữa công dân và nhà nước, công dân có trách nhiệm với nhà nước thì nhà nước cũng có trách nhiệm với công dân ; trong xã hội cần có hệ thống tài phán tiện lợi nhất cho nhu cầu tố tụng, tranh tụng của nhân dân.

Thứ tư, trong quan hệ quốc tế, một nhà nước pháp quyền phải bảo đảm thực hiện một cách tận tâm các cam kết và nghĩa vụ quản lý xuất phát từ các điều ước quốc tế mà nhà nước đó ký kết hoặc công nhận ; thừa nhận giá trị ưu tiên của các cam kết và nghĩa vụ đó đối với pháp luật trong nước.

Gạt đi bản chất giai cấp vốn có của nhà nước, với đặc trưng cơ bản nêu trên, nhà nước pháp quyền dĩ nhiên phải là một nhà nước dân chủ, một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trong đó tất cả quyền lực phải thực sự thuộc về nhân dân. Nhà nước phải được xây dựng và tổ chức một cách hợp lý, khoa học để thực thi một cách hiệu quả nguyên lý này. Chính vì lẽ đó, lịch sử nhân loại không thừa nhận các kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ, quân chủ, cũng như các chế độ chính trị độc tài,

(2) Xem André Demichel, Francine Demichel, Marcel Piquemal : *Institutions et pouvoir en France*, Paris, Editions sociales, 1975, bản dịch tiếng Nga, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1977, tr 30.

phát xít, phân biệt chủng tộc, diệt chủng, v.v. là nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền cũng hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa hư vô pháp luật.

Ở Việt nam trước năm 1945, dưới chế độ phong kiến và thuộc địa, không có nhà nước pháp quyền. Tư tưởng về nhà nước pháp trị, một cách vận dụng tư tưởng nhà nước pháp quyền ở Việt nam, lần đầu tiên được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra năm 1919 (3). Cách mạng Tháng Tám thành công, cùng với việc thiết lập chế độ cộng hòa dân chủ, Người đã khéo đưa tư tưởng này vào Hiến pháp năm 1946, hiến pháp đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa. Song tình trạng chiến tranh kéo dài, cơ sở kinh tế, xã hội và văn hóa chưa cho phép chúng ta thực hiện mạnh mẽ và triệt để tư tưởng về nhà nước pháp quyền.

Công cuộc đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra và Đại hội VII tiếp tục phát triển, đòi hỏi chúng ta phải cải cách bộ máy nhà nước. Văn kiện Đại hội VII chỉ rõ : "Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước theo phương hướng : Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của đảng ; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch" (4). Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã chính thức sử dụng phạm trù *xây dựng nhà nước pháp quyền*.

Việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, theo suy nghĩ ban đầu của tôi, còn cần phải được tổ chức nghiên cứu nghiêm túc công phu, đặc biệt phải rất chú ý đến thực tế kinh tế, xã hội và văn hóa Việt nam, đến kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời cũng cần có một thời gian nhất định để có được những chủ trương sát đúng. Song, về đại thể, cần quán triệt mấy nguyên tắc cơ bản sau đây :

1 - *Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước vừa trực tiếp, vừa gián tiếp. Đồng thời, chính nhân

dân thực hiện quyền giám sát tối cao đối với các cơ quan nhà nước trong việc sử dụng quyền lực mà nhân dân ủy cho. Quyền giám sát đó được thực hiện bằng các cơ chế và công cụ pháp lý hữu hiệu.

2 - *Các quan hệ xã hội căn bản phải được điều chỉnh bằng pháp luật*, chứ không phải chỉ bằng đạo lý. Pháp luật đóng vai trò như những quy tắc xử sự chung, mang tính bắt buộc, định ra hành lang pháp lý an toàn cho các quan hệ chung của toàn xã hội. Theo nghĩa đó, nhà nước không "làm ra" luật, mà chỉ là hình thức hóa các quy tắc, các hành vi xã hội. Các thiết chế nhà nước phải là những công cụ đặc lực để thực thi pháp luật.

Ở đây cần nói thêm : pháp luật phải là pháp luật hợp lý và công bằng, phản ánh đúng quy luật khách quan, phù hợp với mọi quan hệ lợi ích, không được chủ quan, duy ý chí, càng không được cục bộ, bản vị. Pháp luật phải được xây dựng với "chất lượng" cao, phản ánh nhu cầu phổ biến của xã hội trong từng giai đoạn.

3 - *Pháp luật phải giữ vị trí điều chỉnh chủ đạo* trong toàn xã hội, trong hoạt động, xử sự của các chủ thể quan hệ xã hội.

Hệ thống các quy phạm pháp luật phải tuyệt đối tuân thủ tính thống nhất của pháp luật, trong đó tính tối cao thuộc về luật và trước hết là hiến pháp. Các luật không được trái với các quy định của hiến pháp. Tương tự như vậy, các văn bản dưới luật phải phù hợp với luật ; các văn bản của ngành, địa phương phải phù hợp với văn bản của cấp cao hơn và của trung ương.

4 - *Đề ra pháp luật, nhưng chính nhà nước, các cơ quan nhà nước, những người có chức vụ, cũng như mọi tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức kinh tế và công dân, đều có nghĩa vụ tuân thủ triệt để pháp luật* ; không một tổ chức hoặc cá nhân nào được đứng ngoài, đứng trên pháp luật. Mọi người đều

(3) Xem Hồ Chí Minh : *Nhà nước và pháp luật Việt nam*, Nxb Pháp lý, 1990, tr 11 - 13

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 91

bình đẳng trước pháp luật. Với nguyên tắc này, xã hội ta sẽ dần dần tiến tới thực hiện phương châm : công dân "có thể làm tất cả những gì luật không cấm", tất nhiên trong khuôn khổ đạo đức xã hội chủ nghĩa và tôn trọng lợi ích xã hội và của người khác. Điều này, một mặt chống lại những hành vi lộng quyền, lạm quyền, mặt khác chống lại những hành vi tự do vô chính phủ.

5 - *Tôn trọng và đảm bảo trên thực tế các quyền và tự do cơ bản, các lợi ích chính đáng, danh dự và nhân phẩm của con người.* Chúng phải được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật, được pháp luật bảo vệ trong trường hợp bị vi phạm, thông qua các công cụ pháp lý hữu hiệu của nhà nước.

6 - Bộ máy nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc quyền lực của nhân dân là cao nhất và thống nhất, không có sự phân chia quyền lực mà chỉ có sự phân công rành mạch giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp ; các cơ quan này thực hiện quyền lực theo chức năng riêng, với một cơ chế giám sát có nhiều khả năng hạn chế, kiểm chế các hành vi lộng quyền và lạm quyền trong bộ máy nhà nước. Cơ chế "ủy quyền" từ loại quyền lực này cho loại quyền lực khác phải được hạn chế đến mức thấp nhất và trong những khuôn khổ pháp lý chặt chẽ nhất,

Đây là nguyên tắc quan trọng nhất, bảo đảm trên thực tế hiệu lực của nhà nước pháp quyền, của pháp luật, bảo đảm một nền dân chủ đích thực, dân chủ đi đôi với kỷ cương, pháp luật.

7 - *Chế độ trách nhiệm qua lại giữa nhà nước và công dân (cá nhân),* tức giữa một bên là người đại diện quyền lực nhà nước và một bên vừa là chủ thể vừa là khách thể của quyền lực nhà nước. Ở đây nhà nước xác định rõ (cho các cơ quan và những người có chức vụ) trách nhiệm pháp lý rõ ràng về các hành vi của họ. Công dân được bảo đảm quyền và khả năng buộc cơ quan nhà nước và những người có chức vụ phải chấp hành pháp luật, thực thi trách nhiệm của mình đối với họ.

8 - *Bảo đảm tính độc lập của các cơ quan xét xử,*

tức là : các thẩm phán *độc lập*, chỉ tuân theo pháp luật khi phán quyết, không bị lệ thuộc các cá nhân, các cơ quan, các tổ chức chính trị, xã hội. Hoạt động xét xử phải dân chủ, với những thủ tục tranh tụng bình đẳng và tiện lợi cho người dân.

Tư pháp phải trở thành công cụ quan trọng nhất của nhân dân trong đời sống xã hội, vì đó là nơi mọi người đều có quyền tự do liên hệ trong trường hợp quyền và lợi ích của mình bị vi phạm ; là nơi mọi người đều có thể dễ dàng nhận được sự che chở, ủng hộ và bảo vệ cần thiết của pháp luật ; là nơi mọi hành vi đúng, sai theo pháp luật phải được phân xử một cách kịp thời và công minh.

9 - *Công khai hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước và những người có chức vụ* (trừ trường hợp cần hạn chế vì lý do an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội). Thực hiện rộng rãi quyền thông tin và được thông tin.

Quán triệt và thực hiện triệt để 9 nguyên tắc nêu trên chính là *sự vận dụng tư tưởng nhà nước pháp trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta, chỉ có thể trở thành hiện thực, nếu thực sự đổi mới từ trong nhận thức cho đến tổ chức bộ máy nhà nước và cán bộ. Nếu không, vấn đề nhà nước pháp quyền cũng sẽ chỉ là một mong muốn tốt đẹp mà thôi ! Thực tế những năm qua cho thấy, mặc dù chúng ta có nhiều cố gắng, nhưng trật tự kỷ cương vẫn chưa được cải thiện, thậm chí trên một số lĩnh vực còn xấu đi nghiêm trọng.

Vì vậy, việc sửa đổi hiến pháp, cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền lần này đánh dấu một bước phát triển mới trong việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta. Trong việc này, phải luôn luôn thực hiện đúng vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Cần nhấn mạnh rằng không có sự đối lập giữa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng với tăng cường hiệu lực của nhà nước. Thống nhất giữa tăng cường lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của nhà nước, là mục tiêu quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước.

VÌ SAO ĐẢNG CỘNG SẢN LIÊN XÔ TAN RÃ ?

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

ĐẢNG cộng sản Liên xô có lịch sử vô cùng oanh liệt và vẻ vang. Được Lê-nin sáng lập và rèn luyện, Đảng đã từng là một trong những đảng mác xít - lê nin nít hùng mạnh nhất và kiên cường nhất ; đã từng lãnh đạo nhân dân làm nên Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, đánh thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, xây dựng những cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng của chủ nghĩa xã hội, mở ra một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử nhân loại. Đó thật sự là những công việc kinh thiên động địa, những sự tích thần kỳ, được cả loài người tiến bộ cảm phục và kính trọng. Vậy mà chỉ mấy năm cải tổ, cải cách, đến tháng 8-1991, Đảng cộng sản Liên xô với gần 20 triệu đảng viên, có mạng lưới tổ chức trong hầu khắp các cơ sở thuộc mọi lĩnh vực, mọi miền của đất nước, đã nhanh chóng tan rã cùng với sự tan rã của Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô. Tồn thất hết sức nặng nề và đau buồn này đã không khỏi gây nên những chấn động bàng hoàng trong những người cộng sản trên toàn thế giới.

Vì sao tổ sự tan rã của Đảng cộng sản Liên xô ?
Đây là một câu hỏi lớn rất nhức nhối, và là vấn đề cần nghiên cứu, suy nghĩ nghiêm túc để rút ra những bài học thiết thân cho chúng ta.

Bất cứ sự việc, hiện tượng nào cũng có những nguyên nhân khách quan và chủ quan của nó, nhưng xét tới cùng là do nguyên nhân chủ quan quyết định. Vì vậy phải tìm nguyên nhân tan rã của ĐCSLX trước hết ở chính ngay sự hoạt động, vận động của

bản thân ĐCSLX mà nòng cốt là một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng.

Bước đầu suy nghĩ, tôi cho rằng có thể có mấy nguyên nhân chủ quan rất then chốt sau đây :

1 - *Không xác lập đúng đắn sự lãnh đạo của Đảng, buông lơi công tác xây dựng Đảng.*

Đảng cộng sản ra đời, tồn tại và phát triển không phải với mục đích tự thân, mà là để lãnh đạo cách mạng, dẫn dắt nhân dân phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân. Lịch sử và thời đại đã trao cho Đảng sứ mệnh nặng nề và cao quý là lãnh đạo đất nước, lãnh đạo nhân dân. Tuy nhiên, trước khi giành được chính quyền và sau khi đã trở thành Đảng cầm quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng có nhiều việc không hoàn toàn giống nhau.

Trong điều kiện có chính quyền, Đảng lãnh đạo nhân dân, lãnh đạo mọi lĩnh vực của xã hội *thông qua chính quyền và bằng chính quyền*. Đảng tập trung sức lực chủ yếu vào việc xác định hệ thống quan điểm lý luận, xây dựng cương lĩnh, đường lối ; đào tạo bố trí cán bộ ; tiến hành công tác chính trị tư tưởng, công tác kiểm tra. Đồng thời Đảng làm mọi việc cần thiết để xây dựng chính quyền vững mạnh và phát huy đến mức cao nhất vai trò, hiệu lực của chính quyền. Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không làm thay nhà nước, không bao biện các công việc nhà nước. Đảng và Nhà nước không phải là hai hệ thống quyền lực song song ; Đảng càng không phải là cơ quan siêu

quyền lực, đứng trên nhà nước, hoạt động ngoài khuôn khổ hiến pháp và pháp luật.

Có một thời gian dài, ĐCSLX phạm khuyết điểm bao biện công việc nhà nước, không phát huy đầy đủ vai trò của nhà nước, dẫn đến gần như biến thành nhà nước, làm các công việc của nhà nước. Phát hiện ra khuyết điểm này, ĐCSLX chủ trương phải tiến hành cải tổ, sửa đổi phương thức lãnh đạo, chống độc quyền, đảng trị, chống hành chính hóa công việc của Đảng, khắc phục tình trạng bao biện làm thay nhà nước. Đó là chủ trương đúng. Nhưng trong quá trình thực hiện, một số người lãnh đạo của Đảng dần dần xa rời nguyên tắc và chủ định đặt ra lúc ban đầu, trượt dài trên con đường sai lầm mới. Với khẩu hiệu "Trả lại chính quyền cho nhân dân", "Tất cả chính quyền về tay Xô viết", chủ trương xóa điều 6 trong Hiến pháp Liên xô (là điều khẳng định sự lãnh đạo của ĐCSLX đối với toàn xã hội), họ từng bước hạ thấp rồi phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng. Trong hành động thực tế, người ta không chăm lo củng cố các tổ chức đảng, không giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, xem nhẹ vấn đề lãnh đạo nhà nước thông qua các tổ chức đảng, làm cho hệ thống tổ chức của đảng rệu rã, kỷ luật lỏng lẻo, tổ chức đảng không kiểm tra giám sát được đảng viên, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng quá yếu. Hàng trăm nghìn tổ chức cơ sở đảng rơi vào tình trạng yếu kém. Đề cao trách nhiệm cá nhân, lập ra chế độ tổng thống, nhưng lại không xác lập cơ chế kiểm tra giám sát của đảng; không cử các ủy viên Bộ chính trị phụ trách các lĩnh vực và cơ quan trọng yếu của chính quyền. Tổng bí thư chuyển trọng tâm công tác sang cương vị tổng thống, mọi việc về Đảng giao cho phó tổng bí thư. Với khẩu hiệu "phi đảng hóa", "phi chính trị hóa" trong quân đội, công an, KGB, họ còn vô hiệu hóa sự lãnh đạo của Đảng cả trong các lực lượng chuyên chính này. Trong khi đó họ khuyến khích lập các đảng phái, tổ chức đối lập, tưởng làm như thế là dân chủ, mà không biết rằng như vậy là tự mình trói tay mình, rút cuộc để tuột sự lãnh đạo của Đảng.

2 - Phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng của Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kết tinh các giá trị văn minh, trí tuệ của nhân loại, là sản phẩm của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân. Trong rất nhiều năm các đảng cộng sản và công nhân đã ghi vào cương lĩnh và điều lệ của mình: chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình vận động và phát triển, chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng có những điểm cần sửa chữa, bổ sung, phát triển, hoàn thiện dần cho phù hợp với những biến đổi, những phát triển của thời đại. Đó là việc làm rất bình thường và tự nhiên. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là một giáo điều chết cứng. Chính các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng luôn luôn khuyến bảo và nhắc nhở các thế hệ sau như vậy. Nhưng từ một số khiếm khuyết của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, người ta đã cường điệu lên cho rằng toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin "đã lỗi thời", "sai lầm", lâm vào "khủng hoảng", "không còn thích hợp" với thời đại ngày nay. Có người dè dặt hơn thì cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ còn được mặt phương pháp, chứ các quan điểm thì sai lầm; chỉ nên coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một nguồn tư tưởng như các nguồn khác. Trong các văn kiện chính thức vài năm gần đây của ĐCSLX không nói đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin như là nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản mà chỉ nói kế thừa các giá trị tư tưởng của Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, đồng thời tiếp thu các nguồn khác của văn minh nhân loại. Trên thực tế là đã mắc mưu của chủ nghĩa đế quốc, của các nhà tư tưởng chống cộng, hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thay đổi các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin bằng những luận điểm của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Một loạt vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin đã bị "tư duy chính trị mới" làm cho sai lạc. Đặc biệt là người ta xem nhẹ vấn đề đấu tranh giai cấp, nhấn mạnh những giá trị chung toàn nhân loại; xem nhẹ chuyên chính vô sản, nhấn

mạnh hòa hoãn, nhân quyền ; cho rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, xét lại sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân ; nhấn mạnh vấn đề dân tộc, xem nhẹ chủ nghĩa quốc tế ; nhấn mạnh vấn đề dân chủ công khai, xem nhẹ vấn đề kỷ luật tập trung thống nhất trong Đảng...

Từ chỗ xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, người ta phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, xa rời con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, ngã dần sang thân phương Tây, đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội dân chủ, ảo tưởng trông chờ vào sự cứu mang giúp đỡ của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Rõ ràng, sự xa rời, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nguyên nhân tệ hại dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực và làm tan rã Đảng về mặt chính trị tư tưởng.

3 - *Coi nhẹ hoặc phủ nhận nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng.*

Sức mạnh của Đảng với tư cách là một tổ chức chặt chẽ là ở tính thống nhất, ở sự đoàn kết nhất trí của đội ngũ đảng viên. Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh rằng, "sự thống nhất trong những vấn đề cương lĩnh và sách lược là điều kiện tất yếu, nhưng chưa đầy đủ ; để bảo đảm sự thống nhất của Đảng và sự tập trung hóa công tác của Đảng..., còn phải có sự thống nhất về tổ chức nữa" (*). "Tôi muốn và tôi đòi Đảng đã là đội tiền phong của giai cấp thì phải hết sức có tổ chức". "Cần phải có kỷ luật của Đảng, cần phải có chế độ tập trung hết sức nghiêm ngặt", "nếu không có kỷ luật và không có chế độ tập trung, chúng ta sẽ chẳng bao giờ hoàn thành được nhiệm vụ". "Bất cứ sự bẽ phái nào cũng là tai hại, không thể dung thứ được". Chế độ tập trung mà Lê-nin nói ở đây không phải là tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền. Lê-nin phê phán những hiện tượng vô tổ chức vô kỷ luật, đồng thời phê phán những hiện tượng "lẫn lộn chế độ tập trung với chế độ độc đoán và chế độ quan liêu". Người nhắc nhở : "Không được quên rằng bệnh vực chế độ tập trung có nghĩa là chỉ bệnh vực chế độ tập trung dân chủ mà thôi", "Các đảng gia nhập Quốc tế cộng sản phải được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân

chủ". Trong Đảng cần phải thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ.

Tiếc rằng có một thời kỳ ĐCSLX cũng như nhiều đảng cộng sản và công nhân ở các nước khác hiểu không đúng và thực hiện không đầy đủ những điều chỉ dẫn của Lê-nin về nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Người ta nhấn mạnh một chiều vấn đề tập trung và kỷ luật, không chú trọng phát huy dân chủ, dẫn đến độc đoán, quan liêu, thậm chí sùng bái cá nhân, chuyên quyền, lộng hành, gây ra những tác hại rất lớn.

Cải tổ và đổi mới là nhằm khắc phục sai lầm, khuyết điểm đó. Nhưng từ cực đoan này người ta lại nhảy sang cực đoan khác. Từ chỗ chống tập trung quan liêu, đề cao dân chủ, người ta lại chủ trương dân chủ hóa một cách cực đoan, vô giới hạn. Rất nhiều nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng bị vi phạm, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể cá nhân phụ trách, cấp dưới phục tùng cấp trên, đảng viên chịu sự kiểm tra và phục tùng kỷ luật của tổ chức. Trong Điều lệ Đảng (thông qua tại Đại hội 28 của ĐCSLX) không hề nói nguyên tắc tập trung dân chủ, mà chỉ nhấn mạnh vấn đề dân chủ. Các bài phát biểu của những người lãnh đạo cao nhất của Đảng chỉ nhấn mạnh vấn đề dân chủ hóa, đưa ra khẩu hiệu đa nguyên (lúc đầu chỉ là đa nguyên ý kiến, rồi dần dần đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập), chấp nhận cho các tổ chức đối lập ra đời. Thế là ngay tức khắc, hàng chục đảng đối lập, hàng trăm rồi hàng nghìn, hàng chục nghìn tổ chức chính trị xã hội đối lập mọc ra nhanh như nấm sau cơn mưa. Trong nội bộ đảng cũng có sự phân hóa, chia rẽ, thậm chí thành nhiều bè cánh đối chọi nhau. Đến Đại hội 28 của Đảng có tới 24 cương lĩnh khác nhau ; trên báo *Pra-vda* (cơ quan trung ương của Đảng lúc đó) đăng trên cùng một trang hai bản dự thảo cương lĩnh đối lập - một của Trung ương Đảng, một của phái Dân chủ. Đồng thời với sự chia rẽ trong nội bộ đảng và sự ra đời của hàng

(*) Những đoạn trong ngoặc kép ở phần này xin xem : V.I. Lê-nin : *Về những nguyên tắc tổ chức của Đảng vô sản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, tr 85, 73, 117, 109, 125...

loạt tổ chức đối lập, các nước cộng hòa cũng lần lượt đòi ly khai, các dân tộc hiểm khích, xung đột nhau; các tôn giáo, trở dậy rất nhanh và rất mạnh. Các thế lực đế quốc và phản động không mong gì hơn thế. Suốt bao nhiêu năm chúng ráo riết kích động, chia rẽ, "diễn biến hòa bình" cũng chỉ nhằm mục đích này. Kết cục là sự thống nhất trong Đảng bị phá vỡ kéo theo sự tan vỡ của khối thống nhất toàn liên bang, đất nước ngày càng lún sâu vào rối loạn, khủng hoảng. Lúc đó chỉ cần ông Tổng bí thư tuyên bố từ chức, giải tán ủy ban trung ương (không có điều lệ nào quy định như vậy) là lập tức toàn đảng tan rã, dù là Đảng có hàng chục triệu đảng viên.

4 - Xa rời quần chúng, mất uy tín nghiêm trọng trước nhân dân, không được nhân dân ủng hộ.

Cả lý luận và thực tiễn đã chỉ ra rằng, nguồn gốc sức mạnh của một đảng cách mạng chân chính là ở mối liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, được nhân dân ủng hộ. Trong lịch sử quang vinh của ĐCSLX, nhân dân với Đảng đã từng là một khối thống nhất, đã từng kết thành mối dây liên hệ máu thịt bền chặt. ĐCSLX đã nhiều lần đúc rút kinh nghiệm và kết luận: "Sức mạnh của Đảng là ở mối liên hệ mật thiết với nhân dân, cũng như sức mạnh của nhân dân bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và dưới sự lãnh đạo của Đảng". Đó là quy luật tồn tại và phát triển của đảng cộng sản, là quy luật vận động của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhưng cũng phải thừa nhận một thực tế đau xót là có một bộ phận cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền đã không giữ được phẩm chất và đạo đức cách mạng. Họ thoái hóa, biến chất, phạm vào tham nhũng, quan liêu, hách dịch, xa dân, bị quần chúng oán ghét. Khi tiến hành cải tổ, Đảng chủ trương phải chống tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, chống quan liêu, xa dân. Mà muốn chống được những căn bệnh nghiêm trọng, cắt bỏ được khối u ác tính này trên cơ thể Đảng thì phải dựa vào nhân dân, phải thực hiện phê phán công khai, đề cao vai trò của công luận. Chủ trương đó là hoàn toàn đúng. Điều đáng tiếc là trong quá trình thực hiện, Đảng và nhà nước đã không dự tính hết sự phức tạp và nhạy

cảm của tình hình, không có bước đi chắc chắn phù hợp. Với khẩu hiệu "dân chủ hóa", "công khai hóa", các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa ra, công khai tất cả những mặt tiêu cực, xấu xa tích tụ lại lâu nay trong Đảng mà không có sự cân nhắc, chọn lọc, không có sự phân tích định hướng xây dựng, khiến cho những phần tử cực đoan bất mãn lợi dụng để nói xấu Đảng, xuyên tạc, vu cáo Đảng, làm tổn hại nghiêm trọng đến thanh danh uy tín chung của toàn Đảng. Hàng loạt cán bộ, trong đó có nhiều cán bộ trung kiên bị thanh lọc. Hơn 100 ủy viên Trung ương bị đưa ra khỏi Ủy ban trung ương cùng một lúc... Các chuyên gia chống cộng, các nhà chính trị và tư tưởng tư sản nhân cơ hội này càng điên cuồng tấn công kích động, chia rẽ Đảng với nhân dân. Phải thấy rằng âm mưu chia rẽ Đảng với nhân dân đã có từ lâu trong giới chống cộng, chống Liên xô. Điều tệ hại là có những nhân vật cơ hội mị dân, ngay từ trong Đảng đứng ra tố cáo, bôi nhọ Đảng. Họ biết lúc này giương cao cờ chống tham nhũng, chống đặc quyền đặc lợi là rất được lòng dân; họ tố ra hăng hái đi xung kích trong chiến dịch này. Nhiều người lớn tiếng phê phán Đảng, công kích Đảng, thậm chí phê phán không thương tiếc cả quá khứ quang vinh của Đảng, lịch sử vẻ vang của đất nước, bôi nhọ cả lãnh tụ thiên tài của Đảng. Kết cục là cả quá khứ anh hùng của Đảng, những trang sử chói ngời của đất nước Liên xô vĩ đại dường như chỉ toàn là màu đen, tội lỗi, đáng căm thù; phải đập vỡ hết, phá bỏ hết, đến cả những tượng đài Lê-nin và bạn chiến đấu thân thiết của Người - những công trình văn hóa ghi nhận một giai đoạn hiển hách trong lịch sử Liên xô, ghi nhận trình độ văn minh của con người!

Cứ như thế, tình hình ngày càng trầm trọng, Đảng không có cách gì cứu chữa. Những người cộng sản chân chính không có sự phản kích thích đáng để bảo vệ mình, bảo vệ Đảng, và cũng không đưa ra được chủ trương gì mới mẻ, hữu hiệu. Họ bị gán cho là bảo thủ, cứng rắn, từng bước bị vô hiệu hóa, và càng ngày càng mất uy tín, không tập hợp được lực lượng trong Đảng và trong nhân dân, không được nhân dân ủng hộ tích cực. Mà một khi đã không tập

hợp được quần chúng, không được nhân dân ủng hộ, thì Đảng tan rã là điều không tránh khỏi.

5- *Từ bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản, thổi lên ngọn lửa kỳ thị dân tộc, dân tộc hẹp hòi.*

Chủ nghĩa quốc tế vô sản là đặc trưng, là thuộc tính của giai cấp công nhân và của đảng cộng sản. ĐCSLX suốt một thời gian dài đã đóng vai trò trụ cột phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; đất nước Liên xô - quê hương của Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười - đã từng là thành trì của cách mạng và hòa bình thế giới. Liên xô đã làm hết sức mình, đóng góp to lớn cho nhân loại tiến bộ, giúp đỡ các Đảng và các nước anh em theo tinh thần quốc tế trong sáng, vô tư. Người dân Liên xô tự hào về sự đóng góp của mình cho phong trào cách mạng thế giới, và trước nhất nhân loại tiến bộ họ đã trở thành biểu tượng cho tình cảm anh em đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc. Bản thân sự hợp tác giữa các nước cộng hòa trong đại gia đình Liên bang xô viết có một thời là mẫu mực về tinh thần quốc tế vô sản.

Tuy nhiên, mặt trái ở đây là có lúc, có bộ phận này sinh tư tưởng nước lớn, muốn áp đặt, làm thay, "xuất khẩu cách mạng", viện trợ và giúp đỡ không đúng tinh thần quốc tế vô sản. Từ đó dẫn đến làm cho dân trong nước phải chịu đựng hy sinh quá lớn, kinh tế tài chính khó khăn, còn nước được viện trợ thì ỷ lại, hoặc cho là mình bị mất chủ quyền. Các nước cộng hòa, các dân tộc trong liên bang cảm thấy mình mất độc lập, không được bình đẳng.

Việc nhận thức lại và thực hiện đúng đắn hơn chủ nghĩa quốc tế vô sản là cần thiết và nằm trong tinh thần cải tổ, đổi mới nói chung. Nhưng cũng từ đây một số người lãnh đạo Liên xô lại trượt sang một cực đoan mới: không nói gì đến chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa, thờ ơ với công việc của các đảng và các nước anh em, quay về lo cho lợi ích của đất nước mình, dân tộc mình, từ bỏ sự giúp đỡ quốc tế, khơi lên vấn đề kỳ thị dân tộc, dân tộc hẹp hòi. Thậm chí dễ xảy ra những cuộc xung đột dân tộc "huynh đệ tương tàn" ở một số nơi; có nơi dẫm máu và bi thảm. Trong

khi đó các lực lượng đế quốc và phản động ra sức tập hợp nhau lại, phối hợp nhau (bề ngoài có vẻ vô tình nhưng) rất nhịp nhàng, ăn ý, có bài bản, tập trung phá vỡ nhanh ĐCSLX.

*

Tóm lại, những sai lầm nói trên là sai lầm làm trái quy luật khách quan, làm trái các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về xây dựng Đảng. Sự tan rã của Đảng cộng sản Liên xô, cũng như sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô, càng chứng tỏ chủ nghĩa Mác-Lê-nin không sai, chưa lỗi thời, mà chính là vì người ta hiểu sai và làm sai chủ nghĩa Mác-Lê-nin: sai cả về thực hiện các nguyên lý cơ bản, và về vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Người ta từ cực đoan này nhảy sang cực đoan khác, tránh giáo điều rập khuôn đã trượt sang cơ hội, xét lại. Lẽ ra khi phát hiện ra sai lầm, thái độ đúng đắn nhất là công khai thừa nhận sai lầm, tìm biện pháp khắc phục sai lầm một cách hữu hiệu và từng bước vững chắc, sai đâu sửa đó, thì lại phủ nhận sạch trơn, phá bỏ tất cả thấy trong khi chưa tìm được cái mới thay thế.

Triệt để khai thác những sai lầm đó, bọn đế quốc và phản động các loại đã ra sức tấn công phá hoại các đảng cộng sản, phá hoại chủ nghĩa xã hội, và lần này chúng đã đạt được mục tiêu.

Nhưng dù sao thất bại của chủ nghĩa xã hội và thắng lợi của chủ nghĩa đế quốc lần này chỉ là một keo tạm thời. Quy luật khách quan không ai cưỡng lại được vẫn là chủ nghĩa xã hội sẽ phủ định và thay thế chủ nghĩa tư bản. Chúng ta tin rằng sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và các nước Đông Âu, những người cộng sản và cách mạng chân chính sẽ rút ra được nhiều bài học bổ ích, sẽ có thêm kinh nghiệm và bản lĩnh để tiếp tục đấu tranh cho thắng lợi cuối cùng của mục đích mà mình theo đuổi. Không lý gì một Đảng cộng sản to lớn, anh hùng và kiên cường như ĐCSLX - Đảng của Vla-di-mia I-lích Lê-nin - lại cam chịu thất bại dễ dàng như vậy.

HƯỚNG XÂY DỰNG MÔ HÌNH KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

LÊ HỘI *

Mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa cổ điển, cũ, sử dụng cơ chế điều khiển tập trung trong chế độ kinh tế. Mô hình này phát triển tốt và thích hợp ở giai đoạn cách mạng cơ khí trong giai đoạn chiến tranh vệ quốc, kháng chiến cứu nước. Sự tăng trưởng kinh tế lúc đó chủ yếu dựa vào "sức lao động", sức mạnh cơ khí. "Giá trị thặng dư" của hệ thống kinh tế lúc ấy chủ yếu do "sức lao động" quyết định. Hàm mục tiêu của mỗi đơn vị kinh tế lúc ấy phù hợp, thống nhất với hàm mục tiêu của toàn bộ hệ thống: "tất cả để bảo vệ Tổ quốc", tất cả vì cả nước. Nguyên lý nội cân bằng (homéostasie) lúc đó cũng làm cho hệ thống chuyển về hướng đạt cực đại cho hàm mục tiêu của toàn bộ hệ thống.

Ngày nay, cách mạng thông tin bùng nổ, nguyên lý đa dạng về thông tin phát huy sức mạnh của nó, làm cho việc điều khiển tập trung (kinh tế kế hoạch từ trung ương) là không thực hiện được. Đồng thời, nguyên lý nội cân bằng (mỗi hệ thống con, đơn vị còn tìm cách làm cho hàm mục tiêu của riêng mình đạt cực đại) vẫn tác động trong các đơn vị kinh tế quốc doanh.

Nhưng làm thế nào các đơn vị kinh tế quốc doanh có thể dễ dàng xử lý một lượng quá lớn thông tin phát sinh đột ngột, chưa kể những thông tin sai lạc từ bộ phận chỉ huy kế hoạch trung ương? Trong tình cảnh không xử lý được thông tin, để làm cho hàm mục tiêu của mình đạt cực đại, các đơn vị kinh tế quốc doanh chỉ còn cách là ăn cắp tài sản của nhà nước. Một khi hệ thống kinh tế xã hội rơi vào trạng thái khủng hoảng tai biến mà không thật sự tiếp nhận được một nguồn thông tin mới, tích cực, có tổ chức, trật tự và có cơ sở khoa học, thì nguyên

lý entropy cực đại sẽ làm cho toàn bộ hệ thống trở nên hỗn loạn và đổ vỡ.

Muốn tránh được trạng thái tai biến hỗn loạn này, chúng ta cần:

- Tìm được những luồng thông tin mới, tích cực, dễ đưa được vào hệ thống. Đó là một mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại, thật sự đổi mới, một mô hình hệ thống kinh tế trí tuệ, kinh tế thông tin. Mô hình đó, đương nhiên, phải là kết quả của việc phát huy được trí tuệ của toàn dân (đặc biệt của các tầng lớp trí thức), thu tóm được những thành quả có ý nghĩa sâu sắc nhất của mọi khoa học (tự nhiên và xã hội) và công nghệ (đặc biệt là tin học), chứ không phải chỉ của những học thuyết, lý thuyết trong khoa học xã hội. Sở dĩ như vậy vì muốn chứng minh sự đúng đắn hoặc chỉ ra những thiếu sót của một học thuyết nào vốn đã phong phú (đặc biệt khi học thuyết đó đang có chỗ khủng hoảng), thì không thể không dùng tới những phương tiện cần thiết khác ngoài học thuyết đó.

- Có một tổ chức đủ sức mạnh điều khiển, không gì có thể làm cho rối loạn, đủ khả năng phát hiện và tiếp thu tất cả những luồng thông tin mới tích cực. Đảng cộng sản Việt nam đã tỏ rõ là một tổ chức như vậy khi đề xướng và lãnh đạo thành công công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta.

- Đổi mới hệ thống kinh tế xã hội như đổi mới một cơ thể đa bào, đổi mới liên tục, đổi mới đồng thời và lần lượt những nhóm tế bào của cơ thể để đảm bảo sự sống liên tục.

Mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa cổ điển đối lập với mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa cổ điển, nhưng chủ yếu cũng vẫn là dựa vào sức lao động, đặc biệt

* Viện khoa học Việt nam

là sức lao động cơ khí hóa, để phát triển. Còn *mô hình kinh tế hiện đại* (kinh tế thông tin, kinh tế trí tuệ) của chủ nghĩa tư bản hay của chủ nghĩa xã hội đều xuất phát từ chỗ thấy rằng : Sự tăng trưởng của nền kinh tế, giá trị thặng dư của hệ thống kinh tế chủ yếu được quyết định bởi và ngày càng được quyết định bởi lượng thông tin *hữu ích, tích cực* đưa vào hệ thống kinh tế và bởi tốc độ sử dụng và lan truyền lượng thông tin đó ⁽¹⁾.

Trong mô hình kinh tế hiện đại có các *biến số, thông số, hàm* đặc trưng quan trọng lấy giá trị trên trục số. Tùy theo miền giá trị của chúng mà ta có mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại hay mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại (đã thật sự đổi mới). Cả hai mô hình này đều sử dụng cơ chế thị trường có sự điều khiển của nhà nước. Chúng chỉ khác nhau ở chỗ : nhà nước đó đại diện cho ai ? Cho lợi ích của một nhóm gia đình tỷ phú cực giàu, hay cho lợi ích của toàn dân mà tuyệt đại đa số là nhân dân lao động ?

Trong mô hình kinh tế hiện đại (tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa) đều có hàm *tốc độ tăng trưởng kinh tế*

$$T = T(x, y, z, u). \quad \text{Ở đây :}$$

x là tốc độ đổi mới thông tin khoa học và công nghệ được đưa vào nền kinh tế ;

y là độ ổn định của giá cả hàng hóa và lưu thông tiền tệ ;

z là độ chênh lệch về thu nhập giữa số ít người cực giàu và đa số người nghèo ;

u là tham số của tổ chức điều khiển kinh tế của nhà nước (các chính sách kinh tế đối ngoại, tài chính tiền tệ, thu nhập và luật pháp...).

Trong hàm T , biến x phản ánh chất lượng của thông tin, biến y và z phản ánh tốc độ lưu thông của thông tin. Mọi vấn đề tăng trưởng chủ yếu nằm ở chỗ : *thông tin và tốc độ*.

Để T tiến đến *cực đại*, nhà nước tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa đều phải chú ý điều khiển u sao cho x khá lớn, y khá lớn, z *không quá nhỏ* và cũng không quá lớn (nhờ phương pháp liên hệ ngược trong điều khiển học). Nếu người điều khiển u mà thiếu các thông tin khoa học cần thiết, thì x sẽ quá nhỏ, y quá nhỏ, z quá nhỏ hoặc quá lớn. Trong trường hợp đó, thông tin *mới, tích cực*, không vào được hoặc không lưu thông được trong hệ thống

kinh tế. Kết quả là nguyên lý entropy cực đại có điều kiện phát huy tác dụng và làm tan vỡ hệ thống.

Trong mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa *cũ* trước đây, người ta đặt chưa đúng vị trí, vai trò của tầng lớp trí thức, đặc biệt của các nhà khoa học và công nghệ (trung tâm phát hiện và xử lý các thông tin vĩ mô) ; và cũng chưa phát huy được quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, người sản xuất trực tiếp, để có thể phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin vĩ mô phát sinh đột ngột từ thực tế sản xuất ở địa bàn của họ. Vì thế x (tốc độ đưa thông tin mới vào hệ thống) là quá nhỏ. Hơn thế nữa, trong mô hình cũ, người ta có xu hướng muốn z (mức chênh lệch về phân phối) thật nhỏ, thực tế là không khuyến khích lao động sáng tạo mà muốn thực hiện bình đẳng trong tình trạng nghèo đói.

Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, người ta sử dụng mô hình kinh tế hiện đại, đưa vào cơ chế thị trường những thành tựu của khoa học hiện đại : tin học, điều khiển học... Nói chung, đây là mô hình tốt, là thành tựu trí tuệ của cả loài người. Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, sự khác nhau ở đây chỉ ở chỗ : Ai sử dụng thành tựu trí tuệ đó ? Ai là người nắm quyền điều khiển tham số u của hàm $T(x, y, z, u)$?

Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, người nắm quyền điều khiển u là nhà nước tư bản chủ nghĩa hiện đại. Đây là nhà nước của một nhóm tập đoàn tư bản cực giàu nhưng cũng rất khôn ngoan, không tham lam lộ liễu như các nhà tư bản trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa cổ điển. Nhà nước này cố điều khiển u sao cho T tiến tới trị số cực đại nhưng lợi trước hết cho các tập đoàn tư bản thống trị, cho các *hệ thống con* của họ, và vẫn giữ được ở mức nhất định trạng thái cân bằng trong toàn hệ thống (nguyên lý nội cân bằng). Tất nhiên trạng thái cân bằng này thường *không trùng với* trạng thái cân bằng tối ưu của toàn hệ thống, do chỗ nhà nước tư bản chủ nghĩa trước hết phải tuyệt đối bảo vệ quyền tư hữu. Ngay cả thông tin kế toán thống kê, như thông tin về mức dự định đầu tư của từng công ty chẳng hạn, cũng không được nhà nước đó xem là tài nguyên của toàn xã hội. Vì thế giữa các

(1) Thị trường là *hệ con* điều chỉnh sự cân bằng và mã hóa thông tin chứa trong một lớp hàng hóa. Nhưng chỉ dựa vào thị trường thôi thì không đủ, do đó cần có sự bổ sung bằng *chương trình định hướng kinh tế vĩ mô*.

công ty tư bản, khó có thể có sự phối hợp đầu tư với nhau, cũng có nghĩa họ thiếu thông tin ở đầu vào, do đó trị số y nhỏ. Mặt khác, cách phân phối của họ, kể cả cách phân phối lại do nhà nước tư bản quyết định, cũng đều mang tính chất bị động, cực chẳng đã, chỉ để thoát khỏi tai biến. Do đó z khá lớn, làm tắt các kênh thông tin kinh tế ở đầu ra của hệ thống sản xuất.

Trong chủ nghĩa xã hội, chúng ta cũng sử dụng mô hình kinh tế hiện đại, chỉ có khác người điều khiển tham số u ở đây *không phải là* nhà nước của một nhóm tập đoàn tư bản cực giàu, *mà là* nhà nước của nhân dân, vì vậy nhà nước đó chăm lo trước hết lợi ích của toàn xã hội. Nhà nước này điều khiển tham số u theo hướng : trước tiên bảo đảm cho toàn hệ thống kinh tế đạt được trình độ tối ưu toàn cục về phương diện thông tin vĩ mô ; sau đó, bảo đảm cho các hệ thống con, các đơn vị sản xuất, có thể tự chủ xử lý thông tin vĩ mô để đạt được trị số cực đại bộ phận. Nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể làm như thế, vì nó xuất phát từ lợi ích của toàn dân, và xác định đúng vai trò của tầng lớp trí thức. Nhà nước này xem tài nguyên thông tin vĩ mô nói chung (đặc biệt là thông tin kế toán thống kê về mức độ đầu tư ở thời điểm hiện tại của mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh) là của toàn xã hội. Mọi sáng chế, phát minh đều được nhà nước bảo hộ bằng luật, trong phạm vi rộng xác định. Cũng vì vậy, trong mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại, ta có thể xây dựng "trường thông tin" để giải mã thông tin từ thị trường, và thu nhận được thông tin về tình hình đầu tư của toàn hệ thống. Từ đó, có thể xây dựng và điều chỉnh chương trình kinh tế vĩ mô (trong có tham số u) của toàn hệ thống, cho phép thực hiện sự phối hợp đầu tư giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh, các đơn vị này căn cứ vào chương trình kinh tế vĩ mô mà xây dựng và điều chỉnh chương trình kinh tế vĩ mô, marketing của mình.

Trừ một số ít đơn vị sản xuất kinh doanh là các đơn vị mà ở đó tư nhân hoặc tập thể không đủ sức làm hoặc là các đơn vị giữ vị trí then chốt trọng các kênh thông tin vĩ mô về tài chính tiền tệ, còn thì tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh khác cần được *tư nhân hóa* hoặc *tập thể hóa*. Chỉ có như vậy, chúng ta mới khắc phục được tình trạng các đơn vị sản xuất kinh doanh không tự chủ xử lý được phần thông tin vĩ mô phát sinh đột ngột trong quá trình thực hiện chương trình kinh tế vĩ mô, marketing của mình,

qua đó khắc phục được tình trạng ăc cấp tài sản nhà nước, một biểu hiện xấu của nguyên lý nội cân bằng. Ngoài ra, ta còn có thể điều chỉnh u để có được z (mức chênh lệch về phân phối) thích hợp, bảo đảm tập trung vốn cho những người sản xuất kinh doanh giỏi, phân phối hợp lý hàng tiêu dùng đến mọi người, không làm tắt các kênh thông tin về tài chính tiền tệ xuất phát từ thị trường tiêu dùng. Muốn vậy, trong mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại, có thể dùng nguyên tắc phân phối theo kiểu "hợp tác lao động", trong đó ta có *thu nhập của mỗi người* $t = v + a.M + m$. Ở đây, v là phần cứng, phần đóng góp sức lao động và trí tuệ của mỗi người (do thị trường xác định) ; a là *hệ số đóng góp* ; M là *lợi nhuận* của toàn đơn vị sản xuất kinh doanh ; m là *phần điều chỉnh*, phân phối lại của nhà nước. Cách phân phối này gắn cả giá trị thị trường của sản phẩm làm ra với phần đóng góp sức lao động và trí tuệ của người lao động (phần mềm $a.M$). Vì thế, nó buộc người lao động cũng phải tự chủ xử lý phần thông tin vĩ mô phát sinh đột ngột trong quá trình sản xuất vĩ mô của họ theo hướng có lợi chung cho toàn đơn vị sản xuất kinh doanh.

Như vậy, sự phân biệt giữa mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại và mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại chủ yếu không phải ở chỗ xem trong hai mô hình đó, $T(x, y, z, u)$ (thành tựu của khoa học và công nghệ, trí tuệ của cả loài người từ trước đến nay) khác nhau như thế nào hoặc mô hình nào có nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh hơn ; mà ở chỗ : xem nhà nước nào, *đại diện cho ai*, đang tổ chức và điều khiển tham số u (các chính sách tài chính, tiền tệ, ngoại tệ, thu nhập và luật pháp). Nếu đó là nhà nước đại diện cho quyền lợi và trí tuệ của toàn dân, thì ta có mô hình kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại. Nếu đó là nhà nước đại diện cho quyền lợi và trí tuệ của một nhóm các tập đoàn tư bản cực giàu thì ta có mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại. Cùng sử dụng mô hình kinh tế hiện đại, nhưng *nhà nước xã hội chủ nghĩa* thì chú ý điều khiển u sao cho hàm T đạt được trị số cực đại theo hướng *có lợi nhất cho toàn xã hội*, còn *nhà nước tư bản chủ nghĩa* thì tìm mọi cách điều khiển u sao cho T tiến tới trị số cực đại theo hướng *trước hết có lợi cho các tập đoàn tư bản kẻch sà*.

Cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước

TRẦN BÌNH TRỌNG * - MAI NGỌC CƯỜNG **

TRONG sự nghiệp đổi mới ở nước ta, vấn đề cơ chế kinh tế có ý nghĩa rất quan trọng. Báo cáo của BCH TƯ khóa VI về các văn kiện Đại hội VII của Đảng đã chỉ rõ : "Phải tiếp tục chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác"⁽¹⁾.

Đây là bước tiến mới của Đảng ta trong việc nhận thức các quy luật kinh tế khách quan, nắm bắt xu hướng vận động tất yếu của thời đại để xây dựng cơ chế kinh tế nhằm đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi hoàn toàn.

Để góp phần làm sáng tỏ luận điểm trên, chúng tôi xin trình bày một số vấn đề lý luận về thị trường, cơ chế thị trường và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế hiện đại.

I - Cơ chế thị trường và những ưu thế, hạn chế của nó.

Nói kinh tế thị trường là nói một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội mà toàn bộ quá trình từ sản xuất đến phân phối, trao đổi và tiêu dùng, đều được giải quyết thông qua thị trường.

Theo quan điểm hiện đại, mọi nền kinh tế đều phải giải quyết ba vấn đề cơ bản : Sản xuất cái gì, với số lượng bao nhiêu ? Sản xuất như thế nào, với tài nguyên và công nghệ nào ? Sản xuất cho ai, hay sản phẩm được phân phối như thế nào ? Trong nền kinh tế thị trường, ba vấn đề trên đều được giải quyết thông qua thị trường.

Là lĩnh vực trao đổi, mua bán hàng hóa, thị trường

gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của sản xuất hàng hóa.

Nền kinh tế càng phát triển, thì khái niệm thị trường cũng càng mở rộng. Ngày nay, sở giao dịch hàng hóa, giao dịch chứng khoán, hội chợ, thậm chí cả việc hai người gặp nhau để mua bán ngoại tệ... đều được gọi là thị trường.

Nhìn chung, thị trường là một hiện tượng kinh tế xã hội, là hiện tượng hoạt động của con người trong nền sản xuất hàng hóa ; ở đây, người sản xuất mang hàng của mình trao đổi với người khác để lấy hàng mình cần. Hàng hóa đưa ra trao đổi, tạo nên sức cung và sức cầu. Vì vậy, có thể nói ngắn gọn : thị trường là nơi gặp gỡ của cung và cầu.

Nói kinh tế thị trường, thực chất là nói tới cơ chế vận động của thị trường hay cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường đó là tổng thể các nhân tố cấu thành : môi trường hoạt động, động lực vận động và quy luật vận hành của thị trường. Như vậy, cơ chế thị trường bao gồm những nội dung sau :

1 - Các nhân tố cơ bản cấu thành thị trường và các quan hệ cơ bản của chúng.

Theo các nhà kinh tế học, nhân tố cơ bản cấu thành thị trường là hàng và tiền. Từ đó hình thành các quan hệ cơ bản của thị trường : quan hệ mua - bán, quan hệ tiền - hàng, quan hệ cung - cầu và giá cả hàng hóa. Không có hàng, không có tiền, sẽ không

*, ** Trường đại học kinh tế quốc dân

(1) Tạp chí Cộng sản, số 7-1991, tr 19 - 20

thể có những quan hệ trên, không thể có thị trường và kinh tế thị trường. Hàng và tiền vận động theo những quy luật nội tại, vốn có của nó. Hàng "giả" và tiền "giả" sẽ không phản ánh đúng thực trạng của kinh tế thị trường.

Tổng hợp toàn bộ những nhân tố và quan hệ cơ bản của thị trường sẽ hình thành *hai* loại thị trường độc lập với nhau : thị trường hàng tiêu dùng cuối cùng, dịch vụ, và thị trường các yếu tố sản xuất để sản xuất ra hàng tiêu dùng và dịch vụ. Song hai loại thị trường này có mối liên hệ mật thiết với nhau thông qua hoạt động của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, qua các quan hệ mua - bán, cung cầu và giá cả.

2 - Môi trường hoạt động của kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường chỉ hoạt động được trong môi trường cạnh tranh. Trên cơ sở độc lập, tự chủ về kinh tế, các doanh nghiệp tham gia kinh tế thị trường. Báo cáo của BCH TƯ khóa VI về các văn kiện Đại hội VII đã nêu : "Các doanh nghiệp, không phân biệt quan hệ sở hữu đều tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật" (2).

3 - Động lực vận động của kinh tế thị trường.

Ngày nay, các nhà kinh tế học đều nhất trí cho rằng động lực vận động của kinh tế thị trường là lợi nhuận. Đó là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, và là cơ sở để tăng trưởng và phát triển kinh tế. Trong kinh tế thị trường, lợi nhuận đưa các doanh nghiệp đến khu vực sản xuất các loại hàng mà người tiêu dùng cần nhiều hơn và bỏ khu vực sản xuất các loại hàng mà người tiêu dùng cần ít hơn. Lợi nhuận đưa các doanh nghiệp đến việc sử dụng kỹ thuật có hiệu quả nhất. Hệ thống thị trường dùng lỗ lãi để giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản.

4 - Kinh tế thị trường vận hành theo các quy luật của nó.

Trên thị trường có nhiều quy luật kinh tế hoạt động, trong đó có quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ. Những quy luật này có vị trí, vai trò và tác dụng độc lập, song chúng có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Vai trò độc lập của từng quy luật và tác dụng tổng thể của chúng tạo ra những nguyên lý vận hành của thị trường.

Ở nước ta thuật ngữ *kinh tế hàng hóa* được sử dụng từ lâu, còn thuật ngữ *kinh tế thị trường* gần đây mới bắt đầu được sử dụng. Vậy kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường có gì khác nhau ?

Xã hội loài người từ khi biết sản xuất để đáp ứng đời sống của mình thì nền kinh tế lúc đó là tự cung tự cấp. Nền kinh tế này dần dần chuyển thành nền kinh tế hàng hóa, khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã và chế độ chiếm hữu nô lệ xuất hiện. Đầu tiên là *sản xuất hàng hóa giản đơn*, do nông dân, thợ thủ công cá thể dựa trên sức lao động và tư liệu sản xuất của bản thân họ tiến hành. Dần dần, dưới tác động của các quy luật sản xuất hàng hóa, nền sản xuất hàng hóa giản đơn chuyển sang *nền sản xuất hàng hóa lớn* dưới chủ nghĩa tư bản. Đồng thời với quá trình này, kinh tế hàng hóa cũng chuyển thành kinh tế thị trường.

Như vậy, sự chuyển sang kinh tế thị trường là một quá trình *tất yếu* : sản xuất tự cấp tự túc tất yếu chuyển thành sản xuất hàng hóa, kinh tế hàng hóa tất yếu chuyển sang kinh tế thị trường. Về cơ bản, kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường có cùng bản chất. Sự khác nhau của chúng chỉ ở phạm vi và trình độ phát triển.

Phải chăng có kinh tế thị trường *riêng* của mỗi phương thức sản xuất ? Tức là có kinh tế thị trường của chủ nghĩa tư bản và kinh tế thị trường của chủ nghĩa xã hội ?

Như trên đã phân tích, kinh tế thị trường không phải là một phương thức sản xuất, mà chỉ là một

(2) Tạp chí Cộng sản, số 7 - 1991, tr 19.

kiểu tổ chức kinh tế - xã hội. Nó là một công nghệ của tổ chức kinh tế, một phát minh của loài người nhằm phát triển kinh tế với hiệu quả cao. Vấn đề chỉ là ở chỗ : các chế độ xã hội khác nhau sử dụng "công nghệ" đó như thế nào, phục vụ lợi ích của giai cấp nào ? Vì vậy, chúng tôi cho rằng : không thể có khái niệm "kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa", "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", mà chỉ có khái niệm "kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa tư bản", "kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa xã hội", kinh tế thị trường ở Việt nam hoặc ở một nước nào đó. Nói chung, nói đến kinh tế thị trường là phải nói đến những nội dung cơ bản như đã nêu ở trên.

Với cơ chế vận động như vậy, hệ thống thị trường có những ưu thế cơ bản sau đây :

Trước hết, kinh tế thị trường kích thích việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ xã hội hóa sản xuất. Động lực lợi nhuận đòi hỏi các doanh nghiệp phải giảm chi phí cá biệt để sản xuất hàng hóa. Muốn vậy, doanh nghiệp phải thường xuyên áp dụng kỹ thuật mới, hợp lý hóa sản xuất ; từ đó, năng suất lao động cá biệt và năng suất lao động xã hội tăng lên. Chính ưu thế này làm cho nền kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa tư bản, mới ra đời khoảng 5 thế kỷ, đã tạo ra một lực lượng sản xuất xã hội hóa cao chưa từng có trong lịch sử loài người.

Thứ hai, kinh tế thị trường có tính năng động và khả năng thích nghi nhanh chóng. Ở đây tồn tại nguyên tắc : ai đưa sản phẩm hàng hóa ra thị trường đầu tiên, sẽ thu được lợi nhuận nhiều hơn. Mặt khác, nếu nhận thức được sản phẩm của mình không có người mua, họ sẽ thôi không sản xuất nữa. Điều đó dẫn đến tiết kiệm hao phí lao động xã hội. Vì thế, trong kinh tế thị trường, luôn diễn ra sự đổi mới. Nhiều sản phẩm trước đây vẫn bán trên thị trường, nay mất đi vì không có nhu cầu về sản phẩm đó nữa. Trên thị trường, nhiều sản phẩm mới xuất hiện với chất lượng, quy cách ngày càng hoàn thiện hơn.

Thứ ba, trong nền kinh tế thị trường luôn có sẵn hàng hóa và dịch vụ. Đó là nền kinh tế dư thừa chứ không phải là nền kinh tế thiếu hụt, do đó kinh tế thị trường có khả năng thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất, văn hóa và sự phát triển toàn diện của mỗi thành viên và toàn xã hội.

Tuy nhiên, kinh tế thị trường cũng có những mặt trái, mặt tiêu cực, không thể tránh khỏi những thất bại thị trường. Nhiều vấn đề nảy sinh cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, như khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp, mà bản thân cơ chế thị trường không thể tự giải quyết được. Nhiều tiêu cực bắt nguồn từ nền kinh tế thị trường, đã tạo ra những bất lợi cho sự phát triển của nó.

II - Vai trò của nhà nước trong kinh tế thị trường .

Đứng trước những hậu quả khó tránh khỏi trên đây của kinh tế thị trường, có các loại giải pháp khác nhau :

Một là, để ngăn chặn những hậu quả tiêu cực đó, cần xóa bỏ những cơ sở sinh ra nó. Muốn vậy, cần xóa bỏ kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường ; tổ chức việc sản xuất, phân phối, trao đổi tiêu dùng một cách tập trung cao độ, từ một trung tâm.

Hai là, thừa nhận kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường, cũng là thừa nhận những hạn chế, tiêu cực của nó. Song đồng thời cũng chủ động tìm các biện pháp điều tiết nhằm khắc phục những hạn chế, tiêu cực, và phát huy ưu thế của kinh tế thị trường. Đi theo hướng này, các nhà kinh tế học đề cao vai trò kinh tế của nhà nước.

Ở mức độ khác nhau, các nhà kinh tế học tư sản đều thừa nhận cần có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường. Các lý thuyết về sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường hiện là cơ sở cho các chiến lược kinh tế của nhà nước tư sản. Do vậy, mặc dù đến nay vẫn còn những hạn chế và tiêu cực nhất định, nền kinh tế thị trường dưới chủ nghĩa tư bản vẫn thích nghi

được với sự phát triển của lực lượng sản xuất ; những mâu thuẫn trong chủ nghĩa tư bản "tạm thời êm dịu" hơn. Điều đó giải thích vì sao chủ nghĩa tư bản trong những thập kỷ gần đây vẫn tiếp tục phát triển.

Ngày nay, các nhà kinh tế học ít nhiều đều thống nhất với nhau về mục tiêu và các giải pháp tăng cường vai trò kinh tế của nhà nước nhằm định hướng cho cơ chế thị trường vận động. Các nhà kinh tế học đã đưa ra lý thuyết về đa giác "huyền ảo" để chỉ mục tiêu hoạt động của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế. Tùy theo trình độ phát triển của mỗi nước mà đặt ra bốn hay năm mục tiêu. Song những vấn đề như việc làm, ổn định tiền tệ, giá cả, chống lạm phát ; đảm bảo tốc độ tăng trưởng và phát triển ; thực hiện cân bằng ngoại thương, đảm bảo môi trường... luôn là những mục tiêu trọng tâm trong hoạt động kinh tế của nhà nước.

Để thực hiện những mục tiêu đó, nhà nước cần có hệ thống các biện pháp quản lý sau đây :

1 - Xây dựng hệ thống pháp luật bảo đảm quyền bình đẳng cho các doanh nghiệp tham gia cơ chế thị trường.

2 - Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, như đường sá, kênh đào, hệ thống thủy lợi, điện nước, thông tin liên lạc, giáo dục...

3 - Thiết lập các chính sách kinh tế vĩ mô, như xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển, kinh tế xã hội ; chính sách tiền tệ, tín dụng, lãi suất, lạm phát ; chính sách tài chính, thuế, bảo hiểm, trợ cấp, chi tiêu nhà nước, nợ chính phủ ; chính sách quỹ khấu hao.

4 - Phân bổ hợp lý tài nguyên, tạo ra yếu tố kích thích kinh tế, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh của các doanh nghiệp.

5 - Là chủ các doanh nghiệp thuộc sở hữu toàn dân, thông qua hoạt động của các doanh nghiệp đó, nhà nước tác động vào hoạt động kinh tế - xã hội để điều tiết kinh tế nói chung.

6 - Là cơ quan điều hòa việc phân phối thu nhập giữa các tầng lớp xã hội và phát triển các lĩnh vực phúc lợi xã hội, nhà nước bảo đảm điều kiện cho sự ổn định tình hình nói chung và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế trên phạm vi toàn xã hội.

7 - Xây dựng chính sách kinh tế đối ngoại, chính sách thương mại, trao đổi quốc tế, tỷ giá hối đoái, chính sách đầu tư... để hòa nhập kinh tế thế giới và tranh thủ nguồn lực bên ngoài phát triển kinh tế đất nước.

Những nội dung phân tích trên đây phản ánh "cơ chế hỗn hợp" của nền kinh tế, trong đó xác định vai trò tự chủ, độc lập của các doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường và sự quản lý của nhà nước thông qua pháp luật, kế hoạch, chính sách, doanh nghiệp nhà nước và các công cụ kinh tế khác. Ở mỗi nước liệu lượng các bộ phận có thể khác nhau, song giữa các nước đều có điểm chung : để đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định, bảo đảm việc làm, giảm thất nghiệp, hạn chế lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả, cân bằng xuất nhập khẩu..., nước nào cũng phải sử dụng linh hoạt cơ chế "kinh tế hỗn hợp này".

III - Những nội dung và tiền đề kinh tế xã hội cơ bản của việc "chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước" ở nước ta.

Việc chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp tự túc với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đòi hỏi trước hết phải xác định rõ phạm vi tác động của cơ chế thị trường và nhà nước trong cơ chế kinh tế mới.

Trong điều kiện nước ta, cơ chế thị trường trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô khối lượng, công nghệ và hình thức tổ chức kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh. Vai trò quản lý của nhà nước rất quan trọng

nhằm tạo lập các cân đối vĩ mô, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Nhà nước còn có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo toàn và phát triển các tài sản đó. Nhà nước còn có nhiệm vụ quản lý ở tầm vĩ mô, trước hết là đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu toàn dân, thông qua đó nhằm tác động và điều tiết cơ chế thị trường.

Việc chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đòi hỏi phải có *những tiền đề kinh tế - xã hội nhất định*.

Thứ nhất, có sự ổn định về chính trị. Kinh nghiệm đổi mới ở một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên xô (trước đây) đã cho thấy: nếu thiếu sự ổn định chính trị thì khủng hoảng kinh tế - xã hội càng sâu sắc, và quá trình đổi mới càng gặp khó khăn. Ở nước ta, định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội là cơ sở cho sự ổn định về chính trị, và là nguyên tắc xuất phát của mọi quá trình đổi mới. Ở đây, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam là nhân tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, giữ sự ổn định về chính trị không có nghĩa là không đổi mới hệ thống chính trị cho phù hợp với yêu cầu đổi mới kinh tế. Tư tưởng ổn định chính trị phải bao gồm cả sự đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động trong bộ máy đảng và nhà nước ta.

Thứ hai, có hệ thống luật pháp cho kinh tế thị trường vận động. Kinh nghiệm các nền kinh tế thị trường cho thấy có hai hệ thống song hành trong nền kinh tế là *hệ thống thị trường* và *hệ thống luật pháp*. Hệ thống thị trường, với các nhân tố, môi trường động lực vận động và quy luật vận hành của nó (trong đó tiền tệ giống như đầu nhòm của máy, như máu của cơ thể), là "công nghệ" hiện đại nhất để phát triển kinh tế. Hệ thống luật pháp, tuy

không phải là nhân tố của cơ chế thị trường, song nó như "bản đồ giao thông" của một thành phố, chỉ cho nhà kinh doanh con đường hợp pháp đi đến lợi nhuận nhiều nhất với thời gian ngắn nhất.

Thứ ba, có sự đa dạng hóa về hình thức sở hữu. Đây là yêu cầu tất yếu của sự phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Cần xác định đúng đắn và hợp lý phạm vi hoạt động của doanh nghiệp nhà nước để đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Với vai trò chủ đạo, sở hữu nhà nước nên tập trung ở những ngành then chốt, có tính chất quyết định đối với quốc kế dân sinh, ở các ngành mũi nhọn, có giá trị kinh tế cao, ở các ngành bảo đảm phát triển kết cấu hạ tầng, ở các hệ thống ngân hàng nhà nước điều tiết lưu thông tiền tệ. Còn ở các ngành sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng khác thì nên đa dạng hóa hình thức sở hữu, phát triển các doanh nghiệp tập thể và tư nhân. Ở các ngành này, cần tập thể hóa và tư nhân hóa những doanh nghiệp nhà nước thường xuyên thua lỗ.

Thứ tư, có hệ thống chính sách cho phép điều tiết kinh tế ở tầm vĩ mô và vi mô, như chính sách thuế, chỉ tiêu nhà nước, nợ chính phủ, bảo hiểm, trợ cấp; chính sách tín dụng, tiền tệ, lạm phát, chính sách khấu hao.

Thứ năm, có các chương trình và kế hoạch định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ sáu, có kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, trước hết là giao thông vận tải, bưu điện, liên lạc, điện nước, kho tàng, bến bãi...

Thứ bảy, có chính sách kinh tế đối ngoại đúng đắn hòa nhập thị trường quốc tế và tranh thủ nguồn lực bên ngoài.

Thứ tám, có đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và quản lý nhà nước thích ứng với cơ chế kinh tế mới.

Văn hóa - các phản giá trị và sự gia tăng nhiệt độ

ĐỖ HUY •

NHIỀU năm gần đây, cùng với sự xuất hiện một cách rộ rờ các giá trị văn hóa mới, các phản văn hóa ngày một gia tăng ở cấp độ sâu và trên một diện rộng. Ở nơi này, nơi khác có dấu hiệu rất xấu phá vỡ hệ giá trị cơ bản mà ngàn năm nhân dân ta mới đạt được. Nhận diện và đấu tranh với các phản văn hóa, cứu vãn nguy cơ khủng hoảng đây chuyện có lẽ là một trong những nhiệm vụ cấp bách của cả lý luận và thực tiễn văn hóa hiện nay.

Văn hóa, nếu hiểu một cách đúng nghĩa, là *trình độ phát triển của cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong các quan hệ nhân tính cơ bản* của con người. Giá trị văn hóa trước hết được hình thành và được đánh giá từ các quan hệ nhân tính. Nền văn hóa xã hội được ổn định là do các quan hệ giữa con người với con người có kỷ cương, có trật tự, có phong hóa, có thuần phong, có mỹ tục. Phá vỡ quan hệ nhân tính này là dấu hiệu của tiền khủng hoảng văn hóa và bắt đầu của sự gia tăng các phản văn hóa.

Các quan hệ phân tích cơ bản của xã hội bắt đầu từ trong gia đình. Gia đình Việt nam là loại hình gia đình huyết tộc kiểu Nam Á. Nền nếp gia đình hình thành các tập tính tình cảm đầu tiên của xã hội. Các quan hệ vợ chồng, cha mẹ, con cái, anh em, họ hàng, thị hiếu, khẩu vị, tư chất người... đều từ gia đình mà ra. Ngày giỗ, ngày tết cũng quan hệ đến nền tảng nhân bản lâu dài của văn hóa.

Khi chúng ta giải thể xã hội nông thôn cổ truyền bằng hợp tác hóa, bằng tập thể hóa, bằng cải tạo lớn, bằng công hữu hóa một cách nhanh chóng và tràn lan, nền nếp gia đình lỏng lẻo dần. Một quá trình phân rã cơ cấu gia đình do chiến tranh, do công

nghiệp hóa cấp tập, do đi khu kinh tế mới, đã tạo một bước chuyển quan trọng đối với các gia đình "tứ đại đồng đường" thành những gia đình có cơ cấu nhỏ hơn, phù hợp với sự phát triển xã hội. Tuy nhiên, do ta thiếu chiến lược văn hóa trong khi giải thể xã hội truyền thống mà nhiều nền nếp tốt đẹp của gia đình có nguy cơ tan vỡ. Chúng ta dạy trẻ biết yêu tổ quốc, yêu nhân dân, yêu đồng bào, trung với Đảng, hiếu với dân... mà không coi trọng gia đình, là tạo điều kiện cho các phản giá trị xâm nhập vào nền tảng của các quan hệ văn hóa.

Sự phá vỡ các quan hệ nhân bản lâu dài được mở ra trên một diện rộng do các tệ nạn xã hội, đã tạo nên những nhân tố bất ổn định. Tệ đối trên, lừa dưới, ức hiếp nhân dân, các nhân cách xấu xa, lối sống xa lạ với truyền thống dân tộc xuất hiện tràn lan ở nhiều nơi, trong cơ quan nhà nước, ngoài xã hội, thâm nhập vào cả những nơi tôn nghiêm chặt chẽ nhất hiện nay. Nạn bắt cóc trẻ em và phụ nữ lên biên giới, nạn "Chí Phèo", nạn "xin đầu", cướp giết, hành hung đang làm tăng thêm nỗi lo của con người.

Văn hóa là một trong những nguồn gốc cơ bản để *phát triển tài nguyên con người*. Nói tới văn hóa là nói tới sự phát triển. Ở đâu thiếu sự phát triển, ở đó nhiệt độ văn hóa gia tăng bởi các phản văn hóa. Chính ông Tổng giám đốc UNESCO Federico Mayor Zaragoza nhân *thập kỷ thế giới phát triển văn hóa* đã viết rằng : "Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ mỹ học

ngghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa, và tiềm năng sáng tạo của nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều... Phân tích đến cùng, các trọng tâm, các mục đích và các động cơ của sự phát triển phải được tìm trong văn hóa" (*Thông tin UNESCO*, 11-1988, tr.5).

Nước ta là nước đang phát triển. Rõ ràng là cần thiết phải gắn kinh tế với văn hóa để làm cho sự phát triển được diễn tiến, sinh thành bình thường cân đối. Như vậy, vấn đề cơ bản là ở chỗ *quan niệm như thế nào về sự phát triển* mà giảm thiểu được hay tạo tiền đề gia tăng các phản văn hóa. Một số nước đang phát triển hiện nay chỉ chú ý đến nông nghiệp, đến công nghiệp, đến xuất khẩu, đến tiền tệ, đến giá cả để đáp ứng nhu cầu kinh tế. Họ cho việc làm giàu bằng kinh tế là động lực duy nhất của sự phát triển. Những lý thuyết về sự phát triển hiện nay thì rất nhiều. Có thể phát triển bằng tập trung nguồn tài nguyên, phát triển bằng duy nhất hóa vai trò của công hữu, phát triển bằng đảo lại cấu trúc, phát triển bằng kế hoạch và tài trợ...

Nước ta đã trải qua hợp tác hóa, tập thể hóa tràn lan và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng... Đến trước Đại hội VI của Đảng, mọi kế hoạch phát triển xã hội đã gần như bế tắc. Động thái đổi mới tư duy của Đại hội VI là bước ngoặt quan trọng trên con đường tìm ra hướng phát triển mới. Đối với nước ta và nhiều nước Đông Á khác, có một cơ cấu xã hội truyền thống rất đặc và rất sâu, nếu không chú ý đến *chiến lược con người* thì không thể phát triển được.

Sở dĩ những năm vừa qua, các phản văn hóa gia tăng ở mức độ báo động vì rằng nghịch lý của sự phát triển ở nước ta rơi vào đúng lúc các giá trị văn hóa đòi hỏi có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh để làm cơ sở hỗ trợ. Những điều kiện ấy không xuất hiện. Không những kinh tế không tăng trưởng được mà nhiều lĩnh vực khác thuộc chiến lược con người lại bị suy giảm nghiêm trọng. Y tế, giáo dục phát triển rất chậm chạp, chưa nói nhiều mặt rất lạc hậu, phản văn hóa. Một cơ cấu giáo dục quá cổ điển không đáp ứng được sự phát triển làm nảy sinh rất nhiều tiêu cực từ cấp tiểu học đến trên đại học. Một cơ chế tâm lý quá ổn định, sự tăng vọt

dân số, cùng với nạn nghèo đói gia tăng, nhóm nghèo khổ xuất hiện càng nhiều trên một vùng rộng lớn.

Đối với văn hóa, sự phát triển nằm ngay trong các quan hệ nhân tính. Trình độ phát triển các quan hệ nhân tính là đặc trưng của các bước phát triển. Trong lĩnh vực văn hóa, khi các yếu tố giá trị tăng thì các phản giá trị giảm. Để cho các yếu tố giá trị tăng và các phản giá trị giảm thì sự thực hiện các nhu cầu của thế hệ hôm nay phải tiếp tục được các giá trị tốt đẹp hôm qua. Để có sự *phát triển lâu bền* thì sự thực hiện các nhu cầu của thế hệ hôm nay phải đúng, phải tốt, phải đẹp và không làm tổn hại đến nhu cầu phát triển của cái đúng, cái tốt, cái đẹp của các thế hệ mai sau.

Nguồn gốc cơ bản của sự gia tăng các phản văn hóa là do các quan hệ nhân tính bị phá vỡ, cản trở sự phát triển các nhu cầu đúng đắn, *trước hết là các nhu cầu lao động của con người*. Mọi giá trị đều bắt nguồn từ lao động, và mọi phản giá trị cũng bắt nguồn từ đây.

Ở nước ta hiện nay, nền kinh tế sinh nhai giữ vị trí chủ đạo. Vật phẩm làm ra chưa đủ sống tốt, chất lượng sống chưa cao, công nghiệp lớn và công nghệ hiện đại chưa được xác lập. Do tình trạng lao động chưa đạt được chất lượng cao nên sản phẩm chưa xuất khẩu được nhiều. Năng suất lao động thấp. Tệ làm hàng xấu, hàng giả, làm dối... rất phổ biến. Sự thiếu hụt một nền công nghiệp mạnh với tư cách cơ cấu của nền văn minh hiện đại làm cho nhiều giá trị văn hóa chưa có cơ sở kỹ thuật, xã hội phát triển cao hơn. Cùng với tình hình này, sự dư thừa lao động nông nghiệp, sự không hoàn thiện được lao động thủ công, sự ách tắc trong chuyển biến cơ cấu công nông nghiệp, việc không thể đưa một cách hữu hiệu công nghệ cao và công nghệ sạch vào môi trường nước ta tạo nên sự biến động dữ dội trong văn hóa. Kết quả là các nhóm xã hội nghèo gia tăng, người về hưu gặp nhiều khó khăn, tệ nạn xã hội lớn xuất hiện.

Do dân số tăng nhanh, nguồn lao động cũng tăng nhanh, nhưng nguồn việc làm lại tăng chậm, tạo nên sự mất cân bằng rất lớn trong lĩnh vực văn hóa xã hội. Đáng kể nhất là lứa tuổi thanh niên thất nghiệp

ngày càng đông. Theo báo cáo của Bộ lao động, thương binh và xã hội mới đây : "Nhịp độ tăng nguồn lao động của cả nước vẫn ở mức cao, bình quân cả thời kỳ 1991 - 1995 còn dao động trong khoảng 2,8 - 3%. Sự gia tăng của lao động thanh niên (lứa tuổi 16 - 27 tuổi) từ nay đến cuối thế kỷ dự báo sẽ từ 15,3 triệu - 17,9 triệu" (tạp chí *Dân số và gia đình* 1991, Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình xuất bản, trang 7 - 8).

Nhiệt độ văn hóa của chúng ta gia tăng trước hết là do *cái sai* xuất hiện ngày càng nhiều ở ngay cơ sở các giá trị văn hóa xã hội. Đó là văn hóa lao động. Nhiều phong trào thi đua lao động không hề tính đến hiệu quả xã hội. Các phong trào thi đua : nhiều, nhanh, tốt, rẻ ở nhiều xí nghiệp quốc doanh, thực chất là phản văn hóa. Nhà nước thì lỗ thật mà lãi giả ; công nhân thì làm dối và làm ẩu. Một hệ thống tham nhũng có thể được hình thành từ khâu lập kế hoạch, cung ứng vật tư đến kiểm tra sản phẩm. *Sai, đúng* là phạm trù phân ranh giữa văn hóa và phản văn hóa. Sai trong quá trình lao động, tổ chức lao động, quản lý lao động, phân phối sản phẩm lao động... là nguồn gốc của các phản văn hóa. Người ta có thể nhìn thấy cái sai này ngay ở tầm vĩ mô khi mà trình độ khoa học công nghệ chưa phát triển đã ưu tiên huy động nguồn lực tập trung. Kết quả là sự lãn công gia tăng và sự không chuyên môn hóa kéo dài làm hỏng toàn bộ cơ sở của chất lượng và cơ cấu lao động xã hội.

Loài người bước từ trình độ dã man vào văn minh được đánh dấu bằng sự phân công lớn và phân công sâu trên lĩnh vực lao động. Chúng ta đang ở trong một nền kinh tế sinh nhai, năng suất lao động rất thấp, sản phẩm làm ra chưa đủ ăn no, chưa ăn ngon, chưa nhiều. Dĩ nhiên ta phải mở cửa, phải có kinh tế thị trường, và hiệu ứng hai mặt trong kinh tế thị trường đã xuất hiện manh nha, tất nhiên nó sẽ còn xuất hiện dữ dội trong tương lai. Rõ ràng là nếu không tính đến chiến lược con người thì sẽ không tài nào điều chỉnh được sức mạnh ghê gớm của các phản giá trị khi lương tâm cũng được "chợ búa" hóa.

Cùng với cái sai là *cái ác* và *cái xấu* - diện mạo

chủ yếu của các phản văn hóa - cũng đang xuất hiện trong mọi quan hệ ở xã hội ta. Cặp phạm trù phân ranh giữa văn hóa và phản văn hóa là *thiện - ác* ; còn *sai - đúng* là cặp phạm trù điều tiết các giá trị tình thần cơ bản của xã hội. Đạo đức của con người, xét đến cùng, là sản phẩm của các lợi ích. Trong vòng nửa thế kỷ qua, nhân dân ta và biết bao nhiêu chiến sĩ cách mạng đã hy sinh vô bờ bến để xác lập sự công bằng xã hội. Song đạo đức không hề có khuôn vàng, thước ngọc. Nó phải vận động cùng với cuộc sống. Xã hội ta, từ lâu đã xác lập một khuynh hướng đạo đức không xuất phát từ quan hệ nhân tính, từ thực trạng kinh tế, từ hành vi của con người. Nền kinh tế còn lạc hậu, nhưng trong xã hội lại đầy những chuẩn xã hội lý tưởng. Do sự lý tưởng hóa hiện thực ấy, tệ đạo đức giả đã xuất hiện và có đất phát triển ; lời nói không đi đôi với việc làm. Tệ quan liêu của hệ thống hành chính đã khuyến khích và duy trì những thói đạo đức giả này. Và thế là từ lòng sâu xã hội tích chứa nhiều cái ác, cái xấu. Nó có sức sống, lúc thì ngang nhiên, lúc thì chui lủi, nhưng ở đâu nó cũng làm gia tăng nhiệt độ văn hóa.

Cái ác và cái xấu đang lẩn sâu vào các quan hệ giữa con người và con người. Trong không ít trường hợp nó đã bước qua ngưỡng cửa trường học, vào sân trong của các gia đình, đến tận bàn thờ họ, thờ tổ, thờ ông bà, cha mẹ. Cái xấu gia nhập vào nhân cách cá nhân, gõ cửa các tổ chức xã hội và ngồi chễm chệ giữa tâm hồn nhà nghệ thuật. Nó đang phủ định truyền thống, bác bỏ lịch sử, kích dâm, bạo lực. Bộ mặt lem luốc của nó bôi bẩn trên đường phố, làm méo mó các công trình kiến trúc, làm ô uế công viên, làm rác rưởi làng quê.

Từ lâu, chúng ta xây dựng xã hội mới chủ yếu bằng kinh nghiệm. Trong lĩnh vực văn hóa, có cái tiến bộ thì bị cấm đoán ; có cái lạc hậu lại được duy trì. Nói chung là chưa có chiến lược tổ chức và kiểm soát toàn diện nền văn hóa mới. Cùng với sự thiếu hụt về năng lực tổ chức và kiến thức văn hóa (theo nghĩa rộng), là tệ quan liêu, cửa quyền và lạm quyền. Kỷ cương xã hội bị buông lỏng, luật pháp

không được tôn trọng, dẫn đến sự xuất hiện các phản văn hóa trong lĩnh vực chính trị.

Văn hóa chính trị là hệ thống điều chỉnh cơ bản và trực tiếp làm cân bằng sự phát triển lâu bền. Sự xuất hiện các phản giá trị trong văn hóa chính trị phản ánh kỷ cương xã hội lỏng lẻo và pháp luật chưa có hiệu lực kiểm soát chiều sâu và bề rộng của xã hội.

Một thực tế nữa không thể bỏ qua : trong cơ cấu xã hội của chúng ta đây đó đã hiện diện rõ nét *nhóm xã hội thừa*. Nhóm này không nằm trong cơ cấu lao động, cơ cấu nghề nghiệp của xã hội. Nhóm này thật ra không chỉ là loại "nửa ông, nửa thầy" gây ra những tính cách "Chí Phèo" hay lưu manh hóa. Đây đúng là nhóm không biết làm việc gì hoặc làm việc gì cũng không được. Nhóm này hiện nay là một nguyên nhân rất quan trọng làm gia tăng các phản văn hóa xã hội. Ở nông thôn thì họ kích người này bác người kia, ở đường phố thì họ la cà các quán bia, quán nước chè gây gỗ và tung tin vịt ; ở cơ quan, nhà máy thì họ đòi hỏi, hạch sách và liên minh với những người lãnh đạo dốt nát làm hỏng việc, phá hoại sự phát triển.

Nhóm xã hội thừa là nỗi nhức nhối, nỗi đau của bất cứ một nền văn hóa nào. Nó lôi kéo bọn bất mãn, bênh ché bọn trộm cắp, lừa đảo người ngay. Chỉ có pháp luật, lao động cường bức là điều tiết vĩ mô quan trọng đối với nguồn gốc này của phản văn hóa.

Hiệu ứng của các phản văn hóa tạo nên những *nỗi lo* hệ thống tâm lý xã hội. Những bất ổn định lớn đã xói mòn niềm tin và có khi dẫn dắt tâm linh đến hoang loạn. Ngày nay, ở không ít nơi đứa trẻ bước ra khỏi nhà hoặc về muộn là người lớn rất lo. Nhiều người lo nơm nớp về sự an toàn của bản thân và gia đình, về những kẻ vô cơ hành hung người khác mà không bị trừng trị, về xã hội thiếu kỷ cương. Nỗi lo trong cơ quan trước một thủ trưởng thoái hóa gây biết bao đau đớn và tác hại. Những tiêu cực văn hóa đã xuất hiện ngay cả trong việc làm có ý nghĩa văn hóa. Trong báo chí gần đây đã phản ánh nhiều người tốt bụng giúp đỡ những người hoạn nạn lại bị tai họa tước giáng.

Đại hội lần thứ VI và thứ VII của Đảng đã nêu lên các nguyên nhân lớn bao trùm toàn bộ quá trình phát triển xã hội, trong đó có các nguyên nhân làm sản sinh các phản giá trị : chủ quan, duy ý chí, giáo điều và không tuân thủ các quy luật khách quan khi chúng ta xây dựng xã hội mới. Sự thật đúng là như vậy. Do chủ quan, do duy ý chí, do giáo điều, do không nhận thức được các quy luật khách quan mà khi giải thể xã hội truyền thống, xây dựng xã hội mới, *một mặt* chúng ta dựa theo những mô hình xã hội không phù hợp với các xu hướng nội tại của quá trình vận động xã hội ở nước ta ; *mặt khác* chúng ta đã duy nhất hóa lý tưởng mà coi nhẹ hiện thực. Đối với văn hóa, nguồn gốc cơ bản tập trung ở quan điểm về sự phát triển các tài nguyên con người .

Đối với nước đang phát triển như nước ta, *chiến lược con người phải giữ vị trí trung tâm trong quan điểm phát triển*. Sự phát triển các tài nguyên con người là cơ chế sâu lắng và cơ bản nhất của sự hình thành các giá trị văn hóa. Nó bao gồm cả cơ chế sinh học, trên sinh học, ngoài sinh học, gắn với các thể hệ người, với lao động, giao tiếp, gia đình, tâm linh, niềm tin, các động cơ, các phẩm cách cá nhân, hệ thống kinh tế - chính trị - xã hội, giáo dục và y tế.

Hiện nay, muốn khắc phục các phản văn hóa, có một yêu cầu là nền văn hóa Việt nam phải hòa nhập nền văn minh của loài người. Sự hòa nhập này một mặt tạo điều kiện cho chúng ta nâng mình lên, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để giải quyết nhiều vấn đề trong nước, mặt khác, do độ chênh về trình độ phát triển của Việt nam và quốc tế mà có thể các chất thải sẽ chảy xuống khi ta chưa được miễn dịch. Như vậy, cần có cách nhìn đúng đắn hướng về tương lai để đón nhận mọi thời cơ và thách thức. Chỉ có như vậy mới hạn chế được các phản văn hóa. Khi nhiệt độ văn hóa điều hòa, bản sắc dân tộc gia tăng, các giá trị Việt nam sẽ hòa nhập các giá trị quốc tế trong sự phát triển toàn cầu của văn hóa.

CHẾ ĐỘ CỔ PHẦN VÀ VIỆC CỔ PHẦN HÓA MỘT BỘ PHẬN XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

VŨ XUÂN KIỀU

TRONG báo cáo *Về nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 1991 - 1995 và năm 1992* tại kỳ họp thứ mười Quốc hội khóa VIII, Chủ tịch HĐBT Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh : "Đề khai thác nguồn lực của những người có vốn nhưng không có khả năng hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh, ngoài việc gửi quỹ tiết kiệm, cần chú trọng các hình thức khác, đặc biệt là hình thức cổ phiếu, trong đó khâu đột phá lúc này là chuyển một số xí nghiệp quốc doanh có khả năng thu hút vốn thành công ty cổ phần, một hình thức hỗn hợp sở hữu giữa nhà nước và cá nhân, kể cả các xí nghiệp hiện có và xí nghiệp mới xây

dựng" (1).

Đây là một vấn đề có tầm lý luận và thực tiễn sâu sắc, nó không những đáp ứng yêu cầu trước mắt mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài, phù hợp với quy luật phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Nhằm làm sáng tỏ luận điểm quan trọng này, xin nêu một số nội dung chủ yếu của chế độ kinh tế cổ phần và việc tiến tới cổ phần hóa một số xí nghiệp kinh tế quốc doanh ở nước ta.

I - CHẾ ĐỘ CỔ PHẦN - CHỨC NĂNG VÀ TÁC DỤNG CỦA NÓ TRONG NỀN KINH TẾ

Chế độ cổ phần ra đời trong chủ nghĩa tư bản, nhưng không phải là sản phẩm riêng của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. Xí nghiệp cổ phần là hình thức tổ chức gắn quan hệ sở hữu với quan hệ quản lý và quan hệ phân phối trong một chủ thể thống nhất. Cũng có thể hiểu xí nghiệp cổ phần là một thực thể có tư cách pháp nhân, trong đó chủ sở hữu là các cổ đông, các cổ đông cử ra hội đồng quản trị, mỗi cổ phiếu tiêu biểu cho một phần của sở hữu và nhờ đó mà mỗi cổ đông được hưởng một số đặc quyền.

Chức năng chủ yếu của chế độ kinh tế cổ phần là thúc đẩy quá trình xã hội hóa tư bản chủ nghĩa, tập trung tư bản nhân rồi, phân tán để phát triển kinh tế hàng hóa, phát triển lực lượng sản xuất, vì vậy chế

độ cổ phần sẽ thúc đẩy sản xuất hàng hóa tiến lên một bước mới.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta còn tồn tại nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần thì sự hình thành kinh tế cổ phần là một tất yếu khách quan để phát triển nền kinh tế hàng hóa.

Hiện nay, ở các nước có nền kinh tế hàng hóa phát triển, hình thức kinh tế cổ phần được áp dụng rộng rãi vì nó ưu việt hơn các hình thức kinh tế khác. Cụ thể :

1 - Về mặt chu chuyển vốn :

- Vì vốn đầu tư cho xí nghiệp kinh tế cổ phần không phải do nhà nước và ngân hàng hoàn toàn

* Báo Nhân dân, ngày 11-12-1991.

quyết định, nên có điều kiện để xóa bỏ tình trạng nhà nước bao cấp về vốn.

- Để có lãi cổ phần cao, các nhà quản lý xí nghiệp phải tìm mọi cách để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Cổ phiếu phát hành ổn định, bản thân cổ phiếu lại chuyển nhượng được, điều đó có tác dụng thúc đẩy lưu thông tiền tệ. Chu chuyển vốn càng nhanh thì sử dụng vốn càng hiệu quả và tiết kiệm.

2 - Về mặt quản lý :

- Cổ phần hóa làm tăng thêm nhiều chủ thể sở hữu, do đó làm tăng thêm nhiều ý thức làm chủ và trách nhiệm của các thành viên trong xí nghiệp.

- Vì lợi ích thiết thân, người có cổ phần thực sự quan tâm đến hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, tự giác thực hiện sự giám sát chặt chẽ về tài chính và các dự án thu chi của xí nghiệp.

- Cổ phần hóa còn là biện pháp quan trọng bảo đảm quyền tự chủ thực sự của xí nghiệp. Nhà nước, với tư cách là chủ nợ hay là một cổ đông lớn, không can thiệp trực tiếp vào tác nghiệp kinh doanh của xí nghiệp. Trong xí nghiệp cổ phần, các cổ đông bầu ra hội đồng quản trị, hội đồng này cử ra giám đốc và bộ máy kinh doanh.

3 - Về mặt bảo đảm các lợi ích :

Do tính chất đa dạng và linh hoạt, kinh tế cổ phần

sẽ tạo ra cơ chế kết hợp hợp lý các lợi ích giữa nhà nước, bộ máy quản lý xí nghiệp và người lao động.

Nhà nước, người quản lý và một bộ phận lớn công nhân, viên chức trong xí nghiệp cổ phần là người có cổ phần, do đó họ luôn luôn quan tâm đến quá trình sản xuất kinh doanh của xí nghiệp. Sự phát đạt hay làm ăn thua lỗ của xí nghiệp đều ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của mỗi thành viên. Do đó, các thành viên trong xí nghiệp cổ phần, không phải chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt mà cả lâu dài, xây dựng cơ chế tích lũy hợp lý để mở rộng sản xuất của xí nghiệp.

Thu nhập do lợi tức cổ phần mang lại là động lực thúc đẩy mọi người tham gia mua cổ phiếu. Và chính sự tham gia mua cổ phiếu đã đem lại cho họ khoản thu nhập tương ứng (theo tỷ lệ %). Lợi ích của người lao động được bảo đảm, đồng thời các khoản thu tài chính của nhà nước cũng được bảo đảm, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Với những ưu thế trên, hình thức kinh tế cổ phần đã tạo ra những tiền đề vật chất cần thiết cho việc thực hiện chế độ hạch toán kinh doanh và thúc đẩy sự phát triển ổn định về liên doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế. Đồng thời, góp phần hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng quản lý kinh doanh của xí nghiệp.

II - TIẾN TỚI CỔ PHẦN HÓA MỘT BỘ PHẬN XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

Như chúng ta đã biết, kinh tế quốc doanh ở nước ta là thành phần kinh tế được nhà nước ưu ái về mọi mặt, song năng suất chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của thành phần này nhìn chung còn thấp. Chính vì vậy thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách tích cực nhằm :

- giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của các cấp chính quyền vào nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở ;

- tạo điều kiện cho xí nghiệp tự chủ về tài chính,

chủ động giải quyết "đầu vào" và "đầu ra" nhằm giảm bớt chi phí, bảo đảm kinh doanh có lãi ;

- kích thích sự quan tâm của xí nghiệp cả về lợi ích trước mắt và lâu dài, vừa bảo đảm nâng cao thu nhập cho công nhân, viên chức, vừa bảo đảm có tích lũy để mở rộng sản xuất và tăng cường đóng góp cho nhà nước.

Quá trình thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế quốc doanh theo những mục tiêu nêu trên cho thấy có những mâu thuẫn mới nảy sinh cần được nghiên

cứu khắc phục. Có thể nêu lên mấy mâu thuẫn chủ yếu sau đây :

- Sự quản lý của nhà nước đối với xí nghiệp quốc doanh được nói rộng, nhưng do thực lực về vốn và vật tư của nhà nước ngày càng eo hẹp, lại thiếu cơ chế và luật pháp quy định chặt chẽ, nên nhà nước không đủ sức quản lý hàng vạn xí nghiệp. Do đó, về thực chất, nhà nước gần như thả nổi để mặc các xí nghiệp tự vùng vẫy. Trong tình hình đó, một số xí nghiệp vươn lên làm ăn có lãi, còn đa số vẫn làm ăn thua lỗ.

- Do thiếu thể chế ràng buộc về trách nhiệm, dẫn đến tình trạng "cha chung không ai khóc", nhiều xí nghiệp làm ăn thua lỗ, chiếm đoạt tài sản và chiếm dụng vốn của nhau, làm hư hao thất thoát nghiêm trọng tài sản quốc gia.

- Tình trạng phân phối không công bằng dẫn đến vi phạm nghiêm trọng lợi ích của người lao động và của nhà nước.

Tình hình trên đây phản ánh giai đoạn đầu tiến hành đổi mới quản lý kinh tế quốc doanh với những biện pháp còn mang tính chất quá độ, chưa hoàn toàn phù hợp với quy luật vận động của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Thực tiễn cải cách, cải tổ, đổi mới ở các nước cũng như ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải xử lý vấn đề kinh tế quốc doanh bằng những biện pháp cơ bản hơn, mạnh dạn và dứt khoát trên cơ sở quan điểm đa dạng hóa hình thức sở hữu, gắn sở hữu với thu nhập do sở hữu.

Có thể xử lý kinh tế quốc doanh bằng nhiều hình thức như cho thuê, đấu thầu, liên doanh liên kết và xí nghiệp cổ phần... nhưng theo tôi, xí nghiệp cổ phần giữ vai trò quan trọng vì nó có khả năng kết hợp chặt chẽ ba mặt : quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối.

Để hình thành xí nghiệp (công ty) cổ phần, cần chú ý những điều kiện chủ yếu sau :

Thứ nhất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, sự hoàn thiện cơ chế quản lý và khả năng điều hành vĩ mô của bộ máy quản lý nhà nước.

Thứ hai, sự phát triển tới mức cần thiết của thị trường tiền tệ, vật tư, lao động. Việc mở rộng các xí nghiệp cổ phần (cổ phần rộng) phải gắn liền với sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Thứ ba, chính sách cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh phải nhằm thu hút chính ngay công nhân, viên chức tại các xí nghiệp đó, biến họ thành những người cùng sở hữu và tham gia quá trình phân chia lợi nhuận.

Thứ tư, phải có một hệ thống luật hoàn chỉnh về kinh tế, thuế, thương mại, thống kê kế toán, tín dụng và có hiệu lực như nhau đối với các thành phần kinh tế.

Thứ năm, những xí nghiệp cổ phần phải bảo đảm hoạt động có hiệu quả để thỏa mãn nhu cầu xã hội, cung cấp cho xã hội những sản phẩm và dịch vụ tốt hơn.

Những điều kiện nêu trên, có cái đã hình thành nhưng chưa hoàn thiện, có cái chưa hình thành. Vấn đề quan trọng là phải có sự tác động của nhà nước, thông qua các chính sách quản lý vĩ mô, nhằm tạo ra các điều kiện cần thiết cho sự ra đời của các xí nghiệp cổ phần, tất nhiên theo hướng hoàn thiện từng bước từ thấp đến cao, phù hợp với điều kiện cụ thể của nền kinh tế nước ta.

Về quá trình hình thành các xí nghiệp cổ phần ở nước ta, có thể chia làm hai bước :

Bước 1 (còn gọi là *cổ phần hẹp*) :

Bước này chủ yếu nhằm vào các xí nghiệp quốc doanh không thuộc ngành then chốt. Đối tượng gồm các xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương do nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng và cấp vốn. Các xí nghiệp này có thể là các xí nghiệp làm ăn có lãi hoặc chưa có lãi, nhưng xét thấy chuyển sang hình thức kinh tế cổ phần thì có triển vọng phát triển tốt hơn.

Trong bước này, nhà nước đánh giá giá trị tài sản của xí nghiệp dự định chuyển sang xí nghiệp cổ phần, sau đó hoặc cho xí nghiệp này vay toàn bộ giá trị tài sản mới được đánh giá, hoặc bán một phần tài sản này cho cán bộ, công nhân xí nghiệp (dưới dạng cho vay để góp vốn cổ phần). Việc cho vay và trả nợ dựa trên *hợp đồng* do cơ quan nhà nước soạn thảo, bảo đảm quyền lợi thỏa đáng giữa chủ nợ và con nợ. Điều đáng lưu ý là, vì cán bộ, công nhân nước ta còn nghèo, nên nhà nước cần có sự hỗ trợ (cho họ vay một phần giá trị tài sản để góp vốn cổ phần).

Trong các xí nghiệp cổ phần, nhà nước có thể là một cổ đông (mức độ tham gia nhiều ít tùy thuộc yêu cầu khống chế và điều tiết của nhà nước).

Sau khi được cổ phần hóa, tài sản của xí nghiệp thuộc các cổ đông. Như vậy, hình thức kinh tế cổ phần đã biến đa số công nhân thành người chủ sở hữu, và họ thực sự tham gia làm chủ quá trình sản xuất, phân phối sản phẩm.

Trong bước 1, có một số điểm cần lưu ý :

- Bước này không loại trừ việc cổ phần hóa một số xí nghiệp thuộc ngành then chốt nếu xét thấy việc làm đó có thể mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Do chưa có thị trường chứng khoán, nên trong bước 1, chủ yếu chỉ phát hành cổ phiếu trong nội bộ xí nghiệp (nếu phát hành cổ phiếu ra ngoài thì phải có mua và bán).

- Trong xí nghiệp *cổ phần hẹp*, các cổ đông không được chuyển nhượng cổ phiếu khi chưa hoàn trả nhà nước đủ số vốn vay ban đầu.

- Nhà nước có chính sách thích hợp để thu hồi vốn (có thể dùng hình thức thế chấp (nếu có), có thể trừ vào lương hoặc khấu trừ một phần lợi tức cổ phần...). Đối với những cán bộ, công nhân quá nghèo, nhà nước cần có chính sách đặc biệt như cho hoãn nợ (khi khoản nợ ghi sổ đã đến kỳ hạn phải trả) hoặc xóa nợ...

Tóm lại, trong điều kiện nước ta, bước 1 (cổ

phần hẹp) là bước *quá độ* cần thiết, nó không những phù hợp với trình độ phát triển còn non yếu của nền kinh tế hàng hóa, mà còn là biện pháp quan trọng để sắp xếp lại kinh tế quốc doanh. Thực hiện có kết quả bước 1 sẽ tạo tiền đề vật chất cho bước tiếp theo.

Bước 2 (còn gọi là *cổ phần rộng*).

Trên cơ sở kết quả đạt được của bước 1, thực hiện bước 2 sẽ thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa phát triển tới một mức nhất định.

Trong bước này, thị trường xã hội sẽ hình thành (kể cả thị trường chứng khoán, dù mới ở mức sơ khai). Nhu cầu mở rộng sản xuất hàng hóa tăng lên, lực lượng sản xuất phát triển tới một trình độ nhất định, đòi hỏi phải mở rộng các xí nghiệp (hoặc công ty) cổ phần trong các ngành kinh tế, kể cả ngành kinh tế then chốt.

Ở giai đoạn này, việc phát hành cổ phiếu có thể mở rộng ra bên ngoài. Nhà nước cho phép mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Ở giai đoạn này, nhà nước chỉ đầu tư và trực tiếp quản lý một số xí nghiệp then chốt của ngành kinh tế then chốt. Nhà nước nắm và đầu tư trực tiếp vào các xí nghiệp và vùng lãnh thổ mà nhà nước xét thấy cần duy trì và phát triển. Đó là các xí nghiệp kỹ thuật mũi nhọn, các xí nghiệp cần cho sự phát triển đa dạng nền kinh tế, và các vùng lãnh thổ điều kiện tự nhiên khó khăn mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không muốn đầu tư. Ngoài hai loại xí nghiệp vừa nêu các xí nghiệp quốc doanh khác sẽ được cổ phần hóa.

Cũng trong bước này, hệ thống luật thương mại... và các chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước sẽ được hoàn thiện nhằm tạo điều kiện và môi trường cho các xí nghiệp kinh tế cổ phần hoạt động. Nhà nước có chính sách khuyến khích các tập thể và cá nhân thành lập công ty cổ phần (người sáng lập) theo chương trình và mục tiêu phát triển chung của nền kinh tế.

III - NỘI DUNG TỔ CHỨC VÀ KINH TẾ CỦA XÍ NGHIỆP CỔ PHẦN

1 - Về tổ chức xí nghiệp cổ phần

Tổ chức xí nghiệp cổ phần ở bước 1 và bước 2 giống nhau về hình thức, chỉ khác nhau về mức độ và trình độ quản lý.

Cơ quan quản lý của xí nghiệp cổ phần là *hội đồng quản trị*, thể hiện sự tương quan về tài sản trong xí nghiệp. Hội đồng quản trị do đại hội cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị cử ra giám đốc và các thành viên khác. Hội đồng quản trị có những chức năng như sau :

- + Xây dựng và giám sát việc thực hiện các mục tiêu kinh tế trước mắt và lâu dài.
- + Xây dựng và giám sát kế hoạch sản xuất hằng năm của xí nghiệp.
- + Xây dựng và giám sát việc thu chi ngân sách tài chính và quyết toán cuối năm của xí nghiệp.

+ Xây dựng và giám sát việc thực hiện phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, lợi nhuận, lợi tức cổ phần trong xí nghiệp.

+ Có quyền bãi miễn người quản lý (giám đốc) thông qua hội nghị cổ đông...

2 - Một số nội dung kinh tế chủ yếu của xí nghiệp cổ phần

a) Về phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận mà xí nghiệp cổ phần thu được, về đại thể có thể được phân phối như sau :

+ Xí nghiệp phải nộp các loại thuế theo luật định, các khoản nợ, các loại quỹ cần phải đóng góp cho xã hội...

+ Sau khi khấu trừ các khoản trên, *phần lợi nhuận thuần túy* còn lại sẽ được dành với tỷ lệ thích đáng cho các mục đích : lập quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi, quỹ tiền thưởng, quỹ dự trữ, và quỹ lợi tức cổ phần... Việc quy định tỷ lệ các loại quỹ đó như thế nào cho thỏa đáng là do đại hội cổ đông và hội đồng quản trị xem xét quyết định.

b) Về phân phối lợi tức cổ phần

Quỹ lợi tức cổ phần là một bộ phận quan trọng trích từ lợi nhuận. Trong giai đoạn đầu (cổ phần hẹp), khi việc tăng giá trị của cổ phiếu chưa được mọi người quan tâm, thì việc nâng lợi tức cổ phần được coi là nhân tố chủ yếu thu hút người đầu tư.

Vì vậy, trong giai đoạn này, quỹ lợi tức cổ phần cần được ưu tiên với tỷ lệ thích đáng.

Việc phân phối lợi tức cho các cổ đông là căn cứ vào tỷ lệ vốn cổ phần của họ. Các cổ đông được hưởng lợi tức cổ phần khi xí nghiệp kinh doanh có lãi và chịu thiệt khi xí nghiệp làm ăn thua lỗ.

Lợi tức cổ phần được phân chia dưới dạng một khoản thu nhập có thể ổn định hoặc biến động. Nó tỷ lệ thuận với khoản lợi nhuận thu được. Chính điều này nói lên sức sống của xí nghiệp cổ phần, buộc mọi người từ nhà quản lý đến người lao động luôn luôn tấn tòi, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

*

Việc đổi mới kinh tế quốc doanh là một vấn đề hết sức bức xúc ở nước ta. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta không thể áp dụng biện pháp tư nhân hóa toàn bộ kinh tế quốc doanh, mà phải áp dụng hình thức sở hữu đa dạng nhằm lôi cuốn người lao động vào quá trình sản xuất kinh doanh và phân phối sản phẩm. Hình thức kinh tế cổ phần sẽ đáp ứng được những yêu cầu đó. Thông qua chế độ cổ phần, chúng ta sẽ tăng cường được quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp, quyền làm chủ thực sự của người lao động đối với tư liệu sản xuất. Thông qua chế độ cổ phần, chúng ta sẽ làm rõ được chức năng quản lý của nhà nước và chức năng kinh doanh của xí nghiệp ; phân biệt rõ quyền sở hữu với quyền quản lý ; hạn chế được tới mức thấp nhất sự can thiệp trực tiếp của chính quyền vào tác nghiệp kinh doanh của xí nghiệp ; cho phép huy động nguồn vốn nhân rồi trong công nhân và nhân dân ; đồng thời, kích thích được việc sử dụng vốn sao cho có hiệu quả. Nhờ phát huy được tính năng động sáng tạo của xí nghiệp và người lao động, hình thức kinh tế cổ phần sẽ mở ra khả năng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Do những ưu thế trên, kinh tế cổ phần trở thành một hình thức phát triển tất yếu của nền kinh tế hàng hóa.

Sự kiện An giang

TRẦN ĐỨC

THỜI gian gần đây, báo, đài giới thiệu nhiều về tỉnh An giang. Kể cũng xứng đáng thật ! Từ 1976 đến 1980, tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm của tỉnh chỉ đạt nửa triệu tấn, từ 1980 đến 1986 đạt 850 000 tấn ; năm 1990, tổng sản lượng lương thực nhảy vọt trên 1,5 triệu tấn, gấp ba lần thời kỳ 1976 - 1980. Mục tiêu phấn đấu từ nay đến năm 1995 là 1,8 triệu tấn và đến năm 2000 là 2 triệu tấn ; điều đó ở trong tầm tay, không có gì xa xôi.

Đằng sau những con số làm nức lòng người đó, chúng ta rút ra được bài học gì ? Phải chăng do trong 4 năm qua, tỉnh đã đầu tư 35 tỷ đồng để làm thủy lợi, cải tạo mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng, và 13 tỷ đồng của nhân dân bỏ ra để san lấp vùng trũng, thu hẹp diện tích hoang hóa ? Đầu tư là một chính sách quan trọng không thể không nhắc tới, nhưng điều chúng tôi muốn *nhấn mạnh* là sự vận dụng sáng tạo đường lối phát triển nông nghiệp của Trung ương trong phạm vi một tỉnh.

Chúng ta còn nhớ, cách đây vài năm, nhất là trong 2 năm 1988 - 1989, ruộng đất là vấn đề nóng bỏng ở nông thôn Nam bộ, đặc biệt ở các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu long. Đó là cả một "mớ bòng bong" : sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nông dân trở về quê cũ, người này chiếm ruộng của người khác và sang bán cho nhau rất phức tạp. Đến khi tiến hành tập thể hóa nông nghiệp và xây dựng hàng loạt xí nghiệp quốc doanh, ruộng đất lại tiếp tục biến động, gây nhiều xáo trộn đưa tới sự "cào bằng" và "xâm canh" một cách phổ biến. Lúc này, tỉnh ủy đã có chủ trương kịp thời giải quyết có lý có tình các vụ tranh chấp đất đai. Ở đây, tỉnh ủy đã chấp hành Chỉ thị 47 của Bộ chính trị một cách linh hoạt, trong khi kết hợp tình đoàn kết tương trợ, "lá lành đùm lá rách" với bảo đảm lợi ích kinh tế, đã nhấn mạnh sự chuyển nhượng có bồi hoàn trên tình thân công nhận thành quả lao động. Các tập đoàn máy hình thành không theo nguyên tắc tự nguyện bị giải thể, và phần lớn máy móc trở về chủ cũ. Ruộng đất phần lớn cũng đều trở về chủ cũ. Nông thôn tương đối ổn định. Đồng ruộng có hàng

trăm máy cày hoạt động trong không khí hăng say lao động.

Đối với kinh tế tập thể và quốc doanh, ngay từ trước khi có Nghị quyết 10 (tháng 4 năm 1988), tỉnh ủy đã có chủ trương biến mỗi hộ nông dân thành một đơn vị sản xuất cơ bản trên cơ sở nhận thức lấy dân làm gốc và xác định động lực của nông thôn phải là lợi ích kinh tế và bảo đảm quyền dân chủ cho nông dân. Vì vậy, đối với những tập đoàn lập ra một cách hình thức, thì kiên quyết giải thể ; các loại quỹ gây khó khăn, phiền nhiễu cho nông dân, cũng đều bị xóa bỏ. Những tập đoàn còn lại, chuyển sang làm dịch vụ cho các hộ nông dân, và trước mắt, cần lập các hợp tác xã kiểu mới, như hợp tác xã đường nước, mỗi máy bơm lo đủ nước cho 30 - 50ha. Các quốc doanh cấp huyện làm ăn thua lỗ, một số không ít thường sống dựa vào buôn lậu (chẳng hạn hình thành từ biên giới), do vậy tỉnh chủ trương kiên quyết giải thể và bằng nhiều biện pháp chặn đứng tình trạng buôn lậu từ các công ty quốc doanh. Kết quả là tháng 4 năm 1991, lần đầu tiên từ 4 năm nay, ngân sách bội thu lớn.

Quan hệ sản xuất được chấn chỉnh và củng cố, tỉnh chủ trương tập trung vào mặt trận nông nghiệp, xây dựng một nền sản xuất hàng hóa, khuyến khích việc nâng cao thu nhập của nông dân để nhanh chóng tạo ra thặng dư ngay trong nông nghiệp. Tư tưởng nông dân được giải phóng nên tự họ tính toán thời vụ. Năm 1990 vụ hè thu làm được tới 143 000 ha, trong khi mấy năm trước, chỉ tiêu giao có 70 000 ha mà cán bộ chạy tới, chạy lui vẫn không sao hoàn thành được kế hoạch. Vụ mùa vừa rồi, nước còn đến "háng", nông dân vẫn đem lúa ra sạ.

Để khai hoang vùng nhiên phen tứ giác Long xuyên, tỉnh ủy cũng tiếp cận vấn đề một cách sáng tạo. Trong điều kiện nhà nước còn nghèo không có vốn hỗ trợ nông dân đi khai hoang, tỉnh ủy chủ trương : không để "mấy ông trắng tay" đi vào vùng đó, mà phải khuyến khích những người có vốn và ham đất. Do vậy, đã huy động được đồng bào trung nông vào đó khai hoang, biến 1 vụ thành 2 vụ với

tổng diện tích 45 500 ha.

Theo tư tưởng của Bác Hồ trong thư gửi nông dân : "Ruộng rẫy là chiến trường, nhà nông là chiến sĩ", tỉnh ủy đã yêu cầu các đơn vị nông nghiệp quốc doanh phải lấy nông thôn làm địa bàn hoạt động và nông dân làm đối tượng phục vụ. Các công ty lương thực, dịch vụ kỹ thuật, chi cục bảo vệ thực vật đều bám sát đồng ruộng, nắm bắt yêu cầu của nông dân để phục vụ kịp thời. Năm 1991, ban chương trình khuyến nông của tỉnh đã đầu tư hơn 200 triệu đồng, in ấn hàng triệu tài liệu bướm, bích chương, tập san, mở hội nghị hộ nông dân sản xuất giỏi, lập hàng trăm điểm tiếp xúc với nông dân trên đồng ruộng. Nhờ công tác khuyến nông, vụ đông vừa qua, nông dân đã cứu sống 15 vạn ha lúa bị nhiễm sâu rầy (trước đây, nhiều người cho rằng đó là một hiểm họa không thể nào dập tắt).

Vốn là một yêu cầu bức xúc của nông dân để phát triển sản xuất, nhưng đối tượng cho vay hiện nay chủ yếu là các hộ nông dân chứ không phải là các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất như trước. Từ vụ đông xuân năm 1990 - 1991, ngân hàng nông nghiệp tỉnh đã cho nông dân vay tới hộ. Trong khi chưa có nguồn vốn điều hòa của Ngân hàng nông nghiệp Việt nam, Ngân hàng nông nghiệp An giang đã cân đối nguồn vốn tại chỗ, huy động tiền tiết kiệm với lãi suất 4% để cho nông dân vay với lãi suất 5% tháng (những năm trước, nhiều khi nông dân phải bấm bụng đi vay với lãi suất 30% tháng). Nhờ cách làm trên, 1,5 vạn hộ nông dân đã có hơn 3 tỷ đồng vốn vay để thâm canh gần 1,2 vạn ha lúa. Sau thu hoạch, họ đã trả hết nợ, không để quá hạn phải chịu lãi suất cao, lại giữ được chữ tín. Với các khoản thu về, ngân hàng lại có nguồn vốn mới để quay vòng cho vụ hè thu năm 1991.

Chính sách giá cũng có sự đổi mới. Vụ hè thu năm 1990, có lúc giá đạm ure lên cao, tỉnh chủ trương bán hạ giá một số (căn cứ vào số thóc ghi trong sổ của từng hộ) để nông dân có thể mua ; đến vụ đông xuân, khi giá lúa giảm xuống, tỉnh lại chủ trương nâng giá lúa để nông dân khỏi bị thiệt. Điều đó không giống với chính sách của Trung ương ban hành trên phạm vi cả nước. Trước đây, trong kháng chiến chống Pháp, cũng như trong thời kỳ 1976 - 1980, nhà nước một mặt tăng giá mua nông sản, mặt khác thực hiện bán tư liệu sản xuất cho nông dân với giá không lấy lãi, và nếu cần, có thể chịu lỗ. Nhưng cách làm từ năm 1981 đến nay khác hẳn : người

nông dân bị thua thiệt nhiều do hai lần nhà nước nâng giá bán tư liệu sản xuất (1981, 1985) để tăng nguồn thu nhằm cân bằng ngân sách. Như vậy, dù muốn hay không, nhà nước đã đứng trên quan điểm tích lũy từ lưu thông, không phải từ sản xuất. Tỉnh An giang đã làm ngược lại, tích lũy từ sản xuất, không phải từ lưu thông.

Một câu hỏi đương nhiên được đặt ra : nếu như vậy, tỉnh dựa vào nguồn vốn nào để hạ giá bán tư liệu sản xuất và nâng giá mua lúa cho nông dân khi cần thiết ? Đó là do chủ trương của tỉnh thương mại hóa vật tư, thành lập một công ty vật tư nông nghiệp vững mạnh. Lẽ dĩ nhiên, ngành vật tư trong tỉnh cần được tổ chức lại cho phù hợp : nó đã không chia thành cấp 2, cấp 3 như chủ trương của Trung ương, mà được tổ chức theo tuyến đường (bộ và thủy) và các vùng chuyên canh. Thực tế cho thấy : trong nền kinh tế còn nhiều thành phần, không thể không thừa nhận sự cạnh tranh giữa các thành phần trong kinh doanh mua bán, chế biến nông sản và làm đại lý kinh doanh cho các tổ chức kinh tế tập thể và quốc doanh. Tổng kết kinh nghiệm của các nước, C.Peter Tim - giáo sư của Trường đại học Harvard, đã kết luận : không có nước châu Á nào có thể hiện đại hóa ngành nông nghiệp của mình mà lại độc quyền hóa phân bón, hạt giống, thuốc trừ sâu và nhiên liệu. Tuy nhiên, cũng không có nước nào lại chuyển toàn bộ nhiệm vụ này cho khu vực tư nhân.

Các công ty cấp huyện lần lượt bị giải thể, vật tư kỹ thuật được đưa xuống tận xã trực tiếp phục vụ các hộ nông dân thông qua các đại lý do tỉnh mở. Biên chế ăn lương của bộ máy chính quyền, đảng và các đoàn thể được tinh giản, từ tỉnh xuống đến xã chỉ còn 1,6 vạn người, đó là biên chế ít nhất so với các tỉnh khác của đồng bằng sông Cửu long.

Tỉnh ủy cho rằng, đổi mới cơ chế quản lý ngân sách địa phương không phải do ý muốn chủ quan, mà là một tất yếu khách quan do tình hình đòi hỏi. Từ năm 1989, ứnh chất bất hợp lý của cơ chế quản lý ngân sách theo ba cấp (tỉnh, huyện, xã) đã bộc lộ rõ: huyện bội chi ngân sách phải xin tỉnh trợ cấp, quốc doanh huyện bị lỗ triển miên, tỉnh không điều hành được quản lý kinh tế. Các nguồn thu ở huyện thường gấp 4 lần dự toán chi, đáng lẽ phải được dùng để trả lương, trả bảo hiểm xã hội v.v., thì trên thực tế lại được dùng vào những việc khác (bù lỗ, trả nợ cho quốc doanh cấp 3 ; đầu tư xây dựng cơ bản...). Trước tình hình đó, tỉnh đã đề ra ba việc

làm cấp bách : chuyển huyện thành cấp dự toán ; bỏ quốc doanh cấp huyện (giao cho tỉnh quản lý hoặc giải thể) ; sắp xếp quản lý kinh tế theo ngành dọc, biến ủy ban huyện thành cấp quản lý hành chính, còn ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, điều hành và quản lý thống nhất ngân sách địa phương. Việc tổ chức đã được tiến hành đồng bộ, từng bước. Việc xây dựng định mức chi tiêu đã lấy giá gạo làm căn cứ để điều chỉnh (khi sức mua đồng tiền giảm). Kết quả thật không ngờ : năm 1990 ngân sách bội chi tới 15 tỷ đồng (bằng số tiền trợ cấp cho các huyện) thì quý 1 năm 1991 chỉ còn bội chi 3 tỷ đồng, và tới quý 2 đã không còn bội chi (mặc dầu gặp thiên tai). Phần lớn các huyện không còn phải xin tỉnh viện trợ nữa.

An giang đã từ cây lúa vững bước đi lên. Cơ sở hạ tầng ngày một khởi sắc : "cầu khỉ" dần nhường chỗ cho cầu bê tông ; đường đất, đá dần được thay bằng đường rải nhựa ; nhà mái ngói hoặc mái bằng mọc lên ngày càng nhiều, nội thất có ti-vi, tủ lạnh. Máy móc từng bước thay cho lao động thủ công nặng nhọc : hôm qua là máy bơm, máy xay, hôm nay có thêm máy nổ, xe hơi... Tất nhiên, những điểm sáng trên chưa phổ biến ra toàn tỉnh với 26 vạn hộ nông dân và 1,4 triệu nhân khẩu. Cơ sở hạ tầng còn phải được tiếp tục xây dựng và hoàn thiện để có thể bảo đảm "đầu vào" là vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng, "đầu ra" là nông sản hàng hóa từ hàng chục vạn hộ nông dân phân tán tung ra thị trường.

Nhưng nông dân An giang không dừng ở cây lúa. Bên cạnh những núi thóc vàng hằng năm đem về cho An giang hàng chục triệu đô la, là hoa màu xuất khẩu, là đàn gia súc, gia cầm phát triển nhanh cùng với sản lượng thủy sản (trong đó phải kể cá bẹ nổi tiếng của Châu đốc).

Trong những ngày hè 1991 ở thăm An giang, tôi may mắn được gặp các đồng chí bí thư, chủ tịch và một số trưởng ban và giám đốc sở. Điều gây ấn tượng với tôi là cuộc tiếp xúc với anh Huỳnh Quang Đẩu, giám đốc công ty vật tư nông nghiệp tỉnh, một con người năng nổ, tháo vát. Máy kéo Bông sen ở Hà nội bị ế đưa vào thị trường An giang, sau khi được sửa sang, đem bán cho nông dân lại rất được ưa chuộng. Chị Huỳnh Thị Hiếu tuổi ngoài 30, bí thư đảng ủy xã Vọng đông (huyện Thoại sơn), tràn đầy sức sống, một mình kinh doanh 6ha, thu hoạch năm qua 1700 gia (34 tấn) thóc, đã và đang dẫn dắt phong trào khai hoang toàn xã. Tôi nghĩ đến

những cuộc thảo luận về chủ trương đảng viên làm kinh tế được hay không được thuê mướn nhân công. Người mà nông dân địa phương gọi với cái tên triu mến "cô Hai Hiếu", phải chăng không phải là một đảng viên gương mẫu ?

*

Trên đây đã điếm qua những gì xảy ra ở An giang trong công cuộc đổi mới mà tôi xin mạnh dạn gọi là "sự kiện An giang", một điển hình hiếm có về sự lãnh đạo của một đảng bộ tỉnh đã vận dụng một cách sáng tạo đường lối chính sách của Trung ương trên một loạt vấn đề then chốt từ : ruộng đất đến hợp tác hóa, từ thương mại hóa vật tư đến tổ chức khuyến nông, tính giản biên chế... Do chịu khó bám sát cơ sở, thực sự lấy dân làm gốc, dám chịu trách nhiệm trước hết đối với dân, lại có đủ dũng khí để nếu cần thì xin Trung ương cho điều chỉnh chính sách, lãnh đạo tỉnh An giang đã góp phần tích cực làm phong phú thêm đường lối của Đảng. Lãnh đạo của tỉnh đã không ngại đương đầu với khó khăn, vì trong cuộc sống "những khó khăn làm nảy sinh trong con người những năng lực cần thiết để khắc phục khó khăn". Chính vì lẽ đó, lãnh đạo của tỉnh đã không co lại trong thế phòng ngự bị động, mà thường xuyên nắm vững diễn biến của tình hình, nhất là mối quan hệ giữa nhân tố cơ bản và hoàn cảnh hiện tại, để kịp thời có chủ trương và đối sách thích hợp.

Tôi nghĩ, trên phạm vi cả nước, chắc không chỉ có An giang mà còn nhiều điển hình khác. Trung ương nên có kế hoạch nghiên cứu, tổng kết, phát hiện những điểm sáng để đưa công cuộc đổi mới lên một bước cao hơn. Lúc này, hơn lúc nào hết, cần đổi mới các chính sách, nhất là các chính sách vĩ mô, để khỏi tụt hậu so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Có như vậy, mới mở ra được môi trường kinh tế ổn định, để các ngành, các cấp, đặc biệt là cơ sở, có thể tháo gỡ khó khăn. Cuộc sống đã vượt xa phạm vi chật hẹp của Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI). Nhiều vấn đề, từ chính sách ruộng đất đến hướng đi tới của kinh tế hộ nông dân, từ cách xử lý các doanh nghiệp nhà nước, đến sự chuyển hướng chức năng của kinh tế tập thể, v.v. đang chờ giải đáp. Nếu lên "sự kiện An giang", tôi muốn giới thiệu sức mạnh của một đường lối khi nó xâm nhập cuộc sống, và hy vọng : qua tổng kết Đảng ta sẽ làm cho "sự kiện An giang", bằng sức nổ đầy chuyển, tác động toàn diện đến tình hình nông thôn trên phạm vi cả nước.

KẾT HỢP TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI TRONG XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CHÍNH QUYỀN

VĂN TẠO *

NHỮNG cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế và xã hội dẫn đến sự sụp đổ hàng loạt quốc gia trên thế giới, có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng là sự buông lơi vai trò của bộ máy chính quyền nhà nước. Không phải ngẫu nhiên mà các quốc gia, dù dưới chính thể nào, cũng đều luôn chăm lo xây dựng và củng cố chính quyền. Nhiệm vụ này có những nét chung : bảo đảm đoàn kết dân tộc ; kiên quyết chống mọi mưu đồ của các thế lực thù địch lũng đoạn và phá hoại nền kinh tế, gây rối về chính trị xã hội, làm băng hoại nền văn hóa ; giữ vững kỷ cương, phép nước.

Ở Việt nam hiện nay, trong quá trình đổi mới đất nước, cùng với việc thay đổi cơ chế quản lý kinh tế, Đảng và Nhà nước ta coi trọng và từng bước đổi mới hệ thống chính trị, củng cố bộ máy chính quyền, đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng, phù hợp với đòi hỏi của thời đại.

Điều quan trọng hàng đầu của một chính quyền là xác định rõ đối tượng và nhiệm vụ quản lý. Trong tiến trình lịch sử, đối tượng và nhiệm vụ của một chính quyền luôn thay đổi và phát triển. Tuy vậy, về mặt *hành chính*, vẫn có những bình diện chung, như : quản lý lãnh thổ, tài nguyên ; quản lý số dân ; quản lý hoạt động xã hội...

Nước ta tuy mới từ một xã hội nông nghiệp tiến dần lên xã hội công nghiệp, song vẫn chịu sự tác động nhiều mặt của thời đại. Chúng ta đang sống ở giai đoạn cuối của thời đại công nghiệp bước sang thời đại *hậu công nghiệp* (còn gọi là *siêu công nghiệp*). Nếu trong xã hội công nghiệp, đô thị từng cuốn hút nông thôn với nền văn minh đại cơ khí, điện tử, rồi nguyên tử, thì nay ở xã hội hậu công nghiệp, nông thôn và đô thị đang xích lại gần nhau hơn bởi nền văn minh tin học, sinh học. Nông thôn còn có khả năng mở rộng sự thu hút đối với đô thị vì số lớn dân ở đô thị hiện muốn tránh xa môi trường ở đây đang bị ô nhiễm nặng và tiếng ồn công nghiệp.

Như vậy, việc kết hợp truyền thống và hiện đại

trong xây dựng và quản lý chính quyền của chúng ta, có những yếu tố mới, rất đáng chú ý. Hơn nữa, nước ta lại đang trong quá trình đổi mới, chuyển mạnh từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường, vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Vì vậy, trong công tác xây dựng và quản lý chính quyền, chúng ta không thể không nhanh chóng thay đổi nếp nghĩ cũ.

1 - Về quản lý lãnh thổ, tài nguyên

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, mỗi tấc đất Việt nam hiện nay, dù ở miền xuôi hay miền núi, ở vùng sâu hẻo lánh hay hải đảo xa xôi, đều đã thấm máu, mồ hôi bao thế hệ. Lãnh thổ toàn vẹn và thống nhất hiện có là kết quả của sự nghiệp dựng nước và giữ nước bao đời, là niềm tự hào của tất cả 54 dân tộc anh em đang sống trên dải đất Việt nam. Khi đã có chủ quyền toàn vẹn trên lãnh thổ thiêng liêng của mình, không một dân tộc nào có thể cho phép thế lực bên ngoài nào ngang nhiên lấn chiếm, "gặm nhấm" đất đai của mình.

Lịch sử nước ta còn ghi tội của những thổ quan thời phong kiến đã dâng đất (do mình được ủy nhiệm cai quản) cho kẻ thù. Lịch sử nước ta cũng còn ghi rõ : mỏ đồng Tự long đến thời Tự Đức vẫn thuộc Việt nam, vậy mà các triều đại sau đó đã không giữ được, để lọt vào tay kẻ khác.

Vấn đề lãnh thổ gần đây có những "điểm nóng" này sinh trong điều kiện mới. "Điểm nóng" không chỉ tồn tại ở vùng đất mà cả ở vùng biển, vùng trời, thềm lục địa, vùng xen lẫn giữa nước này và nước khác. Chỉ lưu vực một con sông cũng liên quan đến nhiều nước láng giềng ; chỉ một đường bay trên không cũng không còn là chuyện riêng của mỗi quốc gia. Vì vậy, nhiệm vụ nắm vững, giữ gìn, khai thác và bảo vệ lãnh thổ là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi cấp chính quyền. Ở đây, cần nhấn mạnh đến trách nhiệm quản lý thống nhất lãnh thổ của các cấp.

* Giáo sư sử học

Nếu đất nước bị chia cắt, nội bộ phân tranh thì lòng người ly tán, dễ gây ra những cuộc xung đột huynh đệ tương tàn. Lịch sử đã từng lên án nghiêm khắc những triều đại vì lợi ích riêng, phá vỡ sự thống nhất tổ quốc, gây bao đau khổ cho nhân dân.

Ngày nay, công tác quản lý của chính quyền cũng cần phải đấu tranh xóa bỏ tư tưởng cục bộ địa phương, nêu cao tư tưởng vừa bảo đảm phát triển địa phương mình vừa giúp đỡ địa phương khác, chăm lo đến lợi ích toàn cục, dân chủ đi đôi với tập trung thống nhất.

Phân định nhiệm vụ, chức năng, địa giới hành chính đầu sao cũng chỉ là việc mang tính chất tương đối. Bàn bạc, hợp tác, cùng chịu trách nhiệm sẽ tránh được những khiếm khuyết trong quản lý. Sự kiện Vũng rồ vừa qua thuộc tỉnh Phú yên và Khánh hòa cho ta nhiều bài học bổ ích.

Quản lý lãnh thổ không hề tách rời việc quản lý tài nguyên. Nguyên tắc của quản lý tài nguyên đối với các cấp chính quyền là nắm vững đặc trưng *địa - kinh tế* của nơi mình cai quản. Không thể chấp nhận chính quyền một địa phương nào đó lại thiếu hiểu biết vốn quý tiềm ẩn trong lòng địa phương mình. Ông cha ta xưa kia, ngay khi chưa có thị trường dân tộc thống nhất, đã coi việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và sản phẩm xã hội là điều rất hệ trọng. Trong "Đư địa chí" (của Nguyễn Trãi), "Lịch triều hiến chương loại chí" (của Phan Huy Chú), đều đã ghi tỉ mỉ những tài nguyên thiên nhiên gắn với lãnh thổ quốc gia và từng địa phương.

Tài nguyên đất nước ta hiện nay đang dần dần được khám phá, khai thác theo những phương pháp tiên tiến. Những ủy ban đa quốc gia nghiên cứu tài nguyên đã ra đời; những dự án đầu tư của nước ngoài khai thác tài nguyên nước ta bước đầu được ký kết. Đây là thời cơ hiếm có để làm giàu cho đất nước, nhưng cũng là dịp thử thách quan trọng đối với tài năng tổ chức, quản lý của các cấp chính quyền.

Nói đến tài nguyên, còn phải thấy mối quan hệ giữa nó với trí tuệ, với bàn tay sáng tạo, khéo léo của con người Việt nam. Trí tuệ vừa là nguồn lực vừa là đối tượng sở hữu; là tài sản vô giá cần được nâng niu, trân trọng. Nhiều địa phương, tài nguyên gắn với nghề truyền thống đã được ghi trong sử sách (nghề rèn sắt ở Lỗ xá, Cẩm đường, Lôi trì, Vân dương; nghề kim hoàn ở Trầu Khê;

nghề thiếc ở Cao xá; nghề nhuộm ở Đan loan, v.v.).

2 - Quản lý dân cư

Quản lý dân cư không chỉ là quản lý số dân, mà là quản lý từng con người, từng dân tộc rất cụ thể. Nói đến dân cư, trước hết là nói đến cuộc sống con người gắn với địa bàn cư trú của họ. Ông cha ta trước kia nắm cư dân trên cơ sở *địa - nhân văn* (dựa theo quan hệ huyết tộc, thị tộc). Ngày nay, trên quan điểm *địa - kinh tế*, chúng ta cần nắm cư dân theo cách phân vùng kinh tế (thủ công, trồng lúa, dịch vụ, thương nghiệp...), hay theo cách phân tầng xã hội (công nhân, nông dân, ngư dân, trí thức...). Bên cạnh việc ghi chép, thống kê về con người, cần nắm vững yếu tố *địa - kinh tế* để kết hợp nhuần nhuyễn giữa con người, thiên nhiên và xã hội, đặt kế hoạch phát triển các mặt ở địa phương cho khoa học và mang tính hiện thực.

Vấn đề dân tộc xưa nay ở nước nào, thời nào cũng là vấn đề rối rắm và phức tạp. Hơn nữa, đất nước ta lại có nhiều dân tộc anh em. Lịch sử để lại không ít kinh nghiệm trong xây dựng và quản lý chính quyền đối với vấn đề dân tộc. Tổ tiên ta đã cố gắng tạo dựng mối giao lưu kinh tế giữa miền ngược với miền xuôi, giữa dân tộc này với dân tộc khác, giữa nội địa với bên ngoài, như việc lấy các thổ ti quan lang miền núi đưa lên làm thổ tri châu, thổ tri huyện; đặt các trấn biên cương gồm người dân tộc thiểu số với một trấn nội có nhiều người Kinh để tăng sức mạnh chung...

Ngày nay, vấn đề dân tộc được đặt ra trong điều kiện mới. Nhà nước trung ương đầu sao cũng chỉ có thể nắm những vấn đề lớn, những cái chung; còn chính quyền các địa phương phải có trách nhiệm trực tiếp, nặng nề trong việc giải quyết những mối quan hệ cụ thể của mỗi dân tộc ở địa phương mình (như ở Nam bộ đối với người Khor me; ở Thuận hải đối với người Chăm; ở Thừa thiên đối với người Rục). Dựa theo đường lối và chính sách chung của Đảng và Nhà nước, giải quyết một cách năng động, nhạy bén, kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ dân tộc - đó là thái độ cần có của chính quyền các cấp hiện nay.

Có người cho rằng, chỉ đến bây giờ, do nền kinh tế quá khó khăn, các cấp chính quyền mới lo vấn đề dân số. Thực ra, vấn đề này đã được đặt ra từ xa xưa. Đã lâu, ta có cả một truyền thống về quản lý dân số. Công cuộc *nam tiến* là sự kết hợp giữa

di dân theo kế hoạch nhà nước và di chuyển tự do của dân. Sự di chuyển tự nguyện này không hề gây nên cảnh tranh chấp, giành giật, nổi da nẫu thịt. Quản lý dân số không chỉ là vấn đề ngăn cản việc sinh đẻ quá chỉ số cho phép, mà còn là vấn đề nắm cho chắc dân từng vùng và biết điều hòa dân số. Lãnh thổ được mở rộng tới đâu, nhà nước có chính sách di dân, điều hòa dân số tới đó. Lê Thánh Tông đưa ra quy định : đơn vị xã tối đa là 500 hộ, xã nào phát triển, dôi ra 100 hộ trở lên phải tách thành xã mới. Nhà Nguyễn lại nắm dân theo suất đinh, và quy định số thuế phải nộp cho từng suất đinh.

Quản lý dân số của ta giờ đây có nhiều điểm khác trước, bởi có biện pháp hữu hiệu và hiện đại. Song những nguyên tắc cơ bản (như ổn định số dân sinh, tử ; điều hòa dân cư giữa vùng nọ với vùng kia ; phân công hiệp tác kinh tế) chưa hề thay đổi. Chỉ có điều đáng nói là : hiện nay, bên cạnh những biện pháp hành chính, ta còn cần biện pháp tuyên truyền, thuyết phục, và đặc biệt là các biện pháp kinh tế (tạo việc làm, tăng ngành nghề mới, thâm canh gối vụ, khai khẩn đất hoang...) để phù hợp với tốc độ tăng trưởng dân số.

3 - Quản lý hoạt động xã hội

Xã hội là một cấu trúc phức tạp gồm cả quá trình sản xuất vật chất và tinh thần ; có hoạt động giản đơn, có hoạt động mang tính chất sáng tạo, tinh vi. Là một dạng hoạt động đặc biệt của con người, hoạt động quản lý bao giờ cũng có mặt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Đại thể ở các phương diện khác nhau như chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng, pháp quyền, thẩm mỹ và đạo đức. Các lĩnh vực này có quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau rất tinh tế, tất cả tạo thành động lực thống nhất thúc đẩy xã hội tiến lên. Sau khi đã xác định rõ đối tượng và nhiệm vụ quản lý thì điều quan trọng tiếp theo là xây dựng một cơ cấu tổ chức hợp lý, chặt chẽ và năng động. Về mặt này, nếu gạt bỏ những khác biệt so với hiện nay về mặt giai cấp, truyền thống cho ta nhiều tình hoa. Chẳng hạn, việc xác định chức danh và chức trách quan lại trước kia vừa tỉnh giản, vừa chặt chẽ. Ở cấp tỉnh, có lúc chỉ có tổng đốc hay tuần phủ, dưới là bố chính và án sát. Bên quân sự thì có tuần thủ hay trấn thủ. Ở cấp phủ, huyện, châu, bộ máy còn gọn hơn (dưới chức tri phủ, tri huyện, tri châu là những nhân viên giúp việc như đề lại, lục

sự, thừa phát...).

Hiện nay, do tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa khác trước, đương nhiên, chúng ta cần có một cơ cấu tổ chức mới, hoàn chỉnh hơn.

Quản lý bao giờ cũng là chức năng của quyền lực nhà nước. Song khác xa so với trước đây, nhà nước ta hiện nay là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, nhân dân có vai trò rất quan trọng trong quản lý xã hội. Họ có thể tuyển chọn người đại diện cho mình ; có thể thông qua các đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng để kiểm tra và thẩm định tư cách của nhân viên nhà nước trong toàn bộ hoạt động xã hội. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng một tổ chức đủ mạnh, năng động trong vận hành, điều cần quan tâm là làm sao có được một hệ thống thông tin nhanh, kịp thời, đủ tin cậy, để công tác quản lý và kiểm tra quản lý thật sự có hiệu quả.

Về xây dựng bộ máy, bước đầu xin kiến nghị như sau :

- Về cấp quản lý, chỉ nên bố trí ba cấp : trung ương - tỉnh (thành phố) - xã (thị xã, quận). Thôn, phố không phải là cấp, mà chỉ là đại diện cấp hành chính (nằm trong xã, thị xã hoặc quận).

- Với cơ chế thị trường như hiện nay, rất cần có sự giao lưu thông thoáng, nhưng lại phải có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm ngặt. Vì vậy, địa bàn nên có quy mô vừa phải, tránh gộp lại quá to.

- Về trách nhiệm, nên tăng cường vai trò cá nhân, thể chế hóa các chức danh, thực hiện chế độ một thủ trưởng trong quản lý (tỉnh có tỉnh trưởng, xã có xã trưởng...). Cấp trưởng chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt quản lý hành chính tại địa phương mình. Bên cạnh cấp trưởng có một bộ máy chuyên biệt để giúp việc. Những người trong bộ máy này phải được đào tạo chính quy, bổ nhiệm theo ngạch bậc của viên chức nhà nước, hưởng lương thống nhất từ xã đến trung ương.

- Ban hành luật lệ, quy chế, quản lý hành chính, thưởng phạt nghiêm minh khi viên chức có công hoặc có tội.

- Các cấp đều có bộ máy thanh tra đặc lực, được trả lương đúng mức, như điều mà các vị tiền bối từng quan tâm : thời Trần đã đặt chức *hiển ty* ở trấn, lộ, thời Lê đặt chức *hiển sát sứ* ở khắp nơi, để giữ việc tra xét công việc. Chỉ có như vậy, chúng ta mới mong có một chính quyền xứng đáng với lòng tin cậy và đòi hỏi của nhân dân.

Sống nhân nghĩa - một truyền thống cực kỳ tốt đẹp cần giữ gìn và phát huy

BẢO ĐỊNH GIANG *

TỪ nhiều thế kỷ, dân tộc ta, nhân dân ta rất coi trọng nhân nghĩa. Nhân nghĩa là một trong những đức tính cao đẹp nhất, trở thành truyền thống quý báu trong cuộc sống, trong quan hệ người với người, chủ yếu là nhân dân lao động và trí thức. Đối nghịch với nhân nghĩa, tình nghĩa, chính nghĩa, nghĩa khí, tiết nghĩa, nghĩa lý, nghĩa cử, nghĩa vụ... là phi nghĩa, bất nghĩa, bạc nghĩa, ác đức, gian tà, vô thủy, vô chung v.v.. Trong cấu trúc thượng tầng, nhân nghĩa là kết tinh những vẻ đẹp tinh thần, chi phối mọi hành động của con người qua lao động sản xuất và đấu tranh chống ngoại xâm. Lấy nhân nghĩa làm điểm tựa, quần chúng rộng rãi phân xét mọi hành vi của mọi con người trong xã hội, bất luận là ai, ở đẳng cấp nào, và đưa ra những lời khen ngợi hoặc chê trách rất nghiêm khắc. Dư luận quần chúng có khi trực tiếp, có khi không trực tiếp với đối tượng, không xảy cùng một lúc. Ý kiến phê bày diễn ra dưới nhiều dạng, nhiều vẻ, có khi là một câu nói, một bài ca dao, một bài vè, một bài thơ ngụ ngôn... Nhiều vụ việc điển hình, nổi cộm, đối tượng được khen ngợi hay bị chê trách thường được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần, qua nhiều thế hệ. "Trăm năm bia đá thì mòn", nhưng dư luận khen, chê thì có sức sống dai dẳng qua mọi không gian và thời gian. Vì vậy, dư luận khi đã phổ cập thì có sức mạnh ghê gớm, không có thứ quyền uy nào ngăn cản nổi.

Mọi quan hệ diễn ra trong cuộc sống, quan hệ công dân với Tổ quốc là loại quan hệ đặc biệt, buộc mọi người tôn trọng và phục tùng. Điều nghĩa mà người ta nhắc hằng ngày, báo ban nhau trong cuộc đối nhân, xử thế, trở thành *nghĩa lớn* của mọi tầng lớp, lứa tuổi trước vận mệnh của Tổ quốc. Sự tồn vong của dân tộc, sống vì nghĩa lớn ấy với tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Nếu có trường hợp bị cưỡng bức, điều trước tiên là mình tự cưỡng bức mình.

Trước lực lượng so sánh chênh lệch, tư tưởng chiến lược của Nguyễn Trãi trong việc động viên ba

quân đánh bại bọn ngoại xâm là :

*"Đem đại nghĩa mà thắng hung tàn
Lấy chí nhân thay cho cường bạo".*

Cũng với tư tưởng ấy, tinh thần ấy, Đảng ta và dân tộc ta giương cao ngọn cờ chính nghĩa, tiến hành chiến tranh từ tay không, đầu trần, chân đất suốt ba mươi năm ròng rã, trước sau ta đã đánh bại những tên đế quốc xâm lược tuy hùng mạnh hơn ta gấp bội về vũ khí, khí tài, nhưng về đạo đức chúng đều là bọn cướp bóc phi nghĩa, bị xã hội loài người lên án.

Bất nguồn từ truyền thống sống nhân nghĩa, từ nhiều thế kỷ, đứng trước nạn ngoại xâm, nhân dân ta hy sinh vô điều kiện cho đất nước được độc lập, tự do - nhất là từ khi thực dân Pháp với tham vọng bành trướng, đi tìm thuộc địa, đưa quân vào xâm lược nước ta, trước tiên là Nam bộ. Run sợ trước cuộc tấn công ồ ạt của quân đội viễn chinh Pháp, triều đình nhà Nguyễn đầu hàng, cắt ba tỉnh miền Đông Nam bộ nhượng giao cho Pháp, và ra chiếu chỉ cho quân triều khắp nơi bãi binh. Trước hai gọng kìm : đội quân xâm lược và vua chúa đầu hàng, nghĩa quân và sĩ phu (trí thức) đều đứng lên giương cao ngọn cờ đại nghĩa, kêu gọi nhau "làm người chớ ở hai lòng, vì nước phải theo một phía", lần xả ra trận địa diệt quân thù: Điều kiện khách quan lúc bấy giờ không cho phép, trước sau các lãnh tụ của nghĩa quân đều hy sinh ; gót giầy của quân xâm lược lần lượt giẫm lên toàn cõi Nam bộ và sau cùng lan rộng ra khắp đất nước.

Hồ Huân Nghiệp là một người học giỏi, đỗ đạt cao nhưng không ra làm quan cho triều đình, ở nhà lo chăm sóc mẹ, dạy học trò và đọc sách. Khi Trương Định dấy quân, có người hỏi Hồ Huân Nghiệp : "Trương Định xưng nghĩa, hào kiệt kéo nhau đến rất đông, không biết có thành công được không ?". Hồ Huân Nghiệp trả lời : "Kẻ làm việc nghĩa không

* Nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học (TP Hồ Chí Minh)

kẻ thành hay bại!". Ít lâu sau, Hồ Huân Nghiệp nhận chức tri phủ Tân bình lo điều động quân binh, lương thực giúp cho Trương Định. Tây dò biết, áp đến bắt được ông đem về tra tấn, nhưng ông không khai một lời. Giặc đem ông đi xử tử. Trước phút lên máy chém, Hồ Huân Nghiệp rửa mặt, sửa khăn áo ung dung đọc bốn câu thơ. Vì nghĩa với Tổ quốc, Hồ Huân Nghiệp vẫn hiên ngang đến phút cuối cùng. Ai thấy cũng sa nước mắt.

Cũng bị đưa lên máy chém, anh hùng Nguyễn Trung Trực người từng lập chiến công lừng lẫy thiêu hủy tàu Tây ở sông Nhật tảo (Tân an) và hạ đồn Tây ở Kiên giang, gạt phăng những lời dụ hàng của địch và đồng đặc nói: "Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây", và vẫn ung dung đi vào cái chết như Hồ Huân Nghiệp.

Nguyễn Hữu Huân ba lần đều đứng lên khởi nghĩa, ba lần bị giặc bắt, cuối cùng bị đưa ra chém tại quê nhà. Sự hy sinh cao cả của Nguyễn Hữu Huân gây xúc động đối với đồng bào cả nước.

Trong lịch sử đất nước nói chung và lịch sử văn học nói riêng, chưa bao giờ điều nghĩa được đề cao một cách tập trung và phổ biến như thời kỳ đất nước ta đứng trước biến cố mang tính bước ngoặt, diễn ra nửa cuối thế kỷ thứ XIX. Thời kỳ này, vận mệnh của đất nước ta như ngàn cân treo sợi tóc, cờ tam tài kéo lên ở đâu thì nơi đó cuộc sống bình thường bị xáo trộn từ vật chất đến nếp sống tinh thần. Danh vọng, tiền tài, quyền uy do bọn cướp nước câu như không khác bùa mê, thuốc lú, để khiến con người sa ngã, thoái hóa, quay lưng với đồng bào, Tổ quốc. Truyền thống nhân nghĩa vừa có vai trò chỉ đạo cuộc sống, vừa phản ánh cuộc sống qua văn học thành văn, văn học truyền miệng và qua các cuộc đàm thoại hằng ngày trong buổi quốc phá, gia vong có giá trị biết chừng nào!

Nhà yêu nước vĩ đại, nhà thơ lớn của Tổ quốc, Nguyễn Đình Chiểu, suốt 40 năm, sống trong sự mù lòa, luôn luôn cất cao giọng nói về nhân nghĩa. Trước sự mất mát quá lớn lao, tiếc thương vô hạn các vị anh hùng có tên và không tên đã hy sinh cho Tổ quốc, những bài văn tế và thơ điệu của Nguyễn Đình Chiểu là bản cáo trạng hùng hồn lên án bọn cướp nước và lũ bán nước, nhưng phần cốt lõi của những áng văn bất hủ này là sự tập trung ca ngợi cái tiết nghĩa, cái trung nghĩa của những con người yêu nước luôn luôn coi trọng danh dự của Tổ quốc và danh dự của chính mình.

Không dừng ở nghĩa lớn, đối với Tổ quốc qua những hồi biến cố và qua các cuộc thăng trầm, điều nghĩa còn là thước đo giá trị cao thấp, tấm gương soi bộ mặt chính, tà của mọi con người và trong mọi quan hệ xã hội.

Khai phá một vùng đất mới, con người ở miền cực nam của Tổ quốc phải đối phó hằng ngày để tồn tại trong khi phép nước chưa thiết lập vững vàng. Vây đoàn trong cuộc sống, hỗ trợ, cứu nguy từng lúc, từng hộ gia đình, từng người, là điều nhất thiết phải có, cần đặt ra đối với quần thể, trong dân ấp, dân lân. Nhiều thế kỷ, con người ở Nam bộ lấy điều nghĩa làm điểm tựa tinh thần để sống. Điểm xuất phát trong đối nhân, xử thế, đều đặt điều nghĩa cao hơn hết và trùm lên cuộc sống. Câu "Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã; lâm nguy bất cứu mao anh hùng" (có nghĩa là: "Thấy nghĩa không làm là không dùng cảm; thấy người lâm nguy không xông ra cứu, không phải trang anh hùng") trở thành phương châm hành động của con người; người ta phụng thờ nó, đi với nó tới cùng không lay chuyển. Giác mơ anh hùng, sự nuôi dưỡng tinh thần "thấy bất bằng không tha" hằng ngày của tuổi thanh xuân sống giữa cảnh bất công trong xã hội cũ, là điều phổ biến, không phải bàn cãi.

Trong truyện thơ *Lục Vân Tiên*, sau khi Lục Vân Tiên đánh bọn cướp núi Phong lai, cứu Kiều Nguyệt Nga, Kiều Nguyệt Nga biểu thị lòng biết ơn bằng cách trao tặng vật quý, Lục Vân Tiên từ chối, nói rõ động cơ đứng ra cứu nguy của mình:

"*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi*

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

Trong *Truyện Kiều*, thi hào Nguyễn Du cũng nhiều lần nhắc tới điều nghĩa qua những lần tiếp xúc, nhất là qua những lần đối lứa gặp hồi ngang trái, chẳng hạn như:

"*Chiếc thoa là của mấy mươi*

Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao".

Trong văn học truyền miệng - nhất là trong tục ngữ, ca dao, điều nghĩa được nêu nổi bật trong mọi quan hệ: cha con, chồng vợ, đặc biệt là trong tình yêu nam nữ. Trong đạo vợ chồng, người ta nói nhiều đến *nghĩa tao khang*. Tao khang là tấm măn, có nghĩa là gặp nhau lúc còn nghèo khó, cùng nhau ăn tấm măn. Khi chồng hay vợ, nhất là chồng, may mắn được giàu sang thì thường hay quên cảnh cũ, người xưa.

"*Đôi ta là nghĩa tao khang*

Xuống khe bắt ốc, lên ngàn hái rau".

Nghĩa cũ càng không đồng nhất với nghĩa tao kang, Thúy Kiều và Kim Trọng không phải là đôi vợ chồng nghèo cực phải ăn tấm mẫn, nhưng đã trót thề non, hẹn biển, "Đinh ninh hai mặt một lời song song". Vì vậy, Thúy Kiều không bao giờ quên Kim Trọng - qua những tháng, năm bảy nổi, ba chìm.

Nghĩa tao kang và *nghĩa cũ càng* giống nhau ở khía cạnh thủy chung, không phụ rẫy. Bất cứ xã hội nào, luân lý, đạo đức Việt nam đều không cho phép và không tiếc lời lên án chồng hoặc vợ bội ừnh, bạc nghĩa.

*

Nhắc lại một số ví dụ như vậy để thấy rằng, truyền thống nhân nghĩa ăn sâu vào đời sống tình thân và tâm khảm con người Việt nam trong nhiều thế hệ. Qua những biến cố, thăng trầm của Tổ quốc cũng như gia đình, điều nghĩa vang lên giữa đất nước, giữa xóm làng, đồng viên, thúc giục con người sống theo lẽ phải, làm theo lẽ phải, đồng thời cũng là hồi chuông thức tỉnh những ai vì tiền tài, vì lợi lộc, cam làm tù binh cho cuộc sống thấp hèn.

Trong một cuộc họp có đồng đạo cán bộ, Bác Hồ hỏi: "Các chú có biết nhân dân ta sống với nhau như thế nào không?". Một đồng chí trả lời: "Thưa Bác, nhân dân ta có câu: tời lửa tắt đèn có nhau". Bác nói: "Đúng là như vậy. Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có ừnh, có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, ừnh nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành ừnh nghĩa đồng bào, đồng chí, ừnh nghĩa năm châu, bốn biển một nhà. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin là phải sống với nhau có ừnh, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có ừnh, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lê-nin được!".

Hiện nay, sống có ừnh nghĩa vẫn là nét được tô đậm trong bức tranh toàn cảnh xã hội, hay nói một cách khác, trong cuộc sống tình thân, điều nhân nghĩa, ừnh nghĩa vẫn là đồng chủ lưu chi phối ừnh cảm mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp trong cộng đồng dân tộc. Nước ta còn quá nghèo nàn về vật chất, nhưng ở phương diện này (ừnh nghĩa), nhân dân ta rất giàu có. Đó là niềm tự hào của một dân tộc có nền văn hiến lâu đời.

Tiếp xúc với cuộc sống, đọc báo và nghe đài hằng ngày, chúng ta thấy nghĩa vụ của công dân,

nghĩa cử của đồng bào trong việc đối xử với nhau vẫn là một điểm son sáng chói trong nếp sống của ta.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, các em khuyết tật và cô nhi được chăm sóc; ở nhiều quận huyện nội, ngoại thành, các nhà an dưỡng cho người già được thiết lập; phong trào từ thiện mở ra ngày càng rộng. Đặc biệt trong những năm gần đây, để tỏ lòng biết ơn đối với những người có công với Tổ quốc, hàng ngàn "ngôi nhà ừnh nghĩa" kang trang được các xí nghiệp, cơ quan đứng ra xây dựng tặng cho các bậc cha mẹ có con em là liệt sĩ, đó là nghĩa cử đáng biểu dương.

Đất nước ta hầu như năm nào cũng gặp thiên tai, không vùng này thì vùng khác. Với tình cảm "lá lành đùm lá rách", "một miếng khi đói bằng một gói khi no", từ cụ già lưng mỏi, gói chùng đến một em bé mới học đánh vần, với số tiền dành dụm quá ít ỏi, cũng đóng góp vào quỹ cứu đồng bào bị lụt. "Gặp người lâm nguy thì xông ra cứu", "thấy việc nghĩa thì làm", tự mình cho phép mình làm, không đợi nhắc nhở kêu gọi, đương nhiên trở thành một sức mạnh thiêng liêng, vô cùng đẹp đẽ.

Bên cạnh những điều đáng ca ngợi, những năm gần đây cũng xuất hiện một số hiện tượng đáng phàn nàn, lấy làm tiếc.

Tư tưởng "trọng nghĩa khinh tài", tư tưởng coi "tiền tài như cát bụi, nhân nghĩa mới đáng ngàn vàng" (tiền tài như phấn thổ, nhân nghĩa tựa thiên kim) được mọi người coi trọng trước đây, ngày nay trở thành vô nghĩa đối với một số người (không ít). Đồng tiền trên tất cả. Đồng tiền ngự trị lương tâm. Ma lực của đồng tiền sai khiến con người rơi vào vũng đục, gây tội lỗi với đất nước bằng hành động phá hoại an ninh quốc gia; gây tội lỗi với đồng chủng, đồng bào bằng việc ăn trộm, ăn cướp công khai và thâm lén. Nạn giết người giựt của, kẻ cả của người trong gia đình, dòng họ, người thân, miễn được vàng, được tiền tiêu hoang ở trà đình, tửu quán. Tệ hại nhất, xấu xa nhất, là có một số kẻ cậy quyền ăn hối lộ, vơ vét của công; sử dụng phương tiện của nhà nước buôn lậu, ngoặc với tư thương làm ăn phi pháp v.v.. Thay vì "trọng nghĩa, khinh tài", bọn nói trên là hạng "trọng tài, khinh nghĩa", và khi đã khinh nghĩa thì việc gì chúng cũng dám làm, không từ chối nhúng tay vào tội ác.

(Xem tiếp trang 53)

Về việc nghiên cứu và thể hiện toàn diện lịch sử của Đảng

NGÔ DĂNG TRI *

HOẠT động của Đảng, lịch sử của Đảng đã diễn ra rất phong phú, toàn diện trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vậy mà lâu nay, việc nghiên cứu, giảng dạy bộ môn khoa học này, chúng ta chưa đề cập đầy đủ, sâu sắc cả ba mặt hoạt động đó. Có nơi, có lúc thiên về tìm hiểu những sự kiện lớn, thiên về mặt hoạt động chính yếu của Đảng là lịch sử lãnh đạo chính trị, lịch sử và nội dung đường lối cách mạng. Còn các mảng lịch sử tư tưởng, lịch sử tổ chức, lịch sử điều lệ của Đảng chỉ được đề cập tới một cách hạn chế. Thực tế này làm cho lịch sử của Đảng dần dần có sắc thái như là lịch sử các nghị quyết, là sự giới thiệu nội dung các văn kiện của Đảng, điều mà ngày nay các phương tiện thông tin đại chúng đã làm rất kịp thời và phong phú. Mặt khác, nó để lại những khoảng trống trong thông tin lịch sử của Đảng, làm cho các cơ quan nghiên cứu và lãnh đạo của Đảng khó làm chủ thông tin về bản thân mình, làm cho các công trình lịch sử Đảng thiếu tính khách quan, sinh động, giảm dần sự hấp dẫn đối với các thế hệ người học và người đọc. Có lúc, từ các nguồn thông tin không chính thức tạo ra dư luận hoài nghi đáng tiếc trước những vấn đề không thuộc về đường lối, chẳng hạn như các vấn đề nhân sự cấp ủy, các vụ kỷ luật, những ý kiến bất đồng trong Đảng... Nguy hiểm hơn, các thông tin sai lệch đó lại được kẻ địch và các phần tử phản động lợi dụng tuyên truyền với ý đồ xấu...

Những hạn chế trong việc nghiên cứu và thể hiện toàn diện lịch sử của Đảng trước tiên là do nguyên nhân khách quan, mà quan trọng là điều kiện tư liệu. Do Đảng ra đời và hoạt động ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến kinh tế - kỹ thuật còn lạc hậu, tài liệu gốc trước đây về lịch sử Đảng in ấn thô sơ, hay viết tay, lưu hành bí mật, bị kẻ địch thù địch, đánh tráo, hoặc "tam sao thất bản", nên có nhiều sai lạc, mất mát. Chúng ta đã có nhiều cố gắng trong

sưu tầm, chỉnh lý, bảo quản tư liệu lịch sử Đảng theo cả ba mặt hoạt động của Đảng, song tư liệu đó chưa thể coi là đã đầy đủ và có thể công bố rộng rãi. Do yêu cầu khách quan của cách mạng, các cơ quan chức năng đã cho công bố tương đối có hệ thống các văn kiện chính trị - lý luận, đường lối của Đảng, còn các tư liệu về tổ chức, nhân sự, về sinh hoạt tư tưởng có tính nội bộ, nhất là ở các cấp chiến lược, liên quan nhiều đến an ninh, quốc phòng và đối ngoại, chỉ mới được công bố ở mức độ cần thiết. Chưa công bố rộng rãi hết mọi vấn đề trong lịch sử của Đảng, của nhà nước như vậy không phải là che giấu hay thiếu tôn trọng sự thật, mà là nguyên tắc thông thường đối với mọi quốc gia. Trong tình hình như vậy, các công trình lịch sử Đảng khó có thể đáp ứng được đòi hỏi của người đọc về mọi vấn đề. Không có tư liệu thì không có sự kiện. Sự kiện là không khí của nhà sử học, Thiếu tư liệu, nhất là tư liệu về hoạt động tư tưởng và tổ chức, với những bối cảnh, định lượng cụ thể, sẽ rất khó trình bày một cách sinh động các sự kiện lịch sử cũng như nội dung đường lối cách mạng của Đảng. Cán bộ, đảng viên của Đảng rất có ý thức bảo vệ Đảng, tìm cách giáo dục truyền thống tốt đẹp của Đảng cho quần chúng, nhất là cho thanh niên, chống lại sự xuyên tạc của bọn xấu và của kẻ thù, song nhiều lúc vì thiếu thông tin về Đảng nên bị lúng túng, sự lý giải vấn đề thiếu sức thuyết phục.

Nghiêm túc kiểm điểm, những hạn chế trên chủ yếu do nhận thức chủ quan của chúng ta còn chưa đầy đủ, thiếu sắc bén về tính toàn diện và mối quan hệ biện chứng giữa ba mặt hoạt động chính trị, tư tưởng, và tổ chức của Đảng trong các chặng đường lịch sử. Từ đó dẫn đến việc nghiên cứu và

*Phó tiến sĩ khoa học lịch sử

giảng dạy bộ môn này bị hạn chế về tính khoa học và tính đảng.

Đường lối chính trị luôn là yếu tố giữ vai trò quyết định sự mạnh yếu của Đảng, sự thành bại của cách mạng. Cũng vì lẽ đó, đường lối chính trị luôn luôn là điểm xuất phát của công tác tư tưởng và tổ chức. Hoạt động tư tưởng và tổ chức biến đường lối chính trị thành sức mạnh, thành hiện thực. Hoạt động tư tưởng và tổ chức tốt sẽ góp phần làm cho việc xác định đường lối đúng đắn và khoa học. Ba mặt hoạt động này quan hệ khăng khít và chặt chẽ với nhau trong lý luận và thực tế xây dựng đảng, không thể coi nhẹ mặt nào. Việc tập trung làm rõ lịch sử Đảng về mặt chính trị từ trước đến nay là rất đúng và rất quan trọng. Song chúng ta lại coi nhẹ các mặt lịch sử tư tưởng và tổ chức, chưa nêu lên đầy đủ các mối liên hệ và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các lĩnh vực đó trong quá khứ, cũng như mối liên hệ giữa quá khứ với hiện tại và tương lai của các hoạt động đó.

Thông thường, để đề ra và thực hiện được một chủ trương, nghị quyết, Đảng ta phải tiến hành nhiều hoạt động khác nhau về cả ba mặt lý luận chính trị, tư tưởng và tổ chức. Các hoạt động đó, tùy theo tình hình cụ thể, về quy mô và hình thức, có thể không giống nhau, song nói chung đều là quá trình có tính nguyên tắc, hệ thống và không đơn giản. Trong quá trình đó, việc có nhận thức khác nhau, có ý kiến tán thành hay không tán thành vấn đề này, biện pháp này, hay vấn đề kia, biện pháp kia, là hiện tượng bình thường trong Đảng, và tất nhiên sẽ có ý kiến đúng và có ý kiến sai, vì chân lý khách quan chỉ có một. Cuộc đấu tranh để đạt tới nhận thức đúng quy luật vận động khách quan của sự vật và của xã hội, từ đó mà diễn đạt thành chủ trương, đường lối để hướng dẫn, tổ chức quần chúng hành động phù hợp với quy luật; không chỉ là vấn đề lập trường, phẩm chất chính trị, mà còn là vấn đề tri thức khoa học, nó tùy thuộc cả ba mặt hoạt động cơ bản của Đảng. Chỉ nêu lên nội dung đường lối qua các văn kiện, các nghị quyết, không làm rõ các mảng lịch sử tư tưởng, lịch sử tổ chức và điều lệ của Đảng cũng như những vấn đề quốc tế, những vấn đề về kẻ thù, về tình hình

thông tin, về trình độ cán bộ, đảng viên và trạng thái quần chúng khi Đảng đề ra và chỉ đạo thực hiện các chủ trương, đường lối, thì sẽ khó lý giải được sự đúng đắn, tính sáng tạo hay những sai lầm, hạn chế của đường lối, của phong trào cách mạng. Thậm chí, còn làm cho tính cách mạng và sáng tạo của Đảng, những thắng lợi của nhân dân ta trong quá khứ bị đơn giản hóa, mất tính lịch sử cụ thể của nó.

Có những ý kiến khác nhau trong Đảng. Phần nhiều những ý kiến của đa số là đúng đắn, nhưng cũng có những ý kiến, những chủ trương của đa số, của cấp trên về sau không hoàn toàn phù hợp với thực tế, còn ý kiến của thiểu số, của cấp dưới lại được chứng minh là đúng. Như thế, lịch sử là cái đã diễn ra, cái đã thực hiện có tính chủ động, chủ quan của con người, của giai cấp lãnh đạo. Lịch sử có sự lãnh đạo, dù là sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến, thì cũng có lúc phù hợp với quy luật khách quan, có lúc duy ý chí, nên có thành công và sai lầm. Và lại, đường lối chủ trương đề ra dù đúng, song khi thực hiện lại thông qua hành động của quần chúng, qua năng lực nhận thức đường lối và sự tổ chức thực tiễn của cán bộ đảng viên, phụ thuộc vào các hoàn cảnh cụ thể, nên kết quả có thể như dự kiến, cũng có thể sai lệch. Cũng có trường hợp chủ trương chưa thật sát đúng, nhưng do sự năng động, sáng tạo của cơ sở, của cán bộ và quần chúng mà thực tiễn lại phong phú, đúng đắn hơn dự kiến ban đầu của lãnh đạo. Thực tế ấy cũng là bình thường, nó đòi hỏi việc trình bày lịch sử phải khách quan, toàn diện, cả cái phổ biến và cái đặc thù, cả thành công và thất bại, cả ưu điểm và thiếu sót. Phải xem xét từ chủ trương đường lối ban đầu, qua diễn biến tư tưởng và sự tổ chức thực tế sinh động, đến kết quả cuối cùng.

Việc phân chia thành lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc (thời kỳ có sự lãnh đạo của Đảng), tách rời các mặt hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức trong lịch sử của Đảng, là có ý nghĩa tương đối. Nó chỉ cần thiết trong trường hợp nghiên cứu chuyên sâu, song cũng dễ sa vào tình trạng trùng lặp hoặc phiến diện, coi lịch sử của Đảng là lịch sử đường lối, còn lịch sử của dân tộc là lịch sử thực hiện đường lối,

như vậy rất khó cất nghĩa được vì sao chủ trương, nghị quyết thường đúng, còn hiện thực lại hay vấp vấp và kết quả nhiều lúc bị hạn chế.

Việc phân kỳ lịch sử Đảng theo phân kỳ lịch sử cách mạng, căn bản là hợp lý, song đôi khi lại không phản ánh được đầy đủ, chính xác các hoạt động của bản thân Đảng trong quá khứ. Nó thích hợp với lịch sử lãnh đạo chính trị của Đảng, nhưng không hẳn lúc nào cũng thích hợp với lịch sử tư tưởng và lịch sử tổ chức của Đảng, vì các mặt hoạt động đó của Đảng không luôn luôn nhất loạt diễn ra đồng đều nhau. Các đại hội và nghị quyết đại hội thường có ý nghĩa lớn, là những mốc quan trọng trong lịch sử của Đảng, song cũng có những đại hội hợp theo thường kỳ, không phải là bước ngoặt lớn đối với Đảng, với dân tộc. Trong khi đó lại có những hội nghị và nghị quyết của BCH TƯ, của BCT mang tầm vóc lớn, tạo ra bước ngoặt trong sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển của phong trào cách mạng... Mỗi cách phân kỳ lịch sử Đảng đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng trong việc nghiên cứu và trình bày lịch sử của Đảng. Phân kỳ lịch sử Đảng theo các bước xây dựng và trưởng thành về cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, theo những biến đổi lớn về cương lĩnh và điều lệ của Đảng, sẽ có những mốc trùng khớp và không trùng khớp với lịch sử dân tộc. Nó có một số hạn chế, song sẽ làm cho nhiều vấn đề trong lịch sử Đảng được thể hiện một cách thuận lợi, rõ ràng và sinh động hơn.

Để từng bước thể hiện một cách hoàn chỉnh, sinh động mọi mặt hoạt động của Đảng trong quá khứ, các cơ quan chức năng, các nhà nghiên cứu và những nhân chứng lịch sử thuộc các thế hệ, dưới sự chỉ đạo của Đảng, cần phối hợp hoàn thành thật tốt các bộ sưu tập về tư liệu lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng. Các tư liệu đó bao gồm tư liệu thành văn, tư liệu ghi âm, tư liệu phim ảnh và hiện vật, thuộc cả ba lĩnh vực hoạt động của Đảng, trong mọi thời kỳ, ở trung ương cũng như địa phương. Có thể công bố hay chưa công bố tùy theo yêu cầu thực tế từng lúc và chủ trương của cấp ủy, song về mặt tập hợp tư liệu và trong nghiên cứu, cần thiết phải có những bước đi nhạy bén, chủ động.

Kinh nghiệm cho thấy, do tính nhạy cảm chính trị - thời sự của các vấn đề lịch sử Đảng, việc công bố hay đình chính một số sự kiện, một nhận định nào đó trong khoa học lịch sử Đảng thường phức tạp hơn so với ở các chuyên ngành khác của khoa học lịch sử, và thông thường, nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của Đảng ở mỗi thời kỳ cách mạng. Song cái không thay đổi, đồng thời cũng là công việc thường xuyên của khoa học lịch sử Đảng, là hoàn thiện tư liệu. Chuẩn bị công phu, đầy đủ mọi tư liệu về lịch sử Đảng, lịch sử cách mạng, thuộc mọi khía cạnh chính trị, tư tưởng và tổ chức, cả thắng lợi và thất bại, cả đúng đắn và sai lầm, cả mặt mạnh và mặt yếu... đúng như những gì vốn có của Đảng, của cách mạng trong quá khứ, là để đáp ứng kịp thời, có hiệu quả các yêu cầu của khoa học và chính trị. Trước mắt là để phục vụ các cơ quan nghiên cứu, tổng kết, những kinh nghiệm, thiết thực giúp cho sự lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng của Đảng ngày càng đúng đắn hơn.

*

Là những sự kiện đã diễn ra trong quá khứ, lịch sử trở thành khách quan đối với hiện tại, không thể thay đổi và làm lại được. Lịch sử của Đảng cộng sản Việt nam là lịch sử lãnh đạo về chính trị, tư tưởng và tổ chức đối với cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Làm rõ được lịch sử lãnh đạo của cách mạng cũng như lịch sử xây dựng và trưởng thành của bản thân Đảng ta cả về ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, sẽ góp phần quan trọng vào việc khôi phục hình ảnh đẹp đẽ và những chặng đường đấu tranh anh dũng của Đảng ta trong những năm tháng đã qua, đồng thời để Đảng ta làm chủ được thông tin, không bị động đối phó với những thông tin về lịch sử của mình. Chỉ bằng cách đó, lịch sử vẻ vang của Đảng mới được thể hiện một cách thực sự hài hòa, hoàn chỉnh và sinh động, mới thu hút được sự hứng thú tìm hiểu, học tập của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là của tuổi trẻ, làm cho họ càng thêm tự hào tin tưởng và ra sức phát huy lên mãi những truyền thống tốt đẹp của Đảng, của dân tộc.

Công bằng

NGUYỄN TIẾN

CÔNG bằng là một trong những đặc trưng bản chất của chế độ xã hội mới, là ước mơ, là khát vọng của nhân dân, là động lực thúc đẩy mọi người vươn tới. Chúng ta đang phấn đấu cho một lẽ công bằng trên cơ sở xóa bỏ dần áp bức, bóc lột, bất công. Nguyên tắc công bằng xuyên suốt mọi quan hệ xã hội, và là điều kiện cực kỳ quan trọng bảo đảm cho tính năng động của sự tiến triển xã hội, và là cơ sở chính trị vững bền của quốc gia.

Tiếc rằng trong xã hội ta hiện nay, bên cạnh những mặt tốt, mặt tích cực, cũng còn không ít những hiện tượng thiếu công bằng hoặc không công bằng. Xin nêu một số ví dụ :

- Ở khắp các địa phương có rất nhiều gia đình đã hy sinh đến người con cuối cùng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đó là niềm tự hào và là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Song, cũng có không ít gia đình mà con cái họ không đóng góp gì cho xã hội, chỉ có mỗi nhiệm vụ là ăn học và hưởng hạnh phúc. Bọn chúng gần như trở thành một đẳng cấp riêng, được ụ ơ đãi đủ thứ.

- Có những người cả đời tận

tụy vì sự nghiệp cách mạng. Chỗ nào khó khăn cũng có mặt, nơi đâu gian khổ cũng chẳng nề. Khi tuổi già, sức yếu, về hưu đồng lương không đủ sống. Gia tài chỉ có vền vện vài bộ quần áo cũ với mấy tấm huân chương và một tập bằng khen. Trong khi đó, có những kẻ chỉ vì chơi ngông mà tiêu phí trong khoảng khắc hàng mấy triệu đồng cho những trò du hí, hưởng lạc. Báo chí đã phanh phui không ít vụ ăn chơi sa đọa của mấy anh giám đốc thoái hóa.

- Cùng một loại cán bộ, cùng đảm nhận một công việc, cấp bậc, trình độ và phẩm chất như nhau, hiệu quả cống hiến như nhau, chỉ khác nhau ở chỗ là người làm ở địa phương này, kẻ làm ở địa phương kia, mà đồng lương thực tế của người này lại gấp 4 - 5 lần của người kia. Cùng nghề nghiệp, cùng bậc, cùng trình độ mà lương khác nhau đã là không công bằng rồi. Song, còn có tình trạng : cán bộ cấp trên lương thực tế lại thấp hơn cán bộ cấp dưới, lao động kỹ thuật lương lại thấp hơn lao động giản đơn, người giỏi thua lương người dốt, người tích cực và kẻ lười biếng hưởng thụ như nhau.

- Ai cũng biết các đơn vị bộ đội ta ở biên giới và hải đảo xa xôi

đang phải chịu đựng biết bao hy sinh gian khổ : thiếu áo ấm, thiếu lương ăn, thiếu muối, thậm chí thiếu cả nước uống nữa. Trong khi đó có những cơ quan và đơn vị ngang nhiên moi tiền của nhà nước để tự thưởng cho nhau, bày đặt ra những buổi liên hoan hết sức tốn kém. Có cơ quan kinh tế, chiêu đãi đoàn cán bộ cấp trên, cả chủ, cả khách tổng cộng tới 50 người ; tiệc đặt tại khách sạn sang trọng ; mỗi suất hàng trăm nghìn đồng ; món ăn toàn đặc sản ; thuốc lá, bia, rượu, toàn đồ ngoại thứ thiệt một trăm phần trăm ; ra về, mỗi vị khách còn được biếu thêm một gói quà trị giá hàng trăm nghìn đồng nữa. Thử hỏi như thế có công bằng không ?

- Hiến pháp của Nhà nước ta quy định, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhưng trong thực tế có khá nhiều trường hợp dân thì phải chịu hình pháp, còn "quan" thì được xử theo lẽ. Có nghĩa là : quan (những người có chức có quyền) mà vi phạm pháp luật thì được xử lý nội bộ, không phải đưa ra tòa. Mà xử lý nội bộ thì kết quả như chúng ta thường thấy : kẻ phạm pháp có khi chỉ bị cảnh cáo hoặc bị chuyển công tác, còn vẫn được giữ nguyên chức, nguyên lương.

Vì sao có những hiện tượng như vậy ? Hãy tạm gác sang một bên những nguyên nhân khách

quan đại loại như trình độ kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta còn thấp kém. Hãy nhìn thẳng vào nguyên nhân chủ quan để kịp thời khắc phục :

Thứ nhất, đó là do chúng ta buông lỏng kỷ cương và pháp luật, làm cho pháp luật và kỷ cương của nhà nước mới bị coi thường. Mà một khi pháp luật bị coi thường thì con người sống không theo một trật tự, một kỷ cương nào cả, ai muốn làm gì cứ làm, trắng đen, vàng thau lẫn lộn, kẻ ác không bị trừng trị, người lương thiện không được động viên, khuyến khích và không được bảo vệ.

Thứ hai, là do cơ chế mới chưa được thiết lập đồng bộ. Nhiều chính sách, thể chế đã lỗi thời chưa được thay đổi. Một số thể chế quản lý mới còn chấp vá, không ăn khớp, thậm chí trái

ngược nhau. Những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật còn khá phổ biến. Một số người và một số cơ sở đã lợi dụng những sơ hở của cơ chế quản lý mới để mưu lợi ích cá nhân và lợi ích cục bộ.

Thứ ba, do kỷ luật của Đảng không nghiêm ; hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng còn nhiều thiếu sót. Đây là một kẽ hở rất lớn làm cho những tiêu cực trong Đảng và trong xã hội có điều kiện tồn tại và phát triển. Vì kỷ luật của Đảng không nghiêm cho nên mới xảy ra tình trạng cổ những đảng viên phạm pháp đáng phải ngồi tù nhưng chỉ bị "xử lý nội bộ". Vì công tác tổ chức và công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm cho nên mới không phát huy hết được mặt tích cực của những cán bộ, đảng viên tốt, không hạn chế được mặt tiêu cực của những cán

bộ, đảng viên xấu.

Phải thấy rằng những hiện tượng vi phạm nguyên tắc công bằng nói trên gây ra những hậu quả rất xấu. Nó làm giảm nhiệt tình lao động và công tác của cán bộ, đảng viên và nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước. Ở không ít nơi thậm chí đã làm cho quần chúng chán nản, bất bình. Nếu chúng ta không sớm có những biện pháp kiên quyết ngăn chặn và khắc phục những hiện tượng này thì không thể lấy lại được lòng tin của quần chúng, không thể có cơ sở và động lực vững chắc để tiến lên. Và đến một chừng mực nào đó rất có thể cơ sở chính trị của quốc gia sẽ bị lung lay và tính năng động của sự tiến triển xã hội bị thui chột.

Sống nhân nghĩa...

(Tiếp theo trang 48)

Rõ ràng, vấn đề giáo dục truyền thống nhân nghĩa trong toàn xã hội đang là một yêu cầu bức xúc, có giá trị lâu dài. Truyền bá tư tưởng "sống và làm việc theo pháp luật" chưa đủ, mà còn phải truyền bá tư tưởng "sống và làm việc theo lẽ phải". Lẽ phải là ngôn từ thông dụng khi người ta muốn nói về nhân nghĩa. Đồng thời phải sử dụng cả các biện pháp hành chính và truy cứu hình sự một cách cương quyết và nghiêm minh.

Ta vui mừng dù có những hiện tượng phi nhân, phi nghĩa xuất hiện đó đây khá trầm trọng như đã nói ở trên, nhưng lẽ sống nhân nghĩa, truyền thống đẹp đẽ, độc đáo của dân tộc vẫn được và luôn luôn được đại bộ phận ở mọi tầng lớp xã hội coi trọng, lấy nó để làm chuẩn mực trong đời sống tinh thần của nhân dân ta trong giai đoạn chuyển mình, đổi mới nhằm làm cho dân giàu, nước mạnh, ấm no và hạnh phúc.

Yêu cầu giải quyết đời sống

vật chất đối với một đất nước còn nghèo nàn, lạc hậu, trong khi nhân dân ta còn thiếu thốn mọi bề là vấn đề cấp bách. Nhưng để cho đất nước này, nhân dân này tồn tại và phát triển, vấn đề vừa cấp bách, vừa lâu dài khác cũng cần đặt ra. Đó là việc khôi phục những giá trị và hoàn thiện những giá trị tinh thần xuyên suốt lịch sử và nền văn hiến lâu đời của dân tộc, trong đó nhân nghĩa là những chữ vàng chạm nổi.



TRONG tháng tư này nhân loại tiến bộ sẽ kỷ niệm lần thứ 122 Ngày sinh của V.L.Lê-nin (22-4-1870 - 22-4-1992).

Giai cấp công nhân và các đảng cộng sản trên thế giới đều biết rất rõ : ở Lê-nin tập trung nhiều phẩm chất cách mạng cao quý. Lê-nin là người cộng sản mẫu mực, nhà lý luận uyên bác, vị lãnh tụ thiên tài. Là người sáng lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, Lê-nin luôn luôn đấu tranh không khoan nhượng chống mọi quan điểm, mọi hành động sai trái để bảo vệ sự trong sạch và vững mạnh của Đảng bên sè vích Nga. Là người sáng lập Nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới, Lê-nin luôn luôn đòi hỏi, trong điều kiện đảng lãnh đạo chính quyền, mọi đảng viên cộng sản phải thường xuyên rèn luyện để giữ gìn và không ngừng nâng cao danh hiệu cao quý của người đảng viên cộng sản, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, không được lợi dụng chức quyền làm những điều sai trái, gây tổn hại đến danh dự, uy tín của Đảng và Nhà nước xô viết.

Nhân kỷ niệm ngày sinh của Lê-nin, đề thiết thực tưởng nhớ Người, chỉ xin nêu một trường hợp cho thấy Lê-nin đã nghiêm khắc như thế nào đối với những đảng viên cộng sản lợi dụng chức quyền làm những điều sai trái.

Đầu năm 1922, khi có nhiều đơn thư tố giác những việc làm tiêu cực của Phòng nhà đất trung ương thuộc Xô viết Mát-xcơ-va, các cơ quan hữu quan đã quyết định mở cuộc thanh tra về vấn đề này. Văn phòng Hội đồng dân

HỌC TẬP TÍNH NGHIÊM KHẮC CỦA LÊ-NIN

THANH THANH

ủy (tức Hội đồng bộ trưởng - T.T.) đã cử đồng chí Đê-vin-cốp-xki phụ trách cuộc thanh tra này. Cuộc thanh tra đã kết luận những việc làm sai trái bị tố giác của một số cán bộ phụ trách Phòng nhà đất trung ương là có thật và có cả sự đồng lõa của Cục trưởng Cục công trình công cộng Mát-xcơ-va. Ngày 14-3-1922, Thường vụ Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va họp có sự tham gia của Đoàn chủ tịch Xô viết Mát-xcơ-va, đã kết luận rằng kết quả thanh tra là không có căn cứ và quyết định chuyển việc này cho một tiểu ban của Đảng xem xét lại.

Không đồng ý với quyết định ấy, đồng chí Đê-vin-cốp-xki đã viết ngay báo cáo gửi tới các đồng chí ủy viên Bộ chính trị Trung ương Đảng bên sè vích Nga và lưu ý rằng quyết định như vậy là hoàn toàn mâu thuẫn với các chỉ thị của Lê-nin. Đồng chí Đê-vin-cốp-xki đề nghị hủy bỏ quyết định của Thường vụ Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và phải đưa ra truy tố những người phạm tội trước tòa án.

Cùng với báo cáo của đồng chí Đê-vin-cốp-xki, Lê-nin cũng nhận được những đơn thư tố giác của công dân. Mặc dù bận nhiều công việc, lại không được khỏe, Lê-nin đã quyết định gửi

thư tới các đồng chí ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) Nga, nội dung như sau :

Gửi đồng chí Mô-lô-tốp đề chuyển cho các ủy viên Bộ chính trị.

"Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va (trong đó có cả đồng chí Đê-len-xki) không phải lần đầu đã thực tế *nhẹ tay* với những đảng viên cộng sản phạm tội...

Việc làm này là do "nhảm". Song cái "nhảm" này hết sức nguy hiểm. Tôi đề nghị :

1- Chấp nhận đề nghị của đồng chí Đê-vin-cốp-xki

2- Tuyên bố nghiêm khắc cảnh cáo Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va về tội *nhẹ tay* với những đảng viên cộng sản (hình thức *nhẹ tay* - một ủy ban đặc biệt).

3- Khẳng định với tất cả các tỉnh ủy rằng Ban chấp hành trung ương sẽ *khai trừ ra khỏi đảng* những ai có chút mưu toan "tác động" đến tòa án nhằm "giảm nhẹ" trách nhiệm của những đảng viên cộng sản.

4- Ra thông tri báo cho Bộ dân ủy tư pháp (sao gửi cho các tỉnh ủy) biết rằng tòa án phải trừng phạt các đảng viên cộng sản một cách *ng nghiêm khắc hơn* là đối với những người không phải đảng viên cộng sản.

Nếu không chấp hành chỉ thị này, các thẩm phán nhân dân và các ủy viên ban lãnh đạo Bộ dân ủy tư pháp sẽ bị *đuối ra khỏi cơ quan làm việc*.

5- Ủy nhiệm cho Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương các xô viết toàn Nga *quất* cho Đoàn chủ tịch Xô viết Mát-xcơ-va một đòn cảnh cáo trên báo chí".

18-3

P.S. (được hiểu như *Tái bút* - T.T.)

Thật quá ư nhục nhã và kỳ quái : một đảng cầm quyền lại bảo vệ những tên vô lại "của mình !" (*)

Thư trên viết ngày 18-3-1922.

Đăng lần đầu ngày 20-11-1962 trên báo *Pravda* số 324.

Những ý kiến nói trên của Lê-nin cách đây vừa đúng 70 năm nhưng vẫn mang tính thời sự nóng hổi và sâu sắc đối với tất cả những người cộng sản chúng ta đang lãnh đạo chính quyền.

Theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 BCH TƯ Đảng và Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trước Kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa VIII (tháng 12-1991), năm 1992 này Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến việc lập lại trật tự kỷ cương

về mọi mặt. Để thực hiện nhiệm vụ ấy, yêu cầu quan trọng đầu tiên là Đảng và Nhà nước cần thật sự giữ nghiêm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không "nhẹ tay" với những cán bộ đảng viên lợi dụng chức quyền làm những điều sai trái, nhất là với những người tham nhũng. Nói tóm lại, phải làm như Lê-nin đã dạy.

(*) V.I.Lê-nin : *Tổng tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t. 45, tr. 64 - 65

Để phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều

BÙI CÔNG HÙNG *

Cương lĩnh và Chiến lược do Đại hội VII của Đảng thông qua đã xác định hướng đi lên của Việt nam ta là dựa vào sự phát triển của khoa học và công nghệ, trong đó vai trò và hiệu quả hợp tác quốc tế đặc biệt quan trọng. Bên cạnh việc huy động chất xám của đội ngũ trí thức trong nước, chúng ta cần phát huy thế mạnh của trên 300 000 trí thức Việt kiều, động viên họ "ủng hộ và đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước" (1) nhất là trong việc mở cửa hợp tác với nước ngoài.

Trong trí thức Việt kiều có những chuyên gia khoa học tầm cỡ, được thế giới thừa nhận, như nhà sáng chế máy vi tính André Trương Trọng Thi, nhà y học Nguyễn Trọng Hoàng, nhà toán học Lê Dũng Tráng, v.v.. Từ sau năm 1975 đến nay, đã có trên một nghìn trí thức Việt kiều về hợp tác với trong nước dưới nhiều hình thức khác nhau, chủ yếu là

làm môi giới chuyển giao khoa học và công nghệ hiện đại kết hợp với xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật, cung cấp thông tin tài liệu cho đất nước. Có thể nêu ví dụ : Việt kiều đã phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu dự án nhà máy lọc dầu mi ni ; giúp nhập thắp chum cất dầu thô hiện đại, giúp cho Sài gòn Pétrô hoạt động có hiệu quả ; giúp Bến tre làm than thiêu kết, tiến tới làm than hoạt tính bằng gáo dừa để xuất khẩu ; hợp tác với Tổng cục bưu điện thiết kế sản xuất các tổng đài điện tử, cùng nghiên cứu cấp quang học ; hợp tác trong lĩnh vực tin học, sản xuất phần mềm Cinotex v.v.. Tiến sĩ Nguyễn Khắc Nhẫn làm cố vấn cho Bộ năng lượng, Bộ giáo dục và đào tạo ; kỹ sư Trần Quang Tuấn chế tạo máy lọc thận nhân tạo đơn giản đem tặng các bệnh viện trong nước ; ông Đỗ Tấn Sĩ (Bi) được Viện khoa

học Việt nam cử làm đại diện cho viện tại Bỉ và Tây Âu ; anh Lê Hiệp Tuyên (Đức) được cử làm giám đốc Trung tâm nghiên cứu và sản xuất các thiết bị viễn thông... Theo chương trình chuyển giao trí thức thông qua kiểu dân do UNDP tài trợ (TOKTEN), hiện nay có 97 trí thức Việt kiều đã đăng ký và 15 người đã về nước làm việc. Một số Việt kiều hợp tác với trong nước thông qua con đường hiệp định chính phủ, tổ chức quốc tế : ông Vũ Quang Việt được cử làm cố vấn trưởng của dự án VE88032, ông Nguyễn Xuân Vũ là cố vấn trưởng một dự án khác với Tổng cục thống kê.

Trí thức Việt kiều sinh sống, trưởng thành ở nhiều nước, nắm vững thị hiếu, thị trường bên ngoài, có khả năng môi giới đầu tư cho các công trình văn hóa, khoa học, các đề án kinh tế trong nước ; đồng thời, tạo điều kiện thêm cho văn hóa Việt nam tiếp thu tinh hoa văn hóa, khoa học thế giới, và ngược lại, đưa tinh hoa văn hóa Việt nam ra nước ngoài. Tuy nhiên, trong số trí thức về

* Hà nội.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr. 79.

nước, bên cạnh phần đông có thực tài, thực tâm với quê hương, cũng còn một số ít quá khoa trương về khả năng của mình, chỉ chú ý tìm mối lợi cho cá nhân, thậm chí lợi dụng lòng tin để dãi của một số địa phương.

Hiện nay, mới có 0,3% tổng số trí thức Việt kiều về nước góp phần xây dựng quê hương. Một mặt, chính sách cấm vận của Mỹ với Việt nam làm cho trí thức Việt kiều lo ngại về an toàn cá nhân khi hợp tác với trong nước ; bọn phản động trong người Việt lưu vong cũng xuyên tạc tình hình đất nước ta, gây sức ép, cản trở trí thức trở về hợp tác. Mặt khác, về phía ta, cũng chưa có chính sách cụ thể để động viên, khuyến khích trí thức Việt kiều góp phần đắc lực hơn trong việc xây dựng đất nước. Ở trong nước, có nơi còn chưa thật tin tưởng vào lực lượng này, còn hẹp hòi khe khắt ; nhưng cũng có nơi quá đề cao, chưa phân biệt được vàng - thau, thật - giả.

Từ thực tế nêu trên, để phát huy sự đóng góp xây dựng quê hương của trí thức Việt kiều, tôi xin đề nghị với Đảng và Nhà nước :

- Cần đổi chính sách đối xử với trí thức trong và ngoài nước,

bởi hai lớp trí thức này có mặt mạnh và mặt yếu riêng, cần kết hợp và bồi bổ cho nhau. Không nên chỉ vì ta chưa có nhiều khả năng để lo cho đời sống và điều kiện làm việc của trí thức trong nước, mà quên rằng ở bên ngoài cũng có trí thức giàu chất xám, nhưng nghèo tiền bạc. Khi cần cũng phải trợ cấp vé máy bay, nhà ở, để họ tham gia các công trình quan trọng. Nên tận dụng chương trình TOKTEN để đưa được nhiều hơn trí thức Việt kiều về làm việc trong nước.

- Có chính sách cụ thể về xuất nhập cảnh, đi lại, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức Việt kiều khi làm việc được tiếp xúc với các cứ liệu khoa học cần thiết. Quan tâm hơn nữa đến công tác vận động thân nhân của trí thức Việt kiều.

- Chú ý đối xử thích hợp với tài năng của các chuyên gia khoa học lớn, lắng nghe ý kiến của họ về các vấn đề kinh tế, khoa học... Giao cho trí thức Việt kiều một số chức trách cụ thể để họ cùng làm việc với các cơ quan khoa học trong nước, trên cơ sở đó có điều kiện đào tạo và chuyển giao trí thức, kinh nghiệm.

- Kịp thời thông tin tình hình trong nước và các chủ trương,

chính sách để Việt kiều nói chung và trí thức nói riêng, hiểu đúng hơn thực tế Việt nam trong quá trình đổi mới, gắn bó với nhà nước, với Tổ quốc hơn ; hạn chế sự phá hoại về tư tưởng của bọn phản động.

- Chúng ta không thể tách trí thức Việt kiều ra khỏi các tổ chức cụ thể ở nước sở tại của họ, do đó các đại sứ quán nước ta cần tìm hiểu, đi sát đội ngũ trí thức Việt kiều ở từng nước cụ thể ; giúp Ban Việt kiều trung ương nắm đội ngũ này sâu và có hệ thống hơn. Phần đầu đến năm 2000 có được 5% trí thức Việt kiều tham gia trực tiếp xây dựng đất nước và có được 20% trí thức Việt kiều về thăm quê hương. Ta phải chú ý đến thế hệ thứ hai, thứ ba của Việt kiều. Một số nói tiếng Việt không thạo, một số xa dần các truyền thống, tập quán văn hóa của quê hương. Vì vậy, cần chú tâm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tiếng Việt và về thăm quê của các thế hệ Việt kiều sau này. Cũng cần chú ý và có cách nhìn rộng rãi đối với bộ phận trí thức Việt kiều ở Đông Âu và Liên Xô, vốn trước đây được đào tạo trong nhà trường xã hội chủ nghĩa.

CÙNG BẠN ĐỌC

Để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, từ nay mỗi số *Tap chí Công sản* Bộ biên tập sẽ dành ra một số bản để bán lẻ tại trụ sở cơ quan (*miền Bắc* : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ; *miền Nam* : 19 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP Hồ Chí Minh). Mời các bạn có nhu cầu đến mua.



"TƯ DUY CHÍNH TRỊ MỚI" LÀ GÌ ?

LÊ TỊNH

Tư duy chính trị mới (TDCTM) không chỉ là một khái niệm, một chủ trương, mà còn mang tính chất như một thứ triết học, một chiến lược, một đường lối. TDCTM ra đời đã làm đảo lộn cả thế giới trong những năm 1989 - 1991. Vì vậy, trở lại tìm hiểu TDCTM có lẽ không phải không bổ ích.

Một sự đảo lộn khoa học. Người khởi xướng TDCTM nói : "Nguyên tắc xuất phát cơ bản của TDCTM chỉ đơn giản là thế này : *Chiến tranh hạt nhân không thể là biện pháp để đạt tới bất cứ mục tiêu chính trị, kinh tế, tư tưởng nào*"⁽¹⁾. Do đó, phải lấy "tính toàn nhân loại làm cơ sở cho chính trị quốc tế", phải "thừa nhận các lợi ích của tất cả các dân tộc và các quốc gia", phải xóa bỏ mọi ranh giới để tất cả "trở thành những bạn đồng hành" bằng cách "nhân nhượng lẫn nhau trên cơ sở một lợi ích chung cao nhất". TDCTM "không tự giam hãm mình trong vòng những ý niệm đã quen thuộc", mà phải tiếp thu những tư tưởng, những thế giới quan khác, để hình thành và làm sâu sắc tư duy mới của mình. "Hạt nhân của TDCTM là thừa nhận quyền ưu tiên của các giá trị toàn nhân loại", là "vị trí ưu tiên của lợi ích toàn nhân loại so với lợi ích giai cấp".

Tóm lại, TDCTM bỏ qua và đặt xuống hàng thứ yếu lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, lợi ích của chủ nghĩa xã hội, để "ưu tiên cho sự sống còn và phát triển của toàn nhân loại", bao gồm cả vô sản và tư sản, người lao động và giai cấp bóc lột, thống trị. Để có TDCTM, cần phải hấp thu "tri thức toàn nhân loại" mang tính chất quốc tế, hình thành một "giá trị toàn nhân loại" siêu giai cấp, siêu nhà nước. Giá trị này quy định và chi phối sự vận động của lịch sử. Như vậy, TDCTM là sự thay đổi lập trường tư tưởng, quan niệm chính trị và thế giới quan truyền thống, cả trên lý luận và trong chính sách, biện pháp. Từ trước tới nay, chúng ta vẫn quan niệm : lợi ích giai cấp và đấu

tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội, còn theo TDCTM, động lực đó lại là lợi ích toàn nhân loại. Quả là một sự *đảo lộn khoa học*, không hơn không kém !

TDCTM được coi là cơ sở lý luận mang tính triết học của cải tổ. Nhưng thực chất của cải tổ là nhằm đổi mới xã hội xô viết. Điểm xuất phát của cải tổ trước hết phải là điều kiện chính trị, kinh tế xã hội bên trong, từ đó mà tìm giải pháp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. Nhân tố bên trong bao giờ cũng là cái quyết định, chi phối. Chính sách đối ngoại phụ thuộc chính sách đối nội. Nhân tố bên ngoài chỉ có thể thông qua nhân tố bên trong để phát huy tác dụng. Cũng có thể có lúc nhân tố bên ngoài, nhân tố quốc tế có ý nghĩa quyết định, nhưng chúng vẫn chịu sự chi phối, và bị phụ thuộc vào nhân tố bên trong. Nhưng TDCTM lại lấy nhân tố bên ngoài - ưu tiên giá trị toàn nhân loại - làm điểm gốc. Cách làm đó đã đảo ngược lô gích. Những người khởi xướng cải tổ muốn đổi mới xã hội xô viết mà trước hết lại dựa trên việc đổi mới quan hệ quốc tế, thay đổi căn bản quan niệm về thế giới. Hơn nữa, sự thay đổi đó lại là đơn phương, từ lòng mong muốn "thiện chí" một chiều, nhằm đạt được sự "thỏa hiệp lịch sử" với kẻ thù cũ bằng mọi giá. Đặc biệt, trong khi dựa vào nhân tố bên ngoài là chính, thì nhân tố bên trong lại không ổn định, xã hội vốn đã như một cơ thể ốm yếu, lại bị tiêm sai thuốc, nên bệnh tật càng nguy kịch thêm. Chưa nói lúc này đã có cái gọi là "giá trị toàn nhân loại" hay chưa. Chỉ biết rằng tính tất yếu thất bại của công cuộc cải tổ nằm ngay trong sự đảo lộn khoa học của tư duy chính trị mới như đã kể trên.

Không có bất cứ cơ sở lý luận nào cho

(1) M.X. Goóc-ba-chốp : *Cải tổ và tư duy mới đối với nước ta và thế giới*, Nxb Sự Thật, Hà Nội - Nxb APN, Mát-xcơ-va, 1988, tr. 229. Những câu trong ngoặc kép bài này, trừ những chỗ có chú thích, còn lại đều trích trong sách này.

TDCTM. Có lẽ không ai có thể phủ nhận được rằng kinh tế là nền tảng của xã hội, quan hệ kinh tế là mối quan hệ cơ bản nhất chi phối mọi hoạt động của con người. Nếu xa rời hoạt động kinh tế, xã hội chỉ còn là con số không. Muốn đổi mới xã hội, cần tìm đúng nhân tố chi phối toàn bộ đời sống xã hội. Đó trước hết là đổi mới cơ sở kinh tế. Nhưng TDCTM lại lảng tránh nội dung cơ bản đó, coi yếu tố mang tính chất phụ thuộc, phái sinh - *chính trị đối ngoại* - là hạt nhân đổi mới. Cách làm đó, đương nhiên, không đáp ứng được yêu cầu đổi mới xã hội. Lê-nin đã từng cho ta một mẫu mực về tư duy mới. Năm 1923, xuất phát từ tình hình kinh tế xã hội nước Nga xô viết lúc ấy, Lê-nin đã đưa ra lời tuyên bố nổi tiếng : "toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản" (2). Điều này xảy ra sau khi : 1) Lê-nin đã chuyển từ chính sách cộng sản thời chiến sang chính sách kinh tế mới ; 2) Lê-nin phát hiện phải tiến hành một cuộc cách mạng văn hóa thật sự để đưa nông dân vào hợp tác xã văn minh, thiết lập một nền kinh tế hợp tác trên cơ sở xã hội hóa và phân công lao động. Lê-nin cho rằng nền kinh tế hợp tác đó là "đồng nhất" với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, sự thay đổi nhận thức về chủ nghĩa xã hội, chủ yếu và trước hết là khơi nguồn từ đổi mới kinh tế. Hơn nữa, dù đổi mới gì đi nữa, Lê-nin không bao giờ xa rời các nguyên tắc cơ bản như đấu tranh giai cấp, chính quyền công nhân, đảng lãnh đạo...

Thực tiễn cho thấy, dấu cho có những biến đổi to lớn như thế nào, thế giới vẫn còn hai dạng, chế độ xã hội, hai hình thái ý thức cơ bản, hai hệ giá trị mang tính giai cấp căn bản khác nhau. Trong điều kiện đó khó mà chấp nhận được rằng có một giá trị toàn nhân loại được nhìn nhận siêu giai cấp ; rằng cần phải ưu tiên cho giá trị đó và đặt xuống hàng thứ yếu lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia, dân tộc ! Những người khởi xướng TDCTM thường trích dẫn kinh điển để bênh vực cho quan điểm của mình. Nhưng họ đã cố ý hoặc vô tình không đọc hết các bậc lý luận tiền bối.

Năm 1844, Ăng-ghe-n đã từng nói đến "vấn đề lợi ích chung của nhân loại" (3). Theo đó, giai cấp vô sản có sứ mệnh giải phóng toàn nhân loại. Nhưng 48 năm sau, chính Ăng-ghe-n đã sửa đổi luận điểm nói trên. Ông nói trong cuốn sách viết năm 1844, ông đã "nhấn mạnh nhiều vào ý kiến khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản không phải chỉ là một học thuyết của đảng của giai cấp công nhân, mà là một

lý luận có mục đích cuối cùng là giải phóng toàn thể xã hội, trong đó có cả các nhà tư bản, khỏi khuôn khổ chật hẹp của những quan hệ hiện tồn. Theo ý nghĩa trừu tượng thì điều ấy đúng, nhưng trong thực tiễn thì lại vô ích, thậm chí thường là có hại. Chừng nào mà các giai cấp có của không những còn chưa thấy được sự cần thiết phải được giải phóng mà lại còn đem hết sức mình để chống lại việc giai cấp công nhân tự giải phóng mình, thì chừng ấy giai cấp công nhân còn phải một mình chuẩn bị và tiến hành cuộc cách mạng xã hội" (4). Ăng-ghe-n còn nói tiếp: không thể có một thứ giá trị vượt lên trên mọi đối kháng và mọi đấu tranh giai cấp. Ông cho rằng những ai tuyên truyền cho quan điểm đó nếu không phải là ngây thơ, thì là kẻ thù nguy hiểm, những con chó sói đội lốt cừu.

Cũng chẳng thể viện dẫn Lê-nin để tổ điểm cho cái gọi là "ưu tiên giá trị toàn cầu". Đúng là năm 1899 Lê-nin có nói : "Xét theo giác độ những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác, thì lợi ích của sự phát triển xã hội cao hơn lợi ích của giai cấp vô sản" (5). Nhưng Lê-nin nói điều này trong điều kiện lịch sử và văn cảnh hoàn toàn khác. Ông đang nói về nhiệm vụ của giai cấp công nhân đấu tranh chống chế độ chuyên chế ở Nga. Lê-nin cho rằng "lợi ích của toàn bộ sự phát triển xã hội" là lật đổ chế độ chuyên chế. Như vậy, lợi ích của giai cấp công nhân lúc đó là thống nhất và nằm trong lợi ích của toàn xã hội. Ở đây không có mấy may cái gọi là "lợi ích toàn xã hội" tách rời lợi ích giai cấp. Hơn nữa, Lê-nin đặt "lợi ích của sự phát triển xã hội" trong điều kiện tiến hành đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội để xóa bỏ chế độ thống trị chuyên chế tư sản, từ đó mà giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội. Rõ ràng trên vấn đề này, Lê-nin không một chút mơ hồ.

Chưa hề có một giá trị toàn cầu được nhìn nhận siêu giai cấp. Thế giới hiện có những vấn đề toàn cầu phản ánh lợi ích chung toàn nhân loại. Nhưng những lợi ích chung ấy không nảy sinh từ một lập trường giai cấp trung gian nào. Mỗi lực lượng chính trị, mỗi quốc gia mang tính giai cấp đều có sự khác nhau cơ bản trong việc nhận thức và xử lý những vấn đề đó. Sự khác nhau ấy bắt nguồn từ trách nhiệm đối với nguyên nhân phát

(2) V.I. Lê-nin : *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t45, tr 428.

(3) C.Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, 1980, t1, tr189.

(4) Ph. Ăng-ghe-n : *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, Nxb Sử học, Hà nội, 1962, tr 24.

(5) V.I. Lê-nin : *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t4, tr278.

sinh các vấn đề toàn cầu, cũng như sự khác nhau về khả năng và hiệu quả giải quyết các vấn đề đó. Các cường quốc công nghiệp, nhất là các tổ hợp công nghiệp quân sự của họ, là những nơi chủ yếu gây ra nạn ô nhiễm môi sinh. Trong khi đó các nước chậm phát triển lại chịu hậu quả nặng nề nhất của những tai họa đó. Chiến tranh và hòa bình cũng vậy, chúng đều mang tính giai cấp rất gay gắt, mặc dù có nguy cơ hạt nhân.

Cuộc sống mỗi ngày dạy rằng sự xung đột lợi ích giai cấp vẫn là động lực chính của những diễn biến chủ yếu trên thế giới. Trong điều kiện đó, khó mà nói đến cái gọi là lợi ích toàn cầu tách rời lợi ích giai cấp, cái gọi là lợi ích toàn nhân loại thuần túy, "phi ý thức hệ". Lợi ích toàn cầu hiện nay chủ yếu và trước hết là lợi ích của hệ thống tư bản chủ nghĩa, nhất là các nước tư bản phát triển nhất. Các nước tư bản phát triển chỉ chiếm khoảng 15% số dân toàn thế giới nhưng nắm giữ trên 85% của cải toàn cầu. Cái gọi là ưu tiên giá trị toàn cầu, trong điều kiện hiện nay, có nghĩa là từ bỏ lợi ích giai cấp, lợi ích của chủ nghĩa xã hội, phục tùng lợi ích của chủ nghĩa tư bản, cuối cùng để cho chủ nghĩa xã hội hòa nhập vào chủ nghĩa tư bản. TDCTM tưởng rằng ưu tiên giá trị toàn cầu sẽ bảo toàn và mưu lợi cho mình. Nào ngờ, chính là nhờ được ưu tiên mà cái gọi là giá trị toàn cầu đó đã quật ngã và làm tàn lụi hệ giá trị vốn có của những người khởi xướng TDCTM. Họ tưởng bằng TDCTM có thể mở một chiến dịch tiến công sang phương Tây. Nhưng chính TDCTM đã làm cho họ biến đổi căn bản : đảng công sản không còn mang tính chất giai cấp công nhân nữa, mục tiêu chiến đấu của đảng không còn là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nữa, tập trung dân chủ không được coi là nguyên tắc xây dựng đảng nữa, vai trò của đảng không còn là lãnh đạo và tiên phong nữa. Những điều này được phản ánh đầy đủ trong Đại hội 28 ĐCS Liên xô và trong "Dự thảo Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân đạo" thông bố giữa năm 1991.

Cho nên, có thể nói TDCTM là biểu hiện mới của thuyết hội tụ, là chủ nghĩa giáo điều mới. Nó đã biến thuyết hội tụ từ không tưởng thành hiện thực. Chỉ khác nhau ở chỗ : trước đây thuyết hội tụ cho rằng chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, mỗi chế độ tự biến đổi rồi xích gần và hòa nhập vào nhau. Còn TDCTM thì tự mình thay đổi màu sắc để sáp nhập vào chủ nghĩa tư bản, trong khi chủ nghĩa tư bản giữ nguyên giá trị và thể chế của nó. Thực chất

của TDCTM là phủ nhận đấu tranh giai cấp, thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc và các phần tử chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội. Cái "công lớn" của TDCTM còn là ở chỗ : nó biến thành tựu cách mạng thành đất uơm phản cách mạng, biến chủ nghĩa xã hội từ hiện thực thành không tưởng, chỉ ít cũng trên mảnh đất Đông Âu và Liên xô trước đây. Nó làm tan rã hệ thống xã hội chủ nghĩa, giáng một đòn nặng nề vào phong trào cách mạng, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Cho nên, chẳng mấy ai ngạc nhiên khi thấy cựu tổng thống Liên xô M. Goóc-ba-tốp gần đây nhắc đi nhắc lại luận điểm mà ông cho là chính thống. Ông viết trên báo chí Mỹ và I-ta-li-a rằng chủ nghĩa xã hội đang còn - nhưng chỉ còn dưới dạng một lý tưởng - rằng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang hội tụ thành một xã hội hậu công nghiệp.

Thế giới khách quan luôn vận động, đòi hỏi tư duy của con người phải luôn đổi mới. Bảo thủ giáo điều, sớm muộn sẽ bị gạt khỏi tiến trình lịch sử. Nhưng đổi mới tư duy là để nắm bắt quy luật và nhận biết, cải tạo thế giới. TDCTM vốn cũng là một thử nghiệm về đổi mới tư duy. Lúc mới ra đời, nó cũng có ảnh hưởng tích cực nhất định. Nó đã thúc đẩy công cuộc đổi mới tư duy nói chung, gọi mở cho mọi người từ bỏ cách nghĩ duy ý chí, những luận điểm giáo điều, bảo thủ, lỗi thời. Nhưng do điểm xuất phát và mục tiêu sai lầm, nên TDCTM đã đi đến chỗ tự phủ định chính mình. Âu cũng là số phận tiền định đã dành cho một trào lưu tư tưởng không có tương lai. Tư duy mới đúng đắn chỉ có được một khi nó xuất phát từ điểm tựa đúng đắn, chứ không phải từ cái gọi là "giá trị toàn nhân loại". Điểm tựa đó chỉ có thể là những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đó là những vấn đề thế giới quan và phương pháp luận mà ngày nay chưa học thuyết nào vượt qua. Đương nhiên, không phải chỉ là những nguyên lý dưới dạng nguyên khai và trừu tượng, mà là được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn mỗi nước, được hóa thân vào điều kiện lịch sử cụ thể mỗi dân tộc. Xa rời tiền đề và nguyên tắc đó sẽ không có bất cứ tư duy mới nào. Theo tôi, con đường đúng đắn của tư duy mới chỉ có thể là : dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thực sự đổi mới tư duy về lý luận, về kinh tế, về chính trị, đổi mới chính sách kinh tế xã hội, đổi mới toàn diện. Đó cũng chính là con đường mà Đại hội VI của Đảng đã vạch ra, và được Đại hội VII của Đảng phát triển.

THẾ GIỚI SAU LIÊN XÔ SỤP ĐỔ

VŨ HIỀN

XÉT theo mọi góc cạnh về tương quan lực lượng, thế cân bằng của thế giới, vận mệnh của chủ nghĩa xã hội và tương lai phát triển của nhân loại, thì sự tan rã của Liên xô quả là một đảo lộn cực kỳ to lớn, tác động đến mọi mặt đời sống của thế giới hiện nay.

1 - Việc Liên xô tan rã đã làm thay đổi bản đồ chính trị thế giới, phá vỡ thế cân bằng, làm đảo lộn trật tự quốc tế.

Sự sụp đổ của một nhà nước chiếm 1/6 trái đất, trải rộng từ châu Âu sang châu Á, đã làm thay đổi hẳn bản đồ chính trị thế giới. Bức tranh toàn cảnh thế giới đã bị loạn sắc, mất sự ổn định. Thay vào đó là sự nổi bật của những mâu thuẫn mới, là ấnh khó xác định trong hầu hết các lĩnh vực đời sống quốc tế. Thế giới bị hẫng hụt, nảy sinh một khoảng trống chiến lược toàn cầu mà chưa ai lường hết hậu quả từ sự trống vắng đó. Thế giới sẽ đi về đâu ? Câu hỏi lớn đặt ra mà dẫu chưa thể trả lời thì các nước lớn nhỏ của thế giới đều phải tính đến việc hoạch định lại chiến lược, sách lược để thích nghi với hoàn cảnh mới.

Sự từ giả lịch sử của Liên xô cũng làm cho xung đột Đông - Tây chấm dứt, thế cân bằng cũ của thế giới bị phá vỡ, trật tự thế giới bị đảo lộn. Như mọi người đều biết, từ sau chiến tranh thế giới thứ 2, thế giới được xác lập một trật tự tương đối ổn định, phản ánh tương quan lực lượng giữa hai loại hình xã hội, hai lực lượng chủ yếu của thế giới là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Sau khi Đông Âu và Liên xô sụp đổ, thế giới rõ ràng không còn hai phe nữa. Vậy thế giới sắp tới sẽ được xếp đặt thế nào, phải chăng trật tự thế giới sẽ do Mỹ định đoạt ?

Đi sâu phân tích ấnh hình, chúng ta có thể thấy rõ. Trên thực tế, Mỹ dù hiện đang là một nước hùng mạnh nhất, nhưng cũng đang bị suy yếu về nhiều mặt. Về kinh tế, Mỹ đang ở trong trạng thái bị suy

thoái trầm trọng, kéo dài nhất trong thời kỳ sau chiến tranh. Năm 1991, tốc độ phát triển kinh tế của Mỹ dao động từ - 0,6% đến - 0,3%. Từ năm 1989, giá trị tổng sản phẩm quốc dân ấnh theo đầu người của Mỹ đã tụt xuống hàng thứ 6. Hiện nay, dự trữ vàng và đô la của Mỹ kém xa của Nhật và Đức cộng lại ; thâm hụt buôn bán của Mỹ ngày càng gia tăng. Mỹ từ là chủ nợ nay trở thành con nợ lớn nhất thế giới. Kinh tế nước Mỹ đang suy giảm, nợ chồng chất, xã hội có nhiều vấn đề nan giải. Một nước Mỹ được gọi là giàu có mà nay cứ 10 người Mỹ thì có một người phải sống nhờ vào suất cháo ấế bản, 34 triệu người không được hưởng một bảo trợ xã hội nào. Về quân sự, Mỹ từ vị trí có sức mạnh tuyệt đối sau chiến tranh thế giới thứ 2, tới những năm 70 đã phải chấp nhận ở thế cân bằng chiến lược so với Liên xô. Thắng lợi của Mỹ trong chiến tranh vùng Vịnh cũng chỉ là thắng lợi của một cuộc chiến tranh trên một địa bàn nhỏ, đối thủ không cân sức, lại phải có sự trợ lực mọi mặt của 28 nước khác.

Trong khi Mỹ có phần xuống sức như vậy thì Cộng đồng Tây Âu và Nhật bản đã vươn lên thành các đối thủ đáng gờm với Mỹ về kinh tế ; còn Trung quốc xã hội chủ nghĩa với hơn 1 tỷ dân lại đã và đang thực hiện có hiệu quả công cuộc cải cách. Đó là những yếu tố quan trọng trong cân cân lực lượng thế giới. Vì vậy, trong bối cảnh chung và tương quan lực lượng hiện nay, không thể có một cường quốc nào (ngay cả Mỹ) có sức mạnh áp đảo để trở thành một cực của thế giới. Bất kể thế lực nào hiện tại muốn thống trị thế giới cũng không tự vượt qua được những hạn chế của bản thân, không thể đè bẹp được ý chí độc lập tự chủ của hơn 180 nước đang tồn tại và phát triển. Thế giới sẽ dần hình thành một trật tự mới đa cực, với nhiều trung tâm quyền lực phụ thuộc lẫn nhau đấu tranh và hợp tác để cùng tồn tại.

2 - Sự sụp đổ của Liên xô gây khó khăn nghiêm trọng cho các nước xã hội chủ nghĩa và các nước thuộc thế giới thứ ba.

Từ nhiều thập kỷ qua Liên xô là chỗ dựa vững chắc nhất cho các nước xã hội chủ nghĩa. Sự giúp đỡ chí tình của nhân dân Liên xô đã trở thành một nhân tố bảo đảm cho sự phát triển của các nước này. Vậy nên sự đổ vỡ của Liên xô quả là tổn thất nặng nề nhất đối với chủ nghĩa xã hội.

Thiếu Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại có thể đứng vững được không ? Đó là câu hỏi bức xúc và đó là một thách thức. Nhiều học giả ở phương Tây đã vội hý hửng cho rằng : bốn đứa con mồ côi (chỉ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại) không chóng thì chầy cũng sẽ đi theo vết xe đổ của Đông Âu và Liên xô. Thực ra, có nhiều điều mà những người này đã không nhận thấy. Đó là : mỗi nước có những hoàn cảnh, những đặc điểm khác nhau. Có nước đã tiến hành công cuộc cải cách trước khi Liên xô thực hiện cải tổ và lại từng bước phát triển trong thế ổn định. Khó khăn sẽ vô vàn, nhưng các nước xã hội chủ nghĩa đã có bài học lớn qua sự sụp đổ ở Đông Âu và Liên xô. Đó là bài học giữ vững sự lãnh đạo của đảng cộng sản, đổi mới nó cho ngang tầm với nhiệm vụ, giữ gìn và tăng cường mối quan hệ máu thịt của nó với nhân dân. Đó là bài học tự chủ, bài học về bảo đảm ổn định xã hội. Từ những bài học thu lượm được, các nước sẽ tìm ra giải pháp hợp lý cho mình để kiên định tiến lên.

Sự sụp đổ của Liên xô cũng là thiệt thòi lớn đối với các nước đang phát triển. Trước đây, các nước này là đối tượng được cả hai phía (chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản) quan tâm. Khi không còn Liên xô nữa, tình hình ắt sẽ đổi khác. Thế giới thứ ba có thể ít được chú ý hơn, thậm chí có những khu vực sẽ bị bỏ rơi trong chính sách kinh tế đối ngoại của các nước tư bản. Hơn nữa, khó tránh khỏi một tình trạng là nhiều nước thuộc thế giới thứ ba sẽ phải đối đầu trực tiếp với chủ nghĩa tư bản ; sẽ bị chèn ép trong các quan hệ quốc tế và quan hệ đa phương, song phương ; sẽ bị phân hóa hơn nữa về kinh tế và bị sa vào những mâu thuẫn không thể giải quyết về sắc tộc, lãnh thổ ; sẽ bị cùng cực hơn nữa bởi nghèo đói, thiếu thốn và bệnh tật.

3- Sự tan rã Liên xô cũng gây xáo trộn lớn đối với chủ nghĩa tư bản thế giới.

Liên xô bị chia cắt thành nhiều nước làm cả châu Âu cũng bị tổn thương. Ngọn lửa chiến tranh sắc tộc ở Nam-tư chưa tắt hẳn, thì ở cửa ngõ châu Âu - các nước thuộc địa Liên xô trước đây, đang là nơi dễ bị kích nổ. Nền an ninh của châu Âu đang bị đe dọa nghiêm trọng. Phương Tây cũng đang đứng trước những thách thức mới và đang bị xáo trộn lớn do chấn động "sau Liên xô". Điều này thể hiện trên hai khía cạnh.

Một là, các nước tư bản chủ nghĩa phải điều chỉnh lại chiến lược chính trị - quân sự - kinh tế. Các nhà vạch chiến lược ở Mỹ, dưới những từ ngữ mềm dẻo là "xây dựng một công cụ hợp tác mới nhằm thích ứng với những thay đổi đang diễn ra ở châu Âu", đã đưa ra những phương án của chiến lược mới nhằm hướng thế giới theo khuôn khổ định trước của Mỹ. Mỹ muốn lấy châu Mỹ làm hậu phương để vươn tới 2 đại dương, vừa liên kết với Nhật bản để ngăn chặn kìm giữ châu Âu, vừa đi cùng Tây Âu kiềm chế xu hướng bành trướng kinh tế và quân phiệt hóa trở lại của Nhật bản. Nhật bản trong khi được rảnh tay không còn phải đối phó với "con gấu Bắc cực" (Liên xô trước đây), đã và đang tận dụng sức mạnh kinh tế - khoa học kỹ thuật để chiếm giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế chính trị thế giới. Cộng đồng châu Âu tuy không thuần nhất như Nhật bản và Mỹ, nhưng cũng là người không lơ về kinh tế, chính trị. Việc nhất thể hóa Tây Âu và tiếp đó là ý đồ biến cả châu Âu thành một đại liên bang, đang là mối lo ngại cho các đối thủ cạnh tranh là Nhật bản và Mỹ.

Hai là, mâu thuẫn giữa ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản và giữa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển sẽ gay gắt hơn trước do sự tranh giành nhau về thị trường Đông Âu và Liên xô trước đây, do nước nào cũng muốn lấp chỗ trống về quân sự, chính trị do Liên xô để lại. Khi đối trọng của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa là Liên xô không còn, những vấn đề nổi cộm nhất của các nước đó đã bùng lên. Giữa các nước phương Tây, chủ nghĩa lợi ích quốc gia được dịp phát triển, cơ sở của NATO và Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ trở nên lung lay. Các nước Tây Âu đang muốn dứt khỏi Mỹ để củng cố tiềm lực

quân sự chính trị riêng. Oa-sinh-ton và Tô-ky-ô muốn lập trục liên kết để thống trị thế giới, nhưng lại bất đồng về lợi ích kinh tế và bá quyền lãnh đạo. Ngay tại Tây Âu, nước Đức thống nhất với 80 triệu dân và sức mạnh kinh tế ngang với Pháp và Anh cộng lại, đang toan tính một nước cờ mới : trở thành trung tâm của Cộng đồng kinh tế châu Âu, thậm chí của cả châu Âu và toàn thế giới. Cùng với sự cạnh tranh quyết liệt để khẳng định vị trí của mình, các nước tư bản chủ nghĩa phát triển sẽ có những biến chuyển sâu sắc và giữa họ không tránh khỏi có sự thay đổi về lực lượng so sánh do quy luật phát triển không đều và do sự chi phối, tác động của nhiều yếu tố khác của thế giới đang biến đổi.

4 - Những vấn đề nổi cộm của Cộng đồng các quốc gia độc lập

Trên đồng đồ nát của Liên bang xô viết cũ đã hình thành một kết cấu mới giữa phần đông các nước cộng hòa : Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Với mục tiêu và tính chất phi tập trung hóa, SNG sẽ là một liên minh lỏng lẻo mà trong đó các quốc gia thành viên vừa có chung một không gian kinh tế - chiến lược, vừa có nét riêng trong việc tự do lựa chọn mô hình thích hợp cho mình. Nhưng vấn đề không đơn giản như vậy. Liên xô cũ không còn, nhưng các di chứng khủng hoảng trên miền đất này vẫn còn nguyên vẹn. Mặt khác, do Liên xô bị xé lẻ, nhiều vấn đề mới đặt ra đang chờ câu giải đáp : SNG tồn tại thế nào và phát triển ra sao ? Các nước trong và ngoài SNG sẽ đi về đâu ? Chưa ai có thể trả lời rõ ràng những câu hỏi đó. Nhưng đã có thể thấy SNG đang vấp phải những thách thức và những vấn đề nổi cộm sau :

Một là, nhu cầu và mục tiêu lập ra SNG là tạo điều kiện để hợp tác, cùng nhau bảo đảm lợi ích chung, nhưng mỗi thành viên của SNG lại đang theo đuổi những ý đồ riêng của mình. Nhiều nhà phân tích cho rằng việc thành lập SNG chỉ là một giải pháp đỡ dỗi tệ hơn so với việc cứ để cho Liên xô (trước đây) tan rã hẳn, không thể kiểm soát nổi. Thực tế cho thấy : ưu tiên cao nhất của các nước thành viên SNG hiện nay là thực hiện chủ quyền quốc gia, chứ không phải là hợp tác. Sự hợp tác thực sự giữa họ nếu có thì cũng chỉ có thể bắt đầu sau khi đã hoàn tất quá trình thực hiện chủ quyền quốc gia nói trên.

Hai là, các nước trong SNG có sự bất đồng về nguyên tắc trên nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn : Lực lượng vũ trang của Liên xô (trước đây) cần được xử lý ra sao ? Ai nắm và kiểm soát vũ khí hạt nhân ? Tài sản và lãnh thổ sẽ phân chia như thế nào ? SNG đóng vai trò gì đối với từng nước ? Giải quyết các điểm nóng xung đột sắc tộc hiện nay ra sao ? v.v..

Ba là, sự bất bình từ phía quần chúng nhân dân. Từ khi Liên xô bị khủng hoảng và tan rã, người dân ở đây đã và đang phải chịu những thảm cảnh nặng nề nhất. Đó là sự hỗn loạn về chính trị, sự xáo trộn và căng thẳng giữa các sắc tộc, sự tranh chấp về nhiều mặt giữa các nước thuộc Liên xô cũ ; là tình trạng siêu lạm phát, thất nghiệp gia tăng, hàng hóa, lương thực, thực phẩm ngày càng khan hiếm... Hiện nay, cuộc đấu tranh giữa các lực lượng chính trị xã hội trong từng nước cũng như giữa các nước thuộc Liên xô cũ vẫn tiếp diễn và chưa có tín hiệu gì mới sáng sủa để có thể yên tâm. Tuy nhiên, đã từng qua bao cơn thử thách, người dân xô viết trước sau sẽ tìm ra được câu trả lời đúng đắn cho mình.

*

Việt nam chúng ta đang trong quá trình đẩy mạnh đổi mới toàn bộ theo tinh thần Đại hội VII của Đảng. Cái hăng hụi ban đầu vì "phe ta" và Liên xô không còn đã và đang được khắc phục một cách có hiệu quả. Thiếu vắng Liên xô, đương nhiên chúng ta càng phải nỗ lực tìm cho được những chuẩn mực và cách đi mới. Độc lập, tự chủ và hợp tác - đó là linh hồn các chính sách mới của Đảng ta. Chúng ta mở cửa đón nhận sự hợp tác với phương châm "muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới". Đối với các nước thuộc Liên xô trước đây, những người bạn chân thành của Việt nam trong quá khứ, chúng ta hết sức thông cảm với những khó khăn các nước đó đang gặp, và sẵn sàng hợp tác với tất cả các nước đó. Chúng ta tin tưởng rằng, mối quan hệ hữu nghị hợp tác gắn bó giữa nhân dân ta với nhân dân các nước đó sẽ tiếp tục được tăng cường trong những điều kiện mới.



"THĂNG TRẦM QUYỀN LỰC"

Lời người biên tập : Alvin Toffler là nhà tương lai học người Mỹ, tác giả của một số cuốn sách nổi tiếng đã được giới thiệu trên báo chí nước ta và nhiều nước khác, như : "Cú sốc tương lai", "Làn sóng thứ ba"... Mới đây, năm 1990 ông lại cho ra đời tác phẩm mới : "Thăng trầm quyền lực". Cuốn "Thăng trầm quyền lực" đã được Nhà xuất bản Thông tin lý luận thuộc Ban khoa học xã hội Thành ủy TP Hồ Chí Minh dịch và xuất bản năm 1991. Cuốn sách dày 251 trang, gồm 3 phần : I - Định nghĩa về quyền lực ; II - Sinh hoạt trong nền kinh tế siêu tương trưng ; III - Chiến tranh thông tin. Không phải tất cả các vấn đề, các quan niệm mà Alvin Toffler nêu ra trong cuốn sách đều đúng cả, nhưng đây là một cách nhìn, một cách nghĩ có những căn cứ khoa học, gợi cho chúng ta những suy nghĩ mới. Dưới đây là tóm lược một số nội dung cơ bản của cuốn sách.

XÁC định nhiệm vụ và mục tiêu của cuốn sách, Alvin Toffler cho rằng : "...sự thật, những biến đổi quá mau lẹ của thế giới ngày nay, không có chút gì là hỗn loạn hay ngẫu nhiên. Trong tác phẩm này không chỉ phân tích các mô thức phát triển, mà còn làm sáng tỏ các nguyên nhân tạo nên các xu hướng ấy" (*). Và "việc dự đoán tương lai tiến triển như thế nào cho chính xác thật khó khăn. Vì cuộc đời vốn đầy rẫy những siêu thực bất ngờ... Thế nhưng, trước khi chúng ta tiến vào miền đất tương lai còn nhiều điều chưa biết này, nếu có trong tay một bản đồ, tuy nó không hoàn chỉnh mà chỉ là một mô hình thô thiển đơn giản, để dò dẫm từng bước và từng bước sửa đổi tu chỉnh thêm, thì vẫn hơn là không có gì trong tay". Và từ thế giới quan của mình, cùng những gì tích lũy được trong suốt 25 năm đi khắp đó đây gặp gỡ các chính khách lớn, tác giả đã cố gắng đạt được mục tiêu đề ra.

Xuất phát từ lập luận cho rằng tương lai của thế giới, của từng nước, v.v. hoàn toàn bị chi phối bởi sự biến đổi của quyền lực - quyền lực ấy sẽ hình

thành nên một trật tự mới, Alvin Toffler bắt đầu cuốn sách bằng việc xem xét nội dung và bản chất của quyền lực (phần I). Theo ông, quyền lực được cấu thành bởi ba yếu tố : *bạo lực*, *tiền của* và *tri thức*. Để đánh giá vai trò của từng yếu tố, tác giả đưa ra khái niệm *phẩm chất quyền lực*. Ông quan niệm bạo lực là sức mạnh có hiệu quả trực tiếp đáng sợ nhất, nhưng phản tác dụng của nó cũng quá lớn. Nhược điểm của bạo lực là bức hiếp mà thiếu tính co dãn. Do chỉ được dùng để trừng phạt nên bạo lực được xem là yếu tố quyền lực có "phẩm chất thấp". So với bạo lực thì tiền của có phẩm chất cao hơn. Với tiền của có thể "mua tiền" cũng được. Phương thức sử dụng tiền của đa dạng và co dãn hơn bạo lực. Tiền của được xem là quyền lực có "phẩm chất bậc trung". Yếu tố có phẩm chất quyền lực *cao nhất* là tri thức. Tri thức có khả năng chuyển hóa kẻ thù thành bạn. Tri thức là yếu tố

* Trong bài này, tất cả những trích dẫn đề trong ngoặc kép đều ở cuốn "Thăng trầm quyền lực"

quyền lực vô hạn, và trong tương lai, là cội nguồn quyền lực mang tính dân chủ hơn cả.

Trong phần II, khi xem xét sự vận động của các yếu tố cấu thành quyền lực và mối quan hệ giữa chúng, Alvin Toffler chỉ ra sự liên kết hữu cơ giữa các yếu tố đó. Ông cho rằng, trong lịch sử nhân loại, quyền lực đã có những biến đổi về chất, nếu như "các chủ nông nô và địa chủ phong kiến thời trước sống lại vào thời nay, chắc họ không thể nào tin được là chúng ta không cần phải dùng roi vọt đánh đập công nhân mà họ vẫn sản xuất nhiều thêm". Xuôi theo dòng lịch sử, ta lại chứng kiến: "Ba trăm năm qua, công cuộc đấu tranh của tất cả nền công nghiệp các quốc gia tiên tiến đều nhằm vào việc tranh đoạt công cuộc phân phối của cải". Và trong tương lai, người ta "sẽ càng ngày càng tập trung vào việc nắm được và khống chế quyền lực truyền bá tri thức".

Alvin Toffler đã cố gắng vạch ra "quỹ tích của quyền lực". Ông phân tích sự vận động của bạo lực từ hình thức thô thiển sang tính vi ẩn tàng trong pháp luật, về nền quỹ đạo chuyển hóa của đồng tiền, từ đồng tiền *hữu hình* chứa đựng giá trị cụ thể (như vàng, bạc) sang đồng tiền *tương trưng* (tiền giấy) rồi tới tiền tệ *điện tử* (card visa ứng dụng hoặc smart-card). Ông viết: "Một loạt những biến đổi, tựa hồ như thứ quá trình tôn giáo - từ chỗ tin tưởng rằng tiền tệ chỉ là vàng, bạc hay đồng, có thể sờ mó được, đến chỗ tín hiệu điện tử không còn là cảm giác thực tế nữa" và "của cải của chúng ta đều mang tính tượng trưng, và còn khiến mọi người kinh sợ là tính tượng trưng ấy đem lại một thực chất quyền lực".

Khi đề cập đến "tri thức", Alvin Toffler đã phân tích vai trò của nó trong tương lai, đặc biệt đối với tiền vốn (tư bản). Ông dẫn lời nhà doanh nghiệp Vittorio Merloni, chủ tịch Tổng hội công thương I-ta-li-a: "Nền kinh tế I-ta-li-a tiến triển là vì chúng tôi nhất trí làm giảm bớt nhu cầu của tư bản, điều ấy chứng tỏ một quốc gia nghèo nàn áp dụng

phương pháp "tư bản đồng dạng" thì có thể cải thiện được nền kinh tế". Theo Toffler, tri thức đã biến thành nguồn tư liệu quan trọng cho xí nghiệp, vì nó là sản phẩm thay thế cuối cùng và có tính vô hạn. Trong kinh tế, bất cứ sự sản xuất và lợi nhuận nào cũng đều dựa vào ba nhân tố quyền lực: bạo lực, tiền của và tri thức. Bạo lực đã dần dần ẩn tàng trong pháp luật, tiền của thì bị biến đổi trong phạm vi tri thức. Khi tư bản, tiền tệ và hoạt động đều biến đổi theo cùng một hướng, thì toàn bộ cơ sở kinh tế phải được đổi mới. Và như vậy, thế giới sẽ từ từ thoát hải khỏi nền "công nghiệp ống khói", tiến đến mô hình kinh tế *tương lai* - nền kinh tế *siêu tượng trưng*.

Alvin Toffler đã dành gần nửa cuốn sách để viết về "Chiến tranh thông tin" (phần III). Trong đó ông dùng những dẫn chứng cụ thể để minh họa và phân tích sự chuyển biến quyền lực dưới tác động của sự phát triển khoa học kỹ thuật, đồng thời chỉ ra vai trò và giá trị của thông tin. Thông tin làm tuôn trào những khoa học kỹ thuật mới, và sẽ làm biến đổi tất cả hệ thống sản xuất và phân phối. Do sự bùng nổ thông tin, nên *một mặt*, kinh tế tương lai sẽ mang tính chất thế giới, và *mặt khác*, quyền lực tư nhân tiềm ẩn trong nền kinh tế siêu tượng trưng cũng là vấn đề khiến người ta phải xét đến, bởi sự phức tạp và đa dạng ngày càng tăng trong nền kinh tế đó. Sự bùng nổ thông tin dẫn đến "chiến tranh thông tin" dưới nhiều dạng thức, và nó cần có những luật lệ mới.

Alvin Toffler dành 20 trang cuối cho việc phân tích khả năng và cơ hội của các nước chậm phát triển. Ông đặc biệt lưu ý phân tích "vị trí chiến lược", "tài nguyên" và "ưu thế nhân công rẻ" - và ông báo trước: nếu không nhanh chóng lợi dụng những chỗ mạnh đó để phát triển, thì trong tương lai, những thế mạnh ấy không còn mạnh nữa.

VỖ THỦ PHƯƠNG
lược thuật

Hoàn nghênh bạn đọc phê bình tạp chí

NHÀ MÁY THUỐC LÁ

BẾN THÀNH



Địa chỉ :
11/121 Đường 26/3
Phường 17 Gò Vấp
- TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại :
941072
941073
943409

Đồng chí Đỗ Mười - Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt Nam thăm cánh đồng thuốc lá Sợi vàng ở huyện Củ Chi do Nhà máy thuốc lá Bến Thành đầu tư.



Các sản phẩm chính
CRAVEN "A"
FINE
INTERSHOP Sài Gòn
SÀI GÒN (bao cứng)

Liên doanh với các
công ty.
ROTHMANS.
SINGAPORE
SEITA (Cộng hòa Pháp)

Giám đốc NGÔ THANH AN

NHÀ MÁY LIÊN DOANH

THUỐC TRỪ SÂU

TIỀN GIANG



Địa chỉ : Cây số 1970 -
Quốc lộ 1 xã Long A
huyện Châu Thành,
tỉnh Tiền Giang

ĐT : 72700 - 72676 -
72566 - 93555

Telex : 812130 PP TIGI VT

Fax : 84.73.72676 PP TIGI

* Thành lập tháng 4/1989 và
trang thiết bị, dây chuyền
hiện đại do công ty CIBA
GEIGY (Thụy Sĩ) cung cấp
liên doanh với cục trồng
trọt và bảo vệ thực vật

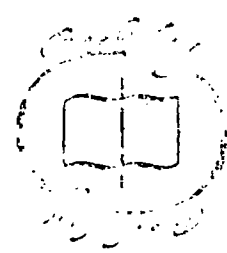
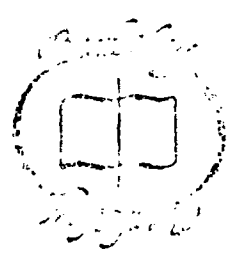
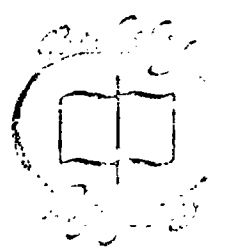
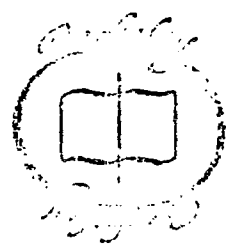
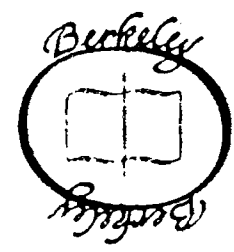
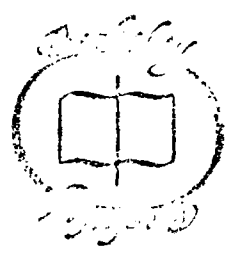
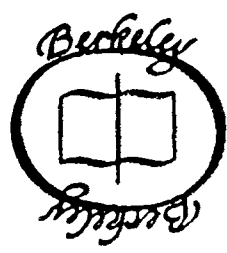
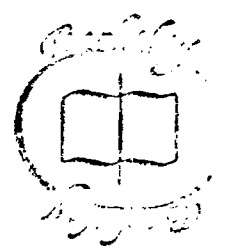
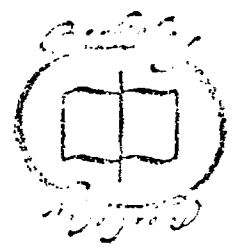
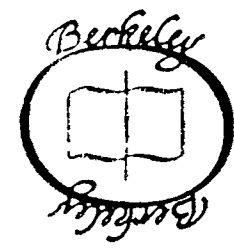
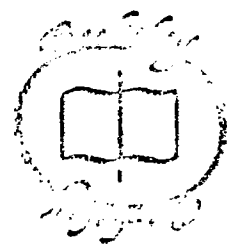
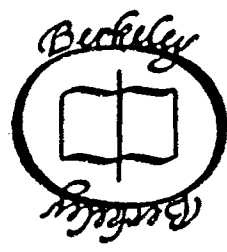
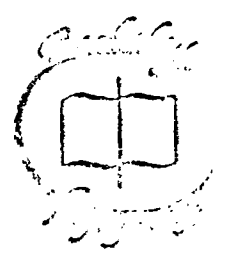
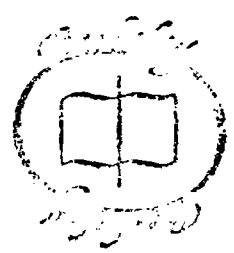
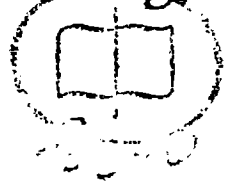
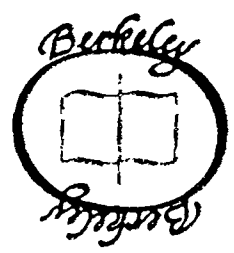
* Liên doanh gồm :

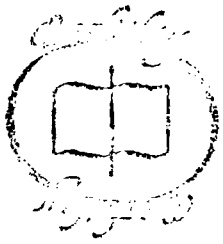
- Chi cục BVTV Tiền Giang
- Cục trồng trọt - BVTV (Bộ
Nông nghiệp và Công
nghiệp thực phẩm)
- Công ty CIBA-GEIGY (Thụy
Sĩ)

* Gia công sang chai các mặt
hàng nông dược phục vụ sản
xuất nông nghiệp Basudin
50ND, AZORin 50DD,
DIMERON 100 SCW, SOFIT
300 ND, ngoài ra còn có
BaSSa 50 ND, DECIS 5 ND,
VALIDACIN 3 DD ... được
nông dân đánh giá cao, hiệu
quả tốt, công suất 20.000
đến 30.000 chai/ngày.

* Nhận hợp đồng mua bán các
loại nông dược với các cơ
quan, đơn vị hoặc tư nhân
trong và ngoài nước.

* Nhận hợp đồng gia công,
sang chai các loại thuốc trừ
sâu bệnh, cỏ dại.





0049929486

